

Kinh Đại Bát Niết Bàn

TRỰC CHỈ ĐỀ Cương



HT Từ Thông

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org/>

Chuyển sang ebook 30-07-2016

Người thực hiện :

thienduongdinh9@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

TIÊU DẪN

PHẨM TỰA

PHẨM THỨ HAI - THUẦN ĐÀ

PHẨM THỨ BA - AI THÁN

PHẨM THỨ TƯ - TRƯỜNG THỌ

PHẨM THỨ NĂM - KIM CANG THÂN

PHẨM THỨ SÁU - DANH TỰ CÔNG ĐỨC

PHẨM THỨ BẢY - TỬ TƯỚNG

PHẨM THỨ TÁM - TỬ Y

PHẨM THỨ CHÍN - TÀ CHÁNH

PHẨM THỨ MƯỜI - TỬ THÁNH ĐẾ

PHẨM THỨ MƯỜI MỘT - TƯ ĐẢO
PHẨM THỨ MƯỜI HAI - NHƯ LAI TÁNH
PHẨM THỨ MƯỜI BA - VĂN TỰ
PHẨM THỨ MƯỜI BỐN - ĐIỀU DỤ
PHẨM THỨ MƯỜI LĂM - NGUYỆT DỤ
PHẨM THỨ MƯỜI SÁU - BỒ TÁT
PHẨM THỨ MƯỜI BẢY - ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN
PHẨM THỨ MƯỜI TÁM - HIỆN BỆNH
PHẨM THỨ MƯỜI CHÍN - THÁNH HẠNH
PHẨM THỨ HAI MƯƠI - PHẠM HẠNH
PHẨM THỨ HAI MƯƠI - PHẠM HẠNH
PHẨM THỨ HAI MƯƠI - PHẠM HẠNH
PHẨM THỨ HAI MƯƠI - PHẠM HẠNH
PHẨM THỨ HAI MƯƠI MỐT - ANH NHI HẠNH
PHẨM THỨ HAI MƯƠI HAI - QUANG MINH BIÊN CHIẾU CAO QUÝ
ĐỨC VƯƠNG BỒ TÁT
PHẨM THỨ HAI MƯƠI HAI - QUANG MINH BIÊN CHIẾU CAO QUÝ
ĐỨC VƯƠNG BỒ TÁT
PHẨM THỨ HAI MƯƠI HAI - QUANG MINH BIÊN CHIẾU CAO QUÝ
ĐỨC VƯƠNG BỒ TÁT
PHẨM THỨ HAI MƯƠI HAI - QUANG MINH BIÊN CHIẾU CAO QUÝ
ĐỨC VƯƠNG BỒ TÁT
PHẨM THỨ HAI MƯƠI BA - SƯ TỬ HỒNG BỒ TÁT

--o0o---

Từ phẩm I đến phẩm XXIII

TIÊU DẪN

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN là một thuật ngữ, Phạn ngữ gọi MA HA BÁT NIẾT BÀN NA (Mahaparinirvana). Các nhà Phật học tiền bối dịch có nhiều nghĩa:

Đại nhập diệt tức

Đại diệt độ

Đại viên tịch nhập

Từ ngữ để diễn đạt về MA HA BÁT NIẾT BÀN NA thì có khác như thế, nhưng ý nghĩa thì không có gì chống trái mà cùng gặp nhau ở điểm:

Niết bàn là cảnh giới sở chứng ở nội tâm của con người dứt hết phiền não, dứt hết sinh tử, viễn ly các tướng, viễn ly các hành, an trú tâm thanh tịnh, vắng lặng và vắng lặng một cách trọn vẹn, tận cùng trọn vẹn. ĐẠI NHẬP DIỆT TỨC hay DIỆT ĐỘ, chúng ta có thể khái niệm nhận thức như thế, thiết tưởng tạm đủ mà không cần thiết sử dụng ngôn ngữ quá dài dòng.

ĐẠI VIÊN TỊCH NHẬP có nghĩa: NIẾT BÀN là cảnh giới sở nhập của con người tu hành hằng sống. Con người có Niết bàn, "nhập" được Niết bàn, nhìn dáng vẻ và nếp sống bên ngoài thì ai cũng tưởng họ là một người bình thường như những người bình thường khác. Sự thực, đời sống của con người được ĐẠI VIÊN TỊCH này, vô lượng công đức lành họ đều thành tựu viên mãn. Thân, khẩu, ý, nghiệp của họ hoàn toàn thánh thiện, không có biểu hiện sai trái lỗi lầm. Đó là ý nghĩa của chữ VIÊN. Người bình thường, luôn sống trong ưu tư sầu muộn, phiền não nung nấu, sôi sục trào dâng, đau khổ suốt tháng quanh năm không có được một phút giây an ổn. Trái lại, người nhập NIẾT BÀN là người luôn luôn an trú trong vắng lặng, trong an ổn thanh thoi, không một niệm khổ tâm hay một gợn phiền não dấy động trong CHƠN TÂM THƯỜNG TRÚ vốn thanh tịnh, vốn tịch diệt viên mãn của chính mình.

Nói tóm lại, vô lượng công đức lành nào cũng viên mãn. Vô lượng phiền não ưu bi nào cũng vắng lặng. Đó là ý nghĩa của ĐẠI VIÊN TỊCH NHẬP.

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN NA là một, nhưng kinh nói về ĐẠI BÁT NIẾT BÀN NA thì tên gọi có nhiều:

Đời Bắc Lương, Pháp sư Đàm Vô Sấm dịch, nhan đề ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH, 41 quyển.

Đời Tấn, Pháp Sư Pháp Hiền dịch, nhan đề: PHẬT NÊ HOÀN KINH, 2 quyển.

Đời Đường, Pháp Sư Nhã Na Bạt Đà La dịch, nhan đề: ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH HẬU PHẦN, 2 quyển

Đời Tùy, Pháp Sư Quán Đảnh dịch, nhan đề: ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH SỐ, 33 quyển...

Còn nhiều nữa nhưng ở đây xin lược để tránh phiền, vì những cái không quan trọng, không cần thiết cho một hành giả.

Đọc, học kinh Niết Bàn và tu tập theo kinh Niết bàn hành giả sẽ nhận thức rõ, Niết bàn của Đạo Phật là cảnh giới có thật, không phải là một "thế giới do tưởng tượng", do gởi gắm tâm hồn mình nơi một "cõi nước" nào đó, hoặc gần hoặc xa. Đó là điều khó thứ nhất.

Đọc, học kinh Niết Bàn cần có sự đầu tư nhiều về tư duy, bồi dưỡng phát huy trí tuệ, thường củng cố định tâm, tinh tấn vận dụng quán chiếu trong cuộc sống bình nhật. Đó là nhân tố, là điều kiện để thấy Niết bàn và nhập Niết bàn. Đó là cái khó thứ hai.

Đọc, học và chứng nhập Niết Bàn, nhìn hiện tượng vạn pháp, nhận thức vũ trụ nhân sinh không còn giống như cái nhìn, cái nhận thức của chính họ ở thời gian trước đó. Giáo lý mà Phật dạy cho họ thời gian trước, họ thấy không phải mà còn ngược lại hoàn toàn. Đó là cái khó thứ ba.

Đọc, học và chứng nhập Niết Bàn, hành giả sẽ sáng tỏ đôi mắt, rửa sạch được bụi bặm rớt trong đôi mắt từ bấy lâu nay. Hành giả biết rõ Phật thường trụ, Pháp thường trụ, Tăng thường trụ. Phật không phải chết như Đức Thích Ca đã từng chết ở rừng Ta La song thọ như mọi người vẫn thường nghĩ. Đó là cái khó thứ tư.

Đọc, học kinh Niết Bàn, người đệ tử Phật phải học, hiểu về PHÁP THÂN PHẬT. Trụ chấp ÚNG HÓA THÂN PHẬT, thì không nên nghe, đọc, học kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN. Vì có học cũng không hiểu. Hiểu sai lạc sanh tâm bất mãn bất bình thì lại mắc cái tội phỉ báng chánh pháp Đại thừa, thiệt thòi, lỗ lã hơn nhiều. Đó là cái khó thứ năm.

Đọc, học kinh Niết Bàn và nhập Niết bàn, hành giả thấy rõ tất cả mọi người đều có khả năng thành Phật, mọi người sẽ được thành Phật. Kể cả những người mà người đời cho là bất nhân thất đức, tạo nhiều tội ác nặng nề. Đó là cái khó thứ sáu.

Đọc, học kinh Niết Bàn có những cái khó như thế, người đọc, học, nghe kinh Niết bàn cần kiên trì, nhẫn nại, phấn đấu tư duy, nhận thức để vượt qua !

Tôi soạn bộ kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN này, dựa trên bản dịch của Hòa Thượng GIÁO THỌ SƯ của tôi, Thượng TRÍ hạ TỊNH, vị ân sư đã đào tạo, uốn nắn, dạy dỗ tôi từ hơn 50 năm trước. Bản dịch của Hòa Thượng được tái bản nhiều lần, lưu truyền khắp nước Việt Nam. Các tông lâm tự viện đều có tôn thờ và thọ trì đọc tụng. Lần tái bản năm 1991 do Thành hội Phật Giáo Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản, có lẽ là lần tái bản gần đây nhất.

Soạn bộ kinh này tôi lấy tên ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG. Nó được xem là một giáo tài hay một giáo án để tôi triển khai cho những hàng hậu học đang học các lớp CAO ĐẲNG NỘI MINH, cho những ai có chí hướng thượng Đại Thừa và các Phật tử tại gia có cùng chí hướng.

Ý nguyện, thiện chí của tôi là như thế, nhưng cho đến bây giờ, việc làm này tôi hứa với lòng và gởi đến những ai được đọc bộ giáo tài này, rằng: tôi làm đến đâu, biết đến đó. Có hoàn thành trọn bộ và như ý hay không, tôi xin khất, không dám hứa.

Hiện nay, mùa thu năm Canh Thìn, tháng 9 năm 2000, tuổi đời của tôi đã vượt quá "Cổ lai hy". Đó là cái lý do tôi không dám hứa và cũng là lý do để tôi xin được các bậc cao minh lượng tình xá cho những gì sơ suất nếu có trong tác phẩm này.

Để kết thúc lời tiểu dẫn, chúng ta cùng ôn lại nguồn tư tưởng trác tuyệt Đại thừa của bậc long tượng tiền bối.

"Thân tại hải trung hưu mịch thủy,

Nhật hành lãnh thượng mạc tầm sơn"

Dịch nghĩa:

"Lôi trong nước chớ ngậy thơ tìm nước

Đi trên non đừng phí sức tìm non"

Viết tại Thao Hối Am

Mùa thu, năm Canh Thìn, tháng 9 năm 2000

Phật lịch 2544

Thích Từ Thông Hòa Thượng

---o0o---

PHẨM TỰA

Ông A Nan thuật:

Một hôm nọ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trụ ở rừng Ta La song thọ, cùng với số chúng Đại Tỳ kheo đông hằng trăm ức người.

Bấy giờ nhằm ngày rằm tháng hai, Đức Phật phổ cáo trước Đại chúng rằng: Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là chỗ nương tựa an ổn cho chúng sanh. Như Lai có lòng từ lớn, xem tất cả chúng sanh như La Hầu La. Hôm nay, Như Lai sắp nhập Đại Niết bàn, trong Đại chúng còn có điều gì nghi ngờ chưa rõ thì nên thưa hỏi. Đây là khoảng thời gian còn lại cuối cùng, giờ phút nhập Đại Niết bàn của Như Lai không còn lâu.

Lời tuyên bố của Đức Phật đã loan truyền nhanh chóng khắp cả trời người. Do sức thần, ánh sáng của Phật soi chiếu khắp các cõi lục phàm, tứ thánh. Tất cả thế giới chư Phật trong mười phương đều được tiếp xúc với ánh sáng và chứng biết là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni sắp nhập Đại Niết Bàn. Tất cả có cùng một tâm trạng bàng hoàng, xúc động, tiếc thương.

Thế gian trống rỗng !

Thế gian trống rỗng !

Mặt trời sắp tắt !

Thế gian không còn ánh sáng !

Hàng người trời tự nhủ: Chúng ta nén cơn xúc động, mau đến thành Câu Thi Na, rừng Ta La Song Thọ, đánh lễ cầu xin Đức Phật trụ thế thêm một thời gian..

Hàng hàng lớp lớp người, cùng tâm trạng kính quý và tiếc thương, sắm sửa lễ vật trân tu thượng vị, tốt đẹp báu màu, đem đến chỗ Phật, thành tâm đánh lễ dưới chân Phật, tác bạch cúng dường Phật và chúng tăng. Ai ai cũng mong Phật thọ nhận phẩm vật cúng dường của mình, trước giờ Như Lai nhập Đại Niết bàn.

Đoàn một, Đại Tỳ kheo Tăng, Đại Tỳ kheo Tăng tính trên trăm vạn người, đều là bậc Vô lậu A La Hán. Đứng đầu là Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên, Tôn giả Bạc Câu La...Đây là những bậc A La Hón trồng sâu gốc rễ Đại thừa, thành tựu Không tuệ. Các ngài đến cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiều trăm ngàn vòng, rồi chấp tay cung kính ngồi qua một bên.

Đoàn hai, Tỳ kheo Ni. Đoàn Tỳ kheo Ni sáu trăm ức người đều là bậc Đại A La Hán. Đứng đầu là Thiện Hiền Tỳ kheo Ni, Ưu Bà Nan Đà Tỳ kheo Ni.v.v...Họ là những bậc điều phục các căn thanh tịnh, có oai đức lớn, thành tựu Không tuệ, nội bí Bồ tát, ngoại hiện Thanh văn tướng. Tất cả đều cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiều trăm ngàn vòng, cung kính chấp tay ngồi qua một phía.

Đoàn ba, Đại Bồ tát. Thành viên đoàn Đại Bồ tát đông một hằng sa. Địa vị các Ngài ở vào Thập địa, thường an trú hạnh Không tịch của Đại thừa, giữ gìn bảo hộ và phát triển Đại thừa. Đứng đầu là Hải Đức Bồ tát, Vô Tận Ý Bồ tát.v.v..Chư Bồ tát đồng đến chỗ Phật cúi đầu đánh lễ, vãn an, nhiều Phật trăm ngàn vòng, rồi cung kính lui ngồi qua một phía.

Đoàn bốn, Ưu Bà tắc. Thành viên của đoàn đông hai hằng sa. Họ là những vị toàn phần Ưu bà tắc, thọ trì ngũ giới không sút mẻ, đầy đủ oai nghi, kiến giải sâu rộng. Thường tư duy quán chiếu chánh pháp, thâm nhập Đại thừa.

Đứng đầu là Oai Đức Ưu Bà tặc, Thiện Đức Ưu Bà tặc v.v...Nghĩ đến việc trà tỳ nhục thân của đức Phật, họ sắm sửa nhiều thứ: các thứ gỗ thơm, hương hoa, tàng lọng, xe cộ mỗi mỗi trần thiết cực kỳ đẹp đẽ sang trọng. Họ cũng sắm nhiều đồ ăn thức uống thượng vị hầu cúng dường Phật và chúng Tăng. Đến chỗ Phật cùng nhau một lòng thành kính tác bạch cúng dường. Chưa phải thời đức Như Lai không hứa nhận. Các vị buồn bã, chấp tay cung kính, lui ngòi qua một phía.

Đoàn năm, Ưu Bà Di. Thành viên của đoàn, ba hằng sa người. Họ là những người nữ thọ trì toàn phần ngũ giới, oai nghi đầy đủ, siêng tu chánh pháp. Đứng đầu gương mẫu có tám vạn bốn ngàn người như Thọ Đức Ưu Bà Di, Đức Mãn Ưu Bà Di v.v...Chúng Ưu Bà Di này thường quán chiếu tự thân, nhận thức được tánh chất tạm bợ mong manh và bất tịnh của tự thân. Sâu sắc chứng ngộ chân lý vô thường, vô ngã, bất tịnh và khổ của cuộc sống. Họ có quyết tâm viên ly trần cấu, cầu chứng đắc Vô thượng Bồ đề. Nay các bà sắm sửa rất nhiều phẩm vật, đồ ăn thức uống thượng vị đem dâng cúng Phật và chúng tăng. Đến chỗ Phật đồng kính lễ dưới chân Phật, tác bạch cúng dường. Chưa phải thời, Như Lai không hứa nhận. Tất cả buồn bã, chấp tay cung kính nhiễu Phật trăm ngàn vòng rồi lui ngòi qua một phía.

Đoàn sáu, Dòng Ly Xa. Thành Tỳ Ly và quyền thuộc, các Quốc vương lân cận, quần thần và quyền thuộc. Thành viên các đoàn này đông không kể xiết, họ là những người hộ trì chánh pháp Đại thừa và kính mộ Đại thừa. Đứng đầu trong nhóm Ly Xa Tử là Tịnh Vô Cấu Ly Xa Tử, Tịnh Bất Phóng Dật Ly Xa Tử v.v....

Các Quốc vương và nhóm dòng Ly Xa, vì muốn cúng dường cho dịp lễ trà tỳ nhục thân của đức Phật, họ sắm sửa nhiều thứ gỗ thơm, dầu thơm, hoa đẹp, tràng phan, lọng báu, lụa là, vải vóc, trang hoàng nhiều thớt xe voi, xe tứ mã lộng lẫy cực kỳ. Họ chở trên xe các thức ăn, nước uống tinh khiết, thượng vị đem đến chỗ Phật và tăng chúng. Chưa phải thời, đức Phật không hứa nhận. Mọi người buồn bã, lui ngòi một phía. Nhờ sức thần Phật, bỗng nhiên mọi người bay lên cao, cách đất bảy cây Ta La, ai nấy im lặng mà trụ giữa hư không.

Đoàn bảy, Đại thần và Trưởng giả. Thành phần Đại thần, Trưởng giả đông không kể xiết. Đây là những người ham mộ Đại thừa, họ dẹp bỏ những tà giáo dị học, đứng đầu là Nhật Quang Trưởng giả, Hộ pháp Trưởng giả v.v... Họ sắm sửa vô số lễ vật, trân tu thượng vị để dâng cúng Phật và chúng tăng. Đến chỗ Phật, tác bạch cúng dường. Chưa phải thời, đức Phật không hứa nhận. Mọi người đều buồn bã. Do nhờ sức thần Phật họ bay lên cao cách bảy cây Ta La. Tất cả đều lẳng lạng mà trụ giữa hư không.

Đoàn tám, Thiên nữ. Thành viên Thiên nữ số đông cũng không sao kể xiết. Đứng đầu là Tứ Thiên Vương Thiên nữ. Vô số Long vương. Đứng đầu là Bạc Nan Đà Long vương. Vô số Dạ Xoa vương. Vô số Càn Thát Bà vương. Vô số Khẩn Na La vương. Mỗi mỗi đoàn đều có Thượng thủ lãnh đạo. Họ sắm sửa lễ vật nhiều vô số đem nhau đến chỗ Phật cung kính tác bạch cúng dường. Chưa phải thời, đức Phật không hứa nhận. Tất cả buồn bã, chấp tay cung kính lui ngòi qua một phía.

Đoàn chín, Thiên tử và Thiên vương. Thiên tử và Thiên vương số thành viên đông không kể xiết. Đứng đầu là Tứ Thiên vương. Tháp tùng đoàn Thiên tử, Thiên vương còn có vô số Long vương..... vô số Càn Thát Bà vương, A Tu La vương.... Ca Lô La vương... với hàng thượng thủ của các đoàn. Tất cả có cùng một nguyện vọng, dâng cúng Phật một bữa ăn trước khi đức Phật nhập Đại Niết bàn. Họ sắm sửa toàn những thức ăn, thức uống tối hảo thượng vị đem đến rừng Ta La song thọ, cung kính nhiều Phật trăm ngàn vòng, rồi tác bạch cúng dường lên Phật và toàn thể chúng tăng. Chưa phải thời, đức Phật không hứa nhận. Mọi người không toại nguyện, buồn bã, lui ngòi qua một phía cung kính chấp tay.

Đoàn mười, Vô Biên Thân Bồ Tát từ thế giới Ý Lạc Mỹ Âm ở phương Đông. Đây là đoàn đại biểu Phật giáo quốc tế hải ngoại. Các Bồ tát này phải di chuyển một lộ trình xa xôi: cách đây vô lượng, vô số A tăng kỳ hằng hà sa vi trần thế giới (đại khái là: tí tí năm ánh sáng cũng chưa sánh được với đường xa của con số nói trên). Đó là thế giới của đức Hư Không Đẳng Như Lai.

Hư Không Đẳng Như Lai biết đức Phật Thích Ca Mâu Ni sắp nhập Niết bàn bèn sai đệ tử thượng túc của mình đến Ta Bà thế giới phương Tây cúng

dường lễ bái Phật Thích Ca. Vô Biên Thân Bồ tát cũng như đoàn Bồ tát tùy tùng, còn có điều chi chưa thỏa mãn trên đường tu học Bồ tát đạo hơn cơ hội này thưa hỏi, đức Phật Thích Ca sẽ giải thích cho. Các Bồ tát lãnh ý chỉ ra đi....

Các thế giới đoàn Bồ tát đi qua cũng như thế giới Ta Bà đoàn Bồ tát sắp đến bỗng nhiên rực rỡ hào quang. Núi sông, đất liền, cỏ cây, hoa lá đều chuyển thành màu sắc tươi mát đẹp đẽ chưa từng có. Duy có hàng trời người tự thấy mình như mất hết uy đức và hào quang.

Đại chúng có số giao động và run sợ. Biết rõ tâm niệm ấy, Bồ tát Đại Trí Văn Thù trấn an: Đại chúng đừng lo sợ, đây là điềm báo trước đoàn Bồ tát ở thế giới Ý Lạc Mỹ Âm, đứng đầu Bồ tát Vô Biên Thân sắp đến thế giới Ta Bà này để ra mắt Như Lai và cúng dường trước khi Thích Ca Mâu Ni ĐÀI BÁT NIẾT BÀN.

Đến trước Phật, đoàn Bồ tát hải ngoại bạch với Như Lai, nói lời vấn an thăm hỏi Thích Ca Mâu Ni Như Lai. Bấy giờ Vô Biên Thân Bồ tát dâng phẩm vật cúng dường. Chưa phải thời, đức Phật không hứa nhận. Các Bồ tát cung kính ngòai sang một phía.

Toàn thể hải hội do sức thần Phật, đại chúng đồng xem thấy thế giới chư Phật ở phương Nam, phương Tây và phương Bắc. Lại thấy thế giới chư Phật ở Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc và Tây Bắc. Thế giới chư Phật ở thượng phương và hạ phương. Mười phương thế giới hợp thành một thế giới. Mỗi thế giới chư Phật có một Vô Biên Thân Bồ tát làm thượng thủ. Lần lượt các đoàn Bồ tát đến rừng Ta La Song Thọ cúi đầu làm lễ ra mắt, vấn an Như Lai, dâng phẩm vật, tác bạch cúng dường Phật và đại chúng. Chưa phải thời, đức Như Lai không hứa nhận. Liệt vị Bồ tát cung kính ngòai qua một phía.

Bấy giờ từ điện Phật phát ra ánh sáng (hào quang theo nghĩa quen gọi). Giây phút ánh sáng lại thu vào miệng Phật. Nhiều người cùng cho đó là điềm Như Lai Thế Tôn sắp nhập Niết bàn, tiếng sùi sụt, tiếng than khóc thì thào: Khổ thay ! Đau thương thay ! Sao đức Thế Tôn rời bỏ bốn tâm vô lượng, không nhận sự cúng dường của trời người ! Ôi ! Mặt trời tuệ từ đây tắt mất. Thuyền chánh pháp nay lại sắp chìm. Thế gian trống rỗng ! Khổ thay ! Khổ thay !

TRỰC CHỈ

* NHƯ LAI ĐẠI NIẾT BÀN, một sự kiện tối quan trọng về mặt tư tưởng và giáo lý của đạo Phật.

PHẬT THÍCH CA MÂU NI nhập ĐẠI NIẾT BÀN, không ai được hiểu ý nghĩa đó một cách đơn giản giống như là: "Đức Phật Thích Ca chết".

Cái từ NHƯ LAI ở vào thời điểm sắp nhập Đại Niết Bàn này, không được hiểu qua hình tướng một ông Phật có đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, động, tĩnh như mọi người bình thường nghĩ, mà phải hiểu là: NHƯ LAI PHÁP THÂN. Kinh Kim Cang Bát Nhã định nghĩa: "Nhu Lai giả, vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ", NHƯ LAI là bản thể CHÂN NHƯ của vạn pháp, NHƯ LAI hiện hữu không có mối khởi đầu, không có điểm chấm dứt.

Kinh gọi là PHÁP THÂN TỶ LÔ GIÁ NA PHẬT, đó là: "Phật pháp thân, biến nhất thiết xứ".

* ĐẠI BÁT NIẾT BÀN, Trung hoa dịch: ĐẠI NHẬP DIỆT TỨC. "Diệt" là dứt sạch hết vô minh trong cửu giới. "Tức" là viên ly vọng tưởng điên đảo của lục đạo tứ sanh. ĐẠI NHẬP DIỆT TỨC có nghĩa là: Đi vào cảnh giới "tịch diệt" vĩnh hằng vĩ đại. Nói cách khác, trở về cảnh giới "đại tịch diệt", "cứu cánh thanh tịnh".

Hiện tượng bong bóng, bọt hòa tan về bản thể nước của nó, không ai nói bong bóng, bọt đã mất. NHƯ LAI đi vào cảnh giới "đại tịch diệt CHƠN NHƯ", thì cũng không ai được hiểu rằng "Đức NHƯ LAI đã chết".

Phàm phu mà tu tập, năng quán chiếu, tư duy chánh pháp cũng nhập được Niết bàn nhưng chỉ có vài phút giây ngắn ngủi.

Đại A La Hán, thường được nhập Niết bàn ngay trong bình nhật cuộc sống.

Đại Bồ tát và Phật thì luôn luôn an trú trong Niết bàn.

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN, dành riêng cho NHƯ LAI THỂ TÔN đề cập khi chấm dứt cuộc hành trình hóa độ chúng sanh.

"Tỳ Gia thành lý bất tăng sanh

Ta La thọ gian bất tăng diệt..."

* Một sai lầm lớn lao có dụng ý. Đọc phẩm TỰA kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN, ta thấy mười đoàn thể gồm hết "tứ thánh" và "lục phàm". Đoàn thể nào đến viếng thăm cũng áo não, khóc than, buồn khổ. Dâng cúng thức ăn, món uống đến Như Lai cũng với vẻ buồn khổ, áo não, khóc than. Họ tưởng chừng sự kiện nhập Đại Niết bàn của Như Lai, giống hoàn cảnh và tâm trạng của phàm phu: Một lần ra đi là một lần vĩnh viễn chia ly....vậy.

Sự sai lầm đó, là lý do đức Phật không thọ nhận tài vật, thực phẩm cúng dường.

Sự sai lầm đó, khiến ta cắt nghĩa không khó khăn: Rằng tại sao mười đoàn thể khó nhọc, xa xôi mang quà, chở phẩm vật đến cúng dâng Phật mà Phật không thọ nhận của ai hết, chỉ vì "CHƯA PHẢI THỜI".

"CHƯA PHẢI THỜI" cũng có nghĩa: đại chúng chưa hiểu NHƯ LAI. Chưa hiểu Như Lai nên Như Lai chưa hứa nhận.

Như Lai nhập Niết bàn, nào phải Như Lai chết chóc gì đâu !

"Ta La thọ gian bất tăng diệt..."

Từ vô số kiếp đến nay, thực sự Như Lai không có đói khát, Như Lai chẳng có uống ăn.

"Tỳ Gia thành lý bất tăng sanh !"

Sự kiện Thích Ca Mâu Ni nhập Niết bàn là sự kiện tương quan đến mười phương thế giới. Nói cách khác: Sự kiện mười phương thế giới tương quan trách nhiệm chung. Số đại biểu các phái đoàn đông vô lượng, vô số bất khả thuyết hằng sa vi trần thế giới...không phải riêng người của nước Ấn độ, của thành Tỳ Gia Ly thời xưa.

Giáo lý: PHÁP GIỚI BÁT NHỊ (pháp giới trong mười phương cùng chung một bản thể, không hai) của đạo Phật, giải thích rất dễ hiểu bởi sự kiện này.

* NHƯ LAI ĐẠI NIẾT BÀN là việc hiểu, thấy, biết và hành động của người Đại thừa. Người không có chủng tánh Đại thừa thì dù ở kề cận rừng Ta La Song Thọ cũng chưa hẳn họ có tương quan đừng nói chi đến việc

cung kính cúng dường tôn trọng. Cho nên không lấy làm lạ, tất cả đoàn với số đông như vậy mà đoàn nào cũng toàn là người phát tâm Đại thừa, tu tập Đại thừa và bảo hộ Đại thừa. Rõ là: thầy sao trò vậy !

Tuy vậy, người trí cũng không chủ quan, không lạc quan với số người Đại thừa đông đảo ấy. Người trí hiểu rõ ngày rằm tháng hai, NHƯ LAI ĐẠI NIẾT BÀN. Còn số người ở nhà không hay không biết và chưa hề nghe NHƯ LAI, PHẬT là ai ? Số người ấy còn đông đảo hơn số mười đoàn đại biểu đến viếng Phật.

* ...TÙNG THỊ TÂY PHƯƠNG QUÁ THẬP VẠN ỨC PHẬT ĐỘ HỮU THẾ GIỚI DANH VIẾT CỰC LẠC, KỶ ĐỘ HỮU PHẬT HIỆU A DI ĐÀ KIM HIỆN TẠI THUYẾT PHÁP..."

Trong kinh A Di Đà, Phật Thích Ca dạy Xá Lợi Phật:...Từ đây (cõi Ta bà) đi qua HUỐNG TÂY, trải mười muôn thế giới Phật, có một thế giới tên CỰC LẠC. Đức giáo chủ là Phật A Di Đà, đang thuyết pháp hiện nay...

Do lời dạy đó người ta hiểu thế giới Ta bà ở vào hướng Đông. Không sai.

Đúng chân lý, vấn đề Đông Tây không có chuẩn nhất định. Tây phương Ta bà Giáo chủ Thích Ca Mâu Ni. Không sai.

Thế giới Ý Lạc Mỹ Âm ở phương Đông, Bồ tát Vô Biên Thân đến, thế giới Ta bà thành Tây phương. Không sai.

Nhận thức về vũ trụ, thế giới của đức Phật Thích Ca hai mươi lăm thế kỷ trước: "Hằng hà sa số..." cho đến ngày nay, sau hai mươi lăm thế kỷ, khoa học thiên văn tìm hiểu và xác định những điều mà đức Phật đã xác định từ xưa.

---o0o---

PHẨM THỨ HAI - THUẦN ĐÀ

Lúc bấy giờ trong hải hội có vị Ưu Bà tặc tên Thuần Đà, là một cư sĩ, có tu tập hạnh lành, muốn trồng sâu gốc rễ Đại thừa, mong thu hoạch quả giải thoát, giác ngộ. Như mọi người, ông sắm sửa lễ vật dâng cúng dường

Phật và tăng chúng. Ông tha thiết cầu xin đức Phật thương xót mà nhận phẩm vật ông dâng cúng.

Thuần Đà bạch Phật: Rằng ví như một nông dân nghèo có thửa ruộng tốt, có trâu khỏe, cày bừa sạch cỏ, giống thóc đã sẵn. Chỉ còn chờ một trận mưa. Bạch Thế Tôn ! Nông dân nghèo đó chính là con. Con cầu xin Thế tôn một trận mưa pháp.

Như Lai Thế tôn chấp nhận phẩm vật cúng dường của Thuần Đà. Thuần Đà vui mừng hớn hở. Đức Phật dạy cho Thuần Đà cách cúng dường thí thực phước quả ngang nhau: Một, cúng cho người thọ thực xong liền chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Hai, cúng cho người thọ thực xong liền nhập Niết bàn.

Thuần Đà bạch Phật: Rằng vị thọ thí trước chưa chứng quả Phật, chưa sạch phiền não, chưa làm lợi lạc chúng sanh. Vị thọ thí sau là trời trong các trời. Vị thọ thí trước chưa đủ lực ba la mật chỉ có nhục nhãn. Vị thọ thí sau có đủ lực ba la mật, có đủ ngũ nhãn. Vị thọ thí trước thọ xong tiêu hóa, dinh dưỡng sắc lực mạnh mẽ sống còn. Vị thọ thí sau, ăn vào chưa tiêu thì lại chết mất ...Bạch Thế Tôn, thời điểm cúng dường và thọ dụng ở nhân, trước sau đã khác nhau thì hẳn phải là không đồng. Vậy tại sao Như Lai Thế tôn dạy: Hai trường hợp cúng dường thí thực ấy được phước báu đồng nhau ?

I. Phật dạy: Thuần Đà ! Như Lai từ vô thi, vô lượng, vô số kiếp không có những thân ăn uống, thân phiền não và thân sau cùng. Thân NHƯ LAI là thường trụ, là thân KIM CANG, là PHÁP THÂN.

Đức Phật dạy tiếp: Nay Thuần Đà ! người chưa thấy Phật tánh gọi là thân tạp thực. Lúc Bồ tát thọ đồ ăn uống xong, nhập Kim cang tam muội, thức ăn tiêu hóa liền thấy Phật tánh, chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc mới thành đạo, Bồ tát chưa giảng diễn mười hai bộ kinh nhưng đã thông đạt. Nay nhập Niết bàn, vì chúng sanh diễn rộng và phân biệt chi li tường tận....

Thuần Đà ! Việc làm của Bồ tát, khác nhau lộ trình đi, gặp nhau nơi mục đích đến. Khác nhau ở hình thức, đồng nhau ở nội dung. Vì vậy như Lai dạy: Hai trường hợp cúng dường thí thực ấy được hưởng quả báo đồng nhau.

II. Thuần Đà ! Thân Như Lai từ vô lượng, vô số vô biên kiếp, không có thọ sự ăn uống. Vì hàng Thanh văn mà nói: Rằng trước đó, tên Nan Đà và Đà Ba La, rồi sau đó chứng quả VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC. Nhưng chính thực, Như Lai không ăn, nay vì Đại chúng trong hải hội này mà Như Lai nhận sự cúng dường của người. Thực ra, Như Lai không phải là thân tạp, Như Lai không ăn.

Đại chúng mừng rỡ khôn xiết kể. Ngợi khen và tán thán công đức, trí tuệ của ông Thuần Đà. Rằng ông Thuần Đà là đối tượng để Như Lai dạy chánh pháp. Rằng cái tên Thuần Đà (Trung Hoa dịch: DIỆU NGHĨA) đã hàm chứa ý nghĩa thông minh, có khả năng học hiểu sâu sắc chánh pháp của Như Lai.

Quý hóa thay, Thuần Đà ! Ông đã được những điều mà nhiều người không được. Ra đời được gặp Phật là khó. Có học chánh pháp, được cúng dường trước giờ phút nhập Đại Niết bàn lại càng khó hơn ! Vậy mà Thuần Đà đã được !

Nam Mô Thuần Đà !

Nam Mô Thuần Đà !

Nay ông đã đủ bố thí ba la mật.

Thuần Đà vui mừng hơn hờ. Ông đánh lễ Phật và nói bài kệ:

Đặt hạt cải đầu kim đã khó

Sanh vào đời gặp Phật khó hơn

Hẳn thiện duyên con đã sớm gieo trồng

Đấng Điều Ngự cho con mưa chánh pháp

Hoa đàm nở dễ mấy ai được thấy

Được Như Lai thọ ký khó hơn nhiều

Thấy Như Lai nhân ác thú viễn ly

Con vui sướng, bước Như Lai xin kính lễ

Nguyện Như Lai thêm tuổi thọ ở nơi đời

Thêm số kiếp, cho nhân thiên thêm nhiều đặc độ

Phật dạy: Thuần Đà ! Ông không nên sanh lòng buồn khổ. Ông là người đầy đủ phước duyên. Ông không nên thỉnh Phật ở đời dài lâu mà ông nên quan sát: Cảnh giới Nhơn Thiên vốn không bền chắc, cảnh giới chư Phật hết thảy cũng đều vô thường. Tánh và tướng của các hành pháp là như vậy.

Đức Phật nói bài kệ:

Tất cả pháp thế gian

Có sinh đều có diệt

Dầu thọ mạng dài lâu

Đến kỳ cũng phải chết

Phật nay vào Niết bàn

Thọ trì đệ nhất lạc

Pháp chư Phật đều vậy

Đại chúng chớ nên buồn

Cuộc đối thoại giữa Thuần Đà với Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ tát:

Rằng Như Lai không đồng với hành pháp vì hành pháp có sanh có diệt. Như Lai không phải hữu vi vì hữu vi thuộc về hành pháp. Người trí phải hiểu Như lai là Vô vi. Như Lai là pháp thường trụ, bất biến. Có chánh quán như vậy, ông sẽ thành tựu 32 tướng tốt, chóng thành Vô Thượng Bồ Đề.

Cuộc đối thoại tiếp diễn và cho thấy:

Cúng dường Như Lai không nên đặt vấn đề nhiều ít, ngon hay không ngon.

Cúng dường Như Lai không nên luận: Kịp thời hay trễ thời.

Cúng dường Như Lai không được nghĩ Như Lai hài lòng hay không hài lòng

Bởi vì Như Lai đã không ăn uống từ vô lượng kiếp. Vì không thọ thực cho nên không có vấn đề trễ hay kịp thời. Với Như Lai, không có hài lòng. Vì Như lai hài lòng mọi lúc và hài lòng với tất cả chúng sinh.

Hiểu như thế là khéo thâm nhập kinh điển Đại thừa.

Dù nhận thức chân lý nhưng Thuần Đà và Đại chúng vẫn buồn thảm khóc than....

Đức Thế Tôn dạy: Thuần Đà ! Ông chớ nên khóc than buồn thảm mà chi ! Ông nên quán sát: Thân này như cây chuối, như bọt nước, như huyễn hóa, như ánh nắng, như thành Càn thất bà, như tia chớp, như đồ gốm chưa hầm, như hình vẽ trên nước....phải quán sát các hành pháp như ăn lẫn chất độc...

Đức Phật nói bài kệ:

Các hành pháp đều vô thường

Vì là pháp có sinh diệt

Hãy diệt ý niệm sinh diệt

Cái vui tịch diệt hiện tiền

TRỰC CHỈ

Đại thừa tư tưởng và tiểu thừa tư tưởng khác nhau ở chỗ: Đại thừa không câu nệ chấp mắc, Tiểu thừa thì trái lại. Đối với Tiểu thừa tư tưởng, Thuần Đà chỉ là "một tịnh nhân", một bạch cư sĩ: trên đường giác ngộ, giải thoát được xem như là "tuyệt phần", nghĩa là không có tư cách dự phần vào đó. Trái lại, Đại thừa tư tưởng, đỉnh cao là thời PHÁP HOA, NIẾT BÀN vấn đề nhân bản, quyền con người tuyệt đối nâng cao, tuyệt đối bình đẳng. Bình đẳng giữa nam và nữ, bình đẳng giữa tại gia và xuất gia. Dĩ nhiên, Đại thừa, Tiểu thừa không hề đặt ra ranh giới, đại, tiểu, tôn ty. Tốt xấu do người. Thiện ác do người. Giải thoát giác ngộ hay không do người, không luận giai cấp, chủng tộc, màu da, nam nữ, cho đến không quan trọng hình thức tại gia, xuất gia.

Do vậy:

Cư sĩ Thuần Đà lại là đối tượng phải thờ. Thuần Đà được Như Lai nhận lễ vật dâng cúng, thọ dụng trước khi nhập Niết bàn và Thuần Đà cũng được tiếp nhận những lời dạy bảo cuối cùng của Như Lai.

Kinh Đại Bát Niết Bàn rõ là kinh Đại thừa trong Đại thừa !

Nâng vai trò của một thợ thuyền ngang tầm cỡ đại chúng mười phương.

Nâng nhân cách một cư sĩ làm được những việc mà người xuất gia chưa làm được (dâng phẩm vật cúng dường Như Lai thọ nhận).

Nâng trình độ, kiến giải một cư sĩ lên ngang hàng Đại Bồ tát Văn Thù.

Nâng địa vị một cư sĩ lên hàng cao đệ đối tượng thuyết pháp, giáo dụ của Phật trước giờ phút nhập Đại Niết Bàn.

Đây cũng là giáo lý Đại thừa trong Đại thừa.

"Đại tượng bất du ư thổ kính

Đại ngộ bất câu ư tiểu tiết

Nhược tương quân kiến báng thương thương

Vị liễu ngô kim vị quân quyết !

(Huyền Giác Thiên Sư)

Voi vĩ đại không đi đường ngoằn ngoèo của thỏ

Đại ngộ rồi, không câu chấp những nhỏ nhen

Nhìn trời xanh, qua ống thấy được bao nhiêu ?

Chưa hiểu rõ, ta sẽ vì chư quân mà bảo rõ !

(Từ Thông Thiên Sư dịch)

Sắc thân có đi đứng nằm ngồi, có nghỉ ngơi, ăn uống, đó là thân "tạp thực". Đó là "ảo hóa không thân". Thấy thân ảo hóa, thấy thân tạp thực không thể gọi là thấy được NHƯ LAI.

Nhược dĩ sắc kiến ngã

Dĩ âm thanh cầu ngã
Thị nhơn hành tà đạo
Bất năng kiến Như Lai
Nhìn thân sắc tướng cho là thấy Như Lai
Nghe âm thanh cho là biết Như Lai
Đó là người tà đạo
Họ không thể thấy Như Lai đích thực
(Kinh Kim Cang)

Muốn thấy Như Lai, hiểu Như Lai phải thấy, hiểu qua PHÁP THÂN thường trụ. Kim Cang bất hoại thân.

Tuy nhiên ảo hóa thân là diệu dụng hiện tượng từ Pháp thân mà duyên khởi. Ảo hóa thân và Pháp thân không phải một nhưng cũng không khác.

"Ảo hóa không thân tức Pháp thân"

(Huyền Giác Thiền Sư)

---o0o---

PHẨM THỨ BA - AI THÁN

* Cuộc tranh luận trao đổi chấm dứt. Ông Thuần Đà và Bồ tát Văn Thù cùng lo sắm sửa trai nghi phẩm vật dâng cúng Phật và đại chúng.

Bấy giờ đại chúng cùng có cảm giác "rúng động sáu thứ", đất như chuyển, trời như xoay, toàn thân rợn ốc, sợ hãi và lo buồn. Có lẽ, đây là điềm Như Lai sắp nhập Đại Niết Bàn.

Đại chúng cùng có một ý nghĩ buồn khổ tiếc thương qua bài kệ:

Cúi đầu lạy Thế Tôn

Chúng con đồng khuyến thỉnh

Phật ở lại nơi đời

Chúng con mà xa Phật

Ai giáo đạo chúng con

Như Lai nhập Niết bàn

Chúng con chìm bể khổ

Nghé con mà mất mẹ

Sầu khổ kể sao cùng

Nguyện Thế Tôn thương xót.....

Bạch Thế Tôn ! Ví như quốc vương sanh các vương tử diện mạo khôi ngô, ngoan hiền, thông minh, vua rất yêu, dạy cho nghề văn nghiệp võ rồi sai người giết chết, thật là đáng thương. Phật thương chúng con, dạy dỗ chúng con, dạy dỗ chúng con vừa đủ chánh kiến, Như Lai vội nhập Niết bàn rồi bỏ chúng con có khác nào các vương tử bị đem đi giết ! Chúng con mong Phật ở luôn nơi đời.

Bạch Thế Tôn ! Ví như Y vương hiểu rành các phương thuốc, đem phương bí truyền dạy riêng con mình, không dạy cho các trò khác. Như Lai đem tặng Pháp thậm thâm bí mật dạy riêng cho Văn Thù Sư Lợi mà chẳng thương, chẳng dạy cho chúng con, như ông thầy thuốc kia vì lòng còn riêng tư, thân sơ nên dạy không bình đẳng, rộng rãi, chỉ dạy cho con mình môn bí phương mà không dạy cho các trò khác. Như Lai hẳn không có lòng thân sơ, thiên vị, tại sao chẳng dạy dỗ chúng con ? Ngửa mong đức Phật ở lâu nơi đời chớ vội nhập Niết bàn.

Bạch Thế Tôn ! Ví như có người học giỏi các bộ luận rồi lại sanh lòng sợ các bộ luận ấy. Đức Như Lai thông đạt các pháp mà lại sợ các pháp. Nếu Như Lai ở luôn nơi đời giảng "pháp cam lộ" cho chúng con được thấm nhuần đầy đủ thì chúng con không còn sợ phải bị sa vào địa ngục nữa ! Cúi mong Thế Tôn ở lại nơi đời !

Phật bảo các thầy Tỳ kheo: Các thầy đừng sầu thảm, thương khóc như hàng trời, phàm phu kia. Các thầy phải siêng năng tinh tấn, giữ vững chánh niệm. Nghe Phật nhắc nhở, trời người, bát bộ chúng nén lòng và thôi khóc.

* Đức Thế Tôn dạy: Này các thầy Tỳ kheo ! Nếu trong đại chúng, còn chỗ nào nghi ngờ thì nên bạch hỏi. Đối với những pháp:

Không, bất không.

Thường, vô thường.

Khô, phi khô.

Y, phi y.

Khứ, bất khứ.

Qui, phi qui.

Hằng, phi hằng.

Đoạn, phi đoạn.

Chúng sinh, phi chúng sinh.

Hữu, vô hữu.

Thực, phi thực.

Chơn, phi chơn.

Diệt, bất diệt.

Mật, bất mật.

Nhị, bất nhị .v.v....nếu còn chỗ nghi ngờ, nên hỏi. Như Lai sẽ giải rõ cho. Như Lai dạy pháp cam lồ cho các thầy rồi sau mới nhập Niết bàn.

* Này các thầy Tỳ kheo! Phật ra đời khó gặp. Thân người khó được. Được thân người, được gặp Phật lại có được tín tâm, đầy đủ giới hạnh, chứng quả A La Hán lại là việc khó hơn nhiều.

Này các thầy Tỳ kheo ! Thành báu chánh pháp trang nghiêm, đầy đủ các thứ công đức trân bảo. Giới, định, tuệ làm tường thành kiên cố. Nay các thầy gặp được thành báu chánh pháp chẳng nên lượm lấy những vật vụn vặt tầm thường như: nhà thương mại vào thành trân bảo mà chỉ lượm lấy sỏi đá rồi trở về nhà. Các thầy chớ để tâm hạ liệt, được chút ít pháp môn mà cam tâm thỏa mãn. Dù xuất gia mà không ham mộ Đại thừa, dù được khoác áo ca sa mà tâm chưa được nhuộm màu pháp Đại thừa. Các thầy dù khát thực nhiều nơi mà chưa từng khát thực Đại thừa. Các thầy dù cạo bỏ râu tóc mà chưa vì chánh pháp cạo sạch kiết sử.

Này các thầy Tỳ kheo ! Nay Như Lai vì đại chúng hòa hợp trong pháp tánh chơn tịnh. Các thầy phải nhiếp tâm, dũng mãnh tinh tấn, dẹp bỏ các kiết sử. Đừng để khi mặt trời Phật lặn rồi, các thầy sẽ bị vô minh bao trùm trong đêm đen si mê tà kiến.

* Này các thầy Tỳ kheo ! Những cỏ thuốc trên mặt đất để cho chúng sinh dùng khi có bệnh. Pháp vị cam lồ thượng diệu, làm thuốc chữa bệnh phiền não của chúng sinh. Nay Như Lai làm cho bốn bộ chúng đều được an trụ trong bí mật, cũng ví như chữ Y, nếu ba điểm đứng chung hàng hoặc đứng ngay, hoặc khác nhau đều không thành chữ Y. Ba điểm phải như ba con mắt trên mặt Đại tự tại thiên mới thành chữ Y. Như Lai cũng vậy. Giải thoát không phải Niết bàn. Pháp thân không phải Niết bàn. Ma ha bát nhã không phải Niết bàn. Ba pháp rời ra không phải Niết bàn. Như Lai an trú ba pháp ấy. Vì chúng sinh mà nói nhập Đại Niết bàn như chữ Y trong đời.

* Bạch Thế Tôn các pháp quán vô thường, khổ, không, vô ngã, Thế Tôn khéo dạy cho chúng con thì vô thường là ưu việt hơn hết. Ví như các dấu chân thú, dấu chân voi lớn hơn hết. Vô thường quán nếu tinh tấn tu tập có thể trừ hết ái nhiễm cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, trừ hết vô minh kiêu mạn và thường tưởng.

Bạch Thế Tôn ! Nếu Như Lai đã lìa hẳn các ái nhiễm của ba cõi, của vô minh kiêu mạn và thường tưởng thì Như Lai không cần phải nhập Niết bàn mà chi ! Còn như chẳng lìa hẳn được, có sao Như Lai dạy cho chúng con rằng: tu vô thường quán trừ được sự ái nhiễm của ba cõi, của vô minh, kiêu mạn và thường tưởng.

Bạch Thế Tôn ! Không ai có thể khen cây chuối là cứng chắc, cũng như không ai có thể nói: ngã, nhọn, chúng sinh, thọ mạng, tác giả, thọ giả là chơn thực.

Bã xác không còn dùng được, trái thơm không có mùi thơm, thân thể con người không ngã, không chủ. Chúng con tu vô ngã quán, thấy biết rõ những điều đó. Không bao giờ có dấu chim bay trong hư không, người tu tập pháp quán vô ngã không còn các thứ kiến chấp.

Đức Phật khen: Rất tốt ! Các thầy khéo tu tập pháp quán vô ngã.

Các thầy Tỳ kheo bạch Phật: Ngoài pháp quán vô ngã, chúng con còn siêng tu các pháp: Vô thường, không, khổ và bất tịnh.

Bạch Thế Tôn ! Người say, tâm trí mê loạn thấy nhà cửa, cỏ cây, núi rừng đều xoay nghiêng đảo lộn. Không tu các pháp quán vô thường, vô ngã, khổ, bất tịnh thì không gọi là bậc hiền thánh. Vì người này nhiều phóng dật, trôi lăn trong sanh tử, khổ não, ưu bi. Vì vậy, chúng con siêng năng tu tập các pháp quán ấy.

Phật dạy các thầy Tỳ kheo: Lóng nghe ! Hãy để ý lóng nghe ! Vừa rồi các thầy nói ví dụ người say, các thầy chỉ biết danh tự mà chưa biết rõ thực nghĩa. Thế nào là thực nghĩa ? Nhà cửa, cỏ hoa, cây cối vốn không có xoay nghiêng đảo lộn. Chúng sinh bị phiền não vô minh che lấp, tâm điên đảo sinh khởi: Ngã cho là vô ngã. Thường cho là vô thường. Lạc cho là khổ. Tịnh cho là bất tịnh. Vì phiền não vô minh che lấp nên cái hiểu của phàm phu không hiểu rõ được thực nghĩa. Như người say kia cảnh vật vốn không đảo lộn mà anh ta thấy thật có đảo lộn.

NGÃ chính là thực nghĩa của PHẬT.

THƯỜNG chính là thực nghĩa của PHÁP THÂN.

LẠC chính là thực nghĩa của NIẾT BÀN.

TỊNH là thực nghĩa của PHÁP (Bát nhã ba la mật).

Do nghĩa đó, các thầy nói người có ngã thì kiêu mạn, cống cao, luân chuyển sinh tử là không đúng lý. Cũng do vậy, người tu pháp quán vô thường, khổ,

vô ngã, bất tịnh, nếu không khéo thì chỉ biết danh tự mà không có thể biết thực nghĩa.

Đây là bốn pháp đặc thắng, các thầy nên tu học.

Vô thường cho là thường, thường cho là vô thường, là điên đảo. Khô cho là vui, vui cho là khô, đó là điên đảo. Vô ngã cho là ngã, ngã cho là vô ngã, là pháp điên đảo. Bất tịnh cho là tịnh, tịnh cho là bất tịnh, đó là pháp điên đảo. Mắc phải bốn pháp điên đảo, ấy là người chưa biết pháp tu chân chính.

Thế gian có thường, lạc, ngã, tịnh. Xuất thế gian cũng có thường, lạc, ngã, tịnh. Pháp thế gian có văn tự mà không có thực nghĩa. Xuất thế gian có văn tự, có thực nghĩa. Vì sao ? Vì pháp thế gian có bốn thứ điên đảo cho nên không biết thực nghĩa.

Ngoài bốn thứ điên đảo còn có tướng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo nữa ! Vì có ba thứ điên đảo này cho nên người thế gian ở trong thường thấy vô thường, ở trong lạc thấy khô, ở trong ngã thấy vô ngã, ở trong tịnh thấy bất tịnh. Đây gọi là điên đảo. Vì điên đảo nên thế gian biết văn tự mà không biết thực nghĩa.

Gì là thực nghĩa ? Vô ngã gọi là sinh tử, ngã là NHƯ LAI. Vô thường là Thanh Văn, Duyên Giác. Thường là PHÁP THÂN NHƯ LAI. Khô là tất cả ngoại đạo. Lạc là GIẢI THOÁT NIẾT BÀN. Bất tịnh là pháp hữu vi. Tịnh là BÁT NHÃ CHÁNH PHÁP của chư Phật Bồ tát. Đây gọi không điên đảo. Vì không điên đảo nên biết văn tự, biết thực nghĩa. Nếu muốn lìa khỏi bảy thứ điên đảo thì phải biết rõ: THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH như vậy.

Các thầy Tỳ kheo hỏi: Như lời Thế Tôn dạy: Rằng lìa bảy thứ điên đảo thì được rõ biết THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH. Nay Như Lai hoàn toàn không có bảy sự điên đảo thì đã biết rõ THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH. Nếu đã biết rõ rồi, có sao Như Lai không ở đời một kiếp hoặc nửa kiếp để dạy dỗ chúng con, cho chúng con lìa khỏi bảy sự điên đảo. Như Lai lại vất bỏ chúng con muốn nhập Niết bàn ?

* Phật dạy: Các thầy Tỳ kheo đừng nói như vậy. Chánh pháp vô thượng của Phật, Như Lai đã giao phó cho Ma Ha Ca Diếp. Các thầy y chỉ nơi Ma Ha

Ca Diếp mà tu học. Cũng như Quốc Vương đi xa, giao phó quốc sự cho đại thần vậy.

Các thầy nên biết: pháp tu quán vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh trước đây chưa phải là chơn thật, cứu cánh. Ví như mùa Xuân có một nhóm người chơi thuyền trong hồ lớn làm rơi viên ngọc lưu ly. Họ cùng nhau hụp lặn tìm ngọc. Đến lúc đem lên khỏi nước mới rõ là không phải, ngọc lưu ly vẫn còn dưới nước. Lúc nước hồ đứng trong, nhóm người lại nhìn thấy viên ngọc. Có một người trí, tìm cách khéo, chậm rãi lặn xuống vớt được ngọc thật.

Các thầy chớ lầm tưởng: Quán vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh là tu pháp thực nghĩa. Nó cũng như nhóm người lặn xuống nước lượm nhằm đá sỏi mà tưởng là ngọc vậy. Các thầy phải khôn khéo như người khôn khéo kia. Phải luôn luôn tu tập: THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH và phải tỉnh thức chánh niệm: Rằng từ trước đến nay, tu pháp quán vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh là tu pháp điên đảo !

* Các thầy tỳ kheo hỏi: Sao trước đây Thế Tôn dạy chúng con tu pháp vô ngã ? Rằng tu pháp vô ngã xa lìa chấp ngã, lìa chấp ngã thì lìa kiêu mạn, lìa kiêu mạn thì được Niết bàn, nghĩa ấy thế nào ?

Phật dạy: Này các thầy Tỳ kheo ! Ví như Quốc Vương kém sáng suốt tin dùng một y sư vụng về, tính tình cao ngạo. Trị bệnh gì cũng thuần dùng sữa để làm thuốc, lại thêm không biết căn do của bệnh. Dầu biết dùng sữa mà chẳng hiểu rành sữa tốt, xấu, lành hay không lành. Một hôm, từ phương xa đến, một minh y hiểu rành chín cách trị bệnh, thông thạo các phương, trị bệnh rất giỏi. Kết thân, làm người hầu hạ, tôn cưu y làm thầy. Do đó được vào yết kiến Quốc vương. Sau đó, hướng dẫn Quốc vương cách sử dụng thuốc và nghệ thuật trị bệnh.....

Bấy giờ Quốc vương tinh ngộ xét biết cưu y là hạng vụng về mà cao ngạo, liền biếm truất, trọng dụng minh y. Minh y yêu cầu Quốc vương cấm uống thuốc sữa của cưu y vì thuốc ấy độc hại làm tổn thương người bệnh. Quốc vương chuẩn tâu ra lệnh cấm hẳn, nếu ai dùng thuốc sữa sẽ bị nghiêm trị. Minh y theo phương bào chế, tùy bệnh cho thuốc. Dân chúng có bệnh nhất nhất trị lành.

Ít lâu sau, Quốc vương bình nạng, truyền mời minh y đến điều trị. Sau khi định bệnh biết rằng Quốc vương cần phải dùng thuốc sữa. Minh y tâu rằng: Ngày trước tôi yêu cầu cấm dùng sữa để làm thuốc, đó chưa phải là ý hay tuyệt đối có tính cố định. Nay nhà vua đang mắc phải bệnh nóng, chính là lúc nên dùng thuốc sữa để trị ắt bệnh sẽ được lành.

Vua bảo: Có lẽ ông điên cuồng, loạn óc rồi, mới nói rằng uống sữa trị được bệnh của ta ! Cựu y dùng sữa ông bảo là độc. Yêu cầu biếm truất và cấm hẳn. Nay trở lại nói sữa là tốt, hay, trị được bệnh? Ông muốn khi đối ta u ? Cứ theo lời ông nói thì cựu y có thể hơn ông rồi !

Minh y tâu vua: Như mối ăn gỗ ngẫu nhiên thành chữ. Con mối tự nó không biết là chữ hay không phải chữ. Người trí xem thấy, không bao giờ tuyên nói rằng con mối biết chữ và cũng không lấy làm lạ. Cựu y không rõ căn bệnh, bệnh gì cũng dùng thuần sữa để trị, lại không biết sữa là tốt hay xấu, lành hay không lành.

Vua nói: Xin ông giải thích cho ta rõ.

Minh y tâu: Thuốc sữa cũng là độc hại, cũng là cam lồ. Nếu bò cái không ăn bã hèm, cỏ úng thì bê con khỏe mạnh. Cho bò ăn không thả ở cao nguyên có nhiều đồng khô, cũng không cho ăn chỗ cỏ úng đầm lầy, nước uống trong sạch và không cho chung bầy với bò đực, cho ăn uống vừa chừng, phải cách, sữa của bò này trị được nhiều bệnh gọi đó là cam lồ. Không được vậy, các thứ sữa khác thì có thể trở thành độc tố.

Nghe minh y giảng giải, vua khen: Nay ta mới rõ thế nào là sữa tốt, thế nào là xấu, lành hay không lành.

Sau khi được uống sữa, vua lành bệnh. Vua liền truyền lệnh cho dân chúng được dùng sữa để trị bệnh. Dân chúng không vừa lòng thái độ bất nhất của nhà vua, liền hội đến hoàng triều để cật vấn.

Quốc vương bảo dân chúng: Mọi người không nên oán trách ta. Thuốc sữa nên uống hay không nên uống, đều là ý của y sư không phải lỗi của ta.

Dân chúng vui lòng, tuân lời minh y dùng thuốc sữa tốt trị bệnh, được nhiều kết quả vượt hơn ý mong muốn ban đầu.

Các thầy nên biết: Ngoại đạo nói ngã như mối ăn cây ngẫu nhiên thành chữ. Vì thế trong Phật pháp, Như Lai nói vô ngã để điều phục chúng sinh và vì có nhân duyên Như Lai nói có ngã như minh y biết rõ sữa nên thuốc hay không nên thuốc. Ngã mà Như Lai nói, chẳng phải như chấp ngã của phàm phu hiểu. Phàm phu chấp ngã hoặc lớn bằng ngón tay cái hoặc nhỏ như hạt đậu, hoặc bé xíu như vi trần. Ngã của Như Lai nói không phải như vậy. Thế nên Như Lai nói các pháp không ngã mà chính thực không phải là không ngã.

Thế nào là chính thực ? Nếu pháp là chính thực, là chơn, là thường, là chủ thể, là sở y: tự tánh không biến đổi thì gọi đó là ngã, như minh y hiểu rành thuốc sữa. Như Lai vì chúng sanh nói: Tất cả các pháp chơn thực có ngã. Bốn bộ đệ tử Như Lai đều phải tu pháp quán: "chơn ngã" như vậy.

TRỰC CHỈ

Ai thán là thương tiếc, khóc lóc và thở than. Sầu khổ, kể lể, tiếc thương...khẩn khoản với một người thân thương kính quý trước giờ phút tử biệt sinh ly là việc bình thường. Thế gian phàm phu đều vậy và phải như vậy. Vì quan niệm rằng: Chết là hết. Một lần ra đi là một lần vĩnh viễn chia ly.

Còn sự "ai thán" của thiên long bát bộ, của tứ chúng đệ tử Phật, trong kinh Đại Bát Niết Bàn có thể:

A. Thành phần chất liệu mê mờ còn nhiều hơn chúng tử giác ngộ giải thoát. Đây là thành phần "Ai thán" thật sự.

B. Thành phần chứng quả đạt đạo, thanh lọc hết chất vô minh phiền não nội tâm, thanh thản tự tại với cuộc sống ngoại cảnh. Sự "ai thán" của bậc người này hẳn không phải là ai thán thật ! Kinh điển Phật có danh từ "thị hiện". Đây là sự dàn cảnh có dụng ý.

Giá trị cao quý của người xuất gia là học chánh pháp, hành chánh pháp, sống theo chánh pháp. Tu học là nhiệm vụ chánh yếu của một Tỳ kheo, của người khát sĩ. Tiếc thương, khóc lóc, sầu khổ dành cho những người phàm phu. Đường tu học phải luôn tiến bước. Học kinh điển Phật có hệ tư tưởng Tiểu thừa, có hệ tư tưởng Trung thừa và có hệ tư tưởng Đại thừa là đỉnh cao trong quá trình tu học chánh pháp. Sở dĩ Bát bộ, Nhơn thiên, quyền, tiểu

khóc than suốt suốt, sợ Phật nhập Niết bàn, theo họ nghĩ: Niết bàn đồng nghĩa với "chết mất".

Đừng khờ khạo như nhà kinh doanh khờ khạo, vào kho trân bảo mà ra về chỉ có một con trầu đá xinh xắn trong tay. Học Đại thừa, tu hạnh Đại thừa mới có cơ hội nhận thức chân lý toàn diện.

Chừng nào chưa tu học Đại thừa thì không thể hiểu:

Phật thường trụ

Pháp thường trụ

Tăng thường trụ

Chừng nào chưa tu học Đại thừa thì không thể hiểu:

Pháp thân tỳ lô giá na thường trụ

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa thường trụ

Niết Bàn tịch tịnh thường trụ

Học Đại thừa, sử dụng kiến giải Đại thừa. Người đạt đạo nhận rõ ba đức: PHÁP THÂN, BÁT NHÃ, GIẢI THOÁT của Như Lai không nghi ngờ, bỏ ngỡ hay lạ lùng. Như Lai là vậy đó.

PHÁP THÂN, không phải Như Lai nhưng không có Pháp thân, không có Như Lai.

NIẾT BÀN, không phải Như Lai nhưng không có Niết bàn, không có Như Lai.

BÁT NHÃ không phải Như Lai nhưng không có Bát nhã, không có Như Lai.

Như chữ Y (...) ba điểm sai vị trí không còn là chữ Y được. Là đệ tử Phật phải tu học như thế.

* Xuất gia, theo học, học hiểu giáo lý Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, tư duy quán chiếu chân lý: vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh là một thành công đáng kể. Phật thường khích lệ, ngợi khen hạng người này. Vì vậy, những người

hậu học thường nghĩ tưởng rằng: "vô thường, vô ngã, khổ, bất tịnh" là "chân lý tuyệt đối", cứu kính của Phật.

Với nguồn giáo lý Đại thừa Đại Niết Bàn thì "vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh" chỉ là những viên sỏi đá mà nhóm người chơi thuyền vui xuân, hấp tấp vội vàng nhặt được ở đáy hồ mà tưởng là mình đã vớt mò được ngọc. Phải thật nhẹ nhàng và khéo léo người trí mới vớt được ngọc lưu ly thật.

Không tu học Đại thừa Đại Niết Bàn, không biết được THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH là bốn thực đức, tùy duyên mà bất biến ấy.

Không tu học Đại thừa Đại Niết Bàn, không biết được:

THƯỜNG chính là PHẬT

NGÃ chính là NHƯ LAI

LẠC chính là NIẾT BÀN

TỊNH chính là BÁT NHÃ BA LA MẬT

* Ngoại đạo nói "ngã" (thần ngã) là nói cầu may, không biết thế nào "ngã", thế nào không "ngã". Như môi ăn gỗ, ngẫu nhiên thành nét chữ. Do duyên có đó, trước kia Như Lai nói "vô ngã"

Tu học Đại thừa Đại Niết Bàn:

"NGÃ tức NHƯ LAI PHÁP THÂN VẬY !"

Một thầy thuốc giỏi:

Cấm bệnh nhân uống thuốc sữa để trị lành bệnh cứu người.

Bất bệnh nhân uống thuốc sữa, cũng để trị lành bệnh cứu người.

Như Lai Thế Tôn là vị Vô Thượng Y Vương đó.

Nói vô ngã để đem lại sự giải thoát giác ngộ cho mọi người.

Nói Ngã cũng đem lại sự giải thoát giác ngộ cứu cánh cho mọi người.

Rõ là ĐĂNG Y VƯƠNG VÔ THƯỢNG !

---o0o---

PHẨM THỨ TU' - TRƯỜNG THỌ

* Phật dạy: Này các thầy Tỳ kheo ! Đối với Như Lai, "Tất cả các pháp bản tánh không tịch". Đó là kết quả của sự tu hành trải qua vô lượng kiếp mà nên. Tuy nhiên, trên đường hóa độ chúng sinh, không phải vậy. Về giới luật, thiền định và trí tuệ học, các thầy còn có chỗ nghi ngờ chưa quyết thì đem ra hỏi, Như Lai sẽ giải thích cho.

Các Tỳ kheo thành phần A La Hán, tự thấy trí tuệ nhỏ nhoi, không đủ trình độ đặt vấn đề hỏi Phật. Mọi người có ý nghĩ: Pháp Phật thậm thâm vi mật, truyền dạy cho Bồ tát, thì mới bảo tồn kiên cố, mới có khả năng truyền bá ở đời, lợi lạc chúng sinh.

* Bấy giờ có vị Bồ tát họ Đại Ca Diếp, giọng Bà la môn, từ chỗ ngồi đứng dậy trích vai áo bên hữu, cung kính nhiễu Phật, rồi quỳ gối chấp tay hỏi Phật qua bài kệ:

Làm sao được trường thọ ?

Thân Kim Cang không hoại ?

Nên tạo nhân duyên gì

Để được sức kiên cố ?

Làm gì ở kinh này

Để được đến bờ kia ?

Xin Phật mở kho tàng

Vì chúng sinh dạy rõ !

Làm sao được rộng lớn

Làm y chỉ chúng sinh

Làm sao biết thiên ma

Để làm chúng khiếp sợ ?

Lời Phật, lời Ma Ba tuần
Làm sao phân biệt biết ?
Thế nào các Bồ tát
Thấy được tánh khó thấy ?
Nghĩa mãn tự bán tự
Phải hiểu như thế nào ?
Làm sao ở đời trược ác
Chẳng ô nhiễm như hoa sen
Thế nào ở trong phiền não
Mà phiền não chẳng nhiễm ?
Nhu y sư trị bệnh
Không bị bệnh truyền lây ?
Con nay thỉnh Như Lai
Vì các hàng Bồ tát
Diễn nói pháp thậm thâm
Thế nào tất cả pháp
Đều có tánh an lạc
Cúi xin đấng Thế Tôn
Phân biệt dạy chúng con.

Phật khen Ca Diếp Bồ tát. Lời hỏi của ông có giá trị như người được Nhất thiết trí. Lúc Như Lai mới thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác dưới cội bồ đề cũng có vô số Bồ tát đến hỏi ta như vậy.

Này Ca Diếp Bồ tát ! Hãy lắng nghe ! Như Lai sẽ vì ông mà nói về nghiệp nhân trường thọ của một Bồ tát.

Phàm có hạnh nghiệp, có thể làm nhân cho quả Vô Thượng Bồ đề thì thành tâm nghe kỹ và lãnh thọ giáo nghĩa đó. Tự mình lãnh thọ rồi truyền dạy cho người khác để nhiều người được lợi lạc. Do tu tập hạnh nghiệp ấy mà Như Lai được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay lại vì mọi người nói rộng ý nghĩa ấy.

Muốn thực hiện sâu rộng nghiệp nhân trường thọ, Bồ tát phải:

Phát tâm đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, hộ niệm tất cả chúng sinh, như thương con ruột của mình.

Dạy cho tu tập pháp ngũ giới, thập thiện.

Những chúng sinh bị khổ ba đường ác, cứu độ cho được ra.

Giải thoát cho người chưa giải thoát.

Người chưa giác ngộ dạy cho pháp tu tỉnh thức.

Do tu các nghiệp nhân như vậy mà Bồ tát được "thọ mạng lâu dài", trí tuệ tự tại.

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: Theo con nghĩ, Thế Tôn không nên nói Bồ tát đối với tất cả chúng sinh tâm bình đẳng xem đồng như con. Vì trong Phật pháp có người phá giới, có kẻ phạm tội nghịch, có người hủy báng chánh pháp.....với hạng người như vậy làm sao xem đồng như con ?

Phật dạy: Như Lai đối với chúng sinh ấy xem đồng như con, như La Hầu La. Cho đến người hủy báng chánh pháp, hàng nhưt xiển đề, hoặc những kẻ tà kiến....Như Lai đều thương xót như con. Như Lai không giống các quốc vương, bầy tôi phạm pháp cứ theo tội mà tru lục.

Ca Diếp ! Nên biết, Như Lai là người ban bố vô úy bình đẳng cho chúng sinh. Như Lai phóng ra một, hai, hoặc năm tia sáng, kẻ nào gặp đều xa lìa tất cả điều ác. Sau khi Như Lai nhập Niết bàn, nơi nào có Tỳ kheo trì giới, đầy đủ oai nghi hộ trì chánh pháp, thấy được hoại pháp thì quả trách trừng trị. Vị Tỳ kheo ấy được phước báo vô lượng. Đó chính là đệ tử của Như Lai, đích thực là Thanh Văn. Nếu thấy lỗi mà bỏ qua, vị Tỳ kheo này là người góp phần làm bại hoại Phật pháp.

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: "Nhu lời Phật vừa dạy, e là không bình đẳng, xem tất cả chúng sinh như con. Bạch Thế Tôn ! Giả sử có người cầm dao với ý đồ hãm hại Phật, lại có người đem nước chiên đàn thoa thân Phật. Nếu sử dụng tâm bình đẳng lẽ ra hai người đều phải được xem là người tốt, có sao lại bảo rằng phải trừng trị kẻ phạm luật nghi ? Nếu trừng trị kẻ phạm luật nghi thì lời dạy kia có lỗi."

Phật nói: Như Quốc vương có bốn người con trai khôi ngô, thông minh sáng suốt, đem giao cho giáo sư dạy dỗ và dặn rằng: Thầy gắng dạy cho chúng được toàn vẹn tài đức. Nếu chúng ngỗ nghịch, thầy phải nghiêm trị, dầu ba đứa bị đòn chết, còn một đứa được nên, nhà vua cũng vui lòng.

Này Ca Diếp ! Cha và thầy của các trẻ có phải tội ác và sát sanh chăng?

Ca Diếp Bồ tát thưa: "Bạch Thế Tôn ! Không. Vì lòng thương, muốn cho các trẻ được nên, chớ chẳng phải ác tâm. Dạy dỗ như thế được phước vô lượng".

Phật nói: "Cũng vậy, Như Lai đối với kẻ phạm pháp xem đồng như con. Nay Như Lai đem chánh pháp vô thượng phó chúc cho vua, đại thần, Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di. Các vua quan và bốn bộ chúng phải nên khuyên răn, khích lệ những người phát tâm tu học, khiến được tăng thượng giới, định, tuệ và nên nghiêm khắc dạy bảo những người lười biếng, phá giới, hủy hoại chánh pháp, lơ là đối với pháp tam vô lậu học".

Này Ca Diếp ! Như vậy các vua quan, bốn bộ chúng có mắc tội chăng

Ca Diếp Bồ tát thưa: "Bạch Thế Tôn ! Không".

Phật nói: "Các vua quan và bốn bộ chúng còn không tội, huống là Như Lai.

Này Ca Diếp ! Như Lai khéo tu đức bình đẳng, xem các chúng sinh đồng là con. Tu như vậy gọi là Bồ tát tu tâm bình đẳng, với các chúng sinh xem đồng là con. Bồ tát tu tập hạnh nghiệp bình đẳng này được thọ mạng lâu dài, khéo biết những việc đời trước.

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: "Như Lai chẳng nên dạy như thế ! Bồ tát tu tâm từ bình đẳng lẽ ra không đoán thọ, được thọ mạng lâu dài, biết được túc mạng thường ở nơi đời. Nay do duyên có gì, Thế Tôn thọ mạng rất ngắn, chẳng

khác người thế tục trần gian ? Hay Như Lai oán ghét chi chúng sinh ? Ngày trước Như Lai làm nghiệp ác gì, mà mắc báo đọa thọ sống không đầy trăm tuổi ?"

Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: "Nay duyên có gì ông nói lời thô trước Như Lai như thế ? Như Lai trường thọ hơn hết trong các tuổi thọ. Như Lai được pháp thường trụ hơn hết trong các pháp thường trụ." Các ông cần phải học !"

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: "Đức Như Lai thọ mạng dài lâu như thế nào ?"

Phật nói: Ví như tám con sông: sông Hằng, sông Diêm Ma La, sông Tát La, sông A Lợi La, sông Ma Ha, sông Tân Đầu, sông Bác Xoa, sông Tát Da. Tám con sông này cùng các sông nhỏ đều chảy vào biển lớn.

Cũng vậy, tất cả con sông thọ mạng của người, của trời đất, của hư không, đều vào trong biển thọ mạng của Như Lai. Vì vậy nên thọ mạng của Như Lai vô lượng, vô cùng.

Ví như ao A Nậu chảy ra thành bốn con sông lớn. Cũng vậy, ở trong các pháp thường trụ, Như Lai là đệ nhất.

Phật dạy: Ca Diếp ! Đối với Như Lai, ông không nên có quan niệm diệt tận. Hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di vẫn có thể sống lâu trăm tuổi hoặc hơn trăm tuổi. Hàng ngoại đạo có được ngũ thông, hạng luyện đơn, chế thuốc tu tiên, họ vẫn có thể kéo dài mạng sống ngàn năm, hoặc vạn năm tùy ý. Như Lai có sức tự tại, Như Lai là vua của các pháp, há lại không thể trụ thế một kiếp hoặc hơn một kiếp hay sao ?

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: "Nếu thọ mạng của Như Lai dài lâu như vậy, Như Lai ở nơi đời hoặc một kiếp hoặc ít hơn để thường tuyên diệu pháp, như tuôn mưa lớn".

Như Lai là pháp thường trụ chẳng biến đổi, thân Như Lai là thân biến hóa chẳng phải thân tạp thực. Vì độ chúng sinh nên thị hiện có sinh có diệt. Vì độ chúng sinh nên thị hiện bỏ thân mà nhập Niết bàn.

Ông nên biết, Phật là pháp thường trụ, không biến đổi. Ở trong đệ nhất nghĩa này, các ông phải nên siêng năng tinh tấn nhất tâm tu học. Mình đã tu học và vì người khác mà giảng nói.

Ca Diếp Bồ tát thưa: "Có sự sai khác gì giữa xuất thế pháp cùng thế pháp ? Như lời Phật dạy: Phật là pháp thường trụ, không biến đổi. Người đời cũng nói Phạm Thiên là thường, Tự Tại Thiên là thường. Họ cũng nói Ngã là thường, Tánh là thường và vi trần cũng là thường, tất cả đều không biến đổi.

Nếu nói Như Lai là pháp thường trụ, có sao Như Lai chẳng thường hiện nơi đời ? Có khác gì nghĩa thường của thế gian ? Vì Phạm Thiên hẳn đến vi trần cũng chẳng thường hiện ở nơi đời.

Phật bảo Ca Diếp: Phạm phu dầu có pháp lành nhưng đều là pháp thừa của Như Lai. Sau khi Thế Tôn nhập Niết bàn, họ trộm pháp lành thừa của Như Lai, hoặc giới, hoặc định, hoặc tuệ nhưng không có phương tiện nên chẳng giải quyết được, họ không thể được thường giới, thường định, thường tuệ và giải thoát. Vì mong được giải thoát, hạng phạm phu nói Ngã, hoặc Phạm Thiên, Tự Tại Thiên, Phi Tướng, Phi Phi Tướng chính là Niết bàn, kỳ thật họ chẳng được giải thoát Niết bàn.

Hạng phạm phu có chút ít phạm hạnh, cúng dường cha mẹ nên được sanh lên trời hưởng một ít an lạc. Mà thật chẳng biết được giới, định, tuệ, quy y tam bảo rồi do chẳng biết mà nói thường, lạc, ngã, tịnh. Dầu nói thường, lạc, ngã, tịnh mà thật ra họ chẳng biết. Vì thế nên sau khi ra đời, Như Lai vì chúng sinh diễn nói thường, lạc, ngã, tịnh.

Này Ca Diếp ! Như Lai là thường, là pháp không biến đổi. Chẳng đồng hạng với người ngu trong đời gọi Phạm Thiên.v.v...là pháp thường còn. Gọi là pháp thường trụ phải là Như Lai chớ chẳng phải pháp nào khác. Ca Diếp ! Ông phải hiểu thân Như Lai là như vậy.

Này Ca Diếp ! Mọi người nên thường xuyên tu học hai chữ: Phật là THƯỜNG TRỤ.

Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn nào tu hai chữ này, người ấy đi theo đường Phật đi, đến chỗ Phật đến.

Này Ca Diếp ! Nghĩa Niết bàn chính là pháp tánh mà chư Phật nói.

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: "Pháp tánh của chư Phật nghĩa thế nào ? Mong đức Như Lai giải rộng cho. Theo con hiểu: Pháp tánh có nghĩa là phải xả bỏ

sắc thân. Đã xả bỏ sắc thân tức là vô sở hữu, nếu vô sở hữu thì thân không còn. Thân nếu còn tại sao lại nói thân có pháp tánh ? Thân có pháp tánh sao thân lại còn ?

Phật dạy: "Ca Diếp ! Ông chẳng nên nói diệt mới là pháp tánh. Pháp tánh không có diệt.

Ví như Vô Tướng Thiên thành tựu sắc âm mà không có sắc tướng. Chẳng nên hỏi các ông trời ấy sung sướng hưởng vui thế nào ? Nghĩ tưởng những gì ?

Này Ca Diếp ! Cảnh giới của Như Lai chẳng phải chỗ biết của Thanh Văn, Duyên Giác. Chẳng nên nói thân của Như Lai là pháp diệt. Ông không nên nghĩ Như Lai ở chỗ nào, đi chỗ nào, thấy, vui, chỗ nào ? Pháp thân của Phật, các thứ phương tiện chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải điều mà các ông biết được.

Này Ca Diếp ! Nên tu tập Phật, Pháp và Tăng mà quán tưởng là thường. Ba pháp ấy không có dị tướng, không vô thường tướng, không biến dị tướng. Đó là tu đúng chánh giáo. Nếu ở nơi ba pháp, tu dị tướng, phải biết rằng pháp tam quy thanh tịnh của những người này bị lệch lạc chánh pháp, cấm giới của họ chẳng viên mãn. Họ chẳng chứng được quả Thanh Văn, Duyên Giác Bồ đề. Nếu có thể ở nơi ba pháp bất khả tư nghì này, tu thường tướng thì có chỗ quy y.

Này Ca Diếp ! Ví như nhưn nơi cây mà có bóng cây. Cũng vậy, vì Như Lai có pháp thường trụ nên có chỗ quy y. Nếu cho rằng Như Lai là vô thường thì Như Lai không phải là chỗ quy y. Nếu cho rằng Như Lai là vô thường thì Như Lai không phải là chỗ quy y của người trời.

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: Bạch Thế Tôn ! Ví như trong tối có cây mà không có bóng !"

Phật nói: "Ca Diếp! Ông không nên nói có cây mà không có bóng, chỉ vì nhục nhãn nhìn thô thiển nên không thấy đó thôi.

Cũng vậy, tánh Như Lai là thường trụ, không biến đổi. Người không có con mắt trí tuệ không thấy được, như trong bóng tối không thấy bóng cây. Cũng vậy, sau khi Phật nhập diệt, hạng phàm phu nói Như Lai là vô thường.

Nếu cho rằng Phật khác với Pháp và Tăng, chẳng thành chỗ của ba pháp quy y. Như cha mẹ của ông mỗi mỗi sai khác, nên thành vô thường".

Ca Diếp Bồ tát lại bạch Phật: "Từ nay, con sẽ đem ba pháp thường trụ: Phật, Pháp, Tăng để khai ngộ cho cha mẹ, hẳn đến cha mẹ trong bảy đời đều khiến phụng trì.

Bạch Thế Tôn ! Nay con phải học Phật, Pháp, Tăng bất khả tư nghi. Tự mình học rồi lại sẽ vì người mà giảng giải những nghĩa ấy. Người nào không tin tưởng không nhận được, vì họ đã tu pháp vô thường từ lâu, con sẽ làm sương móc, mưa giá cho hạng người này".

Phật khen Ca Diếp Bồ tát: "Lành thay ! Lành thay ! Nay ông khéo có thể hộ trì chánh pháp. Hộ pháp như vậy là không khinh khi người. Do nơi nghiệp nhơn không khinh khi người mà được quả báo trường thọ.

TRỰC CHỈ

Phẩm kinh này có nhan đề TRƯỜNG THỌ. Phật dạy phẩm TRƯỜNG THỌ, nhưng không phải là dạy cho con người dưỡng sinh, tập luyện cách nào đó để được sống lâu. Bởi vì giáo lý của đạo Phật nhận thức về con người, cái "tối linh u vạn vật" nói chung, "tối linh u động vật" nói riêng, không phải ở nơi sự sống dài hay sống ngắn, ở nơi ít tuổi hay cao tuổi và sự so sánh ít năm hay nhiều năm.

Những cụm từ đó, đối với đệ tử Phật, có học đạo, hành đạo và chứng đạo, nó không có giá trị cao siêu hay một sự vui mừng, hãnh diện gì hết. Cho nên, người Phật tử với vấn đề tử sinh, sinh tử là chuyện "tùy thuận", không cầu nguyện, không khẩn vái van xin mà cũng không cần có ý chối bỏ hay trốn chạy sự sống.

Tiêu chí mà đạo Phật đặt ra đối với con người là:

Sống một đời sống đáng sống

Sống có an lạc và hạnh phúc

Sống có tự tại và khinh an

Sống có phước đức và trí tuệ

Sống có Bồ đề, Niết bàn hữu thượng và vô thượng.

Hiện thực được những tiêu chí đó là đạt mục đích yêu cầu của đời sống đáng sống của con người.

Đền Ngọc Sơn bên hồ Hoàn Kiếm, thủ đô Hà Nội có xác "con rùa thuộc" to tướng, dài hơn một thước tây. Nhà sinh vật học cho biết con rùa ấy sống 500 năm tuổi, tính theo tuổi thọ con người "trường thọ" 500 tuổi, thế mà chẳng thấy ai gọi dù là một tiếng "Ông rùa" giữa cảnh ngựa xe như nước, áo quần như nêm của cố đô Thăng Long nghìn năm văn vật !

TRƯỜNG THỌ đức Phật dạy cho Bồ tát Ca Diếp là sự trường thọ với không gian, với thời gian. Là Bồ tát phải tu học cái nhân trường thọ. Phải phát tâm đại từ, đại bi, mở rộng lòng đại hi, đại xả. Phải vun bồi tự giác cho mình, phải huấn đạo tha giác cho chúng sinh. Đem giới, định, tuệ mà truyền trao cho mọi người. Dẫn dụ mọi người quay về với Phật, với Pháp, với Tăng. Gieo trong lòng mọi người hạt giống giác ngộ, giải thoát. Đó là việc làm của Bồ tát hạnh. Việc làm đó phù hợp chân lý. Tu như vậy gọi là "xứng tánh khởi tu". Làm như vậy gọi là "tùy thuận pháp tánh". Đó chính là Bồ tát vun bồi, xây dựng cái nhân "trường thọ" để rồi thọ dụng cái quả "trường thọ" vĩnh cửu với không gian vô tận, thời gian vô cùng.

TRƯỜNG THỌ mà đức Phật dạy: Là Bồ tát phải tu học rằng: Hiện tượng vạn pháp xưa nay bản tánh của nó RÕNG RANG và VẮNG LẶNG, không có lần lộn chất liệu nhiễm ô.

TRƯỜNG THỌ mà Bồ tát phải tu học là: Thọ mạng của Như Lai trường thọ hơn hết trong tất cả trường thọ. Sự trường thọ của vạn pháp ví như sông ngòi. Trường thọ của thọ mạng Như Lai ví như tất cả đại dương hợp lại.

TRƯỜNG THỌ Bồ tát Ca Diếp phải học là: Phật thường trụ, Pháp thường trụ, Tăng thường trụ. Vì tánh của tam bảo là tánh thanh tịnh bản nhiên vốn không có khởi điểm và cũng không có cuối cùng.

TRƯỜNG THỌ mà Bồ tát phải tu học là: Không được hiểu thân Như Lai là thân tạp thực, có ăn uống, có đi đứng, nằm ngồi. Thân có đi, đứng nằm ngồi, có ăn uống, chỉ là ứng thân Phật vì lợi ích chúng sinh mà thị hiện.

Điều quan trọng cuối cùng, đức Phật dạy Ca Diếp Bồ tát, rằng: Muốn hiểu Phật, phải tu học PHÁP THÂN NHƯ LAI. Tu học PHÁP THÂN NHƯ LAI mới hiểu được thọ lượng của Như Lai. Hiểu được thọ lượng của Như Lai mới hiểu được giá trị thế nào là "trường thọ" của cái từ TRƯỜNG THỌ mà Như Lai đĩnh ninh dạy bảo.

TRƯỜNG THỌ mà Như Lai dạy ở đây phải được hiểu là: THƯỜNG TRỤ. Phật thường trụ, Pháp thường trụ, Tăng thường trụ, Pháp thân thường trụ. Như Lai thường trụ. Niết bàn thường trụ. Tam bảo thập phương thường trụ. Bởi vì chân lý của vạn pháp trong vũ trụ LOẠN KHỔ LOẠN DIỆT như hoa đốm trong hư không. Mà hư không thì không có sinh, không có diệt !

Đừng đau đớn gì hết ! Đừng xót thương gì hết ! Như Lai sắp nhập Niết bàn mà tỏ vẻ xót thương đau đớn là những người đệ tử chỉ có nhục nhãn và nhìn Như Lai bằng cái nhục nhãn khốn khổ của chính mình. Là Bồ tát hãy sử dụng tuệ nhãn mà chiêm ngưỡng Như Lai.

"Nhất thiết pháp bất sanh

"Nhất thiết pháp bất diệt

"Nhược năng như thị giải

"Chư Phật thường hiện tiền

"Hà khứ lai chi hữu..."

Bồ tát Ca Diếp hứa trước Phật, rằng mình sẽ nỗ lực phấn đấu tu học, rằng mình sẽ truyền đạt cho mọi người lời dạy của Phật. Rằng TRƯỜNG THỌ đồng nghĩa với chân lý của vạn pháp là THƯỜNG TRỤ. Phật không dạy cách "trường thọ" để kiếm chác thêm dăm ba mươi tuổi nữa...../.

---o0o---

PHẨM THỨ NĂM - KIM CANG THÂN

Đức Phật bảo: "Này Ca Diếp Bồ tát ! Thân Như Lai là thân thường trụ, thân bất hoại, thân kim cang, chẳng phải thân tạp thực. Thân Như Lai đích thực phải là PHÁP THÂN".

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: "Bạch Thế Tôn ! Những thân của Phật nói con đều chẳng thấy. Con chỉ thấy thân vô thường bại hoại, thân vi trần, tạp thực thôi. Vì rằng Như Lai sắp nhập Niết bàn".

Phật dạy: Này Ca Diếp ! Chớ cho rằng thân Như Lai vô thường bại hoại như thân phàm phu.

Ca Diếp ! Ông nên biết ! Thân Như Lai vô lượng vô số kiếp hằng hữu, luôn luôn hiện hữu, không có trong các cụm từ: tiêu tan bại hoại, mục nát, diệt vong. Vì thân Như Lai không có tướng đến, tướng đi, tướng ngồi, tướng nằm, tướng co, tướng duỗi....Thế cho nên, thân Như Lai không phải là thân tạp thực. Như Lai chẳng phải thân mà là thân. Thân Như Lai chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng như, chẳng sạch, không có lúc thêm lên, chẳng có lúc bớt xuống, không có lúc ra, chẳng có lúc vào. Thân Như Lai không phải hữu vi, chẳng phải vô vi, chẳng phải nghiệp quả, không rời nghiệp quả. Chẳng phải ngũ uẩn, không rời ngũ uẩn, chẳng phải thất đại, cũng không ngoài thất đại. Chẳng phải tâm vương, chẳng phải tâm sở, không ngoài tâm vương, tâm sở. Thân Như Lai bình đẳng hiện hữu mọi chốn mọi nơi mà cũng không trụ ở một chốn nơi nào. Vì thân Như Lai không phải là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Như Lai không phải nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, cũng không phải không nhãn, không nhĩ, không tỷ, không thiệt, không thân, không ý. Thân Như Lai không phải nhãn thức, cho đến không phải ý thức, nhưng cũng không xa lìa sáu thức ấy. Thân Như Lai vô sở trụ mà trụ tất cả chỗ, không tướng mạo mà đủ tất cả đức tướng trang nghiêm.

Như Lai cứu độ cho tất cả chúng sinh được giải thoát mà không cứu độ một chúng sinh nào. Như Lai thương tất cả chúng sinh mà không thương một chúng sinh nào. Thân Như Lai thành tựu vô lượng vô biên công đức vi diệu như vậy. Thân của Như Lai không ai biết, không ai chẳng biết, vì thân Như Lai không phải không gian, không rời ngoài không gian, không phải thời gian cũng không ngoài thời gian. Thân của Như Lai là PHÁP THÂN, là

BIẾN NHẤT THIẾT XỨ. Thế cho nên nói Như Lai nhập Niết bàn, kỳ thực Như Lai chẳng nhập Niết bàn.

PHÁP THÂN NHƯ LAI thành tựu công đức vi diệu thậm thâm vô thượng...

_ Này Ca Diếp ! Chỉ có Như Lai mới biết. Chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được.

_ Này Ca Diếp ! Chơn thân của Như Lai có công đức như vậy, làm gì có các bệnh hoạn khổ đau, mong manh tạm bợ chẳng bền chắc như đồ gốm chưa hầm ! Như Lai thị hiện có các sự khổ là vì muốn điều phục các chúng sinh.

Nay ông phải biết thân Như Lai là thân Kim Cang. Ông phải chuyên tâm tu tập suy nghĩ nghĩa ấy, chớ nghĩ như Lai là thân tạp thực. Ông cũng nên vì mọi người mà giảng nói: Rằng thân Như Lai là "Pháp thân".

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: "Như Lai thành tựu công đức như vậy, thì làm gì có chịu sự vô thường bại hoại, tử biệt sinh ly như hạng phàm phu !". Từ nay, con phải thường suy nghĩ thân của Như Lai là Pháp thân thường trụ, là giải thoát thân. Con sẽ nói rộng nghĩa ấy cho nhiều người khác cùng nghe biết.

_ Kính bạch Thế Tôn ! Con chưa rõ vì nguyên nhân gì mà Pháp thân của Như Lai là thân Kim Cang bất hoại ?

Phật dạy: "Này Ca Diếp ! Vì vô lượng kiếp tu nhân hộ trì chánh pháp mà được thành tựu thân Kim Cang thường trụ bất hoại này.

Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: "Nếu có Tỳ kheo tùy ở chỗ nào, nuôi thân vừa đủ, đọc tụng kinh điển, tư duy tọa thiền, thường giảng nói về: phước đức của sự tu hạnh trì giới, bố thí....ít muốn, biết đủ....

Dầu hay thuyết pháp như vậy mà không thể tuyên thuyết pháp Đại thừa, không có đồ chúng Đại thừa, không hàng phục được kẻ tà kiến. Tỳ kheo này không đem lại lợi ích cho mình và cũng chẳng đem lại lợi ích cho chúng sinh. Phải biết Tỳ kheo này dầu có giữ gìn phạm hạnh, trông có vẻ thanh tịnh mà thực chất hạng người này chẳng nếm được hương vị giải thoát giác ngộ của Đại thừa.

Nếu có Tỳ kheo nuôi thân vừa đủ, giữ gìn cấm giới đã thọ, có thể giảng rộng giáo lý Đại thừa trong chín bộ kinh, để lợi ích an lạc các hạng chúng sinh, rằng: Trong kinh Niết bàn, đức Phật bảo các Tỳ kheo chẳng được chứa nuôi tỳ tớ, trâu bò, dê lợn. Phải răn trị vị Tỳ kheo nào chứa nuôi những vật bất tịnh ấy. Như Lai ở trong các kinh đã từng dạy Tỳ kheo nuôi chứa những vật phi pháp, các quốc vương cứ theo luật pháp mà trừng trị bình đẳng như mọi công dân trong xã hội.

Thầy Tỳ kheo tuyên thuyết những lời như trên đây, có thể bị những kẻ phá giới nghe được, oán giận, thậm chí hãm hại giết chết vị pháp sư này. Dầu bị giết chết nhưng vị pháp sư này được xem là bực trì giới lợi mình lợi người. Do duyên có ấy nên Như Lai cho phép vua quan, cư sĩ hộ trì người thuyết pháp. Nếu ai muốn được hộ trì chánh pháp phải nên tu học như vậy.

Này Ca Diếp ! Đời quá khứ vô lượng vô biên kiếp, nơi thành Câu Thi Na có Phật ra đời hiệu Hoan Hỷ Tăng Ích Như Lai, đủ mười đức hiệu. Lúc ấy, cõi nước rộng lớn tốt đẹp giàu có, nhân dân an lạc đầy đủ ấm no. Phật Hoan Hỷ Tăng Ích trụ thế rất lâu. Cơ duyên đã mãn, Phật nhập Niết Bàn nơi rừng Ta La. Sau khi Phật Hoan Hỷ Tăng Ích nhập Niết Bàn, chánh pháp còn ở đời vô lượng ức năm, lúc còn lại bốn mươi năm cuối cùng, có một Tỳ kheo trì giới hiệu là Giác Đức có đồng đồ chúng. Tỳ kheo Giác Đức hay tuyên thuyết chín bộ kinh. Rằng ở trong các kinh Như Lai dạy các Tỳ kheo không được chứa nuôi tỳ tớ, trâu bò, heo dê...những vật phi pháp. Các Tỳ kheo phá giới nghe được đem lòng oán ghét và hãm hại Giác Đức. Quốc vương Hữu Đức nghe được việc ấy, vì hộ pháp, nhà vua liền đến đấu chiến với bọn phá giới. Nhờ đó mà pháp sư Giác Đức khỏi nạn. Nhà vua bị thương nặng. Pháp sư Giác Đức liền khen vua rằng: "Lành thay ! Nay vua là người hộ pháp, đời nay, đời sau, thân vua sẽ là vô lượng pháp khí". Vua nghe lời ấy lòng rất vui mừng. Vì vết thương trầm trọng, nhà vua băng hà và thọ sanh vào thế giới của đức Phật A Súc, làm vị đệ tử thứ nhất. Những người theo vua chiến đấu hoặc tùy hỉ đều được không thôi chuyển tâm Bồ đề. Sau khi chết họ cũng được sanh về nước của Phật A Súc. Pháp sư Giác Đức khi báo mãn, thọ chung cũng sanh về cõi ấy làm đệ tử thứ hai trong chúng Thanh văn.

Này Ca Diếp ! Quốc vương trước kia là tiền thân của ta đây, Pháp sư Giác Đức là tiền thân của Phật Ca Diếp.

Nếu lúc chánh pháp sắp diệt phải nên hộ trì như vậy. Người hộ pháp được vô lượng quả báo, vì thế nên nay Như Lai được nhiều tướng tốt để tự trang nghiêm, thành tựu "pháp thân Kim Cang bất hoại".

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: "Bạch Thế Tôn ! Thân chơn thường của Như Lai cũng như khắc chạm vào đá".

Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Vì nhơn duyên như vậy nên Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di phải siêng năng hộ trì chánh pháp, hộ pháp được quả báo rộng lớn vô lượng.

Này Ca Diếp ! Vì những cơ ấy nên hàng Ưu Bà Tắc v.v...phải cầm binh khí ủng hộ vị Tỳ kheo trì pháp như nhà vua hộ trì pháp sư Giác Đức. Thế cho nên Như Lai dạy: Vì chánh pháp Đại thừa, người cư sĩ không cần thọ trì ngũ giới bằng tâm kiến thủ tầm thường ! Nếu trụ tâm kiến thủ để thọ trì ngũ giới thì không phải là người tu học Đại thừa, làm giảm sút cái nhân TRƯỜNG THỌ, KIM CANG BẤT HOẠI.

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: "Nếu chư Tỳ kheo làm bạn với hàng Ưu Bà Tắc cầm binh khí như vậy là hợp với lời Phật dạy hay không hợp ? Làm như vậy trì giới hay phạm giới ?"

Phật nói: "Ông chớ nói những người ấy là phạm giới. Sau khi ta nhập Niết bàn, đời trước ác, cõi nước nhiễu loạn, trộm cướp dấy lên, nhân dân đói khổ. Có người vì khổ nên phát tâm xuất gia, người như vậy đáng được gọi là người cư sĩ tợc. Hàng tợc ấy, thấy Tỳ kheo thanh tịnh giữ gìn giới hạnh, đầy đủ oai nghi, hộ trì chánh pháp, họ bèn xua đuổi hoặc âm mưu giết hại.

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: "Nếu như vậy, Tỳ kheo trì giới hộ trì chánh pháp làm thế nào đi vào tụ lạc, thành ấp giáo hóa mọi người ?"

Phật nói: "Vì vậy nên Như Lai cho phép Tỳ kheo trì giới cùng làm bạn với hàng cư sĩ cầm binh khí. Trong trường hợp trên đây, các quốc vương, đại thần, trưởng giả, Ưu Bà Tắc vì hộ pháp mà cầm binh khí. Như Lai gọi họ là người trì giới. Dầu cầm binh khí nhưng chẳng nên giết chết người. Được như vậy gọi là người trì giới bậc nhất.

Người giảng rộng kinh điển Đại thừa phải là người xa rời lợi dưỡng, không tham muốn công danh, không đam mê sự nghiệp, không đua đòi vật chất, không cầu phú quý vinh hoa, không thân cận vua quan, không lân la đàn việt. Người giảng rộng Đại thừa phải là người đầy đủ oai nghi, điều phục những kẻ bất chánh hủy phạm giới luật. Hạng người như vậy, đáng được gọi là bậc thầy trì giới hộ pháp, là chơn thiện tri thức của chúng sanh.

Này Ca Diếp ! Nếu có Tỳ kheo vì cầu lợi mà thuyết pháp cho người, đồ chúng quyến thuộc của Tỳ kheo này cũng bắt chước thầy mà cầu lợi, Tỳ kheo này được xem là người phá hoại chúng Tăng.

Này Ca Diếp ! Tăng chúng có ba hạng: Một là phạm giới tạp Tăng. Hai là ngu si Tăng. Ba là thanh tịnh Tăng.

Hạng phạm giới tạp Tăng thì dễ dàng bại hoại rồi tự diệt vong.

Hạng thanh tịnh Tăng trì giới, lợi danh không làm hư đốn họ được.

Hạng ngu si Tăng dù có thiếu dục tri túc, thậm chí khổ hạnh, cũng không hưởng được hương vị an lạc giải thoát của Đại thừa.

Thế nào là phạm giới tạp Tăng ? Thầy Tỳ kheo dầu giữ gìn giới cấm, vì cầu lợi cùng với người phạm giới ở chung, gây dựng sự nghiệp chung, đây gọi là người phạm giới cũng gọi là tạp Tăng.

Thế nào là ngu si Tăng ? Giả sử có Tỳ kheo trụ nơi A Lan Nhã nhưng tâm trí đần độn. Dầu có tu hạnh thiếu dục tri túc, nhưng đến ngày thuyết giới, ngày tự tứ không biết thế nào đúng pháp, thế nào phi pháp. Đây gọi là hạng ngu si Tăng.

Thế nào là thanh tịnh Tăng ? Các thầy Tỳ kheo Tăng không bị các ma làm nhiễu loạn, có thể điều phục hai bộ chúng trên làm cho an trụ trong chánh pháp. Đây là bậc đại sĩ Hộ pháp.

Người khéo trì luật vì muốn điều phục lợi ích chúng sinh, rõ biết hành tướng hoặc khinh hoặc trọng của giới luật mà không câu chấp nhỏ nhen.

Thế nào là điều phục lợi ích chúng sinh ? Nếu là Bồ tát vì giáo hóa chúng sinh có thể vào xóm làng mà chẳng cần thời hay phi thời. Thậm chí có thể

đến nhà góa phụ, dâm nữ sống chung mà không bị nhiễm ô phạm hạnh. Đây gọi là hạng đại sĩ điều phục lợi ích chúng sinh. Hàng Thanh văn chứng tánh, thì không nên làm việc có tính mạo hiểm này.

Này Ca Diếp ! Phật pháp mầu nhiệm vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Như Lai cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: "Đúng như lời Phật dạy, Phật pháp mầu nhiệm vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, nay con biết rõ: Như Lai là thường trụ, chẳng biến đổi, chẳng hư hoại. Nay con khéo học và cũng sẽ giảng rộng cho nhiều người về nghĩa ấy".

Phật khen Ca Diếp: "Lành thay ! Lành thay ! Thân Như Lai là thân Kim Cang bất hoại. Bồ tát phải khéo học như vậy, thấy như vậy là thấy chơn chánh. Biết như vậy là biết chơn chánh. Nếu có thể thấy biết như vậy là thấy được thân Kim Cang bất hoại của Phật!

TRỰC CHỈ

"Vân hà đắc TRƯỜNG THỌ

KIM CANG BẤT HOẠI THÂN"

Ý hỏi rằng:

Phải làm gì để được THÂN TRƯỜNG THỌ ?

Phải làm gì để có THÂN KIM CANG BẤT HOẠI ?

Học phẩm TRƯỜNG THỌ thứ tư, người đệ tử Phật sáng mắt ra và nhận thức rõ về giá trị của danh từ TRƯỜNG THỌ, qua lời Như Lai Thế Tôn dạy cho Bồ tát Ca Diếp.

Bồ tát Ca Diếp còn muốn tìm hiểu nguyên nhân nào hun đúc thành tựu cái quả THÂN KIM CANG BẤT HOẠI ?

"Vân hà đắc TRƯỜNG THỌ

KIM CANG BẤT HOẠI THÂN ?"

Người Đại thừa, chúng tánh Đại thừa đọc hai câu đó, cảm nghe vừa sung sướng, vừa ngậm ngùi, nao nao, man mát trong lòng, vừa khởi niệm tri ân Bồ tát Ca Diếp, tri ân đức Phật tận đáy lòng thâm sâu vô lượng.

Không có hai câu hỏi đó, người Đệ tử Phật không có cơ hội hiểu rõ PHÁP THÂN PHẬT. Người Đệ tử Phật, thông thường chỉ thấy Phật, nghe Phật và biết Phật qua ỨNG THÂN duyên khởi, qua thân tướng của Thái tử Tất Đạt Đa, Thích Ca Mâu Ni Phật.

Đến như hạng người chúng quả Thanh văn, La Hán, thậm chí các Bồ tát Đẳng địa mà sự hiểu biết của các vị về PHÁP THÂN PHẬT vẫn lờ mờ. Lờ mờ cho đến lúc trở thành "Kim Cang đạo hậu" mới thôi.

"Nhược dĩ sắc kiến ngã

Dĩ âm thanh cầu ngã

Thị nhơn hành tà đạo

Bất năng kiến Như Lai"

Bài kệ cô khởi Phật dạy ở kinh Kim Cang ấy, cho biết rằng: Là đệ tử Phật mà chưa học hiểu PHÁP THÂN PHẬT, dù người đó có tu hành cần khổ thế nào cũng chỉ là người tà đạo. Người đó không phải đệ tử Phật, vì chưa hề quen biết Như Lai, Phật bao giờ.

Học về TRƯỜNG THỌ, là học PHÁP THÂN PHẬT hằng hữu, hiện hữu, tồn tại về mặt THỜI GIAN và học chân lý hun đúc tạo thành cái quả TRƯỜNG THỌ, bất sanh, bất diệt... ấy.

Học KIM CANG BẤT HOẠI THÂN là học rộng về NHƯ LAI PHÁP THÂN: hằng hữu, hiện hữu, tồn tại về mặt KHÔNG GIAN. Rằng thân Như Lai vượt ngoài các từ ngữ: tiêu tan, bại hoại, hư nát, diệt vong...Rằng thân Như Lai không có sinh, diệt, đến, đi, còn, mất. Không có đi, đứng, nằm, ngồi...Rằng thân Như Lai bình đẳng hiện hữu mọi chốn, mọi nơi mà Như Lai không trụ một chốn nơi nào...

Rằng thân Như Lai không phải núi sông, đất liền, trời mây, trăng nước, cỏ cây, hoa lá. Thân Như Lai không phải động vật, thực vật, khoáng vật. Nhưng

thân Như Lai không rời ngoài núi sông, đất liền, trời mây, trăng nước, cỏ cây, hoa lá. Thân Như Lai cũng không tách rời ngoài động vật, thực vật và khoáng vật trong vũ trụ vô biên vô cùng vô cực. Thân Như Lai là TẤT CẢ PHÁP. Vì thế, cho nên gọi là PHÁP THÂN (Ly nhật thiết tướng, tức nhất thiết pháp).

Học KIM CANG BÁT HOẠI THÂN tức là học về PHÁP THÂN PHẬT thường trụ bên mặt không gian vậy.

Hộ trì chánh pháp ĐẠI THỪA là NHÂN, mà KIM CANG BÁT HOẠI là QUẢ.

Không tư duy, không quán chiếu, không tu tập, không thực hành, không sống trong chánh pháp ĐẠI THỪA thì không hiểu biết chân lý: THẤT ĐẠI DUYÊN SINH, THANH TỊNH BẢN NHIÊN của hiện tượng vạn pháp.

Tánh GIÁC chân KHÔNG, tánh KHÔNG chân GIÁC, thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới.....

Tánh SẮC chân KHÔNG, tánh KHÔNG chân SẮC, thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới.....

Tánh THỦY chân KHÔNG, tánh KHÔNG chân THỦY, thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới.....

Tánh HỎA chân KHÔNG, tánh KHÔNG chân HỎA, thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới.....

Tánh PHONG chân KHÔNG, tánh KHÔNG chân PHONG, thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới.....

Tánh KIẾN giác minh, kiến tinh MINH GIÁC, thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới.....

Tánh THỨC chân KHÔNG, tánh KHÔNG chân THỨC, thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới.....

GIỚI, ĐỊNH, TUỆ tam vô lậu học, Đại thừa hay Tiểu thừa đều xem trọng như nhau. Nhưng giới luật để THỌ để TRÌ thì quan niệm và mục đích của hai bộ không đồng.

TRÌ GIỚI ở Tiểu thừa chú trọng: "Nhiếp lục nghi".

TRÌ GIỚI ở Đại thừa, ngoài "Nhiếp lục nghi" đặc biệt mở rộng thêm hai con đường phóng khoáng cho ý nghĩ và hành động:

TU THIÊN PHÁP cũng gọi là TRÌ GIỚI (cho TÂM)

NHIÊU ÍCH HỮU TÌNH cũng gọi là TRÌ GIỚI (cho HÀNH)

Người Đại thừa trì giới có thể, có lúc rầy la, quở trách...thậm chí có vẻ thô bạo.

Người Đại thừa trì giới vì hộ trì chánh pháp, có thể không cần thọ giới. Do vậy Phật dạy:

Người Đại thừa nặng lòng hộ trì chánh pháp Đại thừa có thể cầm binh khí bảo vệ chánh pháp mà chưa GẤP thọ trì năm giới của một Ưu bà tắc...Đức Phật kể lại câu chuyện Tỳ kheo Giác Đức, vua Hữu Đức và vệ sĩ của vua sau khi mệnh chung, sanh về cõi nước của đức Phật A Súc để chứng minh điều đó.

* Kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN là Đại thừa liễu nghĩa kinh. Giáo nghĩa của kinh luận thậm thâm vi diệu; nhưng không phải thậm thâm vi diệu với mọi chủng tánh, với mọi hạng người, kể cả trong những người đã tự nhận mình là đệ tử của đức Thế Tôn.

Đệ tử tại gia của Phật cũng có nhiều căn cơ, nhiều chủng tánh. Đệ tử xuất gia của Phật cũng có nhiều căn cơ, nhiều chủng tánh như vậy. Có người có khả năng tuyên dương chánh pháp Đại thừa, cũng có người xuyên tạc chánh pháp Đại thừa nhằm để củng cố công danh sự nghiệp huyễn chất thế gian.

* Xiển dương Đại thừa không phải nhằm phê phán chê bai xem nhẹ Tiểu thừa. Nên biết ! Không có tầng nhà trệt, không thể có lầu một, lầu hai...

* Gọi là người Đại thừa phải có đầy đủ chất liệu Tiểu thừa. Phải học Tiểu thừa rồi mới trở nên Đại thừa .

* Muốn nhận thức đánh giá THỪA, người trí nhìn trên KẾT QUẢ của sự học đạo, hành đạo và chứng đạo...mà nhận biết đối tượng đang thuộc THỪA nào, sống trong THỪA nào, thọ dụng được hương vị an lạc của THỪA nào.

THỪA không giống như một thứ nhãn...."nước tương", hay một thứ nhãn "chao" không cầu chứng, ai muốn in, muốn dán lọ nào cũng được ! Là Phật tử, chúng ta hãy thận trọng những lúc đề cập đến THỪA

---o0o---

PHẨM THỨ SÁU - DANH TỰ CÔNG ĐỨC

Bấy giờ Phật bảo Ca Diếp Bồ tát:

Ca Diếp ! Thầy nên khéo thọ trì danh tự chương cú của kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN này; nếu người nào được nghe tên kinh này sẽ không còn bị sanh vào bốn con đường ác. Bởi vì kinh này là chỗ nương tựa tu tập của vô lượng vô biên chư Phật. Nay Như Lai sẽ nói cho thầy biết về quả báo vượt bậc của người tu hành theo kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN có được.

Phật dạy tiếp: Kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN này, văn tự ngữ ngôn từ khởi đầu, đoạn giữa, kết thúc, tất cả đều lành, nghĩa thú rất sâu xa, lời lời phạm hạnh, hàng hàng thanh lương, đầy đủ ý vị của Kim Cang bảo tạng. Thầy hãy khéo mà lắng nghe.

Này Ca Diếp ! ĐẠI BÁT NIẾT BÀN có nghĩa là THƯỜNG VẮNG LẶNG. Ví như sự ào ạt cuộn cuộn chảy của chín con sông đều đổ ra biển cả thân nhiên vô tư lự. Tu học kinh này, hàng phục hết các giống ma, thanh lọc trừ hết các kiết sử phiền não trong tam giới. Rồi Bồ tát ở nơi ĐẠI BÁT NIẾT BÀN mà buông bỏ thân mạng. Vì vậy, có tên ĐẠI BÁT NIẾT BÀN.

Ví như y sư tài giỏi, có diệu dược thần phương, gồm chứa nhiều bí phương trong đó. Cũng như vậy, bao nhiêu pháp thậm thâm bí mật đều có đủ trong kinh Đại Bát Niết Bàn. Vì thế, nên gọi ĐẠI BÁT NIẾT BÀN.

Ví như nông phu tháng mùa Xuân, gieo sạ giống, thường có hy vọng...lúa đã gặt xong, thì không hy vọng nữa. Cũng vậy, tất cả chúng sanh tu học các thứ kinh khác, thường có hy vọng mùi vị giải thoát, khi được nghe kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN rồi, sự hy vọng ước mơ kia dứt hết.

Kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN, có thể làm cho chúng sanh qua khỏi các dòng hữu lậu trong ba cõi.

Này Ca Diếp ! Trong các thứ dấu chân, dấu chân voi là to hơn cả. Cũng vậy, kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN đệ nhất đối với thiên định, tam muội của các kinh khác.

Trong các vị thuốc, vị đề hồ là đệ nhất, có khả năng trị bệnh nhiệt não bán loạn tâm thần của chúng sanh. Cũng vậy, kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN là đệ nhất, đem lại sự giải thoát cho tất cả mọi người.

Như chất "bo" đủ cả tám vị. Cũng vậy, kinh này cũng có tám vị:

Thường

Tương tục

An

Thanh lương

Không già

Không chết

Không nhớ

Khoái lạc

Vì có tám vị đặc điểm ấy nên gọi ĐẠI BÁT NIẾT BÀN.

Này Ca Diếp ! Người nào muốn ở nơi ĐẠI BÁT NIẾT BÀN, mà Niết Bàn thì phải tu học: RẰNG NHƯ LAI THƯỜNG TRỤ. PHÁP THƯỜNG TRỤ. TẶNG THƯỜNG TRỤ.

Bạch Thế Tôn ! Ca Diếp thưa. Công đức NHƯ LAI không thể nghĩ bàn. PHÁP và TẶNG không thể nghĩ bàn. ĐẠI BÁT NIẾT BÀN cũng không thể nghĩ bàn.

Người tu học kinh điển này là người được pháp môn tu chân chính, có thể làm vị lương y trị lành bệnh khổ phiền não của chúng sanh trong ác thú. Nếu chưa tu học ĐẠI BÁT NIẾT BÀN, đối với chân lý, dù có mắt cũng như không, vì người đó bị màn đen vô minh luôn luôn che trước mắt.

TRỰC CHỈ

Với kiến giải của Mã Minh Đại Sĩ, người đã từng đồng dạy tuyên bố: NHẤT THIẾT CHƯ PHÁP TÙNG BẢN DĨ LAI, LY VĂN TỰ TƯỚNG, LY DANH NGÔN TƯỚNG, LY TÂM DUYÊN TƯỚNG, TẮT CÁNH BÌNH ĐẰNG, BÁT KHẢ PHÁ HOẠI, DUY THỊ NHẤT TÂM, CỔ DANH CHÂN NHƯ..."

Ấy thế mà ở đây Như Lai dạy: Rằng phải học DANH TỰ CÔNG ĐỨC. Người tu học DANH TỰ CÔNG ĐỨC của kinh này, là người rời khỏi bốn đường ác, không bị sanh vào bốn đường ác...Đó là vấn đề người Đại thừa cần tu học. Đặc biệt quan tâm !

Nên lưu ý rằng: "Văn tự chương cú" hoặc viết thành bài, hoặc in thành trang hay đóng thành quyển, hẳn không phải thứ văn tự chương cú Phật muốn dạy ở phẩm kinh này. Dem các thứ văn tự chương cú đó ra đọc tụng theo nhịp nhàng ê a, theo cung bậc, lúc "oán", lúc "xuân", khi "ai", khi "hạ"....thì đó lại càng rời xa với ý nghĩa "thọ trì VĂN TỰ CHƯƠNG CÚ" của Phật dạy ở kinh Đại Bát Niết Bàn. Bởi lẽ dễ hiểu: Kiến giải của Như Lai Thế Tôn, không thể nào thấp kém hơn cái thấy biết của Mã Minh Đại Sĩ !

THỌ TRÌ DANH TỰ CHƯƠNG CÚ của kinh Đại Bát Niết Bàn, có nghĩa là phải học hiểu Niết Bàn là gì ? Đại Bát Niết Bàn là gì ?

Rằng Niết Bàn không là cái gì hết ! Sống đúng, sống hợp, sống tùy thuận chân lý là sống trong Niết Bàn rồi vậy.

Rằng Niết Bàn là sự thanh tịnh tịch tĩnh bản nhiên. Nó thường trú, hiện hữu bất đoạn trong không gian vô tận, thời gian vô cùng.

Do những nghĩa như vậy, cho nên Niết Bàn có:

1. Tự tánh thanh tịnh Niết Bàn
2. Hữu dư y Niết Bàn
3. Vô dư y Niết Bàn
4. Vô trụ xứ Niết Bàn

Rằng Như Lai ĐẠI BÁT NIẾT BÀN đừng hiểu là Như Lai chết ! Mà phải hiểu là NHƯ LAI THƯỜNG TRỤ. Phải hiểu rằng PHÁP và TĂNG cũng TRƯỜNG TRỤ.

Học như vậy gọi là học về DANH TỰ CHUÔNG CÚ của kinh Đại Bát Niết Bàn.

Hiểu như vậy mới gọi là hiểu DANH TỰ CHUÔNG CÚ của kinh Đại Bát Niết Bàn

Và như vậy mới đúng nghĩa là người "THỌ TRÌ DANH TỰ CHUÔNG CÚ" kinh Đại Bát Niết Bàn.

Như Lai dạy: Người tu học được như vậy là người có được pháp môn tu chân chính, sẽ đạt được thành quả giải thoát, thường ở trong Niết bàn, buông bỏ thân mạng trong ĐẠI BÁT NIẾT BÀN. Hạng người như vậy, Như Lai dạy: Đó là hạng người được VÔ LƯỢNG VÔ BIÊN CÔNG ĐỨC./.

---o0o---

PHẨM THỨ BẢY - TỬ TƯỚNG

Đức Phật bảo Bồ tát Ca Diếp: Đại Bồ tát muốn xiển dương chánh pháp, huân đạo chúng sanh, truyền thụ kinh Đại Niết Bàn cần có bốn điều kiện cách:

Một, Tự chánh

Hai, Chánh tha

Ba, Vấn đáp linh hoạt

Bốn, Rành hiểu ý nghĩa nhân duyên

Thế nào là tự chánh ?

Giả sử có vị Tỳ kheo, Tỳ kheo ni phát biểu: Rằng tôi có thể ôm khối sắt nóng đỏ rục vào lòng, xương thịt có thể cháy thành tro, lòng tin của tôi đối với giáo nghĩa trong mười hai bộ kinh của Phật dạy không hề giảm sút và có ý niệm nghi ngờ. Thà tôi lấy dao cắt bỏ lưỡi, không bao giờ nói Phật, Pháp

Tăng là vô thường. Giả sử có người giảng thuyết ngược lại, tôi không nghe mà còn sanh tâm thương xót.. Hiểu biết như vậy gọi là Tự chánh.

Thế nào là Chánh tha ?

Một hôm nọ, thời pháp thuyết vừa xong, Phật trông thấy một thiếu phụ nét mặt hiện vẻ lo âu. Đức Phật hỏi: Cô có gì ưu tư trong lòng, Như Lai trông thấy cô có vẻ không bình thường an ổn ?

Bạch Thế Tôn ! Đúng như vậy, người nữ thừa. Tiện nữ đang lo lắng, vì sáng nay tiện nữ cho con của tiện nữ ăn nhiều chất bơ, tiện nữ không biết có tiêu hóa tốt hay không, nếu không tiêu hóa tốt ắt sẽ sanh bệnh...Ngưỡng mong Như Lai cho con một lời...

Phật dạy: Con của cô ăn thức ăn như vậy tiêu hóa tốt. Không sao đâu! Chẳng những không hại mà còn tăng sức, khỏe mạnh nữa. Người nữ nghe Phật nói vui mừng hơn hởi và thốt: Vì lời của Như Lai nói đúng như thật không bao giờ sai chạy, nên con rất vui mừng. Đức Thế Tôn vì muốn điều phục chúng sanh mà khéo phương tiện nói tiêu hóa hay chẳng tiêu.

Phật nhằm hóa độ cho hàng Thanh văn tiểu quả, phải đáp ứng tâm tư nguyện vọng của họ, họ chỉ có khả năng tiêu hóa chân lý "vô thường, vô ngã và khổ". Như Lai trước nói với họ: Vô thường, vô ngã, khổ và bất tịnh. Nghe ra họ rất vừa lòng. Sau đó hàng Thanh văn đã đủ sức tu học Đại thừa, ở kinh Đại Bát Niết Bàn Như Lai nói: Không phải chỉ có: Vô thường (vị mặn), vô ngã (vị lạt), khổ (vị đắng) và bất tịnh (vị cay) mà còn có: Thường (vị béo), lạc (vị bùi), ngã (vị ngọt), và tịnh (vị chua).

Thế gian chỉ có bốn vị: Vô thường, vô ngã, khổ và bất tịnh. Phiền não làm củi, trí tuệ làm lửa, do các nhân duyên đó mà có cơm Niết bàn, tức là thường, lạc, ngã và tịnh. Nhờ vậy, các đệ tử Phật nếm được hương vị giải thoát ngọt ngon.

Đức Phật lại bảo người nữ rằng: Nếu nàng có duyên sự đi xa xứ thì sản nghiệp nên đem giao cho đức con ngoan lành, không nên đem giao cho đứa con xấu ác ! Người nữ thưa: Lời Như Lai dạy rất đúng. Gia nghiệp giao cho đứa con ngoan lành mà không nên giao cho đứa con xấu ác.

Phật dạy: Như Lai cũng vậy, lúc nhập Niết bàn, Như Lai đem tặng pháp thậm thâm vi diệu của Đại thừa giao phó cho các Bồ tát mà không giao cho các hàng Thanh văn, vì các hàng Thanh Văn tưởng là Như Lai đã diệt độ (chết rồi mất hẳn). Các Bồ tát thì biết rõ: rằng Như Lai thường trụ. Mà quả thật Như Lai thường trụ, không có diệt độ. Lúc nàng đi xa chưa về, đưa con ác kia nói nàng đã chết mất rồi, đưa con lành vẫn tin là nàng còn sống. Mà chính thật nàng còn sống.

Nếu có chúng sanh tin nhận rằng: Phật là thường trụ, phải biết người đó ở đâu, ở đó có Phật ! Đây là chánh tha.

Thế nào là đáp vấn linh hoạt ?

Một hôm có người đến hỏi đức Phật: Rằng tôi phải làm thế nào, không mất tiền của mà được gọi là đại đàn việt (đại thí chủ) ? Đức Phật dạy: Đem tôi trai, tứ gái bố thí cho sa môn, bà la môn, thiếu dục tri túc, không cất chứa các vật bất tịnh (phi thời, phi pháp). Đem người nữ thí cho người tu phạm hạnh. Đem rượu thịt thí cho những người không dùng rượu thịt. Đem đồ trang sức thí cho người không trang sức....Bố thí như vậy, có danh tiếng lớn mà tiền của chẳng tổn mất hào ly. Đây gọi là khéo đáp vấn linh hoạt.

Bồ tát Ca Diếp hỏi: Bạch Thế Tôn ! Theo con hiểu, với người ăn thịt, không nên đem thịt đến cho. Vì con nghĩ rằng người không ăn thịt, có được phước đức lớn.

Đức Phật khen: Lành thay ! Thầy có thể khéo hiểu ý của Như Lai. Bồ tát hộ pháp phải hiểu biết như vậy. Nay Ca Diếp ! Từ nay về sau Như Lai không cho các hàng Thanh văn đệ tử ăn thịt. Nếu đàn việt đem thịt cúng dường không được nhận mà còn khởi lòng thương xót, nghĩ đến sự đau đớn của con vật bị làm thịt !

_ Lý do gì Như Lai không cho phép ăn thịt ? Ca Diếp hỏi.

Phật dạy: Người mà ăn thịt, mất hết giống đại từ.

_ Duyên cớ gì ngày trước Như Lai cho phép hàng Tỳ kheo nhận và ăn ba thứ thịt, gọi là "tam tịnh nhục" ?

_ Tam tịnh nhục, chỉ là phương tiện quyền xảo mà Như Lai chế ra...trong giai đoạn...

_ Bạch Thế Tôn ! Còn ngũ tịnh nhục và cửu tịnh nhục, sao Như Lai cũng không cho phép ?

_ Sự mở rộng, sự thu hẹp, sự thắt chặt ấy cũng chỉ là sự quyền biến tùy thời của Như Lai. Tất cả đều nhằm mục đích đoạn nhục hiện nay.

_ Bạch Thế Tôn ! Tại sao có lần Như Lai khen ngư nhục là món ăn ngon ?

_ Như lai không những chỉ khen ngư nhục là món ăn ngon. Mà Như Lai cũng nói: cơm, xôi, bắp, khoai, đường, mật, bơ, sữa, chè, chuối, sầu riêng, chôm chôm, nhãn...là những món ăn ngon.

_ Nay Ca Diếp ! Không nên có kiến chấp như bọn lõa hình ngoại đạo. Những cấm giới của Như Lai chế ra đều có dị ý. Vì dị ý, cho ăn "cửu tịnh nhục", vì dị ý cho ăn "ngũ tịnh nhục", vì dị ý cho ăn "tam tịnh nhục", và cũng vì dị ý cấm tất cả thứ thịt đều không được ăn. Đáp vấn như thế, gọi là khéo đáp vấn linh hoạt.

Thế nào là khéo hiểu nghĩa nhân duyên ?

Giả sử trong hàng tứ chúng có người hỏi Phật: Vấn đề "Giới", "Luật" là vấn đề trọng đại đối với bốn bộ chúng đệ tử Phật. Đức Thế Tôn thành đạo, khởi đầu cuộc hành trình thuyết pháp độ sanh, duyên cớ gì Như Lai không chế ra giới luật để ngăn ngừa sai quấy cho các đệ tử ?

_ Lẽ ra Như Lai nên khai thị từ ban đầu: Thế nào là giới ? Thế nào là luật ? Thế nào là trì ? Thế nào là phạm ? Lúc nào Khai ? Lúc nào Giá ?

_ Lẽ ra Như Lai có thể dạy cho các đệ tử ngay từ buổi đầu. Những gì là "tứ khí"? Những gì là "tăng tàng" ? Bất định là những gì ? Thế nào là xả đọa ? Gì là đon đọa ? Hối quá là sao ?...cho đến "thất diệt tránh"...Nếu Như Lai dạy trước cho, có lẽ các đệ tử chúng con được nhiều lợi ích, Ca Diếp thưa.

Đức Phật dạy: Ba la đề mộc xoa, tức "giới". Giới cũng gọi là "tịnh mạng". Người tu hành giữ gìn giới, có đời sống an ổn thanh tịnh. Cũng gọi là "tri túc". Người giữ giới hạn chế được nhiều tham vọng, không đắm mê tiền tài,

danh vọng, sự nghiệp, không cất chứa những vật "bất tịnh". Giới còn gọi là biệt biệt giải thoát. Nó có công dụng ngăn ngừa tội lỗi từng phần của thân, miệng, ý. Vì vậy, giữ được từng phần giới thì có giải thoát từng phần.

Luật là nhiều giới điều đúc kết lại thành "thiên", thành "nhóm". Nhóm "tứ ba la di", nhóm "xả đọa"...nhóm "thất diệt tránh"....Ai giữ gìn trọn vẹn gọi là người "trì luật" đệ nhất. Ai giữ không trọn đúng điều răn của Phật chế, gọi đó là người phạm giới. Ai cố ý phạm gọi là "phá giới".

Có người đến hỏi Như Lai: Rằng giới luật có ý nghĩa và công dụng rộng lớn sâu xa như thế, đức Như Lai đã biết rành, biết rõ, sự lợi ích cũng như sự tác hại của người phạm giới, cơ sao Như Lai không dạy trước cho chúng con ? Có lẽ nào Như Lai muốn để cho chúng con đọa nơi ba đường ác ? Chỉ có Như Lai là trời trong các trời. Như Lai biết thế nào là trì giới. Thế nào là phạm giới. Thế nào là phá giới. Thế nào là luật. Thế nào là phi luật. Thế mà Như Lai không thương xót chúng con chế giới trước.

Phật dạy: Các Thiện nam tử ! Lắng nghe ! Luận về phạm giới hay phá giới, không phải mọi người tu hành ai cũng phạm, cũng phá giống nhau. Có người phạm tội trọng, có người phạm tội khinh, có người hủy báng chánh pháp Đại thừa, có người phạm cả ngũ thiên, thất tụ. Có người nhất xiển đề bất tín tam bảo hoàn toàn. Thế nên, phải có NHÂN DUYÊN phạm giới, Như Lai mới chế giới, mà không nên chế trước. Cũng như người trí, vá áo, chỉ vá áo rách mà không vá áo lành. Một thầy thuốc giỏi giải phẫu và băng bó cho người bị thương tật chớ không thoa thuốc băng bó cho một thân thể cường tráng không bệnh tật. Cũng vậy, khi thấy chúng sanh có nhân duyên đọa địa ngục A tỳ, Như Lai mới dùng giới lành mà vá. Thấy chúng sanh bị nhân duyên lở loét. Như Lai dùng giới sát khuẩn mà băng rịt vết thương kia.

Ví như vua Chuyển Luân Thánh Vương, trước dạy cho nhân dân tu mười thiện nghiệp, về sau có người làm ác, vua tùy việc ác mà uốn nắn khẹp vào khuôn khổ lần lần. Khi tội ác trong dân gian không còn, những điều răn dạy trở thành luật pháp tự hành trong dân chúng. Cũng vậy, Như Lai thuyết pháp rộng nhiều, mà không chế luật trước. Phải có nhân duyên phi pháp của các Tỳ kheo mới dựa trên tình huống mà chế lần lần. Những người ưa thích

chánh pháp tu hành theo lời dạy của Như Lai, hạng người này mới có thể thấy được PHÁP THÂN NHƯ LAI.

Phải biết ! Bửu luân của Chuyển Luân Thánh Vương không thể nghĩ bàn. Phật, Pháp và Tăng không thể nghĩ bàn và những người nghe hiểu pháp Đại thừa cũng không thể nghĩ bàn. Bồ tát khéo phân biệt khai thị xiển dương bốn điều như vậy.

Đấy gọi là người khéo hiểu nghĩa nhân duyên.

Còn nữa, Thiện nam tử ! Nếu nói bằng cách khác:

"Tự chánh", Như Lai được Đại Bát Niết Bàn, đích thực.

"Chánh tha", Như Lai vì các Tỳ kheo mà nói: Như Lai thường trụ.

"Đáp vấn linh hoạt", Nhân có người hỏi mà Như Lai có cơ hội giảng nói diệu nghĩa thậm thâm liễu nghĩa Đại thừa cho Đại chúng.

"Ý nghĩa nhân duyên". Hàng Thanh văn, Duyên giác không hiểu được diệu nghĩa thậm thâm của Đại thừa. Rằng PHÁP THÂN, BÁT NHÃ và NIẾT BÀN là tạng bí mật của chư Phật. Cũng như ba điểm của chữ Y (. .) không thể tách rời nhau.

Bồ tát Ca Diếp thưa: Như lời Phật dạy: "dứt các phiền não gọi là Niết bàn", ví như lửa tắt thì chẳng gì còn. Thế sao Như Lai vừa có Đại Niết Bàn vừa là thường trụ bất hoại ? Cũng lời Phật dạy: Rời các cõi hữu lậu gọi là Niết bàn, trong Niết bàn không có các cõi hữu lậu", vậy với hình thức nào Như Lai thường trụ bất hoại ?

Phật dạy: Này Ca Diếp ! Dứt hết phiền não không còn gọi là vật, vì đã rốt ráo vắng lặng thanh tịnh. Tánh vắng lặng thanh tịnh, không gì làm biến hoại, nên gọi là "thường". Đã là Niết bàn đương nhiên rời các cõi hữu lậu. Tánh vô lậu của Niết Bàn không gì làm tiêu hoại được, vì vậy Niết Bàn là thường.

Này Ca Diếp ! Chánh pháp là chỗ tôn thờ của chư Phật, nên chư Như Lai đều cung kính cúng dường, vì PHÁP là thường trụ nên chư PHẬT và TĂNG cũng thường trụ.

Ca Diếp Bồ tát lại hỏi: Như lời Phật dạy, từ vô lượng kiếp lâu xa, Như Lai đã vượt ra sông mê biển ái, phiền não dục nhiễm. Thế sao Như Lai còn kết tóc xe tơ với Da Du Đà La để rồi hạ sanh La Hầu La, con Phật ? Sự kiện cụ thể đó, có lẽ nào không đủ chứng minh: rằng Như Lai chưa ra khỏi dục nhiễm, ái ân ? Cúi xin Như Lai nói rõ về duyên có đó !

Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Ông không nên dựa trên sự kiện Như Lai kết duyên với Da Du Đà La và có con La Hầu La là điều trở ngại cho sự giải thoát giác ngộ của một Như Lai.

Này Ca Diếp ! Ông hãy lắng nghe và tư duy cho chính chắn. Đại Bát Niết Bàn có mật nghĩa, huyền nghĩa, thâm nghĩa và diệu nghĩa to lớn. Nay Tỳ kheo các thầy khéo lắng nghe và tư duy chính chắn rồi vì người truyền bá giảng nói không nên sanh lòng ngờ vực với diệu lý liễu nghĩa Đại thừa.

Này Ca Diếp ! Nếu một Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn có thể đem núi Tu Di cao rộng để vào trong vỏ hạt cải, vậy mà các chủng loại sinh vật ở trong núi không hề hay biết cũng chẳng có bị chật hẹp hay sự khác lạ nào. Chỉ có người trình độ tương đương mới thấy biết việc làm của vị Bồ tát kia và cũng biết khi nào đem về đặt lại chỗ cũ.

Còn có Đại Bồ tát trụ Đại Niết Bàn đem cõi đại thiên để vào lỗ chân lông, mà lỗ chân lông không có to ra, cõi Đại thiên không có tướng teo nhỏ.

Lại có vị Đại Bồ tát trụ Đại Niết Bàn xắn lấy thế giới trong mười phương để trên đầu mũi kim như lấy cây tăm ghim một lá quít, rồi ném sang thế giới khác, những chúng sanh ở trong thế giới bị ném, không hề hay biết. Chỉ có những người trình độ tương đương mới thấy biết việc làm kia và cũng thấy biết lúc nào vị Đại Bồ tát kia đem trở về đặt lại chỗ cũ.

Lại có vị Đại Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn, rút lấy thế giới trong mười phương để trên bàn tay mặt, rồi ném vút qua khỏi vô lượng thế giới khác. Cũng có vị Đại Bồ tát trụ Đại Niết Bàn đem vô lượng thế giới ở mười phương để vào trong thân mình, hoặc để vào trong hạt vi trần mà không hề có sự co dãn rộng hẹp. Chúng sanh ở trong những cõi ấy không có bị bức ép chật hẹp. Chỉ có những người trình độ tương đương mới thấy biết việc làm kia và cũng biết được khi Bồ tát kia đem thế giới về đặt lại chỗ cũ.

Này Ca Diếp ! Vị Đại Bồ tát trụ Đại Niết Bàn có thể "thị hiện" vô lượng "thần thông", "biến hóa", vì thế, gọi là ĐẠI NIẾT BÀN.

Tất cả chúng sanh không thể suy lường đến được. Ông làm sao hiểu được việc làm của Như Lai qua sự kiện...La Hầu La mà cho rằng Như Lai chưa vượt ra ái dục, chưa giải thoát phiền não kiết sử.

Này Ca Diếp ! Như Lai từ lâu xa đã trụ trong Đại Niết Bàn, thị hiện vô lượng thần thông, biến hóa ở trong cõi Đại thiên, hàng triệu triệu mặt trời, mặt trăng, hàng triệu triệu cõi Diêm Phù Đề như thế này. Như Lai ở cõi Diêm phù đề thị hiện vào thai mẹ làm cho cha mẹ tưởng là con mình, đích thực thân Như Lai chẳng từ nơi ái dục hòa hợp mà sanh. Như Lai đã lìa xa ái dục hòa hợp mà sanh. Như Lai đã lìa xa ái dục từ vô lượng kiếp. Thân của Như Lai chính là pháp thân, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện vào thai mẹ.

Này Ca Diếp ! Nơi vườn Lâm Tỳ Ni ta thị hiện từ nơi mẹ là hoàng hậu Ma Da sanh ra. Vừa ra đời liền đi qua hướng Đông bảy bước, xưng lên rằng: "Ở trong hàng trời, người, A tu la ta là bậc thượng tôn !". Cha mẹ và trời người thấy vậy vừa sợ vừa mừng, cho rằng hi hữu và mọi người đều cho hoàng hậu đã sanh một hoàng nam. Nhưng đích thực, thân Như Lai đã xa lìa sanh tử, tử sanh từ vô lượng kiếp. Thân của Như Lai là PHÁP THÂN, chẳng phải nhục thân do hòa hợp ngũ quan, tứ chi, lục phủ, tam tiêu, bì phu cốt nhục...mà thành. Vì tùy thuận cách sanh của thế gian, thị hiện làm một trẻ sơ sanh như vậy. Đi qua hướng Nam bảy bước, có ý nghĩa muốn làm phước điền vô thượng cho chúng sanh. Đi qua hướng Tây bảy bước, chứa ý nghĩa "thân này là thân cuối cùng, sẽ không còn sinh tử ưu bi". Đi qua hướng Bắc bảy bước, biểu trưng đã qua khỏi sanh tử của các cõi. Đi qua hướng Đông bảy bước, biểu trưng ý hướng sẽ làm bậc Đạo sư cho chúng sanh. Đi qua bốn hướng cạnh, mỗi hướng bảy bước, biểu trưng dứt hết các ma: phiền não ma, thiên ma, ngũ âm ma và tử ma, thành bậc Như Lai ứng cúng, chánh biến tri...Đi lên bảy bước biểu trưng không còn bị những nhiễm ô làm ô nhiễm, như hư không. Đi xuống bảy bước, biểu trưng rưới mưa pháp dập tắt lửa địa ngục thiêu đốt chúng sanh, khiến cho thanh lương an lạc.

Cõi Diêm Phù Đề, sau khi sanh bảy ngày cạo tóc, mọi người cho Như Lai là đứa trẻ mới cạo tóc lần đầu. Kỳ thực, tất cả trời người, Sa môn, Bà la môn

không một ai có thể thấy được đánh tướng của Như Lai, huống là có người cầm dao cạo tóc. Vô lượng kiếp lâu xa, Như Lai đã cạo bỏ râu tóc rồi. Vì tùy thuận thế gian Như Lai thị hiện như vậy.

Cha mẹ đem ta đến miếu thờ trời, ra mắt Đại tự tại thiên. Đại tự tại thiên thấy Như Lai liền chấp tay cung kính đứng qua một bên. Từ vô lượng kiếp lâu xa. Như Lai đã bỏ phong tục vào miếu trời...nhưng vì tùy thuận thế gian mà thị hiện việc như vậy.

Ở cõi Diêm Phù Đề, Như Lai cũng xỏ lỗ tai. Kỳ thực, tất cả mọi người không ai có thể xỏ lỗ tai Như Lai được. Vì tùy thuận thế gian mà thị hiện việc làm đó. Lại lấy các châu ngọc báu làm hoa tai, vòng chân để trang sức. Kỳ thực, Như Lai đã lìa bỏ trang sức từ vô lượng kiếp xa xưa... Vì tùy thuận thế gian mà thị hiện thọ dụng để biểu lộ...hài hòa.

Rồi Như Lai cũng được vào học đường để học chữ nghĩa, học võ nghệ, học cơ giới, thủ công...Kỳ thực, từ vô lượng kiếp Như Lai đã rành rẽ tất cả những thứ đó. Khắp ba cõi, không ai có thể làm thầy Như Lai được. Vì tùy thuận thế gian mà thị hiện các việc làm như vậy. Thế nên, Như Lai còn gọi là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri...

Ở cõi Diêm Phù Đề này, tùy thuận thế gian thị hiện làm thái tử. Mọi người đều thấy rằng Như Lai là con vua Tịnh Phạn và hoàng hậu Ma Da, sống trong nhung gấm lụa là, hưởng thụ xa hoa trong cảnh ngũ dục. Kỳ thực, trong vô lượng kiếp Như Lai đã viễn ly lạc thú ngũ dục rồi !

Nhà tướng số đoán rằng: Lớn lên, nếu Thái tử không xuất gia tu Bồ đề đạo thì sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương cai trị cõi Diêm Phù Đề, mọi người hy vọng, tin tưởng lời đoán ấy. Kỳ thực, trong vô lượng kiếp Như Lai đã bỏ địa vị Chuyển Luân Thánh Vương mà làm bậc PHÁP VƯƠNG.

Thị hiện nhằm chán cảnh vui ngũ dục, Thái tử dạo bốn cửa thành gặp người già, bệnh, chết và vị Sa môn rồi sau đó vượt thành xuất gia hành đạo. Mọi người đều cho rằng Thái tử Tất Đạt Đa mới xuất gia tầm đạo, nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai đã xuất gia hành đạo rồi.

Thị hiện thọ giới cụ túc, tinh tấn hành đạo. Rồi chứng quả: Tu Đà Hoàn, Tu Đà Hàm, A Na Hàm, quả A La Hán, mọi người thấy vậy mừng. Rằng Thái

tử Tất Đạt Đa tu hành đấng đạo, chúng được quả A La Hán. Kỳ thực, từ vô lượng kiếp Như Lai đã chứng quả A La Hán rồi.

Nhằm hóa đạo độ thoát cho chúng sanh thị hiện trải cỏ làm tòa ngồi dưới cội Bồ đề, rồi hàng phục ma quân. Kỳ thực, từ vô lượng kiếp Như Lai đã hàng phục ma quân rồi !

Này Ca Diếp ! Nhằm mục đích hòa quang đồng trần Như Lai có thể thị hiện: Thọ thực phẩm của người thí chủ cúng dường; thị hiện đi đứng; ngủ nghỉ; đại tiện, tiểu tiện, thở ra, hít vào. Kỳ thực, Như Lai đã xa lìa những sinh hoạt tục để ấy từ lâu.

Này Ca Diếp ! Như Lai thị hiện nhập Niết bàn tại Diêm Phù Đề đây. Kỳ thực, Như Lai chẳng rốt ráo nhập Niết bàn, chúng sanh thì cho là Như Lai nhập Niết bàn thật.

Đại Niết Bàn là cảnh giới của chư Như Lai. Chỉ có chư Phật Như Lai mới biết rõ.

Có lúc Như Lai thị hiện không cần giữ giới. Phạm tứ trọng tội...Có lúc Như Lai thị hiện Nhất xiển đề...Có lúc phá hòa hợp tăng...Có lúc làm Ma ba tuần...Có lúc thị hiện thân gái thành Phật...Có lúc thị hiện thân Phạm thiên vương...Có lúc vào nhà dâm nữ...Có lúc vào chỗ thanh y...Có khi thị hiện bác sĩ để dạy học trò...Có lúc chơi cờ bạc...Có lúc là Trưởng giả...Có lúc làm vua...làm quan để dẫn dắt thần dân về với chánh pháp. Như Lai có lúc thị hiện sanh vào thời dịch tễ hoành hành rồi cho thuốc trị bệnh, sau đó giảng dạy họ quay về chánh pháp. Có lúc thị hiện trong thời kỳ đói kém để thực hành hạnh cứu khổ, bố thí cơm gạo thực phẩm cho chúng sanh. Có lúc sanh vào đời loạn lạc chiến tranh, làm nhà thuyết khách giảng hòa bằng chánh pháp, chỉ cách sống hạnh phúc trong cuộc sống. Như Lai còn vì hạng chấp thường, thị hiện thuyết pháp vô thường; vì hạng người chấp ngã, thuyết pháp vô ngã; vì hạng người chấp lạc, thuyết pháp khổ; vì hạng người chấp tịnh, thuyết pháp bất tịnh; vì hạng người dính mắc trong ba cõi thuyết pháp "tam giới duy tâm" khiến cho họ ra khỏi, xa lìa ba cõi. Như Lai vì độ thoát chúng sanh mà tuyên thuyết diệu pháp, trồng cây thuốc pháp vô thượng để thay cây cỏ phiền não hoang dại. Như Lai diễn nói chánh pháp cứu độ cho những người tà kiến ngoại đạo sống triền miên đau khổ bởi vô minh.

Như Lai dù thị hiện làm thầy chúng sanh, nhưng không có ý niệm làm thầy. Như Lai là bậc Chánh Giác an trụ ĐẠI BÁT NIẾT BÀN thị hiện vô số thân trong mọi môi trường hoàn cảnh khác nhau, với một mục đích lợi lạc chúng sanh. Ở cõi Diêm Phù Đề, Như Lai thị hiện ở Đông Thắng thần châu, có lúc ở Tây ngưu hóa châu, có khi ở Nam thiệm bộ châu, có lúc ở Bắc câu lô châu. Chẳng những vậy, Như Lai còn thị hiện...tha phương, thử giới trục loại tùy hình...với sức tự tại thần thông như vậy nên Như Lai từ lâu đã vĩnh viễn an trụ trong Đại Bát Niết Bàn, Như Lai THƯỜNG TRỤ KHÔNG BIẾN ĐỔI.

Này Ca Diếp ! Do nhân duyên nói trên, ông không nên nghĩ rằng: La Hầu La là con trai của Phật. Vì từ vô lượng kiếp, Như Lai đã vĩnh ly dục nhiễm, nên Như Lai THƯỜNG TRỤ KHÔNG BIẾN ĐỔI.

Ca Diếp Bồ tát bạch: Theo lời Phật dạy: Như ngọn đèn đã tắt thì không có phương sở. Như Lai diệt độ rồi lẽ ra cũng không có phương sở. Thế sao Như Lai được gọi là thường trụ ?

Phật dạy: Người ta thắp đèn dầu, dầu còn thì ngọn lửa còn cháy; khi dầu hết thì ngọn lửa tắt. Dù lửa đèn tắt nhưng bình đèn còn, và ngọn lửa dù tắt cũng không vì vậy mà tánh lửa không còn. Cũng vậy, Ứng hóa thân Như Lai có diệt độ, phiền não hoặc có diệt tận mà Pháp thân Như Lai thường còn.

Bạch Thế Tôn ! Ca Diếp thưa. Bình đèn còn nhưng bình đèn là vật vô thường, chẳng lẽ Pháp thân Như Lai đồng như vật chất vô thường sao ?

Phật dạy: Ca Diếp ! Ông đừng nạn vấn như vậy. Vật chất thế gian vô thường, Như Lai không phải vật chất, Như Lai không vô thường. Trong tất cả pháp Niết Bàn là thường. Như Lai tức Niết Bàn nên Như Lai là thường. Đức "Thường" của Như Lai không phải cảnh giới hàng Thanh Văn, Duyên Giác suy lường để biết được.

Này Ca Diếp ! Được Niết Bàn ví như dầu hết ngọn lửa đèn tắt, đó là nói Niết Bàn của hàng La Hán chứng được. Vì A La Hón diệt tham ái phiền não, chứng đắc Niết Bàn nên ví dụ dầu hết, lửa đèn tắt. Cùng là Thanh Văn, nhưng A Na Hàm, Tư Đà Hàm không được gọi là thường. Ví như dầu hết đèn tắt , vì chưa dứt sạch hoặc KIẾN, TU. Ngày trước Như Lai nói "nhập

Niết Bàn" ví như dầu hết, đèn tắt là nói Niết Bàn của người A La Hôn chúng. Nói đến Đại Niết Bàn thì không thể ví như dầu hết đèn tắt ! Vì Đại Niết Bàn là THƯỜNG.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Theo con hiểu Như Lai có mật ngữ mà không có bí mật tàng.

Phật khen: Đúng như cái hiểu của ông. Như Lai không có mật tàng. Như trăng tròn giữa đêm thu, trời trong xanh, thăm thẳm không có mây mù, mọi người ai cũng thấy rõ vàng trắng sáng. Lời của Như Lai khai phát, hiển lộ chân lý rõ ràng. Kẻ ngu phu không hiểu hết ý nghĩa, lời của Như Lai rồi cho Như Lai còn dấu kín kho tàng bí mật. Người trí thấu suốt tiếp thu chân lý, nhận rõ lẽ thật, thấy rằng Như Lai không hề có dấu kín kho tàng bí mật nào.

Bí mật tàng có nghĩa là cất chứa dấu kín một cách khéo léo, ngoài mình ra, không ai biết được. Ví như người giàu, có nhiều bạc vàng, châu báu, vì tánh keo kiệt bòn xén, không bố thí, không giúp đỡ cho ai, chôn dấu kỹ, khóa cất kín không cho ai biết. Người như thế, gọi là người có bí mật tàng (kho tàng bí mật). Như Lai thì không vậy. Từ vô lượng kiếp chứa để vô lượng diệu pháp, lòng không bòn xén, thường đem ban bố cho tất cả mọi loài. Vì vậy không thể gọi là Như Lai có bí mật tàng. Ví như người có nhiều ác bệnh: cùi cụt, lở loét, thối hôi, vì hổ thẹn không muốn cho người thấy, họ băng bó che dấu kỹ. Như thế, gọi là người có dấu kín, bí tàng. Như Lai thì không có như vậy. Bao nhiêu chánh pháp hiện hữu trong cõi đời Như Lai đem chỉ dạy hết cho tất cả chúng sanh. Thế nên không thể gọi Như Lai có bí tàng được.

Ví như người nghèo thiếu nợ quá nhiều, vì sợ chủ nợ đòi mà ẩn trốn. Trốn mất tích là một hình thức bí tàng. Như Lai thì không như vậy. Như Lai không có nợ chúng sanh về tiền tài, sự nghiệp, công danh thế gian. Như Lai có nợ chúng sanh pháp xuất thế gian, nhưng Như Lai cũng chẳng ẩn mặt tránh trốn, vì Như Lai thương tất cả chúng sanh như con, thường diễn nói pháp nghĩa thậm thâm vô thượng, cho nên không thể gọi là Như Lai có bí tàng.

Ví như ông trưởng giả giàu có chỉ có con trai. Vì thương con, bao nhiêu vàng bạc, châu báu, ngọc ngà ông đều chỉ cho con ông biết hết. Cũng vậy,

Như Lai xem chúng sanh đồng như con một. Vì vậy, Như Lai không hề có bí mật tàng !

Ví như dòng Bà la môn, có những luận điệu không có tánh thuyết phục, không phù hợp chân lý, họ không muốn cho những người dòng Sát đế lợi, Tỳ xá, Thủ đà la nghe biết. Che dấu như vậy, gọi là bí mật tàng. Như Lai thì không vậy. Chánh pháp của Như Lai thuyết ra tất cả đều lành, không giấu giếm, vì vậy không thể nói Như Lai có bí mật tàng.

Này Ca Diếp ! Ví như ông trưởng giả tài đức kiêm toàn, ý muốn con mình có tài đức ngang bằng mình thì vừa lòng thỏa nguyện. Nhưng giờ đây đưa nó vào trường, dạy cho nó chương trình bậc đại học, nó không hiểu nổi vì đứa con tuổi nhỏ, trí còn non nớt. Ông trưởng giả đành phải đem con về, dạy cho nó chương trình bậc tiểu học. Tuổi trẻ, trí thiện, tâm thô, dạy cho nó chương trình tiểu học nó vui vẻ tiếp thu dễ dàng. Dù không dạy ngay cho con chương trình đại học, nhưng không vì vậy mà cha có lỗi "bí tàng" giấu giếm cất chứa lại cho riêng mình.

Như Lai cũng vậy, với hàng Thanh Văn chưa đủ trí tuệ, Như Lai dạy cho họ giáo lý bán tự và chín bộ kinh thuộc hệ tư tưởng Tiểu thừa. Như Lai chưa dạy cho hàng Thanh Văn luận Tỳ Già La, hệ phương đẳng Đại thừa trong mười hai bộ kinh.

Này Ca Diếp ! Nếu như đứa con trai đã lớn khôn đủ sức học đại học mà trưởng giả không dạy cho con mình học đại học, như vậy gọi là ông trưởng giả bí tàng giấu giếm con mình. Nếu hàng Thanh Văn đủ sức lãnh thọ giáo lý phương quảng Đại thừa mà Như Lai lẩn tiếc không dạy mới có thể nói Như Lai có bí tàng. Sự thực Như Lai không như vậy, cho nên Như Lai không hề có tàng bí mật riêng tư. Cũng như trưởng giả dạy cho con xong bậc tiểu học rồi giảng dạy hết cho con những gì ở chương trình đại học. Như Lai vì các đệ tử dạy bán tự trong chín bộ kinh rồi tiếp dạy cho Tỳ Già La Phương quảng Đại thừa. Đó là mật ý của Như Lai vận dụng trong hành trình giáo hóa chúng sanh.

Này Ca Diếp ! Như tháng mùa hạ, kéo mây, nổi sấm tuôn mưa, khiến nhà nông cày cấy được mùa. Người không gieo giống thì không có gì để được. Đó không phải lỗi ở mây mưa và mây mưa cũng không hề có lẩn tiếc, hạn

ché hay cất dấu bớt lượng nước với người nào. Như Lai cũng vậy, tuôn mưa pháp lớn: Kinh Đại Niết Bàn. Nếu chúng sanh gieo hạt giống phước đức trí tuệ thì sẽ có cây trái trí tuệ, phước đức trở hoa kết trái. Nếu không gieo hạt nhân thì hoa trái không từ đâu mà có được. Đây không phải lỗi Như Lai, mà Như Lai trước sau không hề có chứa cất "bí tàng".

Bạch Thế Tôn ! Ca Diếp thưa: Nay con biết rõ một cách quyết định: Rằng Như Lai thương tất cả chúng sanh như con một. Vì lợi lạc chúng sanh, chỉ bày chân lý Như Lai không có bí tàng.

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: Nếu tu học phương quảng Đại thừa thì biết rõ "Như Lai thường trụ không biến đổi". Vậy có sao ngày trước Như Lai nói bài kệ:

"Chư Phật cùng Duyên Giác

Nhẫn đến chúng đệ tử

Còn bỏ thân vô thường

Huống là hạng phàm phu."

Rồi nay Phật lại nói Như Lai Phật thường trụ không biến đổi. Vậy nghĩa ấy phải hiểu như thế nào ?

Đức Phật dạy: Như Lai ngày trước vì hàng Thanh Văn đệ tử mà dạy "bán tự" nên nói bài kệ "vô thường" ấy. Như Lai cũng dùng bài kệ ấy mà an ủi vua Ba Tư Nặc lúc nhà vua quá buồn khổ vì Hoàng thái hậu băng hà. Như Lai còn khuyên: Đại vương chớ nên quá sầu khổ. Tất cả chúng sanh hễ thọ mạng hết gọi là chết. Chư Phật, Duyên Giác, Thanh Văn còn bỏ thân này huống là phàm phu !

Này Ca Diếp ! Thâm ý của Như Lai nhằm dạy "bán tự" cho vua Ba Tư Nặc mà nói bài kệ ấy. Nay Như Lai vì hàng Thanh Văn đệ tử giảng nói luận Tỳ Già La phương quảng Đại thừa: Rằng Như Lai thường còn không biến đổi.

Bạch Thế Tôn ! Ca Diếp thưa: Bài kệ sau đây, Thế Tôn đã dạy, có ý nghĩa thế nào ?

"Không tích lũy cất dấu

Vật thực cần vừa đủ

Như chim bay trong không

Dấu vết không tìm thấy"

Bạch Thế Tôn ! Trong hải hội này ai được gọi là người không tích lũy cát giấu ? Ai là người tri túc trong việc uống ăn? Và sự bay của chim nhận, việc đi của người này rồi sẽ đến nơi nào ?

Phật dạy: Nói về tích lũy cát dấu là muốn đề cập về của báu. Tích lũy có hai: Một, tích lũy hữu vi; hai, tích lũy vô vi. Tích lũy hữu vi là hạnh Thanh Văn. Tích lũy vô vi là hạnh Như Lai Phật. Lại nữa, hàng Thanh Văn Tăng đệ tử Như Lai không tích lũy tiền tài, sự nghiệp, tài trợ, súc vật...những vật phi pháp bất tịnh. Người thực hành được hạnh không tích lũy cát dấu, đồng thời người này cũng là người tri túc về uống ăn. Trái lại, là người tham lam, không phải đệ tử của đấng Như Lai.

Người khó tìm dấu như bóng nhận trong không là người gần với đạo Vô Thượng Bồ Đề. Như Lai nói người này dù đi là không dụng ý đi, dù đến mà không điếm trụ.

DẤU VẾT KHÔNG TÌM THẤY đây chính là **NIẾT BÀN** ! Vì Niết bàn không có mặt trời, mặt trăng, tinh tú, không có lạnh, nóng, gió, mưa; không có sanh, già, bệnh, chết; xa lìa ngoài hai mươi lăm cõi, xa lìa hết phiền não, vô minh, ưu bi khổ não. Niết bàn như vậy là cảnh giới Như Lai an trụ. Đó là cảnh giới **THƯỜNG** không có biến đổi. Vì vậy, Như Lai đến rừng Ta La Song Thọ nơi **ĐẠI NIẾT BÀN** mà **NHẬP ĐẠI NIẾT BÀN**.

Này Ca Diếp ! **ĐẠI** có nghĩa là rộng lớn, châu biên khắp cùng. Cho nên người có ý chí can cường, thanh liêm, khí khái, trong sáng, gọi là Đại trượng phu. Người có chí hướng thượng, có khả năng tư duy quán chiếu chân lý hướng lên địa vị Giải thoát, Giác ngộ, Như Lai gọi đó là **ĐẠI NHÂN**. Như kinh **BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC** mà Như Lai đã dạy.

Lại nữa, **NIẾT BÀN** còn có nghĩa: **LIÊN LẶN KHÔNG TỶ VẾT**. Ví như người bị trúng tên độc, đau nhức vô cùng. Bỗng gặp lương y, nhổ tên độc ra, tra thuốc vào, người này hết đau nhức, thịt da liền lặn, an vui. Rồi vị lương y

đi đến chốn nơi thành thị khác, chỗ nào có người thương tật, khổ đau, điều trị cho họ được lành. Cũng vậy, Như Lai thành bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, làm vị Đại y vương, thấy chúng sanh chịu khổ não ở cõi Ta Bà, từ vô lượng kiếp bị tên độc phiền não làm nhưc nhối cùng cực. Như Lai nói kinh Đại thừa cam lộ pháp dược để điều trị bệnh khổ cho. Điều trị xong, Như Lai đến xứ khác, nơi nào có người bị phải tên độc phiền não, thị hiện làm Phật để thí cho ĐẠI THỪA PHÁP DƯỢC cứu khổ cho họ. Do nhân duyên đó mà gọi là NHƯ LAI ĐẠI BÁT NIẾT BÀN.

Bạch Thế Tôn ! Ca Diếp thưa: Y sư trong đời có thể điều trị lành hết thương tích cho tất cả mọi người chăng ?

Phật dạy: Thương tích bệnh đau của người đời kể ra có hai thứ: Một, bệnh có thể trị. Hai, bệnh không thể trị. Bệnh có thể trị, y sư trị lành. Bệnh không thể trị, y sư không trị được.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Cứ như lời Phật dạy thì Như Lai đã trị xong cho chúng sanh cõi Diêm Phù Đề rồi. Nếu nói đã trị rồi, sao cõi này còn nhiều chúng sanh chưa có được Niết bàn ? Nếu còn nhiều người chưa hề được Niết bàn, có sao Như Lai nói: Rằng Như Lai điều trị đã xong và định đi đến một xứ khác ?

Đức Phật dạy: Chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề này có hai hạng: Một hạng có đức tin. Một hạng không có đức tin. Hạng có đức tin gọi là trị được, vì họ sẽ đoạn trừ phiền não quyết định được Niết bàn. Thế nên Như Lai nói: Rằng Như Lai đã trị cho chúng sanh ở Diêm Phù Đề rồi và Như Lai có thể đi làm Phật sự ở một nơi khác.

Còn hạng không có đức tin gọi là NHẤT XIÊN ĐỀ. Hạng người này Như Lai gọi là không trị được. Trừ hạng Nhất Xiển Đề ra được xem đều đã trị xong. Thế nên NIẾT BÀN có nghĩa LIÊN LẶN KHÔNG THƯƠNG TÍCH.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Con muốn hiểu rõ hơn: NHỮNG GÌ GỌI LÀ NIẾT BÀN ?

Phật dạy: NIẾT BÀN LÀ GIẢI THOÁT. GIẢI THOÁT GỌI LÀ NIẾT BÀN.

_ Bạch Thế Tôn ! Giải thoát là SẮC hay chẳng phải SẮC ?

_ Hoặc là sắc, hoặc là không phải sắc. Giải thoát của Thanh Văn, Duyên Giác không phải sắc. Giải thoát của chư Như Lai là sắc.

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu không phải sắc, hàng Thanh Văn, Duyên Giác dựa vào đâu để an trụ ?

_ Những nghĩa như thế, là cảnh giới của chư Phật biết, chẳng phải Thanh Văn, Duyên Giác hiểu được. Đến như ý nghĩa GIẢI THOÁT cũng vậy.

_ Nay Ca Diếp ! Trời Phi Tướng, Phi Phi Tướng cũng là sắc, cũng chẳng phải sắc. Như Lai cũng nói chẳng phải sắc. Có người nạn hỏi: Rằng Trời Phi Tướng, Phi Phi Tướng nếu chẳng phải sắc, họ nương tựa nơi gì (trụ) để sinh hoạt đi lại tới lui...Ca Diếp ! Những nghĩa như vậy, thuộc về cảnh giới của chư Phật, hàng Thanh Văn, Duyên Giác không thể biết được.

Giải thoát cũng vậy. Cũng là sắc, cũng là chẳng phải sắc. Như Lai nói: chẳng phải sắc. Rồi cũng là tướng, cũng là chẳng phải tướng. Như Lai nói: Chẳng phải tướng. Những nghĩa như vậy thuộc về cảnh giới của chư Phật, hàng Thanh Văn, Duyên Giác không thể biết được.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Xin Thế Tôn thương xót nói rộng về diệu nghĩa GIẢI THOÁT của ĐẠI NIẾT BÀN !

_ Phật dạy: Giải thoát có nghĩa là cõi bỏ, là viễn ly. Cởi bỏ viễn ly tất cả những ràng buộc ở nội tâm, ở ngoài thân. Viễn ly sự hòa hợp, sự phát sanh. Viễn ly và cõi bỏ như thế gọi là CHÂN GIẢI THOÁT.

Giải thoát còn có nghĩa KHÔNG HÒA HỢP và KHÔNG SANH. Ví như cha mẹ do hòa hợp mà sanh ra con. Chân giải thoát thì không vậy. Không có hòa hợp và không có phát sanh là chân giải thoát. Như Lai cũng vậy. Như Lai không do sự hòa hợp của cha mẹ mà sanh. Tánh Như Lai thanh tịnh bản nhiên. Như Lai thị hiện có cha mẹ chỉ vì lợi ích hóa độ chúng sanh. Do nghĩa đó, Như Lai không do sự hòa hợp mà có và Như Lai không thực có sanh. Cho nên, chân giải thoát tức Như Lai. Như Lai cùng giải thoát không hai, không khác.

Lại giải thoát là pháp vô vi. Nó hoàn toàn khác với hữu vi. Ví như thợ gốm làm ra đồ gốm, rồi sẽ bị bể. Giải thoát thì không như vậy. Chân giải thoát

không có sanh, vì không sanh cho nên không có diệt. Không sanh, không diệt tức là Như Lai. Như Lai không sanh, không diệt, không già, không chết, không có hư hoại. Do những nghĩa đó mà gọi là Như Lai NHẬP ĐẠI NIẾT BÀN.

Lại giải thoát là không già, không bệnh, không chết. Không già, không bệnh, không chết là chân giải thoát. Chân giải thoát tức Như Lai.

Lại giải thoát là không ưu sầu. Có ưu sầu, như vị quốc vương lo sợ nước láng giềng hùng cường xâm phạm biên cương...Giải thoát không như vậy. Như tiêu trừ hết oán địch thì không còn lo sợ nữa. Giải thoát cũng như vậy, trong giải thoát không còn nguyên nhân lo sợ. Không lo sợ là chân giải thoát. Chân giải thoát tức Như Lai.

Giải thoát là không có tạp tướng ví như vàng ròng. Ai được vàng ròng là tự biết là mình có của báu. Tánh giải thoát thanh tịnh như chất vàng ròng. Thanh tịnh như vàng ròng, dụ chân giải thoát. Chân giải thoát tức Như Lai.

Lại nữa, giải thoát là đoạn hết sự ham muốn, sự hệ phược, đoạn hết phiền não sanh tử, nhân duyên quả báo trong tam giới. Đoạn hết như vậy là chân giải thoát. Chân giải thoát tức Như Lai. Như Lai tức Đại Niết Bàn. Đại Niết Bàn tức vô tận. Vô tận tức Phật tánh. Phật tánh tức quyết định. Quyết định tức là Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác.

Ca Diếp thưa: Nếu Niết Bàn, Phật tánh, Quyết định, Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác và Như Lai là một nghĩa, thế sao pháp quy y lại phải nói có ba ?

_ Phật dạy: Tất cả chúng sanh vì sợ sanh tử nên cầu tam quy y. Nhờ nền tảng tam quy y rồi bước lên hiểu được Niết Bàn, Như Lai, Phật tánh, Quyết định và Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác.

Này Ca Diếp ! Có pháp tên thì một mà nghĩa thì khác. Có pháp tên cùng nghĩa đều khác. Có pháp tên khác mà nghĩa thì một.

Tên khác, nghĩa một như: Phật thường, Pháp thường, Tăng thường. Niết bàn, Hư không cũng đều thường.

Tên cùng nghĩa đều khác như: Phật gọi là Giác. Pháp gọi là Bất giác (bởi vì pháp chỉ cho tất cả những sự vật vô tình). Tăng gọi là Hòa hợp. Niết bàn gọi là giải thoát. Hư không gọi là Vô ngại.

Này Ca Diếp ! Tam quy y danh và nghĩa đều khác. Vậy mà có lần Như Lai bảo Kiều Đàm Di: Bà khởi cúng dường Như Lai. Bà chỉ cúng dường Tăng thôi. Bà cúng dường Tăng là bà đã cúng dường Tam Quy đầy đủ rồi. Vì sao vậy ? Vì tuân lời Phật là cúng dường Phật rồi. Vì mục đích giải thoát mà cúng dường, là cúng dường Pháp rồi. Chư Tăng thọ nhận phẩm vật, là cúng dường Tăng rồi.

Này Ca Diếp ! Có khi pháp sự có một Như Lai nói thành ba. Có lúc pháp sự ba Như Lai nói thành một. Những duyên cơ ấy là cảnh giới của chư Phật, hàng Thanh Văn, Duyên Giác không thể biết được.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Như lời Thế Tôn dạy: "Rốt ráo an vui gọi là Niết bàn". Bạch Thế Tôn ! Người được Niết bàn có cần rời bỏ thân, bỏ tâm, bỏ trí không ? Nếu rời bỏ thân, bỏ tâm, bỏ trí thì ai là người lãnh thọ cái vui Niết bàn ? Kính mong Thế Tôn dạy bảo.

Phật dạy: Này Ca Diếp ! Ví như người ăn phải độc tố khó chịu buồn nôn, đi ra ngoài sân mà ói. Ói rồi trở vào nhà. Bạn bè xúm lại hỏi thăm "anh đã lành mạnh chưa mà trở vào nhà ?" Người ấy đáp: Tôi đã lành mạnh. Thân tôi được an vui. Như Lai cũng như vậy. Hoàn toàn xa lìa những ưu bi trong hai mươi lăm cõi, trọn vẹn được Niết Bàn an vui. Như Lai không động chuyển bởi ngoại duyên, không có cái gọi là diệt tận. Dứt hết các thọ, gọi đó là sự vui không thọ. Sự vui không thọ như vậy gọi là vui thường trụ. Cho nên, nói Như Lai có thọ vui là không đúng. Do nghĩa đó, cho nên RỐT RÁO AN VUI CHÍNH LÀ NIẾT BÀN. Niết Bàn tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai.

Ca Diếp Bồ tát hỏi: Bất sanh bất diệt là chân giải thoát ư ?

_ Phật dạy: Đúng vậy. Bất sanh bất diệt là chân giải thoát. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

_ Nếu bất sanh bất diệt là chân giải thoát thì hư không cũng không sanh không diệt. Vậy thì hư không cũng là chân giải thoát và cũng là NHƯ LAI ? Ca Diếp thưa.

_ Không nên lý luận như vậy. Cũng là tiếng hót. Nhưng không thể đem tiếng hót của chim quạ, chim cú sánh với tiếng hót của chim sơn ca, chim họa mi. Giải thoát và Như Lai không phải pháp có thể so sánh. Ví dụ nhằm để giáo hóa chúng sanh cho nên Như Lai mượn hư không chưa đúng mức ví dụ, để làm dụ. Người đệ tử Phật phải biết: Giải thoát tức là Như Lai. Tánh Như Lai tức là tánh giải thoát.

Ca Diếp nên biết. Vật không có gì sánh bằng, không thể dẫn vật khác làm dụ. Vì có nhân duyên, có thể ví dụ. Như Lai nói: điện mạo đoan trang, tươi mát và đẹp dường như mặt trăng tròn. Voi trắng sạch sẽ như núi tuyết. Trăng tròn không đồng với gương mặt. Núi tuyết không được nói là voi trắng. Làm sao có ví dụ đúng mức để dụ cho chân giải thoát được. Ví dụ chỉ là phương tiện thôi. Người trí nhân nơi ví dụ để có khái niệm. Từ khái niệm để nhận biết pháp tánh....

Này Ca Diếp ! Giả như đứa con nghịch ác muốn hại mẹ nó. Nhằm lúc mẹ con cùng ở bên đồng thóc. Mẹ nó đang lúi húi xốt sửa thức ăn và đem cơm cho nó ăn. Khi trông thấy mẹ, nó liền đi mài dao để giết mẹ. Bà mẹ biết ý, khéo léo lẩn chui vào đồng thóc trốn. Nó cầm dao chém khắp đồng thóc. Nó tự thỏa mãn, vừa lòng và in trí mình đã giết được mẹ rồi. Lát sau mẹ nó lén chui ra khỏi đồng thóc, trở về nhà.

Ca Diếp ! Thầy nghĩ thế nào ? Đứa con ấy có thành tội nghịch vô gián không ?

Ca Diếp thưa ! Không quyết định được. Vì nếu nói thành tội, thì mẹ nó chưa bị giết chết. Nếu nói là không tội, thì chính nó tự cho là mình đã giết được mẹ và nó rất vừa lòng. Nó đâu không đầy đủ tội nghịch mà cũng là nghịch. Do nhân duyên sự kiện như vậy, nên dẫn các ví dụ để suy biết pháp chân thực.

Phật khen: Hay ! Hay lắm ! Vì nhân duyên ấy nên Như Lai thường phương tiện dẫn nhiều ví dụ để dụ giải thoát. Dù dẫn vô số ví dụ mà thật ra không

thể đem dụ để sánh được. Thế cho nên, giải thoát thành tựu vô lượng công đức. Do vì thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy, nên gọi là ĐẠI NIẾT BÀN.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Nay con mới biết chỗ đến của Như Lai thật không cùng tận, vì vậy, thọ mạng của Như Lai cũng không cùng tận.

Phật khen: Hay lắm! Này Ca Diếp! Thầy hãy khéo hộ trì chánh pháp. Nếu có người phát tâm ra khỏi sanh tử ưu bi, đoạn trừ phiền não trói buộc thì phải nên học chánh pháp, hành chánh pháp và hộ trì chánh pháp như vậy.

TRỰC CHỈ

Tứ tướng là bốn đức tướng cần phải có cho người học Phật, tìm hiểu đức Phật và tiếp thu giáo lý của đạo Phật. Cũng như muốn đựng sữa tốt cần phải có cái bình. Bình đó phải lành, phải là bình không, chưa đựng gì trong đó, bình phải sạch và bình đẹp để mỹ quan.

Muốn đựng sữa quý, người trí sử dụng cái bình có bốn đức tính như vậy để mà đựng thì sữa đó mới đủ yếu tố là thứ sữa quý.

Người Nho đạo, muốn làm nên một người quân tử, trượng phu, anh hùng lưu danh ư hậu thế, người ta phải học cái đạo: "Tiên thành kỳ ý", "Tiên chánh kỳ tâm"...để thành tựu cái chí lớn "Bình thiên hạ" !

Ở kinh Đại Bát Niết Bàn thượng thừa này, đức Phật dạy Bồ tát Ca Diếp: Là Bồ tát muốn xiển dương chánh pháp phổ độ chúng sinh cần có bốn đức:

Tự chánh

Chánh tha

Đáp vấn linh hoạt

Khéo hiểu ý nghĩa nhân duyên

* TỰ CHÁNH có nghĩa rằng: Người đệ tử Phật phải vận dụng trí tuệ, xác lập đức tin, giữ vững lập trường, kiên định hóa lý tương của mình.

Rằng:

Phật thường trụ

Pháp thường trụ

Tăng thường trụ

Rằng: Thà nhảy vào vạc dầu sôi; Thà nuốt hoàn sắt nung đỏ; Thà dùng dao cắt lưỡi bỏ đi, đối với giáo lý trong mười hai bộ kinh Phật dạy, không một niệm nghi ngờ. Có được đức tánh như vậy gọi là người tự chánh.

* CHÁNH THA có ý nghĩa rằng, trên bước đường thuyết giáo độ sinh, Bồ tát vận dụng trí tuệ quán sát căn cơ chủng tánh của đối tượng, xác định cho rõ ràng. Sau đó theo cơ mà thuyết pháp giáo hóa thì mới đem lại hậu quả tốt. Giống như một thầy thuốc giỏi, với một bệnh nhân trước mặt. Vị thầy thuốc phải sử dụng kiến thức chuyên môn nghề nghiệp của mình: vọng, vấn, vắn, thiết. Rồi nhận định: phù, trầm, trì, sát để biết bệnh chứng: hàn, nhiệt, hư, thật.

Cuối cùng ứng dụng chín cách trị bệnh, theo đó mà cắt thuốc, bệnh nhân chắc chắn sẽ chịu thuốc và lành bệnh.

Căn cơ của chúng sanh có bậc thượng, bậc trung, bậc hạ.

Chủng tánh thì có: phàm phu, bất định, ngoại đạo, tiểu thừa và đại thừa. Để cho công việc độ sanh có hiệu quả cao, Bồ tát độ sanh phải đủ trí tuệ để "Tùy cơ độ giáo"..

Đối với căn cơ chủng tánh Nhị thừa. Phật chỉ truyền dạy cho họ chân lý ngang tầm "Tục đế". Rằng:

"Thế gian vô thường.

Quốc độ nguy thúy.

Tứ đại khô không

Ngũ ấm vô ngã

Sanh diệt biến dị

Hư nguy vô chủ

Tâm thị ác nguyên

Hình vi tội tâu

Như thị quán sát

Tiêm ly sanh tử"

Và Như Lai chỉ truyền dạy cho họ có chín bộ kinh..

Đối với hàng phàm phu Như Lai phải hạ thấp giáo lý ngang bằng với khả năng nhận thức tiếp thu của họ qua giáo lý Nhơn thừa, Thiên thừa...mà giáo lý của Như Lai lẽ ra không cần đề cập hai thừa như vậy.

Những người căn cơ chủng tánh Đại thừa, phải dạy cho họ:

Phật thường trụ

Pháp thường trụ

Tăng thường trụ

Giáo lý vô thường, khô, vô ngã và bất tịnh chỉ là phương tiện của Như Lai. Phải dạy cho họ: Rằng tất cả vạn pháp đều có tính Thường. Lạc. Ngã. Tịnh.

Trên đường hóa đạo, làm được việc đó, truyền bá được việc đó in sâu vào lòng người, gọi là Bồ tát có được đức CHÁNH THA.

* ĐÁP VẤN LINH HOẠT biểu lộ tư chất thiên tài, sức thần của trí tuệ Bồ tát. Bồ tát xiển dương chánh pháp độ sanh "đáp vấn linh hoạt" là Bồ tát có "biện tài". Biện tài có bốn thứ:

Pháp vô ngại biện tài

Từ vô ngại biện tài

Nghĩa vô ngại biện tài

Lạc thuyết vô ngại biện tài

Tứ vô ngại biện tài của Bồ tát là một lợi khí sắc bén trong sự nghiệp hoằng dương chánh pháp, lợi lạc hữu tình. Dựa trên cơ sở Tứ vô ngại biện, Bồ tát

nói "quyền", nói "thật", nói "đốn", nói "tiệm", nói "tạng", nói "thông", nói "biệt", nói "viên", tùy ý, trước một hay nhiều đối tượng đang đối thoại với mình. Về mặt này, ở kinh Diệu Pháp Liên Hoa, điển hình chỉ có hai vị Bồ tát thành công. Đó là Bồ tát Dược Vương và Bồ tát Đại Lạc Thuyết. Vì có sức trí tuệ áp đảo ma quân ngoại đạo, vì có lợi khí vô ngại biện tài, hai vị Bồ tát này phát nguyện truyền bá kinh Pháp Hoa ở cõi Ta bà. Còn bao nhiêu Bồ tát rất đông đảo, nguyện truyền bá kinh Pháp Hoa ở một thế giới khác hiền hòa hơn, dễ dãi và an lành hơn cõi Ta bà, chúng sanh cang cường, nan điều, nan phục... Vì thế, cho nên hộ trì chánh pháp, truyền bá kinh Đại Niết Bàn, yêu cầu phải có ĐÁP VẤN LINH HOẠT.

* KHÉO HIỂU NGHĨA NHÂN DUYÊN mà đức Phật đã dạy. Nói cách khác, học Phật, nghe pháp của Phật, phải hiểu Phật. Không hiểu Phật mà cứ nghe, cứ đọc rập ràng theo văn tự. Hãy coi chừng ! "Y kinh giải nghĩa tam thế Phật oan" đây !

Phải hiểu Phật như thế nào ? Phải hiểu cho rõ: Rằng suốt hành trình giáo hóa độ sanh của đức Phật, Như Lai vận dụng vô số phương tiện, tận dụng mọi nhân duyên, linh động ngôn từ, tạm mượn thí dụ để giáo hóa chúng sanh, ở mọi căn cơ, ở nhiều chủng tánh, trong mọi giai cấp và trình độ khác nhau. Kinh điển gọi đó là "Tứ tất đàn", vì lòng từ bi vô hạn Như Lai vận dụng qui tắc đó, suốt hành trình giáo hóa bốn mươi chín năm. Không khéo hiểu nghĩa nhân duyên, đồng nghĩa không hiểu qui tắc "Tứ tất đàn" Như Lai vận dụng. Học Phật, nghe pháp, không hiểu qui tắc "Tứ tất đàn" thì sẽ rơi vào lưới "thiên la địa võng" không có cách nhol ra !

Người đệ tử Phật có trí tuệ hiểu Phật:

Có lúc Như Lai nói vậy mà không phải vậy

Có lúc Như Lai nói không phải vậy mà vậy

Có lúc Như Lai nói vậy là vậy

Hiểu như vậy, gọi là Bồ tát xiển dương chánh pháp truyền bá kinh Đại Niết Bàn "KHÉO HIỂU NGHĨA NHÂN DUYÊN".

* Thông thường người ta cho rằng: ngọn đèn dầu, nếu dầu hết thì ngọn đèn tắt. Ca Diếp Bồ tát cũng cùng ý nghĩ như vậy rồi đem quan niệm đó làm ví dụ để nạn vấn Phật về ý nghĩa nhập NIẾT BÀN. Nhập Niết Bàn có phải chẳng là sự diệt tận, DỨT MÁT HẮN, giống như sự "mất hẳn" của ngọn đèn tắt khi dầu hết?

Phật dạy: Dầu hết đèn tắt, nhưng còn một cái còn, đó là bình đèn. Bình đèn là vật chất, bình đèn giả sử có thể bể nát tiêu tan đi nữa nhưng không vì vậy mà lửa đèn "diệt tận" chẳng còn gì ! Như Lai há chẳng dạy "TÁNH HỎA CHÂN KHÔNG, TÁNH KHÔNG CHÂN HỎA, THANH TỊNH BẢN NHIÊN CHÂU BIẾN PHÁP GIỚI, TÙY CHÚNG SANH TÂM ÚNG SỞ TRI LƯỢNG, TUẦN NGHIỆP PHÁT HIỆN, trong kinh Thủ Lăng Nghiêm đó sao ? Do nghĩa đó, Niết Bàn không diệt tận, không dứt mất hẳn như phạm phu quan niệm dầu hết ngọn đèn diệt tận không còn gì ! Thế cho nên, người đệ tử Phật hiểu rằng: NIẾT BÀN tức NHƯ LAI. NHƯ LAI tức NIẾT BÀN. Vì vậy Niết Bàn là THƯỜNG TRỤ. NHƯ LAI cũng THƯỜNG TRỤ như vậy.

Tuy nhiên, cũng có lúc Như Lai nói: Được Niết bàn ví như ngọn đèn tắt vì dầu hết. Dầu phiền não KIẾN TƯ HOẶC hết thì lửa sanh tử ưu bi khổ não hết, gọi đó là Niết bàn. Những lần Như Lai nói thế, là nói Niết Bàn của người A La Hán chứng được. Niết bàn đó chưa được gọi là ĐẠI NIẾT BÀN. Niết Bàn của hàng A La Hán chứng đắc cũng được gọi là "thường". Nhưng Niết bàn đó "còn dư". Cho nên Niết bàn của người A La Hán chứng chưa phải VÔ THƯỢNG NIẾT BÀN, chưa được gọi ĐẠI NIẾT BÀN. ĐẠI NIẾT BÀN là NIẾT BÀN của NHƯ LAI PHẬT. Nó "không còn dư..." cho nên có tên VÔ THƯỢNG NIẾT BÀN.

* Giấu kín chừa lại cho riêng mình, Bồ tát Ca Diếp gọi đó là "bí tàng" hay "bí mật tàng". Bồ tát Ca Diếp nêu vấn đề "bí mật tàng" hỏi Phật: Rằng trong hành trình giáo hóa chúng sanh Như Lai có dành riêng cho mình những gì mâu nhiệm, kín đáo, bí mật chẳng ?

Phật dạy: Trong quá trình cũng như tiến trình giáo hóa chúng sanh, Như Lai không hề có nắm tay lại mà luôn luôn mở rộng vòng tay. Như Lai không như các võ sư dạy cho học trò còn chừa lại "tuyệt chiêu" không truyền,

phòng để hộ thân. Như Lai không giống những người cự phú vì quá sợ trộm cướp đánh cắp nên chôn giấu kín đáo bí tàng và Như Lai không phải như nhà phát minh vũ khí tối tân, cho nên không cần có bí tàng bí mật tuyệt đối để củng cố quốc phòng, ngõ hầu thống lãnh địa vị bá quyền...Như Lai không hề có ý niệm đó trong vô lượng kiếp rồi. Như Lai không hề có gì hết, nhưng Như Lai có tất cả. Nên biết ! Tất cả pháp mà Như Lai dạy cho chúng sanh, không có pháp nào là pháp của Như Lai. Nhưng không có một chúng sanh nào có khả năng chiếm hữu, khiến cho giáo pháp kia hao mòn suy giảm tí ti nào. Vì vậy, cho nên Như Lai cần chi làm cái việc "bí tàng" !

Tuy nhiên nên nhớ: Như Lai không có BÍ MẬT TÀNG, nhưng Như Lai thường sử dụng "MẬT Ý". Mật ý hay "dị ý" là phương tiện sử dụng có hiệu quả trong hành trình hóa độ chúng sanh của Phật. Giáo lý TỨ CHÂN ĐẾ: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Những chân lý VÔ THƯỜNG, KHỔ, VÔ NGÃ và BẤT TỊNH cũng vì có "mật ý" mà Như Lai thuyết giảng như thế. Như ông trưởng giả chưa vội cho con vào trường Đại học mà bằng lòng dạy chương trình tiểu học cho con mình. Như Lai cũng vậy. Vì "mật ý" mà dạy cho hàng Thanh văn giáo lý "TỨ CHÂN". Vì "mật ý" Như Lai dạy cho hàng Nhị thừa chỉ có chín bộ kinh. Vì "mật ý" mà Như Lai nói "VÔ THƯỜNG, KHỔ, VÔ NGÃ và BẤT TỊNH.

Như Lai vận dụng giáo lý "bán tự" dạy cho hàng Thanh Văn chín bộ kinh điển Tiểu thừa. Đến khi hàng Thanh Văn đủ sức tiếp thu Như Lai dạy cho họ luận Tỳ Già La, tức giáo lý phương quảng Đại thừa qua mười hai bộ kinh. Đây gọi là giáo lý "mãn tự", như ông trưởng giả truyền dạy cho con mình hết những gì ở chương trình Đại học khi nó đủ trí lớn khôn. Vì nhân duyên ấy, ông trưởng giả không có lỗi xan lẫn, giấu diếm sự hiểu biết đối với con. Cũng như Như Lai không có "bí tàng" đối với hàng Thanh văn dù đang dạy họ học tu giáo lý "bán tự" !

"Như chim bay trong không

Dấu vết không tìm thấy"

Đó là trạng thái Niết Bàn của người chứng đắc (nhập) NIẾT BÀN. Bởi vì Niết Bàn không là gì hết. Niết Bàn không phải vật, cho nên Niết Bàn không có hình sắc: dài ngắn, rộng hẹp, vuông tròn...Niết Bàn không có màu cho

nên Niết Bàn không phải hiển sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng...Không cần có ánh sáng mặt trời, mặt trăng mới có Niết Bàn. Cũng không cần không có ánh sáng mặt trời, mặt trăng mới có Niết Bàn. Không phải ở xứ lạnh mới có Niết Bàn. Cũng không đòi hỏi xứ nóng mới có Niết Bàn. Người được Niết Bàn là người được nhổ tận gốc phiền não, được tra vào vết thương một diệu dược linh đơn, là người được điều trị hoàn toàn an lành. Một trạng thái an lành thanh thoát "bất tư nghi" chỉ có người ấy mới biết. Niết Bàn không hạn cuộc ở không gian, thời gian, nơi chốn, không do có sáng cũng không cần có tối...mới có Niết Bàn. Vì vậy Niết Bàn không lệ thuộc ngày đêm. Đó là "cảnh giới" NIẾT BÀN của những người được nhập ĐẠI NIẾT BÀN.

Vì vậy, Như Lai đến rừng TA LA SONG THỌ nơi ĐẠI NIẾT BÀN mà NHẬP NIẾT BÀN.

* Đức Phật dạy Ca Diếp Bồ tát: Rằng Như Lai thường trụ trong Niết Bàn mà giáo hóa chúng sanh ở cõi Ta bà ngót năm mươi năm. Như Lai đến rừng Ta La Song Thọ, NHẬP NIẾT BÀN chỉ là một sự kiện ghi dấu chấm dứt một giai đoạn, một hành trình giáo hóa độ sanh viên mãn của đức Phật. Người đệ tử Phật chân chính không được hiểu đức Phật đến rừng Ta La Song Thọ NHẬP NIẾT BÀN và từ đó đức PHẬT MỚI CÓ ĐƯỢC NIẾT BÀN. Càng không được hiểu rằng PHẬT NHẬP NIẾT BÀN đồng nghĩa như đức PHẬT ĐÃ CHẾT.

* Lương y trị bệnh dịch tả cho những người mắc bệnh, khi những cơn bệnh lành rồi thì lương y đến xứ khác để tiếp tục công việc trị liệu cứu nhân độ thế của mình. Đức Phật ban pháp dược điều trị chúng sanh cõi Ta Bà rồi thì đức Phật sang thế giới khác tiếp tục làm công việc trị bệnh ưu bi khổ não cho chúng sanh đang cần thầy thuốc.

* Nói là Như Lai đã trị bệnh xong, cũng có người thấy Như Lai trị bệnh chưa xong ở cõi Ta Bà. Đức Phật dạy: xong hay chưa xong là tùy đối tượng khách quan của chúng sanh có bệnh. Như Lai trị xong với những ai có đức tin Tam bảo chân chánh, có hạt giống chánh pháp Đại thừa. Người không có lòng tin như hạng Nhất xiển đề hoặc có lòng tin mà tà kiến, tin huyền hoặc hoang đường. Nhìn vào số người này, người ta nói Như Lai "trị bệnh" chưa xong. Nói cũng đúng đó chứ !

Phật dạy Bồ tát Ca Diếp: Rằng giải thoát có nhiều nghĩa, như cởi bỏ, xa lìa, không hòa hợp, không sanh, không già, không ưu sầu, không tạp tưởng, dứt hết tham muốn. Không còn dục vọng, dứt hết phiền não, vượt ra nhân duyên quả báo trong tam giới, viễn ly những nguyên nhân bất như ý như vậy gọi là chân giải thoát. Chân giải thoát tức Như Lai. Như Lai tức Đại Niết Bàn. Đại Niết Bàn tức Vô tận. Vô tận tức Phật tánh. Phật tánh tức Quyết định. Quyết định tức Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác.

Đó là thứ pháp, tên thì một, mà nghĩa thì khác.

Có thứ pháp, tên khác nghĩa khác, như pháp Tam Quy Y: Phật là Giác. Pháp là Chánh. Tăng là Tịnh.

Có thứ pháp, tên khác mà nghĩa một, như Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Lại có thứ pháp, Như Lai nói hoặc bốn hoặc ba hoặc hai hoặc một...cho đến một cũng không có...Đó là cảnh giới của chư Phật, hàng Thanh Văn, Duyên giác không thể biết được.

Người được NIẾT BÀN, không cần hủy bỏ thân. Không cần diệt tận tâm trí mà cũng chẳng cần có ý tưởng lãnh thọ NIẾT BÀN. Bởi vì Niết Bàn chẳng có gì đó để cho ai đó lãnh thọ. Người được NIẾT BÀN như người trí chỉ cần biết cách "Ói". Và trước lúc ói, biết rằng mình đã ăn nhầm những thức ăn có độc tố cho nên bị đau như vậy. Người trí này tạo cho mình một cách Ói để ói hết ra, vậy thôi ! Cho nên, ai đó nói Như Lai có THỌ VUI NIẾT BÀN là không đúng. Bởi vì cái vui Niết Bàn không phải là cái vui mới có mà là cái vui vẫn có. Vì tánh của Niết Bàn là Thường. Như Lai tánh là Thường.

Tuyệt đối AN VUI là NIẾT BÀN. NIẾT BÀN LÀ CHÂN GIẢI THOÁT. CHÂN GIẢI THOÁT TỨC NHƯ LAI.

Niết Bàn, Chân giải thoát và Như Lai là pháp bất sanh bất diệt. Hư không cũng là pháp bất sanh bất diệt. Có lúc Như Lai mượn Hư không để dụ Niết Bàn. Cũng mượn Hư không dụ Phật tánh, dụ Như Lai..Hư không chưa phải là pháp cân xứng để tỷ dụ, chỉ là phương tiện tạm mượn làm dụ, vì hư không là pháp đối đãi trong đối đãi. Không thể đem mắt của cá sánh với ngọc minh châu.

GIẢI THOÁT là kết quả của sự thành tựu vô lượng vô biên công đức. Thế cho nên, GIẢI THOÁT tức là ĐẠI NIẾT BÀN vậy./

---o0o---

PHẨM THỨ TÁM - TỨ Y

Phật dạy: Trong Đại Niết Bàn vi diệu này có bốn hạng người hay hộ trì chánh pháp, kiến lập chánh pháp. Những hạng người này có thể làm lợi ích và chỗ nương tựa cho thế gian.

Một là người phàm phu có ý chí xuất thế.

Hai là Tu Đà Hoàn và Tư Đà Hàm.

Ba là A Na Hàm.

Bốn là A La Hán.

Bốn hạng người trên đây là những người từng gieo trồng hạt giống Đại thừa, có khả năng nghe hiểu chánh pháp Đại thừa, hành chánh pháp và sống theo chánh pháp. Họ thường truyền bá chánh pháp đến mọi người, thường tán thán đời sống phạm hạnh thiểu dục tri túc, thường quở trách tội lỗi của đa dục. Xiển dương nếp sống "An bản lạc đạo", "Duy tuệ thị nghiệp"...Tám điều giác ngộ của bậc Đại nhân.

Đây là bốn hạng người xuất hiện nơi đời xót thương nhân thế làm nhiều lợi lạc cho thế gian, làm chỗ nương tựa cho trời người. Họ là những người đáng được tôn quý như tôn quý Phật vậy.

Ca Diếp bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Con nghĩ rằng không nên đặt niềm tin tuyệt đối vào bốn hạng người mà Như Lai vừa dạy. Con còn nhớ trong kinh Cù Sư La, đức Phật từng dạy: Nếu có thiên ma phá hoại Phật pháp, chúng biến hiện hình Phật, đủ cả tướng tốt, vẻ đẹp trang nghiêm, hào quang sáng rỡ...cũng phải cảnh giác kiểm giáo là thiệt hay là giả, không được nhẹ dạ cả tin. Khi nhận diện chúng là ma thì dùng chánh giáo mà điều phục cho chúng cải tà quy chánh...Cứ theo lời dạy của Phật, con không thể tin tưởng lời nói của bốn hạng người trên và cũng không hy vọng họ là chỗ đáng nương tựa cho mình !

Phật dạy: Ca Diếp ! Ý nghĩ của ông sáng suốt lắm đó.

Này Ca Diếp ! Dù cho lời nói của Như Lai mà nghe chưa hợp lý, có ý nghi ngờ còn không nên vội tin, tiếp nhận, thọ trì, huống là lời nói của bốn hạng người trên. Vì vậy, phải phân biệt rõ lời dạy đó lành hay không lành. Lợi ích hay không lợi ích. Nên làm hay không nên làm. Nguyên nhân của an lạc hay đó là nguyên nhân mang đến khổ đau. Phải cân nhắc kiểm tra rồi mới tin nghe và thực hành. Phải tu học như vậy mới đem lại sự giải thoát chân thật không biến hoại.

Này Ca Diếp ! Sau Như Lai nhập Niết bàn hàng Bồ tát hộ trì chánh pháp, phương tiện giả đồng sự với các Tỳ kheo phá giới. Bồ tát hộ trì chánh pháp có thể thọ nhận của đàn việt, chứa để vật bất tịnh để cúng dường cho vị Tỳ kheo phá giới có khả năng tấn xuất trừng trị các ác Tỳ kheo phỉ báng kinh điển Đại thừa.

Nhằm hộ trì chánh pháp Đại thừa, lợi lạc cho vô lượng nhân thiên, trong việc làm đó, Bồ tát không có tội lỗi.

Này Ca Diếp ! Nếu có Tỳ kheo phạm giới mà tự kiêu mạn không sám hối, phải biết đó chính là người cố ý phạm giới và phá giới. Bồ tát dầu có lúc sai phạm, nhưng thấy rõ lỗi lầm, tự trách và nguyện sám hối tận đáy lòng nên không gọi là phá giới. Vì có ấy nên trong kinh khác, có lần Như Lai nói:

Có ai biết chánh pháp

Không luận già hay trẻ

Nên trân trọng cúng dường

Cung kính và lễ bái

Như hàng Bà la môn

Chí thành thờ thần lửa

Và như các thiên thần

Cung kính trời Đế Thích

Lời kệ trên Như Lai vì các Bồ tát tu học Đại thừa mà nói, chẳng phải nói với hạng người học pháp Thanh văn.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Các Bồ tát đối với việc trì giới như vậy thì rất là huân đãi. Vậy giới pháp của các vị ấy có bị tổn giảm gì chăng ?

Phật dạy: Vì lợi ích chúng sanh, nhằm hộ trì chánh pháp Đại thừa, tấn xuất các ác Tỳ kheo ra khỏi thanh tịnh Tăng, Bồ tát đồng sự, hợp tác vị Tỳ kheo phá giới, việc làm của Bồ tát này không được xem là có tội lỗi. Vì vậy giới pháp của Bồ tát đã thọ không bị khiếm khuyết. Và lại, khi thấy mình có lỗi thì Bồ tát thành tâm sám hối, vun bồi thiện pháp tránh sự lỗi lầm. Vì vậy mà giới pháp của Bồ tát không bị tổn giảm. Ví như bờ đê có mối thì nước trong ruộng bị thoát đi. Nếu biết bờ mối trám nó đi thì nước trong ruộng không còn thất thoát nữa.

Này Ca Diếp ! Đối với "thừa" mà huân đãi mới gọi là huân đãi. Với "giới" huân đãi, không quan trọng lắm nên không gọi là huân đãi. Các Bồ tát không trễ nải đối với chánh pháp Đại thừa đấy mới gọi là trì giới căn bản. Bồ tát hộ trì chánh pháp dùng nước Đại thừa mà tự tắm gội. Vì vậy, nên Bồ tát dầu hiện ra tướng phá giới nhưng không phạm phải sai lầm nên không gọi là huân đãi.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Trong chúng Tăng có bốn hạng người như trái Am ma la khó phân biệt trái chín trái sống. Làm sao để biết được người trì giới và người phá giới ?

Phật dạy: Dựa trên kinh Đại thừa vi diệu có thể nhận biết dễ dàng. Cùng một hành động nhìn qua tương tự như nhau, nhưng Tỳ kheo nào nói rằng Phật cho Tỳ kheo tích trữ tám vật bất tịnh (vàng, bạc, nô tỳ, trâu dê, kho lẫm, kinh doanh, nông nghiệp, tự tạo tài sản) thì đó là Tỳ kheo phá giới. Tỳ kheo không tích trữ tám vật bất tịnh là Tỳ kheo giữ giới trọn vẹn dầu có khi trông như hủy phạm.

Này Ca Diếp ! Như rừng Ca la ca rậm rạp rất nhiều cây. Trong rừng này chỉ có một cây Trán đầu ca. Trái của hai cây này rất giống nhau, khó mà phân biệt được. Đến mùa trái chín một thiếu nữ lượm cả hai thứ, một phần trái Trán đầu ca, mười phần trái Ca la ca đem ra chợ bán. Các trẻ nít ngu dại

mua lầm trái Ca la ca, ăn xong trúng độc mà chết. Hàng thức giả nghe được việc ấy, hỏi thiếu nữ lượm những thứ trái cây ấy ở nơi nào ? Thiếu nữ nói là lượm ở rừng Ca la ca. Thức giả bảo: trong rừng ấy toàn là cây Ca la ca, chỉ có một cây Trán đầu ca thôi, mọi người biết rõ đều chê rồi bỏ đi.

Này Ca Diếp ! Tám pháp bất tịnh ở trong chư Tăng cũng như vậy. Trong chư Tăng phần đông đều thọ dụng tám thứ bất tịnh ấy. Chỉ có một người trì giới thanh tịnh không thọ và biết đại chúng thọ dụng tám thứ bất tịnh là phi pháp nhưng vẫn đồng sự không xa lánh, như cây Trán đầu ca trong rừng Ca la ca vậy. Có Ưu bà tắc, Ưu bà di thấy phần đông Tăng chúng sống phi pháp nên không cung kính cúng dường kể cả vị Tăng thanh tịnh này. Nếu muốn cúng dường vị Tăng thanh tịnh thì nên đem tám pháp bất tịnh của Phật dạy ra hỏi.

Những chư Tăng nói Phật không cho Tỳ kheo tích trữ tám vật bất tịnh, Tỳ kheo nào chứa tám vật bất tịnh thì không cùng ở chung, không cùng thuyết giới Bồ tát, Tỳ tứ, Yết ma, và không uống nước một dòng sông...Nếu chung cùng, cộng sự với những người phi luật phá giới sẽ đọa địa ngục như người ăn lầm trái Ca la ca.

Này Ca Diếp ! Ví như có người bán thuốc ở chỗ chợ đông, họ bán có cả thuốc quý Tuyết sơn cùng nhiều thứ thuốc bồi khác, mùi vị đều giống nhau. Người mua không biết mặt thuốc, hỏi mua thuốc Tuyết sơn. Người bán dối trá lấy các thứ thuốc bồi đưa ra. Người mua nhận lầm tưởng là thuốc Tuyết sơn thật. Trả tiền mang đi và mừng thầm rằng, đã mua được thuốc quý Tuyết sơn !

Này Ca Diếp ! Trong Tăng chúng Thanh văn có giả danh Tăng, có chân thật Tăng và hoà hợp Tăng, hoặc có trì giới, hoặc có phá giới. Đối với đại chúng như vậy nên bình đẳng cúng dường, vì với nhục nhãn hàng Ưu bà tắc chẳng phân biệt được vị nào là chân thật Tăng, vị nào là giả danh Tăng, vị nào trì giới, vị nào phá giới, như người mua thuốc khó phân biệt được thuốc quý Tuyết sơn. Chỉ người có thiên nhãn mới có thể biết rõ.

Này Ca Diếp ! Nếu biết là Tỳ kheo phá giới hay Tỳ kheo chứa tám vật bất tịnh thì không nên cung kính cúng dường. Bởi lẽ người Ưu bà tắc, Ưu bà di,

cur sĩ sẽ không được nhờ cậy, học hỏi gì ở nơi họ trên bước đường giải thoát giác ngộ...

Bạch Thế Tôn ! Ca Diếp thưa: Lời Phật dạy chân thật không hư. Con sẽ trân trọng tuân hành, xem như bảo vật Kim cang. Con cung kính phụng hành lời Phật dạy: các Tỷ kheo phải dựa trên pháp Tứ y mà tu học.

Một, Y pháp không Y người

Hai, Y nghĩa không Y lời

Ba, Y trí không y thức

Bốn, Y kinh liễu nghĩa, không Y kinh bất liễu nghĩa

* Y pháp không Y người là thế nào?

_ Y pháp tức là phải học hỏi về PHÁP TÁNH. Pháp tánh là tánh thanh tịnh bản nhiên của vạn pháp. Tánh thanh tịnh đó cũng chính là Phật tánh, là Như Lai. Vì vậy Như Lai là pháp THƯỜNG TRỤ. Pháp thường trụ chính là Phật tánh. Phật tánh tức Như Lai. Người y chỉ pháp tánh không bao giờ có ý niệm Như Lai vô thường, không bao giờ tuyên thuyết rằng Như Lai vô thường, biến đổi.

_ Không y người, tức là không y chỉ nương tựa với hàng Thanh văn, vì Thanh văn chưa rời khỏi ý niệm hữu vi. Thanh văn còn có ý niệm Như Lai vô thường, mà chân lý đích thực thì Như Lai thường trụ.

Này Ca Diếp ! Chỉ có Tỷ kheo phá giới, Tỷ kheo vì lợi dưỡng nói Như Lai vô thường biến đổi. Người có trí không nên y, không nương tựa với những người đó.

* Y nghĩa không Y lời là thế nào ?

_ NGHĨA tức GIÁC LIỄU. NGŨ tức NGÔN TỪ. Lời nói có thể ứng dụng đem lại hiệu quả đích thực gọi đó là Nghĩa. Lời nói không thể ứng dụng, hoặc ứng dụng đem lại hiệu quả nhỏ nhen, thậm chí không có hiệu quả gì gọi đó là Ngữ. Nếu Tỷ kheo tuyên thuyết Phật, Pháp, Tăng thường trụ không biến đổi thì nên y theo. Đó là người y Nghĩa.

_ Nếu có những kinh điển tà ngụy nhằm mục đích tham cầu lợi dưỡng, trau chuốt ngôn từ hoa mỹ, phục dịch cho bạch y, lập lòe đánh lận: Rằng đức Phật cho các Tỷ kheo được tích lũy sự nghiệp tiền tài, tự tiện khẳng định: Như Lai vô thường, Pháp, Tăng cũng vô thường biến đổi...Đó là "Ngữ ngôn" không có GIÁC LIỄU không nên y theo.

* Y trí không y thức là thế nào ?

_ Nay Ca Diếp ! Nếu thầy Tỷ kheo hiểu rằng: Như Lai tức Phật tánh. Phật tánh tức Pháp thân thường trụ không biến đổi. Hiểu như vậy là TRÍ, đó là Chơn Trí nên y theo.

_ Nếu có hàng Thanh văn không biết công đức Như Lai, bằng nhục nhãn của mình nhìn thấy Ứng hóa thân phương tiện của Như Lai, rồi cho rằng thân Như Lai vẫn là thân hòa hợp bởi ngũ âm, lục nhập, thập bát giới..Thân Như Lai cũng do sự ăn uống mà được sống còn. Hiểu biết như thế là hiểu biết bằng THỨC, sự hiểu biết của nhục nhãn phàm phu không nên y theo.

* Thế nào là Y kinh liễu nghĩa, không Y kinh bất liễu nghĩa ?

Nay Ca Diếp ! Trí của hàng Thanh văn chỉ có thể tiếp thu kinh điển bán tự, giáo lý phương tiện của Như Lai. Đây gọi là bất liễu nghĩa. Trí của hàng Đại Bồ tát tiếp nhận trọn vẹn những giáo lý thậm thâm vi diệu tối thượng Đại thừa. Đây gọi là Liễu nghĩa.

_ Lại nữa, Thanh văn thừa là không liễu nghĩa.

_ Tối thượng Đại thừa là Liễu nghĩa.

_ Nói Như Lai vô thường biến đổi là không liễu nghĩa.

_ Nói Như Lai thường trụ không biến đổi là liễu nghĩa.

_ Học hiểu với lời dạy của hàng Thanh văn là không liễu nghĩa.

_ Học hiểu với lời dạy của Bồ tát là liễu nghĩa.

_ Nếu nói Như Lai nhập Niết bàn ở Ta La Song thọ, nhưng Như Lai thường trụ không biến đổi. Đây là lời nói liễu nghĩa.

_ Nói Như Lai nhập Niết bàn như củi hết lửa tắt. Đây là lời nói không liễu nghĩa.

_ Nói Như Lai nhập Niết bàn là hòa quang với Pháp tánh, hội nhập bản thể chân như, tùy thuận với Pháp thân. Những hiểu biết như vậy, lời nói như vậy, kinh điển như vậy đều thuộc hệ Liễu nghĩa thượng thừa nên y theo.

Này Ca Diếp ! Giáo pháp Như Lai dạy cho Thanh văn thừa là bán tự giáo. Ví như nhà nông mới cày xới trồng tía chưa có hoa trái. Vì vậy gọi là Bất liễu nghĩa. Phải nương tựa học pháp Đại thừa của Bồ tát là giáo pháp Liễu nghĩa cần phải nên "Y theo". Đó là chỗ nương tựa vững chắc.

Đây là "bốn điều nên Y theo" phải tu học.

Lại nữa này Ca Diếp ! Tất cả pháp là PHÁP. Pháp tánh cũng là PHÁP. Phật tánh cũng tức là Pháp tánh. Pháp thân Tỳ Lô Giá Na cũng là PHÁP. Đại Niết Bàn cũng là PHÁP. Tất cả đều thường trụ bất tư nghi, chẳng cầm nắm được, chẳng buộc, chẳng nhốt được. Nhưng tất cả đều CHỨNG BIẾT được. Nếu có kẻ nào nói: KHÔNG THỂ CHỨNG BIẾT ĐƯỢC PHÁP thì không nên theo kẻ đó. Vì vậy mà Y PHÁP không Y NGƯỜI.

Nếu có người chỉ biết tuyên nói lý vô thường, vô ngã...một cách tự tin và quyết định, không nên y theo. Vì thế Y Nghĩa mà không Y theo Lời (Ngữ).

Nếu người nhận biết rõ: Phật, Pháp, Tăng thường trụ không biến đổi và kiên cố chấp trì lời Phật dạy: Rằng một Tỳ kheo đệ tử Phật không được tích lũy tám thứ vật bất tịnh. Đây là Y Trí không Y Thức.

Liễu nghĩa còn có nghĩa là tri túc. Người thọ trì liễu nghĩa kinh không bao giờ dôi hiện oai nghi. Đời sống thanh bạch, không kiêu mạn tự cao, không tham cầu lợi dưỡng. Đối với giáo pháp của Như Lai biết rõ lời dạy nào phương tiện, lời dạy nào cứu kính liễu nghĩa không nghi ngờ, không chấp dính và thắc mắc. Nếu người nào an trụ được những điều đó, phải biết người đó đã an trụ ĐỆ NHẤT NGHĨA, là người Y KINH LIỄU NGHĨA. Trái lại, người chỉ biết nói: Tất cả đều phùng cháy, tất cả đều vô thường, vô ngã và bất tịnh...Đây gọi là người chỉ mới tiếp thu pháp BẤT LIỄU NGHĨA, dễ khiến chúng sanh đọa địa ngục A tỳ, vì không hiểu chân lý, không hiểu sự thật.

Này Ca Diếp ! Nếu có người nói: Như Lai vì thương xót chúng sanh, khéo biết thời nghi, khéo dùng phương tiện, nên có lúc Như Lai nói nhẹ là nặng, hoặc nói nặng là nhẹ. Đối với tám thứ vật bất tịnh cũng vậy, có lúc Như Lai cấm tuyệt đối rồi có lúc Như Lai không cấm tuyệt đối, với điều kiện tri túc kèm theo.

Đây là pháp TỨ Y, người đệ tử Phật nên y theo. Nếu có các kinh, luật, luận nào không trái với tiêu chuẩn tứ y cũng nên y theo, vì cũng lợi ích trên đường hành đạo...giải thoát...

TRỰC CHỈ

Y có nghĩa là chỗ nương tựa. Dân nương chính phủ. Con nương cha mẹ. Phi công, thuyền trưởng nương la bàn. Tất cả ngành, nghề sinh hoạt trong cuộc sống đều phải có chỗ nương tựa, chỉ khác nhau ở đối tượng nương tựa mà thôi. Người đệ tử Phật cũng vậy. Đối tượng nương tựa của người đệ tử Phật là "Y". Là "Tam Quy Y". là "Tứ Y".

Tam Quy Y thông thường của mọi Phật tử quy y đó là cái lễ "xin vào ngôi nhà Phật" và được mời vào nhà Phật vậy thôi. Có được uống nước trà, dự tiệc hay không còn là việc ở hồi sau.

Học phẩm Tứ Y, hành theo giáo lý phẩm Tứ Y mới là đích thực Phật tử, được thọ dụng hết những tiện nghi an lạc giải thoát trong ngôi nhà Phật ấy.

Người phát tâm đi vào con đường Phật nên chọn người mà tôn kính làm thầy cho mình. Vị thầy để cho người trí Quy y không cần hình thức bề ngoài, bất cứ dạng, dáng vẻ thế nào, mà chỉ nên quan sát , tìm hiểu CHỨNG TÁNH qua hành động, ngữ ngôn, qua sự sinh hoạt, giáo hóa của vị ấy.

Phẩm Tứ Y trong kinh Đại Bát Niết Bàn này, Phật nêu bốn hạng người có thể làm chỗ Quy y:

Hạng người thứ nhất. Có thể là Phạm phu tăng mà có ý chí xuất thế, có chủng tánh Đại thừa, người này làm chỗ Quy y được. Quy y với người này có được nhờ cậy, có cơ hội tiến lên trên đường xa rộng của giải thoát giác ngộ.

Hạng người thứ hai, Tu Đà Hoàn và Tư Đà Hàm quả.

Hạng người thứ ba, A Na Hàm quả.

Hạng người thứ tư, A La Hán quả.

Bốn hạng người trên có thể làm chỗ quy y, người đệ tử Phật nên quy y với họ, nên tôn trọng các bậc ấy làm thầy hướng dẫn sự tu học của mình.

Nguyên tắc, lý lẽ là vậy, người đệ tử Phật muốn vào đạo Phật cần phải "Quy y". Nhưng để vững chắc không gì làm lay chuyển được đạo tâm, đạo hạnh của ta, còn phải đề cao cảnh giác với bốn bậc người trên. Họ phải là người thuộc chủng tánh Đại thừa. Hiện tại danh nghĩa của họ là Thanh Văn nhưng phải là Thanh Văn TUỆ TÁNH. Thanh văn cầu tiến hướng thượng đối với quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì mới nên Y theo. Họ phải hiểu kỹ về Pháp thân Phật, về Báo thân Phật. Thế nào là Ứng thân Phật, Thế nào là thiên bách ức Hóa thân Phật. Phải hiểu rõ Phật là Phật tánh, thường trụ bất biến..

Hàng TUỆ TÁNH THANH VĂN hiểu rõ rằng pháp Phật nói ra cũng như tất cả vạn pháp cùng có chung một tánh thanh tịnh bản nhiên. Tánh thanh tịnh đó gọi là PHÁP TÁNH. Pháp tánh không phải pháp riêng của Phật, càng không phải cái độc quyền đặc lợi của một "siêu nhân", "siêu nhiên" với bất cứ một danh nghĩa nào. Vì vậy, bậc nương tựa của người, trời, phải hiểu và dạy rõ: Pháp thường trụ không biến hoại.

TẶNG THÂN biểu hiện qua con người cụ thể: ngũ uẩn, thất đại.

TẶNG TÁNH là tánh thanh tịnh bản nhiên, là trí tuệ nhận thức PHẬT TÁNH và PHÁP TÁNH một cách chính xác và đích thực: Rằng Phật tánh và Pháp tánh "không hai".

PHẬT TÁNH là tánh thanh tịnh bản nhiên của chúng sanh HỮU TÌNH.

PHÁP TÁNH là tánh thanh tịnh bản nhiên của chúng sanh VÔ TÌNH

Danh thì hai, nghĩa thì một. Đó là ý nghĩa HÒA HỢP TÁNH của Tăng. Vì vậy, Phật thường trụ, Pháp thường trụ, Tăng cũng thường trụ.

Hiểu được vậy, là hiểu được chân lý THẬP PHƯƠNG PHÁP GIỚI THƯỜNG TRỤ TAM BẢO. Hiểu như vậy, mới là người mà người và trời

nên nương tựa làm chỗ Quy Y. Quy Y như vậy, là Quy y NHẤT THỂ TAM BẢO mười phương. Không rườm rà, khỏi sấm lể lộc, miễn "tác bạch" dài dòng, lượm thượm lồi thoi.

Còn nữa ! Thông thường người ta mượn đá để biết tuổi vàng. Với bốn hạng người có thể làm chỗ nương tựa để ta Quy y, Phật dạy hãy mượn tám pháp bất tịnh để thử chất liệu thanh tịnh hay không của đối tượng khả kính mà mình sắp quy y. Dựa vào tám pháp bất tịnh trắc nghiệm như tâm "khả kính" sẽ biết trái nào là Ca la ca, trái nào là Trán đầu ca để mà "chọn mặt gởi vàng" ./.

---o0o---

PHẨM THỨ CHÍN - TÀ CHÁNH

Bồ tát Ca Diếp thưa: Theo lời Phật dạy, người đệ tử Phật trên đường tu hành nếu lơ cảnh giác có thể nhận lầm lời nói của ma mà tưởng là lời Phật dạy. Vậy chúng con phải làm sao để phân biệt được lời Phật và lời mê hoặc của ma ?

Phật dạy: Sau Như Lai nhập Niết bàn, hậu thế sẽ có ma ba tuần nhiễu loạn chánh pháp, lập lờ dối hiện hình tướng sa môn mặc ca sa của Tỳ kheo mà tâm địa là anh thợ săn đoi lột. Ma ba tuần giả làm Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di. Nó còn thể hiện hình tướng Tu Đà Hoàn...A La Hán. Nó cũng hóa làm hình Phật. Chúng tuyên thuyết rộng rãi rằng: Xưa kia Bồ tát ở cung trời Đâu suất chết rồi sanh vào hoàng tộc của Tịnh Phạn Vương, thành Ca Tỳ La Vệ. Nương sự ái dục hòa hợp của cha mẹ mà có thân. Không bao giờ có người nào sanh trong loài người mà được đại chúng, người trời cung kính tôn trọng như vậy. Chúng còn nói xưa kia Phật từng tu hạnh bố thí. Cho cả đầu, mắt, tay, chân, quốc thành, thê tử nên nay được thành Phật. Vì vậy, nay được người, trời và đại chúng tôn trọng cung kính.

Nếu kinh, luật, luận nào nói như vậy là lý lẽ của ma. Nó lập liêm, lập lờ nhằm làm chiết giảm giá trị Pháp thân thường trụ bất sanh bất diệt của Như Lai.

Này Ca Diếp ! Kinh luật luận nào nói Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác đã thành Phật từ lâu, vì muốn hoá độ chúng sanh nên nay thị hiện làm Phật, vì tùy thuận thế gian nên thị hiện có cha mẹ, rồi cũng tùy thuận chân lý tục đế thế gian cũng nương ái dục hòa hợp của cha mẹ mà được sanh ra. Kinh luật nói như vậy là đúng lời Như Lai nói. Nếu ai tin theo lời của ma, những người đó là quyến thuộc của ma. Người nào nghe lời Phật tùy thuận kinh luật Phật, người đó là đệ tử Phật, là Bồ tát hiện đời.

Nếu bảo rằng: Không nên tin chuyện Như Lai mới sanh ra, đi bốn phương mỗi phương bảy bước ? Đó là luận điệu của ma.

Nếu nói: Như Lai sanh ra, cả tám phương mỗi phương đi bảy bước, đó là Như Lai phương tiện thị hiện. Đó là kinh điển, lời Phật nói.

Nếu nói: Sau khi Bồ tát giáng sanh, phụ vương cho người đem đến miếu thờ trời, tất cả chư thiên thần: Đại tự tại thiên, Đại phạm thiên...Đế Thích....thảy đều chấp tay lễ chân Bồ tát. Đây là lời của Phật.

Nếu gạn rằng: Trời sanh trước, Phật sanh sau, có sao chư thiên lễ kính Phật. Lời gạn này là luận điệu của ma ba tuần.

Nếu chỗ nào nói: Lúc làm Thái tử, vì lòng tham dục Bồ tát cưới vợ hưởng thọ khoái lạc ở hoàng cung..Đây là luận điệu của ma.

Nếu nói: Bồ tát từ lâu xa đã lìa bỏ tham dục vợ con cho đến sự vui vi diệu của cõi trời Đao lợi như bỏ đằm mũi, hưởng là sự vui ngũ dục ở cõi người. Bồ tát cạo bỏ râu tóc xuất gia hành đạo chỉ là phương tiện thị hiện. Đây là lời Phật nói.

Nếu kinh điển nào nói: Tại Kỳ hoàn tịnh xá ở nước Xá Vệ, do lòng đại từ thương xót chúng đệ tử, đức Phật cho phép các đệ tử Tỳ kheo nuôi tỳ tớ, trâu dê...chứa vàng bạc châu báu..cho buôn bán gieo trồng...gây dựng sự nghiệp..Phải biết đây là lời của ma.

Nếu nói rằng: Tại nước Xá Vệ, nơi tịnh xá Kỳ Hoàn, trước vua Ba Tư Nặc và Cổ Chi Đức Bà la môn, đức Phật cấm các Tỳ kheo không được nuôi, chứa tám thứ vật bất tịnh đã nói trên. Trái phạm các điều này không được ở

trong hàng Tỳ kheo Tăng. Phải đưa ra khỏi đại tăng, như cỏ mọc trong ruộng lúa cần phải nhổ bỏ. Đây là kinh điển Phật nói.

Nếu nói rằng Thái tử là Bồ tát, thị hiện vào miếu thờ trời, ở trong pháp ngoại đạo xuất gia tu hành, thị hiện học tất cả oai nghi lễ giáo, biết tất cả văn tự kỹ nghệ, thị hiện làm bậc tôn quý nhất trong các giai cấp của xã hội; dù vậy, nhưng Bồ tát chẳng có lòng luyến ái, như hoa sen không nhiễm nước đục bùn nhơ. Vì độ chúng sanh, Bồ tát thị hiện tùy thuận thế pháp. Nói những lời trên là lời Phật. Nói trái lại là lời của ma.

Nếu có người cố chấp chín bộ kinh, không tin kinh điển Phương Đẳng Đại thừa. Họ cho rằng không phải lời Phật nói, vì kinh điển của họ không có. Phải biết, người này có tội. Không phải đệ tử chân chính của Phật.

Nếu sách vở nào nói: Như Lai không phải là kết quả của vô lượng công đức mà là vô thường biến đổi. Do tu chứng pháp không nên tuyên nói lý vô ngã không thuận với thế gian. Đây là lời của ma.

Nếu nói: Như Lai là bậc Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác không thể nghĩ bàn, là kết quả của vô lượng công đức, là thường trụ không biến đổi. Đây là lời Phật.

Nếu có thầy Tỳ kheo đối với đạo giải thoát giác ngộ không có chứng đắc gì mà dối hiện tướng oai nghi ra vẻ người chứng đắc và cũng nói được các pháp hơn người. Người này phạm tội tứ trọng. Như viên đá bẻ hai, không liền lại được nữa.

Nếu có thầy Tỳ kheo giới đức trong sạch, ít muốn, biết đủ, ở chốn vắng vẻ, tự tại khinh an. Vua quan gặp cung kính tôn trọng cho là bậc A La Hán. Rồi ngợi khen rằng: Đại sư đây trong tương lai sẽ chứng quả Vô thượng Bồ đề. Thầy Tỳ kheo nghe rồi liền cải chánh: rằng mình chưa chứng quả Thánh và khuyên vua quan chớ nhận lầm. Nhà vua vẫn cố kính tin và loan truyền cho mọi người cùng tôn trọng cúng dường. Đây là thầy Tỳ kheo thực có giới đức trong sạch nên có hành động xử sự như thế. Thầy Tỳ kheo này dù được sự cung kính cúng dường của vua quan, của mọi người mà không mắc tội tứ trọng. Ai nói Tỳ kheo này tội là lời xuyên tạc ganh tỵ của ma.

Có thầy Tỳ kheo tuyên thuyết giáo điển Đại thừa thậm thâm của Phật: Rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Vì có Phật tánh nên ai cũng có thể dứt trừ vô lượng phiền não thành bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác; trừ hạng người Nhất xiển đề. Nếu có người hỏi: Thầy có Phật tánh chăng ? Có sẽ được thành Phật không ? Thầy Tỳ kheo đáp: Chính tôi đây có Phật tánh. Còn thành Phật ngang với địa vị nào, chưa có thể nói quyết định. Bởi vì đến đỉnh cao của quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác còn tương quan với nghị lực của con người liên hệ với thời gian và sức tinh tấn...nữa. Lại có người hỏi Tỳ kheo: Đại đức không phải Nhất xiển đề chắc chắn được thành Phật ư ? Thầy Tỳ kheo đáp: Đúng vậy.

Cương vị một thầy Tỳ kheo, xác định kiến giải của mình như thế đối với giáo nghĩa Đại thừa, thầy Tỳ kheo này xứng đáng là một Bò sát đệ tử Phật. Nói và hiểu ngược lại là lời của ma.

Ma vương lại bảo rằng: Không có bốn tội trọng, mười ba tội tăng tàng, hai tội bất định, ba mươi tội xả đọa, chín mươi tội đọa, bốn pháp hồi quá, trăm pháp phải học, bảy pháp diệt tránh, hẳn đến không có tội thô, tội nghịch, nhất xiển đề. Nếu các Tỳ kheo phạm các tội trên mà phải đọa địa ngục thì hàng ngoại đạo lẽ ra đều phải được sanh lên cõi trời, cõi Phật cả. Vì ngoại đạo chẳng có thọ giới gì nên chẳng có giới gì để phạm. Đó chẳng qua Như Lai muốn khùng bố người nên nói các điều giới ấy. Và đây là các Luật sư vọng nói là lời Phật chế, kỳ thật không phải Phật chế như thế. Tất cả luận điệu trên là điển từ của ma.

Người trần trọng giữ gìn giới cấm thân, khẩu, ý sẽ thanh tịnh, không phạm điều tội lỗi như rùa giấu kín sáu chi. Nếu có luật sư nói: Giới cấm có phạm cũng chẳng có tội báo gì ! Người chân chánh đệ tử Phật không thân cận luật sư nguy thuyết như vậy. Giới cấm Phật chế ra, giới trọng, giới khinh mỗi mỗi đều có dị ý, đều có công năng phòng phi chỉ ác. Nếu phủ nhận công năng giữ giới thì lấy pháp gì để chỉ ác phòng phi tam nghiệp ?

Trong các kinh điển Như Lai từng dạy: Nếu có phạm giới trọng cũng như khinh, phải theo luật mà trị tội. Bởi vì, nếu chúng sanh không giữ gìn cấm giới thì sao có được Định. Định không có làm sao có Tuệ. Không có tuệ làm sao thấy được Phật tánh ? Dầu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh nhưng

phải có trì giới rồi sau mới được thấy. Do thấy Phật tánh mà được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong chín bộ kinh không có Phương Đẳng Đại thừa cho nên không có nói Phật tánh. Dầu không nói, người đệ tử Phật có chủng tử Đại thừa phải biết có Phật tánh. Phật tánh là tánh thanh tịnh vốn có của mọi chúng sanh.

Người nào nói và hiểu như vậy là đệ tử Phật. Ngược lại, là quyến thuộc của ma.

Ca Diếp Bồ tát thưa ! Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh nhưng trong chín bộ kinh chưa từng nghe thấy điều này. Giờ đây lại nói rằng có thì sao không phạm trong tội tứ ba la di.

Phật dạy: Này Ca Diếp ! Như lời ông hỏi, trường hợp đó, không mắc tội tứ ba la di. Ví như có người nói trong biển cả chỉ có bảy thứ báu, không có tám thứ. Người đó không có lỗi. Cũng vậy, nếu căn cứ giáo lý của chín bộ kinh mà nói rằng không có Phật tánh thì không mắc tội. Vì Như Lai ở trong biển lớn Đại trí, Đại thừa mới nói có Phật tánh. Với tiểu trí của hàng Nhị thừa họ không thấy biết nên nói là không Phật tánh, trường hợp đó không bị phạm tội. Cảnh giới này là chỗ thấy biết của Phật, chẳng phải hàng Thanh văn Duyên giác biết được.

Này Ca Diếp ! Người không được nghe tạng pháp thậm thâm bí mật của Như Lai thì làm sao biết có Phật tánh ! Pháp thậm thâm bí mật của Như Lai, chính là kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng vậy.

Này Ca Diếp ! Các hàng ngoại đạo, hoặc nói ngã thường còn, hoặc nói ngã đoạn diệt. Như Lai không nói như vậy. Có nhân duyên Như Lai nói không ngã (vô ngã). Có nhân duyên Như Lai nói có ngã (hữu ngã). Đây gọi là Trung đạo.

Nếu có người nói: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh". Nhưng vì phiền não che lấp nên không dễ thấy biết. Vì vậy, muốn thấy biết Phật tánh cần tinh tấn tu tập gột rửa phiền não sạch hết, Phật tánh sẽ hiện ra. Ai nói lời đó, không phạm tội ba la di. Không nói như vậy là người có ý đồ "tự tôn ngàm" mắc tội ba la di (một trong tứ trọng tội).

Nếu có người nói: "Tôi đã thành Phật, vì tôi có Phật tánh". Nói như vậy bị phạm tội ba la di. Bởi vì dầu có Phật tánh nhưng chưa tu tập thiện pháp nên chưa được thấy. Vì phiền não chưa sạch, Phật tánh chưa hiện ra nên chưa được nói "Tôi đã thành Phật".

Này Ca Diếp ! Do những nghĩa như vậy, nên Phật pháp rất sâu xa vi diệu không thể nghĩ bàn.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Có vị quốc vương hỏi: "Thế nào là thầy Tỳ kheo mắc phải tội Đại vọng ngữ ?"

Này Ca Diếp ! Phật dạy: Nếu có thầy Tỳ kheo vì cầu lợi, vì ăn uống làm những việc đua nịnh, gian xảo, dối trá, lừa gạt, chú ý làm cho người đời lầm tưởng là bậc khát sĩ tu hành chân chánh, để có được danh to lợi lớn...và để cho hàng Ưu bà tắc, Ưu bà di, người đời tưởng mình là bậc A La Hán, là bậc thánh nhân. Thầy Tỳ kheo làm trò giả trá đó, thực chất là một kẻ ngu tự dối gạt mình, tự đánh mất mình chỉ vì cầu nhiều lợi lộc, cầu nhiều đệ tử xuất gia, tại gia kết làm quyến thuộc. Tỳ kheo này cầu danh vọng, sự nghiệp, không cầu pháp. Vì ý đồ đen tối, thường tự bó buộc, giả hiện tướng nói mỹ miều, đáng đi thanh thân, thế ngồi bệ vệ oai nghiêm...để cho mọi người trông vào thấy mình là người chứng A La Hán. Nhờ vậy hàng Ưu bà di, hàng phụ nữ càng thêm cung kính cúng dường, đơm đà mên tướng. Nếu có thầy Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào làm những điều như vậy thì mắc phải tội Đại vọng ngữ.

Này Ca Diếp ! Ngược lại việc làm trên, nếu có thầy Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni, vì muốn kiến lập chánh pháp, truyền bá Đại thừa, tạo nơi yên vắng, tự biết mình chưa phải A La Hán, nhưng mọi người cứ tự tin tưởng. Họ tưởng mình là A La Hán thật. Thầy Tỳ kheo này dạy cho các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di những người có nhiều sai phạm, củng cố tâm lành phát nguyện trì giới, tu học chánh pháp. Do vậy, chánh pháp được kiến lập, làm rạng rỡ pháp thậm thâm vô thượng của Như Lai, phát triển Phương Đăng Đại thừa, độ vô lượng chúng sanh. Làm được việc như vậy là Tỳ kheo tốt, đáng sống đời sống tịch tĩnh vắng vẻ mà không mắc tội giả trang thiên tướng, dối hiện oai nghi, phò phỉnh lừa dối người. Tỳ kheo này có thể nói rộng trước mọi người : Tôi có Phật tánh. Tôi có kinh điển gọi là tạng bí mật của Như Lai. Tôi quyết định được thành Phật. Tôi có thể dứt hết vô lượng

phiền não kiết sử. Rồi vì hàng Ưu bà tắc, Ưu bà di mà tuyên nói: "Tất cả các vị đều có Phật tánh. Tất cả các vị đều có cả năng thành Phật. Các vị sẽ được thành Phật". Tỳ kheo, Tỳ kheo ni nói những lời trên là Tỳ kheo tốt, phát huy chủng tánh Đại thừa cho mình, cho nhiều người. Tỳ kheo như thế không mắc tội vọng ngữ trong tứ ba la di mà đây chính thực là Bồ tát, đệ tử Phật.

Trong Phật pháp, pháp tắc của sa môn phải sanh lòng tôn trọng, lòng từ bi làm lợi ích chúng sanh. Những tội nhỏ như: Đột kiết la, thâu lan giá, cũng phải giữ gìn, không nên sai phạm. Xa lia rượu thịt, sắc dục lúc tỉnh cũng như lúc mộng寐 chiêm bao. Đi khát thực khi nhận được sự cúng dường khởi niệm tưởng "bất đắc dĩ" như người ăn thịt con trong thời đói kém !

Đây là pháp tắc hành đạo của sa môn. Đây là kinh luật của Phật nói. Thuận theo lời này là Bồ tát. Ngụy biện ngược lại là lời ma, thuận theo nó là quyến thuộc của ma.

Nếu có nói: Đức Phật đã tu khổ hạnh, nên cho đệ tử mình tu khổ hạnh: Như đứng một chân, co một chân. Tay nắm chặt đưa lên bất động, miệng nhai lá đắng. Nằm lăn lộn trên tro đất, phân nhơ. Nhịn đói không ăn hoặc ăn phân bò. Nằm trên than lửa. Tự đốt thân thể. Tự trói cột tay chân. Nín câm không nói. Hoặc tuyên nói: Như Lai cho phép đệ tử tự sát bằng nhiều cách: Từ núi cao nhảy xuống. Nhảy xuống hồ thẳm vực sâu. Nhảy từ ngọn cây. Nhảy vào lửa dữ. Uống thuốc độc. Tự mổ bụng mình. Xông pha chỗ hiểm nạn...Kẻ nào nói Như Lai chủ trương tu bằng phương pháp khổ hạnh; nói Như Lai cho phép tự sát bằng mọi hình thức, đó là lời của ma. Như Lai không bao giờ dạy những điều phi chân lý cho những ai muốn đi con đường giải thoát giác ngộ.

Lại này Ca Diếp ! Những người tà kiến họ luyện bùa mê, ngải lú, sai sử hại người. Những con nhà đồ tể, những người không căn, hai căn, bất định căn, hoặc lục căn không đủ Phật không cho xuất gia hành đạo. Kẻ nào nói Như Lai thâu nhận những người này làm sa môn, cộng trụ với Tỳ kheo chúng là ma tráo trở. Người đó bản chất quyến thuộc của ma.

Này Ca Diếp ! Người đệ tử Phật phải nhớ rành rõ về tám pháp bất tịnh để viễn ly. Phải có chánh niệm nhớ lời Phật: Là Tỳ kheo "Tam thường bất tức"

mới xứng đáng "thiếu dục đạo nhân". Sống trái tiêu chuẩn đó là lối sống của ma, dân ma và quyền thuộc của ma.

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: Bạch Thế Tôn ! Nay con mới biết rõ chỗ sai biệt giữa lời Phật nói cùng lời ma nói. Nhơn đây, con ngộ nhập nghĩa nhiệm mầu sâu xa của Phật pháp.

TRỰC CHỈ

Tà chánh, cặp phạm trù này phổ biến trong nhiều lãnh vực. Tùy dân tộc, quốc gia, chế độ, tín ngưỡng, tôn giáo, mà sự nhận thức đánh giá tà chánh không có khuôn mẫu mực thước nào làm tiêu chuẩn chung nhất cho tất cả mọi lãnh vực. Riêng Phật giáo, qua tư tưởng của Tam thừa nhận thức và đánh giá Tà chánh cũng đã không nhất trí với nhau được. Thậm chí còn tương phản hoàn toàn trong hệ tư tưởng "Đại thừa bất cộng pháp" như kinh Đại Bát Niết Bàn là một nguồn giáo lý chứng minh cụ thể.

Đọc học phẩm TÀ CHÁNH của kinh Đại Bát Niết Bàn phải sử dụng nhãn quang "Đại thừa bất cộng pháp" mà nhìn thì mới tiếp thu tốt.

Phải hiểu Phật qua PHÁP THÂN NHƯ LAI là chánh. Hiểu Phật qua Ứng hóa thân là đã thành quyền thuộc của ma rồi. Phải hiểu Phật:

"Tỳ Gia thành lý bất tăng sanh.

Ta La thọ vương bất tăng diệt" là chánh.

Hiểu Phật nhập diệt tại rừng Ta la song thọ là ma rồi. Nếu không phải đích thực ma thì cũng là quyền thuộc của ma.

Như Lai chết từ cung trời Đâu suất, thọ sanh vào hoàng tộc Tịnh Phạn vương cung. Như Lai tu phước bố thí...mà thành Phật ! Đó là hiểu biết của ma ! Thọ lượng của Như Lai "bất khả thuyết, bất khả thuyết vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp". Đó là cái hiểu của người đệ tử Phật chân chính.

Thái tử mới sanh ra liền đi mười phương bảy bước. Đó là lời Phật nói. Việc làm đó có mục đích và ý nghĩa của nó. Đó là phương tiện của Như Lai. Không tin điều này là cái hiểu thiển cận của ma, của quyền thuộc loài ma !

Lý luận rằng: "Trời sanh trước, Phật sanh sau là lý lẽ thiên cận. Phải hiểu rằng: Các trời đều ở trong tam giới lục đạo. Vì vậy khi đến miếu thờ trời tất cả đều cung kính tôn trọng "Ứng thân thị hiện" của Như Lai.

Sanh vào hoàng cung thọ hưởng dục lạc, sau đó Thái tử tu hành thành Phật. Đó là cái biết thiên cận. Phải hiểu Như Lai xa lìa ái dục từ vô lượng vô biên..kiếp rồi.

Trên đường tu, lấy tám pháp bất tịnh làm chuẩn. Xa lìa tám pháp bất tịnh là đi ngược đường lối giải thoát rồi !

Người khư khư cố chấp giáo lý trong chín bộ kinh, không tiếp thu tin thuận giáo lý Phương Đẳng Đại thừa là người tiểu trí. Chỉ bằng lòng xe dê mà không dám thọ dụng xe trâu trắng to đẹp tuyệt trần mà mình có quyền thọ dụng.

Nói rằng ta là Phật với ý đồ phờ phĩnh lừa dối mê hoặc nhân tâm, mục đích tham cầu sự nghiệp danh lợi là tà.

Tuyên bố rộng rãi: Rằng tôi có Phật tánh, tôi sẽ thành Phật. Mọi người đều có Phật tánh, mọi người tu hành đều được thành Phật ngoại trừ hạng người "nhất xiển đề". Người nói được như thế là Bồ tát hiện đời.

Phủ nhận Giới là có tội. Thất tự Giới Học là nền tảng của tòa lâu đài Bồ đề vô thượng. Ngũ giới, thập giới, Bát quan trai giới cũng là những viên đá góp vào xây đúc nền móng của tòa lâu đài ấy. Phật dạy phải trân trọng Giới như người trí quý trọng con người của mắt mình. Định Tuệ có được, do giới mà nên. Bồ Đề vô thượng có được, do Định và Tuệ.

Phải tu học chân lý TRUNG ĐẠO. Nói NGÃ, cực đoan. Nói VÔ NGÃ cũng cực đoan. Nói các pháp đoạn diệt, cực đoan. Nói các pháp thường tại cũng cực đoan. VÔ THƯỜNG THỊ THƯỜNG. THƯỜNG VÔ THƯỜNG TRUNG. Vô thường là tánh thường của vạn pháp. Tánh thường của vạn pháp duyên khởi hiện tượng VÔ THƯỜNG. Bản thể, hiện tượng "bất ly bất tức".

Bồ tát Long Thọ tuyên cáo:

"Chúng nhân duyên sanh pháp

"Ngã thuyết tức thị không

"Diệc vi thị giả danh

"Diệc thị trung đạo nghĩa.

"Vị tăng hữu nhất pháp

"Bất tùng nhân duyên sanh

"Thị cố nhất thuyết pháp

"Vô bất thị không giả..."

Người đệ tử Phật phải tập nhìn, tập nghe, tập nhận thức vạn pháp bằng chân lý TRUNG ĐẠO ấy.

Ngũ thừa, tam thừa, nhị thừa, nhất thừa là phương tiện của Như Lai.

Bán tự giáo. Mãn tự giáo. Chín bộ kinh. Mười hai bộ kinh là phương tiện của Như Lai.

Tứ đế, tam đế, nhị đế, đệ nhất nghĩa đế là phương tiện của Như Lai.

Nhị thời, tam thời, ngũ thời ..là phương tiện của Như Lai.

Khế cơ, khế lý. Tứ tất đàn...là phương tiện của Như Lai.

Cho các Tỳ kheo thọ dụng: Cửu tịnh nhục, ngũ tịnh nhục, tam tịnh nhục là phương tiện của Như Lai.

Nói các pháp trên cõi đời: vô thường, khô, vô ngã, bất tịnh là phương tiện của Như Lai.

Nói hiện cõi đời có: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh cũng là phương tiện của Như Lai.

Nói vạn pháp là không. Nói vạn pháp là có. Thậm chí có lúc Như Lai nói tội nặng thành nhẹ, tội nhẹ thành nặng cũng là phương tiện của Như Lai.

Đệ tử Phật phải hiểu Phật là chánh. Không hiểu Phật có cao đàm diệu luận, vạn ngữ thiên ngôn đều là TÀ, quyền thuộc của ma tất./.

---o0o---

PHẨM THỨ MƯỜI - TỬ THÁNH ĐẾ

Phật dạy: Này Ca Diếp ! Khổ Thánh Đế là pháp tu để dạy cho người tu tập pháp Tứ Thánh Đế. Chí như trâu, bò, lừa, ngựa v.v...chở chuyên cày kéo tận cùng khổ cực nhưng chỉ có khổ, không phải khổ Thánh đế.

Này Ca Diếp ! Người không biết cảnh giới mâu nhiệm sâu kín của Như Lai, không biết PHÁP THÂN vi mật thường trụ của Như Lai, không biết phước đức trí tuệ oai lực của Như Lai, cho rằng thân Như Lai cũng chỉ là thân tạp thực như thân của mọi chúng sanh, không có PHÁP THÂN NHƯ LAI nào nữa. Vì không có mắt trí tuệ nên chánh pháp thấy là phi pháp. Phi pháp thấy là chánh pháp. Hiểu biết và tu hành như vậy chỉ có KHỔ, không phải KHỔ THÁNH ĐẾ.

Người biết Như Lai thường trụ không biến hoại hoặc có người nghe danh tự Như Lai "thường trụ" một lần thôi, họ được sanh cõi trời. Về sau, khi được giải thoát họ chứng biết đích thực: Rằng Như Lai thường trụ không biến hoại. Rồi tự nhủ: Ngày trước ta từng nghe danh tự..."thường trụ" nay được quả giải thoát mới chứng biết rõ ràng. Đối với bản thể thanh tịnh pháp thân tỳ lô giá na, không rõ biết nên luân hồi trong sanh tử ưu bi. Nay mới đích thực chứng biết bằng cái biết của chính mình.

Phật dạy: Này Ca Diếp ! Người có sự hiểu biết như vậy, là người đích thực tu tập KHỔ THÁNH ĐẾ. Họ sẽ được quả báo lớn lao trên bước đường đi tới Đại Niết Bàn.

Người không hiểu biết Pháp thân Như Lai thường trụ, dù siêng năng tu tập cũng không được lợi ích gì. Đấy gọi là tu khổ đế, chịu cực khổ, không tương quan gì đến KHỔ THÁNH ĐẾ của Như Lai dạy.

Này Ca Diếp ! Tập Thánh Đế là đối với pháp chân chính không sanh chơn trí. Tam thường bất tức là cận nhân của sự giải thoát. Thế mà ở nơi đây thọ tám thứ vật bất tịnh để tự vui. Ngộ nhận phi pháp cho là chánh pháp. Chánh pháp cho là phi pháp. Do nhân duyên đó tà pháp có cơ hội thịnh hành. Chánh pháp ngày càng mai một. Đối với pháp tánh hoàn toàn mờ mịt như người khiếm thị đi đêm.

Sự thiếu hiểu biết chánh pháp làm cho người tu hành không có giải thoát mà luôn luôn lăn lộn xuống lên trong vòng luân hồi sanh tử ưu bi. Phước lạc cõi trời cũng không có cơ may thọ dụng. Sự hiểu biết nông cạn, làm tổn giảm chánh pháp của Như Lai. Đó gọi là Tập đế, không phải TẬP THÁNH ĐẾ. Biết được pháp tánh là thường trụ là biết TẬP THÁNH ĐẾ.

Phật dạy: Này Ca Diếp ! Diệt Thánh Đế là cách gọi khác của Niết Bàn. Nói khác đi, Diệt Thánh Đế tức là Niết Bàn. Do vậy, Diệt Thánh Đế không phải là KHÔNG, rỗng không như ngoại đạo lầm tưởng. Thế cho nên người ta tu QUÁN KHÔNG, rồi trụ chấp ở pháp KHÔNG, đó là tu sai lầm chánh pháp, không phải tu Diệt Thánh Đế. Nếu Diệt Thánh Đế là KHÔNG, các hàng ngoại đạo cũng tu pháp KHÔNG lẽ ra họ cũng có Diệt Thánh Đế ? Pháp tu của ngoại đạo họ QUÁN KHÔNG, rồi trụ chấp ở pháp NGOAN KHÔNG, đó là tu sai lầm chánh pháp, không phải Diệt Thánh Đế. Ngoại đạo không hề có Thánh Đế. Thế nên chúng ngoại đạo dù có khổ công tu luyện nhưng thường ở trong vòng luân chuyển trong tam giới bất an. Người biết được rằng Diệt Thánh Đế là chân pháp, không đồng với pháp KHÔNG của ngoại đạo. Đó là người hiểu được bí mật tạng Như Lai. Người này dầu chưa thấy, chưa chứng, nhưng đến khi trừ hết phiền não thì hoát nhiên trong một niệm được tự tại đối với tất cả pháp.

Lúc bấy giờ quán sát thấy: Tất cả pháp đều là Phật pháp. Người có nhận thức như vậy, là người thực biết Diệt Thánh Đế. Nếu hiểu biết sai lầm Diệt Thánh Đế, có thể rơi vào tánh "ngoan không" của ngoại đạo, không phải là đệ tử của Như Lai Thế Tôn.

Này Ca Diếp ! Đạo Thánh Đế tức là Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo và chánh giải thoát. Có hạng người bực địa phàm phu cho rằng: không Phật, không Pháp, không Tăng và không có chánh giải thoát. Do kiến chấp này (đoạn) nên luân chuyển trong ba cõi chịu nhiều bức não ưu bi. Nếu người có trí tuệ nhận biết: Rằng Phật thường trụ, Pháp, Tăng và chánh giải thoát cũng thường trụ. Nhờ niệm chân chính sanh khởi, mà hiện đời cũng như hậu thế vô lượng kiếp được quả báo tự tại đối với các pháp.

Phật dạy: chính như ta đây, trong nhiều kiếp lâu xa do bốn thứ điên đảo nên phải nhận lấy vô lượng nghiệp quả xấu. Nay ta đã diệt hết kiến chấp sai lầm

điền đảo thành tựu quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. tức là thành tựu Đạo Thánh Đế !

Nếu có người tu tập nhận biết rằng Tam Bảo là thường trụ, chánh giải thoát là thường trụ, người này là đệ tử của Phật, chân chánh tu tập "Tứ Thánh Đế" pháp của Phật dạy.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Thế Tôn ! Nay con mới biết: TỨ THÁNH ĐẾ PHÁP rất sâu xa, mâu nhiệm, con nguyện y giáo phụng hành.

TRỰC CHỈ

Giáo lý TỨ ĐẾ trong đạo Phật có nhiều người Phật tử, thậm chí chưa chánh thức là Phật tử, đọc qua một ít trang kinh sách Phật, người ta có thể tự cho rằng mình đã biết đã hiểu giáo lý TỨ ĐẾ rồi. Rằng đó là KHỔ ĐẾ, TẬP ĐẾ, DIỆT ĐẾ và ĐẠO ĐẾ, đâu có gì lạ !

Đúng ! Nhưng giáo lý Tứ Đế không chỉ có vậy. Giáo lý TỨ ĐẾ có thể gọi nhiều tên: TỨ ĐẾ. TỨ DIỆU ĐẾ. TỨ CHƠN ĐẾ. TỨ THÁNH ĐẾ.

Mỗi tên có ý nghĩa khác nhau, vì vậy phải học giáo lý TỨ ĐẾ qua bốn tên và bốn tầng sâu cạn cao thấp do nhãn quan của con người, tùy chứng đắc, tùy trình độ căn cơ.

Giáo lý TỨ ĐẾ, Phật thuyết thời pháp đầu tiên sau khi thành đạo, được Vô Thượng Bồ Đề, Vô Thượng Niết Bàn dưới cội cây Tất Bát La, dạy cho năm vị Thiện lai Tỳ kheo, nhóm ông Kiều Trần Như...ở Lộc Giả Uyển. Thời pháp TỨ ĐẾ này độ cho năm người chứng được quả thánh: A La Hán quả. Từ đây có được cái từ TAM BẢO TỐI SỞ:

Phật - Thích Ca Mâu Ni.

Pháp - Tứ Đế.

Tăng - gồm năm vị Tỳ kheo: Kiều Trần Như, A Thấp Bệ, Bạt Đề, Ma Ha Nam và Thập Lục Ca Diếp.

Giáo lý Tứ Đế này Phật dựa trên hiện tượng có sanh có diệt của vạn pháp chia thành hai phạm trù nhân quả:

Nhân quả còn ở trong thế gian MÊ mờ: KHỔ ĐẾ, TẬP ĐẾ.

Nhân quả của người ở trong thế giới tỉnh NGỘ: DIỆT ĐẾ. ĐẠO ĐẾ.

Đây gọi là SANH DIỆT TỨ ĐẾ. Sanh Diệt Tứ Đế thường gọi với cái tên TỨ ĐẾ mà thôi.

Dưới nhãn quang của người tu chứng chân lý, có được pháp nhãn, người ta nhìn và nhận thức KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO khác hơn người phàm phu nhận thức KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO theo bài bản của sanh diệt Tứ Đế. Trình độ giác ngộ chân lý của hạng người này, họ nhìn thấy được bản chất của KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO vốn là phi bản chất; nghĩa là nó không có cái thực chất đích thực.

Bởi vì nhận định rằng: Trước sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp thấy chúng là nguyên nhân của KHỔ, do người.

Thấy chúng là những thứ trang trí làm đẹp cho cõi đời, làm cho cuộc sống đáng sống, cũng do người.

Thế cho nên KHỔ không thực chất để sanh. TẬP, DIỆT, ĐẠO cũng không thực chất để sanh. Lấy pháp nhãn mà nhìn thì rõ là Tứ Đế "VÔ SANH".

Đó là chỗ MÀU NHIỆM của giáo lý TỨ ĐẾ, cho nên có tên: TỨ DIỆU ĐẾ. Tứ Diệu Đế cũng gọi là VÔ SANH TỨ ĐẾ, từ cơ sở đó.

Bằng cách nhìn khác của con người chứng đạo có được tuệ nhãn, các ngài thấy rằng KHỔ ĐẾ không phải chỉ có người nghèo thiếu, đói rách, cực nhọc, vất vả một nắng hai sương để đổi lấy miếng ăn cái mặc mới là KHỔ. Người chứng đạo còn thấy tất cả: Quốc vương, Tổng thống, Bộ trưởng, Đại thần, cán bộ, tam công, bách quan, vạn dân đều khổ hết. Chẳng qua mỗi địa vị, mỗi đẳng cấp chịu lấy cách khổ khác nhau mà thôi. Nhìn sâu thực trạng cuộc sống, hoàn cảnh, môi trường, hành động, thực hiện...đều có sự vô an bất trắc như luôn luôn rình rập sẵn sàng đoạn mạng con người ! Vì vậy dưới nhãn quang của người đạt đạo: khổ nhiều lắm, nhìn đâu cũng có cái mầm khổ ở trong nội tại: KHỔ ĐẾ VÔ LƯỢNG ! Nhìn qua khu vực TẬP ĐẾ, DIỆT ĐẾ và ĐẠO ĐẾ, người chứng đạo cũng thấy rõ tánh chất VÔ LƯỢNG của mỗi đế.

Làm quan, làm vua, làm Tổng Thống ai chẳng nghĩ rằng: mình đạt đến "vinh quang tột đỉnh" ! Uy quyền cái thế chán bị son hà ! Có mấy ai ngờ rằng: Vinh quang đó, uy dũng chán son hà đó có thể làm nên bản án, tù tội cho mình ! Những người làm nông không phải là nghề tội lỗi, vậy mà có người làm nông gây cho mình tội lỗi, thậm chí có trường hợp mất mạng với nhau. Lương y, bác sĩ là nghề nghiệp để làm việc "độ thế cứu nhơn" vậy mà cũng có bác sĩ, lương y không làm ra được chút phước đức nào mà còn tạo ra vô vàn bất thiện nghiệp ! Hàng giáo sĩ, bậc sa môn, đức giáo chủ..ai cũng những tướng đó là bậc thánh thiện khả kính bậc nhất trên đời. Vậy mà đặt trọn niềm tin, gởi hết lòng tôn kính vào các ngài "thay mặt cõi trên" ấy cũng cần phải vận dụng "văn tư tu", lấy "tứ y pháp" ra làm chuẩn, may ra mới khỏi thất vọng và thiệt thòi !

DIỆT ĐẾ và ĐẠO ĐẾ cũng vô lượng. Bởi lẽ người đạt đạo nhìn đâu cũng thấy Niết bàn. Ở đâu cũng là Niết bàn. Nhìn đâu cũng là pháp thiện. Ở đâu cũng có thiện pháp để thực hành, trang nghiêm thế gian. Do vậy, qua cái thấy biết, nhận thức của người đạt đạo: KHỔ ĐẾ, TẬP ĐẾ, DIỆT ĐẾ, ĐẠO ĐẾ, đế nào cũng "vô lượng". Đó là sự thật. Đó là chân lý. Vì vậy có tên gọi "Tứ chơn đế". TỨ CHƠN ĐẾ tức là VÔ LƯỢNG TỨ ĐẾ vậy.

Dùng Phật nhãn quan sát vũ trụ nhân sanh, PHÁP GIỚI NHẤT CHÂN, BÌNH ĐẲNG BẤT NHI ! Giáo lý TỨ ĐẾ Phật dạy hơn bốn mươi lăm năm qua, sử dụng Phật nhãn và Phật trí mà soi rọi thì không có ĐẾ nào !

Phiền não và Bồ đề không có hai tánh. Phiền não tức Bồ đề.

Sanh tử và Niết bàn không có hai cảnh. Sanh tử tức Niết bàn.

Khi mê chỉ thấy phiền não, không thấy giác tánh Bồ đề. Lúc ngộ, Bồ đề giác tánh hiển hiện ra, mê tình tan biến mất. Tùy thuận chân lý, ngay trong cõi đời sanh tử đã tự thọ dụng Niết bàn. Không nhận thức giác ngộ chân lý, tự mình đánh mất Niết bàn mà mình đang thọ dụng. Đó là ý nghĩa: VÔ TÁC TỨ ĐẾ. Nói cách khác. VÔ TÁC TỨ ĐẾ là không làm gì hết, không có ĐẾ nào hết. Đối với Phật nhãn: PHÁP NHĨ NHƯ THỊ. Ai hiểu được chân lý đó mới là người hiểu biết TỨ THÁNH ĐẾ ở kinh Đại Niết Bàn./.

PHẨM THỨ MƯỜI MỘT - TƯ ĐẢO

Phật dạy: Này Ca Diếp ! Có bốn thứ điên đảo tương quan mật thiết trong sinh hoạt của chúng sanh. Bốn thứ điên đảo này, hàng phàm phu thường mắc phải, bọn ngoại đạo thì không sao biết được.

Một, không khổ khởi tưởng cho là khổ.

Hai, Vô thường khởi tưởng thường. Thường tưởng là vô thường.

Ba, Vô ngã khởi tưởng ngã. Ngã tưởng là vô ngã.

Bốn, Bất tịnh khởi tưởng tịnh. Tịnh tưởng là bất tịnh.

Này Ca Diếp ! Như Lai là thường. Như Lai là bất động, như như.

Như Lai dù có nhập Niết bàn ở rừng Ta La song thọ, nhưng không phải như củi hết lửa tắt. Như Lai thường trụ vì Như Lai không phải hữu vi. Như Lai dù có bỏ thân ngũ uẩn, thất đại, nhưng đó là ứng thân thị hiện tùy thuận pháp tướng để hóa độ chúng sanh, cho nên không vì có "bỏ thân" mà tưởng Như Lai vô thường !

Này Ca Diếp ! Khởi tưởng Như Lai vô thường; Tưởng Như Lai nhập Niết bàn giống như củi hết lửa tắt; Tưởng Như Lai bỏ thân ngũ uẩn là Như Lai không còn gì ! Nên biết ! Như Lai không hề tương quan và phải chịu sự chi phối như vậy. Như Lai không có khổ. Thế mà khởi tưởng KHỔ. Đó là món điên đảo thứ nhất.

Vô thường tưởng thường. Thường tưởng là vô thường. Đây là điên đảo.

Người không tu pháp KHÔNG, không biết được "thực tướng" các pháp. Cho nên họ chỉ thấy sự sinh diệt vô thường, sự thọ mạng ngắn ngủi trong một khoảng thời gian nhất định. Người tu pháp KHÔNG, nhận thức được "thực tướng" các pháp, biết rõ nguyên ủy của các pháp là chân thường không gì phá hoại được.

Vậy mà có người cho rằng không nên tu pháp KHÔNG. Họ không hiểu rằng chân lý vô thường ở trong tánh thường. Tánh chân thường lưu xuất vô thường. Những pháp hiện có là sự duyên khởi hình thành bởi vô lượng vô số pháp không. Sự hiểu biết nông cạn sai lầm là món điên đảo thứ hai.

Vô ngã tưởng ngã. Ngã tưởng là vô ngã.

Phàm phu nói có ngã, Phật pháp cũng nói có ngã. Phàm phu nói "ngã", nhưng không biết Phật tánh. Thế là ở nơi pháp "vô ngã" tưởng là "ngã". Đây là điên đảo. Phật pháp nói "ngã" tức là "Phật tánh". Phàm phu lập luận rằng: vì trong Phật pháp không có "ngã", cho nên Phật dạy chân lý "vô ngã" cho các đệ tử mình. Hiểu biết và lý luận như thế, tức là điên đảo. "Ngã" tưởng "vô ngã", "vô ngã" tưởng là "ngã". Đó là món điên đảo thứ ba.

Tịnh tưởng bất tịnh. Bất tịnh tưởng là tịnh.

TỊNH, có nghĩa là phải hiểu NHƯ LAI THƯỜNG TRỤ. Thân Như Lai chẳng phải thân tạp thực; chẳng phải thân phiền não; chẳng phải thân huyết

nhục; chẳng phải thân "phát, mao, thảo, xỉ...", chẳng phải thân bì, phu, cốt nhục..." giả hợp hình thành. Thân Như Lai chính là PHÁP THÂN thường trụ; Thân Như Lai "Biến Nhất Thiết Xứ". Nếu có người hiểu rằng : Như Lai vô thường, thân Như Lai là thân tạp thực, là thân bì, phu, cốt, nhục, cân, mạch, can, đả, tràng, vị, tỳ, thận, tâm, phế...giả hợp hình thành. Rồi họ cũng cho rằng: Pháp, Tăng và Giải thoát cũng đều là pháp có diệt tận. Đó là nhận thức của người không trí tuệ, ở nơi pháp Tịnh mà tưởng là Bất tịnh. Đó là món điên đảo thứ tư

Ca Diếp Bồ tát bạch: Thế Tôn ! Nhờ nghe kinh Đại Bát Niết Bàn, từ nay con mới có được chánh kiến !

Bạch Thế Tôn ! Từ trước đến giờ chúng con đều là bọn người tà kiến ! Vậy mà chúng con tưởng mình đã hiểu được chánh pháp nhiều rồi !

TRỰC CHỈ

Căn cơ chủng tánh Tiểu thừa, tu học giáo pháp "BÁN TỰ": VÔ THƯỜNG, KHỔ, VÔ NGÃ và BẤT TỊNH là bốn chân lý phải luôn luôn quán chiếu tư duy, cho đến khi tự mình thực chứng, tự mình thể nhập: Rằng đó là sự thực bằng trí tuệ, bằng cái thấy của chính mình. Từ bốn chân lý vô thường, khổ, vô ngã và bất tịnh này làm cơ sở để tiến lên nhận thức bốn chân lý: KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO; gọi chung với cái tên: TỨ ĐẾ, TỨ DIỆU ĐẾ, TỨ CHƠN ĐẾ, TỨ THÁNH ĐẾ là giáo lý tu học để được quả giải thoát, xuất ly tam giới: A LA HÁN. Do vậy, mà hàng Phật tử tại gia có, xuất gia cũng có, nói được tên, nhận thức qua loa rằng: đời là "vô thường", đời là "khổ"...Rồi tưởng mình đã hiểu đạo Phật khá rồi . Sự thực, học hiểu ngang đó chưa khá. "Học, học nữa và học mãi". Nhà lãnh tụ thiên tài Le Nin khuyên thế. Bởi vì học bốn chân lý "vô thường"...Bốn chân lý "Tứ đế" chỉ là người mới học "bán tự giáo", học pháp tu của Tiểu thừa, của người A La Hán, của địa vị chứng đắc "Hóa thành". Đối với Đại thừa "Bảo sở" hãy còn phải nỗ lực mà đi, sẽ thấy được ánh bình minh rực rỡ, soi vọng lưng trời và một chân trời trong sáng chói chang muôn hồng nghìn lục, lung linh rạng rỡ của ánh hoàng hôn: NHẤT MỘT HOÀNG CHIẾU !

Thế cho nên học chân lý "vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh" chưa đủ. Mà phải học hiểu Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, cũng bằng trí tuệ đích thực, do công phu tư duy quán chiếu của chính mình. Nếu không tu học được như vậy, bốn chân lý lại trở thành bốn thứ điên đảo, bốn ý niệm lộn sòng: Cái "Thường" tưởng "Vô thường". Cái "Vô thường" lại tưởng "Thường". "Tịnh" lại cho là "Bất tịnh". Cái "Bất tịnh" tưởng là "Tịnh". Đó là lý do, là điều kiện mà nhà văn Kim Dung sáng tạo cho sự sai lầm ấy qua cái từ "Tẩu hỏa nhập ma" ! Tức là tu luyện không đúng chánh pháp , tu sai lạc thành "khùng" !

Tóm lại phẩm TỨ ĐẠO ở kinh Đại Bát Niết Bàn, đức Phật đảnh ninh dạy rõ rằng: Ngoài chân lý "vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh" còn phải học bốn

chân lý "THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH" nữa. Chưa hết. Khi đã có ý thức để nhận thức KHỔ, LẠC; THƯỜNG, VÔ THƯỜNG; NGÃ, VÔ NGÃ; TỊNH, BẤT TỊNH" còn phải áp dụng GIỚI học, ĐỊNH học, TUỆ học; còn phải hành xử VĂN, TU, TU để quán chiếu, tư duy thì mới đem lại cho người đệ tử Phật kết quả an vui, giác ngộ, giải thoát bất tư nghi hiện ở cõi đời này./.

---o0o---

PHẨM THỨ MƯỜI HAI - NHƯ LAI TÁNH

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Chúng sanh trong hai mươi lăm cõi có NGÃ không ?

Đức Phật dạy: Nay Thiện Nam tử ! NGÃ đồng nghĩa với NHƯ LAI TÀNG. NHƯ LAI TÀNG đồng nghĩa với PHẬT TÁNH. Tất cả chúng sanh đều có PHẬT TÁNH ấy. Do vậy, chúng sanh trong hai mươi lăm cõi đều có NGÃ. NGÃ hay PHẬT TÁNH là cái vốn có của chúng sanh trong hai mươi lăm cõi; vậy mà từ lâu chúng sanh bị vô minh phiền não ngăn che lấp kín nên không nhận biết. Giống như cô gái nghèo, trong nhà đã sẵn có kho tàng ngọc báu, vàng ròng chôn dấu từ lâu mà không tự biết. Trong một dịp may, nhờ có người khách thông minh nhận biết chỉ bày cách khai quật, kho tàng châu báu hiển lộ ra, cô gái vui mừng khôn xiết, rất đỗi ngạc nhiên và kính trọng người khách tài ba đã làm việc hy hữu giúp mình !

Phật dạy: Nay Ca Diếp ! Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Tất cả chúng sanh chẳng nhận thấy được, có khác gì cô gái nhà nghèo kia có kho vàng mà không biết. Nay Như Lai chỉ bày Phật tánh sẵn có của tất cả chúng sanh đang bị phiền não vô minh che lấp. Như Lai chỉ bày kho báu giác tánh vốn có của chúng sanh. Giác tánh đó, chính là Phật tánh. Chúng sanh nhận thấy được, lòng rất vui mừng, trân trọng quy ngưỡng Như Lai.

Người khách thông minh giúp cô gái chỉ là người biết sự thật đã có. Như Lai chỉ bày Phật tánh của chúng sanh cũng chỉ là người chỉ ra một sự thật vốn có của chúng sanh mà thôi !

Này Ca Diếp ! Ví như cô gái có đứa con bệnh tìm đến y sĩ. Thầy thuốc bảo: sau khi con uống thuốc, cô không nên cho nó bú sữa mẹ, vài hôm sau bệnh cháu sẽ lành. Nhằm trị bệnh cho con, cô gái lấy chất đất màu đen thoa lên

vú bảo đưa bé: vú mẹ có chất độc và nhóp con không nên bú...Đứa bé thấy nhóp và có mùi đấng không dám gần, dù khát, đói và thèm sữa mẹ.

Vài hôm sau, thuốc đưa bé uống đã tiêu hóa, bệnh đã lành. Người mẹ lấy nước rửa vú sạch, gọi con đến bú. Bấy giờ đứa bé rất đói khát, nhưng nhớ mùi đấng, chẳng dám đến bú. Người mẹ bảo: mấy ngày qua vì con uống thuốc phải kiêng sữa, mẹ lấy chất đấng thoa vào vú, bôi đen để con sợ mà không đòi. Nay thuốc con đã tiêu hóa, không cần phải kiêng sữa nữa. Con bú rất tốt chẳng có hại gì. Đứa bé nghe mẹ bảo vui mừng đến bú.

Này Ca Diếp ! Như Lai cũng như vậy. Nhằm hóa độ chúng sanh, Như Lai dạy tu quán niệm pháp vô ngã. Nhờ quán niệm pháp vô ngã mà dứt được ý niệm chấp ngã nên thọ dụng được Niết bàn. Nhằm trừ bỏ những vọng kiến trên đời, Như Lai chỉ dạy pháp xuất thế gian. Chỉ rõ quan niệm chấp ngã của người đời là hư vọng, không chân. Tu quán niệm pháp vô ngã để thân tâm được nhẹ nhàng thanh thoát. Lời dạy đó của Như Lai, giống như cô gái kia nhằm chữa bệnh cho con, lấy chất đấng màu đen bôi lên vú...Như Lai vì muốn dạy tư duy quán niệm tánh "KHÔNG" của vạn pháp nên nói các pháp VÔ NGÃ. Cô gái khi rửa sạch vú rồi, gọi con đến bú. Hôm nay Như Lai chỉ dạy Như Lai Tàng (có ngã) các Tỳ kheo chớ có sanh lòng kinh nghi sợ sệt mà nên phân biệt nhận rõ Như Lai Tàng là sự thật. Đó chính là tánh chân ngã, chân tịnh, chân thường, chân lạc của vạn pháp.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch thế Tôn ! Theo ý nghĩ của con thì...có lẽ không có tánh NGÃ chân thật ! Bởi vì lúc đứa trẻ mới sanh không có hiểu biết. Nếu có ngã, lẽ ra mới sanh liền có hiểu biết. Do lẽ đó, suy luận biết rằng: không có NGÃ. Nếu quyết định có ngã, sau khi thọ sanh lẽ ra không bị chết mất ! Nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và thường trụ, lẽ ra không có sự biến đổi hư hoại. Nếu không có biến đổi hư hoại, tại sao có Bà la môn, Sát đế ly, Phệ xá, Thủ đà la...giai cấp sai biệt ? Hiện tiền ai cũng thấy rõ: Nghiệp báo không đồng, chủng tộc, màu da, ngữ ngôn sinh hoạt đều riêng khác. Nếu quyết định có ngã thì tất cả chúng sanh lẽ ra không được có hơn kém và sai khác nhau như vậy.

Do những luận cứ trên, quyết định biết Phật tánh chẳng phải pháp thường trụ. Nếu cho rằng: Phật tánh là thường trụ thì duyên cớ gì lại nói có: sát

sanh, trộm cướp, tà dâm. Có vọng ngôn, ý ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu. Có dâm dục, sân nhuế và vô minh tà kiến. Nếu ngã tánh là thường trụ có gì sau khi uống rượu lại say men, mê muội ! Nếu ngã tánh là thường trụ, người mù lẽ ra thấy sắc, người điếc lẽ ra nghe thanh, người câm lẽ ra nói được. Nếu ngã tánh là thường trụ, lẽ ra chẳng cần sợ tránh kẻ ác..thú dữ, thuốc độc, dao gươm làm hại. Nếu ngã tánh là thường trụ thì những việc đã từng nghe thấy lẽ ra không quên. Nếu ngã tánh là thường trụ lẽ ra không có hài đồng, tráng niên, thiếu nữ, lão thành... Nếu ngã tánh là thường trụ thì nó ở chỗ nào trong thân thể ?

Phật dạy: Này Ca Diếp ! Ví như Đại lực sĩ của nhà vua dững kiện tài ba, trên trán Đại lực sĩ có nạm viên bảo châu vô giá. Trong lúc Đại lực sĩ tranh tài độ sức với một địch thủ kỳ phùng, họ tận dụng những đòn đánh đầu, những pha chạm trán hiểm hóc để dành phần chiến thắng. Do vậy, hạt bảo châu trên trán của Đại lực sĩ bị lún sâu vào trán, chỉ để lại nơi đây một dấu thương tích rướm máu và ê ẩm ! Đại lực sĩ bèn mời lương y chữa trị vết thương. Lương y tài giỏi, xem vết thương biết là do hạt bảo châu lún vào ở khuất dưới da. Lương y hỏi: Hạt bảo châu trên trán lực sĩ đâu rồi ? Đại lực sĩ kinh hãi đáp: Hạt bảo châu trên trán của tôi đã mất rồi ư ? Nói xong, lo rầu buồn bã.

Lương y an ủi: Ông không nên buồn rầu đau khổ như vậy. Tại vì lúc ông tranh tài đấu vật với lòng hiếu thắng quá hăng say khiến hạt bảo châu bị lún khuất dưới thịt da mà không hay biết.

Lực sĩ chưa tin lời của lương y sĩ. Nghĩ rằng: Nếu hạt châu ở dưới da, máu me rịn ứa, có sao hạt châu lại chẳng trôi lên. Còn như hạt châu ở trong gân hoặc xương lẽ ra không thể thấy. Lương y sĩ này gạt gẫm ta chăng ?

Bấy giờ, lương y sĩ cầm gương soi trên mặt Đại lực sĩ. Hạt bảo châu hiện ánh sáng trong gương. Lực sĩ nhìn thấy ngọc nhiên mừng rỡ.

Này Ca Diếp ! Tất cả chúng sanh cũng giống như vậy. Tại vì không được gần gũi bậc thiện tri thức cho nên dầu có Phật tánh mà không thấy biết. Vì vậy phải sống trong đời sống địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A tu la, Bà la môn, Sát đế lợi, Tỳ xá, Thủ đà la; thậm chí Chiên đà la, hạng người ngoại cấp. Sanh trong các đường sai khác như vậy đều do TÂM TƯỞNG và NGHIỆP

DUYÊN gây tạo ra. Dầu được thân người, nhưng phải chịu điếc, đui, câm, ngọng, tật bệnh khác nhau, ê chề trong hai mươi lăm cõi. Tất cả chỉ vì vô minh. Tham sân, si, phiền não che lấp bản tâm nên không biết Phật tánh, không hay mình có Phật tánh. Như chàng Đại lực sĩ kia, hạt bảo châu vẫn ở trong thân mà hốt hoảng tưởng là đã mất !

Người không thân cận thiện tri thức, không biết được NHƯ LAI TÀNG, nên chỉ biết tu vô ngã.

Hạng chưa phải thánh nhân xuất thế, dầu nói có ngã, nhưng chẳng biết được tánh chân thực của ngã.

Hàng đệ tử Phật, không gần gũi thiện tri thức, thường tu học vô ngã, mà không biết được tánh chân thực của vô ngã.

Này Ca Diếp ! Như Lai nói: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và chỉ rõ Phật tánh như Lương y sĩ chỉ viên bảo châu cho chàng Lực sĩ thấy rõ trước gương.

Lại nữa ! Ca Diếp ! Ví như đất ở vùng núi tuyết có thứ thảo mộc tên A Đà Đà (vị thuốc thượng hảo hạng trị lành những chứng bệnh ngặt nghèo), dược vị hảo hạng này vốn đã có cũng như đang có và sẽ có mãi mãi ở vùng đất ấy; nhưng vì nó mọc len lõi với cỏ cây, lẫn lộn trong lùm rừng cho nên người thường chẳng mấy ai biết được. Và lại với người thường dược vị chỉ là một thứ thảo mộc có thể trở thành vị đắng, vị chua hay chát, thậm chí trở thành vị độc có hại cho người. Chỉ có người giỏi thuốc (đại lương y) mới nghe được mùi, biết giá trị của thuốc và phát hiện tìm ra được nó mà thôi. Nếu không phải bàn tay của đại y vương thì không ai nhờ cậy dược gì. Nhờ bàn tay đại y vương làm cho A Đà Đà trở thành linh dược cứu khổ cho những người đang bị bệnh khổ hoành hành.

Này Ca Diếp ! Như Lai Tánh, vốn có trong mọi con người, cũng như dược vị A Đà Đà vốn có trong vùng núi tuyết vậy, vì dược vị A Đà Đà đã mọc lẫn lộn với cỏ cây, len lõi trong lùm rừng thường nhân không mấy ai tìm phát hiện được. Chỉ có y vương tài giỏi mới phát hiện, tìm ra và chế biến nó thành vị thuốc quý. Như Lai Tánh bị tánh phiền não vô minh lẫn lộn và len lõi chung cùng làm cho chúng sanh thường nhận không ra. Chỉ có Như Lai

Thế Tôn xuất hiện ra đời mới phát hiện, mới có khả năng chế biến bằng cách chỉ rõ Như Lai Tánh cho tất cả chúng sanh. Vì lùm bụi vô minh che lấp khiến mọi người không nhờ cậy được tánh Như Lai vốn có của mình. Thậm chí biến chất trở thành tánh: Tỳ xá, Thủ đà la..., tánh địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh trong hai mươi lăm cõi, như vị A Đà Đà trở thành độc dược trong tay người vô trí !

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Do duyên có gì, Như Lai nói kinh Đại thừa phương đẳng như chất cam lồ mà cũng có lúc như độc dược !

Phật bảo: Nay Ca Diếp ! Nay ông muốn biết nghĩa chân thực của kho tàng Như Lai (Như Lai Tàng) ta sẽ vì ông mà chỉ dạy:

Bấy giờ đức Thế Tôn nói kệ:

Có người uống cam lồ

Hại mạng bị chết sớm

Cũng có người uống cam lồ

Thêm tuổi thọ sống lâu

Có người uống thuốc độc được sống

Có người uống thuốc độc bị chết

Kinh Đại thừa cũng thế

Người có trí vô ngại là cam lồ

Kẻ chấp nê là độc dược

Sữa bơ "pho-mai", "ya-ua"

Đường phèn, mật ong, nước trái cây

Uống tiêu hóa là thuốc bổ

Không tiêu hóa thành độc dược

Kinh Đại thừa cũng vậy

Với người trí: cam lồ
Kẻ mê mờ Phật tánh
Nghe Đại thừa: độc dược
Cũng như trong các vị
Vị sữa bơ hơn cả
Người tinh tấn tiến tu
Nương nơi pháp Đại thừa
Được chứng nhập Niết bàn
Người chứng biết Phật tánh
Thọ dụng vị cam lồ
Không tử cũng không sanh
Này Ca Diếp ! nên biết
Khéo phân biệt "Tam quy y"
Thật tánh của "tam quy"
Là chân tánh của "ngã"
Gẫm kỹ tư duy sâu:
Tánh NGÃ là tánh Phật
Người mà hiểu được vậy
Thể nhập Như Lai Tàng
Biết NGÃ và NGÃ SỞ
Là hạng người xuất thế
Hiểu thực tánh Tam Bảo
Là vô thượng trên đời

Kệ Như Lai vừa nói

Chỉ Phật tánh mọi người !

Ca Diếp Bồ tát nói kệ hỏi Phật:

Con nay chưa biết rõ

Quy Tam Bảo thế nào ?

Được vô thượng, vô úy

Quy y Phật thế nào ?

Để được sự an ổn

Thế nào quy y Pháp ?

Xin Phật dạy bảo cho !

Quy y Tăng thế nào ?

Được lợi lớn vô thượng

Đức Phật trí tuệ lớn

Xin thương, phân biệt rõ

Bí mật tạng Như Lai

Đức Phật dạy qua bài kệ:

Ca Diếp! Ông nên biết

Như Lai sẽ vì ông

Mở kho tàng bí mật

Khiến ông được dứt nghi

Nay hãy khéo lắng nghe

Ông trong hàng Bồ tát

Cùng đồng một danh hiệu

Với đức Phật thứ bảy
Người quy y Phật
Đích thực Ưu bà tắc
Không quy y ai nữa
Dầu xưng "Đáng thần tiên" !
Quy y với Pháp rồi
Lánh xa đường sát hại
Quy y thanh tịnh Tăng
Không theo thờ ngoại đạo
Nương về với Tam bảo
Ắt được vô sở úy
Ca Diếp Bồ tát bạch Phật:
Con quy y Tam bảo
Là đi trên đường chánh
Cảnh giới của chư Phật
Tánh bình đẳng nhất chân
Nhìn đời bằng tuệ nhãn
Tánh ngã và tánh Phật
Không hai, không sai khác
Hiểu vậy, Phật ngợi khen
Thẳng đến nơi an ổn
Cũng gọi Chánh biến tri
Thường được Phật tán thán

Đi hết con đường Phật

Thọ dụng vị cam lồ

Các cõi không hiện hữu

Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Nay Ca Diếp ! Nay ông chẳng nên giống hàng Thanh văn và phàm phu mà phân biệt Tam bảo ! Đối với tư tưởng của người Đại thừa, không có tướng "Tam quy y" sai khác. Bởi ngay nơi Phật tánh có Pháp tánh và Tăng tánh rồi. Vì hóa độ hàng Thanh văn và phàm phu nên phân biệt nơi tướng Tam quy y sai khác đó thôi !

Này Ca Diếp ! Chân lý đích thực không cần phải có ba pháp quy y. Quy y Phật là đủ cả rồi. Ví như thân người, đầu trên tất cả, không đồng với tay chân lóng đốt. Phật là bậc tối tôn, tối thượng không sánh với Pháp cùng Tăng. Chỉ vì hóa độ thế gian, thị hiện những tướng tam quy y sai khác. Vì thế, ông chẳng nên như hàng phàm phu, nhận biết ba pháp quy y sai khác. Đối với Đại thừa, ông phải như dao bén mạnh mẽ cắt đứt lưới nghi !

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Con vẫn biết nhưng dụng ý hỏi. Con vì hàng Bồ tát Đại dũng mãnh mà bạch hỏi yếu điểm thực hành đem lại kết quả giải thoát quyết định. Con cũng muốn Như Lai vì các Bồ tát tuyên dương kinh điển phương đẳng Đại thừa Đại Niết bàn , và hôm nay con cũng đã an trụ trong đó. Con đã chứng biết pháp Tam Quy y chân thực. Nếu có chúng sanh nào tin kinh Đại Niết bàn, người đó tự nhiên rõ thấu ba pháp Quy y. Biết rõ: Rằng Phật tánh có đủ Pháp tánh và Tăng tánh đồng thời. Người này không cần ba pháp quy y ở đâu xa và biết chắc rằng vị lai đây, thân ta sẽ thành tựu ngôi vị Tam Bảo. Vì vậy, ta siêng năng tinh tấn tu học Đại thừa.

Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Lành thay ! Này Thiện nam tử, ông đã thành tựu trí tuệ rất sâu. Nay ta sẽ vì ông chỉ bày pháp tư duy, mở mang trí tuệ ngõ hầu chứng nhập kho tàng bí mật của Như Lai.

Nếu NGÃ là có thì rơi vào chấp thường, không thể rời khổ.

Nếu NGÃ là không, rơi vào đoạn kiến, dù có tu hành thanh tịnh cũng chẳng có lợi ích gì.

Nếu cho rằng tất cả hành pháp vô thường thì rơi vào đoạn kiến. Nếu cho rằng tất cả hành pháp là thường thì rơi vào thường kiến.

Nếu nói đời hoàn toàn khổ, là nhìn đời bằng đoạn kiến. Nếu nói đời là cảnh an lạc, rơi vào thường kiến rồi !

Chấp thường, chấp đoạn là còn vướng trong phạm trù cực đoan thiên kiến. Do vậy, người tu pháp khổ là không tốt. Người tu các pháp lạc được coi là tốt. Người tu các pháp vô ngã, thuộc về phiền não. Người tu các pháp thường gọi là người có khả năng thể nhập kho tàng bí mật Như Lai.

Niết bàn không có nơi chốn cố định. Tu những pháp vô thường...thì vướng vào tiền tài vật chất hữu vi. Tu những pháp thường...là môi trường thể nhập Phật tánh, Pháp tánh, Tăng tánh và chánh giải thoát Niết bàn. Nên biết ! Phật Pháp là trung đạo. Phải xa lìa hai bên mà nhận thức các pháp. Người phàm phu ngu mê tiếp thu được những tư tưởng Đại thừa liễu nghĩa đó không nghi hoặc sẽ giống như người gầy yếu được uống thuốc bổ "thánh dược thần phương" chắc chắn khí lực tăng, thân thể phục hồi khỏe mạnh. Những pháp "hữu", "vô", "thường", "đoạn" không có tánh cố định. Ví như tứ đại tánh không có chuẩn quân bình, cho nên chúng thường tương phản. Lương y khéo biết, tùy tướng đại nào thịnh suy tăng giảm mà điều chỉnh, thân thể sẽ an khang.

Này Ca Diếp ! Như Lai đối với các chúng sanh cũng như vị lương y. Chỉ vẽ rõ ràng thể tướng sai khác của các loại vô minh phiền não để diệt trừ. Phật cũng khai thị kho tàng bí mật của Như Lai: Rằng Phật tánh, Pháp tánh, Tăng tánh thanh tịnh, thường trụ không biến hoại.

Người phàm phu không hiểu kho tàng bí mật của Như Lai. Nếu nói KHỔ, họ cho thân là vô thường tuyệt đối không có tánh lạc. Nếu nói VÔ THƯỜNG, họ chấp tất cả thân đều mục bở vô dụng như gạch ngói chưa hầm.

Nếu là người trí phải quán sát, phải tư duy, chẳng nên nói tất cả đều vô thường, vì chính thân tâm ta có chủng tử Phật, có Phật tánh.

Nếu nói VÔ NGÃ, phàm phu sẽ cho rằng tất cả Phật, Pháp, Tăng đều không thực chất (vô ngã). Người trí phải biết VÔ NGÃ là giả danh, là phương tiện

của Như Lai. Nó có giá trị ở lớp học khi còn "bán tự giáo" mà thôi. Là người trí không được nghi ngờ !

Nếu nói Như Lai Tàng là không tịch, người phàm phu sanh kiến chấp đoạn diệt. Người trí phải hiểu Như Lai thường trụ không biến hoại.

Nếu nói giải thoát không có tướng mạo, người phàm phu cho rằng chứng giải thoát là dứt mắt. Người trí quán biết Như Lai giải thoát dù có đi, đứng, ra vào...nhưng vẫn thường trụ không biến đổi.

Nếu nói vô minh làm nhân mà có các hành pháp, phàm phu phân biệt tưởng rằng có hai pháp: MINH và VÔ MINH. Người trí rõ biết không có hai tánh. Tánh không hai là thực tánh, tức là tánh Phật !

Nếu nói các hành (sự vận động duyên khởi nương gá kết hợp thành vật chất) là nhân, duyên khởi có thức, phàm phu cho rằng "hành" và "thức" hai tánh riêng nhau. Người biết rõ không có hai tánh. Tánh không hai tức là Phật tánh.

Nếu nói thập thiện, thập ác có thể tạo tác đường lành, đường dữ, pháp lành, pháp dữ. Người phàm phu nghe rồi cho rằng có hai con đường. Người trí rõ biết "đường" không có hai. Tánh không hai, tức là thực tánh...

Kho tàng bí mật của Như Lai (Như Lai Tàng) ý nghĩa về TÁNH vô lượng vô biên như thế. Đó là chỗ mà chư Phật đều tán thán.

Này Ca Diếp ! Ngã và vô ngã, tánh và tướng không có hai thứ. Ông phải thận trọng mà thọ trì, ghi nhớ, giữ gìn kinh điển này !

Này Ca Diếp ! Ví như sữa. Từ sữa có bơ, có "phó mát", "ya ua". Do đổi duyên thay nhân mà sanh ra bốn thứ tên khác nhau và bốn thứ hương vị sai khác. Dù có bốn thứ tên, bốn thứ hương vị mà không thể nói sữa có bốn tên và bốn tánh như vậy. Nếu sữa là bơ thì không gọi nó là sữa. Nếu bơ không từ sữa, bơ hiện hữu từ đâu ? Tánh và vị của sữa bơ không thể nói hai, cũng không thể nói một. Phó mát, ya-ua cũng vậy.

Do cỏ lúa làm nhân duyên, con bò cái được ăn cỏ lúa tươi tốt thì sữa bò có chất lượng, khi chế biến thành bơ, phó mát ...hương vị sẽ ngon, nhiều bổ dưỡng. Nếu bò cái ở chỗ cỏ cháy đồng khô thì sữa của nó không đạt yêu cầu

chất lượng, khi chế phẩm làm ra. Cũng như vậy, các chúng sanh do MINH cùng với VÔ MINH, do nghiệp làm nhân duyên mà sanh, có hai thứ tướng. Nếu VÔ MINH được chuyển hóa sẽ biến thành MINH. Tất cả những pháp thiện, bất thiện; khổ hay lạc; triền phược hay giải thoát..cũng như vậy, không có hai thứ. Đó là chân lý "BÁT NHI", Như Lai đem dạy vẽ cho các ông !

Này Ca Diếp ! Chân lý "nhân duyên sanh", người trí đừng bao giờ có ý mong tìm đầu mối.

Này Ca Diếp ! Do vì phiền não che đậy, chúng sanh không thấy biết Phật tánh, như người phước mỏng không được gặp được con bò cái ăn cỏ phì nùi ở Tuyết sơn.

Nên biết, trong biển lớn, nước chỉ có một vị mặn, nhưng trong đó cũng có nước ngọt ngon. Đất núi Tuyết sơn dù sanh nhiều cỏ thuốc quý, nhưng cũng có cỏ độc. Thân tâm chúng sanh cũng vậy, dù có rắn độc tứ đại nhưng trong đó cũng có diệu dược Phật tánh. Phật tánh ấy không phải pháp mới kiến tạo, mới làm ra, chỉ vì phiền não khách trần che khuất. Nếu chúng sanh dứt trừ phiền não thì liền thấy Phật tánh thành đạo Vô thượng Bồ đề. Ví như giữa hư không, mây đen giăng, sấm nổ nổi lên, lúc này trên ngà của voi đều hiện ra bông. Nếu không có sấm nổ thì bông không hiện. Phật tánh của chúng sanh cũng vậy, thường bị phiền não che khuất nên không thấy được. Nếu được nghe, bằng lòng tiếp thu kinh Đại thừa Đại Niết bàn vi diệu này thì được thấy Phật tánh, như bông hiện trên ngà voi. Giả sử nghe hiểu tất cả tam muội, giáo nghĩa trong kệ kinh mà chưa nghe kinh Đại Niết Bàn này thì chẳng biết được kho tàng vi diệu bí mật của Như Lai. Như lúc không có tiếng sấm thì không sao tìm thấy bông trên ngà voi vậy.

Ca Diếp ! Nên biết nếu có thiện nam tử, thiện nữ nơn nào có thể tu học kinh Đại Niết bàn này, đó là người báo được ơn Phật, là Phật tử chân chính.

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: Thế Tôn ! Như lời Phật dạy, Phật tánh rất sâu, màu nhiệm, khó thấy, khó thể nhập. Hàng Thanh văn, Duyên giác có thể không đến được ?

Đức Phật khen: Ca Diếp ! Đúng như lời ông vừa tán thán. Kinh Đại Bát Niết Bàn là kho tàng bí yếu của Như Lai, cho nên tiểu trí như hàng Thanh văn, Duyên giác khó thâm nhập.

Ca Diếp ! Nên biết, kinh Đại Niết bàn vi diệu này, lúc Như Lai chưa nói, các Bồ tát đầy đủ các ba la mật như hàng Thập Trụ Bồ tát mà chỉ thấy biết một phần ít. Khi chứng địa vị Thập Địa hãy còn chưa thấy Phật tánh rõ ràng.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Phật tánh vi diệu khó thấy như vậy, những người nhọc nhằn làm sao thấy được ?

Phật dạy: Người và trời chỉ tin thuận lời kinh mà biết. Hàng Thanh Văn, Duyên giác tin thuận kinh Đại Niết bàn này sẽ tự chứng biết nơi thân mình có Phật tánh. Vì vậy, phải tinh tấn tu tập kinh Đại Niết bàn. Phật tánh chỉ có Phật mới biết rõ.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh phàm phu chưa chứng thánh đều nói có NGÃ. Kiến giải đó như thế nào ? Xin Thế Tôn dạy bảo.

Phật nói: Sự hiểu biết đó giống như câu chuyện "một con dao".

Hoàng tử của một Quốc vương, thường có một gia nô hầu hạ đỡ đần. Thỉnh thoảng đôi lúc gia nô trộm thấy Hoàng tử có con dao quý báu. Dao này vốn là bảo vật trong kho của quốc vương. Chàng gia nô đem lòng mơ tưởng ham thích một con dao như vậy. Dịp nọ, Hoàng tử đào tẩu lưu vong đem theo con dao báu sang nước khác. Dân trong cả nước ai cũng biết trong kho tàng bảo vật của Quốc vương có một con dao báu. Một hôm chàng gia nô ngụ trọ nhà dân, nửa đêm mới nói: "con dao ! con dao !" Người nhà nghe được bắt nạt cho vua. Vua gạn hỏi: "Nhà người nói con dao. Nay con dao ở đâu ?" Người gia nô thuật rõ lại mọi việc liên hệ với Hoàng tử trước kia và tâu rằng: Hiện nay nhà vua có giết chết thần cũng không có khả năng tìm ra con dao ấy. Là một gia nô, muốn nhìn cho rõ con dao báu còn không dám, làm sao được chạm đến và đánh cắp con dao. Xin Đại vương lượng xét.

Vua hỏi: Lúc nhà người trộm thấy dao, hình dạng con dao giống thứ gì?

Gia nô thưa: Tâu Đại vương ! Thần thấy con dao giống như sừng dê đen.

Vua nghe xong cả cười bảo: Nhà ngươi đừng sợ, ta tha cho ngươi. Trong kho báu vật của ta không có thứ dao ấy, làm sao ngươi thấy con dao như thế ở nơi vương tử !

Sau sự kiện đó, vị Quốc vương băng hà.

Triều thần liền lập Vương tử khác kế vị làm vua. Tân vương đem chuyện con dao hỏi các quan: Chư khanh có ai từng thấy con dao báu đó chăng ? Hình dáng nó như thế nào ? Các quan đồng tâu: Chúng thần từng thấy con dao như sừng dê đen.

Vua nói: Trong kho báu vật của trẫm không có thứ dao hình dạng như vậy.

Lần lượt năm tháng trôi qua, bốn triều đại Tân vương thừa kế, cũng tra hỏi con dao ấy, nhưng đều không kết quả.

Sau đó, vị Vương tử bôn đào lưu vong ngày trước trở về nước, được nhân dân trăm họ tôn làm vua. Sau khi lên ngôi xong, Tân vương lại đem chuyện con dao hỏi các triều thần văn võ: Các khanh trong triều có thấy con dao đó không ? Hình mạo nó như thế nào ?

Các quan tâu: Chúng tôi có thấy. Rồi lần lượt mỗi người nói lên cái thấy của mình. Người nói con dao màu đen như sừng dê đen. Người nói con dao có dáng cong cong như trái cà tím. Kẻ nói con dao có màu xanh nhạt cong và nhọn nhọn như trái đậu bắp. Người nói chính tôi thấy con dao đen và dài như trái ô môi...

Vua nghe cả cười phán: Các khanh đều chẳng thấy biết hình dáng đích thật con dao của ta !

Phật bảo: Này Ca Diếp ! Bò tát xuất hiện ở nơi đời nói tướng chân thật của NGÃ cũng như vậy. Nói xong, bỏ đi cũng như Vương tử mang con dao quý bôn đào lưu vong qua nước khác.

Người phàm phu u mê cho rằng tất cả đều có NGÃ. Như người gia nô kia ngủ nhờ nhà người, mơ nói: "con dao ! con dao !" !

Hàng Thanh văn, Duyên giác cùng các chúng sanh luận đàm tướng NGÃ. Người nói, tôi thấy tướng của NGÃ lớn bằng ngón tay cái. Người nói tướng NGÃ cỡ hạt đậu xanh. Kẻ nói nhỏ như hạt cải. Cũng có kẻ nói: Tướng của NGÃ ở trong tâm, nó sáng rõ như mặt trời.

Đích thực, những chúng sanh đó đều chẳng biết tướng của NGÃ, như các quan của năm triều đại, chẳng có ông nào biết được hình dáng đích thực của con dao.

Bồ tát nói tướng trạng của NGÃ, hàng phàm phu chẳng rõ biết, vọng tưởng tượng ra các hình tướng của NGÃ, như những ông quan các tiên triều diễn tả hình dáng con dao.

Các hạng phàm phu đó, lần lượt nói nhau mà sanh những tà kiến cho riêng mình.

Nhằm dọn quét sạch những tà kiến cho chúng sanh, Như Lai xuất hiện ra đời nói pháp "VÔ NGÃ". Như Vương tử bảo các quan: "Trong kho tàng của ta không có thứ dao như vậy".

Này Ca Diếp ! Hôm nay Như Lai nói NGÃ đích thực là PHẬT TÁNH. Phật tánh đó, ở trong giáo pháp của Như Lai, như con dao báu kia.

Này Ca Diếp ! Nếu có người khéo phân biệt, diễn đạt rõ ràng, xiển dương chánh pháp Đại thừa Đại Niết bàn. Nên biết người đó chính là Bồ tát.

TRỰC CHỈ

NHU LAI, một đức hiệu trong mười đức hiệu của một vị Phật. Chư Phật trong mười phương đều có mười đức hiệu như nhau: Như Lai. Ứng Cúng. Chánh Biến Tri. Minh Hạnh Túc. Thiện Thệ. Thế Gian Giải. Vô Thượng Sư. Điều Ngự Trượng Phu. Thiên Nhơn Sư. Phật. Thế Tôn. Như Lai được hiểu là Phật, nhưng đặc biệt chỉ Phật Pháp thân Tỳ Lô Giá Na.

NHU LAI TÁNH, tức Phật tánh hiểu vậy không sai. Nhưng phải hiểu "Phật tánh" trong kinh Đại Bát Niết Bàn là PHÁP THÂN TỖ LÔ GIÁ NA. Tánh thanh tịnh bản nhiên BIẾN NHẤT THIẾT XÚ. Tánh hiện hữu tồn tại vĩnh cửu với không gian vô tận, thời gian vô cùng.

NHU' LAI TÁNH ở kinh Đại Niết Bàn, Như Lai dạy: TÁNH PHÁP THÂN NHU' LAI.

Tất cả chúng sanh đều có, vốn có Phật tánh. Thế nhưng chúng sanh không biết, như cô gái nhà nghèo, chịu cảnh nghèo trong khi dưới nền nhà của mình có kho tàng vàng ròng, châu báu...

Người khách thông minh phát hiện chỉ giúp cho cô kho báu cô vừa cảm ơn, vừa thán phục. Sự thực, cô thọ dụng những gì vốn có của cô mà thôi !

Phật đối với chúng sanh, chỉ là người khách thông minh ấy !

Vô ngã hay ngã trong Phật pháp là vấn đề phải có học kỹ, có tu thật mới đúng được. Giáo lý của đạo Phật có: vô tự giáo, bán tự giáo và mãn tự giáo. Khi luận về vô ngã hay ngã phải đặt mình vào loại hiểu biết văn tự nào trong ba thứ văn tự ngôn giáo ấy.

Vô ngã là Như Lai dạy. Ngã cũng là lời Như Lai dạy. Dạy giáo lý "vô ngã", Như Lai dạy "lớp bán tự" cho Nhị thừa. Đại thừa Bồ tát học "mãn tự giáo" phải biết Ngã chính là Như Lai Tánh thường trụ không biến hoại. Như Lai dạy "vô ngã" cho hàng phàm phu, Nhị thừa, trong lúc "bệnh chấp" của họ còn tác động âm ỉ chưa tiêu.

Như Lai hành sử cách giáo hóa đó như người mẹ tự bôi đen vú mình và thoa chất đắng cay để cho con đừng đòi bú trong lúc thuốc trong bụng bé uống chưa tiêu.

Thuốc đã tiêu hóa bụng của bé ôn, người mẹ rửa sạch vú kêu con cho bú trở lại, vì sữa mẹ rất tốt con ạ !

Kinh Đại Bát Niết Bàn Như Lai dạy NGÃ, phải biết cho rõ.

Có NGÃ. NGÃ là PHẬT TÁNH. PHẬT TÁNH là NGÃ. NGÃ TÁNH tức là NHU' LAI TÁNH thường trụ không biến hoại. Thường, Lạc, Ngã, Tịnh cũng là tánh chân thực không biến hoại như vậy.

NGÃ tánh thường trụ không biến hoại nhưng có thể biến dạng. Tùy "duyên có", hoàn cảnh, môi trường đến lúc kết quả NGÃ TÁNH mỗi mỗi đều khác biệt. Ví như tánh vàng ròng, người ta ứng dụng chế tạo: kiềng, vòng, trâm,

nhẫn, hoa tai, nút áo, gọng kính, dây đồng hồ....Thực chất, vàng không có nhiều tên và nhiều dạng như vậy. Vậy mà thực tế, không tên và những dạng ấy, không có món nào không phải vàng. Vàng ròng một, có thể biến dạng ra nhiều. Đến tay người thợ kim hoàn tài giỏi, tất cả vàng tản mạn sẽ hoàn nguyên trở thành vàng khối.

Đối với Phật tánh của chúng sanh, phân tán trong ba giới, sáu đường và hai mươi lăm cõi, đức Thế Tôn làm công việc như người thợ kim hoàn tài giỏi chỉ dạy cho chúng sanh nấu lọc quặng mỏ vô minh, phân chất thiện ác chánh tà để cô đọng, hoàn nguyên Phật tánh vốn có của mình.

Thuốc A dà dà thượng vị vốn có ở vùng núi Tuyết. Đối với người bình thường không biết, thuốc dù có cũng như không có. Phải nhờ bậc y vương tài giỏi mới phát hiện được vị và biến chế được vị thành thứ thuốc vô giá phục vụ lợi ích cho người.

Phật là bậc y vương tài năng ấy.

Cao ly nhân sâm có người uống khỏe, tăng tuổi thọ. Cũng có người uống cao ly nhân sâm bị chết là sự có thực. Đại thừa, Phật tánh, Pháp thân, Niết bàn vô trụ xứ...Với người trí, nghe qua được lợi ích vô lượng vô biên. Họ sẽ tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc trên đường giải thoát giác ngộ. Bậc hạ lưu không tiếp thu được thậm chí có kẻ hủy báng Đại thừa, tự biến mình thành "nhất xiển đề", há chẳng phải "nhân sâm thành độc dược" đó sao?

Người chứng tánh Đại thừa quy y Phật, vĩnh viễn không thay lòng đổi dạ, không theo quy y với ai khác, dù họ giới thiệu: họ là đáng thần tiên...Quy y chánh pháp không quy y tà giáo, lánh xa việc làm ác, có tánh giết hại chúng sanh...Quy y Tăng không quy y với ngoại đạo, những người không tin khả năng giải thoát giác ngộ của mình. Quy y theo chánh pháp Đại thừa là Ưu bà tắc chân chính ắt được an ổn vô úy.

Người chứng tánh Đại thừa nhận thức rằng: Quy y Phật là đủ Pháp và Tăng, không cần ba pháp quy y riêng biệt. Bởi Phật tánh, Pháp tánh, Tăng tánh cùng một thể: THANH TỊNH BẢN NHIÊN. Quy y như vậy là người Đại thừa quy y NHẤT THỂ TAM BẢO.

Vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh cũng là một lối chấp. Thường, Lạc, Ngã, Tịnh lại cũng là một lối chấp khác mà thôi. Người mẹ thông minh thương con cho con bú. Rồi không cho con bú (thoa chất đắng cay bôi lên vú đen nhơ). Rồi lại dỗ dành kêu con đến bú. Ba việc làm, một mục đích: vì con, thương con.

Vì sợ chúng sanh chấp "thường", Như Lai nói VÔ NGÃ .

Vì sợ chúng sanh chấp "đoạn", Như Lai nói HỮU NGÃ .

Phật tánh, không phải VÔ NGÃ, cũng không phải NGÃ .

Phật tánh cũng NGÃ, cũng VÔ NGÃ .

Do nghĩa đó, Phật tánh có thể "biến tướng": Bà la môn, Sát đế ly, Thủ đà la...như sự biến tướng của vàng ròng qua các dạng nữ trang, vật dụng...

Là đệ tử Phật, người có trí phải học nghĩa TRUNG ĐẠO trong Phật pháp mới vượt ra phạm trù đối đãi: HỮU, VÔ, THƯỜNG, ĐOẠN...nguyên nhân của mọi vương mắc khổ đau.

TRUNG ĐẠO là chân lý KHÔNG HAI. Hãy nhìn vạn pháp qua tuệ nhãn, để nhận thức tánh KHÔNG HAI. Hãy tư duy, quán chiếu:

Minh và vô minh không hai .

Sanh tử, Niết bàn không hai .

Phiền não và Bồ đề không hai .

Mê, giác không hai .

Thiện, ác không hai .

Thường, vô thường không hai .

Ngã, vô ngã không hai .

Khổ, lạc không hai .

Tịnh, bất tịnh không hai..

Là đệ tử Phật, người có trí phải tu học kinh Đại thừa Đại Niết bàn. Đàm luận về NGÃ rồi chấp NGÃ chỉ là lời đàm luận của anh chàng gia nô và các quan lại ù ơ vô liêm, vô trí mô tả con dao báu của vua theo ước đoán, tưởng tượng của mình.

Chỉ có vua, hoàng tử đích thực của vua mới thật biết con dao vốn có trong kho báu của nhà vua !

---o0o---

PHẨM THỨ MƯỜI BA - VĂN TỰ

Đức Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Phật có thể sử dụng nhiều ngôn ngữ, văn tự, kể cả những dị luận chú thuật như các hàng ngoại đạo và còn có khả năng siêu việt ngoại đạo nữa.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Thế Tôn sử dụng văn tự như thế nào ?

Phật dạy: Văn tự căn bản của Như Lai sử dụng có: bán tự và mãn tự. Ngoài ra đối với hàng bậc địa phàm phu còn có một thứ văn tự nữa, gọi đó là vô tự. Vận dụng văn tự giáo hóa chúng sanh, ban đầu Như Lai sử dụng bán tự, để ghi nhận những sự kiện có thật trên cõi đời như sách vở, dị luận, chú thuật, văn chương và các âm. Phàm phu đọc, học bán tự căn bản sẽ biết được những gì chánh pháp, những gì chẳng phải chánh pháp.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bán tự Thế Tôn dạy có ý nghĩa thế nào ?

Phật dạy: Bán tự có mười bốn âm:

A. A giọng ngắn. A giọng dài.

Y. Y giọng ngắn. Y giọng dài.

Ưu. Ưu giọng ngắn. Ưu giọng dài. Yên. Đa. Phao. Am. Á. Ca. Khư. Đà.

Mười bốn âm là căn bản của bán tự, để diễn đạt nghĩa lý chơn phi chơn trên đường đến đích: Đại Niết Bàn. TỰ có nghĩa: Đích đến, Niết bàn.

Hít thở không khí cong lưỡi lượn theo chiều, tác động vào răng nướu, thanh theo giọng mũi, giọng răng để giải bày ý nghĩa. Có tiếng ngắn, tiếng dài, giọng cao, giọng thấp khác nhau.

Âm thanh phát ra chủ yếu có: Răng. Nga. Giá. Xa. Xà. Thà. Nhã. Tra. Trạch. Trà. Tô. Noa. Đa. Tha. Đà. Đạn. Na. Ba. Phả. Bà. Phạm. Ma. Gia. Ra. Là. Hoa. Sa. Sá. Ta. Ha. La. Lô. Lưu. Lư. Lâu.

Văn tự và âm thanh có khả năng diễn đạt và chứa đựng những cú nghĩa:

A: Tam bảo thường trụ, rắn chắc như kim cương không thể phá hoại.

AA: Như Lai thường trụ, thân Như Lai không có tiết ra những thứ bất tịnh, vì thân Như Lai không do huyết nhục tạo tác mà hình thành. Thân Như Lai không phải do cửu khiếu, thất huyết hòa hợp nương gá mà có.

AA: Có nghĩa A xà lê là người mô phạm được người đời tôn trọng, vì là người thiếu dục tri túc. Người có thể cứu độ chúng sanh vượt ra biển khổ tử sanh trong ba cõi...

Y: Phật Pháp Tăng là tánh thanh tịnh trong sáng như mặt trăng tròn. người đệ tử Phật phải biết việc nên làm, việc không nên làm. Phải phân biệt thế này lời Phật nói, thế kia lời ma nói. Người đệ tử Phật dứt bỏ tật đố như nhà nông dọn sạch cỏ rác ruộng vườn để cho hoa màu thêm tươi tốt.

UU: Kinh Đại Niết Bàn là kinh tối thượng đối với các kinh. Như Lai Tánh, hàng Thanh văn, Duyên giác chưa từng nghe biết. Bồ tát nghe và lãnh thọ kinh này là người tối tôn đối với đại chúng. Trái lại, người không tiếp nhận còn chê bai Như Lai Tánh là người mê mờ không trí tuệ, đánh mất nhân bản của mình, rất đáng thương xót. Họ không có cơ hội trông thấy kho tàng bí mật Như Lai. Họ không thể tiếp nhận thế nào là NGÃ, thế nào là VÔ NGÃ, thế nào là PHÁP, thế nào là PHI PHÁP.

YÊN: là mật khẩu của Phật tánh Niết Bàn

DÃ: nói về tam nghiệp thân, khẩu, ý của Như Lai, nhất cử nhất động đều lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Ô: chứa đựng ý nghĩa phiền não nhiễm ô. Như Lai thì dứt hết những phiền não nhiễm ô ấy.

PHAO: bao quát hết ý nghĩa Đại thừa và ý nghĩa của mười bốn âm. Kinh Đại Niết Bàn cũng vậy, bao quát hết ý nghĩa vi mật của các kinh luận khác.

AM: chứa đựng ý nghĩa thanh tịnh. Ngăn dứt hành vi tích lũy tám pháp bất tịnh. Xem thường hoặc vứt bỏ vàng bạc châu báu như vứt bỏ tấm xỉa răng trong tay.

Á có nghĩa thù thắng. Kinh Đại Niết Bàn hơn hết trong các kinh.

CA: chứa đựng ý nghĩa từ bi. Đối với chúng sanh xem như con một của mình. Bình đẳng làm lợi ích, tốt đẹp cho tất cả.

KHU: có ý nghĩa là bạn chẳng lành, ô trược. Không có khả năng tiếp nhận kho tàng bí mật của Như Lai.

DÀ: có nghĩa kho tàng bí mật của Như Lai. Trong đây chỉ dạy tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

RĂNG: chứa ý nghĩa Như Lai thường hằng không biến hoại.

NGA: diễn đạt ý tất cả hành pháp đều là tướng bị bại hoại.

XA: Như Lai ví như cây lọng lớn, che mát tất cả chúng sanh.

XÀ: nói lên tánh giải thoát không có tướng già.

THÀ: diễn đạt tánh phiền não rậm rạp như lùm rừng.

NHÃ: nhận rõ tánh chơn thật không hư của trí tuệ đối với sự nhận thức pháp tánh.

TRA: chỉ rõ tánh tham, sân, si là ba mũi tên độc, người trí cần xa lánh.

TRẠCH: người nghe được kinh Đại Niết Bàn như đã được nghe và thọ trì tất cả Kinh Đại thừa rồi !

Văn tự là phương tiện cụ thể hóa ý thức tư duy trừu tượng. Âm thanh là công cụ diễn đạt những ý tứ văn tự chuyển tải ở trong. Những VĂN TỰ và ÂM THANH như vậy có thể làm cho tam nghiệp chúng sanh được thanh

tịnh. Tuy nhiên, Phật tánh của chúng sanh không phải nhờ văn tự rồi sau đó mới được thanh tịnh. Bởi vì Phật tánh vốn thanh tịnh nên dù hòa hợp trong ngũ âm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, nhưng không bị đồng hóa bởi âm, nhập, xứ, giới. Vì vậy đối với Phật tánh, tất cả chúng sanh nên quy y. Các Bồ tát hành sử theo Phật tánh, tùy thuận Phật tánh, nhìn xem chúng sanh bình đẳng không có sai khác.

Vì vậy, bán tự giáo là căn bản tất cả kinh, sách, ký luận, văn chương..Mặt khác, bán tự giáo lại cũng là thứ văn tự, âm thanh, ngôn thuyết chứa đựng vô lượng vô biên phiền não.

Trái lại, âm thanh, ngôn thuyết của mãn tự chứa đựng tất cả thiện pháp, chuyên chở con người đến bờ giải thoát, giác ngộ.

Đâu là ranh giới để biết thế nào là bán tự, mãn tự ? Ví như ở đời, người chưa đủ tư cách con người hoàn thiện, người ác, gọi là "bán nhơn". người đầy đủ tư cách, người thánh thiện, gọi là "mãn nhơn".

Tất cả kinh sách, ký luận, ngôn thuyết, văn tự Như Lai đều vận dụng hành sử trong việc giáo hóa chúng sanh. Như Lai nói giáo lý bán tự, nhưng Như Lai có chánh giải thoát, Như Lai xa rời tất cả danh tự cho nên đối với tất cả pháp Như Lai không bị chướng ngại, không nhiễm thắm, dính mắc; Như Lai được chơn giải thoát. Người hiểu được như vậy là người hiểu VĂN TỰ của Như Lai nói.

Người mà không tiếp thu nổi "mãn tự", chạy theo nghĩa lý "bán tự", người này sẽ không có khả năng biết được NHƯ LAI TÁNH (Phật tánh).

Trong giáo lý Như Lai dạy, ngoài hai nguồn giáo lý "bán tự" và "mãn tự" còn có thứ văn tự vô văn, đó là VÔ TỰ.

Thế nào là VÔ TỰ ? Người gần gũi kẻ bất lương, tu tập pháp bất chánh, bất thiện, gọi là tu học VÔ TỰ. Thành phần vô tự giả sử có tu tập được pháp lành, nhưng cũng không thể hiểu Như Lai thường hay vô thường, hằng hay phi hằng. Đối với pháp và tăng cũng vậy. Họ không thể biết thế nào là lời ma, thế nào là lời Phật. Người như thế là người chạy theo VÔ TỰ.

Này Ca Diếp ! Người chạy theo VÔ TỰ, vĩnh viễn xoay vần trong ba cõi, qua lại trong sáu đường, không có ngày an ổn. Bán tự là con đường giải thoát nửa vời, hàng Thanh văn đi theo con đường này.

Là Bồ tát phát tâm Đại thừa, cầu quả giác ngộ, giải thoát vô thượng phải tu học MÃN TỰ.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Thế Tôn ! Chúng con phải khéo tu học tự số. Nay con gặp được bậc Đạo sư vô thượng. Con đã lãnh thọ những lời dạy bảo ân cần của Như Lai.

Phật khen: Lành thay ! Người ưa thích chánh pháp, muốn đến tột đỉnh cao của giải thoát giác ngộ phải tu học như vậy.

TRỰC CHỈ

VĂN TỰ là ký hiệu để cụ thể hoá âm thanh. Âm thanh là biểu hiện để diễn đạt ý tưởng của tâm tư, của nhận thức. Ngữ ngôn là phương tiện để chuyển đạt ý tưởng nhận thức cho đồng loại với nhau trong cuộc sống.

Do nghĩa đó, cuộc sống của loài người, quốc gia nào, chủng tộc nào trên toàn thế giới hay nói rộng ra, trong mười phương thế giới cũng đều có những thứ phương tiện tối cần thiết ấy. Hòa mình trong cuộc sống của nhân loại, Như Lai cũng không ngoại lệ, mặc dầu Như Lai thừa hiểu chân lý: "NHẤT THIẾT CHƯ PHÁP TÙNG BẢN DĨ LAI, LY VĂN TỰ TƯỚNG, LY NGÔN THUYẾT TƯỚNG, LY TÂM DUYÊN TƯỚNG, TẮT CÁNH BÌNH ĐẲNG, BẤT KHẢ PHÁ HOẠI, DUY THỊ NHẤT TÂM, CỐ DANH CHƠN NHƯ". Mã Minh Đại Sĩ, đệ tử của Như Lai, sau Phật mấy trăm năm còn phát kiến cái chân lý cao ngút tận trời xanh ấy. Vậy mà trên hành trình giáo hóa chúng sanh, Như lai sử dụng VĂN TỰ, ÂM THANH, NGÔN NGỮ, há chẳng phải là phương tiện trong phương tiện của bậc giác ngộ chí tôn vô thượng đó sao ?

Nhận thức được mật ý của Như Lai, người đệ tử thông minh của Phật, không cần đặt vấn đề mười bốn "âm", ba mươi một thanh ấy thuộc về thứ văn tự gì trong những văn tự cổ kim của nhân loại.

Đừng tìm hiểu VĂN TỰ, ÂM THANH của phẩm kinh Đại Niết Bàn này theo cách định nghĩa của học vị thế gian, phí công vô ích. Văn tự mà Như Lai dụng ý dạy cho chúng sanh hậu thế có ba loại, tùy căn cơ chủng tánh, khả năng, nghị lực của chính mình mà mình thọ dụng sự giải thoát giác ngộ cho chính mình. Ba loại văn tự đó là:

Mãn tự

Bán tự

Vô tự

Có khả năng tu học Mãn tự là hàng Bồ tát, quả vị chứng đắc của họ tột đỉnh giải thoát giác ngộ: Đó là quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Có khả năng tu học Bán tự thôi, đích đến tột cùng chỉ là: quả A La Hán, Bích Chi Phật.

Hạng người sống với Vô tự là hạng người không biết gì về Phật, Pháp, Tăng tam bảo. Họ vĩnh viễn trôi lăn, lặn hụp, chìm nổi trong ái hà thiên xích lãng, trong khổ hải vạn trùng ba của tam giới, tứ sanh và lục đạo!

Bởi vì VÔ TỰ là gì ? Vô tự chỉ cho những hạng người không có hạt giống Phật, hạng Nhất xiển đề, cho nên không có phút giây ngừng đau khổ bởi vô minh, dục vọng hoành hành.

Học BÁN TỰ là những người dựa trên giáo lý Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên để mà tu học. Vì vậy, đích đến của hạng người này là quả vị Tiểu thừa và Trung thừa: A La Hán và Bích Chi Phật.

Trọn cuộc hành trình giáo hóa chúng sanh, bốn mươi chín năm đằng đẵng, nhằm một mục đích, một bi nguyện là truyền trao MÃN TỰ GIÁO cho hàng đệ tử ưu tú của mình, vì chỉ có hàng đệ tử này mới giữ gìn gia nghiệp Đại thừa Pháp Bảo của Như Lai. Chỉ có hàng Đại thừa chủng tánh đó mới tiếp thu nổi nguồn tư tưởng:

PHẬT THƯỜNG TRỤ. PHÁP THƯỜNG TRỤ. TĂNG THƯỜNG TRỤ.
GIẢI THOÁT THƯỜNG TRỤ. NIẾT BÀN THƯỜNG TRỤ./

PHẨM THỨ MƯỜI BỐN - ĐIỀU DỤ

Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Này Ca Diếp ! Có hai giống chim có cá tánh độc đáo riêng của chúng. Một, tên Ca lân đề. Một, tên Oan ương. Hai giống chim này lúc bay lúc ở đều cùng chung chẳng xa rời nhau. Các pháp khổ, vô thường, vô ngã cũng chẳng rời nhau như vậy.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Thế Tôn ! Các pháp khổ, vô thường, vô ngã cũng chẳng rời nhau như chim Oan ương, chim Ca lân đề là thế nào ?

Phật bảo: Này Thiện nam tử ! Pháp khổ khác, pháp lạc khác, ví như lúa đậu khác với mè bắp. Mè bắp khác với cải sù, khoai tây, các thứ ấy từ mầm mộng của nó cho đến lúc trở lá, lên cây, thành củ, sanh quả, có hạt đều khác nhau không có tánh đồng nhất. Khi củ, quả, bông, hạt già chín đến thời kỳ thu hoạch, người thợ dụng được thợ dụng một tánh đồng nhất "dinh dưỡng" không sai khác. Cũng vậy, nhìn bên hiện tượng tục đế qua nhục nhãn, người phàm phu thấy: khổ, vô thường, vô ngã sai khác. Đứng bên bản thể, chơn đế sử dụng tuệ nhãn mà quan sát thì chỉ có một tánh đồng nhất: THƯỜNG. Thường là tánh chơn thực, là thật tánh.

Ca Diếp Bồ tát hỏi: Bạch Thế Tôn ! Tánh chất đồng nhất là tánh dinh dưỡng của trái hạt, được ví tánh THƯỜNG. Vậy tánh thường đó có đồng với Như Lai chăng ?

Phật dạy: Thiện nam tử ! Ông không nên dính mắc vào tỷ dụ. Tất cả các pháp, trừ Phật tánh và Niết bàn, không có một pháp nào thường hết. Dù có vật cứng chắc như núi Tu di cũng không thể sánh dụ với Như Lai. Bởi lẽ, khi kiếp hoại, núi Tu di sụp đổ. Như Lai rồi cũng bị sụp đổ hư hoại hay sao ? Tánh đồng nhất ví cho tánh thường đó là mượn cái tỷ dụ chưa đủ sức tỷ dụ để làm dụ. Người trí, ông nên nương tỷ dụ mà hiểu, đừng để bị kẹt vào tỉ dụ.

_ Này Thiện nam tử ! Đức Phật dạy: Dù tu theo tất cả khế kinh, tu hết các môn thiền định, tam muội mà chưa nghe kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn thì đều nói tất cả vô thường. Người nghe kinh này rồi, dù có phiền não mà như không phiền não. Sẽ là người lợi ích cho trời, cho người, vì hiểu rõ chính mình có Phật tánh. Và đương nhiên biết rõ rằng mọi người cũng có Phật tánh như vậy.

Lại ví như nấu lọc quặng vàng, loại bỏ hết vô minh tạp chất, còn lại tánh thường: vàng ròng bất hoại. Người tu theo tất cả khế kinh, học tập tất cả thiền định, tam muội mà chưa nghe kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn, đều nói tất cả pháp vô thường . Khi được nghe kinh Đại Niết bàn này rồi, tự sẽ biết rằng mình có khả năng tẩy bỏ tạp chất vô thường của quặng mỏ và đủ khả năng tích lũy cái “thường”, cái tánh bất hoại của vàng ròng. Đó là Phật tánh của chính mình. Sau đó, mình sẽ làm lợi cho trời, cho người, từ nơi nhận thức Phật tánh THƯỜNG vốn có của mình.

Này Thiện nam tử ! Ví như nước sông ngòi, lạch suối đều chảy về biển. Tất cả khế kinh các môn thiền định, tam muội đều quy về kinh Đại thừa Đại Niết bàn, vì kinh này chỉ rõ Phật tánh của mọi người một cách khéo léo, biểu lộ hết bi tâm chí thiết của Như Lai khiến cho người trí nghe rồi có thể trải nghiệm và trực nhận được Phật tánh của mình. Vì vậy, Như Lai nói: Pháp thường khác, pháp vô thường khác, cho đến pháp ngã, vô ngã....cũng vậy.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Thế Tôn ! Theo chỗ con biết Như Lai đã lia hẳn tên độc ưu bi khổ lạc. Phạm có ưu bi khổ lạc là người, Như Lai thì không phải người. Có ưu bi khổ lạc là trời, Như Lai thì không phải trời. Có ưu bi khổ lạc là hai mươi lăm cõi, Như Lai thì không phải hai mươi lăm cõi hữu lậu. Vậy thì lẽ ra Như Lai không có ưu bi, vì sao lại nói Như Lai có ưu bi...? Bởi vì, nếu Như Lai không có ưu bi thì cần chi làm lợi ích chúng sanh, hoằng hóa Phật pháp. Và nếu không có ưu bi sao lại nói Như Lai bình đẳng xem chúng sanh như La Hầu La ? Nếu không bình đẳng xem như La Hầu La thì lời nói Như Lai lia hẳn ưu bi là hư vọng !

Phật dạy: Này Thiện nam tử ! Phật pháp sâu nhiệm khó hiểu. Như Lai không có ưu bi khổ lạc, mà đối với chúng sanh khởi lòng đại bi, hiện có ưu bi, và coi tất cả chúng sanh như La Hầu La.

Này Thiện nam tử ! Ví như nhà ảo thuật làm các thứ lâu đài nhà cửa, bắt, nhốt, mở thả, thậm chí giết người,...rồi lại hóa ra vàng bạc, chim cá...nhưng tất cả đều không có tánh chơn thật. Cũng như vậy, Như Lai thị hiện ưu bi...tùy thuận thế gian mà không có chơn thật. Như Lai đã chứng nhập Đại Niết Bàn, làm gì còn có ưu bi khổ lạc được nữa ! Nếu người nào nói rằng Như Lai chứng nhập Niết Bàn là vô thường, nên biết, người đó có ưu bi khổ

não. Trái lại, người nói Như Lai nhập Niết Bàn nhưng Như Lai thường trụ không có biến hoại. Nên biết, người này không còn có ưu bi, hàng phàm phu và nhị thừa khó mà biết được ! Bởi vì người bậc hạ biết được pháp bậc hạ, không biết được pháp bậc trung. Người bậc trung biết được pháp bậc trung, không biết được pháp bậc thượng. Người bậc thượng thì biết cả pháp bậc trung và bậc hạ. Do nghĩa đó, hàng Thanh văn, Duyên giác chỉ biết ngang chừng bậc của mình. Như Lai thì không như vậy, biết rõ bậc của mình và biết rõ cả những bậc khác. Vì thế Như Lai được gọi là bậc vô ngại trí, tùy thuận theo thế gian mà hóa hiện. Kẻ phàm phu, nhìn Như Lai qua nhục nhãn họ cho là Như Lai có ưu bi thật. Với căn cơ trình độ ấy mà muốn biết hết vô ngại trí vô thượng của Như Lai là điều không thể có được. Do lý lẽ đó, pháp ngã khác, pháp vô ngã khác; pháp thường khác, pháp vô thường khác, pháp khổ khác, pháp lạc khác. Đây gọi là ĐIỀU DỤ: Chim oan ương, chim Ca lân đề.

Này Thiện nam tử! Phật pháp cũng dường như hai thứ chim: Oan ương và Ca lân đề vậy. Mùa thanh hạ nước dâng lên, lựa chọn gò nổi cao làm ổ để cho con chúng ở. Việc đã ổn rồi, sau đó chúng nó mới trở về chốn cũ mà ưu du an ổn thông dong ! Như Lai xuất thế giáo hóa làm cho chúng sanh đều được trụ nơi chánh pháp như chim kia lựa gò cao mà lót ổ cho con chúng nó ở. Như Lai làm cho chúng sanh đều được giải thoát, việc làm đã xong, bèn nhập Đại Niết Bàn như chim kia bay về chốn cũ mà ưu du an ổn.

Này Thiện nam tử ! Như thế đấy, Như Lai gọi là pháp khổ khác, pháp vui khác. Những hành pháp là khổ. Niết bàn là vui vi diệu bậc nhất, vì đã phá hoại , tiêu vong hết các hành pháp rồi !

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Tại sao chúng sanh chúng được Niết bàn gọi là an vui đệ nhất ?

Phật dạy: Thiện nam tử ! Đúng như lời Như Lai đã dạy: Các hành pháp hòa hợp, gọi là pháp lão tử ưu bi:

Tinh tấn không phóng dật

Đấy gọi là cam lộ

Phóng dật chẳng tinh tấn

Đây gọi là tử cú

Nếu người không phóng dật

Thì được chỗ bất tử

Những kẻ phóng dật kia

Thường vướng vào tử lộ.

Phóng dật gọi là pháp hữu vi. Pháp hữu vi là khổ đê nhất. Không phóng dật gọi là Niết bàn. Niết bàn, gọi là cam lộ, an vui đê nhất.

Thế nào là phóng dật ? Thế nào là không phóng dật ? Hạng phàm phu không phải thánh, gọi là phóng dật cho nên thường chịu đựng sự ưu bi lão tử. Bậc thánh nhân xuất thế không phóng dật, không có ưu bi lão tử, vì chứng nhập Niết bàn an trú trong thường lạc đê nhất.

Do nghĩa đó, nên Như Lai nói pháp khổ khác, pháp lạc khác, pháp vô ngã khác. Người phàm phu, ngoại đạo khó biết, như người đứng dưới đất, ngược mặt nhìn lên hư không, chẳng thấy dấu chim bay.

Này Thiện nam tử ! Chúng sanh không có thiên nhãn, sống trong phiền não vô minh, không tự thấy được Như Lai tánh và người không có thiên nhãn chẳng biết được chân ngã, vọng chấp có ngã, cho nên Như Lai bí mật mà nói với chúng sanh về pháp "vô ngã".

Do các phiền não tạo nghiệp hữu vi. Chính đó là vô thường. Cho nên, Như Lai nói pháp thường khác, pháp vô thường khác.

Này Thiện nam tử ! Mọi việc xảy ra đều có nhân duyên. Đối với Như Lai tùy chỗ có chúng sanh đáng được hóa độ, Như Lai thị hiện thọ sanh ở đó. Dầu thị hiện thọ sanh nhưng thật không có sanh. Vì vậy nên Như Lai là PHÁP THƯỜNG TRỤ, như chim Oan ương và chim Ca lân đề... tìm đôi nổng cao ráo để làm ổ cho con và vì con !

TRỰC CHỈ

Điều dụ mượn hai giống chim: chim Oan ương và chim Ca lân đề để tỷ dụ. Hai giống chim này lúc ở cũng như khi bay đi không bao giờ riêng lẻ. Chúng

khấn khít nhau không thể tách rời. Cho nên hễ có con một thì có con hai, con ba, con bốn. Con bốn không rời con một. Bốn và một không ngoài nhau.

Chân lý vô ngã, vô thường, khổ và bất tịnh cũng "là" nhau, "tức" nhau như vậy. Vô ngã tức vô thường, vì là vô thường cho nên vô ngã. "Vô thường", "vô ngã" tức là "khổ", không thể nào có vui được. Đã "vô thường", "vô ngã", "khổ" thì rõ ràng là cái thứ pháp không đem lại sự an ổn khoái lạc cho ai. Nó là pháp khổ đau, là nguyên nhân khổ đau, nó "bất tịnh"!

Hễ có một là có bốn. Bốn một không rời nhau, không ngoài nhau, mà "là" nhau. Như chim Oan ương và chim Ca lân đề ấy.

Trái lại, người đệ tử thông minh của Phật hiểu rõ rằng: Phật tánh là tánh "thường". Phật tánh là tánh bất hoại. Tánh bất hoại là "thường". Có thường tức có an ổn. Có an ổn là có "lạc". Đã có "thường", có "lạc" thì có "ngã", có "tịnh". Một là bốn, bốn là một, không rời nhau, không ngoài nhau mà "là" nhau. Cũng như chim Oan ương và chim Ca lân đề kia vậy.

* Như Lai hiện sanh ở cõi đời, nhìn bằng nhục nhãn, người ta thấy Như Lai chẳng có gì khác với phàm phu. Ca Diếp Bồ tát là người đại diện cho cái thấy đó. Rằng Như Lai có thể có ưu bi khổ lạc ? Như Lai còn có ưu bi khổ lạc cho nên Như Lai nhìn thấy cái khổ lạc của chúng sanh, Như Lai cảm thương. Còn "cảm thương" hay "từ bi" hay ưu ái...gì đó, thì cũng là một "vấn vương, vương vấn" chưa thoát khỏi bận bịu buộc ràng !

Người đệ tử thông minh của Phật, phải hiểu cái tỷ dụ: Chim Oan ương, chim Ca lân đề. Loại chim khôn ngoan tìm gò nông, đến chỗ đất cao chỉ vì con, cho con mà đến. Đến lót ổ, sắp xếp chỗ ở cho con khỏi sợ nguy hiểm của mùa nước nổi rồi bay về chỗ cũ mà ưu du an ổn thong dong ! Chim không hiện diện ở cùng đám con của chúng nhưng không phải là chim đã chết mà chim ưu du tự tại thong thả nơi chốn cũ của mình.

Như Lai hiện sanh ở cõi đời, chỉ dạy chân lý vô thường, vô ngã, khổ, bất tịnh cho hạng người chỉ có khả năng học lớp "bán tự". Rồi Như Lai cũng dạy: THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH cho những bậc đại căn chủng tánh Đại thừa. Xong việc, Như Lai nhập Đại Niết bàn ở rừng Ta la song thọ. Nhập Đại Niết bàn rừng Ta La Song Thọ qua nhục nhãn của người bạc địa phàm

phu, họ đều thương tiếc, khóc than, vì họ nghĩ rằng Như Lai đã chết. Người đệ tử thông minh của Phật, hiểu rõ rằng Như Lai "thường trụ", Như Lai không có chết mất, chỉ vì sự vắng bóng, không hiện diện của Như Lai !

* Bắt trói, mở thả, thậm chí giết người bằng kiếm, cắt đứt bằng cưa mà nhà ảo thuật không có chút đau lòng, không có khởi niệm oán thù, thương ghét. Người xem ảo thuật cũng chẳng sợ hãi động tâm, vì kẻ ảo thuật, người xem ảo thuật đều biết đó là "ảo thuật"! Như Lai đối với chúng sanh có lúc Như Lai gọi là "thương xót", có lúc Như Lai gọi là "giáo hóa", có lúc Như Lai gọi là "tế độ", chỉ là làm cái việc "bắt trói", "mở thả", "chặt đầu", "cưa cắt" của nhà "ảo thuật" tài ba ấy !

Là đệ tử thông minh của Phật, phải hiểu cho rõ rằng:

NHƯ LAI KHÔNG HỀ THƯƠNG AI !

MẶT TRỜI và ÁNH SÁNG MẶT TRỜI cho tất cả nhân loại mà KHÔNG HỀ CHO AI HẾT !

* Hành pháp là pháp hữu vi bị chi phối bởi vô thường...cho nên khổ và bất tịnh.

Niết bàn là vô vi, tánh thanh tịnh bản nhiên đó, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm, bất xuất, bất nhập, bất đoạn, bất thường, bất lai, bất khứ. Niết bàn có đủ tánh chất: THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH, nếu không gọi đó là: AN VUI ĐỆ NHẤT thì phải gọi đó bằng gì ? Cho nên Phật dạy người đạt đến Niết bàn là có được cái AN VUI ĐỆ NHẤT. Người có được Niết bàn là người xa lìa phóng dật, vượt ra mọi phóng dật của thân, khẩu, ý. Người có được Niết bàn là người không còn bị KIẾN HOẶC, TƯ HOẶC, TRẦN SA HOẶC, VÔ MINH HOẶC, tác động, chi phối, hoành hành.

Do nghĩa đó, Phật dạy: Người có được Niết bàn là có cái an vui bậc nhất ./.

---o0o---

PHẨM THỨ MƯỜI LĂM - NGUYỆT DỤ

Đức Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Ví như có người thấy mặt trăng lặn cho rằng mặt trăng đã mất. Thật ra mặt trăng không mất mà nó đang hiện ra ở một

phương khác. Chúng sanh ở địa phương kia thì lại nói là mặt trăng mọc. Sự thật mặt trăng không có lặn mọc, chỉ vì bị khuất chướng không thấy mà người phương này, xử nọ cho là mặt trăng có lặn có mọc đó thôi.

Như Lai Chánh Biến Tri xuất hiện cõi Đại Thiên thế giới sanh ra tại châu Diêm Phù Đề có cha mẹ. Chúng sanh đều cho rằng Như Lai giáng sanh cõi Diêm Phù Đề. Như Lai thị hiện nhập Niết Bàn chúng sanh cho rằng Như Lai nhập diệt, với ý tưởng Như Lai đã chết đi ! Nhưng đúng lẽ thật NHƯ LAI TÁNH không có sanh không có diệt. Vì giáo hóa chúng sanh, thị hiện có sanh có diệt đấy thôi.

Này Thiện nam tử ! Một mặt trăng không có khuyết có tròn. Chỉ vì sự vận hành biến dịch ẩn hiện của vũ trụ thiên nhiên mà người Diêm Phù Đề thấy: Đầu tháng trăng khuyết, giữa tháng trăng tròn, ngày cuối tháng không trăng.

Ở cõi Diêm Phù Đề, Như Lai hoặc hiện giáng sanh, đi bảy bước, hiện vào học đường, hiện kết nhân duyên, hiện xuất gia tầm đạo, hiện khổ hạnh tu hành, hiện thành chánh giác, hiện chuyển pháp luân, hiện nhập Niết bàn.

Này Thiện nam tử ! Chỉ có một mặt trăng duy nhất. Không có trăng mỏng một, trăng mỏng sáu, mỏng tám hay trăng rằm; cũng không có trăng hai mươi mốt, hai mươi tám hay ba mươi, không trăng. Vậy mà chúng sanh nhìn trăng bằng đôi mắt "chất phác" vốn có của mình, họ thấy trăng nhỏ to khuyết tròn, tròn khuyết theo thứ tự ngày tháng mà nhận thức ước định tuổi của trăng.

Này Thiện nam tử ! Như Lai là thường trụ, không có thêm bớt, như mặt trăng vành vạnh không "non", "già". Quá trình sanh trưởng hóa đạo chúng sanh, từ vương cung đến Niết bàn ở rừng Ta La song thọ, chỉ là sự thị hiện, lợi ích chúng sanh.

Như Lai Tánh vượt ngoài sanh diệt, người phàm phu tưởng Như Lai có diệt có sanh. Như những người chất phác tính tuổi của trăng qua cái thấy trăng khuyết, trăng tròn và trăng lặn mất.

Này Thiện nam tử ! Ở vào điểm nguyệt thực che khuất mặt trăng, người đời cho rằng mặt trăng bị nuốt ! Nhưng mặt trăng vẫn luôn tròn trịa không hề có sút mẻ thêm bớt chút nào, tại vì địa cầu che chướng mà trăng ẩn dạng ngay

trong thời điểm đó. Khi nguyệt thực qua rồi, người đời cho rằng trăng mọc trở lại và tưởng rằng mặt trăng đã bị nhiều khổ não hay bức ngặt. Nhưng mặt trăng vẫn không có những sự ấy. Giả sử có trăm ngàn lần nguyệt thực cũng không làm khổ não được trăng.

Như Lai thị sanh, xuất hiện ở cõi đời có những chúng sanh khởi tâm hung ác, manh tâm hãm hại, làm cho thân Phật chảy máu, bị phạm tội ngũ nghịch hoặc tội hủy báng chánh pháp, thành người nhất xiển đề. Những việc như vậy cũng chỉ vì chúng sanh mà Như Lai thị hiện những tội nghịch ác kia. Thực lý ra, giả sử có trăm ngàn vô lượng ma chướng cũng không thể làm cho thân Như Lai chảy máu được. Vì thân Như Lai không phải thân: Huyết nhục, cốt, tủy,...can, đảm, tràng, vị...mà thân Như Lai chính là Pháp thân thường trụ.

Trăng không vì sự che chướng của nguyệt thực mà bị bức ngặt khổ đau ! Như Lai há vì ác tâm, độc địa của ai đó, mà thân phải chảy máu, tâm nhận lấy ưu bi khổ não hay sao ?

TRĂNG VĨNH VIỄN TRÒN ĐẦY !

NHƯ LAI TÁNH BA ĐỜI THƯỜNG TRỤ !

Này Thiện nam tử ! Nhân loại trên địa cầu hoặc sáu tháng một lần mặt trăng bị nuốt, mà chư thiên trong khoảng một ức tám vạn năm mới có một lần thấy mặt trăng bị nuốt, vì sự vô thường chi phối nhân loại nhanh, sự chi phối đối với chư thiên chậm.

Này Thiện nam tử ! Trời và người đều cho rằng thọ mạng Như Lai ngắn ngủi. Ví như nhân loại, chỉ trong khoảng mười năm thấy mặt trăng bị nuốt nhiều lần. Trong khoảng nghìn năm với kiếp nhân loại, Như Lai thị hiện bao lần sanh, bao lần nhập Niết bàn, diệt tận các thiên ma, phiền não ma, ngũ ấm ma trong đó có tử ma, thứ ma mà tất cả chúng sanh đều quá sợ. Vì vậy, vạn ức loài ma đều biết Như Lai thường trụ và Niết bàn thường trụ. Như Lai thị hiện vô lượng vô biên những duyên sự bất tư nghì trên cõi đời này. Là người trí, đệ tử của Phật luôn luôn hiểu: NHƯ LAI THƯỜNG TRỤ, không biến hoại.

Này Thiện nam tử ! Như mặt trăng tròn sáng, chúng sanh ưa thấy, nên gọi mặt trăng là lạc kiến. Chúng sanh nếu có tham sân si thì không được gọi lạc kiến. Như Lai tánh thuần thiện, thanh tịnh không cấu nhiễm, đáng gọi là lạc kiến. Những chúng sanh ưa thích chánh pháp, nhìn Như Lai không nhầm, những người tâm ác, chẳng ưa nhìn ngó, vì thế Như Lai ví như mặt trăng tròn sáng.

Này Thiện nam tử ! Mặt trời mọc có ba thời kỳ khác nhau: Mùa xuân, mùa Hạ và mùa Đông. Ngày mùa Đông thì ngắn, ngày mùa Xuân thì vừa, ngày mùa Hạ thì rất dài. Như Lai ở cõi Đại thiên thế giới này, đối với nhận thức của phàm phu và Nhị thừa Như Lai thị hiện tuổi thọ ngắn. Vì vậy hàng người phàm phu và Nhị thừa đều cho rằng Như Lai thọ mạng ngắn, ví như ngày mùa Đông. Đối với hàng Bồ tát, Như Lai thị hiện tuổi thọ bậc trung, một kiếp hoặc hơn một kiếp, ví như ngày mùa Xuân. Chỉ có Phật với Phật mới thấy thọ mạng của Như Lai vô lượng A tăng kỳ...Như ngày mùa Hạ, rất dài.

Này Thiện nam tử ! Giáo pháp Phương đẳng Đại thừa vi mật của Như Lai nói, đó là Như Lai thị hiện nhằm mục đích rưới mưa đại pháp nơi thế gian. Đòi vị lai nếu có người thọ trì, giảng nói, khai thị kinh điển này, làm lợi ích cho chúng sanh. Nên biết, người này đích thực là Bồ tát hiện trên cõi đời. Như ngày thanh Hạ rưới mưa cam lồ. Còn như hàng Thanh văn, Duyên giác nghe giáo pháp vi mật của Như Lai đây chẳng khác nào gặp ngày mùa Đông tuyết giá mờ trời, rơi quá ư lạnh lẽo ! Hàng Đại Bồ tát, tiếp thu giáo pháp vi mật: NHƯ LAI TÁNH THƯỜNG TRỤ KHÔNG BIẾN HOẠI, như ngày mùa Xuân, tất cả thảo mộc nảy lộc, đâm chồi, trổ hoa, kết trái.

Đúng chân lý, Như Lai Tánh không có ngắn dài. Vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy. Đó mới đích thực, mới chính là PHÁP TÁNH CHƠN THỰC của chư Phật mà Như Lai muốn chỉ dạy cho chúng sanh !

Này Thiện nam tử ! Ban ngày, các ngôi sao không hiện ra, mọi người cho rằng các ngôi sao lặn mất. Sự thật các ngôi sao kia không hề lặn mất. Chỉ vì ánh sáng mặt trời quá sáng, làm cho các ngôi sao in tuồng như không có sự hiện hữu của sao ! Hàng Thanh văn, Duyên giác không thấy được sự hiện

diện của Như Lai, như người thế gian ban ngày không thấy được sự hiện hữu của vô số ngôi sao trên nền trời xanh mây trắng ấy !

Này Thiện nam tử ! Cuối tháng, đêm ba mươi, tối đen ấy mặt trời mặt trăng chẳng hiện ra, kẻ thiên trí cho rằng mặt trời mặt trăng lặn mất. Nhưng thật ra, mặt trăng có lặn mất gì đâu ? Lúc chánh pháp của Như Lai diệt hết, mọi người cho rằng Tam bảo chẳng còn, nhưng thật ra Tam bảo lúc đó không phải là dứt mất hẳn. Mặt trời mặt trăng lúc "lặn mất" không hiện. Người trí rõ biết, không vì sự ẩn khuất không hiện hữu mà nói rằng mặt trời mặt trăng kia mất hẳn. Do nghĩa đó, nên biết: NHƯ LAI THƯỜNG TRỤ KHÔNG BIẾN HOẠI. Vì tánh chơn thực của Tam bảo không bị những trần cấu hữu vi làm ô nhiễm được.

Này Thiện nam tử ! Ví như đêm không trăng, sao chổi hiện ra, chiếu sáng giây lát rồi lặn mất. Chúng sanh ngó thấy cho đó là điềm chẳng lành. Trong thời kỳ không Phật, hàng Bích chi Phật hiện ra nơi đời, chúng sanh cho là Như Lai diệt độ hẳn, sanh lòng buồn khổ; nhưng Như Lai thật chẳng diệt mất, như mặt trời mặt trăng kia không thật sự diệt mất.

Này Thiện nam tử ! Như mặt trời mọc lên sương mù đều tan. Kinh Đại Bát Niết Bàn vi diệu này cũng vậy. Lúc kinh này xuất hiện ra đời, nếu chúng sanh nào một lần được nghe đều có thể dứt trừ tất cả tội ác, tất cả nghiệp báo vô gián. Kinh Đại Bát Niết Bàn truyền đạt cảnh giới sâu xa mâu nhiệm khó nghĩ bàn, khéo nói lên được TÁNH NHƯ LAI VI MẬT.

Do nghĩa đó, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân đối với Như Lai phải để lòng tin nhận: NHƯ LAI THƯỜNG TRỤ. CHÁNH PHÁP THƯỜNG TRỤ. TĂNG BẢO THƯỜNG TRỤ không hoại diệt. Phải dùng nhiều phương tiện, siêng năng tu học kinh điển này. Người như vậy, sẽ chẳng bao lâu được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do vậy, kinh này có tên ĐẠI NIẾT BÀN.

TRỰC CHỈ

Nguyệt dụ là mượn trăng để làm dụ. Mượn sự tồn tại hiện hữu không có lặn mọc, không có sanh diệt như cái thấy biết của người ở địa cầu . Nguyệt dụ là chủ đề phẩm thứ mười lăm của bộ kinh Đại Bát Niết Bàn . Ngoài ra, đức Phật còn mượn hết cả mặt trời, nhật thực, nguyệt thực và tất cả vì sao trong

các dải ngân hà để dụ cho sự hiện hữu, tồn tại của Như Lai pháp thân, của Phật tánh, của Pháp tánh và Tăng tánh.

Phẩm Nguyệt dụ, Như Lai đĩnh ninh tha thiết, dậy bảo kỹ lưỡng cho những người đệ tử mình, hãy nhìn Như Lai bằng TUỆ NHÃN, nhìn Như Lai qua PHÁP THÂN mới thấy Như Lai đích thực. Nhìn Như Lai qua nhục nhãn, hạng người này biết Như Lai, thấy Như Lai như những người thường tình chất phác hiểu trắng qua sự lặn mọc, đánh giá trắng qua nhận thức chủ quan ấu trĩ của mình: trắng non, trắng già, trắng khuyết, trắng tròn, tròn rồi khuyết, thậm chí còn nói không trắng trong ngày cuối tháng !

Rõ là chất phác thật !

Sự thật:

Trăng không có mọc, lặn.

Trăng không có khuyết tròn, tròn khuyết.

Trăng không có lúc mới sanh, vừa diệt.

Trăng không có non, già.

"Trăng bao nhiêu tuổi trăng già ?

"Núi bao nhiêu tuổi vẫn là núi non... ?

Ý niệm "già", "non" ấy, dành để cho những tâm hồn mơ mộng "vịnh nguyệt ngâm phong".

Sự thật thì không phải vậy !

Những phút giây Nguyệt thực, người ta tưởng mặt trăng bị nuốt, như lươn bị rắn trung cườm nuốt vào thánng trời mới đổ mưa. Lươn và rắn trung cườm vô cùng khổ não, cùng cực đau đớn rồi cả hai cùng chết. Với ý tưởng chất phát đó, người trần gian khởi ý niệm thương trăng, lo cho trăng !

Trăng xin cảm ơn những tâm lòng lo lắng cho trăng ? Nhưng sự thật, trăng không hề bị "nuốt" !

TRĂNG VĨNH VIỄN CỬU TRÒN

NHU' LAI TÁNH LÀ TRĂNG TRÒN VĨNH CỬU ẤY!

Hai mươi bốn tiếng đồng hồ, một lần sáng, một lần tối gọi đó là ngày đêm. Sở dĩ phải trải qua hai mươi bốn giờ mới có một lần tối một lần sáng, tại vì sự vận hành quay chuyển "tốc độ vô thường" của quả địa cầu một chu kỳ hai mươi bốn giờ qui ước.

Nếu sự vô thường chi phối với tốc độ vận hành nhanh thì một giờ bốn phút có bốn lần sáng tối đối với phi hành gia ở trong phi thuyền "xôyou", "Atlantic" đang bay quanh ngoài quỹ đạo địa cầu.

Vì từ bi nguyện, giáo hóa con người Như Lai thị hiện thân con người như vô lượng vô số con người trong vũ trụ. Cho nên thọ mạng của con người như thế nào Như Lai "giống" như thế ấy, vì cùng "tốc độ vô thường" quay chuyển ngang nhau.

Chúng sanh Tướng và Như Lai Tướng, cùng chung một "tốc độ vô thường".

NHU' LAI TÁNH của Phật và NHU' LAI TÁNH của chúng sanh, không chịu sự chi phối của "tốc độ vô thường" nào hết. Ví như sự vĩnh cửu không hề có lặn mọc của trăng sao !

Do nghĩa đó: NHU' LAI THƯỜNG TRỤ.

Qua cái nhìn nhục nhãn của người ở một địa phương nhất định, người ta thấy mặt trời mọc có ba thời điểm khác nhau: Mùa Xuân, mùa Hạ và mùa Đông. Ngày mùa Đông ngắn, ngày mùa Xuân vừa, ngày mùa Hạ thì rất dài.

Sự thật, ánh sáng mặt trời "mọc lên" không có lúc ngắn dài. Thấy có ngắn dài là bởi tại nơi ĐỊA PHƯƠNG mà mình đang ở.

Do nghĩa đó: NHU' LAI TÁNH KHÔNG CÓ THỌ MẠNG.

Thọ mạng của trăng sao không thể dựa trên cái thấy lặn mọc của đêm ngày mà bàn luận !

Đêm ba mươi cuối tháng, những kẻ chất phác buồn than: trăng...chết mất !
Nhưng trăng đêm ba mươi nào có lặn có chết gì đâu !

Tam bảo có lúc "không hiện hữu" ở thế gian cũng không vì vậy mà Tam bảo hoại diệt.

Thế cho nên, người đệ tử Phật rõ biết: TAM BẢO THƯỜNG TRỤ không biến hoại, như tánh ổn định, tồn tại, hiện hữu không có lặn mọc của trăng sao ./

---o0o---

PHẨM THỨ MƯỜI SÁU - BỒ TÁT

Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Nay Thiện nam tử ! Ánh sáng mặt trời mặt trăng sáng hơn hết trong các ánh sáng. Ánh sáng kinh Đại Bát Niết Bàn ưu việt đối với ánh sáng của các kệ kinh. Ánh sáng kinh Đại Bát Niết Bàn chiếu vào tâm khảm của chúng sanh, thì dầu chúng sanh đó chưa phát tâm Bồ đề, nhưng kinh Đại Bát Niết Bàn này có thể làm nhân duyên cho tâm Bồ đề.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Ánh sáng kinh Đại Bát Niết Bàn chiếu vào tâm khảm của những người phạm tội tứ trọng, ngũ nghịch và chiếu vào người tu tập các pháp lành, trì giới thanh tịnh. Hai trường hợp này, đối với nhân Bồ đề có gì sai khác ?

Phật dạy: Thiện nam tử ! Chỉ trừ hạng nhất xiển đề, còn những chúng sanh khác được nghe kinh Đại Bát Niết Bàn đều có thể làm nhân cho Bồ đề, không có gì sai khác. Ví như một căn nhà tôi có đèn, một căn nhà tôi không đèn, khi ánh mặt trời mọc chiếu sáng bình đẳng khắp nơi, bấy giờ ánh sáng của hai căn nhà như nhau không có hơn kém. Do nghĩa đó, ánh sáng của kinh Đại Niết Bàn làm nhân Bồ đề bình đẳng cho tất cả chúng sanh. Bởi lẽ người đã trồng sâu gốc rễ lành, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật mới được nghe kinh Đại Niết Bàn. Người căn lành kém ít, phước mỏng không thể nghe được kinh Đại Niết Bàn. Vì đây là một việc lớn, một nhân duyên trọng đại. Tại sao ? Tại vì đây chính là kho tàng bí mật rất sâu của chư Như Lai. Vì Đại Niết Bàn tức là Phật tánh vậy.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Những gì làm nhân Bồ đề cho người chưa phát tâm Bồ đề ?

Phật dạy: Thiện nam tử ! Nếu có người nghe kinh Đại Niết Bàn mà chưa phát khởi lòng tin, bỗng bị phải một biến cố cực kỳ sợ hãi, hoặc sự kiện khổ

đau cùng cực, thậm chí trong cảnh chiêm bao. Trong cơn nguy biến hãi hùng, một niệm khởi tâm hướng về Tam bảo, nhớ những điều trong kinh dạy: Phật thường trụ, Pháp thường trụ, Tăng thường trụ khởi niệm quy y. Nên biết, người này Bồ đề tâm đã nảy mộng, nứt mầm, theo thời gian mà thành tựu nhân Bồ đề, và tương lai người này thẳng tiến trên đường Bồ tát đạo.

Do nghĩa trên, biết rằng oai thần của kinh Đại Niết Bàn, làm nhân Bồ đề cho người chưa phát tâm Bồ đề.

Này Thiện nam tử ! Như bầu hư không bỗng nhiên vẫn đục, cuộn cuộn mây đen kéo đến tuôn mưa, nơi ruộng thấp đồng bằng, hoa màu, ruộng lúa đơm nhuần tươi tốt, ao hồ đầy nước, chúng sanh ở những nơi đó đều được lợi ích. Những nơi đất mô, đồi trọc, đỉnh núi gò cao, dù có mưa to nước cũng không đọng lại. Kinh Đại thừa Đại Niết Bàn vì diệu này có thể trưởng dưỡng nhuần khắp chúng sanh, làm nảy nở tâm Bồ đề. Chỉ có hàng Nhất xiển đề không nảy nở tâm Bồ đề, không được phần nào lợi ích. Như hạt giống đã cháy, dù có gặp mưa, cũng không sao nứt mộng sanh cây. Như núi cao, đồi nong không giữ nước, không thấm nhuần cho ruộng lúa vườn cây được.

Này Thiện nam tử ! Ví như cây bạch đàn, cây trâm bầu, cây lòng mứt, dầu chặt nhánh, đốn cây, nhưng rồi đâm chồi mọc lên như cũ, không như cây cau, cây dừa đốn rồi, không thể mọc lại. Những chúng sanh được nghe kinh Đại Niết Bàn này dù phạm bốn tội trọng, năm tội vô gián, vẫn có thể sanh nhân Bồ đề. Hàng nhất xiển đề thì không như vậy. Dù được nghe kinh Niết Bàn vì diệu cũng không sanh nhân Bồ đề. Ví như muống múc chè, dù trải qua nhiều năm tháng, chè cũng không làm cho muống có vị ngọt.

Này Thiện nam tử ! Ví như Lương y biết rành tám khoa trị bệnh, có thể trị lành tất cả các bệnh, nhưng không thể chữa trị cho người quyết định chết. Chư Phật, Bồ tát có thể cứu độ tất cả chúng sanh có tội lỗi, nhưng không thể cứu độ cho hạng nhất xiển đề !

Này Thiện nam tử ! Ví như có người ở trong biển lớn, ngồi thuyền muốn đi qua, nếu xuôi gió thuận buồm thì trong khoảnh khắc có thể qua được trăm nghìn dặm. Nếu chẳng có gió thuận buồm xuôi, dầu ngồi thuyền trải nhiều năm tháng cũng chẳng rời khỏi chỗ cũ, lại còn có lúc thuyền hư, lái gãy,

chìm đắm mà chết. Chúng sanh ở nơi biển lớn sanh tử ngu si, ngồi trên thuyền "công đức", nếu gặp gió mạnh Đại Niết Bàn thì có thể đến bờ giải thoát giác ngộ nhanh chóng. Bằng chẳng gặp kinh này sẽ phải luân chuyển mãi trong sanh tử ưu bi, hoặc có lúc phá hư thuyền "công đức", phải đọa tam đồ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Thiện nam tử ! Theo chỗ biết của ông: Con rắn khi lột xác, nó có chết chăng ?

_ Bạch Thế Tôn ! Rắn không chết.

_ Nay Thiện nam tử ! Như Lai phương tiện thị hiện dứt bỏ cái thân hòa hợp bất an này, ai có thể nói: Rằng Như Lai vô thường diệt tận ?

_ Bạch Thế Tôn ! Đúng vậy.

_ Như Lai ở cõi Diêm Phù Đề thị hiện bỏ thân như rắn kia lột bỏ lớp da già suy thoái cũ. Người có trí nên hiểu Như Lai thường trụ như rắn kia lột da mà không có chết !

Nay Thiện nam tử ! Ví như người thợ kim hoàn, sử dụng vàng ròng, làm các món đồ trang sức tùy theo ý mình. Như Lai ở trong hai mươi lăm cõi, vì hóa độ chúng sanh khỏi dòng sanh tử, thị hiện các thứ sắc thân tùy ý tự tại. Vì vậy, Như Lai có đức hiệu VÔ BIÊN THÂN. Dù thị hiện các thứ sắc thân, nhưng Như Lai vẫn là thường trụ không biến đổi.

Nay Thiện nam tử ! Như cây am la, một năm ba lần biến đổi. Có lúc trở bông rụng rở, có lúc thay lá xanh tươi, có lúc điêu tàn như khô chết. Nhưng thực ra cây am la không chết. Như Lai ở trong ba cõi hiện ba thứ sắc thân, tương tự như vậy. Có lúc mới giáng sanh, có thời khôn lớn, đến lúc lại hiện nhập Niết bàn. Dù thấy vậy, nhưng thân Như Lai không có bị vô thường chi phối.

Ca Diếp Bồ tát tán thán: Lành thay ! Lành thay ! Đúng như lời Phật dạy: Như Lai thường trụ không biến đổi.

Nay Thiện nam tử ! Như Lai có mật ngữ rất sâu khó hiểu, như TIÊN ĐÀ BÀ là mật ngữ của nhà vua. Mật ngữ TIÊN ĐÀ BÀ chỉ bốn thứ: Muối,

nước, chén và ngựa. Là quan hầu có trí, đặc lực của vua, phải hiểu rành mật ngữ ấy trong lúc vua cần:

Lúc vua muốn rửa tay, gọi "tiên đà bà": dâng nước.

Lúc vua ăn, gọi "tiên đà bà": dâng muối.

Lúc vua ăn xong, muốn uống nước, gọi "tiên đà bà": dâng chén.

Lúc vua muốn du hành, gọi "tiên đà bà" liền đem ngựa dâng vua.

Quan hầu có trí phải rành hiểu ý vua trong mỗi lúc. Hệ kinh điển Đại thừa cũng có bốn nghĩa "vô thường" như mật ngữ của nhà vua kia vậy.

Khi nói Như Lai sắp nhập Niết bàn. Người trí nên biết đây là Như Lai vì người chấp THƯỜNG mà nói, nhằm dạy cho các Tỳ kheo tu pháp quán VÔ THƯỜNG.

Khi nói chánh pháp rồi sẽ diệt mất. Người trí nên biết đây là Như Lai vì người chấp LẠC mà nói như vậy, nhằm dạy các đệ tử tu pháp quán KHỔ.

Có khi Như Lai nói: Nay Như Lai có bệnh và Như Lai đang khổ tâm, vì tăng chúng bất hòa. Người trí nên biết, đây là Như Lai vì người chấp NGÃ mà nói như vậy, nhằm dạy các đệ tử tại gia, xuất gia nên tu tập pháp quán VÔ NGÃ.

Khi Như Lai dạy: Là đệ tử Phật, hãy nên tu tập pháp "quán KHÔNG". Người trí nên biết đây là Như Lai muốn dạy: GIẢI THOÁT ĐÍCH THỰC là vượt ra ngoài hai mươi lăm cõi. Do nghĩa này, cho nên KHÔNG còn gọi là "bất động". Vì tướng giải thoát không có KHỔ, không có VÔ THƯỜNG, VÔ NGÃ....

KHÔNG ở đây chính là không sắc, không thanh, không hương, không vị, không xúc. Vì vậy, giải thoát tức KHÔNG. KHÔNG tức giải thoát.

Cho nên GIẢI THOÁT còn gọi là THƯỜNG TRỤ, THANH LƯƠNG, BÁT BIẾN.

Đức Phật cũng dạy rằng: Tất cả chúng sanh đều có NHƯ LAI TÁNH, người trí nên biết đây là Như Lai dạy PHÁP THƯỜNG, muốn cho các Tỳ kheo tu

tập pháp THUỜNG. Các Tỳ kheo tùy thuận tu tập như vậy, nên biết người này thật là đệ tử của Phật, biết rành tạng Như Lai vi mật, như quan hầu có trí biết rành ý muốn của nhà vua.

Này Thiện nam tử ! Nhà vua kia có mật ngữ như vậy, huống là Như Lai mà lại không có ! Vì vậy, cho nên giáo pháp vi mật của Như Lai khó mà biết được. Chỉ có người trí mới hiểu được rằng Phật pháp rất sâu xa vi diệu, chẳng phải hạng bậc địa phàm phu trong đời mà có thể hiểu được dễ dàng !

Này Thiện nam tử ! Ví như cây Ba la xa, cây Ca ni ca, cây A thúc ca, gặp lúc nắng hạn thì không sanh hoa trái, hẳn đến các sinh vật dưới nước, trên đất thấy đều khô héo và chết, vô phương cứu.

Với kinh Đại Niết Bàn cũng vậy. Sau khi Như Lai diệt độ, có những chúng sanh phước mỏng đức kém, không nhận biết được giá trị thậm thâm vi mật của kinh này. Họ không có lòng tôn trọng trân quý. Vì vậy, phước đức suy mòn như cây cỏ và sinh vật ở vào thời điểm đại hạn, không còn khả năng sinh trưởng.

Lúc chánh pháp sắp diệt, bấy giờ có ác hạnh Tỳ kheo chẳng biết kho tàng bí mật Như Lai, chềnh mảng, biếng nhác, chẳng đọc tụng thọ trì tuyên dương kinh Đại Niết Bàn, thật chẳng khác kẻ cướp ngu si, vất bỏ châu báu vàng ròng mà mang gánh lấy nồi nhôm, chảo sắt, lò đất, quả là bọn người đáng thương xót và buồn cười.

Chỉ có các Bồ tát, đối với kinh này, không chấp văn tự, tùy thuận nghĩa chân thật, vì chúng sanh mà giảng nói với tinh thần vô úy ở giữa cõi đời...

Này Thiện nam tử ! Như đứa gái chăn bò bán sữa, vì muốn nhiều lợi nên thêm hai phần ba nước vào sữa, rồi bán cho đứa gái chăn bò khác. Đứa gái chăn bò kia lại thêm hai phần ba nước, rồi bán lại cho đứa gái ở ngoại thành. Đứa gái ở ngoại thành này, thêm hai phần ba nước nữa, rồi lại bán cho đứa gái ở trong thành. Đứa gái này lại thêm hai phần ba nước rồi đem ra chợ bán. Bấy giờ có người cần sữa tốt để đãi khách đến chợ để mua. Đứa gái bán sữa đòi giá đắt. Người mua nói sữa này pha nhiều nước quá lẽ ra không đến giá đó. Nhưng nay nhằm lúc tôi phải đãi tân khách nên phải đành mua. Mua xong, đem về nhà nấu cháo, không có chút mùi sữa nào ! Dù không có chút

mùi sữa nhưng cũng ngàn lần hơn vị chát, vị đắng hoặc hôi. Vì vị sữa hơn hết trong các vị.

Này Thiện nam tử ! Sau Như Lai nhập Niết bàn chánh pháp chưa dứt, kinh này sẽ lưu hành rộng rãi ở cõi Diêm Phù Đề. Lúc bấy giờ có các ác Tỳ kheo sao lược kinh này, thêm bớt làm mất mùi vị của chánh pháp. Những người này dù đọc tụng kinh, nhưng lại che dấu chất vị Đại thừa, lọc bỏ yếu nghĩa thâm mật của Như Lai, đem lời thế gian vô nghĩa, thêm dệt thêm thắt vào nhằm phục vụ ý đồ lợi dưỡng. Nên biết, các Tỳ kheo ác, họ là bè đảng của ma. Họ thọ dụng tám vật bất tịnh, cung phụng đời sống ô trọc khổ đau, còn tuyên bố phình phờ rộng rãi với người đời: Rằng Như Lai cho chúng tôi nhận chứa...Như đưa gáo chần bò pha nhiều nước vào trong sữa. Cũng như vậy, các ác Tỳ kheo đem lời thế tục xen tạp vào kinh này, làm cho chúng sanh chẳng được nghe kinh điển chơn chánh, lời nói chơn chánh, chánh pháp vi diệu của Như Lai để tôn trọng, tán thán, cung kính cúng dường. Ác Tỳ kheo này, vì lợi dưỡng mà không lưu truyền rộng rãi kinh này. Dù có lưu truyền cũng chỉ được chút ít phần chánh pháp, như các đũa gáo nọ xoay vần bán sữa. Để rồi nấu cháo sữa mà không có mùi vị sữa, của khổ chủ đáng thương kia.

Kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này có thể sẽ cũng như vậy, lần lượt giáo nghĩa sâu xa cũng sẽ mờ nhạt lạt lẽo không còn khí vị. Dù không khí vị vẫn hơn những kinh điển khác cả vạn lần, như cháo không mùi sữa vẫn hơn ngàn lần vị chát, đắng... Vì kinh Đại thừa Đại Niết Bàn là đứng đầu đối với kinh điển Như Lai dạy cho hàng Thanh văn trong chín bộ kinh. Như vị của sữa bò hơn hết trong các vị. Vì nghĩa đó, kinh này tên gọi: ĐẠI THỪA ĐẠI NIẾT BÀN.

Này Thiện nam tử ! Người tiếp nhận vui vẻ tư tưởng kinh Đại thừa Đại Niết Bàn là người tượng phu có ý chí tượng phu. Vì kinh này có tướng tượng phu, tức là chỉ rõ về Phật tánh của mọi người. Người không nhận biết được Phật tánh của mình, Như Lai nói đây là người không có nam tánh, không có tướng tượng phu. Trái lại, nếu người nữ biết rõ mình có Phật tánh. Chính mình đủ tư cách tu hành thành Phật. Nên biết người đó dù là người nữ mà Như Lai nói người đó là tượng phu, nam tử !

Kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này chứa nhóm vô lượng vô biên công đức lành, chẳng thể nghĩ bàn, vì kinh này nói rõ tạng bí mật của Như Lai. Thế nên, người đệ tử Phật chơn chánh hãy nên siêng năng tu tập kinh này.

Lúc bấy giờ Bồ tát Văn Thù Sư Lợi thưa: Bạch Thế Tôn ! Nay ông Thuần Đà còn có tâm nghi mà chưa dám hỏi Phật. Ngưỡng mong Như Lai vì ông giảng giải.

Phật dạy: Tâm nghi của Thuần Đà thế nào, hãy trình bày rõ ra, Như Lai sẽ vì các ông mà dạy rõ !

Văn Thù Sư Lợi thưa: Ông Thuần Đà nghĩ rằng: "NHƯ LAI THƯỜNG TRỤ" là do sức tri kiến thấy biết được Phật tánh. Nếu do thấy biết Phật tánh mà được THƯỜNG TRỤ thì lúc trước chưa thấy biết lẽ ra là VÔ THƯỜNG. Nếu lúc trước là VÔ THƯỜNG thì lúc sau cũng vô thường. Như những vật trong đời trước không , nay có, có rồi trở thành không. Những vật như vậy đều là vô thường. Do nghĩa đó, cho nên có thể biết: Chư Phật, Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn không sai khác gì nhau! (ý nói đều vô thường tất cả).

Đức Thế Tôn nói bài kệ rằng:

Trước có nay không

Trước không nay có

Không có nghĩa chơn thực

Ba đời đều có

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa như vậy, chư Phật, Bồ tát Duyên Giác, Thanh Văn cũng có sai khác, cũng không sai khác.

Văn Thù Sư Lợi vui mừng tán thán: Thật rất thâm sâu ! Đúng như lời Như Lai dạy. Nay con mới biết rõ chư Phật, Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn cũng có sai khác mà cũng không sai khác.

Ca Diếp Bồ tát bạch: Thế Tôn ! Cúi mong Thế Tôn dạy rõ về ý nghĩa: Có sai khác và không sai khác ấy, để chúng sanh được lợi ích, an lạc.

Phật dạy: Thiện nam tử ! Hãy lắng nghe và suy nghĩ chín chắn. Như Lai sẽ vì ông mà nói nghĩa ấy.

Này Thiện nam tử ! Ví như nhà ông trưởng giả nuôi nhiều bò sữa đủ các màu lông, sai một người chăn nuôi chăm sóc. Nhà có việc cần sữa, người chăn nuôi vắt sữa của tất cả con bò, đựng chung trong một thùng. Người này thấy sữa đồng một màu trắng, lấy làm lạ, suy nghĩ rằng: Bầy bò mỗi con đều khác màu nhau, sao sữa của chúng đều đồng màu ? Người ấy suy gẫm kỹ, và kết luận rằng: tất cả đều do nhân duyên, phước báu của chúng sanh, khiến cho sữa kia có cùng một màu, đồng một vị.

Này Thiện nam tử ! Hàng Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn đồng có một Phật tánh như sữa của bầy bò đồng có một màu. Vì ba bậc người ấy đồng diệt sạch hết phiền não như nhau. Nhưng các chúng sanh thì nghĩ rằng: Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn ắt phải có sai khác. Lại cũng có hàng phàm phu và người Thanh văn tự suy nghĩ: Rằng đã có ba thừa, sao lại không có sai khác ? Rồi trong một phút giây "hốt giác" tuệ giác phát sanh, người này tự hiểu rằng: Thừa dù có ba, nhưng tất cả ba thừa đồng một Phật tánh, như người chăn bò đã hiểu: "màu sữa đồng một, là do nhân duyên phước báu của chúng sanh !"

Này Thiện nam tử ! Ví như quặng vàng nấu lọc tiêu vong hết tạp chất, còn lại vàng ròng, thì giá trị của nó không có thứ kim loại nào bằng. Hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát đều thành tựu một mục đích đến: PHẬT TÁNH, vì đoạn trừ hết phiền não, như quặng vàng loại trừ hết tạp chất còn lại một chất duy nhất: vàng ròng. Do nghĩa đó, suy biết tất cả chúng sanh đồng một Phật tánh không có sai khác.

Ca Diếp Bồ tát bạch: Thế Tôn ! Nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vậy Phật cùng chúng sanh có gì sai khác ? Và lại, nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì có gì ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên...hàng A La Hán, nói chung, đều nhập Niết bàn bậc TIỂU ? Hàng Duyên giác thì nhập Niết bàn bậc TRUNG. Các hàng Bồ tát thì được nhập Đại Niết Bàn ? Ba hạng người như vậy, nếu đồng một Phật tánh có sao lại chẳng đồng nhập Đại Niết Bàn vô thượng như chư Phật Thế Tôn ?

Này Thiện nam tử ! Niết Bàn của chư Phật Thế Tôn, chẳng phải quả chứng của Thanh văn, Duyên giác đạt đến được. Do nghĩa đó, cho nên nhập Đại Niết Bàn gọi là THUẦN THIÊN, cũng gọi là VÔ THƯỢNG NIẾT BÀN. Tiểu và trung hai thứ Niết bàn này, lúc thế gian trống rỗng, không có Phật ra đời, người Thanh văn, Duyên giác vẫn có chứng nhập hai thứ Niết Bàn bậc Tiểu và bậc Trung ấy.

Gọi là có sai khác, vì Niết Bàn bậc Tiểu và bậc Trung, chưa đủ chất "thuần thiện", cho nên đối với nghĩa Niết bàn còn có dư thừa (Hữu dư y Niết bàn).

Không sai khác, vì tánh Thanh văn, Duyên giác hay Bồ tát, tương lai cùng đến một đích: Vô Thượng Niết Bàn, như nước các dòng: khe, lạch, sông, hồ đều chảy về biển.

Do nghĩa đó, Như Lai nói: Tánh của Tam thừa cũng sai khác, cũng không sai khác. Bởi vì tánh Thanh văn ví như sữa, Duyên giác như "ya-ua", Bồ tát như "pho mát", Phật ví như "bơ". Tên và hương vị khác nhau, nhưng tất cả cùng có tánh dinh dưỡng và từ chất sữa của một con bò. Riêng tánh của chúng sanh phàm phu thì vô minh và Phật tánh còn trong thời kỳ lẫn lộn chưa tách phân rõ ràng hai tướng. Ví như bò cái mới sanh: máu biến thành sữa, sữa sanh từ máu, máu sữa chưa có tướng trắng, đỏ phân minh.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Trong thành Câu Thi Na có gã Chiên đà la tên là Hoan Hỉ. Theo lời Phật dạy: Người này đã được thọ ký sớm thành Phật, một trong ngàn Phật ở thế giới Ta bà. Chỉ một lần phát khởi tín tâm mà thành quả lớn lao như thế ! Có sao Như Lai không thọ ký cho Tôn giả Xá Lợi Phất, Tôn giả Mục Kiền Liên mau thành Phật đạo ?

Này Thiện nam tử ! Sự thọ ký của Như Lai: Mau thành hay lâu thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không có giá trị hơn kém, cũng không có ý nghĩa hên xui. Có người phát tâm cầu thành Phật, Như Lai thọ ký cho họ sớm thành. Có hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, phát nguyện mãi mãi hộ trì chánh pháp, như ông A Nan chẳng hạn, đã phát nguyện:

"Ngũ trước ác thế tiên nhập

" Như nhất chúng sanh vị thành Phật

"Chung bắt ư thử thử nê hoàn..."

Do nghĩa đó, được thọ ký mau thành Phật không phải là một cơ may "vinh dự" hay một thành tích đáng "hãnh diện" như chúng sanh phàm phu lầm tưởng !

Này Thiện nam tử ! Ví như đại thương gia đem ngọc trân châu ra chợ bán, những đứa ngu si thấy ngọc không biết, xem rẻ và khinh cười. Thương gia truyền trao, cho biết về giá trị của ngọc. Bọn ngu nghe càng khinh cười chế diễu, bảo nhau: Đó không phải trân châu hay pha lê thì có gì gọi là quý hiếm ! Cũng tương tự như vậy, hàng Thanh văn, phàm phu nếu nghe thọ ký mau thành Phật, họ sẽ giải đãi xem thường, như bọn ngu không biết giá trị của trân châu.

Mặt khác, còn có một sự thật khó nói ra: Đời vị lai có hàng Tỳ kheo không thể siêng năng tu tập pháp lành. Vì nghèo cùng khốn khổ mà xuất gia, để mưu cầu lợi dưỡng. Thân tâm khinh tháo tà mạn, siểm cuống. Hạng người này nếu nghe Như Lai thọ ký hàng Thanh văn mau thành Phật, họ sẽ cả cười khinh mạn chê bai. Đây là hạng người phá giới ngụy tu, thường tự khoe mình chứng thánh, hơn người. Vì lẽ đó, cho nên Như lai tùy người, tùy nguyện mà thọ ký hoặc mau hoặc lâu thành Phật đó thôi.

Này Thiện nam tử ! Như Lai vì chúng sanh, làm cha mẹ cho tất cả chúng sanh, qua các chủng loại, thân hình: hai chân, bốn chân, nhiều chân, không chân. Hai cánh, bốn cánh, lông mao, lông vũ...kể cả chúng sanh thủy tộc...Như Lai dùng một âm thanh vì chúng mà thuyết pháp. Những loài chúng sanh khác nhau kia đều tự tiếp thu và nhận hiểu qua cái hiểu của chính mình...và đều tán thán: Như Lai hôm nay vì tôi mà thuyết pháp. Đó là ý nghĩa "Như Lai là cha mẹ" tất cả chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Như Lai tùy thuận mọi loài khiến cho chúng sanh an trụ trong chánh pháp. Thuận theo cái thấy biết của chúng sanh mà thị hiện các hình tướng. Nhưng không vì vậy mà Như Lai có thêm bớt, sanh diệt...đồng với pháp hữu vi !

Là đệ tử Phật, không phải hạng sanh manh, người có trí phải hiểu: NHƯ LAI THƯỜNG TRỤ.

Người mà biết được NHƯ LAI THƯỜNG TRỤ là người từ lâu đã tu tập kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn rồi. Người này dù là nhục thân, Phật nói chính người này đã sử dụng cái thấy của thiên nhãn . Thấy biết PHẬT THƯỜNG TRỤ, PHÁP THƯỜNG TRỤ, TĂNG THƯỜNG TRỤ, là cái thấy biết của Bồ tát hiện ở cõi đời.

TRỰC CHỈ

Là một Bồ tát, không thể không tu tập kinh Đại thừa Đại Niết Bàn. Nói cách khác, không biết kinh Đại Niết Bàn, không tu học theo kinh Đại Niết Bàn thì không có chủng tử Đại thừa, không có chất liệu Bồ tát, tâm hành Bồ tát không có thì không là Bồ tát được.

Bởi vì Bồ tát có nghĩa là:

Đại đạo tâm thành tựu chúng sanh.

Hữu tình giác.

Giác hữu tình.

Thế cho nên, nếu không tu học kinh Đại thừa Đại Niết Bàn thì ba đức tánh của một Bồ tát không do đâu có được.

* Kinh Đại Niết Bàn là kho tàng bí mật của Như Lai, Phật dạy những điều mà ba bốn mươi năm trước, không thể đem ra dạy phổ cập cho mọi hạng người. Những giáo lý:

Phật tánh thường trụ.

Pháp tánh thường trụ.

Tăng tánh thường trụ.

Tam bảo thường trụ là thứ giáo lý trước đây Phật chưa hề đề cập.

Pháp thân Như Lai thường trụ.

Niết bàn thường trụ.

Đó cũng là thứ giáo lý bốn mươi lăm năm trước Như Lai vẫn cất dấu kín trong kho tàng bí mật cho đến ngày nay.

Sau mấy mươi năm giáo hóa, đào tạo một số người có khả năng tiếp thu nghe hiểu, tin nhận và tu học giáo lý Đại thừa phương đẳng, Như Lai mới mở kho tàng bí mật đem nguồn giáo lý Đại thừa Đại Niết Bàn trao dạy cho những hạng người chủng tánh Đại thừa, căn cơ Đại thừa, có khả năng thăng tiến trên con đường BỒ TÁT HIỆN Ở CỠ ĐỒI.

* Nghe hiểu, tin nhận, dù công hạnh tu tập chưa sâu, người này đã gieo rầm hạt nhân Bồ đề rồi.

Thậm chí ở vào hoàn cảnh bất đắc dĩ, trong môi trường hỗn loạn khổ đau mà nhớ: Phật thường trụ, Pháp thường trụ, Tăng thường trụ, khởi một niệm "quay về", coi như hạt nhân Bồ đề của người này được gieo xuống đất. Nhân duyên thời tiết thuận lợi, hạt giống ấy sẽ nảy mống lên thành cây.

* Ngược lại, ở kinh Đại thừa Đại Niết Bàn, có thể nói từ đầu kinh đến chấm dứt lời dạy cuối cùng, đức Thế Tôn ân cần khuyên răn, nhắc nhở gần như tột ý cạn lời: Rằng NHẤT XIÊN ĐỀ là một bệnh tật, nếu mắc phải rồi thì đáng Vô thượng y vương cũng vô phương cứu chữa.

Vậy, "nhất xiển đề" là ai ?

Nhất xiển đề là người không có đức tin đối với Tam bảo. Hoặc có đức tin, nhưng đức tin phi chân lý. Không phù hợp chánh pháp.

Nhất xiển đề đối với nhân Bồ đề, ví như hạt giống bị rang không còn khả năng nảy mống lên cây. Hoặc như hạt giống gieo trên núi đá, trên đồi cao không có mưa sương mà bị hạn hán.

Vì vậy, nhân Bồ đề của hạng người nhất xiển đề không có điều kiện sanh và phát triển. Nhất xiển đề đối với nhân Bồ đề, kinh thường ví dụ quả trách: "Hạt giống bị rang, mầm mống bị thối" !. Do nghĩa đó, người đệ tử Phật là người hữu duyên, hữu phúc, là người đã từng gieo sâu hạt giống Bồ đề trong đất tốt, phân hoại, mới bình an thăng tiến trên đường giải thoát giác ngộ, chớ không phải ngẫu nhiên mà có được !

Tuy nhiên, là đệ tử chân chánh của Phật không được hiểu lầm Phật, phải học và hiểu kỹ đức Bốn sư của mình. Đức Phật không hề loại bỏ hạng nhất xiển đề ra ngoài "khả năng thành Phật". Bởi vì lời dạy của Như Lai là chân

lý. Mà chân lý thì không có ngoại lệ đối với bất cứ ai. Như Lai từng tuyên cáo trước nhân loại: Rằng TẤT CẢ CHÚNG SANH ĐỀU CÓ PHẬT TÁNH, thì nhất xiển đề cũng được hưởng quyền lợi PHẬT TÁNH của mình. Do vậy, nhất xiển đề vẫn có Phật tánh, vẫn có nhân Bồ đề, vẫn có khả năng thành Phật.

Thực lý mà nói, nhất xiển đề không có cái "tự tánh nhất xiển đề" riêng để cho một người nào. Lý do trở thành nhất xiển đề chỉ là người chưa phát khởi đức tin, hoặc phát khởi đức tin sai đối tượng, đức tin không có chân lý, trở thành mê tín huyền hoặc, chỉ có huyền thoại mà không có sự thật. Nhất xiển đề đối với quả giải thoát giác ngộ của Phật đạo, họ là người gieo lùm giống, chớ không phải không có hạt giống. Họ gieo giống không đúng chỗ, không hợp thời và khiến cho hạt giống khô cháy vì hạn, ung thối vì ngập lụt mà mất đi giống Bồ đề đầy thôi.

* Là đệ tử Phật hãy tư duy, quán chiếu thấy Như Lai qua PHÁP THÂN THƯỜNG TRỤ mới gọi là người đệ tử Phật, thấy được Phật. Thấy Như Lai qua ứng thân thị hiện, là chưa đích thực thấy Phật Như Lai.

Ứng thân thị hiện đó, kinh Đại Niết Bàn, Phật nói đó là một trong VÔ BIÊN THÂN của Như Lai. Còn đích thực Như Lai, phải là CHÂN NHƯ THÂN, bất sanh bất diệt...Đại thừa Khởi tín luận gọi đó là: "NHẤT PHÁP GIỚI ĐẠI TỔNG TƯỚNG PHÁP MÔN THỂ". Thế cho nên Như Lai không có già chết. Dù nhục thân của mọi người ai cũng thấy Như Lai có nhập Niết bàn !

* Nhà vua có mật ngữ "Tiên đà bà". Chỉ một mật ngữ thôi, thế mà có bề tôi giỏi, nhà vua vẫn toại ý vừa lòng.

Như Lai có bốn mật ngữ: VÔ THƯỜNG, VÔ NGÃ, KHỔ, KHÔNG, Như Lai cũng cần có những người đệ tử thông minh, trí tuệ, để tự mình thọ dụng cái thành quả của sự hiểu biết chân chánh, trong tiến trình tu tập và truyền bá chánh kiến cho mọi người. Người đệ tử chân chánh của Phật phải hiểu mật ngữ của Phật. Làm được việc đó Phật mới an lòng, cũng như nhà vua vừa lòng, có được quan hầu hiểu rõ mật ngữ của vua.

VÔ THƯỜNG, VÔ NGÃ, KHỔ, KHÔNG là bốn thang thuốc trị bốn chứng bệnh cháp: THƯỜNG, NGÃ, LẠC, HỮU của chúng sanh khi còn học lớp "Bán tự giáo".

Khi kiến thức của đệ tử trưởng thành, Như Lai dạy: "bốn mật ngữ" ấy nay đã lỗi thời, không nên ứng dụng nữa...phải bỏ nó đi!

Người quý tộc, người trí, uống sữa, người ta uống sữa nguyên chất, không uống những thứ sữa bị pha loãng. Bởi lẽ sữa pha loãng chất dinh dưỡng còn lại chẳng được bao nhiêu, chưa nói: còn có thể bị ngộ độc.

Kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn là hệ giáo lý "mãn tự", cô đọng tất cả nghĩa lý thâm thâm vi diệu trong kinh này, vì đây là kho tàng bí mật của Như Lai ! Kinh Đại Bát Niết Bàn là tinh hoa, cốt tủy của tất cả kệ kinh, là sữa nguyên chất đối với tất cả sữa.

Người trí uống sữa Đại Niết Bàn, các thứ sữa khác dù có đủ, nhưng để cho hạng khách...chịu uống sữa pha...của cô gái...nọ !

* Hiện tượng thì vô thường, Bản thể thì chân thường. Hiện tượng là "tướng" tùy duyên. Bản thể là thể "bất biến". Thể chân thường bất biến duyên khởi sanh ra hiện tượng tùy duyên. Hiện tượng tùy duyên, mà không bao giờ tách rời ngoài bản thể bất biến. Cho nên Như Lai dạy:

"Trước có nay không

"Trước không nay có"

Ý nghĩ đó của nhiều người nghĩ, không có chân lý. Đó chỉ là cái thấy thiên cận. Nó như cái thứ "lý lịch trích ngang". Dựa vào "lý lịch trích ngang" của ai đó để rồi nhận xét đánh giá tư cách phẩm hạnh đạo đức của con người đó, chắc chắn là không chính xác, không trung thực với cái "gen" trong người anh ta vốn có.

Theo giáo lý đạo Phật. Phật dạy: "Ba đời đều có"

Có nghĩa là sự hiện hữu tồn tại khách quan của hiện tượng vạn hữu, của vũ trụ nhân sinh là hiện hữu tồn tại: VÔ THỈ VÔ CHUNG. Dựa trên lý lịch trích ngang là hoàn toàn sai sự thật.

Do nghĩa đó, người trí phải hiểu:

PHẬT THƯỜNG TRỤ. PHÁP THƯỜNG TRỤ. TĂNG THƯỜNG TRỤ. NIẾT BÀN THƯỜNG TRỤ. Không nghe được vậy, không hiểu như vậy là hạt giống cháy, mầm thối, trở thành hạng "Nhất xiển đề".

* Vô Thượng Bồ Đề. Vô Thượng Niết Bàn: Đích đến là một. Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, ba thừa, hành trình thì có ba hạng người. Không sai khác khi "đến đích". Có sai khác trên lộ trình đi. Vì vậy, Như Lai dạy:

Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật "cũng sai khác", mà cũng "không sai khác". Nhân tu, kẻ tu trước, người tu sau, kẻ tu cao, người tu thấp. Vì vậy, sự sai khác đó là lý tất nhiên. Còn PHẬT TÁNH, tất cả mọi người đều có thì quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là thành quả chung của những ai đạt đến tột đỉnh cao GIÁC NGỘ thì đương nhiên thọ dụng như nhau. Vì vậy, Như Lai nói: "cũng không sai khác".

* Niết bàn của Thanh văn Tiểu thừa. Niết bàn của Duyên giác Trung thừa. Niết bàn của Bồ tát Đại thừa Hữu thượng. Niết bàn của Phật Thế Tôn Vô thượng. Nhìn qua nhục nhãn ai cũng thấy rõ "giai cấp" tôn ti để rồi hoặc đề bạt khen thưởng, hoặc cảnh cáo rồi "đi" theo kiểu nhà binh chịu "hệ thống quân giai" ấy. Mà trái lại, đó là biểu hiện tánh công bình, dân chủ đạt đến đỉnh cao:

"Làm theo năng lực, hưởng theo lao động"

Dựa trên khả năng tu hành giác ngộ, giải thoát của mỗi người. Niết Bàn trong Phật giáo không ai có sẵn để ban tặng cho ai !

* Việc Như Lai thọ ký, không phải một ân huệ Như lai ban tặng cho ai, mà là Như lai nói lên một sự thật. Không phải Như Lai có "thọ ký" ai đó mới được thành Phật. Như Lai không "thọ ký" thì ai đó tu hành không được thành Phật. Không phải vậy, Giáo lý của đạo Phật trước sau như một, phủ nhận cái "tánh thiên liêng bọt mép" của đấng vô hình vĩnh cửu không bao giờ hiện thực, không giúp ích được gì đối với con người và cuộc sống của con người.

Thọ ký của Như Lai, nói lên sự thật dựa trên khả năng, hành động của con người và Như Lai "tùy thuận" thiện nguyện của con người ấy mà nói lên sự thật ấy.

* Người tiếp nhận và thâm nhập nguồn giáo lý "nhật một hoàn chiếu" của kinh Đại thừa Đại Niết Bàn rồi, vấn đề thành Phật sớm, thành Phật muộn không còn được đặt ra. Bởi vì, tự biết rõ:

"...Nhật hành lãnh thượng mạc tâm sơn..."

"...Tùy sở trụ xứ thường an lạc..."

"...Phật pháp tại thế gian"

"...Bất ly thế gian giác..."

"Lô sơn vân vũ Chiết Giang triều

"Vị đáo thiên ban hận bất tiêu

"Đáo dĩ hoàn lai vô biệt sự

"Lô sơn vân vũ Chiết Giang triều" ./.

---o0o---

PHẨM THỨ MƯỜI BẢY - ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN

Bảy giờ đức Thế tôn, từ bạch hào tướng trên mặt phóng ra ánh sáng nhiều màu. Màu trắng, hồng, xám, đỏ, tím, vàng, chiếu ra chạm phải Thuần Đà. Ông Thuần Đà gặp ánh sáng liền nhớ tâm nguyện của mình là cúng dường đức Phật trước khi Phật nhập Niết bàn và đại chúng đang tề tựu chiêm ngưỡng tôn nhan Phật.

Ông Thuần Đà và quyến thuộc mang những thức ăn trai tịnh và phẩm vật thanh khiết trên đờn đến rừng Ta La Song Thọ để cúng dường đức Phật, đại chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni và quyến thuộc trong hàng ngũ xuất gia.

Lúc bảy giờ có trời Đại Oai Đức phát xuất từ lòng quyến luyến thương quý Thế Tôn, đứng án trước mặt và ngăn cản ông Thuần Đà rằng: Thuần Đà !

Ông nên hoãn lại bữa trai phạn này, không nên dâng cúng Phật và đại chúng hôm nay.

Như Lai dự biết sự cố xảy ra, bèn phóng thêm ánh sáng nhiều vô lượng vô biên, chư thiên các cõi đều tiếp nhận, trời oai đức không ngăn cản nữa, Thuần Đà và quyến thuộc đem trai nghi phẩm vật dâng cúng dường Phật cùng các chúng đệ tử hiện diện. Ngoài phẩm vật cúng dường Phật và chúng tăng trong bữa ngọ trai, họ còn trang sức: tràng phan, bảo cái, hoa hương, thượng diệu cực kỳ báu đẹp trên đời. Như Lai hứa khả, thọ dụng những phẩm vật cúng dường của Thuần Đà. Như Lai cũng cho phép các chúng Tỳ kheo đồng thọ dụng.

Các hàng Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn, các hàng chư thiên ngạc nhiên đến độ bàng hoàng, vừa "mừng" vừa "tủi", tự nghĩ trong lòng: "Có gì Như Lai riêng nhận bữa cúng dường trai phạn của ông Thuần Đà, trước giờ phút thiêng liêng quan trọng kia mà Như Lai không nhận của đại chúng trong hải hội mười phương?".

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn cho đại chúng an tâm, mãn nguyện. Từ mỗi lỗ chân lông trên thân Phật phóng ra ánh sáng, sắc màu rực rỡ chiếu khắp vô lượng cõi nước chư Phật mười phương. Trong ánh sáng báu lạ hiện ra vô lượng Phật. Mỗi đức Phật có vô lượng quyến thuộc đệ tử Tỳ kheo Tăng Ni. Chư Phật và chư Tỳ kheo đồng thọ dụng trai nghi cúng dường của đại chúng. Riêng Thích Ca Như Lai thọ phần cúng dâng của Thuần Đà.

Do sức thần Phật, lượng cơm dâng cúng của Thuần Đà, cung cấp đầy đủ cho cả hải hội chư Phật và chúng Tăng. Ông Thuần Đà vui mừng khôn diễn tả hết được nỗi lòng. Các hàng Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn, trời, người...tất cả đều hoan hỉ. Trong niềm hoan hỉ có lẫn ý lo âu: Rằng: Như Lai đã nhận sự cúng dường rồi, ngày nhập Niết Bàn của Như Lai ắt chẳng còn lâu !

Rừng cây vốn không rộng lắm ! Lúc bấy giờ do sức thần Phật, khoảng không gian chừng như mũi kim, chứa vô lượng chư Phật Thế Tôn và vô lượng Bồ tát quyến thuộc đồng ngồi thọ thực mà không bị chật chội. Vật dụng cúng dường, không có chướng ngại gì nhau.

Bấy giờ chư thiên, thế nhơn, A tu la...buồn khóc và than: Nay Như Lai đã thọ lần cúng dường cuối cùng của chúng ta, rồi đây Phật sẽ nhập Niết Bàn, chúng ta còn biết nương tựa vào ai. Chúng ta sẽ mất đáng điều ngự sư vô thượng, khác nào người không còn con mắt !

Đức Thế Tôn vì đại chúng, nhắc nhở qua bài kệ:

Đại chúng chớ buồn than

Phật pháp, pháp tùy thuận

Phật đã nhập Niết Bàn

Vĩnh cửu với thời gian

Thường trụ chánh định tụ

An lạc tùy sở trụ

Đại chúng lóng lòng nghe:

Phật đã lia ăn uống

Không đói khát mọi thời

Phật sẽ vì chúng sanh

Nói về nghĩa tùy thuận

Khiến tất cả đại chúng

An ổn dứt buồn than:

Giả sử rắn chuột, sói

Đồng ở chung một hang

Thương nhau như ruột thịt

Phật mới hẵn nhập Niết bàn!...

Như Lai xem tất cả

Thương như La Hầu La

Thường làm cha chúng sanh

Sao nhập Niết bàn hử?...
Giả sử hoa bán hạ

Thơm như hoa Ngọc lan

Trái cây Ca la ca

Chuyển thành Trần đầu ca

Nếu việc đó có thật

Như Lai hử Niết Bàn!...

Giả sử Nhất xiển đề

Chuyển thân thành Phật đạo

Thọ hưởng vui Niết Bàn

Phật mới Niết Bàn hử!...

Đệ tử Phật chân chánh

Phải ham thích chánh pháp

Chớ khởi tâm sầu khổ

Than khóc hiện ưu bi

Như phàm phu tục tử !...

Người tri hành chân chánh

Tu học: Phật thường trụ

Pháp và Tăng cũng vậy

Thường trụ như thời gian...

Tứ chúng phải khéo nghe

Nghe rồi nên vui mừng

Bồ đề tâm khai phát

Tam bảo hằng thường trụ

Vĩnh cửu ở thế gian...

Đây là lời di huấn

Tối hậu của chư Phật...

Phật dạy tiếp Bồ tát ! Nếu có Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, y theo lời dạy sau cùng của Như Lai, phát nguyện dũng mãnh nên biết người này được quả báo tốt lành ở thế gian, đồng như các bậc A La Hán. Những người không có khả năng nhận biết Tam Bảo thường trụ, là người phước mỏng như hạng chiên đà la trong cõi đời.

Lúc bấy giờ cả đại chúng, trời, người, A tu la...nghe Phật dạy vui mừng hơn hở, ý tưởng nhu hòa, dung nhan vui vẻ, oai đức trang nghiêm. Xa lìa ngũ cái, thập triền. Tâm tưởng rộng rang vượt qua phân biệt tầm thường, tôn ti cao hạ...Biết rõ: Phật, Pháp, Tăng, Tam bảo thường trụ. Đại chúng chung lòng sấm sửa: hương trời, hoa trời, tràng phan, bảo cái, kỹ nhạc trời, vô số thức ăn thượng vị cõi trời dâng lên cúng dường đức Phật và toàn thể đại chúng đông vậy, không thể dùng toán học mà tính đếm...

Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Ông đã thấy việc hi hữu này của đại chúng rồi chứ ?

Ca Diếp Bồ tát thưa: Con đã thấy, bạch Thế Tôn. Con đã thấy Như Lai đông vô lượng vô biên không thể dùng toán học mà tính đếm hết được. Và số tăng chúng trong mười phương cùng dự hải hội này cũng đông như vậy. Con thấy chư Như Lai và đại chúng đang thọ những thức ăn uống cúng dường mà ông Thuần Đà là đại thí chủ. Con lại thấy sự hi hữu lạ kỳ: Thân chư Như Lai trang nghiêm cao lớn, thế mà chỗ ngồi của mỗi vị chỉ choán một diện tích chừng đầu mũi kim. Số đại chúng, dâng phẩm vật cúng dường chư Phật và chúng Tỳ kheo cũng đông vậy không kể xiết, đang đi nhiều Phật mây vòng. Vậy mà không có chướng ngại gì nhau. Con cũng hiểu rằng, đây là do thần lực Phật mà buổi lễ cúng dường chư Phật và đại chúng trong mười phương mới được viên mãn khắp đủ thế này ! Nếu không vậy, giả sử đem tất cả vật

thực của ông Thuần Đà có, nghiền nát thành vi trần, dùng một vi trần dâng cúng một vị Phật vẫn còn không khắp đủ !

Sự kiện hy hữu này, chỉ các hàng Bồ tát như Đại Trí Văn Thù hiểu rõ. Hàng Duyên giác, Thanh văn chợt tỉnh ngộ nhận biết: NHƯ LAI là PHÁP THƯỜNG TRỤ.

Đức Thế Tôn bảo: Thuần Đà ! Ông đã thấy rõ việc hy hữu lạ lùng này rồi chứ ?

_ Bạch Thế Tôn ! Con đã thấy. Con thấy vô lượng chư Phật đều có ba mươi hai tướng đại nhơn, tám mươi vẻ đẹp, trang nghiêm nơi thân. Và chư Đại Bồ tát cung kính nhiều quanh chư Như Lai.

_ Phật bảo: Thuần Đà ! Vô lượng chư Phật mà ông đã thấy, do Như Lai hóa hiện để đem lợi ích cho tất cả chúng sanh. Hàng Đại Bồ tát đó, công hạnh tu hành thâm hậu có thể làm nên vô lượng Phật sự trọng đại. Nay Thuần Đà ! Nay ông đã thành tựu hạnh Đại Bồ tát. Ông được an trụ trong hàng Thập Địa. Ông hoàn thành công hạnh của một Bồ tát ngang với địa vị Thập địa rồi !

Ca Diếp Bồ tát hỏi: Bạch Thế Tôn ! Tất cả kệ kinh của Phật nói ra có nghĩa dư hay hoàn toàn trọn nghĩa ?

Phật dạy: Nay Thiện nam tử ! Kinh của Phật đã nói, có lúc nghĩa "còn dư". Có lúc hoàn toàn trọn nghĩa ?

Thuần Đà hỏi: Bạch Thế Tôn ! Như có lần Phật nói bài kệ:

"Tất cả sở hữu mình có

"Đem bố thí cho mọi người

"Hạnh bố thí, nên tán thán

"Với tâm lòng tùy hi hoàn thành.

_ Bạch Thế Tôn ! Ý nghĩa bài kệ đó thế nào ? Đem tài vật sở hữu cúng dường bố thí cho người trì giới và người hủy phạm giới có sai khác chi chăng ? Xin Thế Tôn dạy bảo ?

Phật dạy: Gieo hạt giống xuống chỗ đất xốp, phân hoai, nước im, nắng ấm thì hạt giống chắc chắn sẽ sanh cây, đơm hoa kết trái. Trái lại, gieo hạt giống xuống đất cháy, đá cuội, núi cao thì không hy vọng được gì ! Bồ thí cúng dường cho những người có nhiều phước đức, bồ thí cho tất cả chúng sanh đều có quả báo tốt. Duy có bồ thí cho hạng người nhất xiển đề, giống như ươm hạt giống trên đá cuội, núi cao...hy vọng gì ngày đơm bông kết quả !

_ Thuần Đà hỏi: Bạch Thế Tôn ! Xin Thế Tôn dạy rõ về NHẤT XIỂN ĐỀ ? NHẤT XIỂN ĐỀ thường hành động ra sao ? Đạo đức, tư tưởng của người NHẤT XIỂN ĐỀ, chúng con muốn biết !

_ Phật bảo Thuần Đà: Nếu Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di nói lời thô ác, chê bai chánh pháp, hành động tổn thương với mọi người mà không có lòng ăn năn, chẳng có tâm hổ thẹn; người như vậy là người xu hướng NHẤT XIỂN ĐỀ.

Người phạm bốn tội trọng, năm tội nghịch, tự biết tội ác mình mà không sợ sệt, không hổ thẹn, không có hối lỗi ăn năn. Đối với chánh pháp không có đức tin, không có tâm học hiểu tu tập, còn chê bai phi báng. Người như vậy gọi là người NHẤT XIỂN ĐỀ.

Những người tà kiến chưa hề biết thế nào là PHẬT, PHÁP, TĂNG, và còn cho rằng không PHẬT, không CHÁNH PHÁP, không TĂNG. Những người như thế, gọi là người NHẤT XIỂN ĐỀ.

_ Thuần Đà hỏi: Bạch Thế Tôn ! Phá giới là thế nào ? Người làm gì gọi là người phá giới ?

_ Phật dạy: Phạm bốn tội trọng, năm tội nghịch, không tu học chánh pháp, hủy báng chánh pháp. Người như vậy gọi là người phá giới.

_ Bạch Thế Tôn ! Người phá giới, trong Phật pháp có thể cứu vớt được không ?

_ Phật dạy: Nay Thuần Đà ! Có điều kiện, có thể cứu vớt được. Nếu người đó còn mặc pháp phục chưa bỏ, tâm luôn hổ thẹn, sợ sệt tội lỗi. Tự trách mình, lòng ăn năn, phát nguyện hộ trì chánh pháp, kiến lập chánh pháp, tùy hỷ cúng dường người hộ pháp. Phát tâm thọ trì kinh điển Đại thừa, tu học

thông thuộc, truyền bá cho mọi người. Người phạm giới mà có tâm hồi quá như vậy, Phật gọi đó là người "không phá giới". Ví như mặt trời mọc lên ắt phá trừ hết sương mù kể cả bóng đêm. Cũng vậy, kinh Đại Niết Bàn vì diệu này xuất hiện nơi đời sẽ phá trừ những tội nghiệp trong vô lượng kiếp của chúng sanh. Thế nên, kinh nói: Hộ trì chánh pháp được quả báo lớn, là điều kiện cứu vớt cho người lỡ làm phá giới.

Này Thuần Đà ! Người phá giới, hủy báng tam bảo, tà kiến, tức là người NHẤT XIÊN ĐỀ. Tuy nhiên, Thuần Đà nên biết, Nhất xiển đề, nếu gặp Thiện tri thức khuyến hóa, hướng dẫn rồi tự trách, ăn năn, sanh tâm tầm quý, quay về với Tam Bảo, hộ trì chánh pháp, tu học Đại thừa, người đó không gọi là "nhất xiển đề" nữa. Người đó cũng đáng được nhận sự cúng dường của người bố thí.

Do nghĩa đó, lời dạy của Như Lai trong kệ kinh tùy đối tượng, tùy lúc mà lời dạy của Như Lai còn có "NGHĨA DU" và cũng có nhân duyên, trường hợp Như Lai dạy đủ đầy "TRỌN NGHĨA".

_ Này Thiện nam tử ! Xưa kia có lần Như Lai nói kệ:

Tất cả sông ngòi, quyết có xoáy cong

Tất cả rừng rậm, ắt có cây cối

Tất cả người nữ, có tâm dua vạy

Tất cả tự tại, quyết hưởng an vui

Lúc đó Văn Thù Sư Lợi Bồ tát đến lễ dưới chân Phật rồi nói kệ rằng:

Chẳng phải tất cả sông, quyết định có xoáy cong

Chẳng phải tất cả rừng, quyết chắc là cây cối

Chẳng phải mọi người nữ, đều có tâm dua vạy

Tất cả hàng tự tại, không quyết được hưởng vui.

Văn Thù Sư Lợi dẫn ra những sự thật cụ thể:

Rằng con sông "Ta Ba Đa" thẳng như sợi dây giăng, chảy thẳng ra biển Tây, không có chỗ xoáy cong.

Những cánh rừng nhân tạo, các vua chúa họ có thể thiết kế bằng: san hô, mã não, lưu ly, vàng bạc...những thứ cây cối đó, không thể là cây cối của một đám rừng rậm !

Nữ giới cũng từng có người phát Bồ đề tâm, giữ trọn cấm giới, thành tựu công đức, có tâm đại bi, không hề có tâm dua vạ.

Trời Phạm Thiên, Đê Thích, tuy có tự tại, nhưng chưa vượt ra khỏi luật vô thường chi phối thì sao được gọi là an vui.

_ Này Thuần đà ! Những luận cứ chứng minh, Văn Thù Sư Lợi Bồ tát nêu ra để cầu xin Như Lai giải đáp đều là sự thật, không ai có thể chối cãi quanh co. Nhưng tất cả đệ tử của Như Lai nên biết rằng "Lời dạy của Như Lai trong các kệ kinh, có lúc Như Lai nói "TRỌN NGHĨA", có lúc Như Lai dạy còn có "NGHĨA THỪA" là vậy đó.

_ Này Thiện nam tử ! Bài kệ mà Như Lai nói ở trên, thuộc loại giáo pháp "ĐỐI TRỊ", có mật ý của Như Lai sử dụng. Bài kệ đó, có giá trị trong lúc đó, ở nội cung vua Ba Tư Nặc, Vương tử và Hậu phi, họ đang ôm lòng kiêu mạn. Đó là cách "Ứng bệnh dữ dược" của một Đại y vương. Cho nên lời dạy của Như Lai: Còn có NGHĨA DƯ. Vậy đó !

Văn Thù Sư Lợi Bồ tát dẫn lại bài kệ của Phật và cầu xin giải quyết chỗ nghi:

Nghe lời của người, tùy thuận đừng chống trái

Chẳng phê phán người khác, tu hành hay chẳng tu hành

Nên tự xét bản thân, làm lành hay chẳng lành.

_ Này Thuần đà ! Bài kệ Đại trí Văn Thù Sư Lợi nêu ra cũng thuộc loại nghĩa lý "CÒN DƯ". Kệ đó không phải vì tất cả chúng sanh, mà Như Lai nói riêng cho vua A Xà Thế. Ông vua đã hại cha rồi, còn muốn chiết phục Như Lai. Đến trước Như Lai, vua hỏi: "Thế Tôn có nhất thiết trí hay không có nhất thiết trí ? Điều Đạt trong nhiều đời kiếp đã qua, ôm lòng ác theo dõi

muốn hãm hại Phật. Nếu là nhất thiết trí, sao Như Lai thu nhận cho Điều Đạt xuất gia ?"

Phát xuất từ nhân duyên đó, Như Lai mới nói bài kệ trên, nhằm gợi ý cho nhà vua tỉnh thức !

_ Này Thuần Đà ! Là đệ tử Phật, hãy siêng năng tu học, phải thông thạo "mật ngữ" của Như Lai.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Như thế nào mới gọi nghĩa "KHÔNG DU" ? Thế nào được gọi là "NHẤT THIẾT NGHĨA" ?

_ Này Thiện nam tử ! THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH gọi là pháp NHẤT THIẾT NGHĨA cũng gọi là pháp "KHÔNG DU" (liễu nghĩa). Ngoài ra, tất cả pháp đều là pháp "CÓ DU" (bất liễu nghĩa).

Là đệ tử Phật, học chánh pháp của Như Lai, phải biết lúc nào Như Lai nói pháp CÓ DU, lúc nào Như Lai nói pháp KHÔNG DU.

Ca Diếp Bồ tát vui mừng hơn hở bạch Phật: "Thật lạ lùng ! Rất lạ lùng ! Như Lai Thế Tôn bình đẳng xem chúng sanh như La Hầu La !"

_ Đức Phật khen: Này Ca Diếp ! Chỗ kiến giải của ông như thế là tốt. Ông đã nhận thức được TỪ TÂM và DỊ Ý của Như Lai.

Lúc bấy giờ, Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Cúi xin Như Lai nói về thành quả sở đắc của người tu học kinh Đại thừa Đại Niết bàn ?

_ Này Thiện nam tử ! Nếu có người nghe danh hiệu của kinh này, chỉ nghe được tên kinh thôi, phước đức của người này nhiều vô lượng vô biên. Người phước mỏng, nghiệp chướng dày, không thể nghe được danh hiệu của kinh này. Còn người thọ trì, đọc tụng, biên chép giảng thuyết, truyền bá kinh này, phước đức của người này, hàng Duyên giác, Thanh văn không thể tuyên thuyết. Vì kinh Đại Niết Bàn này từ kho tàng bí mật của Như Lai, chỉ dạy cảnh giới bất tư nghì của Phật. Thế cho nên, duy có Phật mới biết rõ công đức vi diệu của "Hành giả" tu học kinh Đại thừa Đại Niết Bàn !

Bấy giờ các hàng chư thiên, A tu la đông đảo phàm nhân trước Phật, dị khẩu đồng âm nói bài kệ đại lược như:

"Phật, Pháp, Tăng, Tam bảo công đức khó nghĩ bàn. Chúng con kính thỉnh Phật nán ở lại. Đại Ca Diếp và A Nan chưa về kịp. Vua nước Ma Kiệt Đà, Đại Vương A Xà Thế là những vị vua kính tin Phật mà cũng chưa đến. Xin Như Lai thương xót nán lại giây lát đừng vội nhập Niết Bàn để cởi mở cho chúng con một số nghi ngờ chưa tháo gỡ được !"

Đức Như Lai vì Đại chúng nói kệ, đại lược sau đây:

"Như Lai truyền dạy: Ông Đại Ca Diếp làm trưởng tử. A Nan đa văn, nghe và thuộc kỹ những kinh điển Như Lai nói. A Nan đủ khả năng truyền đạt lại ý của Như Lai, không sợ sai lầm. Những tư tưởng thuộc Tiểu thừa, Đại thừa bán tự, mãn tự. Thường, vô thường. Lạc, khổ. Ngã, vô ngã. Tịnh, bất tịnh. Hữu, vô...Đại chúng tin A Nan, không sợ sai lầm. Vì vậy, Đại chúng không nên sanh lòng lo buồn, sầu khổ. Đừng tỏ lộ tánh tầm thường, tỏ ra là những người đê tử mà chẳng hiểu Như Lai !"

Bấy giờ đại chúng dâng các phẩm vật cúng dường Như Lai. Cúng dường trai phạn xong. Tất cả đại chúng đồng hoan hỉ phát tâm Vô thượng Bồ đề. Vô lượng, vô số hằng sa Bồ tát được trụ bậc Bồ tát Sơ địa.

Đức Thế Tôn thọ ký cho Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, Ca Diếp Bồ tát và Thuần Đà. Sau khi thọ ký, đức Phật dạy rằng:

Này các Thiện nam tử ! Mọi người hãy tự tinh tấn tu tập, thường nhiếp niệm, định tâm, tư duy chánh pháp. Quán chiếu nội thân, ngoại vật đều là pháp "duyên sanh". Quán chiếu Như Lai thường trụ. Tam Bảo thường trụ. Không nên phóng dật trong cuộc sống.

Giờ phút này, tứ chi Như Lai nhức mỏi, lưng đau. Như Lai muốn nằm như trẻ nít, như mọi người trên đời khi có bệnh. Các Bồ tát Văn Thù Sư Lợi Pháp vương tử, hãy vì bốn bộ chúng mà giảng thuyết truyền đạt chánh pháp. Nay Như Lai đem hết chánh pháp giao phó cho các ông. Khi Đại Ca Diếp và A Nan đến, các ông hãy phó chúc chánh pháp như vậy.

Dặn dò xong, nhằm điều phục chúng sanh, Như Lai hiện thân có bệnh, nằm nghiêng bên tay mặt...

TRỰC CHỈ

ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN = những vấn đề CÁC ĐỆ TỬ cần HỎI PHẬT. Thực vậy, bốn mươi chín năm giáo hóa, đức Phật tiếp xúc với nhiều "hạng người", nhiều trình độ, căn cơ chủng tánh khác nhau. Nếu nói "hạng người", lúc Phật ra đời tại xứ Ấn Độ có những giai cấp: Bà la môn. Sát Đế Ly. Phệ Xá. Thủ Đà La. Lại còn một giai cấp người thời bấy giờ cho là "ngoại cấp" tức là giai cấp chỉ được làm nô lệ cho các cấp kia. Giai cấp đã nhiều như vậy, đương nhiên "căn cơ, trình độ" kiến thức khác hẳn nhau. Sẽ có căn cơ bậc thượng, bậc trung, bậc hạ là chuyện hiển nhiên, dù xã hội có muốn chối bỏ, trốn chạy cũng không thể được.

Nhìn bằng "đạo nhãn", đạo Phật mới phân loại "chủng tánh". Chủng tánh có nghĩa trong tánh vốn có của người đó "hiện giờ", thứ "hạt giống" nào trong con người đó có sinh lực nảy nở sanh trưởng mạnh nhất: Hạt giống phàm phu, ngoại đạo, bất định, Nhị thừa hay Đại thừa. Phật giáo chia chủng tánh con người có thể ai đó, có một, trong năm thứ ấy.

Từ chỗ nhận xét, xếp loại về chủng tánh. Giáo lý đạo Phật xếp hạng "cỗ xe". Xe nào chuyên chở hạng người nào, hạng người nào đi xe nào, không thể đi xe khác được. Đó là vấn đề "THỪA" trong Phật giáo. Thừa trong Phật giáo có năm: Nhơn thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ tát thừa. Đó là "ngũ thừa Phật giáo".

Căn cứ giáo lý của năm thừa, đạo Phật còn phân ra ba THỜI: "Nhật xuất thiên chiếu", "Nhật thăng chuyển chiếu" và "Nhật một hoàn chiếu". Theo nhận định, phán đoán của Hoa Nghiêm Tôn.

Nhận định giáo lý, lại còn đòi hỏi chất liệu uyên thâm của người đệ tử Phật mới nhìn rõ và phân chất, giáo lý đó thuộc hệ tư tưởng nào trong năm hệ: "Thỉ giáo", "Chung giáo", "Tiệm giáo", "Đôn giáo" và "Viên giáo". Do vậy, học Phật phải chuyên cần, phải ứng dụng VĂN, TU, TU sâu sắc mới thọ dụng được hương vị vô cùng tuyệt diệu của kho tàng chánh pháp, đem đến cho con người hiệu quả GIẢI THOÁT GIÁC NGỘ ngay trong cuộc sống trên cõi đời. Nguồn giáo lý chia ra như vậy dựa trên cơ sở từ "Tiểu thừa" đến "Đại thừa". Từ "phương tiện" đến "cứu cánh". Từ "chậm lụt" đến "nhanh chóng". Từ "chưa hoàn thiện" đến "viên mãn".

Về mặt ngôn ngữ văn tự, còn có: vô tự, bán tự và mãn tự...Rõ ràng, lối thuyết pháp, giáo hóa của Như Lai Thế Tôn, hàng Thanh văn, Duyên giác không sao thấu hiểu trọn vẹn âu cũng là chuyện tất nhiên. Đến như hàng Bồ tát cũng còn phải học hỏi nhiều.

Đó là những sự kiện, những lý do: ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN để rồi đức Phật giải đáp, quyết nghị cho đại chúng ở phẩm ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN này.

Hồi này, nhắc lại duyên có ông Thuần Đà cúng Phật và đức Phật chỉ nhận lễ vật cúng dường của ông Thuần Đà ở phẩm thứ hai của bộ kinh này.

* Phật thì có ánh sáng, có hào quang, chân lý là như vậy. Vì Phật là "Bồ đề vô thượng", là một đức hiệu nói lên sự tích lũy, sự cô đọng của toàn bộ trí tuệ trong vô lượng vô số kiếp. Cho nên thân Phật là một khối trí tuệ, tỏa ánh sáng, phóng hào quang, nhằm nói với tất cả chúng sanh, dạy cho mọi người về ý nghĩa "phóng quang" của Phật.

* Hào quang Phật phóng chiếu tới đâu thì ranh giới "cõi nước" của chư Phật không còn. Dùng Phật nhãn mà nhìn pháp giới, pháp giới "bình đẳng", "nhất chân", "bất nhị".

Dựa trên bầu pháp giới BÌNH ĐẲNG, NHẤT CHÂN, BẤT NHỊ đó mà tư duy, trong đó có: Phật tánh, pháp tánh, tăng tánh thường trụ hiện hữu khắp không gian vô tận, khắp thời gian vô cùng. Bởi lẽ: PHÁP GIỚI BẤT NHỊ đó không có chất liệu nhiễm ô. Vì vậy, nhìn đâu cũng thấy chánh pháp và Phật, nhìn đâu cũng thấy thanh tịnh Tăng.

Phật dạy cho đại chúng hãy biết: Rằng Phật vĩnh cửu trụ Niết bàn, chớ không phải giờ phút này Phật mới có Niết Bàn. Đại chúng nên tu học, phải tư duy về Như Lai, Phật. Nếu hiểu rằng, giờ phút này, tại rừng Ta La Song Thọ, đức Phật "sẽ" nhập Niết Bàn.. Đó là hiểu biết của hạng bậc địa phàm phu và hàng Tỳ kheo tâm phát ý với chúng tử Nhị thừa. Sự đến đi của Như Lai giống như sự đến đi của một lương y vô thượng xuất hiện ở một vùng mà nhiều người mắc phải dịch bệnh hiểm nguy. Trị lành bệnh mọi người, lương y không hiện diện ở vùng này, không được hiểu là lương y đã chết.

Người đạt đạo, thành đạo là người:

"...Vãng lai tam giới chi tâm.

"Xuất một vị tha tác tắc.."

(Người khách qua lại trong tam giới

Ẩn hiện làm gương sáng cho đời)

* Ai cũng có thể tưởng tượng được rằng: Thực phẩm trai nghi của quyền thuộc ông Thuận Đà mang chở đến, so với số khách Phật, Bồ tát mười phương đến dự, rõ là chẳng cân đối. Cung cầu chênh lệch dường nào, người dờ toán nhất đời cũng biết là...không đáp ứng nổi ! Vậy mà, "do sức thần Phật", đầy đủ, viên mãn hết ! Đó là Phật muốn dạy cho đệ tử học hiểu giáo lý:

Nhất đa tương dung

Đồng thời cụ túc tương ứng

Quảng hiệp tự tại vô ngại

Chư pháp tương tức

Nhất tức nhất thiết

Nhất thiết tức nhất.."

Một và nhiều chứa đựng lẫn nhau

Trong một thực tại tương ứng đầy đủ tất cả

Rộng hẹp không ngại nhau tự tại

Trong vật này, có chất liệu vật kia, và ngược lại:

Một là tất cả

Tất cả là một...

Và:

"Mộng lý minh minh hữu lục thú

Giác hậu không không vô đại thiên..."

* Nói là "Nhu Lai hóa hiện". Sự thật Nhu Lai không "vẽ bùa", không đọc thần chú "úm ba la", không phun "phèo" để hóa hiện như những người bạc địa phàm phu tưởng tượng !

Pháp thân Tỳ lô giá na = BIẾN NHẤT THIẾT XÚ của Nhu Lai chứa đầy đầy, khít khao chỗ nào cũng Phật, Bồ tát. Nhìn đâu cũng Bồ tát, Phật. Chất liệu nào thuộc loại "nhiễm ô, đau khổ, phiền muộn" thì không có trong PHÁP THÂN PHẬT.

* Khế kinh Nhu Lai nói có nghĩa DƯ, cũng không có nghĩa DƯ. Có nghĩa DƯ là lúc Nhu Lai sử dụng "phương tiện". Có nghĩa DƯ, có nghĩa là chưa trọn nghĩa.

Không nghĩa DƯ là những kinh thuộc hệ tư tưởng Đại thừa. Kinh Đại thừa Phật nói chân lý "cứu cánh", trọn nghĩa, KHÔNG DƯ.

Kinh nghĩa lý còn DƯ là kinh "bất liễu nghĩa". Kinh nghĩa lý "KHÔNG DƯ" là kinh "liễu nghĩa".

Do vậy, người đệ tử xuất gia, trưởng tử Phật có nhiệm vụ hoằng dương chánh pháp, tục diệm truyền đăng, tiếp dẫn hậu lai phải hiểu kỹ bản sư mình. Như quan hầu cận hiểu rành rõ "mặt ngữ" của nhà vua vậy.

Lúc nào Nhu Lai sử dụng: Thế giới tất đàn ?

Lúc nào Nhu Lai sử dụng: Vị nhơn tất đàn ?

Lúc nào Nhu Lai sử dụng: Đối trị tất đàn ?

Lúc nào Nhu Lai dạy về: Đệ nhất nghĩa tất đàn ?

Cuộc hành trình giáo hóa của Phật ngót năm mươi năm. Lời Phật dạy ở trong các kinh đều vận dụng "sách lược" như nhà chính trị tài ba. Vận dụng "chiến lược" như nhà quân sự thiên tài. Vận dụng "ứng bệnh dữ dược" như vị lương y vô thượng.

Cho đến lúc vai trò, nhiệm vụ hoàn thành Như lai mở kho tàng bí mật, truyền đạt tư tưởng Đại thừa Đại Niết bàn, dạy "ĐỆ NHẤT NGHĨA TẤT ĐÀN", là kinh trọn nghĩa không DU.

* NHẤT XIÊN ĐỀ đối với giáo lý kinh điển Phật là người bị khiển trách nặng nề. Nhưng thật ra không có cái "tự tánh xiển đề" dành cho riêng ai cả. Cũng như trong xã hội loài người, cuộc sống không có giai cấp "xì ke ma túy", mà tại người nào đó hút, chích, hít "xì ke ma túy" mà gọi là "người xì ke ma túy" vậy thôi. Ngày nọ họ "cai" tốt, không còn "hút, hít..." họ đi dạy học, bây giờ họ là thầy giáo. Họ đi làm kế toán ngân hàng..Trong buổi chợ đời, không có người miệt khinh tam bảo, phỉ báng chánh pháp, làm điều ác đức. Sát, đạo, dâm, vọng...thì cái từ "NHẤT XIÊN ĐỀ" không có. Hoặc từ trước đến nay, từng làm những điều tội ác thành NHẤT XIÊN ĐỀ rồi. Nhưng bất chợt trong một dịp tình cờ, văng vẳng tai nghe được một câu kinh của ai đó, giảng nói chánh pháp Đại thừa. Nghe rồi tâm đắc, tìm tòi, học hỏi, tu tập theo chánh pháp, hộ trì chánh pháp, lúc bấy giờ, người nhất xiển đề này không là "nhất xiển đề" nữa ! Họ là Bồ tát trên đời, vì họ đã đổi đời, như thầy giáo và cô kế toán ngân hàng kia.

* Phạm giới hay phá giới, đỉnh cao tội lỗi của nó là biến con người sai phạm trở thành người NHẤT XIÊN ĐỀ. Nhất xiển đề còn có cơ hội "quay về", xoá sạch dấu vết "nhất xiển đề". Đối với người lỡ phạm giới hoặc "thất trận" mà phá giới, Phật dạy CỨU ĐƯỢC, với điều kiện kèm theo. Bởi vì, giáo lý Phật dạy rõ rằng:

"Tội tánh bốn không do tâm tạo

"Tâm nhược diệt thời, tội diệt vong

"Tội vong tâm diệt, lưỡng câu không

Thị tắc danh vi chân sám hối..."

Tội do tâm khởi, do tâm diệt

Tâm đã diệt rồi tội sạch trong

Tội vong tâm diệt cả hai không

Được vậy gọi là người chân sám hối

* Học Phật, học giáo lý Tiểu thừa chưa đủ. Phải học giáo lý Đại thừa mới đủ.

Học giáo lý bán tự chưa đủ, phải học giáo lý mãn tự mới đủ

Học chín bộ kinh chưa đủ, phải học mười hai bộ kinh mới đủ

Học rất nhiều các kệ kinh khác chưa đủ. Phải học hệ tư tưởng Đại thừa liễu nghĩa mới đủ.

Học Đại thừa liễu nghĩa cũng chưa đủ trọn vẹn, phải học hệ tư tưởng tối thượng Đại thừa của thời PHÁP HOA và ĐẠI NIẾT BÀN mới hoàn toàn viên mãn

* Một số người trong đại chúng, trước Phật tỏ vẻ buồn bã thương tiếc việc Phật sắp nhập Niết bàn. Họ trịnh trọng dâng món ngon vật lạ Phật dùng trước khi chết. Như Lai thương xót họ lắm, Như Lai không thể nói nên lời. Nhưng Như Lai không nhận đồ ăn của họ.

* Các Đại Bồ tát như Đại Trí Văn Thù, Đẳng Quán Bồ tát, Bất Đẳng Quán Bồ tát...thì quá rõ Như Lai:

"Tỳ da thành lý bất tăng sanh

"Ta la thọ gian bất tăng diệt

Tuy nhiên, vì giáo hóa chúng sanh, Như Lai vẫn phải hành động như mọi người đời. Như Lai đau, Như Lai bị nhức mỏi, Như Lai muốn trở mình, nằm nghiêng bên mặt...Bởi vì Như Lai đang đóng vai trò "NGƯỜI TU MẪU" cho cứu giới chúng sanh ./.

---o0o---

PHẨM THỨ MƯỜI TÁM - HIỆN BỆNH

Bấy giờ Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Lẽ ra Như Lai đã khỏi hết bệnh tật, đau lưng, nhức gối, khó thở, buồn nôn ! Như Lai không còn các khổ sở ép ngặt được !

Bạch Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh thường bị bốn mũi tên độc: tham dục, sân nhuế, ngu si và kiêu mạn. Bốn thứ độc này làm nhân sanh ra bệnh. Nếu có nguyên nhân bệnh, ắt có bệnh sanh ra, như hàn, nhiệt, thổ tả, hen suyễn, kiết lỵ, đầy hơi, hoắc loạn tâm thần...Chư Phật đã xa lìa các thứ bệnh ấy. Hôm nay có gì Như Lai bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ tát: Rằng Phật đau lưng ! Rằng các Bồ tát vì đại chúng mà thuyết pháp ?

Bạch Thế Tôn ! Con đã từng nghe nơi các khế kinh, Như Lai dạy: Người tu thiện pháp nếu có thể tạo hai nhân duyên ắt sẽ xa lìa nghiệp báo bệnh khổ. Một, thương xót tất cả chúng sanh, cứu khổ, giúp ngặt, bố thí cho họ về tài, pháp, vô úy. Hai, chăm sóc bệnh hoạn, cung cấp thuốc thang cho người bệnh, khổ. Từ lâu xa Như Lai từng tu đạo Bồ tát trải vô lượng ức kiếp, đã từng thực hành bố thí, ái ngữ, đồng sự, lợi hành, từng thành tựu các ba la mật môn, mới có quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ngày nay. Có sao, hôm nay lại nói là có bệnh ?

Bạch Thế Tôn ! Thế gian, người có bệnh, ngồi nằm chẳng yên. Hoặc đòi uống, đòi ăn, hoặc dặn bảo người nhà chăm sóc giữ gìn sản nghiệp. Có sao Như Lai nằm yên lặng chẳng dạy bảo cho hàng Thanh văn đệ tử: giới luật, thiền định, giải thoát, tam muội, tu tập niệm xứ, chánh cần...Có sao chẳng giảng nói kinh điển Đại thừa vi diệu dạy cho hàng Bồ tát ? Sao Như Lai chẳng trị phạt các ác tỳ kheo nhận chứa tám thứ vật bất tịnh. Sao Như Lai im lặng nằm nghiêng bên tay mặt chẳng dạy một lời ?

Các Bồ tát lúc tu nhân, cung cấp thuốc thang cho người bệnh, đều đem căn lành ấy ban khắp cho chúng sanh, đồng thời hồi hướng "nhất thiết chúng trí" nhằm tiêu trừ phiền não chướng, nghiệp chướng và báo chướng cho chúng sanh.

Bồ tát cung cấp thuốc thang cho người bệnh thường nguyện:

Tất cả chúng sanh dứt trừ bệnh tật, được thân thể bền chắc như kim cương.

Nguyện có thể vì chúng sanh mà làm được thảo.

Nguyện cho chúng sanh được vô thượng được vị A Đà Đà tiêu trừ tất cả ác bệnh.

Nguyện chúng sanh không thôi chuyển tâm Bồ đề vô thượng mau thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nguyện tất cả chúng sanh được trí tuệ Phật, thông đạt pháp tạng vi mật của Như Lai.

Bạch Thế Tôn ! Ca Diếp thưa. Bồ tát đã phát nguyện như vậy trong vô lượng a tăng kỳ kiếp, nhằm khiến cho chúng sanh không còn bệnh tật. Thế mà, có sao hôm nay Như Lai lại công bố trước mọi người rằng Như Lai có bệnh ?

Bạch Thế Tôn ! Trong đời, người bệnh không ngồi dậy được, không tự cúi ngược cử động, không ăn uống được, không thể dặn bảo con cái, giao phó

sản nghiệp... Cha mẹ, vợ con, anh em thân bằng đều nghĩ rằng: Người này quyết định chết ! Hôm nay Như Lai nằm nghiêng bên mặt không nói năng, dạn dò dạy bảo. Trong đời này có những người làm tướng rằng: Như Lai Thế Tôn đến ngày diệt tận, sẽ vĩnh viễn nhập Niết bàn. Thật ra, Như Lai có phải vậy đâu ! Vì lẽ đó cúi xin Như Lai chẳng nên nói: Rằng lưng Như Lai đau nhức.

Bạch Thế Tôn ! Trong đời có người phải bệnh thân thể ốm gầy, lúc nằm nghiêng, khi nằm ngửa trên giường nệm, thân nhân, gia quyến sanh lòng ghét bỏ, cho rằng người này ắt chết. Cũng vậy, nay Như Lai có thể bị chín mươi lăm phái ngoại đạo khinh mạn cho Như Lai bị vô thường chi phối. Các ngoại đạo họ sẽ tự mãn rằng: Sa môn Cù Đàm chẳng bằng chúng ta. Do "ngã tánh" của chúng ta chủ trương thường tại. Cho nên chúng ta tự tại với thời gian. Chúng ta không bị vô thường biến đổi như Sa môn Cù Đàm !

Bạch Thế Tôn ! Vì sợ cơ hiểm của bọn ngoại đạo tự mãn ngu si kia, cúi xin Thế Tôn không nên im lặng mà nằm nghiêng bên tay mặt như vậy!

Bạch Thế Tôn ! Thân tứ đại ngũ uẩn của phàm phu, khi có bệnh, ốm gầy thất sắc, thần khí tiêu tan. Như Lai thì không vậy. Thân Như Lai là kết quả của phước đức và trí tuệ. Thân Như Lai là "tịnh trí trang nghiêm thân", không thể đồng như thân phàm phu bạc phước !

Thân Như Lai là kim cang thân. Thân Na la diên sức địch ngàn voi không sánh được thân Phật. Xin Như Lai thương xót đại chúng giảng dạy pháp nhiệm mầu cho đại chúng được nhờ.

Rồi Ca Diếp ở trước Phật nói bài kệ:

Như Lai Đại Thánh Đức
Xin giảng dạy pháp mầu
Chẳng nên như trẻ thơ
Như người bệnh liệt giường
Điều ngự thiên nhơn sư
Nằm nơi rừng Song thọ
Kẻ phàm phu làm tướng
Niết bàn, tức đã chết
Như Lai Đại thánh đức
Xin giảng dạy nghĩa mầu
Chẳng nên như trẻ nít
Như người bệnh liệt giường
Điều ngự thiên nhơn sư
Nằm nơi rừng Song thọ
Kẻ phàm phu làm tướng
Phật chết gọi Niết bàn !
Phàm phu sao hiểu được

Hạnh sâu kín của Phật
Chỉ có hàng Bồ tát
Như Đại Trí Văn Thù
Hiểu được mật tạng này
Chư Phật trong ba đời
Đại bi làm căn bản
Đại từ bi rộng lớn
Xin Phật dạy vẽ cho !
Nếu không lòng Đại bi
Hẳn là không phải Phật
Phật Niết bàn như chết
Sao được gọi là thường !
Ngưỡng mong đức Thế Tôn
Nhận lời thỉnh của đại chúng
Vì lợi ích chúng sanh
Xô dẹp hàng ngoại đạo.

Bấy giờ đức Thế Tôn tùy thuận lời cầu thỉnh của đại chúng. Đức Thế Tôn bèn ngồi dậy trong tư thế vững chãi kiết tường như hoa sen. Dung nhan tươi đẹp mát mẻ như trăng rằm, phóng ánh sáng rạng rỡ hơn trăm lần mặt trời chiếu khắp mười phương. Ánh sáng trí tuệ ấy ban bố cho chúng sanh, khiến cho vô minh hắc ám được dứt trừ. Soi sáng con đường Bồ đề Niết bàn cho mọi người tiến bước...

Đức Thế Tôn ngồi dậy trong thế vững chãi như sư tử vương. Thân tướng hảo trang nghiêm 32 tướng trượng phu, 80 nét đẹp hiển hiện hài hòa. Mỗi lỗ chân lông phóng vô lượng hào quang sắc màu rực rỡ soi khắp mười phương. Những ai tiếp xúc được hào quang đều an lạc, nhẹ nhàng có được cái an lạc chưa từng có. Riêng những chúng sanh ở các a tỳ ngục, đại địa ngục thường phải chịu khổ nung nấu, thiêu đốt, chém chặt, xay giã..cực kỳ đau khổ không có phút an vui, nhưng khi chạm phải hào quang Phật liền được nhẹ nhàng và lần lần hết khổ. Trong hào quang màu nhiệm ấy, mọi người lại được nghe tuyên nói tạng vi mật của Như Lai: Rằng "TẤT CẢ CHÚNG SANH ĐỀU CÓ PHẬT TÁNH". Tất cả chúng sanh trong địa ngục nghe pháp âm rồi liền bỏ thân sanh lên cõi người hoặc cõi trời. Bao nhiêu địa ngục ở cõi Diêm phù đề và địa ngục ở thế giới khác thấy đều trống không, không còn người thọ tội, trừ hạng người nhất xiển đề.

Loài ngạ quỷ đói khát cả trăm ngàn năm chưa từng được nghe tên nước, đồ uống. Họ gặp hào quang Phật liền hết đói khát. Trong hào quang ấy, họ cũng nghe nói tạng bí mật của Như Lai: Rằng "TẤT CẢ CHÚNG SANH ĐỀU CÓ PHẬT TÁNH". Nhờ nghe pháp âm loài ngạ quỷ được bỏ thân sanh lên

cõi người hoặc cõi trời, chỉ trừ hạng người phỉ báng kinh Đại thừa phương đẳng nhất xiển đề.

Những loại súc sanh, giết hại ăn nuốt lẫn nhau chúng gặp ánh hào quang bèn trừ bỏ tâm hung ác. Trong ánh hào quang Phật, chúng nghe tạng vi mật của Như Lai; Rằng "TẤT CẢ CHÚNG SANH ĐỀU CÓ PHẬT TÁNH". Những loài súc sanh, ngạ quỷ nhờ nghe pháp âm mà được sanh lên cõi người hoặc cõi trời. Trừ những kẻ hủy báng chánh pháp Đại thừa nhất xiển đề.

Ánh sáng tuệ giác của Như Lai khiến cho tất cả chúng sanh trong chín pháp giới đều không ngăn ngại, trông thấy một cõi nước bình đẳng không có ranh giới khổ vui. Lại thấy có đức Phật thuyết về ngũ âm, có đức Phật thuyết về thập nhị nhập, có đức Phật nói về tứ đế. Có đức Phật thuyết thập nhị nhân duyên, có đức Phật nói về phiền não nghiệp do nhân duyên sanh. Có đức Phật nói pháp ngã và vô ngã. Có đức Phật nói pháp khổ, lạc. Có đức Phật nói về thường và vô thường. Có đức Phật thuyết pháp tịnh và bất tịnh. Lại có đức Phật vì các Bồ tát nói pháp lục ba la mật. Có đức Phật nói công đức của hàng Thanh văn. Có đức Phật nói công đức của chư Phật Thế Tôn. Có Phật nói nhất thừa. Có Phật nói pháp tam thừa. Có đức Phật hiện giáng sanh, xuất gia, tu khổ hạnh thành đạo, chuyển pháp luân. Có Phật hiện nhập Niết bàn...Lại có đức Phật thuyết pháp khiến đại chúng hải hội người chúng Tu đà hoàn, người chúng Tư Đà Hàm nhẫn đến Tứ quả. Lại có đức Phật nói vô lượng nhân duyên thoát ly sanh tử.

Ánh sáng của Như Lai khiến chúng sanh cõi Diêm phù đề, người mù được sáng mắt, điếc được nghe, câm nói được, què đi được, người bệnh được lành như người nghèo được của, kẻ bôn xén phát tâm bố thí, kẻ sân hận sanh tâm từ, người mê sanh chánh tín. Chúng sanh trong thế giới nhờ ánh sáng Phật mà được an lành, trừ hạng nhất xiển đề bất tín Đại thừa chánh pháp.

Bấy giờ tất cả hải hội thiên long, càn thất bà, A tu la, nhơn phi nhơn... đều vui mừng tung rãi các thứ hoa hương thượng hảo, tràng phan bảo cái, các thứ kỹ nhạc tuyệt diệu cúng dường lên Phật và đồng tán thán bằng một bài kệ:

Đấng lương túc tôn chánh giác vô thượng

Xin vì chúng con trụ thế lâu hơn

Đức Thế Tôn từ lâu khỏi bệnh khổ

Nên được gọi là đức Phật thứ bảy

Nguỡng mong Như Lai rưới mưa pháp

Cho tất cả hải hội được thấm nhuần

Đức Phật bảo Ca Diếp: Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Ông đã đầy đủ trí tuệ, mới hiểu ra điều ấy. Ông đã từng cúng dường vô lượng hằng sa chư Phật, mới nghe và tiếp nhận nghĩa vi mật của tạng bí mật của Như Lai. Như

Lai không thật sanh, không thật diệt, Như Lai nào có bệnh khổ chi đâu ! Như Lai xa lìa gốc bệnh từ vô lượng hằng sa ức kiếp. Như Lai lìa bỏ tập quán tựa ngôi thư giản, nằm thẳng nghỉ ngơi...từ vô lượng vô số bất khả thuyết a tăng kỳ kiếp trong quá khứ rồi.

Trong quá khứ cách nay hằng hà sa số bất khả thuyết, vô lượng vô biên vô số A tăng kỳ kiếp có đức Phật ra đời hiệu là Vô Thượng Thắng, đầy đủ mười đức hiệu. Đức Phật vì hàng Thanh văn nói kinh Đại Thừa Đại Niết bàn này. Thuở đó ta là một trong hàng Thanh văn của đức Vô Thượng Thắng. Ta thọ trì kinh Đại Thừa Đại Niết bàn bằng sức tinh tấn không hề mỏi mệt. Ta đọc tụng biên chép giảng giải truyền đạt hạt giống Đại thừa cho mọi người. Ta đem căn lành ấy mà hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Từ ấy trở đi ta dứt bỏ hết phiền não, ác nghiệp, vĩnh viễn ra khỏi ba đường ác, tôn trọng chánh pháp, không thân cận hàng nhất xiển đề, không thọ thân hoàng môn, không phạm tội tứ trọng, ngũ nghịch. Và từ đó đến nay thân tâm ta đều không có các khổ não tác động đến. Nay ta thật không có bệnh tật gì ! Vì chư Phật Thế Tôn từ lâu đã viễn ly tất cả bệnh khổ. Chúng sanh chẳng biết giáo pháp bí mật Đại thừa phương đẳng bèn cho rằng Như Lai thật có bệnh.

Này Thiện nam tử ! Tùy thuận ngữ ngôn thế đế, có lúc nói Như Lai là sư tử trong loài người nhưng Như Lai thật chẳng phải sư tử. Nói Như Lai là rồng lớn trong loài người nhưng Như Lai thật chẳng phải rồng. Phật từ vô lượng vô số a tăng kỳ kiếp đã viễn ly ác nghiệp rồi, những ngữ ngôn như vậy chính là giáo pháp bí mật trong kho tàng bí mật của Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Như nói Như Lai là người, là trời, nhưng thật ra Phật chẳng phải người, chẳng phải trời, chẳng phải quỷ, chẳng phải thần, chẳng phải A tu la, Càn thất bà..chẳng phải ngã, chẳng phải dưỡng dục, chẳng phải sĩ phu, chẳng phải làm, chẳng phải không làm, chẳng phải thọ, chẳng phải không thọ,,chẳng phải Thanh văn, chẳng phải Bồ tát, chẳng phải Thế Tôn, cũng chẳng phải chẳng Thế Tôn. Những lời như vậy đều là giáo pháp bí mật của Như Lai.

Có khi lại nói Như Lai là đại thiên sư, nhưng Như Lai thật chẳng phải thiên sư. Khi nói Như Lai đại thương chủ, nhưng Như Lai thật chẳng phải thương chủ. Những ngôn từ như vậy cũng là giáo pháp bí mật của Như Lai. Rồi cũng có người nói Như Lai hay trừ dẹp ngoại đạo ma quân, nhưng Như Lai thật không có ác tâm muốn cho ma quân bị xô dẹp. Cho đến sự sanh tử đời này kiếp khác, mắt đây sanh kia...thật ra nào có đi lại, đây kia gì ! Tất cả lời nói đó đều là giáo lý bí mật của Như Lai.

Nay ta nói Như Lai bệnh cũng như vậy. Đó là giáo lý bí mật trong kho tàng bí mật của Như Lai. Như Lai Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác không có bệnh để phải nằm nghiêng ngửa, nằm nghiêng bên phải, bên trái. Như Lai

cũng chẳng phải bệnh hoạn yếu đuối, phải gắng gượng mà ngồi. Như Lai cũng chẳng có thực sự nhập Niết bàn. Gọi là nhập Đại Niết bàn là cảnh giới sâu mâu của định tuệ của Như Lai, không phải cảnh giới của hàng Thanh văn, Duyên giác biết được.

Này Thiện nam tử ! Ông hỏi có chi Như Lai nằm tựa, chẳng ngồi dậy, chẳng đòi uống ăn, chẳng dặn dò khuyên bảo...coi sóc sản nghiệp như... mọi tầng lớp người trần thế, trước khi ra đi..

Này Thiện nam tử ! Tánh của hư không thanh tịnh. Vì thanh tịnh nên hư không bất động. Chư Phật Thế Tôn vốn thanh tịnh và bất động nên Như Lai chẳng ngồi dậy, chẳng đòi uống, đòi ăn, chẳng dặn bảo quyền thuộc coi sóc sản nghiệp, cũng không đi, không lại, không sanh, không diệt, không già trẻ, không mọc lặn, không hư bể, không sụp đổ, giải thoát mọi buộc ràng.

Thiện nam tử ! Trong đời có ba hạng người bệnh khó trị. Một là kẻ hủy báng Đại thừa. Hai là những người phạm tội tứ trọng ngũ nghịch. Ba là người nhất xiển đề. Ba hạng người này là hạng người bệnh rất nặng ở trong đời. Ngoài Như Lai Thế Tôn không ai trị cho họ được.

Này Thiện nam tử ! Ví như người có bệnh khó trị, chắc chắn chết, dù có sẵn sóc thuốc men đầy đủ, hoặc không sẵn sóc, thuốc men không đầy đủ, người này cũng chết mà thôi. Ba hạng người nói trên cũng như vậy, dù có Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát thuyết pháp cho hay chẳng thuyết pháp cho đều không thể làm cho họ phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Người bệnh có sự sẵn sóc thuốc men đầy đủ thì có thể lành. Nếu không có hai điều kiện trợ duyên ấy thì bệnh không lành. Cũng vậy, hàng Thanh văn, Duyên giác theo Phật, Bồ tát được nghe pháp rồi liền có thể phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Người bệnh nếu được sẵn sóc thuốc men đầy đủ, hoặc không sẵn sóc thuốc men đầy đủ đều tự được lành. Cũng vậy, có hạng người được gặp Thanh văn hay không gặp; được gặp Duyên giác hay không gặp; được gặp Bồ tát hay không gặp; được nghe pháp hay không được nghe pháp, tự mình được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây là hạng người nào mà có được ưu điểm đặc thù như thế ?

Người nhận được sự ưu điểm đặc thù đó, chính là người có công biên chép kinh Đại thừa Đại Niết bàn này rồi thọ trì, đọc tụng, cúng dường cung kính giải nói cho người khác nghe, dù việc làm đó phát xuất từ động lực không lành mạnh. Nếu vì tự lợi, vì lợi tha, vì sợ sệt, vì lợi dưỡng, vì đua nịnh, hoặc vì phỉnh gạt lọc lừa người khác...

Này Thiện nam tử ! Có năm hạng người đối với kinh điển Đại thừa Đại Niết bàn này có bệnh cần điều trị, chớ Như Lai nào có bệnh tật gì đâu !

Một là người dứt Kiến hoặc trong tam giới được quả Tu Đà Hoàn, viễn ly ba đường ác. Còn bảy lần sanh tử qua lại cõi nhân thiên, hạng người này có diệt

các khổ, có nhập Niết bàn. Đây là hạng người thứ nhất cần trị liệu (tu hành). Người Tu Đà Hoàn tu tập mười ngàn kiếp sẽ được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bậc thứ hai dứt Kiến hoặc trong tam giới. Đối với tham, sân, si, mạn, nghi khắc phục dứt trừ được ba phần thô trọng nhất trong chín phần, được quả Tư đà hàm. Họ còn một lần qua lại cõi nhân thiên. Hóa giải được nhiều phiền não, có nhập Niết bàn. Đây là hạng người thứ hai có bệnh cần trị liệu (tu hành). Người Tư đà hàm tu tập thêm sáu mươi ngàn kiếp sẽ được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bậc thứ ba, dứt Kiến hoặc trong tam giới. Với Tư hoặc hóa giải thêm ba phần tư hoặc thô trọng bậc trung trong chín phần, được quả A na hàm. Họ không còn sanh trong cõi nhân thiên. Nói rõ ra, họ vẫn là "con người" như mọi con người, nhưng tư chất, phẩm hạnh, đạo đức, lương tâm, lương tri, lòng Từ, Bi, Hỷ, Xả của người này có, những "con người" khác không có được. Họ dứt trừ sáu phần trong chín phần Kiến tư hoặc thô trọng, họ được quả A na hàm, thường nhập Niết bàn. Đây là hạng người thứ ba có bệnh cần trị liệu (tu hành). Người A na hàm, vị lai qua bốn mươi ngàn kiếp tu tập sẽ thành quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bậc thứ tư, dứt sạch hoàn toàn Kiến Tư hoặc trong tam giới. Chúng được quả A La Hán. Thường trú nhập Niết bàn (Niết bàn hữu dư của người A La Hán, không như Niết bàn Vô thượng của Như Lai Thế Tôn). Đây là hạng người thứ tư có bệnh cần trị liệu (tu hành). Người A La Hán, trong vị lai tu tập hai mươi ngàn kiếp sẽ được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bậc thứ năm, vượt ra tam giới, vĩnh đoạn phiền não vi tế trong tam giới. Có khả năng tự ngộ chân lý vô ngã, vô thường, nhận thức từng phần tiệm tiến chân lý duyên sanh của vạn pháp. Phật gọi hạng người này là người có "hạnh kỳ lân độc nhất". Và đây cũng là hạng người thứ năm có bệnh cần trị liệu. Người Bích Chi Phật, trong tương lai tu tập mười ngàn kiếp sẽ được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Này Thiện nam tử ! Chính năm hạng người nói trên mới là người có bệnh cần tu hành trị liệu chứ Như Lai nào có bệnh hoạn gì đâu !

TRỰC CHỈ

Đã gọi HIỆN BỆNH có ngầm ý nói rõ bệnh này không phải thật bị bệnh.

Nếu người đệ tử Phật nhận hiểu Phật tức Như Lai thì Phật làm gì có bệnh ! Cho nên Như Lai Thế Tôn mà bệnh thì chỉ là hiện bệnh, đó là mật ý của Như Lai !

Như Lai Thế Tôn thì không bệnh, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật vẫn có thể có bệnh.

Phật Thích Ca có thể có bệnh, nhưng không vì vậy mà giảm đi uy đức của một vị Phật. Bởi lẽ "Ứng thân Phật" xuất thân từ một con người, bình diện chân lý, không hề ưu đãi và ngoại lệ cho bất cứ con người nào, dù người đó có khả năng giác ngộ chân lý đã được thành Phật.

Lời nguyện của Như Lai khi hành Bồ tát hạnh trong thuở quá khứ vẫn có kết quả như ý nguyện. Tại vì Ca Diếp Bồ tát chưa nhận thức được ý nghĩa nhiệm màu sâu sắc trong kho tàng chánh pháp bí mật của Như Lai đó thôi !

Như Lai đâu chẳng từng làm "dược thảo" cứu bệnh chúng sanh !

Như Lai há chẳng là "lương y" trị bệnh vô minh, khiến cho chúng sanh có được thân bền chắc như kim cương ư !

Như Lai từng khai thị Phật tánh vốn có của chúng sanh. Có chúng sanh nào rời bỏ tâm Bồ đề vô thượng của mình vào đâu cho được ?

Thế cho nên không vì thân Như Lai có bệnh mà cho rằng nhân tu và quả chứng của Như Lai có sai trái, không trung thực. Lời nguyện của Phật Thích Ca, lời nguyện của Phật A Di Đà...đều kết quả đích thực với thế nguyện và trung thực với nhân quả.

Ngoại đạo tự hào "Ngã tánh thường tại" theo ý thức chủ quan của giáo phái họ chủ trương. Nhưng tự hào thì ai cũng có quyền tự hào. Chủ trương thì giáo phái nào cũng có quyền đề xuất chủ trương. Điều đáng tư duy và nhận thức là vấn đề "thường tại" có đúng thật vậy hay không. Hay đó chỉ là ước mơ ảo tưởng !

Sự thật của vạn pháp bên mặt hiện tượng Thế Tôn có bệnh...rồi Thế Tôn vĩnh viễn ra đi trong cõi Niết bàn vô trụ xứ, trong pháp giới nhất chân. Sự ra đi đó là sự "tùy thuận chân lý", có sao có sự e dè, sợ hàng ngoại đạo cười chê ! Quả là ý niệm của hạng người, Như Lai gọi là đáng thương xót !

Ánh sáng mặt trời tuy sáng, nhưng không thể soi khi đêm tối, trong nhà kín, trong hang sâu. Ánh sáng trí tuệ Phật soi sáng cả ngày đêm, cả mười phương, không một nơi nào che ngăn được. Đây là sự thật. Lời kinh ý Phật không hề có đại ngôn ! Là người trí sẽ thấy, sẽ gặp được ánh sáng này và còn được nghe tạng vi mật của Như Lai: Rằng **TẤT CẢ CHÚNG SANH ĐỀU CÓ PHẬT TÁNH**. Bây giờ tất cả địa ngục đều tan biến rỗng không...Những chúng sanh ở đường ngạ quỷ, súc sanh cũng đều thoát khổ, hóa kiếp. Người cõi Diêm phù đề, đui được thấy, điếc được nghe, câm được nói..

Thuở xa xưa, Như Lai là một trong hàng Thanh văn đệ tử, học Đại thừa Đại Niết bàn của đức Vô Thượng Thắng Như Lai. Trái vô lượng vô số A tăng kỳ kiếp nay xuất hiện làm Phật, giáo chủ cõi Ta bà. Xem đó, rõ là việc thành Phật sớm muộn không đáng đề tâm nào nức ! Điều đáng ghi nhớ là từ khi được vào hàng Thanh văn, tu học Đại thừa cho đến ngày thành tựu quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Biến Tri Giác hôm nay, khoảng thời gian

dài ấy, Như Lai đã viễn ly phiền não bệnh khổ hết rồi. Thế cho nên, Như Lai hiện bệnh chớ không phải thật bệnh.

Chúng sanh vì ái mộ, vì tôn kính Phật gọi Phật bằng tất cả ngôn từ đẹp đẽ trân trọng, cao quý. Thực ra không có ngôn từ nào đủ sức chứa đựng sự tôn quý cao đẹp của Như Lai có. Như Lai vượt ngoài tất cả, mà Như lai cũng là tất cả. Như Lai không phải thế gian cũng không phải xuất thế gian. Vậy nên Như Lai có bệnh hoạn gì đâu !

Như Lai nằm nghiêng không nói, tại vì không có gì đáng nói để nói. Những gì cần nói cho chúng sanh Như Lai đã nói mấy mươi năm rồi. Đến giờ phút này, Như Lai không còn gì để nói. Hư không vô tận vô biên, nhưng nào có động chuyển gì đâu, các vật chất sanh trong hư không, người trí không ước mong hư không phải có dáng mạo méo tròn, cao thấp ! Ca Diếp Bồ tát mong chờ sự dặn dò ủy thác rõ là ý nghĩ thiên cận sai lầm !

Trong đời có ba hạng người có bệnh khó trị. Một là người hủy báng chánh pháp Đại thừa. Hai là hạng người tạo tội tứ trọng, ngũ nghịch. Ba là hạng người Nhất xiển đề.

Cùng là người có bệnh, có người bệnh quyết định chết vô phương cứu chữa. Có người bệnh do có sự chăm sóc thuốc men nên được lành. Có người bệnh không cần chăm sóc thuốc men cũng được lành. Nhất xiển đề là bệnh quyết định chết không thể cứu. Bệnh của Thanh văn, Duyên giác cứu được, vì có chăm sóc thuốc men. Bệnh tự lành không cần chăm sóc thuốc men, đó là hạng người biên chép, giảng thuyết, thọ trì, đọc tụng tu học kinh điển Đại thừa Đại Niết bàn.

Trước mắt đấng vô thượng y vương chỉ có năm hạng người đáng gọi là đối tượng bệnh nhân cần phải tu trị. Đó là những người được kết nạp vào trong tứ quả Thanh văn và hạng người Bích chi Phật.

Người được sơ quả đến tam quả còn bị "virút" Kiến Tư hoặc xâm nhập tác động khuấy nhiễu. Người A La Hán, Bích Chi Phật còn bị "virút" Trần sa hoặc tác động xâm nhập...Đó là năm hạng người "có bệnh" cần tu trị.

Như Lai Vô Thượng y vương, Như Lai vĩnh ly bệnh khổ trong "A tăng kỳ cửu viễn tu nhơn" rồi ! Còn như các chứng cảm cúm, nhức đầu, đau lưng, bại hoại...tứ đại bất điều, ngũ tạng thất nghi chỉ là việc nhỏ, của "tiểu vũ trụ" vận hành, có gì đáng để tâm tư lự ! ./.

---o0o---

PHẨM THỨ MƯỜI CHÍN - THÁNH HẠNH

Bấy giờ đức Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Rằng Đại Bồ tát đối với kinh Đại Niết Bàn phải chuyên tâm quán niệm tư duy năm hạnh:

Một, Thánh hạnh

Hai, Phạm hạnh

Ba, Thiên hạnh

Bốn, Anh nhi hạnh

Năm, Bệnh hạnh

Là Đại Bồ tát thường xuyên tu tập năm hạnh đó. Ngoài ra còn một hạnh tối tôn, tối thượng: Như Lai hạnh, chính là kinh Đại thừa Đại Niết Bàn !

Đại Bồ tát tu Thánh hạnh là thế nào ?

Đại Bồ tát tu Thánh hạnh cần có yếu tố nhân duyên, nghĩa là phải có cơ hội nghe kinh điển Đại thừa Đại Niết Bàn. Nghe rồi sanh tâm tin thuận, ham mộ, trân trọng và thường quán niệm tư duy: Rằng chỉ có con đường giác ngộ, giải thoát là con đường duy nhất an lành. Bồ tát muốn tu Thánh hạnh nên phát tâm cầu đạo, cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo giải thoát giác ngộ vô thượng. Bồ tát tư duy rằng chỉ có xuất gia cầu đạo mới ra khỏi ngục tù tam giới vô minh phiền não, các khổ thế gian. Chỉ có giữ gìn cấm giới mà thôi. Khi Bồ tát tư duy như vậy, Thiên ma ba tuần tự nhiên sanh lòng lo sợ và tự nghĩ rằng: Bồ tát sẽ cùng ta đấu tranh một mất một còn !

Thực hiện ý chí mình, Bồ tát đến tăng già lam, thấy tăng, gặp Phật thọ giới xuất gia tu tập phạm hạnh thanh tịnh. Kể từ giờ phút này Bồ tát xuất gia như được mang trong người một bong bóng nổi để sẵn sàng tư thế vượt khổ hải, lội băng ái hà qua giác ngạn. Trong những tháng ngày phấn đấu ấy, thiên ma ba tuần trá hình la sát ngọt ngào dụ dỗ khản khoản xin bong bóng nổi. Bồ tát tự nghĩ, nếu ta cho nó quyết định phải chìm, không thể qua khỏi sông ái biển mê được. Cho nên ta thà chết chứ không chịu cho, dù cho một tí xíu bằng lỗ tròn kim bong bóng cũng sẽ xì hơi chìm chết. Nhờ ý chí kiên cường, quyết đoán, Bồ tát giữ trọn: Tứ Ba la di. Tăng tàng. Xả đọa. Ba dật đề. Hối quá. Chúng học. Cho đến Thất diệt tránh. Rồi Bồ tát nguyện tu tam nghiệp không sai phạm những tiêu tiết: đột kiết la.

Đối với tự thân, đối với giới luật, tu tập chân chính thành tựu phạm hạnh gọi là Bồ tát tu tập Thánh hạnh. Vì đó là hạnh của Phật, của Bồ tát nên gọi là

Thánh hạnh. Vì những bậc Bồ tát, Phật, có Thánh pháp nên gọi là Thánh hạnh, vì thường quán sát các pháp tánh tướng vắng lặng, vì vậy những bậc này cũng gọi là thánh nhơn, vì có thánh giới, thánh định và thánh tuệ nên gọi là thánh nhơn. Có khả năng tu tập hạnh của thánh nhơn nên gọi là Thánh hạnh.

Rồi Bồ tát quán sát tự thân từ đầu đến chân, toàn thân chỉ là sự hội tụ ba mươi sáu vật bất tịnh: tóc, lông, răng, móng...tâm, can, tỳ, phế, thận, đại tràng, bàng quang, tam tiêu...Trong đó không có cái gọi là "ngã". Nêu từng tên, chỉ từng món trong cơ thể của ta, của người đều là "duyên" nương gá với nhau mà hình thành. Thấy rõ tánh bất tịnh của thân, tánh khổ của thọ, vô thường của tâm, vô ngã của vạn pháp, Bồ tát trụ vào bậc kham nhẫn: Nhẫn được sự bức bách, sự hà hiếp, sự bất công...của con người, nhẫn được sự bất ổn của thiên tai, địa họa của nắng hạ, mưa đông...thành tựu được sanh nhẫn và pháp nhẫn.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bồ tát chưa đến địa vị bất động, có nhân duyên nào có thể phá giới mà không phạm tội chăng ?

Phật dạy: Bồ tát có thể phá giới mà không bị xem phạm giới. Khi Bồ tát biết rõ rằng ý nghĩ lời nói, việc làm của mình, làm cho một hoặc nhiều người phát tâm tín mộ, thọ trì đọc tụng, kinh điển Đại thừa. Giảng giải truyền bá rộng rãi kinh điển Đại thừa Đại Niết Bàn, gieo vào lòng người hạt giống Vô thượng Bồ đề bất thối chuyển. Khi làm việc đó, Bồ tát nghĩ rằng; Ta có thể chịu khổ địa ngục hoặc một kiếp hoặc hai, ba kiếp nhưng ta phải gieo trồng trong tâm địa họ hạt giống bất thối chuyển với quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Với nhân duyên như thế, Bồ tát có thể phá phạm tịnh giới.

Bấy giờ Đại Trí Văn Thù xuất hiện thưa: Bạch Thế Tôn ! Nếu Bồ tát nhiếp thủ tâm ý, hộ trì chánh pháp Đại thừa, khiến chúng sanh kia không thối chuyển tâm Bồ đề, hướng đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, theo con nghĩ, Bồ tát này không vì duyên có phá giới ấy mà phải đọa địa ngục a tỳ.

Phật khen: Lành thay ! Văn Thù Sư Lợi ! Đúng như lời ông nói. Ta nhớ chuyện xa xưa, ở cõi Diêm Phù Đề này, thuở đó, ta là một vị Đại quốc vương, tên là Tiên Dư. Nhà vua rất kính trọng ham mộ kinh điển Đại thừa.

Tâm vua thuần thiện không có tật đố, không có ý cạnh tranh bảo thủ, không xan lẫn, thân, khẩu, ý nhà vua thường được nhiếp hộ, khinh an thuần thiện. Thuở đó không có Phật ra đời, cũng không có Thanh văn, Duyên giác. Nhà vua rất ham mộ giáo nghĩa Đại thừa phương đẳng. Đã mười hai năm tôn kính cung phụng vị Bà la môn, hầu hạ cung cấp mọi thứ cần dùng không hề nhàm mỏi; sau đó nhà vua khuyến thỉnh Bà la môn nên phát tâm vô thượng Bồ đề. Bà la môn đáp: Tâu Đại vương ! Tâm Bồ đề là cái chi ? Không có tâm Bồ đề. Kinh điển Đại thừa cũng vậy, không có kinh điển gọi là Đại thừa. Sao hôm nay Đại vương muốn cho con người có thật lại đồng với cái không có gì, như hư không ấy ?

Nhà vua vốn tôn trọng Đại thừa giáo nghĩa, nghe Bà la môn hủy báng Đại thừa phương đẳng, bèn giết chết vị Bà la môn ấy.

Này Thiện nam tử ! Do nhân duyên ấy, từ đó trở đi ta không bị đọa địa ngục nữa.

Này Thiện nam tử ! Ủng hộ, truyền trì kinh điển Đại thừa, có thể lực lớn lao như vậy.

Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Lại nữa, khổ, tập, diệt, đạo, tứ thánh đế, cũng gọi là Thánh hạnh. Khổ là tướng bức bách. Tập là tướng nảy sinh và tăng trưởng. Diệt là tướng vắng lặng. Đạo là tướng Đại thừa.

Khổ có ba tướng: Tướng khổ khổ, tướng hành khổ và tướng hoại khổ..

Tập là hai mươi lăm cõi.

Diệt là dứt trừ hết hai mươi lăm cõi.

Đạo là tu tập Giới, Định, Tuệ.

Thiện nam tử ! Pháp hữu lậu có hai thứ: nhen và quả.

Pháp vô lậu cũng có hai thứ: nhen và quả.

Quả hữu lậu gọi là Khổ. Nhen hữu lậu gọi là Tập

Quả vô lậu gọi là Diệt. Nhen vô lậu gọi là Đạo

Thiện nam tử ! Khổ có tám tướng: Sanh, Lão, Bệnh, Tử, Ái biệt ly, Oán tăng hội, Cầu bất đắc và Ngũ ấm thành khổ.

Những nguyên nhân, dữ kiện có thể sanh ra tám thứ khổ như vậy gọi là Tập.

Ở đâu không có tám thứ khổ như vậy gọi là Diệt.

Mười trí lực, bốn vô sở úy, bốn niệm xứ, bốn vô lượng tâm....gọi là Đạo.

SANH có năm tướng: Một, mới sanh ra. Hai, đến rớt sau. Ba, tăng trưởng. Bốn, xuất thai. Năm, có một chủng loại mới ra đời.

LÃO có ba: Một, niệm niệm lão. Hai, chung thân lão. Ba, diệt hoại lão.

BỆNH là thất đại không điều hợp thích ứng với nhau. Có hai cách bệnh: Một, thân bệnh. Hai, tâm bệnh.

Thân bệnh có năm: nhân nước, nhân nhiệt, nhân gió, nhân tạp bệnh và khách bệnh. Khách bệnh có hai: Một, chẳng phải phận sự gắng ép làm. Hai, vô ý, sai lầm, té ngã.

Tâm bệnh có bốn: Một, hớn hờ quá vui. Hai, sợ sệt cực kỳ. Ba, lo âu trầm uất. Bốn ngu si điên độn.

Thân bệnh, tâm bệnh gồm trong ba chủng loại: Một, bệnh nhân duyên. Hai, bệnh danh tự. Ba, bệnh thọ.

Bệnh nhân duyên là bệnh có tác nhân ngoại cảnh, như bệnh phong, bệnh "si da", sài uốn ván....

Bệnh danh tự như bệnh "hở van tim, ung thư, lao, bệnh tuyến tiền liệt...

Bệnh thọ như nhức đầu, đau răng, đau họng v.v...

Đó là hiện tướng của vô vàn bệnh khổ gồm trong ba danh ngôn chủng loại ấy !

TỬ là bỏ thân đã thọ. Bỏ thân có hai duyên có: Một, do mạng hết. Hai, do duyên ngoài.

Mạng hết có ba trường hợp: Một, mạng hết, không phải phước hết. Hai, phước hết, không phải mạng hết. Ba, phước mạng đều hết.

Duyên ngoài cũng có ba trường hợp: Một, chưa đến phần, tự hại mà chết. Hai, bị kẻ khác hại chết. Ba, do mình và kẻ khác làm hại chết.

Lại còn ba thứ chết khác: Một, phóng dật chết. Hai, phá giới chết. Ba, mạng căn hư hoại chết.

ÁI BIỆT LY KHỔ là thế nào ?

Những vật mình ưa thích mến yêu bị ly tán. Vật mến yêu tổng quát có hai thứ: Một, ngũ ấm trong loài người bị hư hoại ly tán. Hai, ngũ ấm trong vũ trụ thiên nhiên hư hoại ly tán. Ngũ ấm hư hoại ly tán dùng tâm phân biệt tính đếm không thể kể xiết, chỉ có thể dùng từ vô lượng vô biên.

Những gì là OÁN TẮNG HỘI KHỔ ?

Chẳng thương yêu mà phải hội ngộ, phải chung chạ đối diện với nhau. Sự oán tắng này, tổng quát có ba thứ: Một, cảnh địa ngục. Hai, cảnh nga quý. Ba, cảnh súc sanh. Ba ác thú này không thể phân biệt tính đếm bằng số lượng mà hết được.

CẦU BẤT ĐẮC KHỔ là thế nào ?

Đây có chia hai loại: Một, điều trông mong được mà cầu không được. Hai, tốn nhiều công sức, mà không được gặt hái thành quả.

NGŨ ẤM THẠNH KHỔ là thế nào ?

Ngũ ấm thanh khổ là thứ khổ tổng hợp: Sanh khổ. Lão khổ. Bệnh khổ. Tử khổ. Ái biệt ly khổ. Oán tắng hội khổ. Cầu bất đắc khổ.

Này Thiện nam tử ! Sanh là cội gốc có ra lão, bệnh n्हấn đến ngũ ấm thanh khổ, bảy khổ như vậy.

Này Thiện nam tử ! Luận về già suy, chẳng phải tất cả đều có. Phật tánh và thiên nhiên quyết định không. Loài người thì không nhất định, hoặc có, hoặc không.

Này Thiện nam tử ! Thọ thân trong ba cõi không ai chẳng có sanh, cho nên sanh là cội gốc của tất cả thân. Già thì chẳng quyết định. Chúng sanh trong

thế gian do vọng tưởng điên đảo che mờ tâm tánh nên tham đắm sanh mà nhàm lo già chết. Bồ tát thì quán sát thấy thân mới sanh đã khổ rồi....

Này Thiện nam tử ! Giả dụ có người nữ đoan trang xinh đẹp, trang sức nhiều vàng ròng, châu báu, ngọc ngà cực kỳ diễm lệ với một dáng vẻ quý tộc sắc đẹp lẫn hương thơm đến vào nhà người nọ. Chủ nhà hỏi: Xin lỗi ! Nàng tên họ là chi ? Thành phần giai cấp nào ? Sở thuộc nơi ai ? Đến nhà tôi để làm gì ?

Người nữ đáp: Tôi là Công Đức Đại Thiên. Tôi đến chỗ nào, tôi có thể cho chủ nhà đó các thứ vàng bạc, ngọc ngà, trân châu, mã não.....voi ngựa, xe cộ, tôi tớ...đầy đủ các thứ tiện nghi cực kỳ khoái lạc theo ý muốn của chủ nhà đó !

Người chủ nhà nghe rồi hơn hờ vui mừng nói: Nay ta phước đức lắm nên khiến nàng đến nhà ta. Rồi chủ nhà đốt hương, rải hoa cúng dường cung kính lễ bái Công Đức Đại Thiên.

Liên sau đó, chợt có một người nữ hình mạo xấu xa, áo xiêm tồi tả, da thừa nứt nẻ rỉ máu hôi tanh, sắc diện xù xì xám bệnh, toàn thân bần thiêu, dáng vẻ uể oải lừ lừ vào cửa. Chủ nhà hỏi: Nàng tên gì ? Thuộc về ai ? Đến đây để làm gì ?

Cô gái đáp: Tôi tên Hắc Ám

Tại sao cô có tên Hắc Ám ?

Tại vì tôi đến chỗ nào thì chỗ đó suy tàn bại hoại, đau khổ ngập tràn, không có được một chút an vui chân thực.

Chủ nhà nghe vậy, bèn cầm dao bén bảo rằng: Nàng hãy ra khỏi nơi đây. Nếu không ta sẽ giết chết !

Cô gái nói: Ông ngu si lắm ! Chẳng có trí tuệ gì hết !

_ Tại sao nói ta ngu si không có trí tuệ ?

_ Người đẹp đang đứng trong nhà ông, chính là chị của tôi. Tôi thường khấn khít với chị tôi. Nếu ông đuổi tôi đi cũng phải đuổi chị tôi!

Chủ nhà trở vào hỏi Công Đức Thiên: Ngoài cửa có cô gái nói là em của nàng, có phải vậy chăng ?

Công Đức Thiên đáp: Nó thật là em gái của tôi. Nó và tôi luôn luôn khấn khít không rời, tôi ở đâu thì chị em cùng chung có mặt, chưa lúc nào xa nhau. Ở đâu cũng vậy, tôi thường làm việc tốt, đem lại vừa lòng thích ý cho chỗ nơi mà tôi có mặt. Còn nó luôn luôn làm việc xấu, đem lại sự tổn hại đau thương, khổ sở, bất an. Vì vậy, nếu ai thương yêu tôi thì cũng phải yêu nó. Nếu cung kính tôi cũng phải quý trọng nó.

Chủ nhà nói: Nếu có tốt mà có xấu như vậy, ta đây không cần. Hai cô hãy tùy ý, chọn đi nơi khác !

Hai người nữ lúi thủi dắt nhau ra đi. Chủ nhà thấy hai cô ra đi lòng rất vui mừng...

Bấy giờ hai người nữ cùng dắt nhau đến một nhà nghèo. Chủ nhà nghèo lòng rất vui mừng, rước mời: "Từ rày trở đi, xin hai nàng ở luôn nhà tôi, đừng đi đâu nữa nhé !

Công Đức Thiên: Chị em tôi vừa bị người ta đuổi, có sao ông chủ mời chị em tôi ở với tâm lượng có vẻ ưu ái khoan dung ?

_ Nay nàng tưởng đến tôi mà đến, vì nàng tôi phải kính cô kia. Thế nên, tôi mời cả hai nàng cùng ở !

Đức Phật dạy: Nay Thiên nam tử ! Đại Bồ tát cũng vậy, chẳng nguyện sanh cõi trời. Vì sanh cõi trời, hễ có sanh thì có già, bệnh, chết. Bồ tát không luyến ái sanh. Kẻ phàm phu không phân biệt tai hại khổ hoạn của già, bệnh, chết nên ai cũng tham luyến sanh.

Nay Thiên nam tử ! Như đứa trẻ dòng Bà la môn trong lúc quá đói, thấy trong đồng phân có trái am la bèn lượm cầm lên. Người trí ngó thấy quở: Người dòng Bà la môn, dòng giống thanh tịnh, có sao lại lượm trái nhơ trong đồng phân ? Đứa trẻ nghe rồi hổ thẹn nói: Thật tình nói, tôi chẳng ăn đâu ! Tôi muốn lượm trái ấy đem rửa sạch rồi ném bỏ. Người trí nói: Người ngu si lắm ! Nếu rồi sẽ ném bỏ, người có trí ai lượm rửa làm chi?

Này Thiện nam tử ! Ví như nơi ngã tư đường có hàng quán trưng bày đầy thức ăn thơm ngon la liệt, để bán. Có người khách viễn phương đang lúc quá đói, thấy đồ ăn thơm ngon liền hỏi: Những thức ăn này có bổ dưỡng không ? Người bán hàng nói: Đây là đồ ăn thơm ngon, nếu ai ăn những thức ăn này sẽ được sắc diện tốt tươi, sức mạnh cường tráng, hết đói, hết khát và được thấy chư thiên. Nhưng chỉ có một điều tai hại là sau đó sẽ chết. Người khách nghe xong nghĩ rằng: Ta chẳng dùng sắc đẹp, sức mạnh thấy chư thiên vì ta không muốn chết. Nghĩ xong, lại hỏi cô bán hàng: Ăn vật thực này, nếu phải chết, sao cô lại bán ?

Người bán hàng đáp: Những người có trí không ai bằng lòng mua. Chỉ có những kẻ ngu si chẳng lường biết hậu quả, tham ăn nên họ trả giá đắt cho tôi.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ tát cũng như vậy, không nguyện sanh cõi trời, không cầu sắc đẹp, sức mạnh thấy chư thiên, vì sanh cõi trời chẳng khỏi được những khổ não ưu bi....Kẻ phàm phu ngu si sanh chỗ nào cũng đều tham luyến, vì họ không lường biết được cái khổ hoạn của già, bệnh, chết.

Này Thiện nam tử ! Ví như cây độc, gốc rễ có thể giết chết người. Thân cây, vỏ cây, bông trái, hạt cũng đều có thể giết chết người. Thân ngũ ấm của chúng sanh trong hai mươi lăm cõi đều có thể hại chúng sanh cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ví như phấn nhơ, nhiều hay ít đều thối cả. Thọ sanh dù sống muôn tuổi hay mười tuổi đều khổ như nhau.

Đây là Đại Bồ tát trụ nơi kinh Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát thấy SANH là khổ.

Đại Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát LÃO khổ như thế nào?

Bồ tát thấy rằng: Sự già yếu hay ho hen, ngăn ngực, tức ngực, đầy hơi, nhức mỏi tứ chi, sức lực suy tàn, lụm cụp chân đi, mắt mờ, tai lãng, trí nhớ kém đi, tráng kiện không còn. Mất hết sự an vui thơ thới. Lưng còng, gối yếu, uể oải mệt nhọc, lười biếng, khù khờ. Do vậy, bị người xem thường khinh rẻ. Có nhận được chút ân huệ nào thì đó chỉ là tình thương rơi rớt !

Này Thiện nam tử ! Ví như hoa sen nở tươi tốt đầy ao, ai trông cũng ưa thích. Gặp trận mưa đá tạt cả đều tan tác xác xơ. Tuổi già phá hoại nhan sắc, tráng kiện tươi trẻ, như mưa đá hủy hoại hoa sen vậy.

Xe gãy trục không dùng được việc gì. Tuổi già không dùng được việc gì, như xe gãy trục.

Nhà giàu thất bảo đầy muôn, kẻ cướp vào nhà, bao nhiêu ngọc ngà châu báu đều mất hết. Tuổi tráng niên sung mãn, sắc đẹp diễm kiều, giặc già đến chiếm đoạt anh hùng, thực nữ không còn.

Người nghèo cùng túng thiếu, ham muốn ăn ngon, mặc đẹp, hưởng thụ xa hoa, không thể được. Tuổi già suy dù tham muốn hưởng thụ ngũ dục, thỏa mãn vọng tâm cũng không thể được.

Như con rùa ở trên đất cao thường nghĩ đến nước. Cũng vậy, người đã già suy khô héo, mà lòng thường nhớ tưởng khoái lạc, ngũ dục thuở tráng niên !

Ví như cây mía bị đem ép, bã xác không còn vị ngọt. Cũng vậy, tráng kiện, sắc đẹp bị già ép thì không còn ba thứ vị: xuất gia, đọa tụng và tọa thiền.

Ví như trăng tròn, ban đêm tỏa sáng, ban ngày thì không. Cũng vậy, tráng kiện hình mạo nở nang xinh đẹp, già thì suy yếu, thân thể khô gầy, tinh thần lu mờ kém nhớ dễ quên.

Ví như cây cheo leo bờ sông, nếu gặp gió to ắt sẽ đổ ngã. Đến tuổi già nua ắt chẳng còn lâu, chắc chắn sẽ chết.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát BỆNH khổ như thế nào ?

_ Bồ tát quán sát BỆNH khổ:

Ví như mưa đá làm tàn hại lúa mạ, hoa màu. Tật bệnh, phá hoại sắc đẹp, an vui và những hy vọng vàng son thích ý trong cuộc sống.

Ví như người có đối địch oán thù, tâm thường lo âu sợ sệt. Tất cả chúng sanh thường bị bệnh khổ rình rập hằng lo lắng sợ sệt, phòng ngự, nhưng chẳng mấy lúc được an tâm.

Ví như tài tử giai nhân sắc nước hương trời, sau một trận thanh toán hãi hùng bằng "a xít" của tình địch, mắt mù, mũi nát, môi hở, răng lòi xỉ, thân hình tiều tụy, gầy guộc trông như bộ xương khô. Người người trông thấy kinh hãi, gớm ghê không dám lại gần. Cũng vậy, con người thời oanh liệt, lịch lãm oai phong, thiên hương quốc sắc, khi bệnh hoành hành, mất tất cả. Người ta chỉ còn khóc than trong tuyệt vọng.

Ví như cây chuối, cây tre, con ong, con la hẽ có trái, để con là chết. Cũng vậy, người có bệnh thì sự chết đã tới nơi.

Ví như ong chúa, kiến chúa, trâu chúa và chúa tể hẽ khởi hành đi đâu thì toàn thể thuộc hạ đi theo không rời. Sự chết "trung thành" với bệnh khổ, thường theo sát bệnh khổ không rời.

Này Thiện nam tử ! Nguyên nhân bệnh khổ, nhiều vô lượng, không thể kể hết. Đây là cái thấy của Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát BỆNH khổ.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là Đại Bồ tát tu hành Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát TỬ khổ.

Sự chết đốt cháy, tiêu hoại tất cả, chám dứt tất cả. Như hỏa tai khởi lên, không một thứ gì tồn tại ở nhơn gian, trừ cõi Nhị thiên trở lên. Sự chết hủy diệt tất cả chỉ trừ Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn, vì thế lực của sự chết không làm lay động đến được.

Khi thủy tai khởi dậy, tất cả đều trôi và ngập lụt, trừ cõi Tam thiên trở lên, vì thế lực của thủy tai chẳng đến được. Sự chết có thể nhận chìm mất tất cả, trừ Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn.

Khi phong tai nổi lên có thể thổi sập và bay tất cả, chỉ trừ cõi Tứ thiên, vì thế lực gió lốc không đến được. Sự chết tiêu hao tất cả, trừ Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Cõi Tứ thiên kia, do duyên có gì mà gió không tàn phá được, nước không ngập chìm đắm được, lửa không thiêu cháy được ?

Này Thiện nam tử! Cõi Tứ thiên kia không có quá hoạn nội thân và ngoại cảnh.

Cõi Sơ thiên có quá hoạn: Trong có giác quán cho nên ngoài có hỏa tai.

Cõi Nhị thiên có quá hoạn: Trong có vui mừng cho nên ngoài có thủy tai .

Cõi Tam thiên có quá hoạn: Trong có hơi thở cho nên ngoài có phong tai.

Cõi Tứ thiên trong không có quá hoạn, ngoài cũng không có quá hoạn cho nên ba thứ "tai họa lớn" không thể đến được.

Đại Bồ tát cũng vậy, trụ trong Đại thừa Đại Niết Bàn trong ngoài đều không quá hoạn, cho nên sự chết chẳng đến được.

Này nữa Thiện nam tử ! Như loài Kim Sứy Điều có thể nuốt, tiêu hóa tất cả loài rồng, cá và các thứ châu báu trong bụng, trừ chất kim cương không tiêu hóa được. Sự chết nuốt tất cả chúng sanh nhưng không tiêu được Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn.

Lại ví như cỏ cây ở bờ sông, nước lụt dâng lên đều bị cuốn trôi theo dòng vào biển lớn, trừ cây dương liễu vì cây này mềm và dẻo. Tất cả chúng sanh đều bị trôi phăng vào biển chết, trừ Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Luận về sự chết là chỗ hiểm nạn không gì giúp đỡ. Đi đường xa xôi mà không bạn bè, ngày đêm đi mãi, đích đến không có. Sâu thăm tối tăm, không có đuốc đèn. Không có cửa ngõ mà có chỗ nó vào. Nó qua không ai ngăn được, nó đến không ai lánh được. Nó không phá phách mà thấy sàu khổ. Nó không có hình thù quái dị mà khiến ai cũng kinh sợ. Nó ở bên người mà người chẳng hay chẳng biết !

Này Ca Diếp Bồ tát ! Những điều dụ đó chỉ là một phần khổ trong vô lượng thí dụ, đủ biết rằng chết là rất khổ.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là Đại Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát ÁI BIỆT LY khổ ?

_ Ái biệt ly khổ cũng có thể là gốc cội sanh ra nhiều khổ. Như Lai há chẳng dạy cho các đệ tử qua một bài kệ:

Nhân ái sanh lo rầu

Từ lo rầu đi đến sợ sệt

Nếu xa lìa ái nhiễm

Sẽ không còn lo và sợ

Luận về ái biệt ly khổ có hai: Một, ái sanh ly. Hai, ái tử biệt. Tử biệt sanh ly là nỗi thống khổ của con người không một chúng sanh nào trốn tránh khỏi.

Thiện nam tử ! Ta hồi tưởng: Thuở quá khứ, người sống rất dài lâu. Lúc bấy giờ có nhà vua tên Thiện Trụ. Vua ở ngôi trị nước tám muôn bốn ngàn năm. Đỉnh đầu của vua mọc lên một bươu thịt mềm nhuyễn như bông, mỗi ngày một lớn. Mãn mười tháng, bươu nứt ra, sanh một đồng tử hình dung đẹp lạ. Nhà vua vui mừng, đặt tên là Đảnh Sanh. Khi thấy con đủ trí khôn ngoan, vua Thiện Trụ giao hết việc trị nước cho Thái tử Đảnh Sanh, rời bỏ ngai vàng điện ngọc, quyến thuộc, mỹ nữ cung phi, vào núi rừng ẩn dật tu hành.

Vào ngày trăng tròn, cảnh vật tốt tươi như hân hoan chào đón một tân vương tức vị. Vua Đảnh Sanh xưng vương ! Từ đây vua sẽ thống trị thần dân thiên hạ. Do phước đức tích lũy thiện nghiệp lâu đời, bỗng nhiên từ các phương Đông, Tây, Nam, Bắc lần lượt hiện ra và bay đến tay vua, dâng tặng nhà vua bảy thứ báu của một vị Chuyển Luân Thánh Vương mới có quyền được sử dụng. Đó là:

Kim luân bảo, bánh xe vàng ngàn cãm.

Tượng bảo, voi chiến trăm trận trăm thắng.

Mã bảo, vạn lý mã, lần đi muôn dặm.

Ngọc nữ bảo, hầu vua, giúp vua, chăm lo sức khỏe vua.

Ma ni bảo, chiếu ánh sáng năm dặm nếu vua phải ở chỗ tối. Che an toàn năm dặm, nếu vua bị mưa và mưa đá.

Chủ tạng thần bảo. Vua cần vàng ngọc châu báu, vật dụng, chủ tạng thần sẽ chu cấp đầy đủ ngay ý muốn.

Chủ binh thần bảo, binh thiện chiến đánh đâu thắng đó. Cần nhiều hiện nhiều theo ý muốn. Không cần, thần binh ẩn mất. Khởi chu chấp lương tiền.

Thất bảo tự hiện đến tay. Vua Đảnh Sanh tự biết mình là "Chuyển Luân Thánh Vương". Phước đức uy quyền, thế lực trùm thiên hạ như các Chuyển Luân Thánh Vương trong quá khứ. Vua bèn phán cho các thần tướng thiên binh rằng: Cõi Diêm phù đề nay đã an ổn giàu có, vui đẹp không còn phải lo gì ! Sự hùng cường và uy lực của một Chuyển Luân Thánh Vương, tượng mã thất trân sung mãn giờ đây ta nên làm gì ? Các thần quan thưa: Phương Đông, châu Đông Thắng Thần (Phát bà đề) chưa qui thuận, Đại vương nên đem binh đi chinh phục. Vua chuẩn tấu dùng thất bảo bay qua châu Đông Thắng Thần, cả nhân dân trong châu lập hương án nghinh đón vui mừng qui thuận với tấm lòng ái mộ.

Các quan khuyên vua nên chinh phục tiếp châu Tây Ngưu Hóa (Cù đà ni) ở phương Tây. Rồi châu Bắc Cu Lô (Uất đơn việt). Thế là bốn châu thiên hạ đều qui thuận, thần phục dưới sự thống trị của Chuyển Luân Thánh Vương.

Các quan tâu: Bốn châu thiên hạ đã gồm thâu một mối, nhân dân an ổn. Nay còn cõi trời Dao Lợi, chưa qui thuận, xin Đại vương cử binh chinh phạt để tỏ rõ sức mạnh uy thế của vua.

Vua Đảnh Sanh khởi binh bay đến cõi trời Dao Lợi, nhà vua trông thấy cây Ba lợi chất đa xinh đẹp. Chư thiên trong mùa hạ thường tụ họp vui chơi dưới bóng cây này. Lại thấy một lầu đài màu trắng dịu đẹp mắt, các cận thần cho biết đó là Thiện pháp đường, nơi Đế Thích giảng đạo và chư thiên hội họp bàn luận việc trời, việc người.

Thiên chúa Thích Đề Hoàn Nhơn, biết vua Đảnh Sanh đến liền ra tiếp rước, niềm nở cầm tay rước vào Thiện pháp đường. Hai vua cùng ngự trên tòa báu. Hai vua giống nhau như đúc khó mà phân biệt, chỉ có đôi mắt nhìn và nháy mà phân biệt được thôi.

Bấy giờ vua Đảnh Sanh nghĩ bụng: Nay ta có thể đuổi Thiên Đế này, để ta ở đây làm Thiên vương thọ hưởng khoái lạc cõi trời !

Thiên Đế Thích là vị vua trời ham thọ trì, đọc tụng kinh điển Đại thừa, thường vì chư thiên giảng kinh Đại thừa, Có điều là chưa thâm đạt thâm

nghĩa của kinh. Do thọ trì, giảng thuyết kinh điển Đại thừa nên Thiên đế có oai đức lớn. Khi vua Đảnh Sanh khởi ác tâm đối với Thiên Đế, tổn phước, liền tự rơi xuống Diêm phù đề trở lại. Thất thân....tượng mã tự mất hết. Vua hối tiếc, lòng rất sầu khổ, không bao lâu vua phải bệnh mà chết (băng hà).

Này Thiện nam tử ! Thiên Đế thuở đó là tiền thân đức Phật Ca Diếp. Vua Đảnh Sanh hồi ấy, chính là tiền thân của ta.

Này Thiện nam tử ! Phải biết ái biệt ly như vậy là rất khổ. Bồ tát tu hành Đại thừa Đại Niết Bàn mà chẳng quán sát ái biệt ly khổ là một thiếu sót lớn trên con đường giải thoát giác ngộ.

Này Thiện nam tử ! Thế nào Đại Bồ tát tu hành Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát OÁN TẮNG HỘI khổ ?

_ Bồ tát thấy rõ: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, loài người, loài trời đều có sự oán tắng hội khổ giống nhau, không có một loài nào tránh khỏi. Ví như có người suy nghĩ thấy rõ rằng lao ngục nhốt, giam, còng, trói, gông, cùm, xiềng, xích, hành hạ là rất khổ. Cũng vậy, Đại Bồ tát quán thấy năm loài chúng sanh đều ở trong hoàn cảnh chung sống mà oán tắng lẫn nhau, thật là rất khổ. Lại ví như có người sợ kẻ oán thù ám hại, giết chết nên bỏ cha mẹ vợ con, thân bằng quyến thuộc, tài sản sự nghiệp bỏ xứ, trốn tránh đi xa ! Bồ tát cũng vậy, vì tránh khỏi sanh tử nên tu hành lục độ ba la mật chứng nhập Niết Bàn. Đây gọi là Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát oán tắng hội khổ.

_ Này Thiện nam tử ! Thế nào là Bồ tát tu hành Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát CẦU BẤT ĐẮC khổ ?

_ Cầu là mong cầu, ước muốn. Sự mong cầu có nhiều dạng, tổng quát mà luận có hai thứ: Một, cầu pháp lành. Hai, cầu pháp chẳng lành. Cầu pháp lành mà chưa được hoặc không được nên khổ. Pháp chẳng lành muốn rời bỏ mà chưa được hoặc không được nên khổ.

Đây là lược nói ngũ ấm thanh khổ, được đúc kết trong quá trình tương tục và liên hoàn: Sanh, Lão, Bệnh, Tử, Ái biệt ly, Oán tắng hội, Cầu bất đắc mà gọi chung là NGŨ ẤM THẠNH KHỔ: KHỔ ĐẾ.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Theo lời Phật nói "ngũ ấm thanh khổ" hôm nay, con nhớ không lầm, rằng trước đây Phật đã dạy cho Thích Ma Nam: "Nếu sắc là khổ, tất cả chúng sanh, lẽ ra chẳng nên cầu sắc, nếu có người cầu thì chẳng gọi là khổ".

Lần khác Phật dạy các Tỳ kheo: "Thọ có ba thứ: khổ thọ, lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ".

Có lần Phật dạy: "Nếu người tu pháp lành thì được thọ lạc. Mắt thấy sắc đẹp vui. Tai, mũi, lưỡi, thân cho đến ý suy nghĩ pháp lành là có được an vui".

Rồi có lần Phật cũng nói cho các thầy Tỳ kheo:

Trì giới sẽ được vui

Thân chẳng bị sự khổ

Ngủ nghỉ được an ổn

Thức dậy lòng khoan khoái

Lúc nhận lấy y thực

Đọc tụng và kinh hành

Ở riêng nơi rừng núi

Vui thanh tịnh, gì hơn ?

Ít muốn biết tư duy

Vui học rộng biết nhiều

A la hán không chấp

Cũng gọi là thọ vui

Các vị Đại Bồ tát

Rốt ráo đến bờ kia

Việc làm, làm đã xong

Đây gọi là rất vui.

Bạch Thế Tôn ! Trong các kinh nói về sự an vui đức Thế Tôn đã dạy như vậy, thế nào phù hợp với nghĩa KHỔ Phật dạy hôm nay ?

Phật dạy: Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đối với sự khổ hạnh hạ, tưởng lầm là vui, vì vậy ta nói có vui. Sự thật, khổ hạnh hạ: ba ác thú; khổ hạnh trung: con người; khổ hạnh thượng: hàng trời, đều khổ, không có vui. Ví như người bị phạt đòn ba roi: roi đầu, roi giữa, roi sau cùng đều đau và khổ như nhau. Vì vậy, lời dạy của Phật trước kia và lời Phật nói hôm nay không có chống trái.

Này Thiện nam tử ! Nói về THỌ có ba thứ: lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ (không khổ cũng không vui).

Nói về KHỔ cũng có ba: KHỔ KHỔ, HÀNH KHỔ và HOẠI KHỔ. Do vậy, trong sanh tử có thể nói có "lạc thọ". Nhưng dùng tuệ nhãn mà quán sát, Đại Bồ tát thấy tánh khổ và tánh lạc chẳng rời nhau nên nói rằng tất cả đều khổ. Và sự thật trong sanh tử trọn không có vui, chư Phật, Bồ tát tùy thuận thế gian mà nói là "có vui".

Như Lai nói "có vui", mà Như Lai không có lỗi hư vọng. Vì do lời động viên, khuyến khích đó mà chúng sanh phát tâm hướng đến giác ngộ, giải thoát làm nhơn cho Vô thượng Bồ đề.

Vả lại cũng là sự thật: Những tiện nghi vật chất, giúp cho đời sống được nâng cao, thoải mái là cho sự vui. Ăn ngon vui, uống rượu có vui, café, nữ sắc có vui, không ai phủ nhận được. Cũng là điều không ai phủ nhận được: Sự vui nào cũng gắn liền sự khổ đi kèm theo. Do vậy, Phật, Bồ tát thấy rõ và nói: KHÔNG CÓ TƯỚNG RỐT RÁO vui !

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ tát đối với tám điều khổ hiểu rõ là khổ nên không bị khổ.

Này Thiện nam tử ! Tất cả Thanh văn, Duyên giác, không biết nhơn của sự vui, nên Phật vì họ ở trong sự khổ hạnh hạ nói có tướng vui. Chỉ có Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn mới biết được nhơn của sự khổ, sự vui này ! Bồ tát các ông hãy tư duy KHỔ ĐỂ TRÊN ĐƯỜNG tu học.

TRỰC CHỈ

* Thánh hạnh là hạnh tu, là việc làm của bậc thánh nhơn. Thánh nhơn xuất thế gian là người có chánh niệm, thường tỉnh thức, làm chủ được thân, khẩu, ý của mình. Thánh hạnh ở đây chỉ cho việc làm của Đại Bồ tát tu nhân thành Phật và là việc làm của chư Phật thường làm. Bồ tát tu tập Đại thừa Đại Niết Bàn nương theo "Thánh hạnh" mà tu, quyết định thẳng tiến đến địa vị Phật.

Bồ tát tu Thánh hạnh, phải là người có chủng tử Đại thừa, phát tâm cầu thành Phật, thường quán niệm tư duy "phú quý hoa gian lộ, công danh thủy thượng âu". Lịch sử Việt Nam cũng như lịch sử trên thế giới, ai là người có đức tâm đã thấy nghe không biết bao nhiêu những tấm gương sờ sờ kim cổ.

"Ai công hầu, ai khanh tướng, cuộc trần ai ai dễ biết ai !"

"Thế chiến quốc, thế Xuân thu, gặp thời thế, thế thời phải thế !"

Tư duy và quán chiếu sự trần ai. Bồ tát cạo bỏ râu tóc, xuất gia tu hành phạm hạnh hồi hướng Vô thượng bồ đề.

* Người xuất gia thọ cụ túc giới, từ "tứ ba la di" đến "thất diệt tránh" thọ trì nghiêm túc, như người lội qua biển khổ đã có được chiếc phao. Phải giữ gìn chiếc phao tức giữ gìn "tuệ mạng". Dễ đuối để hư hỏng, thủng rách, dù vết nhỏ như lỗ kim cũng khó mà qua biển được !

* Bồ tát thường tư duy về thân. Thân chỉ là một tổng hợp của ba mươi sáu vật bất tịnh. Tóc, lông, răng, miệng...đến đại tràng, tiểu tràng, bàng quang, tam tiêu...đều là "giả chúng duyên", do duyên hòa hợp...

* Phá giới tùy động cơ, tùy mục đích, cho nên phá giới có thể cứu được, cũng có thể không cứu được. Phá giới phải đọa tam đồ, cũng có trường hợp phá giới lại vun bồi sâu cội rễ Bồ đề thêm vững chắc, như chuyện nhà vua Tiên Dư giết chết vị Bà la môn mà mười hai năm qua mình đã một lòng kính quý và cung phụng !

* Người tu tập Tứ thánh đế cũng được gọi là Thánh hạnh. Do vậy, Bồ tát tu Đại thừa Đại Niết Bàn cũng không thể không quán sát TỨ THÁNH ĐẾ trên đường tu tập học đạo, hành đạo của mình.

KHỔ là tướng bức bách.

TẬP là tướng nảy sanh và tăng trưởng.

DIỆT là tướng vắng lặng.

ĐẠO là tướng Đại thừa.

* Khổ có ba tướng: Khổ khổ. Hành khổ. Hoại khổ. Tập là hai mươi lăm cõi. Diệt là dứt trừ hết hai mươi lăm cõi. Đạo là tu tập giới định tuệ.

* Khổ là quả, Tập là nhơn. Khổ tập là cặp phạm trù nhơn quả thế gian. Nhơn quả khi còn trong cảnh giới mê mờ.

* Diệt là quả. Đạo là nhơn. Diệt đạo thuộc phạm trù nhơn quả xuất thế gian. Nhơn quả của con người bước sang con đường giác ngộ.

* Ba khổ, tám khổ trong khổ đế. Kiến hoặc, tư hoặc trong tập đế. Hai đế này làm nhơn quả cho nhau, nối dài dòng sanh tử không có lúc cùng tận. Diệt đế là cảnh giới mà không cảnh giới. Do "diệt" hết hai mươi lăm cảnh giới từ "tam hữu" mà có ra. Đạo đế chỉ là hành động của con người thấy đúng lẽ thật, biết đúng lẽ thật, hành động đúng lẽ thật trong cuộc sống. Do vậy, loại bỏ được hết nhơn khổ, Niết bàn an lạc hiển hiện ra.

Giáo lý tứ đế là hệ giáo lý trọng tâm then chốt của Tiểu thừa mà cũng là nền móng cơ sở của Đại thừa. Vì vậy, thời pháp Đại thừa Đại Niết Bàn này, đức Phật dạy lại cho các Đại Bồ tát rất rõ ràng tường tận hơn lúc nào hết.

* Từ khổ thọ mà có sanh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, cầu bất đắc và ngũ ấm thành khổ. Bồ tát tu tập Đại thừa Đại Niết Bàn vẫn phải thường quán chiếu tư duy như vậy.

Thủy tai, hỏa tai, phong tai gọi chung là đại tam tai. Hỏa tai tiêu hoại tới cõi sơ thiên. Thủy tai tiêu hoại đến nhị thiên. Phong tai tiêu hoại đến tam thiên. Cõi tứ thiên không bị liên lụy gì về đại tam tai ấy. Lý do, cõi tứ thiên không còn ý nghĩ chấp nê lầm lỗi ở tâm, thân. Nội tâm có "quá hoạn", ngoại cảnh có "nguy cơ". Nội tâm thanh tịnh, ngoại cảnh không có gì là "trần cấu" cả !

"Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh"

Đức Phật kể câu chuyện vua Thiện Trụ sanh Thái tử Đảnh Sanh. Lên ngôi vào ngày trăng tròn, vua Đảnh Sanh là Chuyển Luân Thánh Vương có tượng...mã...thất thân. Vua chinh phục nơi nào nơi đó đều thần phục thắng lợi về vang. Chỉ có thất bại trận cuối cùng rồi hết phước, đau khổ luyến tiếc mà chết. Qua câu chuyện xa xưa ấy, người học Phật không được lơ đãng cảnh giác để rơi vào tư tưởng hoang đường của "cổ tích" rồi xa thực tế. Mà phải hiểu rằng, đây là bộ môn VỊ TĂNG HỮU trong mười hai cách thuyết giáo của đấng Thế tôn !

Người phàm phu không tranh luận khổ vui với những bậc tu hành an bản lạc đạo. Ca Diếp Bồ tát mượn ý tưởng thường tình đó để cầu Phật khai thị cái vui nào có giá trị chơn thật, cái vui nào là "phương tiện", cái vui nào chỉ là "ảo" do "tưởng" sanh ra./.

Đức Phật dạy: Này Thiện nam tử ! Đại Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát TẬP ĐẾ như thế nào ?

_ Bồ tát quán sát rằng tập đế là nhơn của ngũ ấm. Tập có nghĩa tích lũy, luyến ái "tam hữu". Ái có hai thứ: Một, ái ngã. Hai, ái ngã sở hữu, những tiện nghi vật chất cần dùng.

Lại nữa, còn có thiện ái và bất thiện ái. Người ngu si hay tìm cầu bất thiện ái. Bồ tát thường cầu thiện ái. Kẻ phàm phu tham ái cho nên gọi là "tập đế" mà không có chơn đế. Ái của Bồ tát gọi là "chơn đế" không gọi là tập đế, vì Bồ tát muốn độ sanh nên thị hiện thọ sanh, không phải vì tham ái.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Trong các kinh khác đức Phật thường dạy: Nghiệp làm nhơn duyên có ngũ ấm xí thành. Có chỗ Phật nói kiêu mạn, có chỗ Phật nói vô minh làm nhơn duyên mà có ngũ ấm xí thành. Hôm nay có diệu ý gì Phật nói "tứ đế" riêng lấy ái làm nhơn duyên ngũ ấm xí thành khổ ?

Phật bảo: Ví như quốc vương lúc du hành, các quan hầu, cận vệ thầy đều đi theo. Cũng vậy, ái xuất hiện chỗ nào chỗ đó có kiết sử hiện hữu không rời. Như y phục thấm mồ hôi, bụi bặm liền bám dính, chỗ nào có ái những kiết sử triển phược có mặt. Đất ướt có thể mọc mầm thảo mộc. Ái có thể sanh

mầm nghiệp phiền não. Do vậy, Bồ tát trụ Đại Thừa Đại Niết Bàn quán sát ái có chín dạng nguy hiểm:

Một, như thiếu nợ

Hai, như lấy vợ La sát

Ba, như cành hoa đẹp có rắn độc quấn.

Bốn, như vật thực độc mà cố ăn

Năm, như dâm nữ

Sáu, như ma lâu ca (xanh đeo)

Bảy, như thịt thối trong ung nhọt

Tám, như gió bão

Chín, như sao chổi

Người thiếu nợ không trả nôi phải bị giam nhốt trong ngục tù mất hết tự do. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác còn tập khí thừa của "ái" nên không thể thẳng tiến đích Vô Thượng Bồ Đề.

Lấy gái La sát làm vợ sanh con ra nó ăn thịt con, hết thịt con, nó ăn thịt chồng. Ái cũng vậy, người gieo trồng được chút ít thiện căn, nó ăn thiện căn, ăn hết thiện căn, nó ăn luôn cả giới thân, tuệ mạng khiến cho đọa lạc trong ba đường ác. Chỉ ngoại trừ các vị Bồ tát.

Cành hoa đẹp có rắn độc quấn, người thích hoa đẹp đến ngắt hoa mà không lường được trong cành hoa có rắn độc, liền bị rắn độc cắn chết. Phàm phu tham ái ngũ dục, chẳng thấy sự độc hại của ái, bị ái làm hại trôi lăn trong ba đường ác, khó có cơ hội vượt ra.

Vật thực độc cố ăn thì chết. Ái là độc địa, đam mê ái sẽ ở mãi trong tam đồ.

Như dâm nữ

Hạt xanh đeo, hạt chùm gởi, chim ăn hạt, phân chim rơi bám da cây cỏ thụ. Cây xanh đeo mọc lên, to dần, lẩn lút, áp đảo làm cho cây cỏ thụ suy tàn

khô chết. Tham ái buộc quán phàm phu, pháp lành không tăng trưởng thậm chí không có cơ hội nảy sanh, đành vùi lấp mình trong bùn lầy ác đạo.

Nhọt mủ, ung thư không chạy chữa ắt phải chết. Thân ngũ ấm của phàm phu đựng một bầu ái dục, nếu không tinh tấn đoạn trừ tham ái, quyết chết trong tam đồ.

Gió bão có thể lở núi, ngã cây to. Ái dục có thể sanh tâm ác đối với cha mẹ, dư sức làm ngã đổ cội cây Vô Thượng Bồ đề.

Nhơn gian thấy sao chổi thường là năm không thuận lợi cho việc đồng áng, cho hoa màu, cho cuộc sống. Ái cũng vậy, có nó trong cuộc sống, con người có thể bị nhiều khổ lụy, nhiều phiền não mà căn lành thì không có điều kiện phát sanh.

Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát tham ái có chín dạng tai hại như vậy.

Do những nghĩa nói trên, hàng phàm phu có "khổ đế" không có chơn đế. Thanh Văn, Duyên Giác cũng vậy.

Các vị Bồ tát hiểu khổ, không có thật khổ. Bồ tát có chơn đế.

Hàng phàm phu có tập đế, không có chơn đế. Thanh Văn, Duyên Giác cũng vậy.

Các vị Bồ tát hiểu tập, không thật có tập. Bồ tát có chơn đế.

Hàng Thanh Văn, Duyên Giác có đạo đế, chẳng có chơn đế.

Đại Bồ tát có Đạo đế, có chơn đế.

Này Thiện nam tử ! Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát DIỆT THÁNH ĐẾ như thế nào ?

_ Diệt có nghĩa hoàn toàn trừ dứt các phiền não. Dứt trừ hết phiền não gọi là "tịch diệt". Thử "tịch diệt" ấy gọi là THƯỜNG. Do phiền não tịch diệt mà thọ dụng sự an vui: LẠC . Thọ dụng quả an lạc không do ước mơ, mong đợi, van xin nên gọi là TỊNH. Vì là THƯỜNG, LẠC, TỊNH nên không còn lăn lộn lại qua trong hai mươi lăm cảnh giới, đích thực là NGÃ. Đối với sắc,

thanh, hương, vị, xúc, pháp; với sanh, lão, bệnh, tử; với thành, trụ, hoại, không; với thân, sơ, bỉ, thử...không chấp thủ, không phan duyên nên gọi là cứu cánh tịch diệt. Đây là Đại Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát ĐẠO THÁNH ĐẾ

Đại Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát ĐẠO THÁNH ĐẾ như thế nào ?

_ Ví như đêm tối nhìn nơi đèn mà được thấy các vật lớn nhỏ. Cũng vậy, Đại Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn nhìn nơi bát chánh đạo mà được thấy tất cả pháp: Thường, vô thường. Lạc, phi lạc. Ngã, phi ngã. Tịnh, phi tịnh. Hữu vi, vô vi. Vật, phi vật. Chúng sanh, phi chúng sanh. Tịnh, bất tịnh. Phiền não, phi phiền não. Nghiệp, phi nghiệp. Thừa, phi thừa. Thật, phi thật. Kiến, phi kiến. Sắc, phi sắc. Đạo, phi đạo. Giải thoát, phi giải thoát. Đại Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát ĐẠO THÁNH ĐẾ như vậy.

Bạch Thế Tôn ! Ca Diếp thưa: Nếu tám thánh đạo là đạo thánh đế, nghĩa này không phù hợp những điều Phật dạy trước kia. Có những lần Phật dạy:

Đức tin là Đạo, vì do đức tin có thể dứt bỏ các phiền não.

Chẳng phóng dật là Đạo, vì chư Phật chẳng phóng dật mà được đạo Vô thượng Bồ đề.

Tinh tấn là Đạo, Phật dạy cho A Nan: Nếu có người tinh tấn thì được Vô thượng Bồ đề. Có lúc Phật nói: Quán thân, quán thọ, quán tâm, quán pháp có thể thành tựu Vô thượng Bồ đề. Rồi có lúc Phật nói chánh định là Đạo, quán vô thường là Đạo. Có khi Phật nói trụ A Lan Nhã, quán không tịch là Đạo. Lúc Phật nói lòng từ là Đạo. Lúc Phật nói bố thí là Đạo. Có lúc Phật nói trí tuệ là Đạo...

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu bát chánh đạo là đạo thánh đế, thì những kinh Phật dạy như vậy há chẳng phải là hư vọng ! Nếu những kinh đó chẳng phải hư vọng, duyên cớ gì trong những kinh đó không nói bát chánh đạo là đạo thánh đế ? Chẳng lẽ trước kia đức Phật có làm lộn quên sót chăng ? Nhưng con biết rằng chư Phật từ lâu đã xa lìa làm lộn.

Đức Phật khen Ca Diếp Bồ tát: Lành thay ! Nay Thiện nam tử ! Nay ông muốn biết kinh điển Đại thừa vì diệu có những pháp bí mật ẩn tàng nên hỏi Phật như vậy.

Này Thiện nam tử ! Những kinh điển ngày trước Phật đã nói như vậy, tất cả đều thu nhiếp vào trong Đạo thánh đế.

Này Thiện nam tử ! Ta nói lòng tin là Đạo, vì tín căn có thể hỗ trợ đạo Bồ đề. Do có lòng tin mà tinh tấn tiến lên Bồ đề vô thượng. Vì thế, lời Phật nói hiện nay cũng như trước kia đều không lầm lộn. Như Lai khéo biết vô lượng phương tiện, vì hóa độ chúng sanh nên phương thức thuyết pháp của Phật có nhiều dạng. Ví như lương y khéo biết các căn bệnh của bệnh nhân, tùy bệnh mà hợp thuốc và những thứ cấm kỵ. Đối với thuốc chỉ có nước, không ở trong lệ cấm. Có thể cho uống nước gừng, nước cam thảo, nước tể tân, nước đường phèn, nước trái táo, hoặc cho uống nước nóng, nước lạnh, nước trà...Lương y ấy khéo biết căn lành của bệnh nhân, dù thuốc có nhiều điều cấm kỵ, nhưng chỉ có nước, không ở trong lệ cấm. Cũng như vậy, Như Lai khéo biết phương tiện, trong một pháp tướng, tùy các loại chúng sanh, phân biệt diễn thuyết nhiều danh tướng. Các chúng sanh kia, theo chỗ lãnh thọ của mình mà tu tập dứt trừ phiền não, được sự an vui. Như những bệnh nhân kia theo lời dặn của lương y mà bệnh được lành.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người biết nhiều thứ tiếng ở chung trong một nhóm đồng. Một hôm cả nhóm người cùng khát nước, đồng kêu lên: Tôi muốn uống nước ! Họ gọi tên nước bằng danh tự khác nhau. Hoặc nói: ba lũy. Hoặc nói: ba đa. Hoặc gọi: water. Hoặc kêu: phát tức. Có người nói: nhằm xùi...Họ gọi bằng vô số tên như vậy để cầu xin nước uống. Người thông minh, rành tiếng liền đem một thứ nước mát trao cho từng người, mọi người uống nước đều được khỏe mạnh vui tươi. Như Lai cũng vậy. Chỉ một "thánh đạo" thôi, Như Lai vì hàng Thanh Văn diễn thuyết nhiều ngôn từ: Tín căn, niệm lực, chánh căn, như ý túc, trạch pháp, khinh an, định tuệ, hành xả...và bát chánh đạo.

Này Thiện nam tử ! Như người thợ kim hoàn dùng một chất vàng, tùy ý chế tác làm các thứ trang sức: khoen tai, cà rá, kiềng cổ, vòng tay, dây chuyền, trâm, nhẫn...dù làm ra nhiều thứ khác nhau, nhưng tất cả không ngoài chất

vàng. Cũng như vậy, Như Lai dùng một Phật đạo, tùy mọi loài chúng sanh mà phân biệt diễn thuyết:

Hoặc nói một thứ, như: Chư Phật một đạo, không hai.

Hoặc nói hai thứ: Định và tuệ.

Hoặc nói ba thứ: Kiến, trí, và tuệ.

Hoặc nói bốn thứ: Kiến đạo, tu đạo, vô học đạo, và Phật đạo.

Hoặc nói năm thứ: Tri hành đạo, pháp hành đạo, tín giải thoát đạo, kiến đạo, thân chứng đạo.

Hoặc nói sáu thứ: Tu đà hoàn đạo, Tu đà hàm đạo, A na hàm đạo, A la hán đạo, Bích chi Phật đạo và Vô thượng Bồ đề đạo.

Hoặc nói bảy thứ: Niệm giác phần, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, khinh an giác phần, định giác phần và xả giác phần.

Hoặc nói tám thứ: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

Hoặc nói chín thứ: Bát chánh đạo và tín.

Hoặc nói mười thứ: Thập trí lục.

Hoặc nói mười một thứ: Thập trí lục và đại từ.

Hoặc nói mười hai thứ: Thập trí lục, đại từ và đại bi.

Hoặc nói mười ba thứ: Thập trí lục, đại từ, đại bi và niệm Phật tam muội.

Lại nói hai mươi đạo: Thập trí lục, tứ vô sở úy, đại từ, đại bi, niệm Phật tam muội và chánh niệm.

ĐẠO chỉ một thể. Ngày trước Như Lai tùy căn cơ chúng sanh mà phân biệt diễn thuyết sai khác đó thôi !

Lại nữa, như một thứ lửa, dựa vào thứ nó đốt cháy mà có nhiều tên sai khác: Lửa củi, lửa rơm, lửa mặt cưa, lửa than đước, lửa than đá, lửa phân bò, lửa gió đá, lửa hàn xì. Cũng vậy, ĐẠO chỉ có một, nhưng vì chúng sanh phân

biệt điển nói sai khác. Lại nữa, thức chỉ có một làm gì có sáu, nhưng phân biệt nói thành sáu. Thức xúc tác nhãn căn gọi là nhãn thức....cho đến xúc tác ý căn thì gọi là ý thức. ĐẠO cũng vậy, chỉ có một, không có hai, vì hóa độ chúng sanh mà phân biệt nói, thành ra có sai khác.

Này Thiện nam tử ! Như một sắc pháp, mắt thấy gọi là sắc, tai nghe gọi là thanh, mũi ngửi gọi là hương, lưỡi nếm gọi là vị, thân cảm nhận gọi là xúc, ý nhận thức phân biệt gọi là pháp. Cũng vậy, ĐẠO chỉ có một không có hai, vì hóa độ chúng sanh, Như Lai phân biệt nói sai khác.

Do nghĩa đó, nên Bát thánh đạo gọi là Đạo thánh đế. Bốn thánh đế như vậy, chư Phật tùy thuận theo thứ lớp mà giảng nói, vô lượng chúng sanh nhờ vậy được thoát khỏi sanh tử ưu bi khổ não.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Ngày trước có một lần nọ, Phật ở trong rừng Thi thủ bên bờ sông Hằng, Như Lai lấy một ít lá cây giơ lên bảo các Tỳ kheo: "Lá cây trong tay ta nhiều hay tất cả lá cây trên đại địa (địa cầu) nhiều ?" Các Tỳ kheo bạch Phật: "Lá cây trên đại địa nhiều vô lượng, mấy chiếc lá trên tay Phật quá ít, không thể so sánh tỷ lệ được !". Đức Phật dạy các Tỳ kheo: Những pháp Như Lai giác ngộ nhiều như những lá cây trên toàn đại địa, còn những pháp ta vì chúng sanh tuyên nói ít như mấy chiếc lá trong tay này !

_ Bạch Thế Tôn ! Cứ như lời Phật, Như Lai rõ biết vô lượng pháp môn, tất cả đều thu nhiếp trong tứ thánh đế. Giả sử còn pháp nào lọt ngoài tứ thánh đế lẽ ra còn phải có để thứ năm ?

Phật khen Ca Diếp Bồ tát: Lời hỏi của ông có thể đem lại an vui cho vô lượng chúng sanh !

Này Thiện nam tử ! Tất cả pháp môn đều thu nhiếp trong tứ thánh đế.

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu chẳng còn pháp nào lọt ngoài tứ thánh đế, có sao Như Lai bảo trước đại chúng rằng: "Còn vô lượng pháp môn mà Như Lai chưa nói ra ?

_ Này Thiện nam tử ! Dù nhiếp thu trong bốn thánh đế, nhưng chẳng gọi là đã nói hết. Vì người rõ biết tứ thánh đế có hai thứ trí: một, trí bậc trung. Hai,

trí bậc thượng. Bậc trung là trí của Thanh Văn, Duyên giác. Bậc thượng là trí của Bồ tát, Phật.

Biết thân ngũ âm khô là trí bậc trung. Biết thân ngũ âm có vô lượng tướng khô là trí bậc thượng. Hàng Thanh văn, Duyên giác không biết được.

Biết các "nhập" khô là trí bậc trung. Biết rất rõ các "nhập" có vô lượng tướng khô là trí bậc thượng.

Biết các "giới" khô là trí bậc trung. Biết rất rõ các "giới" có vô lượng tướng khô là trí bậc thượng.

Biết "sắc" có tướng hư hoại là trí bậc trung. Biết rất rõ các sắc có vô lượng tướng hư hoại là trí bậc thượng.

Biết "thọ" là tướng xúc giác là trí bậc trung. Biết rất rõ thọ có vô lượng tướng xúc giác là trí bậc thượng.

Biết "tưởng" là chấp lấy tướng là trí bậc trung. Biết rất rõ tưởng có vô lượng tướng chấp lấy là trí bậc thượng.

Biết "hành" là tướng vận hành tạo tác là trí bậc trung. Biết rất rõ hành có vô lượng tướng vận hành tạo tác là trí bậc thượng.

Biết "thức" là tướng phân biệt là trí bậc trung. Biết thức có vô lượng phân biệt là trí bậc thượng.

Biết "ái" làm nhân duyên sanh năm âm là trí bậc trung. Biết rõ mỗi người có thể có vô lượng vô biên ái là trí bậc thượng.

Biết "dứt diệt phiền não" là trí bậc trung. Biết rõ phiền não vô lượng không thể tính đếm, dứt diệt là trí bậc thượng.

Biết "đạo" có thể xa lìa phiền não là trí bậc trung. Biết rõ đạo có vô lượng vô biên tướng xa lìa phiền não là trí bậc thượng.

Biết "thế đế" là trí bậc trung. Biết rõ thế đế có vô lượng vô biên tướng là trí bậc thượng.

Này Thiện nam tử ! Tất cả hạnh vô thường. Các pháp vô ngã. Niết bàn tịch diệt. Đây là đệ nhất nghĩa. Hiểu như vậy là trí bậc trung. Biết rõ đệ nhất nghĩa vô lượng vô biên không có giới hạn là trí bậc thượng.

_ Này Ca Diếp Bồ tát ! Những kinh nghĩa Như Lai tuyên thuyết trước đây nhằm dạy cho hàng Thanh văn, Duyên giác, những người có trí bậc trung. Những kinh nghĩa Như Lai nói hôm nay mà ở các kinh trước dạy Như Lai chưa nói. Vì vậy, đối với kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này người có trí bậc thượng mới tiếp thu viên mãn !

Văn Thù Sư Lợi Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Thế đế và đệ nhất nghĩa đế là hai hay là một. Trong đệ nhất nghĩa đế có thế đế chăng ? Trong thế đế có đệ nhất nghĩa đế chăng ? Nếu là có thì chỉ cần nói một đế là đủ rồi ! Nếu không, lẽ nào lời diễn thuyết của Như Lai có làm lộn ?

Phật bảo: Thiện nam tử ! Thế đế chính là đệ nhất nghĩa đế !

_ Bạch Thế Tôn! Như vậy không cần nói có hai đế !

Phật bảo: Có nhân duyên, khéo tùy thuận vì chúng sanh phân biệt diễn thuyết có hai đế.

Dựa trên ngôn thuyết, đáp ứng sự nhận thức của người thế gian. Pháp có thể chia hai thứ: Một, thế pháp. Hai, xuất thế pháp.

Chỗ hiểu biết của người xuất thế gọi là đệ nhất nghĩa đế.

Chỗ hiểu biết của người đời gọi là thế đế.

Năm âm hòa hợp gọi tên AB. Chúng sanh phàm phu chấp thủ tên gọi đó là thế đế.

Hiểu biết năm âm không có tên AB, rời năm âm cũng không có tên AB. Người xuất thế đúng theo tánh tướng mà hiểu biết, gọi là đệ nhất nghĩa đế.

Này Thiện nam tử ! Có pháp có tên, có sự thật. Có pháp có tên, không sự thật. Có tên, không sự thật là thế đế. Có tên, có sự thật là đệ nhất nghĩa đế. Ví dụ: ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng, tri kiến, dưỡng dục, sĩ phu, tác giả, thọ giả, càn thát bà thành, quy mao, thổ giốc, âm, giới, nhập...là thế đế. Khổ, tập, diệt đạo là đệ nhất nghĩa đế.

Thế pháp có năm loại: Một, danh thế. Hai, cú thế. Ba, phược thế. Bốn, pháp thế. Năm, chấp thủ thế.

Nam, nữ, bình, bàn, con ngựa, chiếc xe, hoa hồng, hoa cúc...do người thế áp đặt cho, gọi là danh thế.

Bốn câu thành một bài kệ: Cú thế

Mở ra, gói lại, trói, buộc, gông, xiềng, chấp tay...là phược thế.

Đánh kiềng chùy hợp tãng, gậy đàn tỳ bà tập binh xuất trận, đánh trống thúc quân..gọi là pháp thế.

Thấy người mặc y phục hoại sắc nghĩ đó là sa môn không phải Bà la môn. Thấy người gút dây đeo trên thân, bèn nghĩ đó là Bà la môn không phải sa môn...ấy là chấp thủ thế.

Đây là năm thứ thế pháp. Nếu có chúng sanh nào đối với năm thứ thế pháp như vậy mà tâm không điên đảo, biết đúng như thật, gọi là : ĐỆ NHẤT NGHĨA ĐẾ.

Nói tổng quát: Những thứ vật hữu vi, hữu hình, hữu hoại là pháp thế đế. Những thứ pháp vô vi, vô hình, bất hoại gọi là đệ nhất nghĩa đế.

Văn Thù Sư Lợi thưa: Bạch Thế Tôn ! Chơn đế, Phật nói ý nghĩa thế nào ?

Phật bảo: Chơn đế là pháp chơn thật. Nếu pháp không chơn thật, không gọi chơn đế.

Chơn đế là không điên đảo. Chơn đế là không hư hoại. Chơn đế là đại thừa. Chơn đế là lời của Phật nói, không có pha lẫn ý tứ của lời ma. Chơn đế là đạo (con đường) duy nhất có thanh tịnh, không con đường thứ hai nào giống như vậy. Chơn đế có Thường, có Lạc, có Tịnh, có Ngã. Có đủ những đặc tính thanh tịnh đó, gọi là chơn đế.

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu chơn đế là pháp chơn thật, vậy thì chơn đế tức Như Lai, cũng tức hư không, nhưng cũng tức là Phật tánh ? Vậy thì Như Lai, hư không, Phật tánh không sai khác ?

_ Này Văn Thù Sư Lợi ! Có khổ đế, có chơn đế. Có tập đế, có chơn đế. Có diệt đế, có chơn đế. Có đạo đế, có chơn đế.

Như Lai chẳng phải khổ đế nên Như Lai là chơn đế. Hư không và Phật tánh cũng vậy.

Khổ là tướng vô thường, là tướng có thể dứt diệt được không gọi chơn đế. Như Lai chẳng phải khổ, chẳng phải vô thường, chẳng phải tướng có thể dứt diệt được, vì vậy Như Lai là chơn đế. Hư không và Phật tánh cũng vậy.

Tập là những nhân tố kết hợp ngũ uẩn, sanh trưởng ngũ uẩn cho nên gọi là khổ, vô thường cũng là tướng dứt diệt được, không gọi chơn đế. Như Lai chẳng phải tập, chẳng phải nhơn của ngũ ấm, chẳng phải tướng diệt được, vì vậy Như Lai là chơn đế. Hư không và Phật tánh cũng vậy.

Diệt là vắng lặng không còn phiền não, là thường mà cũng là vô thường. Diệt của Như Lai chứng được là thường. Diệt của Nhị thừa chứng được là vô thường. Diệt là pháp đối tượng chứng được là chơn đế. Như Lai tánh chẳng gọi là diệt mà có thể dứt diệt phiền não. Hư không cũng vậy.

Đạo là con đường khai thông, là phương pháp dứt diệt phiền não. Đạo cũng thường cũng vô thường. Đạo là pháp có thể tu tập, cho nên cũng là chơn đế. Như Lai chẳng phải là đạo nhưng Như Lai có thể dứt diệt vắng lặng phiền não, Như Lai chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Như Lai chẳng phải là pháp tu tập, Như Lai thường trụ không biến hoại, vì vậy nên Như Lai là chơn đế. Hư không và Phật tánh cũng vậy.

Này Thiện nam tử ! Chơn đế chính là Như Lai. Như Lai là chơn đế. Hư không và Phật tánh cũng vậy.

Văn Thù Sư Lợi Bồ tát hỏi: Theo lời Phật nói: chẳng điên đảo gọi là chơn đế. Vậy trong tứ đế có bốn thứ điên đảo và hư vọng chẳng ?

Phật bảo: Tất cả điên đảo đều nhiếp thuộc vào khổ đế. Lời nói của ma cũng nhiếp thuộc vào khổ đế và tập đế.

_ Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật nói: "Đạo đế" là con đường, là pháp tu duy nhất thanh tịnh không hai. Các phái ngoại đạo họ cũng nói: Ta có "đạo" duy

nhất thanh tịnh không hai. Nếu "đạo" của Phật nói là chân đế, còn "đạo" của ngoại đạo nói phải hiểu như thế nào ?

_ Này Thiện nam tử ! Các phái ngoại đạo có khổ đế, có tập đế mà không có diệt đế và đạo đế. Ở trong môi trường chẳng phải quả, chẳng phải nhơn mà họ tưởng là quả là nhơn. Do vậy, họ không có "đạo" duy nhất thanh tịnh không hai.

Ngoại đạo họ cũng có nói: Thường, lạc, ngã, tịnh nhưng thường, lạc, ngã, tịnh họ nói không có sự thật. Thường của ngoại đạo do ức tưởng cục bộ hẹp hòi cho nên với pháp tương tự thường, họ tưởng chơn thường. Với lạc tương tự, họ tưởng chơn lạc. Với ngã tương tự, ngoại đạo cho là chơn ngã. Do vậy, ngoại đạo không hề có chơn tịnh. Với pháp tịnh tương tự, ngoại đạo tưởng họ cũng có được chơn tịnh. Cho nên tất cả lý lẽ của ngoại đạo không có chơn đế, đều là vọng ngữ mà thôi.

Văn Thù Sư Lợi Bồ tát thưa: Hi hữu thay ! Bạch Thế Tôn ! Hôm nay Như Lai sắp nhập Niết bàn, phương tiện chuyển pháp luân vô thượng, phân biệt dạy rõ chơn đế với ý nghĩa sâu xa như vậy.

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ tát: Cho đến giờ phút này mà ông còn quan niệm : NHƯ LAI SẮP NHẬP NIẾT BÀN ư ?

Này Thiện nam tử ! Như Lai thường trụ, làm gì có xuất, có nhập ?

Như Lai chẳng bao giờ có quan niệm: Ta là Phật. Quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là quả sở chứng của ta.

Như Lai cũng chẳng có quan niệm: Rằng Như Lai có thuyết pháp, tất cả pháp mà Như Lai thuyết hơn 49 năm qua là pháp của Như Lai. Những quả vị Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát chứng đắc, không phải của Như Lai. Càng không phải Như Lai đặt ra để ban bố tặng thưởng cho chúng sanh nào.

Như Lai không có quan niệm rằng: Ta có thấy biết. Sự thấy biết là của ta. Cho đến tai nghe, mũi ngửi... cũng vậy.

Như Lai cũng chẳng có quan niệm: Ta là "sắc". Sắc là cái của ta. Thanh, hương, vị, xúc... cũng vậy.

Như Lai cũng chẳng có quan niệm: Ta là địa đại. Địa đại là ta. Thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức cũng như vậy.

Như Lai dù có thuyết: Tứ đế, ngũ uẩn, lục căn, lục trần, thất bồ đề phần, bát chánh đạo, cửu duyên, thập lục, thập nhị nhân duyên, lục ba la mật...nhưng lại không bao giờ có quan niệm những pháp mà Như Lai nói là "của Ta". Của ta nói, của ta biết. Như Lai trọn không có quan niệm như vậy, cho nên Văn Thù Sư Lợi không nên nghĩ rằng Như Lai có "chuyển pháp luân" ! Vì Như Lai thường trụ. Đã thường trụ thì không có biến đổi. Không biến đổi, sao lại gọi là "Như Lai phương tiện chuyển pháp luân" ?

Này Thiện nam tử ! Qua trí tuệ nhận thức của Như Lai, tất cả đều duyên sanh, do duyên hòa hợp. Như nhơn nhĩ căn, sắc pháp, ánh sáng và tư duy hòa hợp mà có ra nhĩ thức. Sắc chất, ánh sáng và tư duy chẳng nghĩ rằng ta sanh nhĩ thức. Nhĩ thức cũng chẳng nghĩ rằng ta có thể tự sanh. Những nhơn duyên hòa hợp như vậy, người đời gọi đó là thấy. Như Lai cũng như vậy, nhơn lục ba la mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo...mà giác ngộ rõ thấu các pháp lại nhơn yết hầu, lưỡi, răng, môi, miệng có ra lời, ra tiếng. Rồi vì các ông Kiều Trần Như...mà thuyết pháp lần đầu tiên gọi đó là "chuyển pháp luân". Do nghĩa đó, Như Lai chẳng gọi là Như Lai có "chuyển pháp luân"! (tam chuyển pháp luân ư Đại thiên. Kỳ luân bản lai thường thanh tịnh).

Này Thiện nam tử ! Pháp không thể chuyển. Như Lai cũng không có gì để chuyển, vì pháp tức Như Lai vậy. Ví như do bụi nhùi, do cọ xát, do phân bò khô, do tay người tác động mà có lửa sanh ra. Bụi nhùi chẳng nghĩ rằng ta sanh ra lửa, phân bò khô cũng không nghĩ lửa có ra ta...bàn tay, thanh thép, cục đá cũng chẳng phải nghĩ rằng ta sanh ra lửa. Lửa cũng chẳng nghĩ rằng ta có thể tự sanh ra. Như Lai cũng vậy, nhơn lục ba la mật, tứ đế...rồi vì các ông Kiều Trần Như...tuyên nói gọi là "chuyển pháp luân". Thực lý, Như Lai chẳng có pháp luân nào riêng của Như Lai để cho Như Lai chuyển !

Này Thiện nam tử ! Chuyển pháp luân là cảnh giới của chư Phật, Thế Tôn, chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác biết được.

Này Thiện nam tử ! Hư không chẳng phải sanh, chẳng phải xuất, chẳng phải tạo tác, chẳng phải pháp hữu vi. Như Lai cũng chẳng phải sanh, chẳng phải

xuất, chẳng phải tạo tác, chẳng phải pháp hữu vi. Vậy nên, Như Lai tức Phật tánh. Phật tánh tức Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Chư Phật Thế Tôn thuyết giáo có hai thứ ngôn từ: Một, thế ngữ. Hai, xuất thế ngữ.

Như Lai vì hàng Thanh văn, Duyên giác dùng thế ngữ để thuyết giáo.

Vì hàng Bồ tát dùng xuất thế ngữ để triển khai.

Đại chúng nghe pháp cũng có hai hạng: Một, hạng cầu Tiểu thừa. Hai, hạng cầu Đại thừa.

Ngày trước ở thành Ba La Nại, Như Lai chuyển pháp luân cho hàng Thanh Văn.

Nay ở thành Câu Thi Na, Như Lai vì hàng Bồ tát mà chuyển ...Đại pháp luân.

Này Thiện nam tử ! Căn tánh người cũng chia hai hạng: Trung căn và thượng căn.

Vì hạng trung căn ở thành Ba La Nại, Như Lai chuyển pháp luân "tứ chơn đế" cho nhóm ông Kiều Trần Như...

Vì hàng thượng căn như Ca Diếp Bồ tát...ở thành Câu Thi Na này, Phật chuyển: ĐẠI PHÁP LUÂN.

Còn hạng tối hạ căn, Như Lai chẳng chuyển pháp luân cho họ. Đó là hạng người nhất xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Người cầu Phật đạo có hai hạng: Một, hạng tinh tấn bậc trung. Hai, hạng tinh tấn bậc thượng.

Ở thành Ba La Nại, Như Lai vì người tinh tấn bậc trung mà chuyển pháp luân.

Nay ở thành Câu Thi Na này, Như Lai chuyển pháp luân cho người tinh tấn bậc thượng.

Ngày trước Như Lai ở thành Ba La Nại chuyển pháp luân lần đầu tiên có tám muôn thiên nhơn chứng được quả Tu Đà Hoàn.

Nay hội thuyết pháp tại thành Câu Thi Na này có tám muôn triệu người chứng được bậc bất thối chuyển Bồ đề vô thượng.

Ngày trước ở thành Ba la nại Đại Phạm thiên vương đánh lễ thỉnh Phật chuyển Pháp luân.

Nay ở thành Câu thi na này Ca Diếp Bồ tát đánh lễ thỉnh Phật chuyển pháp luân.

Này Thiện nam tử ! Ngày trước ở thành Ba La Nại lúc chuyển pháp luân Phật giảng thuyết về vô thường, khổ, không, vô ngã.

Nay tại thành Câu Thi Na Như Lai giảng thuyết về THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH.

Ngày trước ở thành Ba La Nại, lúc thuyết pháp, tiếng của Phật nghe xa đến trời Phạm Thế.

Nay tại thành Câu Thi Na này lúc chuyển pháp luân, tiếng của Phật nghe khắp hai mươi hằng sa thế giới mười phương.

Này Thiện nam tử ! Chư Phật Thế Tôn phàm có nói ra đều gọi là CHUYỂN PHÁP LUÂN. Ví như Chuyển Luân Thánh Vương có luân bảo, kẻ chưa hàng phục làm cho hàng phục. Người đã hàng phục làm cho an ổn tự tại trong đời sống. Chư Phật Thế Tôn phàm có thuyết pháp cũng có công năng như vậy: Vô lượng phiền não của người chưa điều phục khiến cho điều phục. Người đã điều phục khiến cho tăng trưởng căn lành thân tâm an ổn. Ví như luân bảo của Chuyển Luân Thánh Vương phá tan tất cả oán tặc. Pháp luân của Như Lai hóa giải diệt hết giặc cướp phiền não vô minh. Đem lại cho chúng sanh kiếp sống tịch tĩnh an lành.

Chuyển Luân Thánh Vương có luân bảo có thể chuyển xoay dưới trên, trên dưới trong việc chinh phục của mình. Như Lai chuyển pháp luân khiến cho chúng sanh ở các ác thú có thể xoay chuyển cõi trời, cõi người...nhấn đến thành Phật đạo.

Này Thiện nam tử ! Với công dụng thậm thâm vi diệu đó, nay ông chẳng nên khen rằng: Như Lai ở nơi đây lại CHUYỂN PHÁP LUÂN !

Này Ca Diếp ! Nghe như vậy, suy nghĩ như vậy, tu hành như vậy gọi là Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn thực hành THÁNH HẠNH.

Thánh hạnh là hạnh của chư Phật Thế Tôn thực hành. Tuy nhiên, hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát nghe rồi cũng có thể thực hành, nên gọi là Thánh hạnh. Đại Bồ tát tu hạnh này, sẽ được trụ vào bậc VÔ SỞ ÚY chẳng còn sợ tham, sân, si; chẳng còn sợ sanh, lão, bệnh, tử; cũng chẳng còn sợ ác đạo, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

Luận về ác đạo trong loài người có ba hạng: Một, nhất xiển đề. Hai, hạng hủy báng Đại thừa kinh điển. Ba, phạm tứ trọng tội. Bồ tát trụ bậc vô sở úy chẳng còn sợ rơi vào những hạng ác như vậy. Cũng chẳng còn sợ sa môn, Bà la môn, ngoại đạo, thiên ma ba tuần; cũng chẳng sợ phải thọ thân trong hai mươi lăm cõi.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ tát trụ bậc VÔ SỞ ÚY chứng được hai mươi lăm muôn tam muội, phá vỡ tan hai mươi lăm cõi:

Được Vô cầu tam muội, phá vỡ cõi địa ngục.

Được Bất thối tam muội, phá vỡ cõi súc sanh.

Được Tâm lạc tam muội, phá vỡ cõi ngạ quỷ.

Được Hoan hỉ tam muội, phá vỡ cõi A tu la.

Được Nhật quang tam muội, phá vỡ cõi Đông thắng thân châu.

Được Nguyệt quang tam muội, phá vỡ cõi Tây ngưu hóa.

Được Nhiệt diệm tam muội, phá vỡ cõi Bắc câu lô.

Được Như huyễn tam muội, phá vỡ cõi Nam diêm phù đề.

Được Nhất thiết pháp bất động tam muội, phá vỡ cõi Tứ thiên vương thiên.

Được Tội phục tam muội, phá vỡ cõi Dao lợi thiên.

Được Duyệt ý tam muội, phá vỡ cõi Diệm ma thiên.

Được Thanh sắc tam muội, phá vỡ cõi Đâu xuất thiên.

Được Huỳnh sắc tam muội, phá vỡ cõi Hóa lạc thiên.

Được Xích sắc tam muội, phá vỡ cõi Tha hóa tự tại thiên.

Được Bạch sắc tam muội, phá vỡ cõi Sơ thiên thiên.

Được Chủng chủng tam muội, phá vỡ cõi Đại phạm thiên vương.

Được Phong tam muội, phá vỡ cõi Nhị thiên.

Được Lô tam muội, phá vỡ cõi Tam thiên thiên.

Được Chú vỡ tam muội, phá vỡ cõi Tứ thiên thiên.

Được Như hư không tam muội, phá vỡ cõi Vô tướng thiên.

Được Chiếu kính tam muội, phá vỡ cõi Tịnh cư ngũ bất hoàn thiên.

Được Vô ngại tam muội, phá vỡ cõi Không vô biên xứ thiên.

Được Thường tam muội, phá vỡ cõi Thức vô biên xứ thiên.

Được Lạc tam muội, phá vỡ cõi Vô sở hữu thiên.

Được Ngã tam muội, phá vỡ cõi Phi tướng, phi phi tướng xứ thiên.

Đây gọi là Bồ tát chứng được hai mươi lăm thứ tam muội, phá vỡ hai mươi lăm cõi.

Này Thiện nam tử ! Hai mươi lăm môn tam muội này là vua của các môn tam muội. Đại Bồ tát nhập những môn tam muội vương này, nếu muốn thối cho tan hoại núi Tu di liền có thể tùy ý. Nếu muốn biết tam muội của mọi chúng sanh đều có thể biết. Muốn đem mọi loài chúng sanh trong cõi đại thiên để vào lỗ chân lông nơi thân của mình đều có thể tùy ý và khiến cho chúng sanh đó không có quan niệm bị chật hẹp. Nếu muốn hóa làm vô lượng chúng sanh đầy khắp cõi đại thiên cũng liền tùy ý. Nếu muốn một thân hóa làm nhiều thân, lại nhập nhiều thân làm một thân, dù làm những việc như vậy nhưng tâm không trụ chấp vương bạn như hư không.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ tát nhập những môn tam muội vương như vậy rồi, liền được sức tự tại, tùy ý muốn sanh cảnh giới nào liền được vắng sanh. Ví như Chuyển Luân Thánh Vương, thống lãnh bốn châu thiên hạ, tùy ý qua lại không bị chướng ngại.

Bấy giờ có vị Bồ tát tên Vô Cấu Tạng Vương, đầy đủ các môn tam muội an trụ cảnh giới vô sở úy, bạch Phật rằng: Theo lời Phật dạy, con có ý nghĩ: Dù có được các môn tam muội tùy ý vắng sanh, công đức đã lớn, nhưng con cho đó không thể sánh bằng kinh điển Đại Niết Bàn này. Vì kinh này sản sanh ra chư Phật Thế Tôn, Vô Thượng Chánh Giác !

Phật khen: Lành thay ! Lành thay ! Đúng như lời ông nói. Kinh điển Đại thừa làm nên vô lượng vô biên công đức. Không có công đức nào sánh bằng dù dùng phân số một phần triệu, một phần tỷ cũng không đáng được ! Ví như từ bò có sữa; từ sữa sanh chất lạc; từ lạc sanh ra sanh tô; từ sanh tô sanh chất thực tô; từ thực tô sanh chất đề hồ. Đề hồ là vị ngon, bổ dưỡng hơn hết. Cũng như vậy, từ Phật có ra mười hai bộ kinh; từ mười hai bộ kinh có ra Tu đà la; từ Tu đà la có ra Phương đẳng; từ Phương đẳng có ra Bát Nhã Ba La Mật; từ Bát Nhã Ba La Mật có ra Đại Niết Bàn, như chất đề hồ kia. Chất đề hồ dụ cho Phật tánh. Phật tánh tức Như Lai. Do nghĩa đó, nên nói rằng Như Lai có vô lượng vô biên công đức chẳng thể nói hết được.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Theo con nghĩ nếu có người không nghe nổi, chẳng lãnh thọ kinh này, phải biết người đó rất là vô trí không có thiện tâm.

Bạch Thế Tôn ! Nay con có thể kham chịu lột da làm giấy, chích máu làm son, chẻ xương làm bút, để biên chép kinh này và thọ trì, đọc tụng, giảng nói rộng cho nhiều người mới thỏa lòng tôn quý của con đối với kinh này.

Phật khen: Ca Diếp ! Rất lành thay ! Ông đáng gọi là người trân quý Đại thừa, tôn trọng Đại thừa. Do tâm lành này, ông sẽ siêu việt vô lượng vô biên, hằng hà sa Đại Bồ tát. Ông sẽ thành tựu quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trước. Chẳng bao lâu ông sẽ vì Đại chúng diễn nói về tạng bí mật Đại thừa Đại Niết Bàn, về Như Lai, về Phật tánh như ta hôm nay !

Này Thiện nam tử ! Về thuở quá khứ, thời kỳ không có Phật ra đời, lúc đó ta làm Bà la môn tu hạnh Bồ tát, có khả năng thông suốt tất cả kinh luận của ngoại đạo. Ta tu hạnh tịch diệt, đầy đủ oai nghi, tâm thường thanh tịnh không bị các dục nhiễm tác động, trừ bỏ tam độc, thọ trì pháp môn Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Khắp nơi ta tìm cầu kinh điển Đại thừa mà chưa hề được nghe tên kinh. Lúc bấy giờ ta ở núi Tuyết, núi này thanh tịnh, có suối chảy, có ao tắm, rừng rậm mát mẻ, có cây thuốc, có hoa thơm khắp núi. Chim muông vô số chủng loại. Có nhiều loại trái ngon, củ ngọt, ngào ngạt hương thơm. Ta ở một mình trong núi. Đói ăn trái rừng, khát uống nước suối. Lúc thiền tọa, khi thiền hành. Dù trụ, dù ngọa, ta thường quán sát tư duy suy tầm chân lý. Ta tu khổ hạnh như vậy, trái vô lượng năm, cũng chẳng được nghe có Phật ra đời; cũng chẳng được nghe tên dù chỉ một bộ kinh Đại thừa Phương đẳng.

Trời Thích Đề Hoàn Nhơn và chư thiên thấy ta bền tâm tu khổ hạnh, lòng họ kinh sợ bảo nhau qua nội dung một bài kệ:

Trời núi Tuyết thanh bình

Người ly dục tịch tịnh

Vua công đức trang nghiêm

Đã viễn ly ...sân mạn

Dứt hẳn lòng ngu si

Miệng chưa từng nói ra

Những lời thô ...và ác.

Có vị Thiên tử, tên Hoan Hỷ nói:

Người ly dục như vậy

Thanh tịnh và tinh tấn

Tâm chẳng cầu Đế Thích ?

Và địa vị chư thiên ?

Nếu là hàng ngoại đạo

Họ tu hành khổ hạnh

Mục đích họ mong cầu

Ngai vàng của Đê thích

Vị Thiên tử này lại thưa với Đê Thích: Bậc đại sĩ trên đời vì chúng sanh chẳng tham luyến thân mình, tu vô lượng khổ hạnh để làm lợi ích cho chúng sanh. Hạng người này thấy rõ lỗi lầm trong đường sanh tử, dù của báu đầy cả mặt đất cũng không tham muốn mà còn xem đó như thấy đám mũi đã khắc hỉ ra. Bậc Đại sĩ này rời bỏ tiền tài sự nghiệp, vợ con, chỉ mong làm sao cho tất cả chúng sanh được an vui. Theo chỗ tôi hiểu, bậc Đại sĩ này lòng thanh tịnh, đã dứt phiền não chỉ cầu quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thích Đề Hoàn Nhơn bảo: Nay Đại tiên ! Theo lời ông nói, người ấy vì lợi ích chúng sanh mà tu hành cam chịu nhiều khổ để mong làm bóng mát, làm thuyền bè che chở chúng sanh. Nhưng ở trên đời, người có ý chí kiên cường nhẫn nại mới có thể gánh vác việc lớn sanh tử cho chúng sanh. Nếu không có chí lớn sẽ là người bại trận trước giặc vô minh, giặc ngũ dục thất tình. Bởi vì người phát khởi sơ tâm thì không ít, mà đi đến đích giải thoát giác ngộ thì không nhiều, cũng như bông cây am la thì nhiều mà trái rất ít, cá đẻ trứng nở ra con nhiều mà cá còn đến lớn rất ít. Vậy ta cùng đại tiên nên qua đó, thử trắc nghiệm ý chí của người khổ hạnh kiên thực đến độ nào !

Rồi, Thích Đề Hoàn Nhơn biến mình thành quỷ La Sát, dung mạo thấy rất đáng sợ, bay xuống núi Tuyết đến gần người khổ hạnh cất tiếng thanh nhã, tuyên nói nửa bài kệ của Phật quá khứ:

Các hành pháp vô thường

Vì là pháp sanh diệt

Nói nửa bài kệ xong, quỷ La Sát liếc mắt ngó tìm bốn phía. Người tu khổ hạnh nghe hai câu kệ ấy lòng thanh thản và rất vui mừng, như người bệnh gặp lương y, như người trôi dạt trên biển gặp thuyền bè...

Này Thiện nam tử ! Người khổ hạnh được nghe nửa bài kệ rồi, liền đứng dậy, tay vuốt tóc vén lên, ngó tìm bốn phía nói rằng: "Chẳng biết ai vừa nói hai câu kệ ?" Ngó quanh tìm mãi, chợt thấy có quỷ La Sát, chẳng có ai khác. Người khổ hạnh nói: "Ai khai môn giải thoát như vậy ? Ai có thể ở trong giấc ngủ sanh tử mà riêng được giác ngộ xướng lên lời đó vậy ? Ai có thể ở chốn núi thẳm, rừng xanh, quanh quẽ, cô liêu này, đem đạo vị vô thượng chỉ dạy cho chúng sanh đang đói khát trong ngục tù sanh tử ưu bi ? Ai có thể làm thuyền lớn cứu vớt vô lượng chúng sanh đang nổi chìm lặn hụp trong biển sanh tử ? Ai có thể làm minh sư, nói hai câu kệ ấy khai ngộ tâm tối, như trăng vừa mọc, như sen hé nở ?

Người khổ hạnh trầm nghĩ: Có lẽ nào quỷ La Sát nói hai câu kệ ấy chẳng ? Lại nghĩ rằng: Quỷ này hình thù đáng sợ có lẽ nào nói ra được những lời trong sáng làm cho ai nghe được đều phải thanh thoát nhẹ nhàng ? Có lẽ nào trong lửa mọc được hoa sen. Trong ánh nắng mặt trời sanh được nước mát ! Rồi người khổ hạnh lại tự trách: Ta thật là vô trí. Biết đâu quỷ La Sát này đã được gặp chư Phật trong quá khứ nên được nghe nửa bài kệ ấy ! Vậy ta nên hỏi ý nghĩa của lời kệ ấy. Suy nghĩ rồi liền đứng trước quỷ La Sát nói rằng: Lành thay ! Lành thay ! Đại sĩ ! Ngài ở đâu mà học được nửa bài kệ của Phật quá khứ như vậy ?

Quỷ La Sát liền đáp: Này Bà la môn ! Ông chẳng nên hỏi ta về việc ấy, vì ta đã nhiều ngày không được ăn, đói khát khổ não, tâm ý mê loạn. Ta đã tìm cầu khắp nơi mà chẳng được thức ăn, vì thế nên ta nói những lời như vậy".

Người khổ hạnh nói với quỷ La Sát: Nếu Đại sĩ có thể vì tôi nói trọn bài kệ, tôi xin trọn đời làm đệ tử hầu hạ phục vụ ngài. Kệ của Đại sĩ vừa nói chưa đủ, nghĩa chưa trọn, sao Đại sĩ chẳng nói cho trọn ? Luận về tài thí thì có cạn hết, còn pháp thí không thể cùng tận. Mong Ngài vì tôi nói cho trọn nghĩa tôi nguyện trọn đời làm đệ tử phục vụ cho Ngài !

Quỷ La Sát nói: Ông tham thái quá ! Chỉ biết tự thương thân mình mà chẳng nghĩ đến người. Ta đang đói khổ, thật chẳng thể nói được !

Người khổ hạnh nói: Xin phép được hỏi: Thức ăn của Đại sĩ là vật gì?

Quỷ nói: Ông đừng hỏi, nếu ta nói ra, mọi người ắt phải kinh sợ!

Người khỏ hạnh nói: Giữa đây chỉ có mình tôi, không có người nào khác. Tôi không sợ. Ngài cứ nói thật ra đi !

Quý La Sát nói: Tôi chỉ ăn thịt người tươi và uống máu còn nóng của người. Vì ta phước mỏng nên chỉ ăn những thứ đó. Khổ nỗi, ta tìm khắp nơi mà chẳng được thức ăn như vậy. Trong cõi đời dù có người đông, nhiều, nhưng mỗi người đều có phước đức của họ, ta không đủ sức bắt họ để ăn !

Người khỏ hạnh nói: Xin Ngài nói đủ bài kệ. Tôi nghe xong bài kệ rồi, sẽ đem thân này dâng cho Ngài dùng. Thưa Đại sĩ ! Xin Ngài nhận lời tôi vì tôi biết rằng lúc tôi chết, thân này chẳng dùng vào việc gì, sẽ bị cọp, sói, kên kên, quạ quạ, ăn mổ không được mảy may phước đức, chẳng có chút lợi ích cho ai. Nay tôi vì cầu Vô Thượng Bồ đề, xả thí thân vô thường chẳng bèn chắc này để đổi lấy thân thường trụ bèn chắc.

Quý nói: "Ai tin được lời nói của ông. Chỉ vì nửa bài kệ mười chữ mà thí bỏ thân đáng tiếc !".

Người khỏ hạnh nói: "Tôi đem thân vô thường mục bở làm việc bố thí để đổi lấy thân Kim cang bất hoại mà ngài nói "ai tin được lời tôi" ư ? Tôi đem đồ sành sứ, đất nung để đổi lấy đồ thất bảo. Thế mà Ngài còn nói: "ai tin được lời tôi" ư ?

Các vị Bồ tát tu hạnh Đại thừa, lợi ích chúng sanh chúng biết lời tôi. Thập phương chư Phật, chúng biết cho tôi. Tôi vì mười chữ, nửa bài kệ, vui lòng đổi sinh mạng của tôi.

Quý nói: Nếu ông chịu xả thí thân mạng như vậy, thì nên lắng nghe cho kỹ ta sẽ vì ông nói nửa bài kệ mười chữ phần sau !

Người khỏ hạnh nghe quý hứa nói vui mừng hơn hờ, liền cởi tấm y da nai đang mặc trên thân, trải làm tòa, rồi mời quý: Bạch Hòa thượng ! Xin cung thỉnh Hòa thượng lên ngôi tòa này !

Quý ngồi xong, người khỏ hạnh quỳ dài, vòng tay thưa: Mong Hòa thượng vì tôi nói nửa bài kệ còn lại cho được đầy đủ.

Quý La Sát liền truyền kệ rằng:

Diệt ý niệm sanh diệt

Được cái vui tịch diệt

Quý La sát nói hai câu kệ xong, bảo rằng: Nay Đại Bồ tát ! Nay ông đã nghe đủ nghĩa của bài kệ, lòng mong muốn của ông đã đầy đủ, nếu ông muốn lợi ích chúng sanh, giờ đây ông nên thí thân cho ta !

Người khổ hạnh suy nghĩ kỹ nghĩa lý bài kệ, chép lên vách đá, trên da cây bên đường đi và tự cột áo xiêm, để sau khi chết thân khỏi lỏa lồ. Rồi leo lên cây cao.

Thọ thần bảo người khổ hạnh: Nay ông muốn làm gì mà leo lên cây cao thế này ?

Người khổ hạnh đáp: Tôi muốn thí xả thân này để trả giá bài kệ.

Thọ thần nói: Bài kệ như vậy có lợi ích gì ?

Người khổ hạnh đáp: Những câu kệ ấy là lời thuyết pháp của chư Phật ba đời. Trong đó chỉ dạy đạo pháp tịch diệt chơn không. Tôi vì pháp này mà và muốn đem lợi ích cho chúng sanh mà thí xả thân mạng.

Tôi không vì cầu lợi danh, không vì cầu địa vị Chuyển Luân Thánh Vương hay Phạm Thiên, Đế Thích, càng không cầu quả lạc thú của người, của trời.

Nói xong, người khổ hạnh buông mình từ trên cao rơi xuống. Thân chưa tới đất, trong hư không vọng ra các thứ tiếng, thấu đến cõi trời sắc cứu cánh. Lập tức quý La Sát hoàn lại nguyên hình Thiên Đế Thích hứng lấy thân người khổ hạnh nhẹ nhàng để xuống đất.

Bấy giờ Thích Đề Hoàn Nhơn, Đại Phạm Thiên Vương, chư thiên đánh lễ người khổ hạnh và khen rằng: Lành thay ! Lành thay ! Thật là Bồ tát trên cõi đời, Ngài sẽ làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh. Ngài sẽ là người thấp được pháp lên giữa đêm tối vô minh. Tôi vì mến pháp lớn của Như Lai nên cố nhiều nãi Ngài. Ngưỡng mong Ngài cho tôi sám hối tội lỗi. Thuở vị lai Ngài quyết định thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Khi được thành Phật, mong Ngài tế độ cho tôi !

Nói xong, Thích Đề Hoàn Nhơn và chư thiên đánh lễ người khổ hạnh, cáo từ và bỗng nhiên ẩn mất.

Này Thiện nam tử ! Người khổ hạnh thuở xưa đâu phải người nào lạ. Nay chính là ta đây. Tiền thân của ta ngày trước vì mười chữ, nửa bài kệ ấy mà xả thí thân mạng. Do duyên có đó, ta được vượt bậc thành Phật trước Di Lặc Bồ tát những mười hai kiếp.

Này Thiện nam tử ! Ta được vô lượng công đức như vậy đều do cúng dường chánh pháp của Như Lai. Nay ông phát tâm Vô Thượng Bồ đề thì ông đã vượt hơn vô lượng vô biên hằng hà sa Bồ tát.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn tu hành THÁNH HẠNH.

TRỰC CHỈ

Là học giả cũng như hành giả trong đạo Phật cần nỗ lực quán chiếu, tư duy về hai mặt của một vấn đề , khi tìm hiểu giáo lý Phật. Cái từ TỤC ĐẾ và CHƠN ĐẾ, đức Phật căn kẽ chỉ bày cho Bồ tát Ca Diếp, Đại trí Văn Thù là bài học muôn đời cho người đệ tử Phật, có ý chí muốn đi đến đích giác ngộ , giải thoát.

Khổ đế là quả, gồm có ba khổ tổng quát, tám khổ chi tiết.

Tập đế là nhân, gồm chứa vô minh phiền não kiến tư hoặc.

Diệt đế là vắng lặng phiền não, tên gọi khác của Niết Bàn.

Đạo đế gồm các pháp để tu hành đoạn trừ phiền não, diệt hoặc kiến tư.

Dựa theo lời dạy đó của Phật mà tu mà hành, được gọi là người đệ tử khá đáng khen, có tinh tấn tu hành và đương nhiên là sẽ có kết quả: được liệt vào hàng "Thanh văn" tứ quả.

Đối với giáo lý TỨ ĐẾ mà học như vậy, tu như vậy và kết quả như vậy. Đó là người tu TỤC ĐẾ của giáo lý TỨ ĐẾ mà thôi. Tu học giáo lý Tứ đế như vậy, thành tựu cái quả chỉ là hàng nhị thừa. Địa vị Bồ đề vô thượng coi như tuyệt phần không có hy vọng đạt đến.

Cùng giáo lý TỨ ĐẾ, đức Phật dạy ở kinh Đại Niết Bàn cho các Bồ tát:
Phải tu học CHƠN ĐẾ của TỨ ĐẾ mới thành tựu quả Bồ đề vô thượng.

...VÔ KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO. VÔ TRÍ DIỆC BÔ ĐẮC".

Phải học như vậy, phải hiểu như vậy mới thấy, biết được CHƠN ĐẾ của
giáo lý TỨ ĐẾ.

..."Chư pháp từng bản lai

"Thường tự tịch diệt tướng

"Phật tử hành đạo thời

"Nhiên hậu đắc thành Phật"

(Kinh Pháp Hoa)

Các pháp tánh xưa nay thường vắng lặng. Các pháp có làm gì cho ai khổ
đâu !

..."Gọi tam độc thực tánh không hề độc

Ví như bọt bèo sanh diệt huyễn hư

Hễ khi mê, nó tác động hoành hành

Bằng tỉnh thức không sao tìm được chúng"

(Chứng Đạo Ca)

Bằng kiến giải của người giác ngộ, Huyền Giác Thiền sư chỉ ra rằng: "Tập
đế" phiền não Kiến tư hoặc chẳng có thực tánh. Thế cho nên dưới mắt của
Thiền gia:

..."Đoạn trừ phiền não trùng tăng bệnh

Xu hướng chân như tổng thị tà..."

Niết bàn không phải là cảnh giới xa xăm nào khác mặc dù Niết bàn là "cảnh
giới" chân như. Muốn hiểu CHƠN ĐẾ của Diệt đế phải tư duy quán chiếu,
phải nhận thức cho được rằng:

"Niết bàn sanh tử đấng không hoa!"

Cho đến chừng nào hành giả tỏ ngộ rằng:

"Tu vô tu tu, hành vô hành hạnh, chứng vô chứng chứng" thì biết rằng ta đã quán triệt CHƠN ĐẾ trên đường tu tập Đạo đế. Bảy giờ cánh cửa Bồ đề vô thượng đã mở rộng thông thương vào ra tự tại.

* Với giáo lý "sanh diệt tứ đế", đạo đế thường dạy có ba mươi bảy pháp cho hành giả quán niệm tư duy.

* Với "vô lượng tứ đế" Phật dạy ở kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này, số lượng tùy nghi có thể nói vô tận. Ví như đại lương y tùy bệnh mà hòa hợp thuốc thang gia giảm biến hóa vô cùng. Y giả ý đã.

* Trí tuệ của con người có thể chia: thượng, trung, hạ. Vì vậy, Như Lai thuyết giáo tùy cơ. Chẳng hạn Như Lai ấn chứng:

Các pháp hữu vi vô thường

Tất cả pháp vô ngã

Niết Bàn hằng tịch tịnh

Kinh điển gọi đó là "tam pháp ấn", là chân lý đệ nhất nghĩa của Như Lai ấn chứng. Đó là đệ nhất nghĩa nhưng là đệ nhất nghĩa của Như Lai ấn chứng cho người có trí bậc trung. Đệ nhất nghĩa này chỉ có giá trị bên tục đế mà không có chơn đế. Nói cách khác, có giá trị tương đối, không có giá trị tuyệt đối.

* Thế đế và đệ nhất nghĩa đế không hai, cũng không phải một. Cùng nhìn ngắm một mỹ nhân kiều diễm, bằng nhục nhãn, người phàm phu ngây ngất đắm mê. Đó là thế đế. Bằng tuệ nhãn, người trí thấy đó chỉ là:

"Đầu xương sọ cài trâm thất lỵ

"Đầy da hôi ướp xạ xông hương

"Khéo đòi nhưng gắm phô trương

"Chỉ tuồng che lấp vô thường hôi tanh".

Người trí thấy rõ bản chất của ngũ âm hòa hợp, nhận thức bao quát hết tánh duyên sanh huyền hóa của nó. Đó là đệ nhất nghĩa đế.

* Hiểu đúng chân lý, không được nói "Như Lai sắp nhập Niết bàn". Cũng không được nói "Như Lai chuyển pháp luân" !

Bởi vì Phật thường trụ, Pháp thường trụ, "Thường tự tịch diệt tướng", Không hề có xuất nhập, có chuyển động.

* Hai mươi lăm cõi đó, do con người tạo nên của hai mươi lăm cõi. Muốn đập vỡ hai mươi lăm cõi phải tiêu diệt nên của hai mươi lăm cõi bằng hai mươi lăm thứ tam muội. Dùng "như huyền tam muội" đập vỡ tan cõi Diêm phù đề, cõi Ta bà khổ mà vô lượng chúng sanh đang khổ. Rõ là một chân lý vô cùng xác đáng.

* Hai mươi lăm cõi vỡ tan, pháp giới thành bất nhị. Vì vậy, Bồ tát muốn vắng sanh cảnh giới nào tùy ý.

* Câu chuyện VỊ TẶNG HỮU nói về tiền thân Phật, vì cầu chánh pháp Đại thừa chỉ mười chữ thôi mà người khổ hạnh thọ ấy đổi bằng thân mạng của chính mình !

"Diệt ý niệm sanh diệt

"Được cái vui tịch diệt

---o0o---

PHẨM THỨ HAI MƯƠI - PHẠM HẠNH

Phật bảo: Nay Ca Diếp Bồ tát ! Đại Bồ tát tu Đại thừa Đại Niết Bàn đứng vững trong bảy pháp lành, Bồ tát đó sẽ đầy đủ Phạm hạnh:

Một, biết pháp

Hai, biết nghĩa

Ba, biết thời

Bốn, biết tri túc

Năm, biết mình

Sáu, biết người

Bảy, biết tôn ty.

* Thế nào là biết pháp ? Bồ tát biết mười hai bộ kinh gọi là Bồ tát biết pháp.
Đây là mười hai bộ kinh:

1. Trường hàng (Tu đa la)
2. Trùng tụng (Kỳ đa)
3. Cô khởi (Dà đà)
4. Thí dụ (A ba đà na)
5. Nhân duyên (Ni đà na)
6. Tự thuyết (Ưu đà na)
7. Bản sanh (Xà đà đà)
8. Bản sự (Y đế mục đà)
9. Vị tăng hữu (Vị tăng hữu)
10. Phương quảng đại thừa (Tỳ Phật lược)
11. Nghị luận (Ưu ba đề xá)
12. Thọ ký (Thọ ký)

1. Thế nào là Trường hàng ?

Từ "Nhu thị ngã văn" cho đến câu "hoan hỉ phụng hành" bằng toàn bộ văn xuôi của bộ kinh đó, gọi là thể văn Trường hàng.

2. Thế nào là Trùng tụng ?

Xưa Phật tại thế nói thời pháp TỨ ĐẾ cho Đại chúng nghe. Sau thời pháp đó, những người có khả năng tiếp thu, nhưng vắng mặt. Họ hỏi đại chúng:

Vừa rồi Như Lai đã dạy những gì cho Đại chúng ? Đức Phật và Đại chúng tùy nghi tóm lược cho họ bằng bài kệ: Lệ như:

Ta xưa cùng các ông

Chẳng thấy bốn chân đế

Nên phải lưu chuyển mãi

Trong biển khổ sanh tử

Nếu thấy được bốn đế

Thì diệt được sanh tử

Sanh tử đã hết rồi

Chẳng thọ thân ngũ ấm

3. Thế nào là Cô khởi ?

Trừ thể văn Trường hàng và thể văn Trùng tụng, những bài kệ hoặc bốn câu, hoặc tám câu có ý nghĩa độc lập, gọi là thể văn Cô khởi. Lệ như:

Các điều ác chớ làm

Vâng làm các điều lành

Lóng sạch tâm ý mình

Đầy lời dạy của Phật

4. Thế nào là Thí dụ ?

Lệ như kinh Pháp Hoa, Phật nói: Chưa ra khỏi thế giới Dục lạc, thế giới vật chất và thế giới siêu hình thì không thể có an lành giải thoát mà luôn luôn bị bức bách hiểm nguy, đau khổ như ở trong tòa nhà sắp sụp đổ, lửa cháy và vô số hổ lang, ác thú, trùng độc ăn nuốt hãm hại.....

5. Thế nào là Nhân duyên ?

Nhân duyên tức là do có duyên cơ nào đó, đức Phật vì ai đó mà dạy bảo: Lệ như: Đức Phật nói kinh Thủ Lăng Nghiêm, do ông A Nan lâm nạn Ma Đăng Già...

Vì chàng thanh niên nước Xá Vệ giăng lưới bắt chim mà đức Phật nói bài kệ:

Chớ khinh tội nhỏ

Cho là không họa

Giọt nước dầu nhỏ

Lần đầy lu lớn !

6. Thế nào là Tự thuyết ?

Lệ như trường hợp: Vào một buổi xế chiều đức Phật nhập thiền định thuyết pháp yếu, độ chư thiên. Các Tỳ kheo nghĩ ngợi: Giờ này Thế Tôn đang làm gì? Sau khi Phật xuất định dùng tha tâm trí, tự nói với các Tỳ kheo: Rằng hàng chư thiên thọ mạng của họ rất dài.....

Rồi một hôm nọ, đức Phật muốn khai thị pháp môn "Kiến tánh thành Phật".

Trước đại tăng câu hội đức Phật tự bảo ông Xá Lợi Phất..."Tùng thị Tây phương quá thập vạn ức Phật độ hữu thế giới danh việt Cực lạc. Kỳ độ hữu Phật hữu hiệu A Di Đà kim hiện tại thuyết pháp..." và đức Phật tự giới thiệu pháp tu hướng về tịnh độ....

7. Thế nào là Bản sanh ?

Lệ như Phật nói: Nay các Tỳ kheo ! Lúc ta xuất thế những điều ta nói, ta dạy cho các chúng sanh gọi là "giới kinh".

Lúc đức Câu Lưu Tôn Phật xuất thế lời Phật dạy gọi là "cam lộ".

Lúc đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni xuất thế lời Phật dạy gọi là "pháp cảnh"

Lúc đức Phật Ca Diếp xuất thế lời Phật dạy gọi là "phân biệt không"....

8. Thế nào là Bản sự ?

Lê như Phật nói: Này các Tỳ kheo ! Xưa kia ta đã từng là một khổ hạnh tiên. Vì khổ hạnh ta cam chịu sự thách thức xẻo mũi, cắt tai.....

Có kiếp ta vì ham mộ chánh pháp Đại thừa, phải đổi thân mạng bằng nửa bài kệ tám chữ.

Có kiếp ta đã từng là nai, là gấu, là thỏ, chồn...Rồi có lúc ta là quốc vương, là Sa môn, Bà la môn....

9. Thế nào là Vị tăng hữu ?

Lê như câu chuyện: Bồ tát mới sanh không ai đỡ đất mà tự đi mỗi phương bảy bước.

Lê như: con vượn bung bát mật dâng cúng Như Lai

Lê như: chó cỏ trắng đến bên Phật nghe pháp...

Như Phật lúc mới sanh vào thiên miếu làm cho thiên tượng đứng dậy bước xuống đánh lễ.....Những chuyện lạ như vậy đều là văn thể VỊ TĂNG HỮU, Như lai sử dụng.

10. Thế nào là Phương quảng ?

Phương quảng tức hệ giáo lý Đại thừa liễu nghĩa. Lê như đức Phật nói: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh". "Tất cả chúng sanh đã thành Phật". "Pháp giới nhất chân". Không phải chỉ có "vô thường, khổ, vô ngã và bất tịnh", mà còn có "THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH" trong pháp giới bất nhị nhất chân ấy.

11. Thế nào là Nghị luận ?

Lê như những bài kinh mà đức Phật cần luận bàn, giảng giải, dùng nhiều ngôn từ, mượn nhiều thí dụ để cụ thể hóa vấn đề, để chứng minh tánh thực tiễn của sự kiện đưa đối phương đến chỗ không thể phủ nhận sự thật được.

12. Thế nào là Thọ ký ?

Thọ ký là đức Phật nói trước một sự thật sắp đến của các đệ tử, do tâm hành, do phước đức trí tuệ của họ làm, qua cái nhìn của Phật nhãn. Lê như

đức Phật nói: Ông Xá Lợi Phất sau này sẽ thành Phật hiệu là...Ông Đề Bà Đạt Đa sẽ thành Phật hiệu là THIÊN VƯƠNG NHƯ LAI đủ mười đức hiệu.

Bồ tát biết rõ mười hai bộ kinh như vậy gọi là Bồ tát biết pháp.

* Bồ tát như thế nào gọi là biết nghĩa ?

_ Nếu Bồ tát đối với tất cả ngữ ngôn văn tự biết rộng, biết sâu sắc ý nghĩa chứa đựng bên trong gọi là biết nghĩa.

* Bồ tát như thế nào gọi là biết giờ ?

_ Bồ tát biết những giờ như vậy có thể tu chỉ, những giờ như vậy có thể tu quán, những giờ như vậy có thể tu tịch tĩnh thiền na. Những giờ như vậy có thể đọc tụng thọ trì và những giờ như vậy có thể bố thí, trì giới và quán chiếu Bát Nhã Ba La Mật.....

* Bồ tát như thế nào gọi là tri túc ?

_ Đối với thức ăn, đồ mặc, đồ dùng, thuốc men, không cầu thừa thãi. Đi đứng, nằm ngồi, chùng hạn không được buông lung.

* Bồ tát như thế nào gọi là biết mình ?

_ Bồ tát biết rằng ta đức tin sâu sắc. Có giới, có đa văn, có tâm quý, có chánh niệm, có định và xả như vậy....

* Bồ tát như thế nào gọi là biết người ?

_ Khi tiếp xúc Bồ tát sẽ biết ngay rằng: Đó là Sát đế lợi, đó là Bà la môn. Căn tánh của người đó thuộc Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa. Người cư sĩ này có thể độ được hay không độ được ? Muốn độ hạng người nào phải vận dụng nói pháp gì...!

* Bồ tát như thế nào gọi là biết người bậc tôn bậc ty ?

Người có hai hạng: Một, có tín tâm là người lành. Hai, không có tín tâm là người không lành.

Người lành có hai hạng: Một, người chịu nghe pháp. Hai, người không chịu nghe pháp.

Người nghe pháp có hai hạng: Một, lóng lòng nghe rồi suy gẫm. Hai, không lóng lòng nghe, không suy gẫm.

Người nghe suy gẫm có hai hạng: Một, suy gẫm đúng rồi thực hành. Hai, chẳng suy gẫm, chẳng thực hành.

Suy gẫm thực hành có hai hạng: Một, cầu quả Thanh văn không lợi ích nhiều người được. Hai, cầu Đại thừa làm cho nhiều người được lợi ích an vui.

Một trong hai hạng người trên đó, hạng tích cực gọi là người lành, hạng tiêu cực gọi là chẳng lành.

Này Thiện nam tử ! Các châu báu, như ý bảo châu tốt đẹp và quý hơn hết. Trong các vị, vị cam lồ hơn hết. Bồ tát ở trong hàng trời người là bậc hơn hết không gì so sánh được.

Đó là bậc Đại Bồ tát tu hành Đại Thừa Đại Niết Bàn an trú bảy pháp lành. Bồ tát an trú bảy pháp lành này thì được đầy đủ PHẠM HẠNH.

Này Thiện nam tử ! Lại nữa, Từ, Bi, Hỷ, Xả cũng được gọi là PHẠM HẠNH.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Theo con nghĩ: Người tu hạnh "từ" dứt được sân nhuế, người tu lòng "bi" cũng có thể dứt được sân nhuế thì cần chi phải có bốn vô lượng tâm. Xét theo ý nghĩ đó, lẽ ra chỉ cần ba vô lượng tâm là đủ !

Bạch Thế Tôn ! Lòng từ có ba đối tượng duyên: Một, duyên chúng sanh. Hai, duyên pháp. Ba, duyên không. Lòng bi, lòng hỷ, lòng xả cũng có ba đối tượng duyên như vậy. Nếu theo nghĩa này thì lẽ ra chỉ có ba không cần có bốn.

Duyên chúng sanh là duyên nơi thân ngũ ấm của chúng sanh, thường mong muốn cho chúng sanh được vui.

Pháp duyên là duyên vào vật chất, vào những gì thuộc ngã sở hữu "chúng sanh cần dùng đem ra ban pháp cho họ, khiến họ được bằng lòng.

Không duyên là duyên Như Lai. Lòng từ phần nhiều duyên chúng sanh nghèo cùng phước đức trí tuệ. Như Lai Thế Tôn lia hẳn sự nghèo cùng ấy, thường thọ dụng an vui đệ nhất. Nếu duyên chúng sanh thì không thể duyên Phật. Duyên pháp cũng vậy. Do nghĩa đó, duyên Như Lai gọi là duyên KHÔNG.

Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Chư Phật Như Lai vì chúng sanh giảng nói pháp yếu. Lời của Phật bí mật không phải ai cũng có thể hiểu ý. Tùy căn cơ, chủng tánh, hoàn cảnh, sự kiện mà có lúc Như Lai nói một: nhân duyên. Có lúc nói hai: nhân và quả. Có lúc nói ba: phiền não, nghiệp và khổ. Có lúc nói bốn: vô minh, hành, sanh và lão tử...và có lúc nói cả mười hai nhân duyên, như lần nọ ở thành Vương xá, Phật vì ông Ca Diếp...nói vô minh nhân đến....sanh, lão tử.

Này Thiện nam tử ! Vấn đề có thể một, vì tùy căn tánh chúng sanh, Như Lai nói ra nhiều. Vấn đề nhiều, với trí lực Phật, Như Lai có thể diễn nói thành một. Những phương tiện như vậy, Như Lai có chủ trương. Đó là hạnh thâm mật của Như Lai chẳng nên sanh nghi.

Như Lai có phương tiện lớn: Vô thường nói thường, thường nói vô thường. Khổ nói lạc, lạc nói khổ. Vô ngã nói ngã, ngã nói vô ngã. Bất tịnh nói tịnh, tịnh nói bất tịnh...

Này Thiện nam tử ! Vì điều phục chúng sanh Như Lai vận dụng ngôn từ như vậy mà không hề có hư vọng.

Do nghĩa đó, cho nên Vô lượng tâm phải đủ bốn mà không được bớt còn ba.

Này Thiện nam tử ! Bồ tát tu tâm từ phải là tâm từ đàn ba la mật; nếu không vậy, là tâm từ của Thanh văn. Nhẫn đến Bát Nhã Ba La Mật, cũng vậy. Nếu tâm từ chẳng lợi ích cho vô lượng chúng sanh là tâm từ của Thanh văn. Nếu tâm từ mà không được mười trí lực và bốn vô sở úy của Phật, nên biết, đó là tâm từ của hàng Thanh văn.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ: Vừa "có" vừa "không", chẳng phải có, chẳng phải không, tâm từ như vậy chẳng phải hàng Thanh văn, Bích chi Phật nghĩ bàn đến được. Tâm từ duyên chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn thì duyên pháp cũng chẳng thể nghĩ bàn và duyên Phật tánh (KHÔNG) cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Người tu tâm từ sẽ thành tựu vô lượng công đức. Cũng như người tu theo kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này, cũng thành tựu vô lượng vô biên công đức.

Này Thiện nam tử ! * Trước đây, Đề Bà Đạt Đa cùng vua A Xà Thế cấu kết âm mưu hãm hại Như Lai. Lúc đó ta cùng tăng đoàn vào thành Vương xá thứ lớp khát thực. Vua A Xà Thế thả voi say để hại ta cùng tăng đoàn. Voi say đã dẫm đạp chết cả hàng trăm người rồi. Say mùi máu, voi vốn hung tợn. Nó nhắm ngay tăng đoàn của ta, hùm hổ chạy thẳng đến. Các Tỳ kheo chưa ly dục kinh sợ chạy tứ tán, chỉ mình A Nan ở lại với ta. Lúc đó nhân dân trong thành Vương xá lớn tiếng kêu khóc: "Hôm nay, Như Lai Thế Tôn bị hại rồi ! Có sao đáng Chánh Giác vô thượng lại bị diệt mất, oan uổng vội vàng như vậy ? Còn Điều Đạt thì đặc ý hơn hờ: "Sa môn Cù Đàm bị hại chết thì ta không còn mối lo. Kế của ta rất hay, ta đã toại nguyện !"

Này Thiện nam tử ! Vì muốn hàng phục voi say, ta liền nhập TỪ TÂM TAM MUỘI, ta xòe bàn tay chỉ hướng vào voi. Năm đầu ngón tay ta hiện năm sư tử. Voi say thấy sư tử sợ quá phần tiểu vĩ ra, rạp mình mọp xuống, kính lễ dưới chân ta.

Này Thiện nam tử ! Năm đầu ngón tay ta lúc đó thật không có sư tử. Do sức thiện căn tu hành TỪ TÂM làm cho voi say được điều phục.

* Câu chuyện giữa đường, ta vì năm trăm lực sĩ, lấy ngón chân cái hất tảng đá to tung lên cao. Ta lấy tay hứng tảng đá và bóp nát thành bụi...rồi sau đó ta nói pháp yếu khiến họ phát tâm Bồ đề.....

Thực ra lúc đó, Như Lai chẳng lấy ngón chân hất đá lên cao, cũng chẳng hứng bắt, bóp đá nát ra thành bụi, rạp lại, mà đó là do sức thiện căn của TÂM TỪ làm cho bọn lực sĩ thấy như vậy.

* Câu chuyện Trưởng giả Lưu Chí có ác ý bêu xấu tăng đoàn nhằm cô lập Như Lai với nhân dân trong thành Thủ Ba La, Nam Thiên trúc. Họ bày mưu lấp suối, đốn rừng, ngăn thành, bẻ cửa.....nhưng rồi suối vẫn trong, rừng vẫn rậm, cổng vẫn mở, mọi việc như không có gì. Như Lai và tăng đoàn không hề bị cô lập, cũng chẳng bị trở ngại gì do sự sắp xếp có ác ý của nhóm Ni Kiên Tử, dưới sự chỉ đạo của Trưởng giả Lưu Chí. Thực ra, lúc đó Như Lai không có vận dụng sức "biến hóa", "thần thông" gì hết. Mà đó là do sức thiện căn tu TÂM TỬ khiến cho nhân dân thành Thủ Ba La và bọn Ni Kiên Tử thấy như vậy....

Bồ tát tu tập tâm BI, tâm HỈ, tâm XẢ cũng đem lại sự an lạc cho chúng sanh như vậy.

Này Thiện nam tử ! Luận về "vô lượng" là không thể nghĩ bàn cho nên công hạnh của Bồ tát cũng không thể nghĩ bàn, công hạnh của Phật cũng không thể nghĩ bàn.

Thiện nam tử ! Bồ tát tu TỪ, BI, HỈ, XẢ tứ vô lượng tâm rồi, được trụ bậc ĐẠI TỬ BI, có lòng thương xót bình đẳng đối với tất cả chúng sanh như cha mẹ thương con một.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Con không dám nghi lời Phật nói, nhưng con chưa hiểu ý kín nhiệm nào mà Như Lai xưa kia tu Bồ tát đạo, khi làm vị quốc vương đã từng xuống lệnh giết hại vị Bà la môn mà trước đó nhà vua trọng kính như "bậc thầy". Và nhân duyên gì, giết hại như vậy mà chẳng đọa vào địa ngục ?

Nếu bình đẳng xem tất cả chúng sanh như con một, có sao đức Phật quả trách nặng lời: Rằng Đề Bà Đạt Đa là ngu si không biết hổ thẹn, thọ dụng của bố thí không trong sạch như đăm mũi mà người ta hỉ nhổ ra. Lời trách nặng nề ấy, khiến cho Đề Bà Đạt Đa sanh lòng oán hận đến nổi hại thân Phật chảy máu, rồi Phật lại huyền ký: Đề Bà Đạt Đa sẽ đọa địa ngục chịu khổ một kiếp.

Bạch Thế Tôn ! Những lời như vậy, làm sao chẳng trái nghịch với ý nghĩa Như Lai đã dạy ở trên ?

Này Thiện nam tử ! Ông không nên gạn như vậy, không nên tỏ ý nghi ngờ lời của Như Lai nói. Từ vô lượng kiếp, Như Lai thực hành Lục ba la mật mới viên mãn Vô thượng Bồ đề. Cho nên giả sử mặt trời dù sanh tuyết, mặt trăng có thể sanh lửa, Như Lai cũng không có tạo nguyên nhân phiền não, đau khổ cho chúng sanh. Giả sử đá có thể nổi, rong có thể chìm, muối chua, chanh mặn, Như Lai cũng không tạo nhân duyên phiền não đau khổ cho chúng sanh.

Bồ tát thực hành Lục ba la mật một con kiến, con muỗi còn không giết hại. Luận về bố thí, là bố thí mạng sống, vật thực, đồ dùng khiến cho chúng sanh an vui. Xưa kia lúc ta tu nhân, thực hành Bồ tát hạnh, ta là vị quốc vương ra lệnh giết người dòng Bà la môn nhằm chặn đứng dòng sanh tử đọa đày của họ trong vô lượng đời mà giết. Động cơ giết chết người Bà la môn phát xuất bởi lòng thương mà không hề có ác tâm. Ví như cha mẹ có con khờ, vớ nhầm trái độc, ăn vào có thể chết. Biết nguy hiểm tánh mạng con mình, cha mẹ liền đánh, thậm chí đánh thật đau. Đánh con như vậy, không do ác tâm mà là thương con, muốn con được an ổn sống lâu !

Đại Bồ tát cũng vậy, vì hộ trì chánh pháp, nếu có chúng sanh hủy báng Đại thừa, dùng roi gậy để trị hoặc giết chết. Đó là vì muốn chúng sanh chừa bỏ nguyên nhân đọa lạc cảnh giới khổ đau mà tu dưỡng pháp lành.

Này Thiện nam tử ! Giả như có người đào đất, cắt cỏ, đốn cây, bằm chặt tử thi. Mãng chửi đánh đập tử thi. Ý ông hiểu thế nào ? Do nghiệp duyên ấy, người đó có bị đọa địa ngục chăng ?

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Theo con hiểu người đó phải đọa địa ngục. Bởi vì con nhớ trước đây Phật thuyết pháp cho hàng Thanh văn: Rằng "dù đối với cây cháy trụi cũng không nên sanh lòng ác, vì tất cả chúng sanh do lòng ác mà phải đọa địa ngục".

Đức Phật khen: Lành thay ! Ca Diếp ! Đúng như lời ông nói. Phải khéo thọ trì.

Nếu nhân ác tâm phải đọa địa ngục, lúc ra lệnh giết vị Bà la môn ấy Bồ tát thật không có ác tâm. Vì Bồ tát đối với loài bò, bay, trùng, kiến cũng còn hộ mạng cho chúng, còn có lòng thương xót cho chúng được an ổn. Do nghĩa

đó, Bồ tát khi giết chết Bà la môn, phát xuất từ thiện tâm, nhằm cắt đứt chuỗi dài tội lỗi đọa lạc bởi hạt giống "nhất xiển đề" của họ.

* Nay Thiện nam tử ! Ông nói rằng Như Lai có chi mắng nặng lời: Rằng Đê Bà Đạt Đa ngu si ăn nước miếng của người....Ông không nên hỏi như vậy. Chư Phật Thế Tôn phàm nói ra điều gì đều có dị ý, người thường không thể nghĩ bàn. Có những ngôn từ nhu nhuyễn người đời mến ưa, nhưng phi thời, phi pháp, không lợi ích, Phật vẫn không nói. Hoặc có những lời thô vụng hư vọng, phi thời, phi pháp chẳng lợi ích, người chẳng ưa thích đức Phật cũng chẳng nói.

* Nay Thiện nam tử ! Trước đây có một lần ta đi ngang qua thôn Khoáng Dã. Ở rừng đó có một quỷ thần tên là Khoáng Dã. Quỷ này ăn thuần máu thịt, thường giết hại người để làm thức ăn của nó. Mỗi ngày, trong thôn Khoáng Dã nhân dân phải nộp cho nó một người. Nghe biết việc này, ta tìm gặp Quỷ, nói pháp yếu để cải hóa cho nó. Nó hung bạo, ngu si không lãnh thọ giáo pháp. Ta liền hóa thân thành Đại lực quỷ làm rung động cung điện của nó. Quỷ Khoáng Dã bèn huy động quyền thuộc và bộ hạ kéo ra định chống cự thô bạo với ta. Nhưng chúng vừa thấy ta liền run sợ ngã lăn xuống đất ngất xỉu như người chết rồi. Ta khởi lòng từ bi lấy tay xoa vào người chúng nó. Chúng tỉnh dậy, cảm kích nói: Hôm nay may mắn được sống lại. Vị Đại thần vương này có oai đức lớn, có tâm từ bi tha tội lỗi của tôi. Quỷ Khoáng Dã khởi tâm lành kính tin nơi ta. Ta hiện trở lại thân Như Lai vì bọn họ nói pháp yếu cho các quỷ thần kia thọ giới bát sát. Cũng trong ngày này, thôn Khoáng Dã có ông nhà giàu đến lượt phải chết. Người trong thôn đem ông nộp cho quỷ. Quỷ thọ giới bát sát, không ăn huyết nhục nữa bèn đem cúng thí cho ta. Ta thọ lãnh và đặt cho ông này cái tên Thủ trưởng giả. Bấy giờ quỷ Khoáng Dã bạch ta rằng: Thế Tôn ! Con và quyền thuộc của con chỉ nhờ huyết nhục mà sống, nay thọ giới bát sát, chúng con biết lấy gì để sống được ? Ta bảo bọn chúng rằng: Từ nay trở đi Như Lai sẽ bảo hàng Thanh văn đệ tử tùy nghi chỗ nào có Phật pháp lưu hành, có tặng đồ hiện trú đều phải cúng thí đồ ăn uống cho các người.

Nay Thiện nam tử ! Do nguyên nhân đó, ta chế nội qui Tăng đoàn: Từ nay, chỗ nào có Tăng chúng hiện trú, đến giờ thọ thực, phải cúng thí cho quỷ Khoáng Dã, nhằm thực hiện lời hứa của đức Thế Tôn.

Này Thiện nam tử ! Như Lai vì muốn điều phục chúng sanh nên thị hiện những phương tiện như vậy. Chẳng phải có ý làm cho ai đó sanh lòng sợ hãi.

* Có lần nọ, ta dùng cây đánh quỷ hộ pháp.

* Có lần ta đang đi trên một ngọn núi, quỷ Dương Đầu ngạo mạn, ta xô quỷ té xuống núi.

* Một lần nọ, ta xô quỷ Di Hâu từ ngọn cây té rơi xuống đất.

* Một lần khác chế phục voi Hộ tài bằng cách cho voi thấy năm sư tử. Có lúc ta lại sai thần Kim Cang khùng bố ngoại đạo Tát Giá ni Kiên Tử.

* Có lần ta lấy kim đâm thân của quỷ Tiễn mao.

Dù ta làm những việc như vậy, nhưng cũng chẳng làm cho các quỷ thần kia đến phải chết mà mục đích muốn khiến cho họ an trú nơi chánh pháp, nên thị hiện những việc như vậy.

Này Thiện nam tử ! Trước kia sự thật đức Phật chẳng mắng nhiếc Đề Bà Đạt Đa, như nhiều người nghe hiểu. Còn Đề Bà Đạt Đa cũng chẳng ngu si ăn nước miếng của người, cũng chẳng đọa A tỳ ngục một kiếp, cũng chẳng phá hoại chúng tăng, chẳng làm thân Phật chảy máu. Đề Bà Đạt Đa cũng chẳng trái phạm bốn tội trọng, chẳng hủy báng kinh điển Đại thừa. Đề Bà Đạt Đa cũng chẳng phải Nhất xiển đề, chẳng phải Thanh văn, chẳng phải Bích Chi Phật.

Này Thiện nam tử ! Đề Bà Đạt Đa không phải cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác biết được. Duy có chư Phật với Phật mới thấy biết được thôi ! Vì thế nay ông chẳng nên gạn: "Cớ gì Như Lai quở mắng làm nhục Đề Bà Đạt Đa" ! Đối với cảnh giới của chư Phật, ông chớ nên có lòng nghi như vậy.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Mía nấu nhiều lần thì có nhiều thứ vị. Nghe Phật nói pháp nhiều lần, được nhiều pháp vị. Đó là xuất gia vị, ly dục vị, tịch diệt vị, đạo vị. Lại như vàng ròng, đốt đập nhiều lần thì càng tinh thuần sáng sạch, giá trị càng tăng, được trời người quý chuộng. Như Lai cũng vậy. Trân trọng thưa hỏi liền được nghe thấy nghĩa thú sâu xa vi diệu, khiến cho người tu hành dễ phấn khởi phát tâm Vô thượng Bồ đề. Do vậy, Phật được người, trời tôn trọng kính tin cúng dường.

Ca Diếp Bồ tát hỏi: "Bạch Thế Tôn ! Nếu Đại Bồ tát tu tập tâm Từ, Bi, Hỷ thì được bậc CON MỘT. Còn lúc tu tâm XẢ thì được bậc gì ?

Phật bảo ? Lành thay ! Lành thay ! Ca Diếp ! Ông khéo biết thời tiết! Ta vừa muốn nói, thì ông lại thưa hỏi !

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ tát lúc tu tập tâm XẢ thì được BÌNH ĐẲNG KHÔNG, như ông Tu Bồ Đề đã được. Đại Bồ tát trụ bậc BÌNH ĐẲNG KHÔNG thì chẳng thấy có cha mẹ, anh em, chị em, họ hàng, quyền thuộc, kẻ thân, người không thân, kẻ oán, người thương.....Cho đến không có ngũ ấm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới; không thấy tướng nhân, ngã, chúng sanh, thọ mạng. Tất cả pháp đều như hư không. Do thấy như vậy, nhận thức như vậy, tâm Bồ tát BÌNH ĐẲNG NHƯ HƯ KHÔNG. Vì Bồ tát khéo tu tập VẠN PHÁP GIAI KHÔNG.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Thế Tôn ! Sao gọi là không ?

Thiện nam tử ! Nói là không, tóm lược có:

Nội không.

Ngoại không.

Nội ngoại không.

Hữu vi không.

Vô vi không.

Vô thí không.

Tánh không.

Vô sở hữu không.

Không không.

Đệ nhất nghĩa không.

Đại không.

Bồ tát quán nội không như thế nào ?

Đại Bồ tát quán "nội pháp" KHÔNG, nghĩa là không người thân, không kẻ oán, không thương, không ghét, không ngã, không nhân, không chúng sanh, không thọ mạng, thậm chí quán cha mẹ cũng một lòng trọng kính như mọi người. Phật tánh, Pháp tánh, Tăng tánh dù có, nhưng chẳng phải nội cũng chẳng phải ngoại, vì là tánh thường trụ không biến đổi cho nên không lệ thuộc KHÔNG hay CHẴNG KHÔNG.

Ngoại không cũng như vậy. Nghĩa là Bồ tát quán thấy không có ngoại pháp.

Nội ngoại không cũng vậy. Nội pháp đã không thì ngoại pháp cũng không. Nhưng Phật tánh, Pháp tánh, Tăng tánh thì không lệ thuộc bởi các KHÔNG.

Hữu vi không, nghĩa là tất cả các pháp hữu vi thấy đều không. Bao gồm hết nội không, ngoại không, nội ngoại không. Thường, Lạc, Ngã, Tịnh không. Chúng sanh, thọ mạng không. Nói chung, tất cả các pháp do duyên sanh đều không.

Vô thí không là thế nào ? Bồ tát quán thấy sanh tử vô thí không tịch. Thường, Lạc, Ngã, Tịnh cũng không tịch, không có biến đổi. Phật tánh, vô vi pháp cũng đều không tịch như vậy. Đây gọi là quán Vô thí không.

Tánh không là sao ? Bồ tát quán tất cả pháp bốn tánh vốn không. Âm, nhập, xứ, giới; thường, vô thường; khổ, lạc; ngã, vô ngã; tịnh, bất tịnh; tất cả pháp tìm rớt ráo chẳng thấy bản tánh. Quán chiếu như thế gọi là "tánh không quán".

Thế nào gọi là vô sở hữu không ? Như người không con cô độc một mình. Như nhà trống không, không có cái gì. Như người nghèo cũng không hề có tài sản.....Đây gọi là Bồ tát quán vô sở hữu không.

Đệ nhất nghĩa không, Bồ tát quán như thế nào ?

Bồ tát quán rằng: Ví tự thân, nhãn căn của tự thân, lúc sanh ra không từ đâu đến, lúc diệt mất không đi đến đâu. Trước không, nay có. Có rồi lại không. Suy cho cùng thật tánh của nó "không có gì". Không tự thân, không nhãn căn, không có chủ thể tồn tại. Thân vô tánh, nhãn căn vô tánh. Tất cả pháp cũng vô tánh như vậy. Có nghiệp, có báo, không thấy tác giả. Tư duy, quán chiếu như vậy gọi là Bồ tát quán ĐỆ NHẤT NGHĨA KHÔNG.

Không không là thế nào ? Không không là chỗ mịt mù mờ tịt của ngoại đạo, là chỗ mà Thanh văn, Duyên giác vẫn mê mờ. Hàng Bồ tát thập trụ nhận biết một phần ít như vi trần đối với đại địa. Đó là vấn đề "có, không", "không phải có, không phải không", "cũng có, cũng không", "cũng không phải có, cũng không phải không". Thứ không cần loạn bất tử ấy !

Thiện nam tử ! Đại không, Bồ tát quán như thế nào ?

Đại không tức là Bát Nhã Ba La Mật. Hành thâm Bát Nhã Ba La Mật, Bồ tát chiếu kiến ngũ uẩn giai không, thấy rõ thật tướng vạn pháp. Đại Bồ tát thành tựu Đại không sẽ được trụ bậc HU KHÔNG ĐẲNG.

Này Thiện nam tử ! Nay Như Lai ở trong Đại chúng nói những nghĩa không như vậy, có mười hằng hà sa Đại Bồ tát được trụ bậc HU KHÔNG ĐẲNG. Đại Bồ tát trụ bậc HU KHÔNG ĐẲNG này, ở trong tất cả pháp không bị trở ngại, không bị câu chấp, buộc ràng, tâm không mê muội. Do vậy, gọi là HU KHÔNG ĐẲNG.

Này Thiện nam tử ! Bồ tát trụ bậc Hu không đẳng này, đối với tất cả pháp đều thấy, đều biết. Biết tánh, tướng, nhân duyên, quả báo. Tâm, cảnh, thiện ác, chân vọng, chánh, tà, sở cầu, sở đắc....trì, phạm, thừa, giáo, uế tịnh...những pháp như vậy, Bồ tát biết hết và thấy hết. Biết rõ nhân nào, kết quả nào. Đâu là chánh nhân, đâu là tà nhân. Đâu là chân lý, đâu là phi chân lý. Gì là tà kiến, gì là chánh kiến. Ngoại đạo là thế nào? Không ngoại đạo là thế nào? Đối với người phát tâm tu hành: Tà chánh, chân ngụy, đại tiểu, thiên viên. Bồ tát trụ bậc hu không đẳng đều thấy biết, vì Bồ tát thành tựu tứ vô ngại trí: Pháp vô ngại, nghĩa vô ngại, từ vô ngại và lạc thuyết vô ngại. Thành tựu tứ vô ngại trí, Bồ tát vận dụng nhiều phương tiện trong sự nghiệp độ sanh, khéo diễn nói chân lý "đệ nhất nghĩa không", đối với chân lý này, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể diễn nói được.

TRỰC CHỈ

Một Bồ tát có phạm hạnh đầy đủ cần có trí tuệ hiểu biết nhiều mặt: biết pháp, biết nghĩa, biết thời, biết tri túc, biết mình, biết người, biết tôn ti.

Biết pháp là phải tu học mười hai bộ kinh. Mười hai lối hành văn mà đức Phật vận dụng ngôn từ diễn đạt qua những thể tài ấy. Ở thể pháp một người

viết văn người ta cũng phải sử dụng ngòi bút qua nhiều thể loại trong một tác phẩm, một áng văn hay. Người ta vẫn dùng ngòi bút tả cảnh, tả người, tả tình, tả tâm sự nhớ thương, tả mây, tả gió... Rồi ký sự, lý luận, rồi hiển dụ, ẩn dụ, hoán dụ v.v...nhờ vậy mà người đọc dễ hiểu, dễ nhận những gì mà tác giả muốn truyền đạt, gợi cảm cho độc giả qua ngòi bút của mình.

Đức Phật vận dụng mười hai "bộ kinh" nhằm giới thiệu cách diễn đạt văn tự ngữ ngôn qua các thể văn mà mỗi thể văn có công dụng thâm thúy riêng của nó.

_ Thể tài THỌ KÝ không thể đem tâm hồn đơn giản, dùng ý thức hời hợt mà hiểu được. Bộ môn VỊ TĂNG HỮU lại càng ẩn mật sâu sắc hơn nhiều.

_ Đức Phật khi mới sanh ra có hoa sen hiện lên đỡ chân. Rồi ngài đi bảy bước, đi khắp mười phương đều bước trên hoa sen như vậy. Tại sao Thái tử không bước đi trên thứ hoa nào khác có được không ? Tại sao Thái tử chỉ đi mỗi phương bảy bước ? Nếu đi sáu bước hay tám bước thì sự thể sẽ ra sao ?

"Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn..." có lý nào một đức Phật tương lai lại đề cao bản ngã của mình và cái ngã của vạn pháp ?

_ Vấn đề sanh ngang hông khi Thái tử chào đời, có cần phải sử dụng huyền thoại để nâng cao giá trị cho đức Thế Tôn sau này ?

_ Chuyện tiền thân bồ thí tài vật rồi bồ thí cả vợ con.

_ Chuyện tiền thân "vị pháp" chỉ cần nửa bài kệ tám chữ mà đổi bằng sanh mạng của mình....

Như Lai đã từng bảo: Như Lai vô số phương tiện, thường vận dụng vô số nhân duyên, vô số thí dụ, vô số ngôn từ miễn là đạt mục đích "lợi lạc quần sanh".

Do ý nghĩa đó, một Bồ tát muốn viên mãn phạm hạnh phải quán triệt thâm nghĩa, mật nghĩa, huyền nghĩa của mười hai bộ kinh, gọi là Bồ tát biết pháp.

* TỨ VÔ LƯỢNG TÂM của một đấng Thế Tôn, trình độ giác ngộ giải thoát của ông Ca Diếp lẽ ra không nên đề cập gạn hỏi và đề nghị thêm bớt. Bởi trí tuệ của Như Lai Thế Tôn chỉ có Phật với Phật mới biết nhau. Như

Lai vô số phương tiện, tùy nhân duyên, chủng tánh, căn cơ, Như Lai có thể nói một thành nhiều. Có lúc nói nhiều thành một mà vẫn đem lại sự an lạc, lợi ích chúng sanh; vì vậy, tất cả ngôn từ giáo hóa của chư Phật đều không có hư vọng.

* TỨ VÔ LƯỢNG TÂM, từ, bi, hỷ, xả của Như Lai đạt đến đỉnh cao ba la mật. Chỉ một tâm TỪ thôi đã thành tựu công đức không thể suy lường. Ác tâm của Đè Bà Đạt Đa, không hại được Phật; voi say hung hăng cũng không hại được Phật....

Với nhóm lực sĩ 500 người, đức Phật lúc đó cũng chẳng trở tài lấy ngón chân hất tảng đá, cũng chẳng dùng tay bóp nát tảng đá để chinh phục...

Với nhóm gia nô của trưởng giả Lưu Chí rêu rao, bêu xấu, lấp suối, phá rừng, nhằm cô lập và gây khó khăn cho Phật và tăng đoàn. Do thế lực của từ tâm rất cuộc đầu vào đây, Phật không hề bị hại bởi những ác tâm kia.

Lời dạy của Như Lai trước sau như một. Cùng một việc làm, một lời nói, một ý niệm mà có thể là thiện cũng có thể là ác; có thể là phước mà cũng có thể là tội. Đến như giết chết một mạng người, mà Như Lai dạy việc làm đó không bị đọa địa ngục, ấy mới lạ kỳ. Rồi có lúc Như Lai dạy: Chẳng những không nên đốn cây, phát cỏ, khai hoang, thậm chí đối với cây trụi không nên sanh lòng ác, vì chúng sanh DO LÒNG ÁC mà phải đọa ĐỊA NGỤC.

"Khởi ác tâm sanh lòng ác; tức thì, ngay nơi đó là đã đọa địa ngục rồi. Bởi vì bấy giờ tâm thanh tịnh an lạc bị chặn cái vô minh phiền não ô trược nổi lên làm vẩn đục đi rồi. Sở dĩ người phạm phước không thấy mình "đọa địa ngục" vì người ta đã quen sống với những chiếc áo vô minh đau khổ bản thủ màu xanh cứ ngựa đã quen rồi, có bôi vào một vết mực đen, một vết sơn hay gáo nước bùn nhơ, người ta vẫn thấy bình thường không có gì đáng quan tâm đến những lẽ tẻ tầm thường ấy. Nhưng với những người sang trọng quý phái, mặc bộ quần áo thơm nước hoa hảo hạng, trắng như bông buổi ban mai thì những vết đỏ, vết đen kia quả là không chấp nhận được.

* Bồ tát tu ba thứ vô lượng tâm: TỪ, BI, HỖ, sẽ an trụ địa vị CON MỘT, nghĩa là vị Bồ tát ấy là con một của chư Phật và ngược lại với tất cả chúng

sanh, bằng một cái nhìn, một tấm lòng, Bồ tát xem bình đẳng như CON MỘT.

* Tu XẢ tâm thành tựu, Bồ tát trụ bậc HU KHÔNG ĐẰNG. Ôi ! Vô cùng tuyệt diệu. HU KHÔNG ĐẰNG ! Vạn pháp bình đẳng như hư không ! Thế là NHƯ HUYỀN TAM MA ĐỀ đây rồi ! "NHƯ HUYỀN TAM MA ĐỀ ĐÀN CHỈ SIÊU VÔ HỌC" đây rồi !

Trụ bậc HU KHÔNG ĐẰNG sẽ có tất cả những tri kiến của Phật có !...TỨ VÔ NGẠI GIẢI...TỨ VÔ SỞ ÚY...THẬP TRÍ LỰC. LỤC BA LA MẬT. THẬP BÁT BÁT CỘNG PHÁP...và có cả BỒ ĐỀ, NIẾT BÀN VÔ THƯỢNG !

---o0o---

PHẨM THỨ HAI MƯỜI - PHẠM HẠNH

(tiếp theo A)

*** ĐẮC VÀ VÔ SỞ ĐẮC LÀ TIÊU CHUẨN MỘT THƯỚC ĐO CỦA MỘT ĐỊA VỊ.....**

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Nếu Bồ tát được tứ vô ngại trí hóa ra Bồ tát còn có sở đắc sao ?

Phật khen: Lành thay ! Điều Như Lai sắp nói thì ông lại hỏi.

Này Ca Diếp ! Bồ tát vô sở đắc mới được tứ vô ngại trí, nếu Bồ tát có ý niệm sở đắc thấy mình có sở đắc thì không thể có được tứ vô ngại trí, vì Bồ tát ấy thường quay cuồng trong bốn thứ điên đảo, luôn bị chướng ngại, làm sao có được vô ngại trí.

Vô sở đắc gọi là tuệ giác. Hữu sở đắc gọi là vô minh. Bồ tát dứt hết vô minh u tối, tuệ giác phát sinh cho nên Bồ tát vô sở đắc.

Vô sở đắc cũng gọi là Đại Niết Bàn. Bồ tát an trú trong Đại Niết Bàn, không phân biệt, chấp thủ tánh tướng của vạn pháp. Có sở đắc là có hai mươi lăm cõi. Bồ tát dứt hết hai mươi lăm cõi được Đại Niết Bàn. Vì vậy, Bồ tát là bậc vô sở đắc và chỉ có bậc vô sở đắc mới có được "Tứ vô ngại trí". Do vậy, Ca Diếp, ông không nên gạn rằng: Bồ tát được "Tứ vô ngại trí" là "có sở đắc"!

* ĐỆ NHẤT NGHĨA ĐỂ LÀ TÊN KHÁC CỦA ĐẠO BỒ ĐỀ VÀ NIẾT BÀN.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Thế Tôn ! Đệ nhất nghĩa để cũng gọi là ĐẠO, cũng gọi Bồ đề và cũng là tên khác của Niết bàn, hóa ra Bồ đề, Niết bàn và Đạo là vô thường, vì là pháp trước không, nay mới có. Nếu Bồ đề, Niết bàn và Đạo là pháp vốn có, là thường thì lẽ ra không thể chứng, không thể đắc, ví như hư không.

Bạch Thế Tôn ! Luận về Bồ đề, Niết bàn và Đạo cũng vậy, nó chẳng phải vật chất, cũng chẳng phải chẳng vật chất. Nó chẳng dài, chẳng ngắn, chẳng cao, chẳng thấp, chẳng vuông, chẳng tròn, chẳng nặng, chẳng nhẹ, chẳng phải xanh, chẳng vàng, chẳng đỏ, chẳng trắng, chẳng có sanh, chẳng diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng có, chẳng không, chẳng lúc còn, chẳng lúc mất....có sao Như Lai nói là có thể "chứng được" Đạo, Bồ đề và Niết bàn ?

Phật dạy: Lành thay ! Ca Diếp ! Đạo hay Bồ đề, Niết bàn cũng vậy, đều có hai mặt: Một là thường, hai là vô thường. Đạo của ngoại đạo gọi là vô thường, đạo của nội đạo gọi là thường. Bồ đề của Thanh Văn, Duyên Giác vô thường, Bồ đề của Bồ tát, của Phật là thường.

Đạo, Bồ đề, Niết bàn đều là pháp thường. Tất cả chúng sinh bị vô minh phiền não che đậy, tuệ nhãn không phát huy công dụng nên không thể thấy được. Các chúng sinh muốn được thấy cần siêng tu giới, định, tuệ. Do mãnh lực của giới, định và hào quang của vô lậu tuệ mà thấy Đạo, mà chứng được Bồ đề, Niết bàn. Kỳ thật, Đạo, Bồ đề, Niết bàn không phải mới có, mới sanh ra. Do nghĩa đó, Bồ đề, Niết bàn và Đạo không phải là cái có thể nắm lấy được. Dù nó không hình sắc để nắm bắt, để cân lường, để trông thấy nhưng có công dụng cụ thể rõ ràng.

Tâm chúng sanh cũng vậy, dù chẳng phải vật chất, chẳng có hình tướng ngắn dài, rộng hẹp, vuông tròn; chẳng phải màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng; chẳng phải buộc, chẳng phải mở; chẳng phải là cái có thể phủ nhận rằng: không. Do nghĩa đó, có lần Phật vì ông Tu Đạt Đa nói rằng: Này Trưởng giả ! Tâm ví như vua trong một quốc thành. Tất cả sinh hoạt của triều đình nghiêm minh hay bê bối tùy thuộc sự điều khiển, ở mệnh lệnh của vua. Nếu trưởng giả chẳng giữ gìn tâm thì chẳng giữ gìn được thân và miệng. Chẳng

khéo giữ gìn thân miệng nên chúng sinh phải sa vào ba đường ác. Nếu giữ gìn thân miệng tốt, chúng sanh sẽ được phước báo trời người và Bồ đề, Niết bàn gọi đó là được chứng quả chân thật. Đạo cũng như vậy, cũng là có, cũng là thường. Nếu không có làm sao dứt được phiền não và người dứt hết phiền não gọi bằng gì ? Bồ đề, Niết bàn, Đạo là pháp có thật, nên tất cả Bồ tát thấy biết rõ ràng.

Này Ca Diếp ! Luận về thấy, có hai cách: Một, thấy đáng mạo. Hai, thấy đích thực rõ ràng.

* Thế nào là thấy đáng mạo ? Chẳng hạn như thấy khói đằng xa gọi rằng thấy lửa nơi đó, dù không thấy lửa nhưng chẳng phải hư vọng. Thấy sừng trâu thập thò bên lùm lau sậy xa xa bèn nói là thấy trâu. Dù không thấy trâu, nhưng chẳng phải hư vọng. Như thấy cây mọc chồi non, bèn nói là thấy nước, dù chẳng thấy nước, nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Như thấy người nữ thai nghén bèn nói là thấy dục, dù không thấy dục nhưng không phải là hư vọng. Như thấy thân nghiệp và khẩu nghiệp, bèn nói là thấy tâm, dù chẳng thấy tâm, nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Thấy như vậy gọi là thấy đáng mạo.

* Thế nào là thấy đích thực rõ ràng ? Như trường hợp mắt trông thấy vật sắc. Mắt thấy vật sắc là thấy đích thực rõ ràng. Như người có mắt sáng tự xem trái quít để trên bàn tay. Đại Bồ tát thấy Đạo, thấy Bồ đề, Niết bàn rõ ràng cũng như vậy. Dù rõ như vậy, nhưng Bồ tát vẫn không có tướng thấy. Do nghĩa đó, trước đây Như Lai bảo Xá Lợi Phất: Rằng tất cả những gì sa môn, Bà la môn, Phạm thiên, ma vương, phàm phu hiểu, thấy, biết, Phật và Bồ tát cũng đều hiểu, thấy, biết. Những điều tất cả hạng người trên không hiểu, thấy, biết, Phật và Bồ tát đều hiểu, thấy, biết. Những điều người thế gian biết, thấy, hiểu, Phật và Bồ tát cũng đều biết, thấy, hiểu. Những điều người thế gian không biết, không thấy, không hiểu, họ không tự biết là họ không biết, không thấy, không hiểu. Như Lai thì tất cả đều biết, đều thấy, đều hiểu mà Như Lai không tự nghĩ rằng ta biết, thấy và hiểu hết. Bởi vì nếu còn có tướng thấy, biết, hiểu thì vương phải "Tri kiến lập tri", không còn là Phật và Bồ tát mà gọi đó là phàm phu.

* Ca Diếp Bồ tát thưa: Có lần Phật bảo Xá lợi Phất: Những điều thế gian biết ta cũng biết, những điều thế gian không biết ta cũng biết. Lời dạy đó có ý nghĩa như thế nào ?

Phật bảo: Người thế gian chẳng biết, chẳng hiểu Phật tánh; cũng chẳng biết bốn điên đảo, chẳng hiểu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, chẳng hiểu biết mười hai nhân duyên, chẳng hiểu gì là lục độ với Vô thượng Bồ đề, Vô thượng Niết bàn, họ như kẻ sanh manh đối với cảnh sắc mùa xuân muôn hồng nghìn tía.

Người thế gian thường biết qua chấp chước sai lầm. Họ tôn thờ "đấng" Phạm thiên, Tự tại thiên, Bát tí thiên, tánh, thời, vi trần, pháp, phi pháp, chủ tạo vật, chung, tử của thế gian, vương chấp hai bên đoạn, thường và cho rằng trời phi tướng, phi phi tướng là Niết bàn. Tầm hiểu biết của người thế gian không vượt qua ngàn ấy chuyện.

Bồ tát thì xa lìa những chấp mắc sai lầm hư vọng, tu học Đại Niết bàn, nhận rõ Bồ đề Niết bàn vô thượng.

Bấy giờ Ca Diếp Bồ tát nói kệ tán thán Phật:

Kính lạy đấng Đại bi

Nay con quy y Phật

Phật khéo nhỏ tên độc

Có tôn hiệu Đại y vương

Lương y trị lành bệnh

Bệnh có thể tái phát

Bệnh vô minh phiền não

Rễ sanh tử của chúng sanh

Như Lai Đại y vương

Trị bệnh chúng sanh lành

Dứt hẳn không tái phát

Cam lộ của Thế Tôn

Chúng sanh được thọ dụng

Vượt ra sanh diệt tướng

Như Lai vì con một

Diễn nói Đại Niết bàn

Chúng sanh nhận thức rõ

Diệt, diệt sanh, sanh diệt.

Nói kệ xong, Ca Diếp thưa: Như lời Phật nói: Tất cả những người thế gian đối với chân lý, với chánh pháp họ thường ở trong mê mờ, không thấy, không biết, không hiểu, còn Bồ tát thì thường thấy, biết và hiểu. Chúng con muốn biết rõ hơn lời dạy của Phật. Thấy, biết, hiểu của Bồ tát và không thấy, không biết, không hiểu của người thế gian, sai khác ở chỗ nào ?

Phật dạy: Những người nghe kinh Đại Niết Bàn, không kính tin, không phát tâm Vô thượng Bồ đề là người không thấy, không biết, không hiểu. Không hiểu rằng mình có Phật tánh, gọi là người thế gian, cũng gọi là phàm phu. Những người nghe kinh Đại Niết Bàn, sanh lòng kính tin, phát tâm Vô thượng Bồ đề, cầu Vô thượng Niết bàn, đó gọi là hạng người thấy, biết và hiểu. Hiểu rằng ta có Phật tánh, ta sẽ thành Phật, ta có Vô thượng Niết bàn. Đó gọi là người thấy, biết và hiểu. Hạng người này không gọi phàm phu mà Như Lai gọi họ là Bồ tát trên đời. Rồi Bồ tát này tự nghĩ: Ta kích khởi tâm tu trì tịnh giới. Do nhân duyên đó Bồ tát đời đời sanh vào cảnh giới đức cũng được luôn luôn thanh tịnh. Do giới đức thanh tịnh nên không tà kiến, không nghi lầm, không kiêu mạn. Vì có chánh tri kiến cho nên không bao giờ Bồ tát có ý nghĩ Như Lai rất ráo nhập Niết bàn theo nghĩa đoạn diệt ! Bồ tát đã có giới thanh tịnh cho nên có định. Do tu thiền định cho nên thường ở trong chánh niệm, thường ức niệm tư duy rằng: **TẤT CẢ CHÚNG SANH ĐỀU CÓ PHẬT TÁNH.**

GIỚI thanh tịnh, ĐỊNH đã có. Đỉnh cao của ba môn vô lậu học là TUỆ. Bồ tát tu tuệ, không chấp trong thân có ngã, trong ngã có thân. Tự thân là ngã.

Bồ tát tu tập giới, định, tuệ thanh tịnh rồi, bốn thứ gió điên đảo không làm lay động.

Sự thấy, biết, hiểu như vậy, người thế gian không thể có được.

Lại nữa, Bồ tát thấy, biết, hiểu rằng giới cấm mà mình thọ trì bền chắc không lay động thì tâm không hối hận. Vì không hối hận nên tâm vui mừng. Vì vui mừng nên tâm được thỏa thích. Vì thỏa thích nên tâm an ổn. Vì an ổn nên được chánh định vô động. Vì chánh định vô động nên được tri kiến chân thật. Vì được tri kiến chân thật nên nhàm lìa sanh tử. Vì nhàm lìa sanh tử nên có được giải thoát. Vì có được giải thoát nên thấy rõ Phật tánh.

Đây là chỗ thấy, biết, hiểu của Bồ tát. Những thấy, biết, hiểu của thế gian thì trái lại. Vì giới của thế gian lập ra để mong cầu pháp "có", cũng cố "hữu vi". Vì cũng cố hữu vi nên có tâm hối hận. Vì hối hận không có tâm vui mừng...Cho đến không thấy Phật tánh, không hiểu Niết bàn. Giới của thế gian phàm phu là thế đó !

Này Ca Diếp! Bồ tát có tịnh giới thanh tịnh, vì chẳng muốn sanh lòng không hối hận mà lòng không hối hận tự nhiên sanh; như người có gương sáng trước mặt dù không muốn thấy mặt mà mặt mình tự hiện; như nhà nông gieo giống ở ruộng tốt, dù không mong chờ mầm mọc lên mà mầm mọc tự mọc. Lại cũng như ngọn đèn dù không có ý mong cầu diệt trừ bóng tối mà bóng tối tự mất. Người xinh đẹp thấy diện mạo mình sanh tâm vui mừng, người trí giữ tịnh giới, biết giới đức mình thanh tịnh cũng sanh tâm vui mừng, do vậy không có hối hận. Trái lại, người phá giới, biết giới của mình không thanh tịnh lòng không vui mừng được, như người tàn tật xấu xa thấy diện mạo mình lòng rất buồn bã hận tủi thân mình.

Bồ tát tu trì tịnh giới đem lại kết quả: Một là vui mừng. Hai là thỏa thích. Không làm các điều ác có được tâm vui mừng. Biết giới của mình thanh tịnh tâm được thỏa thích. Lúc quán sát thấy được chân tướng sanh tử, gọi là vui mừng. Lúc nhận thức được Niết bàn và đi vào Niết bàn gọi là thỏa thích. Viên ly pháp thế gian gọi là vui mừng. Thực chứng pháp bất cộng gọi là thỏa thích.

Bồ tát tu học Đại Niết Bàn, do giới thanh tịnh nên thân, khẩu, ý tam nghiệp thanh tịnh, xa lìa mọi lỗi lầm. Vì tam nghiệp không lỗi lầm nên cái thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết, lục căn của Bồ tát xúc đối với lục cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp không sanh niệm xấu ác ưu phiền. Vì không niệm ưu phiền, xấu ác nên tâm an ổn. Vì an ổn nên được chánh định. Vì được chánh định nên sự thấy biết đúng như thật (thông qua trí tuệ). Vì thấy biết như thật nên nhàm lìa sanh tử. Vì nhàm lìa sanh tử nên được giải thoát. Vì có giải thoát nên thấy Phật tánh. Vì thấy Phật tánh nên được Niết bàn. Đó là kết quả tu trì tịnh giới của Bồ tát, mà giới của thế gian không thể có được.

Này Ca Diếp ! Sự thành tựu lớn lao ấy của Bồ tát, bởi vì khi tu tịnh giới, Bồ tát sử dụng thất thánh tài, viễn ly ngũ cái, trừ bỏ thập sử, phải giữ thập triền, dứt hết lục nghi, thanh tịnh ngũ căn, chứng nhập ngũ nhãn. Bồ tát hằng an trú trong lục niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí và niệm đệ nhất nghĩa thiên. Bồ tát có những đức hạnh tinh tấn ưu việt hơn người thường. Vì vậy, những thấy biết của Bồ tát, người thế gian không thể thấy biết được.

Này Thiện nam tử ! Người đệ tử của Phật không quan niệm rằng: thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng thuyết mười hai bộ kinh cùng với thọ trì đọc tụng giảng thuyết kinh Đại Niết Bàn công đức ngang nhau. Quan niệm như vậy là không đúng, vì kinh Đại Niết Bàn là tạng bí mật của chư Phật Thế Tôn, lý thú không thể nghĩ bàn.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Theo con hiểu kinh Đại Niết bàn sâu xa vì diệu không thể nghĩ bàn, Phật, Pháp, Tăng cũng không thể nghĩ bàn. Bạch Thế Tôn, do nghĩa gì mà Bồ tát lại cũng được gọi là không thể nghĩ bàn ?

Phật bảo: Đại Bồ tát không đợi ai giáo hóa mà có thể tu tự phát Bồ đề tâm. Đã phát tâm rồi tự siêng năng tinh tấn. Giả sử gặp phải cảnh ngộ có thể nguy hiểm tánh mạng cũng không thối thất tâm Bồ đề. Vì Vô thượng Bồ đề không tiếc thân mạng. Do vậy mà Bồ tát là hạng người không thể nghĩ bàn.

Lại nữa Bồ tát thấy rõ sanh tử có vô lượng tội lỗi khổ đau mà hàng Thanh Văn, Duyên giác thì không thể thấy biết. Dù thấy biết tội lỗi khổ đau, nhưng vì chúng sanh, nguyện ở cõi đời hóa độ cho họ. Còn chúng sanh thì ở trong

sanh tử khổ đau mà chẳng sanh tâm nhàm lìa. Do vậy mà Bồ tát được gọi là hạng người không thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ tát trong vô lượng kiếp thường quán sát sanh tử vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, rồi vì chúng sanh giảng thuyết thường, lạc ngã, tịnh. Dù diễn thuyết như vậy nhưng không rơi vào tà kiến. Vì vậy, Bồ tát là người không thể nghĩ bàn. Ví như người vào nước, nước không trôi; vào lửa, lửa không cháy, Đại Bồ tát cũng như vậy, dù ở trong sanh tử nhưng không bị sanh tử nào hại. Do vậy, gọi Bồ tát là người không thể nghĩ bàn !

Này Thiện nam tử ! Con người có ba hạng: thượng, trung và hạ.

_ Hạng người bậc hạ, lúc nhập thai coi như mình bị giam hãm vào chỗ tối tăm dơ bẩn, mất hết tự do sâu khổ; lúc xuất thai có cảm tưởng như ra khỏi chỗ ngục tù giam hãm....

_ Hạng người bậc trung khi nhập thai không xem là nơi giam hãm khổ đau mà tự thấy như mình dạo chơi nơi một cảnh trí có nhà cửa, có cỏ cây, có suối chảy...phù hợp cho một cuộc sống bình thường.

_ Còn hạng người bậc thượng thì vượt khỏi hai ý niệm trên. Bồ tát tự xem như mình vào cung điện lộng lẫy nguy nga, có vườn cây mát mẻ, có dị thảo kỳ hoa, có ao, có suối, có chim hót, có muôn thú vui đùa, một quang cảnh thanh bình êm đềm....Khi Bồ tát xuất thai cũng thấy mình trong môi trường an lành tiêu sái ấy. Lúc Bồ tát nhập thai, trụ thai, xuất thai đều tự biết và còn biết mình sẽ làm gì đối với sự lợi ích cho chúng sanh. Cho nên dù ở trong thai cũng như khi xuất thai không hề có niệm tham, sân, si. Do vậy, gọi Bồ tát là hạng người không thể nghĩ bàn !

Bồ tát với tâm, xa lìa sát sanh, trộm cướp và dâm hạnh; Với khẩu, xa lìa vọng ngữ, ý ngữ, lưỡng thiệt ngữ và vô nghĩa ngữ; với ý, xa lìa tham dục, sân nhuế và vô minh. Dù xa lìa như vậy mà không có ý tưởng xa lìa, vì Bồ tát biết rằng nghiệp bất thiện kia không có tự tánh chân thật. Do vậy, Bồ tát được gọi là người không thể nghĩ bàn !

Này Ca Diếp ! Trí tuệ của Bồ tát không thể phá vỡ được, lửa không cháy được, nước không trôi được; trí tuệ ấy không có cái để sanh, không có lão,

không có bệnh, không có tử được. Trí tuệ Bồ tát vượt ngoài dị diệt và không bị chi phối bởi sự thành trụ hoại không; vị trí của Bồ tát không phải hữu vi pháp mà có công năng hóa giải những nguyên nhân bất thật hữu vi hữu lậu. Do vậy, Bồ tát là hạng người không thể nghĩ bàn !

Ca Diếp Bồ tát thưa: Nay con mới biết rõ Đại Bồ tát là hạng người không thể nghĩ bàn ! Phật, Pháp, Tăng, kinh Đại Niết Bàn và người thọ trì Bồ Đề Niết Bàn đều chẳng thể nghĩ bàn !

Ca Diếp Bồ tát thưa: Con đã từng nghe Phật nói: Chánh pháp của Phật Ca Diếp xưa kia tồn tại ở đời có bảy ngày rồi diệt. Tại sao chánh pháp lại cũng bị diệt ? Đức Phật Ca Diếp xưa kia có kinh Đại thừa Đại Niết bàn này không ? Kinh Đại Niết bàn là "tạng bí mật" của chư Phật Như Lai mà cũng bị diệt sao ?

Phật bảo: Trước kia ta đã có nói, chỉ có Đại Trí Văn Thù mới hiểu ý nghĩa này ! Nay ta sẽ nói lại, Ca Diếp, ông hãy lắng lòng mà nghe: Pháp của chư Phật có hai loại: Một là thế pháp. Hai là đệ nhất nghĩa pháp.

Thế pháp có hoại diệt. Đệ nhất nghĩa pháp không hoại diệt.

Vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh là pháp có hoại diệt. Thường, lạc, ngã, tịnh là pháp không hoại diệt.

Pháp của Nhị thừa thọ trì tu học là pháp có hoại diệt, pháp của Bồ tát thọ trì tu tập thì không hoại diệt.

Ngoại pháp thì có hoại diệt, nội pháp thì không hoại diệt.

Pháp hữu vi có hoại diệt, pháp vô vi thì không hoại diệt.

Pháp "có được" thì có hoại diệt, pháp "không được" thì không hoại diệt.

Pháp thuộc mười một bộ kinh thì có hoại diệt. Pháp Phương đẳng Đại thừa thì không hoại diệt.

Nếu ngày nào hàng đệ tử Phật thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng thuyết cung kính, cúng dường, tôn trọng tán thán kinh Phương đẳng Đại thừa, nên biết đó là thời kỳ Phật pháp hưng thịnh không thể nói là hoại diệt được !

Này Ca Diếp ! Kinh Đại Niết bàn là chân lý, là tạng bí mật của chư Như Lai, là pháp thường hiện hữu không biến đổi, sao ông lại hỏi rằng đức Phật Ca Diếp có kinh này chăng ? Ông cũng nên biết: chánh pháp của Phật Ca Diếp cũng không tồn tại bảy ngày rồi diệt như ông hiểu. Chẳng qua là căn tánh của chúng sanh thời đó định tuệ viên mãn, tự sống trong chánh pháp Đại thừa, do vậy giáo lý của mười một bộ kinh không còn chỗ dùng nữa. Còn như giáo lý Đại thừa Niết bàn cũng chẳng cần nhọc sức triển khai. Ví như người đầy đủ sức khỏe cơ thể tươi nhuận thì dù lương dược có giá trị bậc trung hay lương dược thượng đẳng tốt cùng quý giá, cũng chẳng đem ra dùng vào chỗ nào được. Nói khác đi, chánh pháp thời Phật Ca Diếp không có chỗ dùng không phải pháp của Phật Ca Diếp ngắn số, tồn tại có bảy ngày !

Này Thiện nam tử ! Chỉ có thời nào mà chúng sanh đối với các pháp:

Vô thường tưởng là thường, chân thường tưởng vô thường.

Vô ngã tưởng ngã, chân ngã tưởng vô ngã.

Khổ tưởng lạc, lạc tưởng khổ.

Bất tịnh tưởng tịnh, chân tịnh tưởng bất tịnh.

Diệt tưởng bất diệt, bất diệt thấy diệt.

Tội thấy phi tội, phi tội thấy tội.

Khổ thấy phi khổ, phi khổ thấy khổ.

Tập thấy phi tập, phi tập thấy tập.

Diệt thấy phi diệt, phi diệt thấy diệt.

Đạo thấy phi đạo, phi đạo thấy đạo.

Phi Bồ đề thấy Bồ đề, Bồ đề thấy phi Bồ đề.

Thế đế cho là đệ nhất nghĩa đế, đệ nhất nghĩa đế cho là thế đế.

Lời Phật nói cho là lời ma, lời ma nói cho là lời Phật....

Ở vào thời kỳ như thế, Phật mới đem kinh Đại Niết bàn ra nói. Giáo hóa chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Thà nói vôi con muỗi hút nước tốt đáy biển chớ chẳng nên nói chánh pháp của Như Lai diệt. Thà nói lấy dây buộc gió mạnh vào cây; thà nói dùng miệng thổi bay núi Tu di; thà nói sen mọc trong lò lửa; thà nói có thể làm cho mặt trăng nóng, làm cho mặt trời lạnh chớ không nên nói chánh pháp của chư Như Lai diệt.

Này Thiện nam tử ! Lúc Phật ra đời, chúng được vô thượng Bồ đề rồi nhưng hàng đệ tử chưa có người hiểu Đại thừa sâu sắc, đức Phật bèn nhập Niết bàn, chánh pháp của đức Phật đó gọi là chẳng ở lâu nơi đời. Nếu có hàng đệ tử hiểu thấu nghĩa Đại thừa sâu sắc, Phật đầu nhập Niết bàn, nhưng chánh pháp vẫn ở lâu nơi đời.

Nếu Phật ra đời chúng Vô thượng Bồ đề rồi, trong hàng đệ tử đâu có người hiểu nghĩa Đại thừa sâu sắc mà không có bạch y cư sĩ đàn việt kính tin tôn trọng Phật pháp, khi Phật nhập Niết bàn chánh pháp của đức Phật đó chẳng gọi là ở lâu nơi đời. Nếu có hàng bạch y cư sĩ đàn việt kính tin tôn trọng Phật pháp, Phật đầu nhập Niết bàn chánh pháp của Phật vẫn gọi là ở lâu nơi đời.

Nếu Phật ra đời chúng Vô thượng Bồ đề, có các đệ tử hiểu nghĩa Đại thừa sâu sắc, có hàng bạch cư sĩ đàn việt hết lòng tôn trọng kính tin Phật pháp mà các đệ tử thuyết pháp lại vì danh lợi không vì cầu Niết bàn, đức Phật nhập diệt rồi, chánh pháp của đức Phật đó cũng không trụ lâu ở đời. Trái lại, hàng đệ tử Phật thuyết pháp vì cầu Niết bàn, cầu chúng Bồ đề vô thượng, không tham danh lợi, Phật đầu nhập diệt, nhưng chánh pháp vẫn ở lâu nơi đời !

TRỰC CHỈ

ĐẮC và VÔ SỞ ĐẮC là tiêu chuẩn, một thước đo của một địa vị trên đường giải thoát giác ngộ. Vô sở đắc mới có khả năng đắc tất cả. Hữu sở đắc, chỉ được trong phạm vi một cái gì có tánh cách cục bộ mà thôi. Bồ tát vô sở đắc mới có được Tứ vô ngại trí, Tứ vô ngại giải, Tứ vô ngại biện tài.

Đệ nhất nghĩa đế là tên khác của Đạo, của Bồ đề, Niết bàn. Chân lý ĐỆ NHẤT NGHĨA ĐẾ là chân lý "ly ngôn tuyệt tướng" lẽ ra không thể nói. Đệ

nhất nghĩa để mà còn diễn đạt bằng ngôn từ, ngoài trí tuệ biện tài vô ngại của Bồ tát, Phật, hàng Thanh văn, Duyên giác đã không có phần tham dự, nói chi hạng người bạc địa phàm phu !

Bồ đề, Niết bàn, Đạo là pháp vốn có, nó hiện hữu chân thường. Phàm phu, ngoại đạo không thể thấy, biết và hiểu. Vì họ không biết tu giới, định, tuệ, không có tuệ nhãn, không thể thấy, biết, hiểu Bồ đề, Niết bàn và cũng không thể biết gì là Đạo, như những kẻ sanh manh không thấy biết sắc màu rực rỡ của hoa lá dưới ánh sáng ấm áp của cảnh sắc trời xuân.

Người học đạo, hành đạo phải khéo giữ cái tâm. Tâm dù không thấy, không nắm bắt rõ mớ được nhưng thân, miệng thổ lộ, hành động nói năng thiện ác đều do tâm điều khiển. Vì vậy, Duy thức học gọi nó là TÂM VƯƠNG.

Là chân lý thì nghĩ ngợi không đến được, ngôn ngữ diễn đạt càng xa rời sự thật. Cho nên sự thấy biết của Bồ tát là "tuyệt tướng ly ngôn". Bồ tát thấy, biết, hiểu tất cả mà như không thấy, không biết, không hiểu. Thấy biết bằng cái tánh "như thị" không xen tri kiến của mình vào.

Thế gian ngoại đạo thường sống trong tà kiến. Họ chấp thường, chấp đoạn. Họ có khuynh hướng tín ngưỡng: Đa thần, Nhất thần. Đa thần chỉ là sản phẩm của những tâm hồn yếu đuối không có khả năng tự lực tự cường, cam tâm tì thiếp:

"Nghìn trùng nhờ bóng tùng quân.

Tuyệt sương che chở cho thân cát đặng"

Người đệ tử Phật nên biết cho rõ: Mười tám tầng "trời" trong ba cõi. Mười tám tầng "địa ngục" ở "địa ngục" chỉ là phương tiện của Như Lai. Như Lai há chẳng nói nhiều lần rằng: Như Lai vô số phương tiện đó sao ?

Là đệ tử Phật phải thấy rõ, biết cho rõ, hiểu cho rõ rằng: Bồ đề vô thượng là bản tánh hằng hữu bất biến. Niết bàn vô thượng và Phật tánh của chúng sanh cũng hằng hữu bất biến như vậy.

Muốn có được cái thấy rõ, biết rõ và hiểu rõ Bồ đề vô thượng, Niết bàn vô thượng và Phật tánh hằng hữu bất biến phải có điều kiện. Phải tu GIỚI, ĐỊNH, TUỆ. Giới, định, tuệ hoàn toàn thanh tịnh, thấy rõ; chưa hoàn toàn

thanh tịnh, thấy lờ mờ; không có tu giới, định, tuệ, chỉ lay lục, tụng niệm, khẩn nguyện cầu xin thôi thì tuyệt phần rồi, không bao giờ thấy, biết, hiểu Bồ đề là gì, Niết bàn là gì và Phật tánh là gì ! Gởi gắm, ước mơ ở một hướng nào trong vũ trụ bao la kia, thì phí đi một số nước miếng chảy ra, mà trước mặt mình chỉ là một mâm bánh vẽ !

Tứ niệm xứ. Tứ chánh cần. Tứ như ý túc. Ngũ căn. Ngũ lực. Thất Bồ phần. Bát chánh đạo. Tứ nhiếp pháp. Lục độ. Thất thánh tài. Tam tâm. Lục niệm...Chính là những hoa thơm trái ngọt sanh trưởng từ những gốc cây Giới, Định, Tuệ mà ra. Muốn ăn trái thì phải trồng cây. Đó là chân lý "nhân quả", dù là Bồ tát hay Vô thượng Bồ đề cũng không ngoại lệ.

Bồ tát biết rõ sanh tử là khổ đau, khổ đau và sanh tử trưởng thành cho nhau như trục xe và sợi dây xích. Vậy mà Bồ tát "nguyện đại chúng sanh, thọ vô lượng khổ"...nghe cũng lạ kỳ! Là Bồ tát thì phải gan dạ dữ vậy sao ? Thực ra, chẳng có gan dạ gì cả. Bí quyết là "NHƯ HUYỀN TAM MA ĐỀ". Bồ tát trụ trong ấy rồi thì như Thiên nga bơi lội ở Tây hồ trong một chiều thu lộng lẽ tĩnh mịch ở Thăng long....

Bát tướng thành đạo của Đại thừa cùng với bộ môn Vị tăng hữu trong mười hai bộ kinh, người đệ tử Phật phải học cùng một lúc. Không hiểu bộ môn VỊ TĂNG HỮU thì cũng không hiểu ý thú sâu xa của Bát tướng thành đạo của Đại thừa.

Pháp Phật có hai thứ: Một, bất liễu nghĩa. Hai, liễu nghĩa. Pháp bất liễu nghĩa có thể bị hoại diệt trong thời gian hoặc ngắn hoặc dài. Pháp liễu nghĩa không có thời hạn hoại diệt. Pháp bất liễu nghĩa là chân lý tục đế, phương tiện của Như lai. Pháp liễu nghĩa là chân lý cứu cánh không có "tuổi".

Chánh pháp "cứu trụ" hay chánh pháp "hoại diệt" mà Như Lai dạy, có ý nghĩa sâu sắc, người đệ tử Phật phải tư duy:

_ Có thể kinh điển Phật xuất bản, tái bản bán rẻ như bèo, ai cũng có thể mua, đóng gáy mạ vàng, trang trí tủ này tủ nọ mà chưa thể gọi đó là chánh pháp cứu trụ.

_ Tăng đồ đệ tử Phật y hồng, bá nạp, ca sa vàng, ca sa nâu phất phối sắc màu sặc sỡ trên đường khắp nẻo cố đô thành thị cũng chưa thể gọi đó là chánh pháp cứu trụ.

_ Tụng kinh cầu nguyện, lễ bái linh đình, tụ hội hàng ngàn vạn người Tăng tục cũng không vì đủ thành phần, đông số lượng mà gọi là chánh pháp cứu trụ.

Ý của Phật dạy ở kinh Đại Niết bàn này: Tăng, Ni xuất gia, Phật tử nam nữ tại gia phải phát Bồ đề tâm chân chánh, kích khởi "đạo tâm", phát huy "đạo hạnh", bồi dưỡng "đạo lực", cầu chứng "đạo quả". Phải học chánh pháp, hành chánh pháp và sống theo chánh pháp. Phải biết rõ thế nào là kinh phương tiện bất liễu nghĩa, gì là chân lý cứu cánh liễu nghĩa Đại thừa. Và phải học Đại thừa, hành Đại thừa, và sống theo Đại thừa. Ở hoàn cảnh và môi trường tu học như vậy thì ở nơi đó gọi là "đất Phật", chánh pháp ở nơi đó cứu trụ.

Người ung thư nặng, y sĩ mới dùng cách "vô hóa chất" hoặc "xạ trị". Phật phải nói kinh Đại Niết bàn là để "xạ trị" cho những chúng sanh bết bát, mịt mờ chân lý. Những chúng sanh chẳng biết tí nào về mình, về người, về ngoại vật, mà tai họa lớn nhất là bệnh "tự khinh", "sùng ngoại", ý lại nơi tha nhân...kỳ thân dị thánh !

Chân lý không sao diệt được thì chánh pháp của chư Phật cũng không sao diệt hoại, vì chánh pháp là chân lý mà Phật chỉ là người chứng biết và nói ra chân lý ấy !

NHẬP NIẾT BÀN không có nghĩa là chết. Càng không có nghĩa là chờ chết mới được "nhập Niết bàn".

Nhập Niết bàn là an trú trong Niết bàn, là đi vào Niết bàn. An trú trong cảnh an lành vắng lặng, tĩnh mịch tuyệt nhiên ấy. Do nghĩa đó, người Phật tử nên biết đức Phật Thích Ca, Bổn sư của chúng ta đã nhập Đại Niết bàn khi vừa chứng quả Vô thượng Bồ đề hồi còn trẻ măng...ấy.

Do nghĩa đó, Niết bàn nhập hay chưa nhập là việc của một đức Phật. Còn kinh Đại thừa Đại Niết bàn gọi là cứu trụ hay không, tùy thuộc ở chúng sanh, những hàng đệ tử tại gia, xuất gia của Phật có ứng dụng hành trì hay

không, chứ không lệ thuộc có mặt hay vắng mặt của một đấng Như Lai Thế Tôn nào ! ./.

---o0o---

PHẨM THỨ HAI MƯỜI - PHẠM HẠNH

(tiếp theo B)

Này Ca Diếp, thiện nam tử ! Lúc chánh pháp của ta "diệt", hàng Thanh Văn đệ tử của ta có người nói "hữu thân", có người nói "vô thân". Người nói có thân trung âm, người nói không thân trung âm. Người nói có ba đời, người nói không có ba đời. Người nói có ba thừa, người nói không có ba thừa. Hoặc có người nói tất cả vạn pháp là có. Người nói tất cả vạn pháp đều không. Có người nói chúng sanh không có tử, không có chung. Hoặc nói mười hai nhân duyên là pháp hữu vi, hoặc nói mười hai nhân duyên là pháp vô vi. Hoặc nói Như Lai vẫn có bệnh có khổ, hoặc nói Như Lai không có bệnh khổ. Hoặc nói Như Lai cho Tỳ kheo được ăn thịt, hoặc nói Như Lai không cho Tỳ kheo ăn thịt. Hoặc nói Niết bàn chỉ là sự dứt hết kiết sử không còn có gì khác, như dệt chỉ nói là áo, áo đã hư rách gọi là không áo, không còn có gì khác. Thể của Niết bàn chỉ là vậy...!

Ở vào thời kỳ đó, đệ tử của ta chánh thuyết thì ít, tà thuyết thì nhiều, lãnh thọ chánh pháp thì ít, lãnh thọ tà pháp thì nhiều. Thọ lời Phật thì ít, thọ lời ma thì nhiều.

Bấy giờ ở nước Câu Diệm Ni có hai Tỳ kheo: Một chứng quả A La Hán. Một hủy phạm giới. Tỳ kheo phá giới có đệ tử đông năm trăm người. Tỳ kheo A La Hán có một trăm đệ tử.

Tỳ kheo phá giới nói Như Lai nhập Niết bàn vĩnh diệt như sự diệt tận của hư vô. Tứ trọng giới của Phật chế, trì cũng được, phạm cũng không sao. Như tôi đây chẳng cần trì giới nghiêm túc mà cũng chứng được quả A La Hán và cũng được bốn vô ngại trí có kém ai đâu ! Lúc Phật còn tại thế dạy bảo phải tôn trọng giữ gìn, lúc Phật nhập diệt rồi thì buông xả tôi cảm thấy thoải mái hơn nhiều !

Thầy Tỳ kheo đấng A La Hán quả nói: Này Trưởng lão ! Ông không nên nói Như Lai nhập Niết bàn là vĩnh diệt như hư vô ! Chính tôi biết Như Lai

thường còn, Như Lai không vĩnh diệt, không biến hoại. Như Lai lúc còn tại thế, sinh hoạt trong tứ oai nghi như bao nhiêu đệ tử khác, nhưng Như Lai thường trú trong Niết bàn rồi. Có phải đâu Niết bàn vĩnh diệt vắng bóng ở cõi người mới gọi là nhập Niết bàn. Cứ theo định kiến của Trưởng lão thì Niết bàn đồng nghĩa với ngày tận số của kiếp người ư? Trưởng lão không nên hiểu như thế!

Trưởng lão cho rằng phạm tứ trọng tội vẫn chứng được quả A La Hán, tôi cho đó là lời nói vọng ngôn. Đức Như Lai đã từng dạy! Người chứng được quả Tu Đà Hoàn, còn phải tu giới, định, tuệ, phải diệt sạch kiến hoặc trong tam giới, hưởng hồ là A La Hán, là quả cao tột trong tứ quả Thanh Văn! Và lại, Như Lai từng dạy người A La Hán không thấy mình chứng A La Hán. Người tự nói rằng mình chứng quả A La Hán là người chưa chứng được gì! Bởi vì chính họ bị kẹt vào bốn tướng chấp: ngã, nhơn, chúng sanh và thọ mạng. Đã kẹt trong bốn tướng thì chính mình tự tổ cáo rằng mình đích thực phạm phu. Do lẽ đó nếu có người đọc hiểu mười hai bộ kinh của Phật thì biết rõ những điều trưởng lão đích thị vọng ngôn.

Lúc bấy giờ đồ chúng của Tỳ kheo phá giới bèn giết chết vị A La Hán. Ma vương thừa cơ hội a dua hãm hại diệt hết cả sáu trăm Tỳ kheo non trẻ đạo tâm, đạo hạnh, đạo lực chưa có cơ hội vun bồi này!

Trước biến cố tương tàn thảm sát ấy, những người phạm phu có chút thiện tâm họ bảo nhau rằng: Thương đau thay! Phật pháp nay diệt mất, còn chi! Sự thật, Phật pháp không vì vậy mà dứt mất, vì trong quốc độ ấy còn có hàng vạn Đại Bồ tát hộ trì pháp của Phật.

Bấy giờ cõi Diêm phù đề, không có một Tỳ kheo đệ tử Phật. Thiên ma vương ba tuần thừa cơ hủy diệt chánh pháp, chúng nổi lửa thiêu đốt hết kinh điển của Phật. Những phần ít ỏi còn sót lại hàng Bà la môn trộm lấy góp nhặt để vào trong sách kinh của họ. Do vậy, có hàng Bồ tát mới phát tâm vào thời kỳ Phật chưa ra đời họ đem nhau tin lấy lời của Bà la môn. Hàng Bà la môn dù nói rằng họ có trai giới, nhưng thật ra các ngoại đạo đều không có ngã, có thường, có lạc, có tịnh mà thiệt ra họ chẳng hiểu thường, lạc, ngã, tịnh đúng nghĩa. Họ lấy một từ, hai từ, một vài câu ngắn dài nào đó trong Phật pháp rồi nói là trong sách vở của họ có những nghĩa như vậy.

Bấy giờ trong rừng Ta la song thọ, thành Câu thi na, đại chúng nghe Phật nói như vậy đều đồng thanh thốt lên rằng: "Thế gian trống rỗng ! Thế gian trống rỗng !"

Ca Diếp Bồ tát bảo đại chúng: Chư liệt vị chớ có buồn não như vậy. Thế gian không trống rỗng đâu, vì Phật, Pháp, Tăng là thường trụ không thể lúc nào làm biến hoại được ! Đại chúng nghe rồi thôi khóc và tất cả hướng về giải thoát giác ngộ, phát tâm cầu Vô thượng Bồ đề.

Trong thành Vương xá lúc bấy giờ vua A Xà Thế tánh tình tệ ác: tham, sân, si, sát, dâm, vọng....không chừa một lỗi nào không dám làm, chuyên dùng người ác cấu kết làm quyến thuộc, chỉ biết sự hưởng thụ ngũ dục hiện tại mà không nghĩ đến quả báo vị lai. Giết vua cha soán ngôi mà lòng không ray rức lại còn thích thú hả hê !....

Giờ phút đền trả quả báo đã đến, toàn thân vua bỗng sanh ghê độc, lở loét tanh hôi chẳng ai dám gần, người thân muốn xa lánh. Bấy giờ vua tự nghĩ: chính những giờ phút này, ta phải thọ lấy ác báo rồi ! Ta đã rơi vào địa ngục rồi ! Mẫu hậu Di Đề Hi dùng đủ các thứ thuốc của các ngự y để thoa xức, nhưng mụn nhọt lở loét ngày càng tăng thêm mà không bớt.

Vua A Xà Thế thưa với mẹ: Ung nhọt, ghê lở của con do Tâm mà sanh, nguồn gốc sanh bệnh từ nơi tâm không phải do tứ đại, cho nên không thể dùng y dược của thế gian mà có thể trị được.

Rồi vua bảo các đại thần: Nay thân tâm của ta đều đau khổ không sao nói hết ! Ta vô cùng ân hận, cha ta có tội tình gì ! Ta nỡ giết hại cha ta ! Ta từng nghe người trí bảo: Rằng người phạm tội ngũ nghịch quyết định đọa địa ngục. Vậy nên ta không hy vọng có lương y thần dược nào ở thế gian có thể trị được ác bệnh của ta !

Bấy giờ có vị đại thần tên là Nguyệt Xứng thưa với nhà vua. Ví như người thích uống rượu, càng uống càng nghiện nặng thêm; người để lòng sầu khổ, sầu khổ càng sâu nặng thêm nhiều. Đại vương hãy quẳng cái gánh nặng sầu khổ hối hận ấy đi. Có ai đến địa ngục chứng kiến cảnh địa ngục rồi trở về thưa lại với đại vương đâu ! Đó chẳng qua là lời của người trí ở thế gian nói, có gì đáng tin cậy !

Hiện tại thần có biết một Đại y sư tên là Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử có sức định tâm tự tại, biết hết mọi lẽ trên đời, thường diễn thuyết đạo Niết bàn vô thượng dạy cho hàng đệ tử rằng: không có nghiệp gì gọi là lành, cũng chẳng có gì gọi là báo lành. Chẳng có nghiệp bậc thượng, bậc trung, bậc hạ gì cả ! Hiện nay, Đại sư này ở trong thành Vương xá, xin Đại vương giá lâm để nhờ Đại sư ấy trị bệnh cho Đại vương.

Vua nói: "Nếu đại sư ấy có thể diệt trừ tội lỗi cho ta, thì ta xin quy y!"

Lại có một đại thần tên Tạng Đức thưa với nhà vua:

Xin đại vương đừng sầu khổ nữa. Ở trên cõi đời có hai thứ luật: Một, luật xuất thế pháp. Hai, luật vương pháp. Luật xuất thế, họ cấm tất cả sự giết hại. Còn luật thế pháp: hại cha mình để lên ngôi trị nước là việc thường tình xưa nay đã có, nào ai đã mắc tội gì ! Như trùng Ca la la phải cắn lủng bụng mẹ mới sanh ra được. Dù cắn lủng bụng mẹ nhưng trùng không có mắc tội. Con la chừa nghén cũng vậy. Con la con ra đời thì mẹ nó phải chết. Con la con có phạm tội hại mẹ nó đâu ! Phép trị nước chấn dân giết cha, hại anh là việc bình thường không có tội. Xin Đại vương chớ có lo rầu, càng lo rầu sầu khổ, sầu khổ chất chồng thêm !

Hiện nay có vị Đại sư tên Mạt Già Lê Câu Xa Ly Tử, là người thương xót chúng sanh thấy xa biết rộng. Ông đã xa lìa phiền não, có thể cứu vớt nhiều người tránh khỏi sự buồn rầu sợ sệt. Đại sư ấy thường dạy các đệ tử: Răng thân của chúng sanh có bảy nguyên tố: Địa, thủy, hỏa, phong, khổ, lạc và thọ mạng. Bảy thứ ấy không hư, không hoại, hằng còn bất động như núi Tu di. Trong đó không có khổ vui tội phước, không có lành dữ, phải trái...vì bảy nguyên tố trống rỗng không có chất ngại. Do vậy sanh mệnh ở trong bảy đại kia dù bị giết hại nhưng không gì hại được, vì không có kẻ thọ...Đại sư ấy thường thuyết pháp như vậy làm cho các đệ tử dứt trừ các trọng tội đã làm.

Nay Đại sư ấy đang ở trong thành Vương xá, xin Đại vương giá lâm đến gặp Đại sư, nghe lời khai đạo thuyết giáo cao thâm, chắc chắn tội ác dù nặng bao nhiêu cũng được tiêu trừ.

Vua bảo Đại thần Tạng Đức: Nếu sự thật được vậy thì ta sẽ quy y !

Lại có một đại thần tên Thiện Đức tâu vua: Đại vương chớ có sầu khổ thái quá mà hao tổn tinh thần. Căn cứ theo lẽ thật mà suy: Nếu tiên vương tu hành chứng đạo giải thoát mà giết hại thì có tội. Dựa trên phép trị nước của thế gian thì không tội. Tất cả chúng sanh đều có nghiệp thừa. Do nghiệp thừa nên thường bị sanh tử, tử sanh. Tiên vương có nghiệp thừa, Đại vương hãy an tâm chớ sầu khổ, vì người sầu khổ thì sầu khổ càng tăng.

Hiện nay trong thành Vương xá có vị Đại sư hiệu là Xan Xà Dạ Tỳ La Chi Tử thấy biết tất cả, trí sâu như biển, có oai đức, có thần thông, có thể làm cho chúng sanh xa lìa các lưới nghi. Ông thường dạy các đệ tử môn đồ rằng: Trong xã hội, một đất nước nếu là bậc vua thì tự tại tự do tùy ý hành sự, làm lành làm dữ, lương thiện hay bạo tàn đều không có tội. Ví như lửa đốt cháy các vật, không luận là sạch hay không sạch; ví như đất chở đựng tất cả mọi loài mà không luận cứng hay mềm, thơm hay thối; ví như hư không dung nạp tất cả cỏ cây hoa trái mà không luận giống đấng hay ngọt, màu đỏ hay xanh...dù có các việc như vậy mà đất, lửa, hư không không giận, không mừng. Pháp của vua cũng vậy. Như cây mùa đông thì trụi lá, mùa Xuân nảy lộc, đâm chồi. Giả sử có chặt đốn cây cũng chẳng có gì là tội. Chết chỗ này, cây sẽ sanh chỗ khác nên không tội.....

Đó là những cao kiến mà vị Đại sư kia thường thuyết giảng cho đệ tử mình. Xin Đại vương mau đến cầu kiến với Đại sư ấy. Nếu một phen hội ngộ, được lời chỉ giáo chắc chắn tội của Đại vương được tiêu trừ.

Vua phán: Sự thật nếu kết quả như vậy thì ta sẽ quy y.

Lại có một đại thần tên Tất Thi Nghĩa tâu với vua rằng: Xin Đại vương chớ để tâm sầu khổ. Tiên vương bị giết là việc cũ, cổ kim đã làm. Ngày xưa vua Ma La đã giết cha để soán ngôi. Vua Mạc Đề, vua Tỳ Xá Khư, vua Nguyệt Quang Minh, vua Nhật Quang Minh .v. v...đều là những vị vua giết cha mình mà lên ngôi, nhưng không một vị vua nào bị đọa địa ngục. Đời nay có vua Tỳ Lưu Ly, vua Ưu Đà Dạ, vua Liên Hoa đều giết cha mình mà không một vị vua nào sanh lòng sầu não. Và, mặc dầu vẫn có nghe nói địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhưng nào có ai thấy gì đâu !

Tâu Đại vương ! Trên cõi đời có hai loài quan trọng: Một là người. Hai là súc vật. Có những luận thuyết cho rằng hai loại ấy do nhân duyên sanh rồi

cũng do nhân duyên diệt. Sự thật chẳng phải do nhân duyên sanh, cũng chẳng phải do nhân duyên diệt. Đã không phải do nhân duyên sanh diệt thì có gì là thiện, có gì là ác. Mong Đại vương đừng lo buồn sợ sệt, lo buồn sợ sệt lắm thì sầu khổ tăng thêm.

Hiện nay, gần thành Vương xá có vị Đại sư đạo hiệu là A Kỳ Đa Xúy (vô nhân quả), Xá Khâm Bà La thấy nhiều biết rộng. Ông ta xem vàng và đất như nhau. Đối với người lấy dao chém vào hông mặt cùng với người lấy hương chiên đàn thoa vào hông trái. Đại sư xem hai người bình đẳng không sai khác, không oán, không thân, thật là bậc lương y đại trí trong đời. Đại sư thường dạy các đệ tử rằng: Hoặc tự làm ác, hoặc bảo người làm ác. Hoặc tự mình chém giết, hoặc bảo người chém giết. Hoặc tự cướp, hoặc bảo người cướp. Hoặc tự dâm dật, hoặc bảo người dâm dật v.v...tất cả hành động đều không có tội cũng không có phước, không thí, không giới, không định, không loạn...

Nếu Đại vương gặp được Đại sư ấy, thì những tội lỗi sẽ dứt trừ.

Vua bảo Trí Nghĩa: Nếu sự thật được như vậy ta sẽ qui y !

Lại có vị đại thần tên Kiết Đắc tâu với vua rằng: Ai phỉnh gạt Đại vương mà nói với Đại vương rằng có địa ngục ? Thử hỏi đầu gai nhọn ai làm ra ? Chim khác loài, lông khác màu ai làm ra ? Tánh nước ướt, tánh lửa nóng, tánh đá cứng, tánh gió động ai làm ra ? Tất cả muôn loài muôn vật tự sanh tự diệt ai làm ra ?

Thuyết địa ngục nay hạ thần xin trình bày: Chữ địa là đất, chữ ngục là phá: phá địa ngục không có tội báo. Chữ địa là người, chữ ngục là trời: Bởi hại cha mình nên được lên cõi người và cõi trời. Lại chữ địa là mạng, chữ ngục là dài: Do sát sanh nên được thọ mạng lâu dài.

Tâu Đại vương ! Do những nghĩa như thế mà biết rằng không có địa ngục. Hễ gieo bắp thì được bắp, gieo lúa thì được lúa; giết người được quả báo người. Đại vương nên tin sự trình bày của hạ thần, vì sự thật không có giết hại. Vì tất cả đều vô ngã. Đã vô ngã thì có ai giết được ai đâu ! Tất cả đều vô thường niệm niệm hoại diệt. Người giết, người bị giết niệm niệm hoại diệt, có ai giết ai được. Đã không ai giết được ai cho nên không có tội. Như lửa

đốt cây, lửa không có tội. Búa chặt cây búa cũng không có tội. Thuốc độc chết người, thuốc độc không có tội. Tất cả muôn vật cũng cùng một lý lẽ như vậy. Đại vương đừng sầu khổ, sầu khổ nhiều chỉ tăng thêm sầu khổ hao mòn long thể của đại vương !

Hiện nay trong thành Vương xá có vị Đại sư đạo hiệu là Ca La Câu Đà Ca Chiên Diên, hiểu nhiều biết rộng, rõ suốt ba đời, trong khoảng một niệm có thể thấy vô lượng vô biên thế giới. Nghe tiếng cũng vậy. Đại sư ấy có thể làm cho chúng sanh xa lìa tội ác như sông Hằng gột rửa những gì ô uế của nhiều người. Đại sư thường dạy đệ tử rằng: Nếu ai giết hại người nhân đến nhiều người mà lòng không hối hận, ăn năn thì người đó không bị đọa vào ba đường ác, ví như chẳng bị bụi dính, nước ướt; nếu lòng có ăn năn hối hận và hối hận thì sẽ bị đọa địa ngục, ví như đất bị thấm nước. Tất cả chúng sanh do Tự tại thiên tạo ra. Tự tại thiên mừng vui thì chúng sanh an ổn; Tự tại thiên buồn giận thì chúng sanh khổ đau. Con người không ai có khả năng tạo phước, làm tội. Tất cả do Tự tại thiên ban hay phạt.

Nếu Đại vương gặp Đại sư ấy, tội ác chẵn chẵn được tiêu trừ.

Vua bảo Đại thần Kiệt Đắc: Nếu quả thật được vậy thì ta sẽ qui y !

Lại có Đại thần tên là Vô Sở Ủy tâu cùng vua: rằng xin Đại vương chớ sầu khổ mà hao tổn tâm thần. Xét về giai cấp, giòng Sát Đế Ly là giòng vua chúa, thống trị thiên hạ, nếu vì nước, vì sự an nguy của dân, vì Sa môn, Bà la môn...thì dù có giết hại cũng không có tội. Tiên vương xưa kia cung kính Sa môn mà không cung kính Bà la môn, tâm không bình đẳng, xét cho cùng tiên vương không tròn trách nhiệm đối với vị vua giòng Sát Đế Ly. Nay Đại vương muốn cúng dường các Bà la môn mà giết hại tiên vương thì có tội gì ?

Vả lại, thật lý mà nói: không có giết hại. Xét về giết hại là giết hại mạng sống. Mạng sống là hơi gió. Tánh hơi gió không thể giết hại được, sao lại nói rằng hại mạng sống sẽ có tội và đọa địa ngục. Xin Đại vương chớ sầu khổ. Sầu khổ thì đau khổ tăng thêm.

Nay trong thành Vương xá có vị Đại sư hiệu là Ni Kiên Đà Nhã Đề Tử là người thấy biết tất cả, thương xót chúng sanh rõ biết căn tánh từng người. Đại sư ấy dạy cho các đệ tử rằng: Không cần bỏ thí trì giới ...không cần tu

pháp lành, không cần kính cha trọng mẹ, không có đời sau, không cần tu hạnh lành, không có quả A La Hán. Tất cả chúng sanh trải qua bốn muôn kiếp tự nhiên sẽ thoát khỏi dòng sanh tử, không luận là người có tội hay vô tội. Ví như bốn con sông chảy vào biển; tất cả chúng sanh lúc giải thoát đều đồng nhau không sai khác.

Nếu Đại vương gặp Đại sư ấy chắc chắn tội chướng được tiêu trừ.

Vua bảo Đại thần Vô Sở Úy: Nếu quả thật được như vậy, ta sẽ qui y!

Mặc dầu các đại thần khuyên lơn an ủi nhiều đủ cách, nhưng vua A Xà Thế vẫn sâu khổ không khuây.

Bấy giờ có ngự y Đại thần Kỳ Bà tâu vua rằng: Đại vương ngủ nghỉ có được yên chăng ?

Vua A Xà Thế nói kệ đáp:

Nếu có người dứt hẳn

Tất cả các phiền não

Chẳng tham nhiễm ba cõi

Mới ngủ nghỉ được yên

Nếu người chứng Đại niết bàn

Diễn thuyết nghĩa màu nhiệm

Đích thực Bà la môn

Mới ngủ nghỉ được yên

Thân không tạo nghiệp ác

Miệng xa lìa vọng ngữ...

Tâm dứt hết lưới nghi

Mới ngủ nghỉ được yên

Thân tâm không nhiệt não

An trú cảnh tịch tĩnh
Thọ dụng vui vô thượng
Mới ngủ nghỉ được yên
Trong lòng không chấp mắc
Xa lìa niệm oán thù
Thuận hòa không tranh tụng
Mới ngủ nghỉ được yên
Nếu không tạo nghiệp ác
Thường có tâm hổ thẹn
Tin sâu nghiệp ứng báo
Mới ngủ nghỉ được yên
Phụng dưỡng kính cha mẹ
Không giết hại sanh mạng
Chẳng trộm cướp của người
Mới ngủ nghỉ được yên
Điều phục sửa sáu căn
Gần bậc Thiện tri thức
Trừ khử bốn thứ ma
Mới ngủ nghỉ được yên
Chẳng thấy lành chẳng lành
Chẳng luận kẻ khổ vui
Vì cứu độ tất cả
Nguyện ở trong sanh tử

Người đại hạnh như vậy
Mới ngủ nghỉ được yên
Ai ngủ nghỉ yên ổn ?
Chỉ có Phật, Thế Tôn
An trú sâu tam muội
Thân tâm không động chuyển
Ai ngủ nghỉ được yên ?
Đáng từ bi vô thượng !
Chúng sanh bị vô minh
Chẳng thấy phiền não khổ
Thường tạo nghiệp bất thiện
Ngủ nghỉ chẳng được yên
Hoặc vì lợi bản thân
Hoặc tâng công ai đó
Mà gây tạo ác nghiệp
Thì ngủ nghỉ chẳng yên
Nếu nói vì ngôi vua
Hại cha không tội lỗi
Nghe lời ác tri thức
Thì ngủ nghỉ chẳng yên

Này Kỳ Bà ! Nay ta mang bệnh nặng nguy khốn này, vì ta phản nghịch vua cha. Cha ta trị nước đúng phép, không có lỗi làm gì mà ta giết hại, thế nên quả báo ta đang chịu này, tất cả lương y diệu dược đều không thể trị lành được. Lòng ta khổ sở như cá mắc cạn, như nai vương bẫy...Ta từng nghe

người trí bảo rằng: người phạm tội nghịch ắt đọa địa ngục. Ta làm sao ngủ nghỉ được yên ! Mệnh sống của ta cần có bậc Đại y sư vô thượng dùng pháp dược mới có thể tiêu trừ bệnh khổ cho ta mà thôi !

Đại thần Kỳ Bà tâu cùng vua: Quý hóa thay ! Lành thay ! Vua dù tạo tội nhưng nay vua có lòng ăn năn và hổ thẹn. Tâu Đại vương ! Chư Phật thường dạy rằng: Có hai pháp lành cứu được mọi tội lỗi của chúng sanh, nếu chúng sanh có được: một là TÂM. Hai là QUÝ. Tâm là tự mình không phạm tội. Quý là chẳng bảo người phạm tội. Tâm là trong lòng tự hổ thẹn. Quý là đối với người, thổ lộ sửa sai. Tâm là hổ cùng người. Quý là thẹn với trời (vũ trụ thiên nhiên). Kẻ không tâm quý chẳng đáng gọi là người, và họ sống bằng thú tánh súc sanh.

Người có tâm quý thì mới biết cung kính cha mẹ, trọng quý sư trưởng...Tình nghĩa với người và người, với quyền thuộc anh chị em...

Đại vương có lòng tâm quý, hạ thần xin được vì Đại vương mà trình bày sở nguyện của Đại thần đối với Đại vương.

Hạ thần từng nghe đức Phật nói: Có hai hạng người trí: Một là người không gây tạo điều ác. Hai là đã lỡ tạo điều ác sau đó biết sám hối ăn năn. Rồi cũng có hai hạng người ngu: một là người tạo tội ác. Hai là người tạo tội ác rồi che dấu. Người đã tạo tội, sau biết pháp lành ăn năn, hổ thẹn chẳng dám tái phạm giống như đem ngọc minh châu để trong hồ nước đục thì nước đục được trong; ví như mây mù tan thì mặt trăng liền chói sáng. Người tạo tội ác mà biết sám hối ăn năn, thân tâm thần trí cũng được trong sáng như nước mây kia vậy. Đại vương sám hối và khởi lòng tâm quý thì tội chướng sẽ được tiêu trừ trong sáng trở lại như xưa!

Tâu Đại vương ! Luận về giàu, có hai hạng: Một, nhiều voi ngựa, gia cầm, gia súc...Hai, nhiều vàng bạc các thứ châu ngọc báu. Voi ngựa, lục súc dù nhiều, nhưng không bằng giá trị một minh châu.

Luận về chúng sanh giàu cũng có hai hạng: Một, giàu điều ác, thất đức bất nhân. Hai, giàu điều lành từ bi, hi xả, phước đức, trí tuệ. Tạo nhiều điều ác chẳng bằng một điều lành. Hạ thần nghe Phật nói tu một tâm lành phá tan trăm ngàn điều ác. Ví như một đóm lửa có thể đốt cháy hàng vạn mẫu rừng,

cả trăm, ngàn nhà phố chung cư. Một gương sáng mặt trời chiếu tan đêm đen nửa bầu vũ trụ. Một "gò ram" thuốc độc có thể giết chết con người nặng trăm kí ! Thừa Đại vương ! Một ít điều lành, một thoáng tâm niệm thiện có thể phá tan nghiệp ác lớn. Dù gọi lành nhỏ, kỳ thực chẳng nhỏ, vì từ đó có thể phá tan tất cả nghiệp ác lớn.

Tâu Đại vương ! Như lời Phật nói: Che dấu là hữu lậu, không che dấu là vô lậu. Phát lồ sám hối tội lỗi là vô lậu. Nếu lỡ tạo tội lỗi mà không che dấu thì tội ấy nhẹ, mỏng. Nếu có lòng tà quý thì tội tiêu diệt hoàn toàn. Giọt nước dù nhỏ nhưng dần dần đầy lu lớn. Mỗi một tâm lành lần lần phá điều ác lớn ! Phát lồ, hổ thẹn là dữ kiện hóa giải tội lỗi tiêu trừ. Vì thế chư Phật dạy: "Người có trí chẳng che dấu tội lỗi".

Lành thay ! Nay Đại vương có thể tin nhân quả, tin nghiệp báo ứng rồi. Xin Đại vương chớ lo sầu buồn khổ sợ sệt nữa ! Hạ thần cũng đã từng nghe Phật dạy: Nếu chúng sanh tạo các tội ác rồi che dấu chẳng dám phát lồ, sám hối, không có tâm hổ thẹn, chẳng nhận thức lý nhân quả, không tin nghiệp báo ứng, không thể nghe học đại thừa, không thân người trí, chẳng gần gũi bạn lành thì tất cả lương y, diệu dược không thể chữa trị lành bệnh của người này. Ví như bệnh nhiễm phải "vi rút si đa" và "vi rút ê bô la", hiện nay không có thuốc cứu trị được. Người như thế gọi là người mắc bệnh "nhất xiển đề". Chư Phật Thế Tôn, vô thượng y vương cũng không cứu trị được bệnh của người này ! Bệnh nhất xiển đề giống như tử thi, vô phương cứu trị. Nay Đại vương không phải nhất xiển đề sao lại sợ rằng không thể cứu trị !

Tâu Đại vương ! Hiện nay ở rừng Ta La Song Thọ, gần thành Câu Thi Na có vị hoàng tử lúc chưa xuất gia ham đạo, tên là Tất Đạt Đa, con vua Tịnh Phạn vương và Hoàng hậu Ma Da; sanh trưởng ở thành Ca Tỳ La, giòng họ Cù Đàm. Qua quá trình học đạo, hành đạo khá dài, ngày công viên quả mãn người chứng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức là thành Phật. Người đời còn tôn xưng đức Phật với danh hiệu Thế Tôn. Người có thân tướng trang nghiêm, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, có mười trí lực, bốn thứ vô sở úy, mười tám pháp bất cộng, có tứ vô ngại biện tài, lục độ, tứ nhiếp...đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả...thương xót tất cả chúng sanh như thương con một. Phật thuyết pháp đúng thời, đúng pháp, đúng chơn lý, đúng căn cơ, chân thật không hư dối. Pháp của Phật nghe rồi có thể dứt trừ phiền

não ưu sầu, thân tâm khinh an tự tại. Trí huệ của đức Phật cao lớn như Hy mã Lạp sơn, rộng sâu như bốn biển. Đức Phật có Kim Cang trí phá vỡ tất cả tường thành tội cấu của chúng sanh.

Hiện nay, đức Phật tạm trú cách đây mười hai do tuần (do tuần tương đương với 1,6km) trong rừng Ta La song thọ, gần thành Câu Thi Na, đang vì vô lượng Bồ tát và đại chúng mà thuyết pháp. Nếu đại vương được nghe Phật dạy về giáo nghĩa VÔ TÁC, VÔ THỌ thì bao nhiêu trọng tội ắt được tiêu trừ.

TRỰC CHỈ

Ngoại đạo có nhiều, đương nhiên dị thuyết cũng nhiều. Dị thuyết nhiều có nghĩa là sự kiến giải khác nhau, trình độ nhận thức khác nhau, trí tuệ chứng ngộ chân lý lại càng cách biệt nhau như đông với tây, như trời với vực. Thế cho nên xã hội loài người không đồng quan điểm, khác biệt lập trường, đó là một sự thật tất yếu khách quan, là chân lý thế đế của cuộc đời. Là đệ tử Phật hãy cảnh giác lòng mình đừng cho xao xuyến, buồn bã vu vơ trước những tà sư, dị thuyết ấu trĩ hoang đường, ảo tưởng dị đoan của buổi chợ đời náo nhiệt mậu dịch tự do, thị trường kinh tế...!

Người đệ tử Phật phải VẤN nhi TU. TU nhi TU là người khôn ngoan, trí tuệ. Lời cảnh giác tam huệ học, sẽ thiệt thòi, sẽ mất mát, sẽ ân hận..."tiền mất tật mang" trong thế giới tín ngưỡng thị trường, tự do cạnh tranh, phát triển muôn hình muôn vẻ này !

Chánh thuyết thì ít, tà thuyết thì nhiều. Đó là một sự thật !

Những người có tôn giáo, ai cũng có thể tự phô trương quảng cáo cái chúng, cái đặc của mình. Cho nên, chợ đời phức tạp lắm đó ! Phải già dặn khôn khéo mà chọn...cửa hàng để ký gởi "tín ngưỡng" của mình.

Nhập Niết bàn đương nhiên là phải đoạn hết kiết sử trong tam giới. Phải đoạn hết kiết sử trong tam giới mới nhập Niết bàn. Tuy nhiên, người được Niết bàn không phải là người đạt đến chỗ KHÔNG, không còn gì hết, để rồi vĩnh viễn vắng bóng trong thế giới hữu vi.

Thanh Văn, Duyên Giác là hạng người đã nhập Niết bàn, trên đường tu hành, trong đời sống hiện tại, trong những phút giây sinh hoạt riêng tư, trong những bước hành trình khát thực cho đến khi chấm dứt cuộc đời, sang dòng sinh mạng khác...

Không được hiểu lầm: Rằng "CHẾT" là nhập Niết bàn. Mà phải hiểu: Nếu ai đó tu tập giỏi, đoạn hết kiết sử trong tam giới thì được sống trong Niết bàn và được nhập Niết bàn. Còn Niết bàn hữu dư y, hữu thượng hay vô dư y, vô thượng, tùy ở quá trình tu hành sâu cạn mà nhận lấy quả chứng thấp cao.

Những người lãnh đạo, những tập đoàn tín ngưỡng nói hẹp, những người mệnh danh giáo chủ, giáo hoàng của một tôn giáo nói rộng, nếu họ ngụy biện, họ có khả năng thuyết phục những ai làm ăn lương thiện, nhẫn nại cần cù, chân lấm tay bùn, một nắng hai sương rất dễ bị lôi kéo theo dị thuyết của họ, dù dị thuyết ấy "tà kiến", không đúng lẽ thật, chẳng có chân lý mà người đời rất dễ dãi dăng hiến hết trọn cuộc đời mình cho niềm tin không chân lý ấy ! Những người không may ấy, Phật Thích Ca xưa còn tại thế cũng chỉ khởi niệm xót thương, vì ngoài tầm tay, vượt qua "TAM NĂNG" tế độ của đức Phật.

1. Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử (Ngoại đạo Thường kiến)
2. Mạt Già Lê Câu Xa Ly Tử (Ngoại đạo Đoạn kiến)
3. Xan Xà Dạ Tỳ La Chi Tử (Ngoại đạo Bác vô nhân vô quả)
4. A Kỳ Đa Xúy Xá Khâm Ba La (Ngoại đạo Bác vô báo ứng)
5. Ca La Câu Đà Ca Chiên Diên (Ngoại đạo Tín ngưỡng nhất thần)
6. Ni Kiền Đà Nhã Đề Tử (Ngoại đạo Phó thác tự nhiên)

Đó là mỹ hiệu của những nhà lãnh đạo tinh thần có ảnh hưởng không nhỏ của nhân dân Ấn độ lúc bấy giờ. Người dân hiền lành chất phát tôn trọng gọi họ là Ngài, là Đại sư bằng một tấm lòng tín ngưỡng trắng trong ...thành khẩn.

Dưới cái nhìn của Đạo nhân, kinh điển Phật giáo gọi những vị lãnh đạo tinh thần ấy qua cái từ "NGOẠI ĐẠO LỤC SU". Họ có lối ngụy biện, lối lý luận

mà người thường rất dễ bị thuyết phục. Thời đại chúng ta đang sống chắc chắn không phải là "lục sư" nữa, vì quả địa cầu chúng ta đang ở hiện nay đã đến tám tỷ rưỡi người. Phải dè dặt hơn nhiều mới....được!

Đọc chuyện lương tâm cắn rứt, luân lý dày vò, miệng thế dèm pha, hối hận sàu khổ của vua A Xà Thế, ta thấy thương ông và cảm thông với ông về hành động nông nổi sai trái của ông. Tuy nhiên, qua đó ta nhận xét không sai: vua A Xà Thế là người chưa mất lương tri và là người trí. Sáu tên cận thần chỉ là những kẻ cam tâm khom lưng uốn gối, chuyên tâng bốc nịnh nọt để mưu cầu ám tử thâm phong. Khi chúa hữu sự, bè tôi lóc nhóc ấy phun ra những ý kiến rẻ tiền vô bổ mà chắc chắn là "tiền mất tật mang". Và, qua đó ta nhận xét không lầm vua A Xà Thế đã gieo rầm hạt giống Bồ đề trong đời kiếp nào trước đó. Dù chưa gặp Phật, chưa học với Phật mà ông đã ứng dụng một cách ngẫu nhiên VẤN, TU, TU tam huệ học. Vua không vội thực hiện những lời khuyên mà giá trị chỉ có trên đầu môi chót lưỡi của những con người giá áo túi com, hành thi tâu nhục ấy !

Rừng cây hoang dại nào, trong đó cũng có một hay vài cánh hoa thơm. Đại thần Kỳ Bà, người có học có nghe Phật pháp, là một thiện hữu tri thức của vua. Quả là vua có trồng gieo hạt giống Phật, cho nên vua nghe và thực hiện theo lời khuyên của Đại thần Kỳ Bà. Gạt bỏ hết những lời đường mật chuốt trao của bọn "tà kiến" Lục sư ngoại đạo !

Vua A Xà Thế nói bài kệ đáp câu hỏi của Đại thần Kỳ Bà: "Đại vương ngũ nghĩ có yên không?". Ý tứ bài kệ bộc bạch tấm lòng hối hận sâu sắc của vua. Dựa trên tư tưởng của Đại thừa mà nhận định, thì biết ngay rằng nhà vua sẽ không thể đọa địa ngục được nữa.

Chân lý và phi chân lý, cái đúng và cái sai, tà kiến và chánh kiến, đối với người trí nghe là biết liền, thấy là phân biệt tức khắc. Do vậy, người trí không mắc phải sai lầm. Thế cho nên, lời của người trí nói, việc của người trí làm, dù cho người "trọng tài chuyên nghiệp" cũng không có đất dụng võ.

Khôn thay ! Chân lý đối với người trí lại là điều đáng sợ đáng ghét của những kẻ vô trí. Vì vậy, những kẻ vô trí không thích gần gũi mà còn đối lập cạnh tranh ác liệt !

Hàng lục sư ngoại đạo họ vẫn có biện thuyết của họ, khiến cho những người thành thật, thiệt thà có thể "qui y" được lắm. Vì địa vị "giáo chủ, giáo lãnh", chuyên "ngồi mát ăn bát vàng" họ có thì giờ nhàn rỗi lượm lặt những "điều hay" "lẽ thiệt" qua một mớ sách vở cổ kim, họ uốn ba tác lưỡi, họ nói chuyện trên trời xanh lồng lộng, dưới địa phủ âm u...thì những người thành thật thiệt thà nghe đâu đâu "có lý" đó. Thôi thì ! "trăm sự nhờ thầy"! Lục sư ngoại đạo thừa hưởng cái gia tài vô tận của những người thiếu trí nhẹ dạ cả tin.

Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử là ngoại đạo chấp "thường". Chủ trương vũ trụ vạn hữu là thường. Con người cũng thường, mạng cũng thường. Cho nên, chẳng ai giết được ai . Gọi là giết cha kỳ thật chẳng giết được, vì vậy không có tội, đừng sợ !

Mạt Già Lê Câu Xa Ly Tử là ngoại đạo "đoạn kiến" chủ trương tất cả chỉ có hiện tại không có đời sau. Mọi vật theo thời gian trôi qua rồi chẳng còn gì ở phía sau tất cả.

Xan Xà Dạ Tỷ La Chi Tử, ngoại đạo bác "vô nhân quả".

A Kỳ Đa Xúy Xá Khâm Ba La, ngoại đạo "bất tín luân hồi"

Ca La Câu Đà Ca Chiên Diên, loại ngoại đạo chủ trương tín ngưỡng "nhất thần". Khổ vui đều do Tự tại Thiên chủ.

Ni Kiền Đà Nhã Đề Tử, cũng là ngoại đạo "tự nhiên", phó thác cho thời gian quyết định.

Nếu không phải Phật tử chân chánh có học Phật pháp gặp bọn ngoại đạo này, khó mà tránh khỏi "tiền mất tật mang"! Đưa ra thì tiền đồng và đô la mà nhận lại thì là "bánh vẽ" và những quả mơ trong rừng mơ của tên "gian hùng" Tào Tháo trong Tam Quốc Chí của La Quán Trung, ấy ./.

---o0o---

PHẨM THỨ HAI MƯƠI - PHẠM HẠNH

(tiếp theo C)

Tâu Đại vương ! Đại thần Kỳ Bà tâu: Xưa kia Thích Đề Hoàn Nhân lúc sắp chết hiện năm thứ tướng suy:

Một, áo xiêm tự nhóp nhơ.

Hai, hoa trên đầu tự héo.

Ba, thân thể tự có mùi hôi.

Bốn, nách tự ra mùi hôi.

Năm, chẳng bằng lòng chỗ ở của mình.

Những lúc vắng vẻ Thiên Đế thấy dáng Sa môn, Bà la môn ái mộ và kính trọng như Phật. Ngược lại, các Sa môn, Bà la môn thấy Thiên Đế Thích rất vui mừng nói: Thưa Thiên Đế ! Nay chúng tôi xin quy y với Thiên Đế.

Thiên Đế biết những vị này không phải Phật. Họ không thể chữa trị năm suy tướng của ta !

Bấy giờ Thiên tử theo hầu Thiên Đế tên Bát Giá Thi, tâu cùng Thiên Đế: rằng vua Càn Thát Bà có một công chúa tên Tu Bạt Đà, nếu Thiên Đế ban công chúa ấy cho hạ thần, thần sẽ chỉ người có thể giải cứu, trừ năm suy tướng cho Thiên Đế !

Thiên Đế đáp: Nếu được như lời anh vừa tâu, công chúa Xá Chỉ, con gái vua A Tu La, hiện là ái hậu của ta, Khanh muốn ta cũng ban cho hưởng hồ công chúa Tu Bạt Đà con của vua Càn Thát Bà !

_ Tâu Đại vương, hiện nay có đức Phật Thế Tôn hiệu là Thích Ca Mâu Ni, đang ở thành Vương xá, Đại vương nên đến cầu học pháp nơi Phật thì năm suy tướng của Đại vương chắc chắn sẽ được bình an !

Thiên đế nghe rồi liền khiến xe giá đến núi Kỳ Xà Quạt đầu mặt đánh lễ dưới chân Phật rồi bạch rằng: Thế Tôn ! Trong hàng Thiên, Nhân những gì trói buộc làm cho không tự tại an vui ?

Đức Phật dạy: Nay Thiên Đế Kiền Thi Ca ! Xan tham và tật đố trói buộc nhân thiên làm mất hết khinh an tự tại.

_ Bạch Thế Tôn ! Xan tham tật đố nhân đâu mà sanh ?

_ Do vô minh sanh.

_ Vô minh do đâu mà sanh ?

_ Do phóng dật sanh.

_ Phóng dật do đâu mà sanh ?

_ Do điên đảo mà sanh.

_ Điên đảo do đâu mà sanh ?

_ Do tâm nghi sanh.

Bạch Thế Tôn ! Đúng như lời Phật dạy. Vì tâm tôi nghi nên sanh điên đảo. Người chẳng phải Phật mà tưởng là Phật. Giờ đây tôi được thấy Thế Tôn lưới nghi của tôi liền trừ hết. Vì lưới nghi trừ hết nên điên đảo cũng hết. Vì tâm điên đảo hết nên không còn tâm xan tham tật đố.

Phật bảo: Thiên Đế ! Ông nói rằng không còn tâm xan tham tật đố, vậy ông đã chứng được quả A Na Hàm chăng ? Bậc A Na Hàm không còn tâm xan tham sao lại vì mạng sống mà tìm đến ta. Người thật được quả A Na Hàm chẳng tham cầu mạng sống.

Bạch Thế Tôn ! Người có điên đảo thì có tham cầu mạng sống. Nay tôi chẳng cầu mạng sống nữa mà chỉ cầu Pháp thân và trí tuệ Phật !

_ Nay Kiều Thi Ca ! Người cầu Pháp thân và trí tuệ Phật thì tương lai quyết định sẽ được.

_ Nghe lời Phật dạy, ngũ suy tướng của Thiên Đế mất hẳn xem như chẳng có gì ! Thiên Đế bèn đánh lễ rồi đi nhiễu Phật ba vòng, chấp tay cung kính bạch: Thế Tôn ! Nay con chết được sống lại, mất mạng lại được mạng mà còn được Phật thọ ký sẽ chứng được Pháp thân, thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn ! Tất cả nhân thiên làm thế nào được tăng ích ? Do nhân duyên gì mà phải tổn giảm ?

Phật dạy: Nay Thiên Đế Kiều Thi Ca ! Do đấu tranh mà nhân thiên bị tổn giảm. Khéo tu nhu thuận hòa kính mà được tăng ích.

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu do đấu tranh mà phải tổn giảm, từ nay trở đi con chẳng đấu tranh với A Tu La nữa !

_ Lành thay ! Lành thay ! Kiền Thi Ca ! Chư Phật Thế Tôn đều nói hạnh nhẫn nhục là nhân Vô thượng Bồ đề.

Thích Đề Hoàn Nhân lễ Phật rồi trở về Thiên cung.

Tâu Đại vương ! Đại Thần Kỳ Bà nói: Đức Như Lai trừ hết những nghiệp ác nên gọi Phật là bậc Vô thượng y vương không thể nghĩ bàn ! Nếu Đại vương ra mắt Phật chắc chắn sẽ dứt trừ được trọng tội.

Trước đây có thanh niên dòng Bà la môn, vì giết hại nhiều người nên có biệt hiệu là Uông Quạt Ma La, Uông Quạt lúc ác tâm nổi lên, mất hết lý trí cầm gươm toan giết mẹ mình. Hành động bất nhân bất hiếu ấy là một tội nghịch, tất phải đọa địa ngục. Sau đó lại thấy Phật, thân tâm bạo ác hừng hực nổi lên bỏ mẹ đến giết Phật. Đây là nhân của tội nghịch thứ hai chồng chất đọa vào địa ngục sâu nặng vô cùng ! Rất hạnh phúc thay ! Thanh niên này được Như Lai giáo hóa, tâm ác liền tiêu tan, nghiệp ác đọa địa ngục diệt hết. Chàng thanh niên Uông Quạt liền phát tâm Vô thượng Bồ đề, vì thế đức Phật có hiệu là Vô thượng y vương, chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo kia không có đức độ gì có thể so sánh được.

Còn nữa, tâu Đại vương ! Trước đây nước Xà Bà Đề có đảng cướp năm trăm tên bị vua Ba Tư Nặc bắt được, khoét cả đôi mắt, đem bỏ vào rừng sâu. Đảng cướp khổ sở khóc than tưởng nhớ đến Phật. Đức Phật xót thương xuất hiện trước đảng cướp khuyên bảo rằng: Các ngươi phải sửa lòng, giữ gìn thân miệng, chớ gây tạo nghiệp ác nữa. Bọn cướp nghe âm thanh dịu dàng ôn tồn của Phật và bạch rằng: Thế Tôn ! Nay chúng con rõ biết Phật có lòng đại từ che chở tất cả chúng sanh. Chúng con xin nương về nơi Phật, nơi Pháp và Tăng !

Đức Phật vì họ thuyết pháp, tất cả những người trong đảng cướp hết lòng hoan hỉ phát tâm cầu Vô thượng Bồ đề. Do vậy, đức Như Lai chân thật là một Đại y vương vô thượng trong thế gian, chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo.

Tâu Đại vương ! Nước Xá Bà Đề, có người Chiên Đà La tên Khí Hư đã giết hại nhiều mạng người, gặp được đệ tử Phật là ông Ma Ha Mục Kiều Liên, nghe pháp mà hóa giải hết nhân địa ngục, được sanh lên cõi trời Đao Lợi. Đức Phật có hàng Thánh đệ tử như vậy nên Như Lai quả là một Đại y vương Vô thượng, hàng lục sư ngoại đạo không đáng được đề cập và so sánh !

Tâu Đại vương ! Ở thành Ba La Nại có trưởng giả A Diệt Đa đâm bà mẹ, giết chết ông cha. Bà mẹ lại tư thông với người khác. Trưởng giả tử lại giết mẹ nữa. Có vị A La Hán là thân hữu của gia đình này biết chuyện, vì hổ thẹn trưởng giả tử giết vị A La Hán. Sau đó, trưởng giả tử đến tịnh xá Kỳ Hoàn cầu xin xuất gia. Các Tỳ kheo biết ông này phạm ba tội nghịch, nên không vị nào dám nhận cho xuất gia. Trưởng giả tử oán giận, nửa đêm phóng lửa đốt tăng phòng của chư Tăng chúng, giết hại một số chúng tăng tu tập. Thời gian sau, trưởng giả tử qua thành Vương Xá, cầu xin đức Như Lai được xuất gia. Đức Như Lai liền thu nhận rồi giảng nội pháp yếu. Tội nghịch của ông giảm nhẹ theo thời gian, trưởng giả tử lòng khinh an vui mừng, tinh tấn phát tâm hướng về Bồ đề Vô thượng. Do vậy, Như Lai Thế Tôn rõ là bậc Đại y vương vô thượng, không phải như bọn lục sư ngoại đạo nói ra toàn nguy hiểm ấu trĩ ngu dân!

Tâu Đại vương ! Đức Thế Tôn lúc chưa thành Vô thượng Bồ đề, Ma vương đem vô số quyến thuộc đến chỗ Bồ tát tinh tọa, Bồ tát dùng sức nhẫn nhục phá tan ác tâm của ma, làm cho ma tỉnh ngộ khởi lòng cung kính đồng phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Tâu Đại vương ! Có lần ở trong thôn nọ Khoáng Dã quý giết hại nhiều người, để cứu cho Thiện Hiện trưởng giả đến lượt phải nộp mạng, Như Lai đến thôn Khoáng Dã hiện thân thuyết pháp. Khoáng Dã quý nghe pháp cõi mở vui mừng bèn đem Thiện Hiện trưởng giả trao cho Phật, rồi tất cả quyến thuộc đồng phát tâm Vô thượng Bồ đề

Tâu Đại vương ! Nước Ba La Nại có người làm nghề hàng thịt tên là Quảng Ngạch, mỗi ngày giết cả hàng ngàn con dê. Khi gặp được Ngài Xá Lợi Phất, một đệ tử của đức Phật, thọ Bát quan trai giới trong một ngày đêm. Nhờ công đức đó, mệnh chung Quảng Ngạch thọ sanh làm con trai của Tỳ Sa

môn Thiên vương. Đệ tử của đức Phật mà còn có công đức lớn như vậy, huống là đáng Thế Tôn Vô thượng !

Tâu Đại vương ! Phật có một người em họ là Đề Bà Đạt Đa, ông này chia rẽ tăng đoàn, làm thân Phật chảy máu, giết hại A La Hán Liên Hoa Tỳ kheo ni, phạm cả ba tội nghịch. Vậy mà Như Lai vì ông giảng nói pháp yếu làm cho tội nghịch nặng của ông theo thời gian giảm nhẹ lần lần. Lúc cuối đời Đề Bà Đạt Đa tự biết lỗi mình hướng về với Phật, phát tâm Vô thượng Bồ đề. Thế nên, Như Lai quả là bậc y vương, chẳng phải hàng lục sư ngoại đạo thiên trí luận càn...

Tâu Đại vương ! Xin Đại vương suy nghĩ kỹ lời của hạ thần, mau đến ra mắt đức Như Lai. Chư Phật có lòng đại bi che chở bình đẳng cho tất cả không cục bộ một người nào. Chánh pháp của Phật rộng rãi bao la, bình đẳng lợi lạc không có kẻ thân người sơ, không ai là giọt máu đào, không ai là ao nước lã ! Như Lai chẳng phải là thầy riêng của tứ chúng mà là thầy của tam giới tứ sanh, của cửu giới thánh phàm.

Như Lai không riêng vì người sang giàu quý tộc như vua Bạt Đề Ca mà thuyết pháp, đức Phật cũng thuyết pháp cho người hạ tiện như ông Ưu Ba Ly.

Không riêng thọ sự cúng dường của trưởng giả A Na Bàn Kỳ mà cũng thọ nhận thức ăn của người nghèo khó cúng dường.

Đức Phật không riêng độ hạng trí tuệ như ông Xá Lợi Phất, mà cũng thuyết pháp thuyết giáo hóa cho người u tối như Châu Lợi Bàn Đà.

Như Lai không thiên cho người không tham như ông Ca Diếp xuất gia, mà cũng độ cho người rất tham như ông Bàn Đà xuất gia.

Như Lai chẳng riêng cho người ít phiền não như ông Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp xuất gia mà cũng cho người nhiều vô minh phiền não gây tạo trọng tội như ông Tu Đà Da, em vua Ba Tư Nặc xuất gia.

Đức Phật không vì ông Tà Thảo có lòng cung kính cúng dường mà thuyết pháp giải trừ tâm sân hận cho ông ấy, mà cũng hóa độ cho kẻ ác tâm muốn giết hại Phật như Ưông Quật Ma La, hồi tâm qui tam bảo.

Đức Phật không riêng độ cho những người xuất gia chứng quả A La Hán mà cũng giáo hóa cho hàng tại gia cũng có thể chứng tứ quả Thanh Văn.

Như Lai không riêng độ cho người có hoàn cảnh an nhàn tịch tĩnh mà cũng thuyết pháp giáo hóa cho vua Tần Bà Ta La đa đoan quốc sự.

Đức Phật hóa độ cả người nghiện ngập rượu chè như Út Già trưởng giả chớ không riêng độ cho những người cũ kiêng chè rượu thanh tao.

Đức Phật cũng giáo hóa cho Bà Tư Tra, một bà mẹ cuồng tâm vì con chết, chớ chẳng riêng thuyết pháp cho người chuyên tu thiền định như ông Ly Bà Đa.

Đức Phật không riêng vì đệ tử của mình mà cũng thuyết pháp cho hàng ngoại đạo Ni Kiên Tử.

Phật giáo hóa cho hạng già suy tám chín mươi tuổi, Phật không từ nan giáo dục đạo lý cho lứa tuổi thanh thiếu trung niên.

Đức Phật độ cho dân nữ Liên Hoa rồi Phật cũng vì Mạt Lợi phu nhân mà thuyết pháp.

Phật thọ nhận thức ăn có độc của trưởng giả Thi Lợi Cúc Đa, như thọ nhận những món ngự thiện cúng dường của vua Ba Tư Nặc.

Tâu Đại vương ! Trưởng giả Thi Lợi Cúc Đa trước kia cũng tạo tội nghịch nhờ đến Phật được nghe thuyết pháp tiêu trừ tội lỗi mà phát tâm Vô thượng Bồ đề, được khinh an thư thái !

Tâu Đại vương ! Giả sử suốt tháng suốt năm đem vật thực, y phục, lương thực, đồ cần dùng cung kính cúng dường cho tất cả chúng sanh, chẳng bằng người niệm Phật khoảng chừng một niệm. Giả sử đúc vàng làm người, xe ngựa chở đầy ngọc, vàng trân bảo đem bố thí chẳng bằng người phát tâm muốn đến Phật giờ chân bước một bước. Giả sử dùng trăm xe voi chở các thứ trân bảo của nước Đại tần cùng trăm người yêu kiều diễm lệ của nước ấy toàn thân trang sức kim cương chuỗi ngọc, hỏ phách trân châu dùng để bố thí, không bằng người phát tâm hướng về Phật và bước một bước hướng đến Phật.

Tâu Đại vương ! Giả sử Đại vương cung kính cúng dường hằng hà sa số vô lượng chúng sanh, không bằng một lần Đại vương đến rừng Ta La Song Thọ thành tâm nghe đức Như Lai thuyết pháp yếu trong một thời !

Bấy giờ vua A Xà Thế bảo Đại thần Kỳ Bà: Này Kỳ Bà ! Đức Như Lai tâm tánh đã điều nhu thì quyền thuộc của Như Lai phải là những người điều nhu. Như rừng chiêm đàn thì thuần là cây chiêm đàn. Đức Như Lai là bậc thanh tịnh thì quyền thuộc Như Lai hẳn là những người tam nghiệp thanh tịnh. Như Lai tịch tịnh không tham, không phiền não, quyền thuộc của người cũng tịch tịnh sạch trong. Nay ta là người cực ác, thân tâm ô uế, thuộc hạng người địa ngục đầu đáng là người đến ra mắt đức Như Lai ! Giả sử ta có đến đó e rằng Như Lai chẳng đoái hoài tới. Khanh dù khuyên ta, nhưng ta xấu hổ và sợ sệt lắm, không có lòng muốn đi !

Vua nói dứt lời trên không bỗng có tiếng vọng:

"Phật pháp vô thượng sắp suy vong; dòng sông pháp rộng sâu sắp cạn; đèn sáng đại pháp sắp tắt ! Núi pháp sắp lở; thuyền pháp sắp chìm; cầu pháp sắp sập; điện pháp sắp đổ; cột cờ sắp ngã; cây pháp sắp gãy; bạn lành sắp đi xa, sự khùng bố sắp ập tới; chúng sanh sắp đói khát; dịch phiền não sắp hoành hành; bóng tối vô minh kéo đến. Mặt trời Phật sắp khuất núi Đại Niết Bàn; Phật nếu diệt độ thì tội nghịch thâm trọng của Đại vương không còn ai cứu giải được ! Đại vương không nên bỏ lỡ thời gian.

Nay Đại vương đã tạo A tỳ địa ngục, đã có nghiệp tất phải thọ báo. Người đoạ vô gián ngục phải chịu khổ liên tục không có phút giây tạm dừng. Mong Đại vương mau đến gặp Phật. Ngoài đức Phật ra không ai cứu được Đại vương !"

Vua A Xà Thế lòng quá sợ hãi, toàn thân run rẩy, ngược mặt lên không trung hỏi: "Người là ai ? Sao chỉ nghe tiếng mà Ngài chẳng hiện thân?"

Trên hư không có tiếng đáp: "Tôi là Tàn Bà Ta La, cha đẻ của Đại vương đó mà. Đại vương nên nghe lời Kỳ Bà chớ nghe lời xằng bậy của sáu đại thần khuyến dụ Đại vương theo con đường tà kiến u mê của bọn lục sư ngoại đạo".

Nghe xong, vua A Xà Thế ngất xỉu trên đất. Ghẻ nhọt nứt nở thêm nhiều, hôi hám, nhớp nhơ hơn trước. Dù ngự y tận tình chữa trị, trong uống ngoài thoa, nhưng ghẻ nhọt đau nhức càng thêm đau nhức.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn ở trong rừng Ta La Song Thọ, bằng Phật nhãn thấy biết vua A Xà Thế đang đau khổ tận cùng, liền bảo đại chúng: "Nay Như Lai sẽ vì vua A Xà Thế ở lại nơi đời vô lượng kiếp chẳng nhập Niết bàn".

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Lẽ ra Như Lai nên vì vô lượng chúng sanh mà trụ thế chẳng nhập Niết bàn, cứ sao Như Lai lại riêng vì vua A Xà Thế ?

Phật bảo: Này Thiện nam tử ! Trong đại chúng đây không có một người nào cho rằng Phật vĩnh viễn nhập Niết bàn. Vua A Xà Thế cho rằng Phật sẽ nhập Niết bàn và an trụ vĩnh viễn Niết bàn nên đang khổ sầu ngất xỉu thảm thê !

Này Ca Diếp ! Lời Như Lai nói có ý nghĩa rất sâu kín, ông chưa hiểu được. Ta nói...vì...A Xà Thế, lời nói của Như Lai có ý nghĩa bao hàm: "Vì tất cả chúng sanh lỡ tạo tội ngũ nghịch, những chúng sanh vì hữu vi mà gây tạo ác nghiệp ở trên cõi đời: A Xà Thế là người điển hình gây tạo tội "hữu vi" và ngũ nghịch. A Xà Thế có nghĩa là "vị sanh oán", là một người con có oan nghiệp với cha mẹ, có "tiền cứu hậu hận" với mẹ cha. Do tiền cứu hậu hận oan nghiệp giữa con và cha mẹ cho nên A Xà Thế tạm thời gián đoạn thiện căn, không thấy Phật tánh cho nên trở thành người mang tội nghịch. Thế cho nên Như Lai nói: Vì vua A Xà Thế mà trụ ở đời vô lượng kiếp chẳng nhập Niết bàn đồng nghĩa: "vì vô lượng chúng sanh phạm phải tứ trọng ngũ nghịch. A Xà Thế chỉ là hiện thân của Như Lai: chẳng thể nghĩ bàn" ! Phật, Pháp, Tăng, Đại Bồ tát cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Bấy giờ đức Thế Tôn nhập Nguyệt ái tam muội, phóng ánh sáng lớn. Ánh sáng này mát mẻ chiếu đến thân vua, ghẻ lở trên thân liền lành, hết nóng, hết nhức.

_ Vua bảo Đại thân Kỳ Bà: "Ta từng nghe lúc sắp tận kiếp ba mặt trăng liền hiện lên, do đó khổ hoạn của chúng sanh đều được tiêu trừ. Nay chưa đến thân ta, làm cho thân ta được an ổn, ghẻ lở đều lành ?"

_ Kỳ Bà thưa: Đây không phải là tận kiếp, không phải ánh sáng của ba mặt trăng, cũng không phải ánh sáng của mặt trời hay các tinh tú...

_ Vậy là ánh sáng của ai, từ đâu có ? Vua hỏi.

_ Tâu Đại vương ! Đây là ánh sáng của đấng Thiên Trung Thiên. Ánh sáng này chẳng có ngăn mé, chẳng nóng, chẳng lạnh, chẳng thương, chẳng diệt, chẳng phải sắc, chẳng phải phi sắc, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng.... Vì độ chúng sanh nên hiện tượng có thể thấy. Dù thấy được nhưng thật ra ánh sáng này vốn không có tướng ! Kỳ Bà tâu.

_ Này Kỳ Bà ! Đấng Thiên Trung Thiên, nhân duyên gì mà phóng ra ánh sáng này ?

_ Tâu Đại vương ! Tướng lành này, chính là vì Đại vương. Bởi vừa rồi Đại vương nói trong đời không có lương y trị được thân bệnh, tâm bệnh của Đại vương, nên đức Thế Tôn phóng ánh sáng này, trước chữa lành bệnh thân của Đại vương, rồi sau đó sẽ trị cho Đại vương lành tâm bệnh mà Đại vương đang ưu tư sầu khổ !

_ Này Kỳ Bà ! Đức Như Lai cũng nghĩ tưởng đến ta ư ? Vua hỏi

_ Tâu Đại vương ! Ví như người có bảy đứa con, một đứa bị bệnh, lòng cha mẹ ưu ái săn sóc đứa con bị bệnh nhiều hơn. Đức Như Lai thì bình đẳng với tất cả chúng sanh, nhưng với người có tội thì lòng Phật thiên trọng; với kẻ phóng dật lòng Phật phóng xả; chư Phật đối với chúng sanh chẳng phân biệt giai cấp, dòng dõi, quý tộc, bình dân; không khinh trọng con người trên màu da chủng tộc, giàu nghèo. Chư Phật quan tâm và luôn luôn tán thán những chúng sanh tâm lành có trí, đủ sức nhận thức chân lý.

_ Tâu Đại vương ! Hiện tượng này là do Như Lai đang nhập Nguyệt ái tam muội nên có ánh sáng ấy phát ra.

_ Vua hỏi: Sao gọi là Nguyệt ái tam muội ?

_ Ví như ánh sáng mặt trăng có thể giúp cho hoa sen nở toàn diện; Nguyệt ái tam muội có thể giúp cho tâm lành của chúng sanh nảy nở rồi tăng trưởng.

_ Ví như ánh sáng mặt trăng có thể làm cho tất cả người đi đêm tối vui mừng; Nguyệt ái tam muội có thể khiến cho người tu tập đi trên con đường Niết bàn vui mừng.

_ Ví như ánh sáng mặt trăng từ đêm mỏng một đến rằm, mặt trăng sáng mỗi ngày một tăng cho đến cực kỳ viên mãn; Nguyệt ái tam muội làm cho người mới phát tâm, căn lành lần lần thêm lớn cho đến đầy đủ Đại Niết Bàn.

_ Ví như ánh sáng mặt trăng từ đêm mười sáu đến đêm ba mươi, hình sắc, ánh sáng lần lần giảm bớt; Nguyệt ái tam muội có thể làm cho phiền não lần lần tiêu mòn rồi dứt hết.

_ Ví như đang lúc nắng nóng bức, tất cả mọi người thường nghĩ đến ánh sáng mặt trăng, lúc trăng sáng đã soi thì liền hết nóng bức; Nguyệt ái tam muội có thể làm cho chúng sanh trừ được phiền não nóng bức.

_ Ví như mặt trăng tròn là vua trong các tinh tú, là cam lồ vị tất cả chúng sanh ưa thích; Nguyệt ái tam muội là vua của các pháp lành, là cam lồ vị, chúng sanh đều ưa thích.

Vua nói: Ta nghe các Như Lai chẳng cùng người ác ở chung đàm luận, như biển lớn chẳng dung chứa tử thi; như chim Oan ương chẳng đậu nhà xí; Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhân không ở chung với loài quỷ; chim Câu Suy La chẳng đậu cây khô. Tội nặng như ta đâu có thể gần được đức Như Lai. Theo ta nhận xét, đức Như Lai thà gần voi say, sư tử, cọp, sói lửa hừng chó chẳng gần gũi với người tạo tội ác quá nặng. Vì vậy, ta không lòng nào dám đến gặp Phật.

_ Kỳ Bà tâu: Ví như người khát nước thì cầu đến suối nước trong, người đói cầu vật thực, người nóng bức tìm bóng mát, người lạnh tìm lửa. Nay Đại vương cũng nên cầu Phật như vậy. Như Lai còn vì hàng Nhất xiển đề mà thuyết pháp, hướng hồ Đại vương chẳng phải nhất xiển đề !

_ Vua nói: Này Kỳ Bà ! Ta từng nghe Nhất xiển đề là kẻ không tin, không nghe, chẳng thể quan sát, chẳng hiểu được nghĩa lý, tại sao đức Như Lai lại thuyết pháp cho họ ?

_Tâu Đại vương ! Ví như có người mang bệnh nặng dù biết khó trị, nhưng lương y có tâm lành vẫn tận tâm tìm cách chữa trị để kéo dài mạng sống cho bệnh nhân, vẫn chọn thuốc tốt, thang hay hòa hợp để bệnh nhân uống được mau lành, còn việc uống hay không uống, lỗi của bệnh nhân, không phải lỗi của thầy thuốc. Như Lai cũng vậy; dù biết rõ căn tánh của hàng nhất xiển đề, những đức Như Lai cũng vì họ mà thuyết. Lòng từ bi của bậc nhất thiết trí không bỏ rơi sót, không phân biệt đối xử với tất cả chúng sanh. Như khi gặp người bệnh liền ban bố pháp dược, người bệnh không chịu uống, đó không phải lỗi của Như Lai. Vả lại, trong hàng Nhất xiển đề cũng có hai hạng khác nhau. Một là hạng lợi căn. Hai là hạng trung căn.

_ Hạng lợi căn đời hiện tại có thể gieo rắc thiện căn.

_ Hạng trung căn thì xông ướp viển nhân cho họ ở đời sau

Chư Phật thuyết pháp bao giờ cũng đem lại sự lợi ích. Ví như người sạch sẽ bị té trong hầm phân, có người bạn tốt xót thương, liền nắm tóc kéo ra khỏi hầm. Chư Phật thấy chúng sanh đọa trong ba đường ác, phương tiện cứu té làm cho được ra khỏi. Do vậy, Như Lai vì hàng Nhất xiển đề mà thuyết pháp.

_ Vua bảo Kỳ Bà: Nếu đức Như Lai thật có những điều như vậy, hãy nên chọn ngày lành giờ tốt chúng ta sẽ đến gặp Phật.

_ Kỳ Bà Tâu: Trong giáo pháp của Như Lai không cần phải chọn lựa ngày tốt giờ lành. Ví như người bị phải cơn bệnh nặng đâu nên lần lựa đợi ngày tốt giờ lành mà phải cấp tốc tìm gặp lương y. Nay Đại vương bệnh nặng phải gặp cầu Phật, không nên chần chờ bê trễ.

_ Tâu Đại vương ! Lửa gỗ chiên đàn và lửa gỗ y lan, tướng lửa cháy không khác nhau. Ngày tốt ngày xấu đến gặp Phật đều được diệt tội.

_ Vua A Xà Thế liền bảo cận thần tên là Kiết Tường rằng: Nay ta muốn đến chỗ đức Phật, khanh nên sắm sửa các phẩm vật để cúng dường Phật và đại đức tăng...

_ Vua A Xà Thế cùng phu nhân xa giá một muôn hai ngàn cỗ: voi lớn năm ngàn thớt, mỗi thớt chở ba người, cầm phan lọng, hoa hương kỹ nhạc, nhiều

thứ phẩm vật cúng dường. Đoàn tùy tùng mười tám muôn kỵ mã. Nhân dân trong nước Ma Kiệt Đà mười tám muôn người đồng đi theo vua.

Lúc bấy giờ nơi thành Câu Thi La, đại chúng tụ hội chu vi khoảng mười hai do tuần, mọi người đều thấy vua và phu nhân từ xa đi đến.

Đức Phật bảo đại chúng: Nhân duyên gần của Vô thượng Bồ đề quý hơn hết là bạn lành. Vua A Xà Thế nếu chẳng nghe lời Kỳ Bà thì trong ba tuần nhật nữa quyết định sẽ chết và mang lấy nghiệp báo địa ngục A tỳ.

Vua A Xà Thế trên đường đi lại được tin vua Tỳ Lưu Ly ngồi thuyền vào biển bị lửa cháy mà chết. Tỳ kheo Cu Ca Ly ngã lăn trên đất thọ lấy nghiệp A tỳ. Tu Na Sát Đa là người đã gây nhiều tội ác, nhờ có căn duyên lành đến ra mắt đức Phật, nghe pháp mà tội ác được tiêu vong.

Vua nghe những tin như vậy và nói với Kỳ Bà rằng: Nay ta được nghe những tin ấy, nhưng còn chưa chắc. Khanh hãy đến ngồi chung một thớt voi với ta. Giả sử ta bị đọa địa ngục, khanh nắm giữ ta lại đừng để ta bị đọa. Ngày trước ta từng nghe những người đắc đạo chẳng bị vào địa ngục.

Đức Phật bảo Đại chúng: Vua A Xà Thế còn tâm nghi, nay ta sẽ làm cho vua được tâm quyết định. Trong pháp hội có vị Bồ tát hiệu là Trì Nhất Thiết bạch Phật rằng: "Trước kia Phật nói tất cả pháp đều không có tướng quyết định. Sắc không có tướng quyết định hẳn đến Niết bàn cũng không có tướng quyết định. Tại sao hôm nay Phật nói rằng: Vì vua A Xà Thế làm cho được tâm quyết định ?

Phật nói: Lành thay ! Lành thay ! Thiện nam tử ! Nay Phật sẽ làm cho vua A Xà Thế có tâm quyết định. Vì có tâm quyết định mới dứt trừ tâm nghi sợ tội đọa địa ngục của vua. Dùng tâm quyết định để phá trừ tâm nghi ngờ sẽ tội lỗi. Tâm tội lỗi không quyết định cho nên mới có thể phá trừ. Nếu tâm của vua là quyết định thì tội nghịch của vua làm sao phá trừ được ! Do vậy, Như Lai làm cho vua A Xà Thế có tâm quyết định.

Vua A Xà Thế đến rừng Ta La Song Thọ, ngược thấy đức Như Lai ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp rạng rỡ như tòa núi vàng ròng.

Đức Thế Tôn cất tiếng Phạm âm chào vua: Đại vương !

Lúc đó, vua A Xà Thế nhìn hai bên tự nghĩ: "Không rõ ai là Đại vương trong đại chúng này ! Ta là người nhiều tội lỗi không phúc đức, đức Như Lai chẳng lẽ gọi ta Đại vương !"

Đức Như Lai lại lên tiếng gọi: "Đại vương A Xà Thế !"

Vua nghe dứt lời trong lòng rất vui mừng nghĩ rằng: "Đức Như Lai chiếu cố đến ta, rõ là đức Như Lai có lòng đại từ bi bình đẳng đối với tất cả chúng sanh".

Vua bạch Phật rằng: Thế Tôn ! Nay lòng tôi không còn nghi ngờ. Quyết định biết rằng đức Như Lai, bậc Đại sư y vương vô thượng của tất cả chúng sanh.

Bấy giờ Ca Diếp Bồ tát nói với Trì Nhất Thiết Bồ tát: "Đức Như Lai đã làm cho vua A Xà Thế được tâm quyết định"

Vua A Xà Thế bạch Phật: Thế Tôn ! Giả sử hôm nay tôi được ngồi chung ăn uống với Phạm vương, Đế Thích cũng chẳng vui mừng bằng một lời kêu gọi của đức Như Lai.

Vua liền đem những tràng phan, tàng lọng, hoa hương, phẩm vật, kỹ nhạc trở lên dâng đến cúng dường Phật, đánh lễ dưới chân và đi nhiễu bên hữu ba vòng, rồi ngồi qua một phía.

Phật nói: "Này Đại vương ! Nay Phật sẽ vì nhà vua mà nói pháp yếu. Nhà vua nên hết lòng lắng nghe.

Còn là người phàm phu cần phải chuyên tâm quán sát ở thân này có hai mươi việc:

Trong thân của ta không có công đức vô lậu.

Không có căn lành.

Chưa được điều thuận.

Sa rớt hầm sâu toàn chỗ đáng sợ.

Dùng phương tiện gì để thấy Phật tánh.

Tu thiên định gì để được thấy Phật tánh.

Sanh tử khổ tương tục, không thường, không ngã, và không tịnh.

Khó có ai thoát khỏi tám nạn.

Thường bị oan gia theo dõi.

Không một pháp gì ngăn được những hữu lậu.

Chưa thoát khỏi ba đường ác.

Đầy đủ những ác kiến.

Chưa qua khỏi bờ sông ngũ nghịch.

Chưa qua khỏi dòng sanh tử không bờ.

Chẳng tạo nghiệp lành, chẳng được quả báo lành.

Không có ta làm mà người khác chịu quả.

Nếu ta tạo nghiệp thì quả báo chẳng mất.

Không tạo nhơn vui thì không được quả vui.

Do vô minh mà sanh, cũng do vô minh mà chết.

Quá khứ, vị lai, hiện tại thường buông lung phóng dật.

Này Đại vương ! Người trần thế phạm tục nên quán sát thân này có hai mươi điều như vậy. Do quán sát như vậy mà không ưa thích sanh tử. Nếu không ưa thích sanh tử thì được chỉ quán. Theo thứ tự quán tưởng sanh tử: Sanh, trụ, dị, diệt, nắm giữ chánh niệm tư duy trong mọi thời. Thường quán niệm: Tín, tấn, tầm, quý, giới, định, tuệ. Do vậy, có thể biết rõ tâm tướng, giới tướng, rồi quở trách điều ác không làm. Tuệ giác huân tập và phát sanh không còn sợ chết, cũng không sợ ba ác đạo. Nếu không chuyên tâm quán sát hai mươi điều trên thì tâm thường buông lung phóng dật, không việc ác nào chẳng dám làm.

Vua thưa: Thế Tôn ! Qua ý nghĩa lời Như Lai dạy, tôi nhận thấy, từ trước tôi chưa từng quán sát hai mươi điều ấy, nên tôi đã gây tạo tội ác. Do đó, tôi rất sợ ba đường ác.

Bạch Thế Tôn ! Tôi tự chuốc họa, tạo tội ác lớn: Vua cha vô tội tôi lại giết hại, đối với hai mươi điều Phật vừa nói. Tôi không quán sát phần nào, tôi như người đui, điếc, si mê vô trí; cho nên hiện nay tôi rất sợ hãi, rằng tôi quyết định chắc sẽ đọa địa ngục A tỳ.

Phật nói: Nay Đại vương ! Tất cả pháp, tánh tướng của nó đều vô thường, không có quyết định. Sao nhà vua lại nói quyết định sẽ đọa địa ngục A tỳ.

Vua thưa: Thế Tôn ! Nếu tất cả pháp không tướng quyết định thì tội giết cha của tôi cũng không quyết định. Bởi vì, nếu tội giết cha của tôi quyết định thì tất cả pháp hóa ra cũng quyết định ?

Phật khen: Lành thay ! Lành thay ! Đại vương ! Chư Phật nói tất cả pháp không có tướng quyết định, nhà vua lại có thể rõ biết, tội giết hại cũng chẳng có tướng quyết định.

_ Nay Đại vương ! Như lời nhà vua nói: "Vua cha vô tội lại làm hại". Gì là cha ? Ấy chỉ là danh tự giả lập trên năm âm, chúng sanh vọng tưởng gọi là cha. Thập nhị nhập, thập bát giới, tìm trong đó cái gì là cha ? Nếu sắc âm là cha thì bốn âm kia lẽ ra không phải. Nếu bốn âm kia là cha thì sắc âm lẽ ra cũng không phải. Nếu sắc cùng phi sắc hợp lại làm cha thì không đúng lý. Vì tánh của sắc và phi sắc vốn không thể hợp.

_ Nay Đại vương ! Chúng sanh phạm phu đối với sắc âm vọng tưởng là cha. Sắc âm như vậy cũng không thể hại được. Vì sắc âm có những mười thứ. Trong mười thứ ấy, riêng sắc chất là có thể thấy, có thể cầm lấy, sờ mó; có thể cân lường, đo đếm, có thể cột mở và có tướng nặng nhẹ, dài ngắn, thấp cao...dù có những tánh chất như thế, nhưng tánh của sắc không có sát na dừng trụ. Vì không dừng trụ cho nên không bao giờ thật cảm nắm được sắc, không bao giờ thật thấy biết, không bao giờ thật buộc mở, cân lường được. Sắc tướng đã như vậy thì làm sao mà giết hại được. Nếu sắc chất là cha có thể giết hại mắc phải tội báo, thì chín thứ kia lẽ ra không phải là cha. Nếu chín thứ kia không phải là cha thì lẽ ra không phải mắc tội giết hại !

_ Này Đại vương ! Sắc có ba thứ: Quá khứ, vị lai và hiện tại. Quá khứ và vị lai thì không thể giết hại. Quá khứ không thể giết hại được. Hiện tại cũng không thể giết hại được, vì quá khứ đã qua rồi, hiện tại thì niệm niệm diệt. Chỉ vì ngăn vị lai không sanh mà gọi là giết hại ấy thôi. Một thứ sắc mà vừa có thể giết hại được vừa không thể giết hại được. Không giết hại được thì sắc chẳng có tánh quyết định. Sắc đã chẳng quyết định thì sự giết hại cũng chẳng quyết định. Giết đã chẳng quyết định thì quả báo cũng chẳng quyết định. Sao nhà vua lại nói quyết định đọa địa ngục?

_ Này Đại vương ! Tội nghiệp của tất cả chúng sanh tạo ra có hai thứ: Một là tội khinh. Hai là tội trọng. Nếu tâm và khẩu gây tạo thì gọi là tội khinh. Nếu tâm, khẩu và thân cùng gây tạo thì thuộc về tội trọng. Tâm nghĩ, miệng nói mà không làm thì mắc quả báo nhẹ. Ngày trước Đại vương chẳng bảo giết mà chỉ truyền lệnh hạ ngục và tước lương. Cấm tiếp tế đồ ăn thức uống. Nếu Đại vương truyền lệnh chém đầu vua cha, thị thần liền đem chém cũng còn chẳng mắc tội nặng huống hồ Đại vương không truyền lệnh ấy ! Trong việc giết hại này, nếu Đại vương mắc tội thì chư Phật lẽ ra cũng mắc tội. Bởi vì Tiên vương Tần Bà Ta La thường vun trồng những căn lành nơi chư Phật. Do vậy được quả báo tốt, ngày nay được làm vua. Nếu chư Phật chẳng thọ sự cúng dường thì Tiên vương chẳng có phước báo làm vua. Nếu Tiên vương không làm vua, thì Đại vương đâu có vì nước, vì ngôi mà giết hại. Thế cho nên nếu Đại vương giết cha mà có tội thì chư Phật chúng ta lẽ ra cũng có tội. Còn nếu chư Phật không mắc tội, sao Đại vương lại riêng mắc tội một mình ư ?

_ Này Đại vương ! Tiên vương Tần Bà Ta La trong một kiếp trước có tâm ác. Lúc nọ vua đi săn bắn nơi núi Tỳ Pha La lòng trông mong gặp được muông thú, nhưng hôm nay chưa gặp được con mồi nào; lòng vua không vui thú, bỗng gặp một Tiên nhơn tu hành đã được ngũ thần thông đang tĩnh tọa. Vua nổi cơn giận dữ nói; tại người này nên hôm nay ta đi săn không gặp được muông thú. Vua sai đuổi đi và sai quân hầu cận truy giết. Lúc sắp chết Tiên vương sanh lòng oán hận, tuyên thệ rằng: "Ta vốn vô tội, ngươi dùng tâm khẩu giết hại ta, đời sau ta sẽ cũng dùng tâm khẩu giết hại ngươi !"

Tiên vương nghe lại lời ấy trong lòng hồi hận ăn năn, truyền chôn cất tử thi cúng dường theo nghi lễ..

Ngày trước Tiên vương tạo ác nghiệp như vậy còn bị thọ báo nhẹ, chẳng đọa địa ngục, huống là Đại vương chẳng như vậy. Tiên vương tự mình làm ra, trở lại tự thọ lấy báo, có chi đâu Đại vương lại mắc phải tội giết hại. Đại vương nói: "Vua cha không tội". Sao lại nói rằng không tội ? Luận về người không nghiệp ác thì không báo ác. Người có tội ác thì có báo ác. Tiên vương nếu vô tội thì đâu có thọ lấy tội báo. Tiên vương Tần Bà Ta La hiện đời cũng được quả báo lành, đồng thời cũng có bị quả báo ác. Do vậy Tiên vương cũng là chẳng nhất định. Do vì chẳng nhất định cho nên sự giết hại cũng chẳng nhất định. Giết hại đã chẳng nhất định vậy mà nhà vua lại nói rằng: "Tội nhà vua quyết định đọa địa ngục" là sao?

_ Nay Đại vương ! Chúng sanh điên cuồng có bốn hạng:

Một, tham vọng mà điên cuồng.

Hai, bị thuốc mà điên cuồng.

Ba, bị bùa chú mà điên cuồng.

Bốn, do nghiệp duyên đời trước mà điên cuồng.

Trong hàng đệ tử Phật nếu mắc phải bốn thứ điên cuồng này, dầu tạo nhiều tội ác Như Lai cũng chẳng coi người này là phạm giới. Người này giả sử có tạo tội ác cũng không phải đọa trong ba đường ác; khi hết điên cuồng, người này không bị coi là phạm giới.

Đại vương vì tham ngôi quốc vương mà trở thành nghịch tử giết hại vua. Do tham cuồng gây tạo, sao lại Đại vương phải mắc tội ? Như người say rượu giết hại thân mẫu, lúc tỉnh say rồi sanh lòng hối hận, nghiệp giết mẹ này thực ra không có tội báo !

Đại vương tham vọng cuồng nhiệt ngôi vua mà hành động chớ không chú tâm cố ý làm tội nghịch, thế mà bảo là mắc tội thì không hợp lý ! Ví như nhà ảo thuật nơi một hí trường, họ hóa ra trai gái, voi ngựa, nhà cửa lâu đài, người ngu cho đó là thật, người trí biết chẳng phải thật. Sự giết hại cũng như vậy, phàm phu cho đó là thật, chư Phật biết là chẳng phải thật. Ví như tiếng vang trong hang núi, người ngu cho là tiếng thật của ai, người trí biết là

chẳng phải thật. Sự giết hại này phàm phu cho là thật, chư Phật biết là chẳng phải thật. Như bóng trong gương; như ánh nắng gợn khi trời nắng gắt; như Càn thát bà thành; như đục lặc trong mộng...người ngu cho là thật, người trí biết chẳng phải thật. Sự giết hại cũng vậy, phàm phu cho đó là thật, chư Phật biết chẳng phải thật.

_ Này Đại vương ! Cách thức giết, nghiệp giết, người giết, quả giết, nhân đến giải thoát, ta đều rõ thấu tất cả, ta vẫn không có tội. Đại vương chỉ biết ra lệnh giết hại sao Đại vương lại có tội ?

_ Này nữa Đại vương ! Có những chúng sanh lúc mặt trời mọc tạo nhiều tội ác, lúc mặt trăng mọc đi cướp của, có khi giết hại mạng người. Lúc mặt trời, mặt trăng không mọc thì chẳng làm việc ác. Dù nhân mặt trời mặt trăng khiến người kia làm việc ác, nhưng mặt trời mặt trăng không mắc tội. Sự sát hại này cũng vậy, dù như trong cung vua thường truyền lệnh giết dê làm thịt mà lòng vua không hề nghi sợ, tại sao với vua cha riêng sanh lòng sợ sệt ? Dù người và cầm thú, súc vật có tôn ti quý tiện khác nhau nhưng quý mạng sống, cùng sợ chết đồng nhau không khác. Có sao đối với loài dê sanh lòng xem khinh, không sợ, còn đối với vua cha khởi lòng tôn trọng, sâu khổ lo buồn ?

Người đời là tội tớ của tham ái, bị tham ái sai khiến mà làm giết hại. Giả sử có quả báo thì tội của tham ái, Đại vương bị sai sử thì có tội gì ?

Còn như Niết bàn là pháp chẳng phải có, chẳng phải không, mà cũng là có. Sát hại cũng như vậy, dù chẳng phải có chẳng phải không, mà cũng là có. Người tầm quý thì chẳng phải có; người không tầm quý thì chẳng phải không. Người thọ quả báo thì gọi là có. Người chấp không thì chẳng phải có. Người chấp có thì chẳng phải không. Người chấp có thì cũng gọi là có. Vì người chấp có thì có mắc quả báo. Người không chấp có thì không mắc quả báo. Người chấp thường thì chẳng phải không. Người không chấp thường thì chẳng phải có. Do nghĩa đó, dù chẳng phải có, chẳng phải không mà cũng có.

Này Đại vương ! Xét về mạng sống của chúng sanh là hơi thở ra vào, vì làm dứt hơi thở ra vào cho nên gọi là giết hại. Chư Phật thuận theo thế để lưu bố ngữ cho nên cũng gọi là giết hại.

Này Đại vương ! Sắc uẩn là vô thường. Nhân duyên của sắc uẩn cũng là vô thường. Đã từ nhân duyên vô thường mà sanh thì sắc uẩn sao lại là thường ? Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy ! Do vô thường nên khổ. Do khổ cho nên không. Do không nên vô ngã.

Vậy vô thường, khổ, không, vô ngã bốn món, món nào bị giết hại ? Và lại, nếu giết hại vô thường thì được Niết bàn thường. Giết hại khổ thì được lạc. Giết hại vô ngã được chân ngã; giết hại không được chân như thật ư ? Hẳn là không có lẽ như vậy.

Này Đại vương ! Nếu giết hại vô thường, khổ, không, vô ngã thì cùng với Phật đồng. Phật cũng giết vô thường, khổ, không, vô ngã mà chẳng bị đọa địa ngục. Đại vương sao lại bị đọa ?

Lúc đó, vua A Xà Thế duyên theo lời dạy của Phật vừa tư duy, vừa quán chiếu sắc ấm...nhấn đến thức ấm...Vua tỉnh ngộ, nhận thức tánh duyên sanh của ngũ uẩn, liền bạch Phật:

Thế Tôn ! Nay tôi mới nhận biết sắc ấm là vô thường nhấn đến thức ấm đều vô thường. Trước kia nếu tôi biết được như vậy thì tôi đã chẳng tạo tội nghịch !

Bạch Thế Tôn ! Tôi từng nghe chư Phật là cha mẹ của chúng sanh. Tuy nghe như vậy, nhưng chưa có lòng tin chắc. Nay tôi mới có lòng tin quyết định. Bạch Thế Tôn ! Tôi cũng từng nghe, núi Tu Di do bốn chất báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê hợp thành. Nếu có loài chim đậu chỗ nào trên núi, màu chim liền đồng màu núi, dù nghe như vậy, tôi cũng chẳng tin chắc. Nay tôi đến trong pháp hội của Phật liền được đồng màu sắc. Giờ đây tôi rõ biết các pháp: vô thường, khổ, không, và vô ngã.

Bạch Thế Tôn ! Tôi thấy từ hạt y lan mọc lên cây y lan, chẳng thấy hạt y lan mọc lên cây chiên đàn. Nay tôi mới thấy từ hạt y lan mọc lên cây chiên đàn. Hạt y lan chính là thân tôi, cây chiên đàn chính là tâm vô căn tín của tôi. Vô căn chính là từ trước tôi chẳng biết cung kính Như Lai, chẳng tin chánh pháp, chẳng trọng chúng tăng, không biết giá trị của Tam bảo trên cõi đời này !

Bạch Thế Tôn ! Nếu tôi chẳng gặp Như Lai tôi sẽ phải thọ vô lượng khổ địa ngục trong vô lượng số kiếp. Nay tôi được gặp Phật trọn nên công đức lành, tiếp nhận ánh sáng trí tuệ của Như Lai ban cho, ánh sáng trí tuệ ấy đốt cháy màng lưới mê mờ ngũ uẩn phù hư, duyên sanh vô ngã, vô tướng mà tôi đã trói buộc mình trong ấy.

Đức Phật nói: Lành thay ! Lành thay Nay Đại vương ! Giờ phút này Như Lai biết chắc chắn rõ ràng. Rằng : "Đại vương đã hóa giải, tiêu trừ hết tâm ác của một chúng sanh !"

Bạch Thế Tôn ! Vua thưa. Nếu tôi phá hoại tiêu trừ tâm ác của chúng sanh rồi, thì dù tôi có thường ở nơi A tỳ địa ngục trong vô lượng kiếp chịu khổ thay cho chúng sanh đi nữa, tôi cũng chẳng lấy làm khổ.

Lúc bấy giờ vô lượng nhân dân nước Ma Kiệt Đà một lòng phát tâm Vô thượng Bồ đề. Nhờ sự phát tâm của nhiều người mà tội nặng của vua A Xà Thế trở thành tội nhẹ...Vua cùng phu nhân, các thể nữ đồng phát tâm Vô thượng Bồ đề hướng về Tam bảo trong bối cảnh nhân duyên hi hữu trọng đại này !

Vua A Xà Thế bảo Đại thần Kỳ Bà: "Nay ta chưa chết đã được thân trời; bỏ mạng sống ngắn ngủi được mạng trường thọ; bỏ thân vô thường, được thân chân thường. Từ giờ phút này ta là đệ tử của tất cả chư Phật".

Nói xong, nhà vua bèn đem tất cả phan lọng, hương hoa trân bảo, kỹ nhạc...dâng cúng dường đức Phật. Sau khi cúng dường xong, nhà vua nói kệ tán dương đức Phật:

...Lời Phật khéo diệu nhiệm mầu

Diễn nói pháp thậm thâm bí mật

Kho tàng đệ nhất nghĩa hiển bày

Rộng, lược chúng sanh đều lợi lạc

Vô thượng pháp dược của Như Lai

Khéo chữa gốc bệnh của chúng sanh

Hữu duyên được nghe lời Phật nói
Tiền khiên tội chướng được tiêu tan
Như bóng tối được mặt trời soi đến
Nay tôi quy y đấng Thế Tôn
Nguyện đời đời là đệ tử Phật
Nay tôi dâng phẩm vật cúng dường
Dâng cúng Phật, Pháp, Tăng tam bảo
Nguyện cùng tất cả chúng sanh
Được gặp Phật, phát tâm tu thiện
Tâm sáng tròn tội chướng rỗng không
Hãy học theo đệ nhất nghĩa Đại thừa
Mới tỏ ngộ: Thật tánh vô minh là Phật tánh

Đức Thế Tôn khen ngợi: Lành thay ! Lành thay ! Người phát tâm Vô thượng Bồ đề là người trang nghiêm cõi nước của chư Phật và là người cúng dường tam bảo chân chánh và thiết thực trên đường giác ngộ và giải thoát.

Này Đại vương ! Phật nói với vua A Xà Thế. Từ xa xưa nhà vua ở nước của Phật Tỳ Ba Thi, vua đã phát tâm Vô thượng Bồ đề. Nên biết rằng phát tâm Bồ đề có vô lượng quả báo lành như vậy. Từ nay về sau nhà vua phải siêng năng tinh tấn tu dưỡng tâm Bồ đề. Người tu tâm Bồ đề sẽ tiêu trừ được vô vàn tội ác !

Vua A Xà Thế cùng nhân dân nước Ma Đà Đà nhiễu quanh Phật ba vòng rồi lễ tạ trở về cung. Dân chúng tùy tùng hoan hỉ trở về trụ xứ tư gia !

*** PHẨM THIÊN HẠNH, PHẬT NÓI Ở KINH TẠP HOA.

TRỰC CHỈ

* Thiên Đế Thích nói riêng, Trời nói chung, chỉ cho hàng người có phước đức tốt hơn, có quả báo cao hơn người bình thường trên trần thế. Theo kinh điển Phật, người phát tâm trì giới tu thập thiện nghiệp đạo sẽ được quả báo Trời. Quả báo trời có an lành, có hạnh phúc, và có hàng trời còn hưởng cả lạc thú nữa. Trời là một đường trong sáu đường xuống lên qua lại, chưa ra ngoài vòng khổ đau vì sanh tử ưu bi khổ não. Trời có nhiều cảnh giới riêng, nhưng trời thường xuống lên qua lại trong tam giới, bởi lẽ trời chưa đủ khả năng trí tuệ nhận thức chân lý. Do vậy, vô minh che lấp hành động thiện ác của họ in tuồng như chuyện rủi may, họ chưa có ý thức vượt ra ba cõi là thế nào ! Cho nên trời còn sợ sệt, khổ sầu về "ngũ suy tướng" hiện.

* Như lời Phật khai thị Thiên đế: "Hết xan tham tật đố, chúng quả A Na Hàm thì phải là người không còn sợ chết, chẳng tham cầu mạng sống. Tham cầu mạng sống là điên đảo, vì tham cầu mạng sống là chống lại chân lý. Người chứng đạo phải là người tùy thuận chân lý, vậy thôi !

* Thiên đế nghe lời Phật dạy "ngũ suy tướng" mất biến không còn. Thiên đế tỏ ngộ chân lý vô thường, dù chết mất thân mạng thất đại hữu vi, sống lại với pháp thân thường, lạc, ngã, tịnh, bất sanh, bất diệt của chính mình.

* Thiên đế chí thành tri ân đáng Thế Tôn vô thượng và hứa với Phật: rằng từ nay về sau Thiên đế và chư thiên cần hóa giải đấu tranh hận thù với A Tu La, bồi dưỡng đức nhẫn nhục nhu hòa, phát Bồ đề tâm hướng đến con đường chánh giác.

* Y sĩ giỏi có thể trị lành cho hàng trăm, hàng vạn bệnh nhân. Đức Phật độ cho nhiều hạng người đều thoát khỏi khổ nạ quỷ, súc sanh, địa ngục, vì vậy đức Phật có hiệu y vương vô thượng.

* Văn tự ngữ ngôn, nói rằng Phật độ thoát tất cả chúng sanh đều khỏi khổ, Phật độ nhiều loại chúng sanh, độ cho nhiều hạng người. Nói và nghe điều đó không khó, nhưng hiểu cho thật sự, cho tận đáy lòng cho những người khó tánh, tâm phục khẩu phục, không phải tư duy qua loa thiên định hời hợt mà hiểu được. Người tháo gút giỏi là người biết tìm cái mối dây để tháo. Phật độ thoát khổ cho tất cả loài chúng sanh là vì Phật rõ và biết kỹ cái "Gốc" khổ. Dạy cách bứng được gốc thì cây sẽ ngã đổ tức thì ! Gốc của sanh

tử khổ đau là MỘNG, là TUỞNG, là ĐIÊN ĐẢO, là CHẤP THỦ sai lầm về NGÃ, PHÁP !

* Lòng từ bình đẳng của Phật thể hiện rõ qua sự nghiệp độ sanh, bình đẳng cho mọi hạng người, mọi căn cơ, mọi nghề nghiệp, như ánh sáng mặt nhật soi rọi bình đẳng cho vạn loại trên cõi đời.

* Tiếng vọng từ không trung khuyến cáo A Xà Thế với lời lẽ chân tình thống thiết: "Hãy mau đến với Phật, không nên do dự chần chờ mà mất cơ hội "cải tử hoàn sanh" ở hiện đời và phải nhận lấy quả báo ác vay trả, trả vay vô lượng kiếp !"

Tiếng vọng đó không phải từ hồn ma bóng quái nào, vì đạo Phật không chấp nhận tin tưởng hồn ma bóng quái, kể cả "hồn ma bóng chúa" của Tiên đế TẦN BÀ TA LA, dù kinh có nói rằng đó là tiếng nói, lời khuyến cáo của Tiên đế, một người cha đau khổ với tâm lượng hải hà "tha thứ hết cho con mình" mà tiếng vọng đó nhận xét ta có thể thấy do các nhân duyên:

Một, nhân duyên gần là thiện tri thức Kỳ Bà

Hai, nhân duyên nội tại, vua A Xà Thế dù dục vọng làm mê mờ đen tối, nhưng "chứng tử lành" tiền kiếp có, và lương tâm lương tri kiếp hiện tại chưa mất hết.

Ba, nhân duyên hội ngộ: vua A Xà Thế đang thọ quả báo ác, sự đau đớn hoành hành: đau chân há miệng phải nghĩ tưởng tìm cách giải cứu khổ đau.

Bốn, duyên hội ngộ, nhờ gieo rắc những hạt giống lành ấy, trong giờ phút đau khổ cùng cực và ăn năn hối hận tận đáy lòng, bảy giờ "Diệu Âm Bồ tát xuất hiện". Cho nên tiếng vọng trong không kia chính là tiếng của Diệu Âm Bồ tát, tiếng lòng mẫu nhiệm của vua A Xà Thế tự khuyến cáo và chỉ có vua A Xà Thế tự nghe. Giả sử lúc đó có ai ở kề ngồi cạnh bên vua cũng không bao giờ có tiếng để nghe...

* Phật vì vua A Xà Thế mà trụ ở đời vô lượng kiếp là một câu nói "lạ tai" đối với một Thế Tôn Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đệ tử Phật hãy lưu ý học đoạn kinh này và lời nói này của Phật !

* Phật không nhập Niết bàn theo ý nghĩ "biệt ly vĩnh viễn đối với chúng sanh", như vua A Xà Thế lo nghĩ.

* Vì vua A Xà Thế, cũng tức là vì những ông vua ông quan...lỡ phạm vào tứ trọng và ngũ nghịch.

* Vì vua A Xà Thế, cũng tức là vì tất cả chúng sanh lỡ phạm vào tội trọng như vua A Xà Thế đã phạm.

* Vì vua A Xà Thế, cũng là vì đào tạo nhiều thế hệ Phật cho tương lai ! Dù đã phạm tội, nhưng còn lương tâm có lòng tâm quý, biết ăn năn hối hận những điều sai trái tội lỗi, biết sám hối tận đáy lòng thì tội sẽ tiêu tan, phước sẽ sanh trưởng và quyết ngày thành Phật, không ai tước đoạt được cái quyền ấy của con người !

* Lập một phương thang chữa trị bệnh nhân của Đông y sĩ, người ta gia giảm được tính như viên chỉ huy một cuộc hành quân: quân, thần, tá, sứ phân việc vị trí rõ ràng. Đánh mạnh mục tiêu nào trước, thọc sâu chỗ hiểm yếu...để tiêu diệt đối phương...

Đức Phật trị "bệnh ân hận", sợ hãi và khổ đau cùng cực của vua A Xà Thế bằng tâm sở chủ lực là "giải nghi" vi quân. Tâm quyết định tức là "đức tin kiên cố" của vua A Xà Thế vi thần. Đứng bệnh, đứng thuốc vua liền khỏi bệnh...

* Một tiếng "Đại vương" của Phật, đến tai vua A Xà Thế đã là "cam lộ", là "A Đà Đà" diệu dược cải tử hoàn sanh đối với vua A Xà Thế rồi ! Thế gian người ta gọi đó là "đòn tâm lý". Dùng thủ thuật đông phương y học thì bấm cho một huyết. Dùng Thiện xảo của Tâm lý học thì đánh cho một đòn. Huyết "giải nghi", đòn "quyết định". Đứng đòn, đứng huyết giải bệnh ngay tức khắc. Thảo nào đức Phật chẳng là: đáng y vương vô thượng!

*TẤT CẢ PHÁP KHÔNG CÓ TÁNH QUYẾT ĐỊNH cho nên...vô thường có thể là nguyên nhân cho khổ đau con người; nhưng "vô thường" với Phật nhân sử dụng thì lại là nguyên nhân đưa đến "diệt tội", giải tỏa ám ảnh, mặc cảm, khổ đau. Vì "vô thường" cho nên tánh tướng của tất cả pháp không có cố định, vì không cố định cho nên không có pháp nào có tánh quyết định. Do nghĩa đó người chưa ác có thể làm ác; người đã ác có thể trở lại "cải ác từng

thiện". Hành thiện mãi phước đức trí tuệ mỗi ngày tăng trưởng và tăng trưởng cho đến tột đỉnh cao thì quả Vô thượng Bồ đề và Vô thượng Niết bàn tự đến.

Nếu không khéo học tu chưa vượt khỏi ba cõi thì phước báo ở địa vị Trời, đến ngày "ngũ suy tướng hiện" vẫn là "tiền lộ mang mang vị tri hà vãng", "nào ai có biết số phận ngày mai...".

Tất cả pháp không có tướng quyết định là vậy.

* Người học Phật, hoặc đệ tử Phật, hay nhà nghiên cứu giáo lý đạo Phật nên đặc biệt lưu tâm. Đức Phật trị ác bệnh "ngũ nghịch" của vua A Xà Thế bằng phương "sinh tử đoạt mạng" thang. Căn tánh, cơ thể tiếp nhận được dược vị và tác dụng công phạt cực mạnh của thuốc thì hồi phục sức lực tự tại của thân tâm một cách hoàn hảo. Ngược lại, căn tánh cơ thể không tiêu hóa, nạp thụ được dược vị thì sẽ mất tất cả, thân mạng đều mất. Nói rõ ra, người nghe phải nghe bằng nhĩ căn Đại thừa, tư duy bằng chủng tánh Đại thừa, nhận thức qua tri kiến Đại thừa. Phải thể nhập "lý pháp giới", "nhất thiết tức nhất", "nhất tức nhất thiết", "pháp giới nhất chân".

Rồi phải học:

"sự pháp giới",

"vạn pháp sai biệt".

"Tâm như công họa sư,

họa chủng chủng ngũ âm,

nhất thiết thế giới trung

vô phép nhi bất tạo.

Phải nhận rõ tánh "duyên sanh" của vạn pháp.

Phải biết kỹ chất "như huyễn" của sự vật hiện tượng.

Đó là chủng tánh của người có đủ sức tiếp thụ hiệu lực của "sinh tử đoạt mạng thang" một cách có hiệu quả như mong muốn.

Cái phương thang "nhân sâm ẩm" giai thoại xưa còn lưu trong sách vở, nhằm để răn nhắc cho mọi người. Phải "ứng bệnh dữ dợt" mới là "y vương vô thượng"!

* Ai là người có tu tập ít nhiều thiên định, có tư duy, có quán chiếu về thân ngũ ấm thất đại của kiếp con người mới thấy rõ ý nghĩa sâu xa và trung thực với chân lý. Dựa trên ngôn từ của THẾ ĐỂ LƯU BỐ thì vua Tần Bà Ta La bị giết hại. Vua A Xà Thế có giết hại "cha" ! Nhìn phía SAI BIỆT MÔN là vậy.

Vua A Xà Thế sau khi uống "sanh tử đoạt mạng thang" của đức Phật, nhà vua tỉnh ngộ, viễn ly cái thấy "sai biệt môn", trực nhận BÌNH ĐẲNG MÔN", bấy giờ vua A Xà Thế, vua Tần Bà Ta La, Di Đề Hi mẫu hậu và mấy vạn tùy tùng trước đức Phật Thích Ca và hằng hà sa số, bất khả thuyết Phật sát vi trần số chư Phật bất tức bất ly, tương dung tương tức trong pháp giới nhất chân bất nhị...

Vua A Xà Thế nói với Đại thần Kỳ Bà: "Nay ta chưa chết mà đã được thân trời; bỏ mạng sống ngắn ngủi được mạng trường thọ; bỏ thân vô thường được thân chân thường". Được thân trời, được thọ mạng, được thân chân thường mà vua A Xà Thế nói, phát xuất từ quan niệm giác ngộ chân lý và nhận thức chân lý bên mặt BÌNH ĐẲNG MÔN của pháp giới bất nhị. "Tùy kỳ tâm tịnh tắc Phật độ tịnh" ./.

---o0o---

PHẨM THỨ HAI MƯƠI MỐT - ANH NHI HẠNH

Lúc bấy giờ Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Này thiện nam tử! Như Lai muốn cho các Bồ tát nghe về Anh Nhi Hạnh. Anh Nhi Hạnh là hạnh nét của trẻ hài nhi miệng còn thơm sữa. Hài nhi này không thể đứng dậy đi tới đi lui nói chuyện. Như Lai cũng vậy, Như Lai không thể khởi dậy, vì Như Lai trọn vẹn chẳng khởi các pháp tướng. Như Lai cũng không thể đứng dừng, vì Như Lai chẳng chấp thủ tất cả pháp. Như Lai không thể có đến, vì thân Như Lai chính là pháp thân chẳng có lay động. Như Lai cũng không thể đi, vì Như Lai đã đến Đại Niết bàn rồi. Như Lai không thể nói, vì Như Lai dù nói pháp cho tất cả chúng sanh nhưng thật ra chẳng nói gì. Bởi vì pháp có cái để nói

thì đó là pháp hữu vi. Như Lai không ngôn ngữ, như anh nhi ngôn ngữ chưa rõ, dù có ngôn ngữ, thật ra không ngôn ngữ. Ngôn ngữ chưa rõ chính là bí mật của chư Phật. Dù chư Phật có nói nhưng chúng sanh cũng chẳng hiểu, nên gọi là không ngôn ngữ.

Như anh nhi gọi tên những đồ vật chẳng duy nhất, vì chưa biết rõ tên nhưng không phải nhân nơi đây mà được biết đồ vật. Cũng như vậy, tất cả chúng sanh chủng loại địa phương, ngôn ngữ chẳng đồng, Như Lai phương tiện thuận theo ngôn ngữ của họ, cũng làm cho các chủng loại nhân đó mà được hiểu biết.

Anh nhi có thể nói được tiếng đơn, cũng vậy, Như Lai nói chữ cái. Như nói "bà", "hòa". "Hòa" là hữu vi. "Bà" là vô vi. Vì thế mà tử dụ Anh nhi. Rồi Như Lai nói "Hòa" là vô thường. "Bà" là thường. Như Lai nói thường, chúng sanh nghe rồi, người muốn cầu pháp thường họ dứt được vô thường, đây gọi là Anh nhi hạnh.

Anh nhi hạnh cũng chẳng biết khổ vui, ngày đêm, cha mẹ, thân sơ, thương ghét, ân oán...Cũng vậy, Đại Bồ tát vì chúng sanh nên chẳng nghĩ đến khổ vui, không câu nệ ngày đêm, không phân biệt thân sơ cha mẹ. Cũng như vậy, đại Bồ tát vì chúng sanh nên chẳng để ý khổ vui, không phân biệt ngày đêm, tâm bình đẳng lợi ích chúng sanh không có tướng thân sơ sai khác.

Anh nhi cũng không thể tạo tác việc lớn, việc nhỏ. Cũng vậy, Bồ tát chẳng tạo nghiệp sanh tử (việc lớn). Bồ tát cũng không bao giờ thối thất tâm Bồ đề tu hạnh Thanh văn (việc nhỏ).

Anh nhi hạnh lúc kêu khóc, cha mẹ lấy lá dương vàng mà bảo rằng: nín đi đừng khóc ! Vàng đây mẹ cho con ! Anh nhi thấy lá dương vàng bằng lòng tưởng là vàng thật, bèn thôi không khóc nữa. Trâu gỗ, ngựa gỗ, xe gỗ, người gỗ, Anh nhi cũng tưởng là người, ngựa, xe, trâu thật liền chẳng khóc nữa. Do vì chẳng phải trâu, ngựa, xe người thật mà tưởng là người, xe, ngựa, trâu thật...mà gọi là Anh nhi.

Phương tiện của Như Lai cũng vậy, nếu có chúng sanh muốn tạo tội ác, Như Lai vì họ mà nói có cõi Đạo Lợi Thiên, là cõi trời rất đẹp đẽ, an vui và tự tại...Chúng sanh nghe có cõi an vui, đẹp đẽ nghĩ mình sẽ được thỏa thích

bền sanh lòng ham muốn, thôi không làm điều tội ác nữa mà siêng năng thực hành những nghiệp lành. Nhưng thật ra cõi trời Đao Lợi vẫn là sanh tử, tử sanh, chẳng phải thật cảnh an vui tự tại.

Nếu có chúng sanh nhằm khổ sanh tử, Như Lai vì họ nói hạnh của Nhị thừa, nhưng thật ra quả Nhị thừa chẳng phải tột đỉnh chân thật, bởi vì hàng Nhị thừa còn thấy lỗi sanh tử, còn thấy vui Niết bàn, còn quan niệm tu hành và không tu; có chứng hay không chứng như Anh nhi kia đối với vật chẳng phải vàng mà tưởng là vàng thật.

Như Lai ở trong chỗ bất tịnh mà nói là tịnh mà Như Lai không có hư vọng, và Như Lai thật chứng đệ nhất nghĩa đế, Như Lai đứng trên quan điểm đệ nhất nghĩa đế mà dạy về chúng sanh.

Còn nữa, với chúng sanh mê mờ ấu trĩ như Anh nhi, đối với phi đạo mà tưởng là chân đạo, Như Lai cũng nói phi đạo là đạo, nhưng phi đạo thật không có đạo, vì có thể làm chút ít nhân duyên sanh ra đạo, nên Như Lai nói phi đạo là đạo.

Lại nữa, qua cái nhìn Phật nhãn, Như Lai biết rõ chúng sanh tướng, nhưng thật ra không có tướng chúng sanh. Nếu Như Lai nói không, không chúng sanh thì tất cả chúng sanh sẽ đọa vào tà kiến. Do vậy, nên Như Lai nói có chúng sanh, những người đối với chúng sanh tướng là chúng sanh thì không thể phá tướng chúng sanh. Nếu có người ngay nơi chúng sanh tướng mà phá được tướng chúng sanh, thì người này được Đại Niết Bàn. Do được Đại Niết Bàn nên chẳng còn kêu khóc nữa.

Này Thiện nam tử ! Nếu có người thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng thuyết năm hạnh này, nên biết người này quyết định sẽ được năm hạnh như vậy.

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: Thế Tôn ! Theo như chỗ tôi hiểu, y cứ theo lời Phật dạy thì tôi cũng quyết định sẽ được năm hạnh này.

Đức Phật nói: Này Thiện nam tử ! Chẳng riêng gì ông được năm hạnh như vậy mà trong hội này có chín mươi ba vạn người đồng được năm hạnh như ông vậy.

TRỰC CHỈ

* Anh nhi hạnh có nghĩa là nét hạnh của hài nhi. Ở phẩm hai mươi một này, Như Lai mượn cái nét hồn nhiên ngây thơ không biết đắn đo, không có ý tham cầu lấy bỏ, thân sơ thương ghét dùng để ví cái hạnh từ, bi, hi, xả ba la mật, bình đẳng tế độ chúng sanh qua nguồn giáo lý "Ứng vô sở trụ" của đạo Phật.

* Anh nhi có thấy, có nghe, có ngửi, có nếm, có xúc và có biết, nghĩa là Anh nhi vẫn có đủ LỤC CĂN.

* Lục căn của Anh nhi xúc đối với lục cảnh, nhưng tâm cảnh như như bất động. Thấy mà như chẳng thấy gì, nghe rồi nói...mà chẳng nói gì và chẳng có gì nói được "bất khả đắc". "Bất khả đắc" là một ngôn từ thuộc loại ngôn từ vi diệu trong kho tàng bí mật của Như Lai !

* Khổ do điên đảo mộng tưởng. Không điên đảo mộng tưởng thì không khổ. Khổ không có thì không có cái gọi là vui, mà chỉ có "tịch tĩnh".

"...Nhập thâm sơn trụ lan nhã

"...Sâm ngâm u thúy trường tòng hạ

"...Khuých tịch an cư thật tiêu sái!"

(Chứng Đạo Ca- Huyền Giác)

* Sử dụng cái thấy bình đẳng: "Pháp giới nhất chân" "vô tự tánh", Như Lai ví mình là Anh nhi.

* Sử dụng cái thấy sai biệt: "Pháp giới trùng trùng duyên khởi" "Hữu chủng tánh", Như Lai lại ví mình với vai trò cha mẹ của Anh nhi. Như Lai rõ là người "nhất thiết trí", là đáng "vô thượng Bồ đề".

* Vì người trí bậc trung, bậc hạ, Như Lai nói "vạn pháp có", "Thế giới chư Phật trong mười phương có" !

* Với người trí bậc thượng, Như Lai cho biết: "chỉ có một thể tịch diệt chân như bất nhị".

" Niết bàn sanh tử đẳng không hoa"

PHẨM THỨ HAI MƯƠI HAI - QUANG MINH BIÊN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG BỒ TÁT

Bấy giờ Thế Tôn bảo Bồ tát Quang Minh Biên Chiếu Cao Quý Đức Vương rằng:

Này Thiện nam tử! Nếu có Đại Bồ tát tu hành theo kinh Đại Niết bàn thì được năm thứ công đức mà hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật không có. Vì công đức này không phải trong, không phải ngoài, không phải có tướng, không phải không tướng, không phải thế pháp, không phải ngoài thế pháp:

Một, nghe những điều chưa được nghe.

Hai, nghe rồi làm nên lợi ích chúng sanh.

Ba, nghe rồi dứt tâm nghi ngờ, do dự.

Bốn, nghe rồi trí tuệ sáng suốt, chánh trực vô tư.

Năm, nghe rồi rõ biết tạng bí mật của Như Lai.

1. Những gì chưa nghe nay được nghe?

Nghĩa là Bồ tát sẽ học được giáo pháp vi mật rất sâu: Biết được TẤT CẢ CHÚNG SANH ĐỀU CÓ PHẬT TÁN. Phật, Pháp, Tăng không có sai khác. Tánh tướng Tam bảo vốn thường, lạc, ngã, tịnh. Tất cả chư Phật không vĩnh diệt nhập Niết bàn. Niết bàn của chư Như Lai không phải có, không phải không; không phải hữu vi, không phải vô vi; không phải hữu lậu, vô lậu; không phải sắc, phi sắc; không phải danh, phi danh; không phải tướng, phi tướng; chẳng phải thường, phi thường; chẳng phải đoạn, phi đoạn; chẳng phải quá khứ, vị lai, hay hiện tại; chẳng phải âm, nhập, xứ, giới, chẳng phải chẳng âm, nhập, xứ, giới; chẳng phải thập nhị nhân duyên, chẳng phải phi thập nhị nhân duyên. Những pháp sâu mầu như vậy, từ trước chưa nghe nay được nghe.

Còn nữa, tất cả sách vở của ngoại đạo dị thuyết của Phệ Thế Sư, của Tỳ Đà La, của Ca Tỳ La v.v..tu học kinh này có thể nhận biết sự sai lầm của họ, rồi có thể tổng hợp nhận hiểu ý thú của mười hai bộ kinh như người cầm gương sáng sẽ thấy rõ sắc diện của mình. Bồ tát cầm gương Đại Niết bàn sẽ thấy rõ

nghĩa lý sâu mầu của kinh điển Đại thừa. Ví như mặt trời mọc có vô lượng ánh sáng soi rõ chỗ u ám của các hang núi động sâu, khiến cho mọi người nhìn được xa, thấy được rộng. Huệ nhật thanh tịnh Đại Niết bàn này chiếu rõ chỗ sâu thẳm của Đại thừa làm cho hàng Nhị thừa xa thấy Phật đạo.

2. Nghe rồi làm lợi ích thế nào ?

Bồ tát nghe kinh này, chỉ biết mình có Phật tánh, nhưng chưa được thấy Phật tánh; nghe mà thọ trì đọc tụng, biên chép, vì người giảng thuyết thì mới thấy được Phật tánh.

Bồ tát nghe kinh Đại Niết bàn, biết pháp, biết nghĩa, rõ ràng, cho nên đối với Sa môn, Bà la môn, chư thiên, ma vương trong thế gian đều có sức tự tin "vô sở úy"; bởi vì với nghĩa lý sâu mầu của mười hai bộ kinh phân biệt diễn nói trước đại chúng không có sai lầm. Đó là công đức: nghe rồi làm lợi ích.

(2/11/03 Băng 127)

3. Nghe kinh Đại Niết bàn dứt tâm nghi thế nào ?

_ Nghi có nghi danh tự và nghi nghĩa lý. Nghe, chỉ dứt nghi danh tự. Tư duy ý nghĩa, dứt được nghi nghĩa lý. Ngoài hai thứ nghi trên, nghi còn có đa dạng khác nữa khiến cho người học đạo, hành đạo có thể nghi:

Nghi Phật nhập Niết bàn vĩnh diệt hay không vĩnh diệt ? Phật thường trụ chăng ? Phật có chơn lạc chăng ? Phật có chơn ngã chăng ?

Lại nghi: Quả Thanh Văn có hay không có ? Quả Duyên giác có hay không có ? Phật thừa có hay không có ? Người nghe kinh dứt được các nghi; người tư duy tu tập, giảng thuyết thì mới biết rõ tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Không nghe kinh Đại Niết bàn, tất cả những vấn đề trên, họ đều nghi. Do nghi, tâm không có chánh kiến, họ mất hết công đức lành.

Còn nữa ! Thiện nam tử ! Người nghi lại nghi rằng:

_ Sắc ấm là ngã ? Hay thọ, tưởng, hành, thức là ngã ?

_ Năng kiến là ngã ? Hay ngã là năng kiến ?

_ Thọ, tướng, hành, thức là năng kiến ? Hay ngã là năng kiến ?

_ Sắc uẩn thọ báo ? Hay ngã thọ báo ?

_ Thọ, tướng, hành, thức thọ báo ? Hay ngã thọ báo ?

_ Sắc uẩn đến đời khác ? Hay ngã đến đời khác ?

_ Thọ, tướng, hành, thức đến đời khác ? Hay ngã đến đời khác ?

_ Những pháp sanh tử có tử có chung ? Hay là vô tử vô chung ?

Rồi lại nghĩ rằng: Hạng người nhất xiển đề phạm tứ trọng tội, ngũ nghịch tội, bất tín nhân quả, phỉ báng đại thừa, hạng người này có Phật tánh hay không có Phật tánh ?

Người nghe kinh này dứt hết các điều nghi như vậy.

(9/11/03 Băng 128)

4. Người nghe rồi trí tuệ chánh trực, sáng suốt vô tư

Còn nữa ! Có người nghĩ rằng:

_ Thế gian này có ngăn mé ? Hay không có ngăn mé ?

_ Có thập phương thế giới ? Hay không có thập phương thế giới ?

Người nghe kinh này dứt được hết các điều nghi như vậy, được gọi là người có trí tuệ chánh trực không tà vạy. Trái lại người có tâm nghi thì chỗ nhận thức không chánh đáng, gọi là phàm phu. Hàng Thanh Văn, Duyên giác chỗ thấy biết của họ còn chưa được gọi là chánh trực. Vấn đề vô thường, vô ngã, khổ, bất tịnh hữu lậu pháp của thế gian. Thường, Lạc, Ngã, Tịnh vô lậu pháp của xuất thế gian.

Thường, Lạc, Ngã, Tịnh vô lậu pháp của Như Lai, phàm phu, Thanh Văn, Duyên giác thấy biết điên đảo, không được gọi là chánh trực.

Hàng Thanh Văn, Duyên giác đối với bát tướng thành đạo của Phật họ thấy: Bồ tát từ trời Đâu Suất hóa hiện ngự trên bạch tượng giáng trần vào thai mẹ tại thành Ca Tỳ La. Cha hiệu là Tịnh Phạn, mẹ là Ma Da. Ở thai đủ mười tháng sanh ra. Lúc sanh ra chân chưa đến đất thiên đế đưa tay đỡ. Nan Đà

Long Vương, Bạt Nan Đà Long Vương phun nước tắm...Đại thần vương Ma Ni Bạt Đà cầm lọng báu đứng hầu phía sau. Địa thần hóa hoa sen đỡ chân. Bò tát đi qua bốn phương đều bảy bước. Lúc đến thiên miếu các thiên tượng đều đứng dậy tiếp nghinh. Tiên A Tư Đà hai tay bồng xem tướng.

Xem xong tiên nhơn buồn khổ, thương phận mình sắp chết chẳng được thấy ngày Bò tát thành Phật. Lớn lên đến thầy học sách sử, học toán số, học bắn cung, cỡi ngựa, binh thơ, đồ sấm các nghề nghiệp. Ở trong thâm cung vui cùng sáu muôn thể nữ. Ra ngoài thành dạo chơi đến vườn Ca Tỳ La. Đọc đường gặp người già, người bệnh, người chết và gặp thầy Sa môn mặc pháp phục đi bên đường. Khi trở về cung thấy các thể nữ hình mạo như đày đưng thịt xương, xem cung điện chẳng hơn bãi tha ma, mồ mả. Nhàm chán cảnh mong manh tạm bợ...nửa đêm vượt thành xuất gia, đến chỗ các đại tiên nhơn Uất Đà Đà, A La La...nghe giảng nói về "thức vô biên xứ" và "phi tướng phi phi tướng xứ". Nghe rồi tư duy quán chiếu, Bò tát biết những pháp đó chưa ra khỏi sự chi phối của vô thường, vô ngã, khổ và bất tịnh, và...chưa ra khỏi cái vòng lẩn quẩn của sanh tử khổ đau ! Rồi Bò tát bỏ nơi đó mà đi. Đến Tuyết Sơn, ngồi dưới cội cây tu khổ hạnh sáu năm. Sau đó, biết khổ hạnh không phải chánh nhơn để được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bò tát bèn đến sông A nậu bạt đề (Ni liên) tắm rửa. Sau đó thọ nhận bát sữa của cô gái chăn bò cúng dường. Ăn xong tinh thần sáng khoái, sinh lực vượng hồi, đi đến cội cây Tất bát la trái cỏ an nhiên tĩnh tọa...cho đến ngày nọ vào lúc minh tinh xuất hiện, đại phá ma quân, được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Rồi trước hết, đến thành Ba la nại, chuyên pháp luân...và rốt sau, tuổi già sức yếu bèn đến thành Câu thi na này mà nhập Niết bàn. Những điều thấy biết như vậy gọi là chỗ thấy biết không trung thực của hàng Thanh Văn, Duyên Giác.

Này Thiện nam tử ! Đại Bò tát nghe và lãnh thọ kinh Đại Niết Bàn này thì dứt trừ được những điều thấy biết như vậy. Nếu biên chép, đọc tụng, tư duy, rồi vì người diễn thuyết thì được trí tuệ chánh trực không tà vậy.

Này Thiện nam tử ! Đại Bò tát tu hành theo kinh Đại Niết bàn, biết rõ: vô lượng kiếp nhân nay, Bò tát không từ trời Đâu suất giáng trần vào thai mẹ...nhẫn đến trụ ở thành Câu thi na, rừng Ta la song thọ nhập Niết bàn. Đây mới là chỗ thấy biết chánh trực của Đại Bò tát.

(16/11/03 Bǎng 129)

5/ Nghe rồi rõ biết tạng bí mật của Như Lai.

Thấy biết chánh trực tức là biết nghĩa thâm mật của Như Lai. Biết nghĩa thâm mật của Như Lai tức là biết rõ Đại Niết Bàn, biết rõ chúng sanh đều có Phật tánh. Do vậy, chúng sanh dứt trừ tội tứ trọng, ngũ nghịch, hoán cải tánh nhất xiển đề. Đại Bồ tát còn biết rõ chúng sanh thật không có ngã, nhưng nghiệp quả đời vị lai không mất; dù biết năm ám hiện tại dứt hết nhưng nghiệp thiện ác thì không mất; dù biết có các hành nghiệp, nhưng không có tác giả; dù có chỗ đến, nhưng không có người đi; dù có trôi buộc, nhưng không có người trôi; dù có Niết bàn, nhưng không có người nhập diệt. Đây gọi là nghĩa bí mật rất sâu.

Cao Quý Đức Vương Bồ tát: Bạch Thế Tôn ! Theo tôi hiểu: "Được nghe những điều chưa được nghe" như lời Phật nói, tôi nghĩ rằng lời đó chưa trọn nghĩa ! Bởi vì pháp nếu có, lẽ ra quyết định có. Pháp nếu không, lẽ ra quyết định không. Nếu không thì lẽ ra chẳng sanh. Nếu có thì lẽ ra chẳng diệt. Cũng như nghe là nghe; không nghe là không nghe, sao lại nói rằng nghe những sự việc chưa nghe ! Ví như người đi, nếu đã đến thì chẳng đi, nếu đi thì chẳng đến. Cũng như đã sanh thì chẳng sanh; chẳng sanh thì chẳng sanh. Đã được thì chẳng được; chẳng được thì chẳng được; Nghe rồi thì chẳng nghe, chẳng nghe thì chẳng nghe !

Bạch Thế Tôn ! Nếu chưa nghe mà được nghe thì tất cả chúng sanh chưa có Bồ đề, lẽ ra cũng có. Người chưa được Niết bàn, lẽ ra cũng được. Người chưa thấy Phật tánh, lẽ ra cũng được thấy. Thế nhưng tại sao nói rằng bậc thập trụ Bồ tát dù thấy Phật tánh nhưng chưa được rõ ràng ?

Bạch Thế Tôn ! Nếu chẳng nghe mà được nghe thì xưa kia đức Như Lai từ ai mà được nghe để rồi thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ? Và, nếu đức Như Lai chẳng nghe kinh Đại Niết Bàn mà vẫn thấy Phật tánh thì tất cả chúng sanh chẳng nghe kinh này, lẽ ra cũng được thấy Phật tánh !

Bạch Thế Tôn ! Phạm những gì thuộc sắc thì có thể thấy được hoặc chẳng thấy được. Thanh cũng vậy, hoặc nghe, hoặc có thể không nghe. Kinh Đại

Bát Niết Bàn chẳng phải sắc, chẳng phải thanh sao Như Lai lại nói là có thể thấy, nghe ?

(23/11/03 Băng 130)

Bạch Thế Tôn ! Quá khứ đã qua, chẳng thể nghe; vị lai chưa đến cũng chẳng thể nghe; hiện tại lóng nghe, chẳng có thể nghe. Nghe rồi qua mất cho nên cũng chẳng có thể nghe. Kinh Đại Bát Niết Bàn này chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, nếu chẳng đúng thời thì không thể nói. Nếu chẳng nói thì chẳng thể nghe, có sao Như Lai nói Bồ tát tu kinh Đại Niết Bàn này được nghe những điều chưa nghe ?

Phật bảo: Lành thay ! Nay Thiện nam tử ! Nay ông đã nhận thức tốt như chỗ thấy biết của hàng thập trụ Bồ tát: Rằng tất cả pháp như huyền, như mộng, như Càn thát bà thành, như dương diêm, như ba tiêu, như bào ảnh, chẳng chắc thật, chẳng phải ngã, chẳng phải mệnh, chẳng có khổ vui chân thật !

Khi bấy giờ trước đại chúng thoạt có ánh sáng chiếu đến bao trùm, bầu không gian trở nên huyền ảo lung linh. Ánh sáng chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng mà thấy xanh, vàng, đỏ, trắng. Không phải sắc chất, không phải ánh sáng mà thấy như sắc chất, như ánh sáng. Thấy mà như chẳng phải thấy, chẳng phải thấy mà thấy. Đại chúng gặp ánh sáng này thân tâm thư thái như người nhập định Sư tử vương.

Văn Thù Sư Lợi Bồ tát hỏi: Bạch Thế Tôn ! Ai phóng ánh sáng này?

Đức Như Lai yên lặng không đáp.

Ca Diếp Bồ tát hỏi Văn Thù Sư Lợi Bồ tát: Nhon duyên gì mà có ánh sáng này chiếu đến đại chúng ?

Văn Thù Sư Lợi Bồ tát yên lặng không đáp.

Vô Biên Thân Bồ tát lại hỏi Ca Diếp Bồ tát: Ai phóng ánh sáng này? Có duyên có gì chẳng, thưa Bồ tát !

Bồ tát Ca Diếp yên lặng không đáp.

Tịnh Trụ Bồ tát lại hỏi Vô Biên Thân Bồ tát: Duyên có gì trong đại chúng có ánh sáng này ? Thưa Bồ tát !

Vô Biên Thân Bồ tát cũng yên lặng không đáp.

Lần lượt đến năm trăm vị Bồ tát xoay vần hỏi nhau, nhưng không một ai giải đáp.

Bấy giờ, đức Thế Tôn hỏi Văn Thù Sư Lợi Bồ tát: Duyên có gì trong đại chúng đây có ánh sáng này ?

Văn Thù Sư Lợi thưa: Bạch Thế Tôn ! Ánh sáng này gọi là trí tuệ. Trí tuệ là pháp thường trụ không có nhơn duyên. Ánh sáng này cũng gọi là Đại Niết Bàn. Đại Niết Bàn là pháp thường trụ không có nhơn duyên. Ánh sáng này là đại từ, đại bi, là pháp môn niệm Phật, là đạo bất cộng với Thanh văn, Duyên Giác, là pháp thường trụ không có nhơn duyên, có sao hôm nay Như Lai lại hỏi nhơn duyên ?

Phật bảo: Nay Văn Thù Sư Lợi ! Ông nên dùng thế để mà giải đáp, không nên dùng đệ nhất nghĩa để đối với đại chúng trong lúc này !

Nghe lời Phật, Đại trí Văn Thù Sư Lợi thưa:

_ Bạch Thế Tôn ! Từ đây qua phương Tây, cách hai mươi hằng sa thế giới, có một thế giới tên là Bất động, quốc độ thuần là thất bảo hợp thành, trang nghiêm, thanh tịnh, cỏ cây hoa lá tươi thắm hương vị thơm ngon. Ai người được hương, nếm được vị, thân tâm khinh an khoan khoái như nhập đệ tam thiên. Ở đây không có ba đường ác, không có người nhất xiển đề, không có người tham dục, sân nhuế, và phiền não vô minh, phóng dật. "Thế giới" Bất động không tùy thuộc ánh sáng của "thái dương hệ" như cõi Ta bà của đức Phật Thích Ca. Ở đây khó có hạng người bạc địa phàm phu, toàn là Bồ tát Đại sĩ thần thông tự tại, phước đức trí tuệ rộng lớn, thường trụ trong tam muội, trong chánh pháp Đại thừa.

(30/11/03 Băng 131)

Đức Mãn Nguyệt Quang Minh Như Lai thuyết giảng cho đại chúng nghe kinh Đại Niết Bàn. Đức Mãn Nguyệt Quang Minh Như Lai giảng đến đoạn: "Bồ tát tu học kinh Đại Niết Bàn được cái lợi thù thắng, nghe những điều chưa được nghe" ở các kinh khác.

Khi bấy giờ Lưu Ly Quang Bồ tát cũng gạn hỏi Mãn Nguyệt Như Lai như Cao Quý Đức Vương Bồ tát gạn hỏi Thế Tôn hiện tại. Đức Mãn Nguyệt Quang Minh bảo Lưu Ly Quang Bồ tát rằng: Phương Tây cõi bất động này, cách hai mươi hằng hà sa cõi Phật có quốc độ Ta bà.

Cõi Ta Bà đủ các trược ác, gò nổi, hầm hố, gai góc, sạn sỏi, suối sông trắc trở, nơi nơi hiểm họa bất an. Chúng sanh can cường nan điều nan phục. Phép nước, luật vua, ít người thanh liêm minh bạch; nhiều kẻ gian tham, độc ác; chiến tranh không ngớt, nội loạn, ngoại xâm, tương tàn, tương sát. Sanh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não triền miên. thành, trụ, hoại, không liên tục. Cõi Ta Bà có đức Phật Thích Ca Mâu Ni đủ mười đức hiệu, hiện ở thành Câu Thi Na, trong rừng Ta La song thọ, vì đại chúng diễn thuyết kinh Đại Niết Bàn, hiện có Bồ tát tên Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương đem câu hỏi đó hỏi đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Hiện giờ đức Phật đó đang sẽ giải đáp. Lưu Ly Quang Bồ tát, ông nên mau qua đó để được nghe.

_ Bạch Thế Tôn ! Lưu Ly Quang Bồ tát vâng lời đức Mãn Nguyệt Quang Minh Như Lai, cùng tám muôn bốn ngàn đại Bồ tát sắp đến đây. Do nhân duyên đó mà hiện điềm này. Đó là duyên có có ra ánh sáng rực rỡ hôm nay !

Khi bấy giờ Lưu Ly Quang Bồ tát cùng tám muôn bốn ngàn đại Bồ tát tùy tùng mang theo các thứ hương hoa, phan lọng, chuỗi ngọc, trân châu, kỹ nhạc....đồng đến rừng Ta La Song thọ, thành Câu Thi Na, đầu mặt đánh lễ dưới chân Phật và dâng các phẩm vật cúng dường Phật, cung kính đi nhiều ba vòng rồi ngồi qua một phía.

Bấy giờ đức Phật hỏi Lưu Ly Quang Bồ tát: "Lưu Ly Quang ! Ông vì đến mà đến hay vì chẳng đến mà đến ?

_ Bạch Thế Tôn ! Đến cũng chẳng đến; chẳng đến cũng chẳng đến.

Tôi quan sát nghĩa này, đến cũng chẳng đến đều không có đến. Bởi vì các hành pháp nếu là thường, cũng chẳng đến. Nếu là vô thường cũng chẳng có đến.

Nếu người thấy chúng sanh có định tánh thì thấy có đến và chẳng đến. Tôi thấy chúng sanh chẳng có định tánh cho nên không có đến cùng chẳng đến.

Người có kiêu mạn thấy có đi có đến. Người không kiêu mạn thấy chẳng có đi, chẳng có đến.

Người có chấp lầy tạo tác thấy có đi có đến. Người không chấp tạo tác, thấy không có đi, không có đến.

Nếu thấy Như Lai nhập Niết bà, thấy có đi, có đến.

Người thấy Như Lai nhập Niết bàn không vĩnh diệt, thấy không đi, không đến.

Người không nghe biết Phật tánh, thấy có đi có đến. Người nghe biết Phật tánh, thấy không đi không đến.

Nếu thấy hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, thường, lạc, ngã, tịnh thì có đi có đến.

Nếu biết hàng Tiểu thừa, Trung thừa ấy không thường, lạc, ngã, tịnh thấy không đi, không đến.

Nếu thấy Như Lai không thường, lạc, ngã, tịnh thấy có đi có đến.

Biết Như Lai là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh thì thấy không đi không đến.

Bạch Thế Tôn! Xin để việc đó lại. Nay tôi có điều muốn hỏi, xin Như Lai thương xót dạy cho !

(7/12/03 Băng 132)

Phật bảo: Thiện nam tử ! Sở cầu của ông đúng lúc, tùy ý ông hỏi, Như Lai sẽ chỉ dạy cho ông. Chư Phật khó gặp như hoa Ưu đàm, pháp Phật khó nghe, trong mười hai bộ kinh, bộ Phương đẳng đại thừa càng khó nghe hơn, phải chuyên tâm lắng nghe, khéo tư duy mà lãnh thọ.

Lưu Ly Quang Bồ tát thưa: Thế tôn ! "Đại Bồ tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, nghe được những điều từ trước chưa từng được nghe", là thế nào?

Đức Phật khen: Lành thay ! Lưu Ly Quang ! Ông muốn hiểu cùng tột biển Đại thừa Đại Niết Bàn là rất tốt; lại gặp Phật, bậc có thể giải thuyết cho ông mọi yêu cầu tri kiến. Phật là lương y có thể nhổ tên độc nghi ngờ của ông. Phật là ngọn đuốc tuệ soi sáng. Phật tánh của ông cho ông được thấy. Ông

muốn qua sông lớn sanh tử, Phật là thuyền trưởng, hải đạo sư. Lòng ông tham của báu chánh pháp, Phật có nhiều chánh pháp lại hay bố thí. Ông nên lắng nghe, khéo suy nghĩ !

Này Thiện nam tử ! Khi nghe pháp rồi phải sanh lòng kính tin tôn trọng. Đối với chánh pháp chớ tìm bói chỗ lỗi. Chớ phân biệt dòng họ tôn ty, quý tiện của pháp sư. Sau khi nghe pháp chớ sanh lòng kiêu mạn. Đừng vì sự cung kính, danh dự, lợi dưỡng, phải vì sự lợi ích chúng sanh truyền đăng, tục diệm, xiển dương chánh pháp. Đừng nghĩ rằng nghe chánh pháp trước độ mình, sau mới độ người; trước giải thoát mình, sau mới giải thoát cho người; trước tự được Niết bàn, sau sẽ giúp cho người được Niết bàn. Nên khởi tâm niệm bình đẳng đối với Phật, Pháp, Tăng. Trong sanh tử phải thường quán niệm là oan nghiệp đại họa. Với Đại Niết bàn luôn khởi quán niệm: thường, lạc, ngã, tịnh. Trước vì người, sau vì mình. Nên vì Đại thừa, đừng vì Nhị thừa. Khởi tâm vô trụ đối với tất cả pháp. Khởi tâm viển ly tất cả pháp tướng. Thường trụ trong quán niệm: biết pháp và thấy pháp.

Này Thiện nam tử ! Ông có thể hết lòng nghe pháp như vậy, đây gọi là "được nghe những điều chưa nghe" !

Này Thiện nam tử ! Nghe có bốn cách:

Một, chẳng nghe mà nghe

Hai, chẳng nghe mà chẳng nghe

Ba, nghe mà chẳng nghe

Bốn, nghe mà nghe.

Vấn đề sanh cũng có bốn cách như vậy:

Một, chẳng sanh mà sanh

Hai, chẳng sanh mà chẳng sanh

Ba, sanh mà chẳng sanh

Bốn, sanh mà sanh

Cũng như vấn đề vừa nói: Chẳng đến mà đến, Chẳng đến mà chẳng đến. Đến mà chẳng đến. Đến mà đến

Bạch Thế Tôn ! Bồ tát Lưu Ly Quang hỏi: Thế nào là chẳng sanh mà sanh ?

_ Phật bảo: An trụ bên Thế đế, thị hiện tướng xuất thai. Đây là chẳng sanh mà sanh.

Hỏi: Thế nào chẳng sanh mà chẳng sanh ?

Đáp: Đại Niết bàn không có tướng sanh. Đây là chẳng sanh mà chẳng sanh.

Hỏi: Thế nào là sanh mà chẳng sanh ?

Đáp: Cứ theo Thế đế, lúc Bồ tát hiện tướng nhập thai và trụ thai, gọi đó là sanh mà chẳng sanh.

Hỏi: Thế nào là sanh mà sanh ?

Đáp: Tất cả phàm phu "sanh mà sanh". Vì phàm phu sanh tử, tử sanh không có tận cùng. Bồ tát bậc tứ trụ trở lên "sanh mà chẳng sanh", vì sanh mà tự tại.

Thiện nam tử ! Nội pháp đã vậy. Ngoại pháp cũng như vậy: Chưa sanh mà sanh. Chưa sanh mà chưa sanh. Sanh mà chưa sanh. Sanh mà sanh.

_ Như hạt giống đủ nước, phân và chăm sóc, nhưng mầm mống chưa nảy lên. Trường hợp này gọi là : "chưa sanh mà sanh".

_ Như hạt giống hư, lại không có nước, phân và nhân công chăm sóc, đây gọi là "chưa sanh mà chưa sanh".

_ Như mầm mống đã mọc, mà thiếu điều kiện để sanh trưởng, đây gọi là "sanh mà chưa sanh".

_ Như mầm sanh chồi tược phát triển, gọi đây là "sanh mà sanh". Tất cả ngoại pháp hữu lậu nhiếp thuộc phạm trù "sanh mà sanh" như vậy.

(14/12/03 Băng 133)

Này Lưu Ly Quang Bồ tát! Tự tánh các pháp màu nhiệm. Văn tự ngôn thuyết, như ngón tay chỉ trăng, mà ngón tay không bao giờ là trăng được. Vì

thế, các vấn đề : "Sanh mà sanh", "Chẳng sanh mà chẳng sanh" . v.v..những đạo lý đó "bất khả thuyết", không thể nói phô mà có thể tột cùng! Tột cùng và khả thuyết, khi nào có đầy đủ nhân duyên. Thế nào là đầy đủ nhân duyên ? Nghĩa là người nói và người nghe căn cơ phù hợp, chủng tánh tương đồng.

Lưu Ly Quang cùng tám muôn bốn ngàn Đại Bồ Tát nghe pháp này rồi, thân tâm khinh an như mình được bay bổng lên hư không, rơi rụng hết những gì trần cấu, đồng chấp tay cung kính thưa:

_ Bạch Thế Tôn ! Chúng con nhờ Như Lai Thế Tôn ân cần dạy bảo kinh Đại Niết bàn này mà chúng con tỏ ngộ ý nghĩa "Nghe những điều chưa nghe", và hiểu rõ ý nghĩa "Chẳng sanh mà sanh",..."Chẳng sanh mà chẳng sanh"...của các pháp.

_ Bạch Thế Tôn ! Lưu Ly Quang thưa: Trong hội này hiện có Bồ tát Vô Úy muốn hỏi, xin Như Lai vì ông mà dạy bảo !

Phật bảo: Thiện tai! Tùy ý thưa hỏi, Như Lai sẽ tùy nghi mà giải đáp.

Bồ tát Vô Úy và tám muôn bốn ngàn Bồ tát tùy tùng, nghiêm chỉnh y phục, quì gối chấp tay thưa:

_ Bạch Thế Tôn ! Chúng sanh cõi Ta bà muốn sanh sang thế giới Bất Động kia phải tu nhơn địa gì, hành hạnh nghiệp chi để được sanh sang thế giới Bất động ? Bồ tát cõi kia tu trí tuệ thế nào mà khi nghe kinh Đại thừa Đại Niết Bàn thậm thâm vi diệu mà thấu hiểu rõ ràng và tâm đắc nhanh chóng như vậy ?

Đức Thế Tôn nói kệ đáp:

Không giết hại chúng sanh

Giữ gìn các giới cấm

Thọ trì pháp chư Phật

Được sanh cõi Bất Động

Không trộm cắp của người

Thường tu hạnh "ban cho"

Tạo trụ xứ tu hành

Được sanh cõi Bất Động

Trong sạch không tà hạnh

Vợ chồng sống tiết độ

Lòng hướng thượng: viễn ly

Được sanh cõi Bất Động

Trực diện cảnh mư sinh

Đắc thất lòng dạn lòng

Giữ lời không vọng ngữ

Được sanh cõi Bất Động

.....

.....

Ham mộ kinh điển này

Dem thân hoặc của cải

Cùng hoằng dương chánh pháp

Được sanh cõi Bất Động

Bồ tát Vô Úy thưa: Nay tôi và các Bồ tát đây đã biết những công đức và nghiệp nhơn được sanh sang thế giới Bất Động. Bạch Thế Tôn ! Cao Quý Đức Vương Bồ tát có lòng thương rộng lớn với tất cả chúng sanh, trước đã thưa hỏi mà Như Lai giải đáp chưa trọn. Mong Như Lai thương xót giải thuyết trọn nghĩa hơn, ngõ hầu lợi ích cho Bồ tát, cho nhơn thiên bát bộ...

Phật bảo Cao Quý Đức Vương Bồ tát: Lành thay ! Cao Quý Đức Vương ! Ông hãy lắng nghe Như Lai sẽ vì ông phân biệt giải thuyết:

Vì có nhân duyên, nên nói: Chẳng đến mà chẳng đến.

Vì có nhân duyên, nên có thể nói: Chẳng đến mà đến.

Vì có nhân duyên nói: Đến mà chẳng đến.

Vì có nhân duyên, nên nói: Đến mà đến.

Thiện nam tử ! Gì là đến ? Gì là chẳng đến ?

(21/12/03 Băng 134)

Chẳng đến mà chẳng đến, đây là chỉ cho hạng người cực bất thiện. Họ có thể tạo tứ trọng, ngũ nghịch, nhất xiển đề, phỉ báng Đại thừa kinh điển. Hạng người này không còn có cơ hội thấy biết sự an lạc giải thoát của Niết bàn là gì. Đây là hạng người "Chẳng đến được Niết bàn và chẳng bao giờ đến (niết bàn).

Trái với hạng người trên, họ xa lìa bất thiện nghiệp. Họ có Niết bàn. Họ xa lánh môi trường tứ trọng, ngũ nghịch, nhất xiển đề, phỉ báng Đại thừa kinh điển. Họ không van xin, khẩn nguyện được Niết bàn, mà Niết bàn tự hiển hiện. Đây gọi là "chẳng đến mà đến" (đến ở đây là đến Niết bàn).

Đối với hai mươi lăm cõi, Thanh Văn, Duyên giác, Bồ tát ba hạng người này đã dứt hết nghiệp nhơn tam giới, lẽ ra không phải đến tam giới, nhưng vì bản nguyện độ sanh mà đến tam giới. Đối với ba bậc này gọi là " đến mà chẳng đến (đến ở đây là đến hai mươi lăm cõi).

Với hai mươi lăm cõi, phàm phu, Tu Đà Hoàn, Tu Đà Hàm, A Na Hàm vì còn kiến tư hoặc, không ra khỏi tam giới mà còn phải luân chuyển lâu dài trong hai mươi lăm cõi cho nên gọi họ là người "đến mà đến".

Phật bảo: Thiện nam tử! Nghe điều chưa nghe cũng như vậy. Có: Chẳng nghe mà nghe. Chẳng nghe mà chẳng nghe. Nghe mà chẳng nghe. Nghe mà nghe.

"Chẳng nghe mà nghe". Đây là chỉ cho Đại Niết bàn, bởi vì Niết bàn chẳng phải pháp hữu vi; vì Niết bàn không phải âm thanh; vì Niết bàn vượt ngoài ngôn từ có thể nói phô. Vì vậy Niết bàn không phải đối tượng nghe. Tuy nhiên, cũng có thể nghe danh từ..."Niết bàn" vẫn có thể nghe: "Thường, lạc, ngã, tịnh" bốn đức Niết bàn. Do vậy: "chẳng nghe mà nghe"!

Cao Quý Đức Vương Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Như lời Thế Tôn dạy: Đại Niết bàn chẳng thể nghe. Rồi Thế Tôn lại nói có thường, lạc, ngã, tịnh có thể nghe !

Bạch Thế Tôn ! Được Niết bàn là sau khi họ dứt sạch phiền não thì gọi là người được Niết bàn. Nếu người chưa dứt sạch phiền não thì không tìm đâu có được Niết bàn. Bạch Thế Tôn ! Vậy thì Niết bàn trước không mà nay có, người thế gian họ gọi như thế là pháp vô thường. Bởi vì, có rồi trở lại hoại diệt, ví như cái bình bát, cái ấm chén .v.v...Niết bàn trước không nay có đồng như pháp vô thường. Vậy do nhân duyên gì Thế Tôn nói Niết bàn có thường, lạc, ngã, tịnh ?

Bạch Thế Tôn ! Phạm thứ gì, pháp nào do nhân duyên có, đều là vô thường. Niết bàn có, do tu hành ba mươi bảy phẩm trợ đạo, bốn vô lượng tâm, sáu ba la mật, phát khởi tam tâm, lục niệm, quán tưởng...bạch cốt, vi trần...mà được. Do vậy, biết rằng Niết bàn cũng là pháp vô thường.

Bạch Thế Tôn ! Phạm thứ gì gọi là có, đều vô thường. Niết là có, cho nên đúng lý mà nói, thì Niết bàn vô thường. Ở trong kinh A hàm và các kinh Phật thường nói: "Thanh văn, Duyên giác, chư Phật là những địa vị có Niết bàn". Do nghĩa ấy, biết rằng Niết bàn là pháp vô thường.

Bạch Thế Tôn ! Pháp có thể thấy, là pháp vô thường. Ngày trước Phật nói: Người dứt hết phiền não thì thấy được Niết bàn. Do vậy, Niết bàn là vô thường, vì Niết bàn là pháp có thể thấy. Và lại, nếu Niết bàn thường, tại sao kẻ được người không ? Trong khi hư không thường, thì mọi người sanh trong hư không được thọ dụng bình đẳng ? Bởi lẽ đó, Niết bàn lẽ ra chẳng phải thường !

Bạch Thế tôn ! Trong Niết bàn có danh tự: "thường, lạc, ngã, tịnh" lẽ ra chẳng gọi là pháp thường !

Phật bảo: Này, Cao Quý Đức Vương Bồ tát ! Niết bàn không phải trước không nay có. Nếu Niết bàn trước không nay có thì đó không phải là pháp vô lậu, thường trú. Niết bàn thường trú, cho nên dù có Phật xuất thế hay không, tánh tướng Niết bàn vẫn thường trú. Chúng sanh bị phiền não vô minh che lấp không thấy rồi cho là không có Niết bàn. Đại Bồ tát sinh hoạt

trong giới, định, tuệ tam nghiệp thanh tịnh phiền não không có cơ hội phát sanh bèn được thấy Niết bàn. Do vậy, Niết bàn là pháp thường trụ, không phải trước không, nay có. Ví như dưới đáy giếng, trong một căn nhà tối có các thứ châu báu người người cũng biết là có, nhưng vì tối nên không thấy. Người có trí thấp đèn sáng lớn soi rọi, thấy châu báu rõ ràng. Qua sự việc ấy, người trí ắt chẳng nghĩ rằng châu báu kia trước không mà nay có. Đại Niết bàn cũng vậy, trước vốn có, chẳng phải trước không nay mới có.

(28/12/03 Bảng 135) Bảng 136 - Tất niên

Này Cao Quý Đức Vương, ông nói Niết bàn do tu hành trau dồi mà được, cho nên Niết bàn là vô thường, nghĩa này không đúng. Bởi vì Niết bàn là "thể", chứ không phải tướng và dụng. Thể Niết bàn không sanh, không diệt, không đến, không đi, không ác, không thiện, không thật, không hư, không ba đời: Quá khứ, hiện tại, vị lai; không màu sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng....; không kích thước: dài ngắn, rộng hẹp, vuông tròn; không qui mô: cao, thấp....chẳng phải nhân, chẳng phải quả, chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Niết bàn không có ở đâu mà không đâu chẳng có. Do những nghĩa như vậy, cho nên Niết bàn là thường, không biến đổi, không hư hoại. Chỉ có người tu tập pháp lành vô lượng kiếp thì mới thấy được Niết bàn thôi. Ví như thêm lục địa nước Việt Nam, mỏ dầu hỏa đã có từ lâu lắm rồi thế mà người thường không ai biết, chỉ có người trí, kỹ sư địa chất, nhà khoa học, họ thấy biết có dầu và khai thác làm giàu cho xứ sở. Niết bàn cũng lại như vậy !

Này Thiện nam tử ! Ông nói vì nhơn duyên nên pháp Niết bàn lẽ ra vô thường, nghĩa này không đúng. Bởi vì nhơn, xét ra có nhiều thứ, đại lược dễ nhận, có năm nhơn:

Một, sanh nhơn

Hai, hòa hợp nhơn

Ba, trụ nhơn

Bốn, tăng trưởng nhơn

Năm, viển nhơn

Sanh nhơn: Như hạt giống cỏ cây, như nghiệp phiền não của con người.

Hòa hợp nơn: Như pháp lành hợp tâm lành. Pháp ác hợp với tâm ác. Pháp vô ký hợp với tâm vô ký.

Trụ nơn: Như nhờ đất mà núi rừng sông suối...có chỗ đứng vững. Nhờ cột trụ mà nóc, mái nhà thành trụ...

Tăng trưởng nơn: Như do thực phẩm, y phục...mà con người tăng trưởng tồn sanh. Do nước, phân, chăm sóc mà hạt giống cỏ cây sum sê phát triển, do thiện hữu tri thức mà đạo tâm, đạo hạnh, đạo lực, đạo quả ngày thêm thăng tấn viên thành.

Viễn nơn: Như quốc pháp nghiêm minh, thì người dân trong nước được an ninh không bị trộm cướp. Nhờ ánh sáng mặt trời mà lá cây được xanh, hoa hồng được đỏ...Vô tình chúng sanh là viễn nơn của hữu tình chúng sanh và ngược lại.

Thiện nam tử ! Đại Bát Niết Bàn không phải do năm thứ nơn ấy làm ra, cho nên không vô thường.

Ngoài năm thứ nơn vừa nói, còn có hai thứ nơn dành để cho người có tu tập tư duy mới nhận biết rõ ràng:

Một, tác nơn.

Hai, liễu nơn.

Như người thợ gốm và khí cụ của người thợ gốm để làm thành chén, đĩa, ấm chè....gọi là tác nơn.

Như đèn đuốc soi sáng, khiến cho người ta thấy vật trong hang động tối, gọi đó là liễu nơn.

Thiện nam tử ! Tác nơn không làm ra được Đại Niết Bàn. Liễu nơn làm hiển lộ Đại Niết Bàn. Do vậy, Đại Niết Bàn là pháp thường trú, bất sanh, bất diệt, hiện hữu và tồn tại vô khứ vô lai !

TRỰC CHỈ

* Học tu theo kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn có những công đức thù thắng mà người chưa học không có.

* Một, "nghe những điều chưa được nghe". Bởi vì kinh Đại Niết bàn là kinh Đại thừa trong Đại thừa, chứa đựng tạng bí mật của Như Lai, những lời dạy sau rốt, để rồi không còn gì để nói nữa.

* Biết TẤT CẢ CHÚNG SANH ĐỀU CÓ PHẬT TÁNH không dễ biết, không phải nghe rồi ai cũng biết. Thậm chí người ta nói được: Rằng "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh", người ta có thể nói tới nói lui, lặp đi lặp lại suốt quãng đời mình, nhưng không mấy người thực biết, vì không thực biết nên không bao giờ "được gặp" đối diện với Phật tánh dù chỉ một lần trong cuộc đời trên dưới trăm năm sinh hoạt ! Người thực biết, thực nghe PHẬT TÁNH vốn có của mình, người ta "gặp", thường "đối diện" và thường "đàm thoại" với Phật tánh là chuyện có thật. Chuyện có thật nhưng không phải ai cũng nghe và cũng có thể biết ! Cũng như có người nói nước đen xì xì và hôi hoắc của con kinh Nhiêu Lộ, trong đó có nước sạch uống được. Đó là chuyện có thật, nhưng với lũ trẻ con, chúng không nghe biết điều ấy. Chỉ có người trí nghe biết sự thật đó , là sự thật.

(8/2/04 Băng 137)

* "Phật, Pháp, Tăng không có sai khác". Đây là điều chưa được nghe ở các kinh khác. Bởi vì chỉ có kinh Đại Niết Bàn, đức Phật mới dạy rõ: Phật tánh và Pháp tánh danh ngôn tuy hai mà nghĩa lý có một. Cũng như lửa là một, tùy chất đốt mà lửa có tên khác. Tăng tánh là tánh hòa hợp. Phật tánh tức là pháp tánh. Pháp tánh tức là Phật tánh. Tánh trung hòa hỗn hợp hai chân lý kia tức là tăng tánh. Cho nên, "Tăng tánh" không phải là tánh của một ông sư, của sa môn, bà la môn nào ! Đây là "nhất thể tam bảo" ở kinh Đại Niết bàn !

Rồi: Vấn đề Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Vấn đề chư Phật không vĩnh diệt nhập Niết bàn. Vấn đề Niết bàn của chư Phật, cảnh giới ấy thật hay hư ? Cảnh giới ấy sanh ra sao ? Diệt lúc nào ? Niết bàn là pháp hữu vi hay vô vi? Rồi vấn đề Phật giáo và ma giáo muốn phân biệt phải y cứ vào đâu!...tất cả những điều khó hiểu chưa được nghe. Bỏ tất tu học Đại thừa Đại Niết bàn, sẽ được nghe. Đó là cái lợi thứ nhất "nghe những điều chưa nghe".

* Học tu kinh Đại Niết Bàn mới có khả năng làm nên lợi ích cho chúng sanh chân chánh, thiết thực. Bởi vì tu học theo kinh Đại Niết bàn là nghe

giáo lý thậm thâm mà trước đây, trong mười bộ kinh Như Lai chưa chỉ dạy. Thế cho nên phải trải qua tu học kinh Đại Niết bàn Bồ tát mới có được ý nghĩ đúng chân lý, lời nói đúng chân lý và việc làm lợi ích chúng sanh không lệch mục tiêu chơn lý.

* Trong cuộc sống bình nhật của con người, đa số người ta tự tin rằng: mình đã "an tâm" trong mọi vấn đề, "bằng lòng" với cái hiểu biết vốn có qua giáo dục tự nhiên của truyền thống gia đình, qua sự đào tạo của trường lớp trong xã hội. Cái vốn tri thức đó, đủ đem lại cho con người tiền tài, danh vọng, sự nghiệp và hạnh phúc rồi, không nghi ngờ gì nữa !

(15/2/04 Bảng 138)

Bằng trí quang nhận thức xa rộng, người trí biết rằng cái nhận thức bình nhật của con người, còn nhiều điều chưa giải đáp được, giáo lý đạo Phật gọi đó là NGHI. Nghi là một thứ "tâm sở hữu pháp", một thứ "phiền não căn bản", một trong những chất liệu buộc ràng, kềm hãm chúng sanh không vượt ra ba cõi được.

Thử hỏi: Có bao nhiêu người biết được:

Chúng sanh có Phật tánh hay không có Phật tánh ?

Niết bàn là gì ?

Niết bàn có hay không có ?

Cái gì làm ra Phật tánh và cái gì làm ra Niết bàn ?

Thường, lạc, ngã, tịnh có thật không ?

Con người từ đâu tới ?

Con người chết đi về đâu ?

Ngã là gì ?

Vô ngã là gì ?

Làm sao biết tất cả pháp vô ngã ?....

Rồi, Phật là người thế nào ? Trời ở xa bao nhiêu kilômét ?

Bồ tát tu học kinh Đại Niết bàn sẽ thấy hết, biết hết, không còn những mối nghi ngờ hoang mang bất ổn nữa !

(22/02/04 Băng 139)

* "Nghe được những điều chưa nghe". Giải tỏa hết những gút thắt "nghi ngờ". Biết hết những gì chưa biết. Vì vậy, người tu học Đại thừa Đại Niết bàn có được TRÍ TUỆ CHÁNH TRỰC, tức là thứ trí tuệ rời xa hết thảy tà kiến của thường tình.

* Kho tàng bí mật của Như Lai là nguồn giáo lý đệ nhất nghĩa mà bốn mươi chín năm giáo hóa rày đó mai đây, đức Phật chưa đem ra dạy. Nay, tại Ta La song thọ, thành Câu thi na, trước giờ phút nhập Đại Niết bàn mới đem ra dạy vẽ cho chúng sanh rằng:

_ "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh".

_ "Niết bàn Như Lai nhập không đồng nghĩa như sự vĩnh biệt ra đi".

_ Mỗi chúng sanh đều có khả năng hóa giải diệt trừ tội cấu của mình, dù là tội "tứ trọng", "ngũ nghịch".

_ "Hạng người "nhất xiển đề cũng có thể thành Phật..."

Những giáo lý Đại thừa của Đại thừa như vậy, Như Lai dấu kín chưa hề sử dụng đem ra dạy bảo cho ai. Thời pháp rốt sau, trước khi nhập Đại Niết bàn, với hàng đại đệ tử căn cơ thuần thực, Đại thừa chủng tánh đã nở hoa kết trái, Như Lai bèn đem "phần Đại thừa của Đại thừa tung hê trước gió, hoa trái của cây Đại thừa "thụ phần" sung mãn ở rừng Ta La song thọ thành Câu thi na ngày ấy !

* Đọc câu chuyện Lưu Ly Quang Bồ tát và đoàn tùy tùng từ thế giới Bất Động đến thế giới Ba bà, sự việc xảy ra na ná giống như sự việc Diệu Âm Bồ tát vắng lai ở phẩm Diệu Âm trong kinh Pháp Hoa. Sự kiện này nhằm dạy cho Phật tử chân lý: "Phật Phật đạo đồng", "Dị khẩu đồng âm" của ba đời chư Phật. Lời dạy của một đức Phật này cùng với lời dạy của ba đời chư Phật trong mười phương không khác. Đã là chân lý, thì Phật nào nói ra cũng vậy thôi !

(29/02/04 Băng 140)

* Đến hay không đến. Đi hay không đi. Có đến hay không đến. Có đi hay không có đi. Sanh mà không sanh. Sanh mà sanh v.v...là những vấn đề "bất khả thuyết", nghĩa là không thể nói trọn nghĩa được. Bởi vì mỗi vấn đề, mỗi sự việc, nó chỉ đúng với sự việc đó, ở trong thời điểm đó, môi trường, hoàn cảnh đó mà nó không đúng cho mỗi lúc, mỗi nơi, mỗi sự việc. Đó là lý do người đệ tử Phật phải học thông thuộc về THỪA, THỜI, CƠ, GIÁO, và TỨ TÁT ĐÀN mới có thể hiểu không sai lầm ý Phật trong suốt hành trình đức Phật hóa đạo chúng sanh.

* Điều kiện sanh sang thế giới Bất Động, cũng cùng một nguyên tắc chung mà chư Phật đã nhất trí với nhau là phải tu:

Giới, định, tuệ tam vô lậu học.

Văn nhi tu, tư nhi tu, tam tuệ học.

Thân, khẩu, ý, tam nghiệp thanh tịnh.

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, để tâm quán niệm.

Tứ nhiếp pháp, ứng dụng lợi sanh.

Thập nhị nhân duyên, thường quán chiếu.

Lục độ thực hành, để trau dồi bồi dưỡng cho phước trí nhị nghiêm...

(7/3/04 Băng 141)

Tất cả hiện tượng vạn pháp đều gọi là "hữu vi". Hữu vi là pháp do duyên sanh, pháp có tác nhơn. Do vậy, chúng là những pháp "trước không nay có". Thế cho nên pháp hữu vi có sanh, có diệt, chúng là pháp vô thường.

* Niết bàn là pháp vô vi, không có tác nhơn cho nên Niết bàn là pháp bất sanh, bất diệt, Niết bàn là pháp thường. Khi nào con người không còn vô minh, phiền não, hoặc nghiệp thì Niết bàn thể hiện tự nhiên vô tác. Cho nên Phật dạy cho Bồ tát Lưu Ly Quang: Niết bàn do LIỄU NHƠN mà hiện, Niết bàn không do "tác nhơn". Vì vậy, Niết bàn là THƯỜNG.

* Hư không xét ra cũng có bốn đức: THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH, tương tự bên thế giới VÔ TÌNH. Thường, lạc, ngã, tịnh bốn đức Niết bàn bên thế giới HỮU TÌNH, con người cảm nhận, thọ dụng cái đức tánh: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh ấy. Cho nên chỉ có người không còn vô minh phiền não mới thọ dụng được Niết bàn thôi, không đồng với tính tương tự của hư không vô tri vô giác./.

---o0o---

PHẨM THỨ HAI MƯƠI HAI - QUANG MINH BIÊN CHIÊU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG BÒ TÁT

(TIẾP THEO A)
(14/3/04 Băng 142)

Cao Quý Đức Vương Bò Tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Hành Bò tát hạnh bố thí như thế nào gọi là bố thí ba la mật nhằm đến trí tuệ ba la mật ? Và, như thế nào không gọi là ba la mật ? Thế nào là Niết bàn và Đại Niết bàn?

(21/3/04 Băng 143)

Phật dạy: Này Thiện nam tử ! Bò tát tu Đại thừa hạnh, bố thí mà chẳng nghe cái từ bố thí, chẳng thấy của cải vật dụng bố thí, chẳng thấy người thọ thí là hạng người nào, màu da, chủng tộc, giai tầng xã hội nào. Tu tập trì giới...cho đến trí tuệ cũng vậy. Tu mà chẳng nói tu, chẳng nghe tu, chẳng thấy tu. Tu tập trong chánh niệm "tu vô tu tu" thì gọi là ba la mật.

Bò tát tu Đại Niết bàn, biết và thấy rõ pháp giới, tất cả đều không có thật. Bò tát thấy biết rõ: tất cả pháp như mộng, huyễn, bào, ảnh, như lộ, như điện, như càn thát bà thành, như ba tiêu, như dương diệm, thủy trung nguyệt v.v...Bò tát thấy biết rõ: Thực tướng của vạn pháp là : không, vô tướng, vô tác. Nó không có hòa hợp, không có tướng giác tri. Đây gọi là Bò tát an trú trong "thật tướng". Bấy giờ Bò tát tự biết đây là bố thí, đây là ba la mật, nhằm đến đây là trí tuệ, đây là ba la mật.

Đại Bò tát đối với tiền tài sự nghiệp thường có chánh niệm tư duy, của cải thuộc năm nhà: Một, vua quan tịch thu. Hai, cướp trộm cưỡng đoạt. Ba, lũ lụt cuốn trôi. Bốn, hỏa hoạn cháy hết. Năm, con hư phá tổ nghiệp. Do thường tư duy như vậy, Bò tát phát tâm bố thí. Bố thí không đợi người xin,

không cầu phước báo, không hy vọng đáp đền ơn nghĩa, chẳng nhớ, chẳng thấy việc làm bố thí của mình. Bố thí như vậy, gọi là "tam luân không tịch". Bố thí như vậy gọi là ba la mật, nhấn đến tu trí tuệ ba la mật cũng vậy: "Năng sở song vong", gọi là trí tuệ ba la mật !

Trái lại, Bồ tát vì tiếng tăm, vì danh dự tông tộc, vì cầu phước báo nhân thiên, vì hơn người, vì thân tình cảm mến, hy vọng nghĩa trả ơn đền...Bố thí như vậy chỉ là sự trao đổi lợi lộc, như trồng cây lấy bông trái, nuôi bê để bán bò.. động cơ đó, việc làm như vậy không ba la mật.

Đại Bồ tát làm việc bố thí quan niệm rằng: Hạnh thí chỉ là một phương tiện trên con đường hành Bồ tát đạo, đừng xem đó là việc quan trọng, hay công đức lớn lao mà xem nó như một tử thi, người sắp chết đuối miễn cưỡng phải ôm... để lợi; như lỗ hố xí vì muốn vượt khỏi giam hãm mà người trí mượn đó để chui ra, như người muốn lành bệnh mà phải uống thuốc có chất dơ, hôi đặng...Nhờ quán chiếu tư duy như vậy mà Bồ tát thành tựu bố thí ba la mật...cho đến trí tuệ ba la mật một cách nhẹ nhàng....Những nghĩa lý như vậy các kinh khác Như Lai chưa nói rõ. Đây là tu học kinh Đại Niết bàn nghe những điều chưa nghe.

Cao Quý Đức Vương thưa: Bạch Thế Tôn ! Nếu Nhất xiển đề có Phật tánh, sao gọi họ là những người sống trong địa ngục ? Bọn họ nếu có Phật tánh, sao lại nói Nhất xiển đề không có thường, lạc, ngã, tịnh ? Người dứt mắt căn lành gọi là Nhất xiển đề, lúc dứt căn lành tại sao lại Phật tánh không dứt ? Nếu Phật tánh chẳng dứt sao lại gọi họ là Nhất xiển đề ?

(28/3/04 Băng 144)

Phật khen: Lành thay ! Lành thay ! Cao Quý Đức Vương ! Ông vì lợi ích chúng sanh, vì sách tấn các Bồ tát mà hỏi Phật những điều như vậy. Ông đã gần gũi vô lượng chư Phật quá khứ, thành tựu công đức trí tuệ thậm thâm mới có thể hỏi Như Lai như vậy. Người, trời, sa môn, Bà la môn chưa có ai có thể biết những diệu nghĩa sâu xa đó. Vậy ông hãy lắng nghe.

Này Cao Quý Đức Vương ! Tất cả các pháp đều không có tánh cố định, cho nên Nhất xiển đề cũng không có tánh cố định. Vì không có tánh cố định cho

nên Nhất xiển đề có thể thành Phật. Căn lành thì có thể dứt mất mà Phật tánh thì không dứt.

Bởi vì căn lành có hai thứ: trong và ngoài, mà Phật tánh thì không phải trong, không phải ngoài nên không bị dứt. Căn lành lại có hai thứ: Hữu lậu và vô lậu; Phật tánh chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu nên không bị dứt. Nếu những thứ bị dứt thì có thể trở lại được. Nếu không trở lại được thì không gọi là dứt. Dứt rồi trở lại được gọi là Nhất xiển đề. Phạm tội tứ trọng, ngũ nghịch, hủy báng Đại thừa cũng chẳng cố định như vậy. Vì nếu cố định thì những hạng người này vĩnh viễn không có cơ hội được Vô thượng Bồ đề. Sắc, thanh, hương, vị, xúc nhãn đến vô minh, âm, nhập, xứ, giới, hai mươi lăm cõi, bốn loại sanh...tất cả pháp đều không có tướng cố định.

Tánh tướng của tất cả đều như ảo, như mộng, như bào, như ảnh, như lộ, như điện...bọn tiểu nhi thiếu trí cho mộng ảo là thật, người trí biết rõ không thật. Hàng phàm phu, Thanh văn, Bích chi Phật, đối với vạn pháp thấy có tướng cố định. Bồ tát chư Phật thấy tất cả pháp không có tướng cố định.

Tuy nhiên, này Cao Quý Đức Vương ! Nhìn bên tục đế, hữu vi thì tất cả pháp "bất định", nhưng nhìn bên chơn đế vô vi vẫn có: chơn thường, chơn lạc, chơn ngã, chơn tịnh, bốn tánh thực có của Niết bàn.

Này Cao Quý Đức Vương ! Hôm nay Như Lai ở trong rừng Ta la song thọ, thị hiện nằm dựa trên giường sư tử sắp nhập Niết bàn, làm cho người trời bát bộ lo lắng chuẩn bị đồ khâm liệm Như Lai. Hàng Thanh văn đệ tử đều cho rằng Như Lai sẽ nhập Niết bàn. Sự thực Như lai chẳng vĩnh diệt nhập Niết bàn như phàm phu, thiên long, bát bộ chúng tướng. Bởi Như Lai là thể như như bất động, Như Lai thường trú không có biến dịch, cho nên Như lai nhập Niết bàn không vĩnh diệt.

(4/4/04 Băng 145)

Trong thế gian có bốn loại thiên:

Một, thế gian thiên, như các vị quốc vương, tổng thống, những người có phước báo, đầy đủ vật chất cần dùng...

Hai, sanh thiên, do dụng công tu tập, cải tạo hoàn cảnh, lập chí hướng thượng như: Tứ thiên vương thiên nhân đến phi tướng phi phi tướng thiên.

Ba, tịnh thiên, những người được chứng đạo quả trong từng phần như: Tu đà hoàn, A la hán, Bích chi Phật.

Bốn, đệ nhất nghĩa thiên, những bậc thấy chân lý, hiểu rõ thực tướng của các pháp là vô tướng, như bậc thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng và thập địa.

Như Lai thì không đồng với những hạng trời ấy, cho nên Như Lai không phải quốc vương cho đến không phải đệ nhất nghĩa thiên. Mặc dù vậy, nhưng chúng sanh cũng gọi Phật là thiên trung thiên. Do vậy, Như Lai chẳng phải là thiên mà cũng chẳng phải là chẳng phải thiên. Rồi với loài người, A tu la, địa ngục, quỷ, súc sanh cũng vậy, Như Lai không phải là các loài đó. Nhưng Như Lai cũng không phải là không phải các loài đó. Như Lai chẳng phải là pháp, là vô tình chúng sanh, nhưng Như Lai cũng chẳng phải là chẳng phải pháp. Như Lai chẳng phải màu sắc xanh, vàng đỏ trắng, nhưng Như Lai cũng chẳng phải là chẳng phải xanh vàng đỏ trắng. Như Lai không phải kích thước dài, ngắn, rộng, hẹp, vuông tròn, nhưng Như Lai không phải là không kích thước dài, ngắn, rộng hẹp, vuông, tròn.....(11/4/04 Băng 146)còn nhiều lắm, nói mãi nói hoài cũng không đủ ngôn thuyết và thời gian để nói, Cao Quý Đức Vương, ông nên tư duy như vậy, quán chiếu như vậy mà thọ trì. Như Lai là thể chơn như, như như bất động. Thể này hiện hữu và tồn tại vô thi vô chung. Nó ly tất cả tướng, nó là tất cả pháp !

Này Cao Quý Đức Vương ! Như Lai nói rõ thêm cho ông và tất cả chúng sanh biết: Như Lai không phải thế gian thiên, vì Như Lai không ở địa vị quốc vương. Từ vô lượng kiếp, Như Lai đã bỏ ngôi quốc vương, nhưng hiện nay Như Lai sanh trong nhà vua Tịnh phạn, thành Ca Tỳ la; vì vậy Như Lai chẳng phải là chẳng quốc vương.

Như Lai chẳng phải là thiên sanh thiên, vì Như lai đã rời bỏ vượt ra ba cõi từ lâu rồi, nhưng Như Lai từ Đâu suất thiên giáng thân cõi Diêm phù đề, cho nên Như Lai chẳng phải là chẳng thiên sanh thiên.

Như Lai chẳng phải Tu Đà hoàn, nhân đến Bích Chi Phật, nên Như Lai chẳng phải Tịnh thiên, nhưng đối với tâm pháp bất tịnh trong cõi đời chẳng

làm hoen ố, nhiễm ô Như Lai được, ví như hoa sen xanh không ô nhiễm bởi nước đục bùn đen, cho nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải Tịnh thiên.

Như Lai không phải là thập trụ Bồ tát...cho nên Như Lai chẳng phải nghĩa thiên, nhưng Như Lai thường trụ mười tám nghĩa không, cho nên Như Lai không phải là không phải nghĩa thiên.

Như Lai chẳng phải là người, vì vô lượng kiếp Như Lai đã lìa quả báo người, nhưng Như Lai giáng sanh thành Ca Tỳ la vệ nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải người.

Như Lai chẳng phải là Quỷ, vì chẳng nã hại tất cả chúng sanh, nhưng Như Lai có lúc dùng thân quỷ để giáo hóa chúng sanh, cho nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải Quỷ.

Như Lai chẳng phải là địa ngục, quỷ và súc sanh, vì từ lâu Như Lai đã xa lìa ác nghiệp, ác nhân trong ba đường, nhưng Như Lai cũng thọ thân trong đời để giáo hóa chúng sanh, cho nên Như lai chẳng phải là chẳng phải địa ngục, súc sanh và quỷ.

Như Lai chẳng phải chúng sanh, vì từ lâu đã xa lìa tánh chúng sanh, nhưng Như Lai diễn thuyết việc của chúng sanh, nên Như Lai chẳng phải là chẳng chúng sanh.

Như Lai chẳng phải là pháp, vì các pháp mỗi mỗi có tướng riêng. Như Lai chỉ có một tướng; nhưng Như Lai là pháp giới, là pháp thân cho nên cũng chẳng phải là chẳng phải pháp.

Như Lai chẳng phải là sắc, vì Như Lai không nhiếp thuộc vào mười thứ sắc pháp, nên Như Lai chẳng phải sắc, nhưng thân Như Lai có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, cho nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải sắc.

Như Lai không phải cao, vì lìa ngoài sắc tướng đối đãi; nhưng người thế gian không thấy được vô kiến đánh của Như Lai, cho nên Như Lai không phải là không cao.

Như Lai không phải thấp, vì từ lâu Như Lai đã lìa khỏi kiêu mạn; nhưng vì độ trưởng giả Cu Sư La Như Lai hiện thân ba thước cho nên Như Lai chẳng phải là chẳng thấp.

Như Lai chẳng phải là tướng, vì từ lâu xa lìa các tướng; nhưng Như Lai biết rõ tất cả các tướng cho nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải tướng.

Như Lai không phải là tâm, vì rỗng rang như hư không, nhưng Như lai đủ mười trí lực, biết rõ tâm chúng sanh cho nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải tâm.

Như lai chẳng phải hữu vi, vì có thường, lạc, ngã, tịnh, nhưng Như Lai thị hiện có đến, có đi, có ngồi nằm, cũng thị hiện có Niết bàn cho nên chẳng phải vô vi.

Như Lai chẳng phải thường, vì có thân phần đoạn, vì có phân biệt, vì có nói năng, vì có họ tên, vì có cha mẹ, có nơi chốn, có bốn oai nghi, cho nên Như lai chẳng phải là thường, nhưng Như Lai là vô sanh, cho nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải thường.

Như Lai chẳng phải huyễn hóa, vì dứt sạch tâm lường dối từ lâu, nhưng có lúc Như Lai hóa một thân thành vô lượng thân, vô lượng thân hiện thành một thân, có thể xuyên qua vách, qua núi, qua sông, hòa vào hư không, nước lửa mà vẫn an nhiên tự tại ; có lúc Như Lai hóa hiện thân nam, thân nữ v.v...vì thế Như Lai cũng chẳng phải là chẳng phải huyễn hóa.

Trong rừng Ta la song thọ, nơi thành Câu thi na này, Như Lai thị hiện nhập Niết bàn, cho nên Như Lai cũng chẳng phải là tướng cố định. Do vì Như Lai có thường, lạc, ngã, tịnh cho nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải cố định.

(18/4/04 Băng 147)

Như Lai chẳng phải hữu lậu, vì đã dứt hết ba thứ hoặc: Một, Dục lậu: những thứ phiền não cõi dục, trừ vô minh. Hai, Hữu lậu: Tất cả phiền não cõi sắc và vô sắc, trừ vô minh. Ba, Vô minh lậu: vô minh trong tam giới. Vì thế, Như Lai chẳng phải hữu lậu.

(2/5/04 Băng 148)

Tất cả chúng sanh hữu lậu phạm phu đối với đời vị lai họ “man man tiền lộ”
“NGHI VÕNG TRỪNG TRỪNG. Họ nghi rằng:

Đời vị lai sẽ còn thân hay không còn ?

Đời quá khứ thân vốn có hay vốn không ?

Đời hiện tại, thân này từ đâu, do gì có ?

Nếu có ngã thì ngã là sắc hay chẳng phải sắc ?

Ngã ấy là tướng hay chẳng phải tướng ?

Thân này thuộc về cái khác sanh ?

Thân này có mạng hay không có mạng ?

Thân cùng mạng thường ư ? Vô thường ư ?

Thân cùng mạng do tự tại thiên tạo ư ?

Thời tiết tạo ư ?

Vô nhơn tạo ư ?

Thê tánh tạo ư ?

Vi trần tạo ư ?

Pháp cùng phi pháp tạo ư ?

Sĩ phu tạo ư ?

Phiền não tạo ư ?

Cha mẹ tạo ư ?

Ngã ở trong thân hay ở trong mắt ?

Ngã khắp thân hay chẳng khắp thân ?

Ngã từ đâu đến rồi ngã sẽ đi đâu ?

Thân ta đời trước là ai ?

Nếu làm việc sát sanh có tội hay không tội ?

...Cho đến điều răn thứ năm, uống rượu có tội hay không tội ?

Còn vô số điều nghi chấp mơ hồ không quyết đoán như vậy, che đậy làm u tối tâm tánh chúng sanh. Do nghi chấp sai lầm sanh ra sáu thứ quan niệm:

Quyết định có ngã.

Quyết định không ngã.

Ngã chấp là ngã.

Ngã chấp là không ngã.

Không ngã thấy là ngã.

Ngã thấy không ngã.

Những quan niệm như vậy đều gọi là tà kiến. Như Lai thì đã dứt hẳn cội gốc tà kiến hữu lậu như vậy, cho nên Như Lai chẳng phải hữu lậu. Đại Bồ tát tu thánh hạnh Đại Niết bàn cũng dứt được những hoặc lậu như vậy, chư Phật thường không rời thánh hạnh cho nên tất cả chư Phật đều là vô lậu.

Này Cao Quý Đức Vương ! Phàm phu không khéo thu nhiếp năm căn nên ba thứ lậu tác động hoành hành, nghiệp ác kéo lôi đến chỗ chẳng lành. Ví như ngựa bất kham tánh hung hăng, có thể làm cho người cỡi ngựa đến chỗ hiểm nạn. Người không khéo thu nhiếp năm căn cũng như vậy, có thể xa rời pháp lành, gần gũi pháp ác và sống với pháp ác. Lại ví như voi dữ, chưa điều phục, người cỡi nó không thể theo ý muốn, voi có thể đưa người xa lìa thành ấp đến nơi rừng sâu, núi rậm. Không khéo thu nhiếp năm căn, có thể đưa người xa rời thành ấp Niết bàn, đến nơi rừng rậm ưu bi sanh tử. Ví như tôi nịnh bả vua làm ác, như đứa con hư chẳng nghe lời dạy của mẹ cha, sư trưởng; người không khéo nhiếp năm căn, nó sẽ khiến người làm điều ác chẳng thuận pháp lành.

Phàm phu chẳng nhiếp thủ ngũ căn, thường bị địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh tàn hại , như giặc cướp tàn hại người lành.

Phàm phu chẳng nhiếp thủ ngũ căn, chạy theo ngũ dục, như người chăn trâu không khéo giữ, để trâu phá hại lúa mạ.

Phàm phu chẳng nhiếp thủ ngũ căn, thường ở trong ba cõi, chịu nhiều khổ não. Đại Bồ tát tu thánh hạnh Đại Niết bàn thường khéo nhiếp thủ ngũ căn,

dứt trừ tham dục, sân nhuế, ngu si, kiêu mạn, nghi ngờ để được thành tựu viên mãn pháp lành.

Người khéo nhiếp thủ ngũ căn thì cũng nhiếp thủ được tâm, nếu nhiếp thủ được tâm thì cũng nhiếp thủ ngũ căn, ví như người bảo hộ quốc vương cũng tức là bảo hộ quốc gia; bảo hộ quốc gia tức là bảo hộ quốc vương vậy !

Đại Bồ tát nếu được nghe kinh Đại Niết bàn thì được trí tuệ, khi có được trí tuệ ắt sẽ có chánh niệm. Ngũ căn không tán loạn, Bồ tát thường ở trong môi trường sinh hoạt niệm tuệ tác động hỗ tương. Ví như người chăn giỏi , trâu vừa sút dây đi ăn lúa mạ của người thì liền bắt lại. (9/5/04 Băng 149) Nhờ niệm tuệ mà Bồ tát chẳng thấy tướng ngã, tướng ngã sở hữu, tướng nhơn, tướng chúng sanh và tướng thọ mạng, mà thấy tất cả pháp đồng một "pháp tánh" . Vì thế Bồ tát không khởi tâm tham đắm luyến ái.

Đại Bồ tát tu học kinh Đại Niết bàn chẳng chấp đắm tướng chúng sanh mà hiện làm trò pháp tướng, ví như thợ vẽ dùng các thứ màu vẽ thành các hình tướng hoặc nam, hoặc nữ, hoặc trâu, hoặc ngựa...Phàm phu không trí tuệ thấy vậy cho rằng có tướng nam, nữ thật, thợ vẽ thì biết rõ chẳng có nam nữ...Cũng vậy, vì có niệm tuệ nên Đại Bồ tát đối với tướng sai khác của các pháp thấy là một tướng, chẳng thấy có tướng chúng sanh...Đại Bồ tát tu hành kinh Đại Niết bàn khéo quan sát pháp tướng, khi thấy tướng nam nữ niệm tuệ vững vàng đoạn chánh không có lòng đắm nhiễm ái luyến.

Đại Bồ tát tu học kinh Đại Niết bàn, biết rõ ngũ dục chỉ đem lại cho người nhận nó cái vui hư ảo, như chó gặm xương khô, như người cầm lửa đi ngược gió, như rắn độc đứng trong tráp, như chiêm bao lượm được trái cây trên đường, như ảnh đẹp của người mẫu, như vẽ trong nước, như dẹt hết đường canh, như tử tội dắt ra pháp trường, như chiếc áo "soa rê" trong ngày vu qui của cô gái, như nữ trang mượn tạm. Bồ tát quán sát ngũ dục có nhiều lỗi ác mong manh như vậy.

Đại Bồ tát quán sát chúng sanh, vì sắc, thanh, hương, vị, xúc mà vô lượng kiếp đến nay chịu nhiều khổ não. Nhìn bằng Phật nhãn, mỗi chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay, xương tàn dòn lại chất cao hơn Hy mã Lạp sơn; bú sữa mẹ nhiều như nước bốn biển; nước mắt khóc người thân: cha mẹ, anh em, chồng vợ...chẳng kém nước đại dương. Ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ,

súc sanh từng qua lại xuống lên vô lượng kiếp. Quả đất này vò viên bằng quả nho còn có thể dễ hết, si mê và luân hồi sanh tử khó biết điểm tận cùng. Quán sát tư duy như vậy, Bồ tát không dễ dui niệm tuệ, không dễ mất niệm tuệ. Ví như một vận động trường đông đảo hàng chục vạn người, nhà vua truyền lệnh cho một tội nhân: hãy bung một chén dầu đầy, nâng cao ngang tầm mũi đi qua giữa đám đông kia, không được làm đổ, nếu đổ rơi một giọt sẽ bị tội chết. Vua lại sai một quan nhân cầm kiếm theo sau, nếu thấy dầu đổ, chém ngay tức khắc. Vì sợ chết, tội nhân kia hết lòng gìn giữ chén dầu, đi qua khỏi đám đông mà chẳng đổ rơi một giọt. Cũng vậy, Đại Bồ tát ở trong sanh tử chẳng mất niệm tuệ nên dầu thấy ngũ dục mà tâm không tham luyến. Lúc bấy giờ ngũ căn của Bồ tát được thanh tịnh, vì ngũ căn thanh tịnh nên giữ gìn giới cấm đầy đủ mà không thấy khó khăn. Phạm phu ngũ căn chẳng thanh tịnh, không khéo giữ gìn nên gọi là căn lậu. Bồ tát đã dứt hết ái nhiễm nên là vô lậu. Như Lai dứt sạch cội gốc vô minh nên vượt ngoài lậu và vô lậu.

Đức Phật dạy tiếp: Cao Quý Đức Vương ! Ta chẳng thấy trong mười hai bộ kinh có kinh nào dạy về tu tập xa lìa ác lậu rốt ráo như kinh Đại Niết bàn.

Kinh Đại Niết bàn có vô lượng công đức lớn lao như vậy, nếu người nào thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng thuyết nghĩa lý của kinh, người ấy đích thực là đệ tử lớn của Phật, là người mà Phật thường thấy, thường nhớ, là người biết rõ Phật chẳng vĩnh viễn nhập Niết bàn, người này ở chỗ nào là có Phật cùng ở chung chỗ đó và Phật thường xuyên nhận sự cúng dường tôn quý vô giá của người ấy !

Này Cao Quý Đức Vương ! Ta nhớ về quá khứ vô lượng vô số kiếp thuở đó quốc độ hiệu Ta bà, Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni đầy đủ mười đức hiệu, vì hàng Đại chúng tuyên thuyết kinh Đại Niết bàn. Thuở đó ta được nghe kinh này qua các người bạn nói lại. Nghe rồi lòng ta vui mừng, muốn sắm phẩm vật cúng dường Phật, nhưng vì quá nghèo không tiền và cũng không có một vật gì đáng giá. Ta tự đem thân đi bán, nhưng vì bạc phước, chẳng ai chịu mua. Buồn tủi trở về giữa đường ta gặp một người, bèn đem tâm sự ấy tỏ bày. Người ấy bảo ta: "Nếu ông bằng lòng làm theo điều tôi yêu cầu, tôi sẽ mua với giá năm đồng tiền vàng".

Người ấy có bệnh lạ, y sĩ chế thuốc mỗi ngày cần có ba lạng thịt người . Ta vui lòng nhận lời yêu cầu của người kia và ngược lại ta yêu cầu người kia hãy trả cho ta tiền trước, sau bảy ngày ta sẽ đến thực hiện lời giao ước. Người ấy bằng lòng, nhưng chỉ cho một ngày, vì bệnh của người gấp phải dùng thuốc. Sau khi lãnh tiền, ta liền đến chỗ Phật đánh lễ dưới chân Phật rồi đem hết năm đồng tiền vàng dâng cúng Phật. Cúng dường xong, ta lóng lóng nghe Phật giảng kinh Đại Niết bàn. Lúc đó, tâm trí ta quá tối, nghe mà chẳng tiếp thu được nghĩa lý sâu mâu, ta chỉ thọ trì một bài kệ:

(16/5/04 Băng 150)

Như Lai chứng Niết bàn

Dứt hẳn đường sanh tử

Nếu người hết lòng nghe

Thường được vui vô thượng

Ta được nghe và thọ trì bài kệ ấy, sau đó dầu mỗi ngày ta phải chịu cắt lấy ba lạng thịt nơi thân, nhưng nhờ định tâm trong sáng, chuyên niệm bài kệ mà ta chẳng lấy làm đau đớn nhiều. Công việc cắt thịt, chế thuốc, chữa bệnh trong một tháng trôi qua, người bệnh này đã được lành. Nhờ niệm lực tinh tấn dũng mãnh "vị pháp vong xu" mà thân ta không suy yếu rồi từ từ bình phục. Thiện nguyện đã thành ta liền phát tâm Vô thượng Bồ đề, nguyện đời vị lai được thành Phật hiệu THÍCH CA MÂU NI.

Này Cao Quý Đức Vương ! Do công đức của một bài kệ ấy mà ta ngày nay được thành Phật, ở trong đại chúng, ta tuyên thuyết kinh Đại Niết bàn này !

Này Cao Quý Đức Vương ! Kinh Đại Niết bàn có những công đức không thể nghĩ bàn. Đây là tạng bí mật rất sâu của chư Phật. Do vậy, người thọ trì sẽ dứt được những ác lậu như: voi ác, ngựa ác, trâu ác, chó ác, rắn độc, gai góc, gộp cao, biển bão, nước xoáy; người ác, cõi nước ác, thành ác, nhà ác, thầy bạn ác....Nói bao quát: Những gì là nguyên nhân của ác lậu thì Bồ tát viễn ly; những gì không phải ác lậu thì Bồ tát không viễn ly. Nếu pháp nào có thể làm tăng thêm ác lậu thì viễn ly, pháp không tăng thêm ác lậu thì chẳng viễn ly. Viễn ly không có nghĩa là phải cầm dao, chặt chém, đánh đập,

cũng không phải chửi mắng, chưởi oán, gây thù để làm điều kiện viễn ly mà Bồ tát sử dụng trí tuệ phương tiện để viễn ly. Viễn ly vì muốn thêm lớn pháp lành, tiêu hao pháp ác mà Bồ tát tu tập viễn ly. Bồ tát quán sát thân tướng của mình như ghê nhọt, như ung thư, như chạm phải tên độc, như gan nhiễm siêu vi B. Thấy rằng: Thân là cội gốc sanh ra tất cả pháp thiện ác. Dầu biết thân là nguyên nhân khổ, là bất tịnh, nhưng Bồ tát vẫn bồi dưỡng mà không hủy hoại thân. Bồi dưỡng mà không tham ái, không xem trọng, không hủy hoại, nhưng không đồng nghĩa “úy tử tham sanh” ! Bồi dưỡng thân chính là Bồ tát vì pháp, vì Đại Niết bàn, vì Bồ đề vô thượng, vì thường, lạc, ngã tịnh, vì nhất thiết chủng trí, vì ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, vì vai trò của pháp vương vô thượng đối với chúng sanh. Đại Bồ tát thường phải bảo trọng thân thể mình để xiển dương chánh pháp kinh Đại Niết bàn thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng thuyết, tư duy nghĩa lý thậm thâm vi diệu của kinh này. Do vậy, Bồ tát được viễn ly tất cả hoặc lậu ác pháp. Giống như người muốn qua sông phải khéo giữ gìn thuyền bè, người đi đường xa khéo giữ gìn ngựa hay, như nhà nông khéo giữ gìn nước phân, giống tốt, như người vì của cải nuôi dưỡng "gác đàn", như vì an ninh quốc phòng mà dưỡng nuôi quân sĩ,...Bồ tát dầu thấy biết thân này đầy đầy khổ đau, bất tịnh, nhưng vì muốn thọ trì kinh Đại Niết bàn, nên vẫn giữ gìn và bồi dưỡng nó.

Đại Bồ tát xem voi ác cùng bạn ác đồng nhau, bởi vì làm hại thân mình. Suy nghĩ tội cùng, bạn ác đáng sợ hơn là voi ác, vì voi ác làm hại được thân mà không hại tâm, bạn ác thì hại cả thân lẫn tâm. Voi ác chỉ làm hại một thân, bạn ác có thể làm tan hoại thân hôi nhơ; bạn ác có thể làm tan hoại cả tịnh thân và tịnh tâm. Voi ác có thể làm hại nhục thân, bạn ác làm hại đến pháp thân. Bị voi ác giết chết chẳng sa ba đường ác, bị bạn ác giết chết sa rớt ba đường ác. Voi ác chỉ là kẻ thù của thân, bạn ác là kẻ oan thù của pháp lành. Do vậy, Bồ tát thường nắm giữ chánh niệm và một lòng viễn ly bạn ác.

Do viễn ly bạn ác mà Bồ tát xa lìa các lậu, còn Như Lai thì viễn ly các lậu từ bao giờ đến bây giờ.

Ác lậu của phàm phu thường xuyên biểu hiện qua thân khẩu ý, bởi một động lực: “Vì ta, cho ta, của ta”. Tất cả những đồ cần dùng: ẩm thực, y phục, ngọc cụ, y dược,...những thứ phục vụ cho ăn, mặc, ở, ngủ...vì tham muốn, tìm cầu không biết đủ cho nên mỗi một, ưu tư phiền muộn thậm chí tham ô

hối lộ, bán lậu, buôn gian...Tội lỗi, ác lậu sanh ra có nguyên nhân cụ thể rõ ràng, ác lậu không phải là hiện tượng họa gởi tay bay. Vậy mà, vì vô minh che lấp làm mờ tâm trí chúng sanh tự làm tự chịu để rồi mãi mãi trôi lăn, lên xuống qua lại trong tam đồ lục đạo, không có một niệm viễn ly. Bồ tát thường tư duy quán chiếu những lỗi ác là nguyên nhân của khổ ải, nên viễn ly ác lậu.

Bồ tát vẫn có nhu cầu về chỗ ở, nhưng không cầu rộng lớn cao sang, theo đòi quý tộc. Có nhu cầu uống ăn nhưng không đòi hỏi ngon quý cầu kỳ; nhu cầu y phục chỉ cần che lạnh, giữ ấm, ngăn trở muỗi mòng; nhu cầu thuốc men cốt trị đau nhức hành hạ hình hài ...Vì quán sát thấy rõ chân tướng huyễn hóa của thân, của cảnh, cho nên khi thọ nhận tứ sự cúng dường Bồ tát không khởi tâm tham đắm về ngã và ngã sở hữu. Bồ tát quan niệm: "Phải làm nên đạo nghiệp mới thọ nhận tứ sự cúng dường...".

Phàm phu đắm nhiễm tám pháp bất tịnh, tham đắm tứ sự cúng dường mà nhận lấy vô vàn ác lậu; Bồ tát nhờ có chánh trí tuệ quán sát ngã và ngã sở hữu đồng là pháp huyễn hư nên thường viễn ly ác lậu. Như Lai nhìn vạn pháp qua Phật nhãn cho nên Như Lai vô lậu vĩnh cửu trong pháp giới bất nhị chân như !

Này Cao Quý Đức Vương ! Có những chúng sanh có khả năng giữ gìn thân tâm trong sáng, họ an trú nơi cõi trời phi tưởng, phi phi tưởng lẽ ra họ vượt ra tam giới, viễn ly tam đồ, nhưng vì còn một nhận thức sai lầm "ác giác" mà phải trôi lăn trở lại !

Thế nào là ác giác ? Ác giác có nghĩa là sự hiểu biết nhận thức chân lý, nhận thức con người, nhận thức về Phật Pháp Tăng tam bảo không đúng.

Cho rằng Như Lai không có thường, lạc, ngã, tịnh.

Cho rằng Như Lai vĩnh diệt nhập Niết bàn.

Cho rằng chúng sanh vẫn có thường, lạc, ngã, tịnh.

Cho rằng tam thừa là có thật.

Cho rằng nhất thừa là đạo lý vượt quá tầm nhận thức của họ cho nên không có nhất thừa !

Những ác giác như thế thường bị Phật, Bồ tát quở trách. Ác giác đó thường làm hại mình và hại cho người khác. Ví như người có "vi rút" truyền nhiễm ai gần gũi họ sẽ bị lây bệnh. Người có trí xa lìa những ác giác đó bất kể từ đâu đến, vì đó là những sợi dây rắn chắc trói buộc chúng sanh trong lao ngục sanh tử vô lượng vô biên kiếp !

Bồ tát luôn luôn cảnh giác đối với ác giác ! Tự ví mình như người quý tộc không nhận lấy thức ăn không có vệ sinh; như người xinh đẹp chẳng nhận lấy phân nhơ; như người Bà la môn không nhận lấy thịt bò... Như vậy, Bồ tát viễn ly ác giác, trí tuệ ngày được nâng cao, thiện giác chánh trí ngày thêm sang suốt.

Bồ tát thường quán niệm tư duy: Trên đời có sáu chỗ khó gặp gỡ, nay ta đã được. Một, Phật ra đời khó gặp. Hai, chánh pháp khó được nghe. Ba, tâm lo sợ khó sanh. Bốn, trung tâm quốc gia khó được ở. Năm, thân người khó được. Sáu, sáu căn đầy đủ khó có. Sáu việc khó được mà ta đã được, ta trân trọng tôn quý phước lành kia không nên sanh ác giác. Bồ tát tu hành kinh Đại Niết bàn này, thường quán sát tư duy như vậy đối với ác giác. Hàng phàm phu mê muội không thấy lỗi quấy và hậu quả họa hại của ác giác nên lãnh thọ ác giác. Lãnh thọ ác giác cũng tức là lãnh thọ ác lậu.

(23/5/04 Băng 151)

Bồ tát thấy rõ ác giác dẫn đến ác lậu, cho nên siêng tu tám thánh đạo để diệt trừ. Vì vậy, Bồ tát đã vượt ra các ác lậu. Thế cho nên nếu có ý nghĩ: Rằng Như Lai còn ác lậu là không có lẽ đó, mà phải biết rằng Như Lai vô lậu.

Bồ tát thường quán niệm tư duy rằng: Ta từ vô lượng kiếp đến nay, vì thân tâm này mà gây tạo những nghiệp ác nên lưu chuyển trong sanh tử ưu bi, trôi lăn theo ba đường ác, chịu nhiều khổ não, không gần gũi được với đạo chân chánh của tam thừa. Suy nghĩ như vậy, Bồ tát rất sợ sệt đối với thân tâm của mình. Bồ tát tự nhủ: ta hãy nắm giữ chánh niệm, hãy xa lìa việc ác, thẳng tiến con đường lành. Ví như có vị quốc vương đem bốn con rắn độc đựng trong một cái tráp, sai người nuôi dưỡng, cho ăn uống, tắm rửa sạch sẽ. Vua ra lệnh; nếu để một con rắn giận dữ không vừa lòng, thì ta sẽ xử tử nhà người.

Người đó nghe lệnh nghiêm khắc của quốc vương sợ quá bỏ trống chạy trốn. Vua bèn sai năm chiên đà la cầm đao rượt theo. Người ấy ngoái đầu nhìn lại thấy phía sau năm người đuổi gấp bèn chạy hết sức bình sanh. Năm chiên đà la lập kế: Dấu đao, bí mật sai một tên giả dạng hiền lành, đến khuyên dụ người kia trở lại. Người kia chẳng tin, chạy thẳng đến một tú lạch nọ ẩn trốn. Khi vào tú lạch, quan sát thấy nhà cửa cảnh trí đều không có người và cũng chẳng có đồ vật. Người này ngồi một mình nơi khoảng đất vắng cô tịch ấy. Bỗng nhiên trong không trung có tiếng vọng: Này Thiện nam tử ! Tú lạch này hoang vắng không có ai là chủ. Đêm nay sẽ có sáu tên giặc cướp đến, nếu người ở đây khó bảo tồn mạng sống. Nghe tiếng trong hư không, sợ hãi quá người kia bèn bỏ tú lạch mà đi. Trên đường bôn tẩu, gặp phải một con sông nước chảy rất xiết, tìm thuyền bè không có bèn lấy cây khô, cỏ bồi kết thành bè. Người này tự nghĩ: ta tuy vất vả, nhưng nếu ta dừng lại ở đây tất sẽ bị bốn rắn độc, năm chiên đà la, người giả dạng hiền lành và sáu tên cướp làm nguy hại tánh mạng. Ta qua sông với chiếc bè tạm kết sơ sài này, có thể rã tan chìm chết nhưng dầu có thể chết đuối, chớ không giao mạng cho những kẻ ác độc bất lương làm hại. Rồi kéo bè xuống sông, nằm lên, hai tay ôm chặt lấy bè, vận dụng sức mạnh toàn thân, hai chân đạp nước, vượt dòng chảy xiết, người này qua được bờ kia.

Khi qua đến bờ bên kia biết mình an ổn, thoát khỏi những họa hoạn khổ đau thân tâm an lành vui sướng với cái vui mà người bình thường không sao biết được.

Bồ tát được nghe và thọ trì kinh Đại Niết bàn tư duy suy gẫm thân này như cái trống kia chứa đựng nuôi bốn con rắn độc: địa, thủy, hỏa, phong, tứ đại. Tất cả chúng sanh vì bốn rắn độc ấy mà mất đi thân mạng an vui. Chúng sanh thường bị: kiến độc, xúc độc, hương vị độc, thanh âm độc làm chết tuệ mạng, cam nhận một kiếp sống như người lục căn khiếm khuyết ! Tuy nhiên, độc của rắn dù độc, nhưng nếu có thầy thuốc giỏi sẽ trị lành. Tứ đại giết người dầu có lương y, bác sĩ hay Bà la môn, phù thủy cũng không cứu trị được. Người trí nghe hơi tanh của rắn độc ghê sợ tránh xa; Bồ tát biết nỗi nguy khốn của tứ đại , cột tâm chánh niệm thọ trì bát chánh đạo để xa lánh nó.

Bồ tát quán năm âm như năm tên chiên đà la thường làm cho người phải xa lìa thân ái, hội ngộ oán thù. Chúng là thành phần đê tiện, lật lọng, tráo trở, phản phúc, đổi bạn ra thù, là sát thủ không có lương tâm. Ngũ âm cũng vậy, dù có nuôi chiều, cung dưỡng nó, cũng không bao giờ được nó thương yêu che chở được gì. Thế cho nên Bồ tát thường quán sát tứ đại và ngũ âm thân như bốn rắn độc, như năm chiên đà la. Người có trí không ai thích gần gũi, đừng nói chi làm bạn thân giao với chúng.

Lòng "tham ái" phàm phu ai cũng tưởng nó tốt là bạn thân, nó phục dịch cho ta. Bồ tát thấy tham ái vốn là kẻ oán địch giả dạng người lành để được kề cận, liên hệ cuộc sống của ta và cuối cùng đưa ta vào con đường sanh tử, tử sanh không ngừng mé. Nhằm viễn ly rắn độc và chiên đà la, Bồ tát tinh tấn tu tập theo con đường bát chánh.

TRỰC CHỈ

(13/6/04 Bảng 152)

* Lục độ là pháp đối tượng sở tu của người Đại thừa, của Bồ tát hạnh. Dựa vào lục độ, ứng dụng qua nếp sống bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Lục độ mà ứng dụng thực hành một cách viên mãn, triệt để thì gọi là "lục ba la mật".

Bố thí giải trừ được tâm xan tham.

Trì giới giải trừ được tâm dục vọng phá giới.

Nhẫn nhục giải trừ được tâm sân nhuế thô bạo.

Tinh tấn giải trừ được tâm giải đãi biếng lười.

Thiền định giải trừ được tâm tán loạn vọng động.

Trí tuệ giải trừ được tâm ngu si mê muội.

Hành lục độ là tu nhơn thành Phật mà chưa thành được Phật. Hành lục độ đạt đến đỉnh tột cao: "ba la mật", bấy giờ tức thân thành Phật vượt qua ngôn từ "nhơn quả" của thế giới hiện tượng duyên sanh.

Ba la mật có nghĩa là viên mãn, hoàn bị, triệt để, ví như người qua sông, qua đến bờ bên kia rồi thì sở nguyện đã viên mãn vậy.

Bồ thí ba la mật, khác bồ thí thông thường mọi người có tâm lòng tốt đều có thể làm. Bồ thí "tam luân không tịch" loại bỏ lòng chấp: người thí, kẻ thọ và tài vật đem cho. Làm được vậy gọi là bồ thí ba la mật. Nhấn đến tu tập trí tuệ cũng vậy: "vô trí diệt vô đắc", "tu vô tu tu, hành vô hành hạnh, chứng vô chứng chứng".

Đạo Bồ tát, bồ thí chỉ là một phương tiện, như người sắp chết đuối ôm tử thi chỉ là hành động bắt đắc dĩ mà thôi ! Đừng xem bồ thí là việc làm to tát, một hành động vẻ vang hãnh diện trên bước đường tu học của Bồ tát. Năm độ còn lại, cũng "tam luân không tịch" như vậy, gọi đó là ba la mật.

(20/6/04 Bảng 153)

* CÁC PHÁP KHÔNG CÓ TÁNH CỐ ĐỊNH. Do đó nhất xiển đề cũng không có nhất xiển đề cố định. Chẳng qua, không hoặc chưa phát huy căn lành thì gọi là nhất xiển đề. Khi phát huy căn lành thì nhất xiển đề không còn là nhất xiển đề nữa. Do vậy, Nhất xiển đề vẫn có ngày thành Phật.

* Phật tánh không phải hữu vi, hữu lậu cho nên Phật tánh không bị dứt mất. Phật tánh không phải trong không phải ngoài, cho nên không bị dứt mất.

* PHẬT PHÁP BẤT ĐỊNH PHÁP là giáo lý thậm thâm chứa đựng ở kho tàng bí mật kinh Đại thừa Đại Niết bàn này. Người đệ tử Phật hãy lưu tâm sâu sắc !

* Thiên ai cũng hiểu là trời. Nhưng trời mà mọi người hiểu theo quan niệm phổ biến của thế gian, không phải trời đức Phật cho biết ở kinh Đại Niết bàn. Bốn hạng trời trong kinh Niết bàn, Phật dạy vốn là một con người. Trời không phải ở cao cũng chẳng phải ở xa. Trời và người khác ở TÂM chứ không cần phải khác chốn nơi hay thân xác.

* Như Lai không phải trời, nhưng chúng sanh gọi Như Lai là "thiên trung thiên". Nói cách khác, Như Lai không phải lục phàm, nhưng Như Lai không rời lục phàm. Như Lai không có gì là tứ thánh, nhưng Như Lai không phải không tứ thánh. Như Lai không là gì hết, nhưng Như Lai là tất cả. Ví như:

chén, bát, tô, đĩa, muống...nồi niêu, trách, trả...cà ràng, ông táo, lu, hũ, lọ bình...tên gọi và dáng vẻ khác nhau, người trông không nghĩ chúng là đất. Nhưng bản thể của chúng cùng một chất đất ! Người trí quán biết Như Lai như thế !

* TU là thế nào ? Phật dạy: Phải thu nhiếp ngũ căn. Phải tập làm chủ cho được đối với ngũ căn. Ngựa bất kham đưa người cỡi đến chỗ hiểm nạn, voi bất phục chở người rời khỏi thành đô Niết bàn vào rừng rậm tà kiến ngu si. Ngũ căn của phàm phu chính là ngựa bất kham, voi bất phục ấy !

* Học kinh Đại Niết bàn quyết định có trí tuệ. Có trí tuệ sẽ có chánh niệm. Có chánh niệm nhiếp thủ được tâm. Tâm, niệm, tuệ hỗ tương quán chiếu, Bồ tát thấy thực tướng của tứ tướng là "vô tướng". Do vậy, Bồ tát viễn ly nghiệp hữu lậu bất thiện.

* Cái vui ngũ dục là cái vui ảo tưởng, giống như cái khoái của chó gặm xương khô ! Gặm xương khô chó có khoái, nhưng chỉ là khoái ảo, do ảo tưởng mà ra.

* Phải nhiếp thủ ngũ căn, viễn ly ngũ dục mới có an lạc thật, cái an lạc không thể mất.

(27/6/04 Băng 154)

* Đoạn kinh “bổn sanh” đức Phật thuật chuyện tiền kiếp xa xưa của mình nhằm quảng bá trong đại chúng chân lý: “vạn pháp không có cái gì mất hẳn”. Tâm lý cũng như vật lý sanh diệt ẩn hiện chỉ là sự tùy duyên. Xưa kia đã có Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni nói kinh Niết bàn cho thánh chúng, giờ đây cũng Phật Thích Ca giảng thuyết kinh Đại Niết bàn giáo hóa cho đệ tử mình.

Sự lập đi lập lại của hiện tượng vạn pháp ấy, người ta gọi đó là QUY LUẬT. Vì vậy sanh, lão, bệnh, tử; thành, trụ, hoại, không ; diệt, sanh, ẩn, hiện cũng là quy luật tất cả. Người có trí không sợ những sự kiện đó xảy ra, vì đó là chân lý tất yếu !

* Ác giác là một sai lầm lớn đối với chân lý, hậu quả của nó đem lại cho chúng sanh luân hồi sanh tử khổ đau vô lượng kiếp này đến vô lượng kiếp khác. Tai hại nhẹ hơn ác giác là "ác kiến". Do hoàn cảnh môi trường, do

thầy tà bạn xấu huân tập cho con người năm thứ ác kiến. Hậu quả của nó làm cho con người chịu khổ đau từ kiếp này sang kiếp khác, nếu gặp được minh sư thì có thể triệt tiêu chúng dễ dàng hơn.

* Thân tứ đại ngũ uẩn, Bồ tát thường quán thấy chúng như bốn rắn độc và năm chiên đà la. Cung phụng chu cấp chúng đến cỡ nào chúng cũng không tốt với ta, chúng giết hại ta nếu ta lơ cảnh giác với chúng.

* Biết sự nguy khốn của thân phận người nuôi rắn nên trốn lánh bỏ đi. Nhưng cuộc đời không đơn giản tí nào. Năm tên chiên đà la đuổi theo bắt lại và dùng thủ đoạn mơn trớn như thương mà thực chất muốn cho người nuôi rắn phải tiếp tục với nghề, không cho thối thoát !

* Tham danh vọng, tham uống ăn; Ái sắc dục, ái tiền tài, thường tình ai cũng tưởng "tham", "ái" là bạn tốt của ta bởi vì tham cho ta và ái cho ta cơ mà ! Qua cái nhìn của Bồ tát, tham ái thực chất nó là tay sai bè lũ của bọn chiên đà la, nó không là bạn tốt với ta !

* Lục nhập chỉ là bóng dáng duyên sanh hư huyền. Nó chỉ là tụ lạc trống không hoang vắng !

* Lục trần là đối tượng có sức hấp dẫn, cám dỗ lục căn. Chúng làm lung lạc niệm tưởng chơn chánh. Bồ tát xem chúng là giặc cướp, vì chúng cướp hết công đức lành của người đi trên con đường Niết bàn Bồ đề Phật ./.

PHẨM THỨ HAI MƯƠI HAI - QUANG MINH BIÊN CHIÊU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG BỒ TÁT

(TIẾP THEO B)

Cao Quý Đức Vương Bồ tát thưa: Thế tôn ! Giờ đây con mới hiểu ra rằng: Tất cả pháp đều không có tánh cố định. Cho nên tội tứ trọng, ngũ nghịch, nhất xiển đề cũng không có tánh cố định. Do nghĩa đó mà Như Lai nhập Niết bàn cũng chẳng rốt ráo vĩnh diệt !

Bạch Thế tôn ! Tu học kinh Đại Niết bàn, nghe được những điều chưa nghe. Xin Thế tôn thương xót dạy cho chúng Bồ tát hiểu rõ THẾ NÀO LÀ NIẾT BÀN ? THẾ NÀO LÀ ĐẠI NIẾT BÀN ?

Đức Phật khen: Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Qua lời thưa hỏi của ông, nói lên rằng ông có tư duy, thường ở trong định tuệ mới có thể nêu câu hỏi như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như người đời thường nói: Có biển, có biển lớn. Có núi, có núi lớn. Có thành, có thành lớn. Có nước, có nước lớn. Có đạo, có đạo lớn. Niết bàn cũng vậy. Có Niết bàn, có Đại Niết bàn.

Niết bàn là thế nào ?

_ Ví như người đời được chén cơm ăn, gọi là được an vui. Người bệnh được lành, gọi là an vui. Người sợ hãi có chỗ nương tựa, gọi là được an vui. Người nghèo cùng được nhiều của báu là được an vui. Người tu quán bạch cốt vi trần chẳng sanh lòng dục gọi là được an vui... Tất cả sự an vui ấy cũng gọi là Niết bàn, nhưng không được gọi Đại Niết bàn, vì là cái vui đối đãi.

Người phạm phu hoặc hàng Nhị thừa nhơn tu tập mà dứt được kiết sử cõi dục thì được gọi là an vui. Rồi có thể dứt hết kiết sử cõi sắc, cõi vô sắc, thì được gọi là an vui. Những sự an vui ấy cũng được gọi là Niết bàn, nhưng chẳng được gọi là Đại Niết bàn, vì còn Tập khí phiền não.

Tập khí phiền não là thế nào ?

Tập khí của Thanh văn, Duyên giác là những quan niệm chấp sai lầm chơn lý: Còn thấy tướng Ngã tướng Pháp như: Tôi, của tôi, tôi đi, tôi nói, tôi nghe... Chư Phật vĩnh diệt nhập Niết bàn. Niết bàn của Phật không ngã, không lạc mà chỉ có thường và tịnh. Niết bàn của Thanh văn, Duyên giác cùng Niết bàn của Như Lai chẳng có sai khác.... Tập khí phiền não của Thanh văn, Duyên giác tự che chướng chánh trí, cho nên Niết bàn của họ chứng đắc không gọi là Đại Niết bàn. Hàng Thanh văn, Duyên giác cho đến thập trụ Đại Bồ tát có được Niết bàn, nhưng không gọi là Đại Niết bàn. Ví như thương trường người có cửa hàng, tài sản vốn liếng bực vừa là thương gia; cửa hàng, tài sản, kho đựng nhiều, gọi là đại gia.

Này Cao Quý Đức Vương ! Chữ đại có nghĩa là mầu nhiệm sâu xa khó nghĩ bàn đối với người có trí bậc hạ và bậc trung. Chỉ có Phật và Đại Bồ tát mới thấy biết hết mà thôi, vì lẽ đó cho nên gọi là Đại. Lại nữa, đại còn có nghĩa:

đại tự tại, đại ngã nữa. Đại tự tại thì sở nguyện như ý. Đại ngã thì bất biến, hằng hữu.

Đại Niết bàn có tám điều tự tại mà Niết bàn của nhơn thiên, Thanh văn, Duyên giác không có:

Một, Như Lai có thể thị hiện một thân làm nhiều thân. Số thân lớn nhỏ nhiều như vi trần đầy khắp mười phương vô lượng thế giới. Thực ra thân Như Lai chẳng phải vi trần. Nói như vậy nhằm để nói lên ý nghĩa đại tự tại đầy thôi. Đại tự tại cũng gọi là Đại ngã vậy.

Hai, Như Lai thị hiện thân nhiều như vi trần đầy khắp cõi đại thiên vì thân Như Lai là vô biên thân mà nói như vậy. Thực ra thân Như Lai chẳng đầy khắp cõi đại thiên. Tự tại như vậy gọi đó là đại ngã.

Ba, Như Lai có thể đem thân khắp đại thiên này bay lên hư không nhẹ nhàng đến nơi hai mươi hằng hà sa cõi nước mà không chướng ngại bởi sự nhẹ nhàng gần xa. Thực ra Như Lai không bay và cũng chẳng có nhẹ nhàng. Đó là nhằm nói lên sự tự tại của Như Lai. Tự tại đó cũng là sự biểu hiện của đại ngã vậy.

Bốn, Tâm Như Lai là bất động tự tại. Do vô lượng thân hóa hiện mà có vô lượng tâm. Do vậy, Như Lai làm một việc thiện, tất cả chúng sanh được lợi ích; Như Lai ở một chỗ mà tất cả chúng sanh cõi nước khác đều thấy. Sự tự tại đó cũng là đại ngã.

Năm, Căn tự tại. Ở một căn, Như Lai có thể sử dụng thay cho cả sáu căn. Sáu căn của Như Lai thực ra chẳng có thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết. Nói sự tự tại của sáu căn nhằm nói lên cái đại ngã của Đại Niết bàn.

Sáu, Pháp tự tại. Như Lai dù có chứng đắc, thấy biết rõ thực tướng của các pháp, nhưng Như Lai không có quan niệm chứng đắc. Do vì không có quan niệm chứng đắc nên Như Lai mới được Đại Niết bàn. Pháp tự tại của Như Lai cũng tức là đại ngã.

Bảy, Diễn thuyết tự tại. Như Lai diễn thuyết chừng một bài kệ, trải vô lượng kiếp mà nghĩa lý vẫn phong phú sâu sắc nhiệm mầu. Nghĩa lý dù sâu sắc nhiệm mầu, nhưng Như Lai chẳng quan niệm rằng: Ta nói, người nghe và

bài kệ để cho ta nói. Chỉ vì thuận theo thế tục, mượn ngôn thuyết mà nói vậy thôi. Sự thực tất cả pháp xa lìa văn tự ngôn thuyết. Vì tự tại như vậy cho nên gọi là đại ngã.

Tám, Như Lai biến nhất thiết xứ, nhưng phi nhất thiết pháp, ví như tánh hư không. Vì đại tự tại cho nên chúng sanh có thể thấy được. Tự tại như vậy gọi là đại ngã.

Do đại tự tại như vậy nên gọi là đại ngã. Đại ngã và đại tự tại đủ hai yếu tố đó là có Đại Niết bàn.

Này Cao Quý Đức Vương ! Ví như kho tàng chứa nhiều thứ châu báu kỳ lạ nên gọi là đại tàng. Tạng pháp sâu xa mầu nhiệm của Như Lai chứa đầy những pháp kỳ lạ chẳng thể nghĩ bàn cho nên gọi là Đại Niết bàn ! Lại nữa, Niết bàn đại lạc, vui của Niết bàn vượt ngoài đối đãi khổ vui, vui Niết bàn là thật vui. Vui mà không có ý tưởng được vui, vì Niết bàn viễn ly các khổ, vì nghĩa đó cho nên Niết bàn gọi là Đại lạc, vì đại lạc cho nên gọi Đại Niết bàn.

Này Cao Quý Đức Vương ! Danh tự của thế gian đặt tên có hai trường hợp: Một, do nhơn duyên dựa trên sự kiện nào đó mà đặt tên. Hai, do ý thức tự phát mà đặt ra tên.

Do nhơn duyên đặt tên: Xá Lợi Tử (Phật), vì bà mẹ tên Xá Lợi, nhơn tên mẹ mà đặt tên con là Xá Lợi Tử. Như Mục Kiền Liên vốn là họ, nhơn họ mà đặt tên là Mục Kiền Liên. Như ta sanh trong dòng Cù Đàm, nhơn dòng họ đặt tên gọi ta là Cù Đàm. Như nhà bác học Tỳ Xá Khư. Tỳ Xá Khư là tên một ngôi sao, nhơn ngôi sao này mà đặt tên ông. Như có sáu ngón tay, nhơn đó gọi là ông sáu ngón...những danh tự như vậy là có nhơn duyên dựa trên sự kiện mà đặt tên.

Không nhơn duyên mà cũng đặt được tên: như bông sen, cái đàn, đất, nước, trời, mây, cây thông, con suối, ngôi nhà, đèn điện...Tất cả những danh tự ấy không có nhơn duyên mà cũng được danh tự.

Đại Niết bàn đây không có nhơn duyên mà lập danh tự. Như hư không, không nhơn sự trống rỗng nhỏ mà gọi là đại không. Niết bàn cũng chẳng nhơn nơi tướng nhỏ mà gọi Đại Niết bàn. Ví như có một vật chẳng thể cân

lường, chẳng thể nghĩ bàn thì gọi là đại. Niết bàn cũng chẳng thể cân lường, chẳng thể nghĩ bàn nên gọi Đại Niết bàn.

Này Thiện nam tử ! Do vì thuần thanh tịnh nên gọi Đại Niết bàn. Thuần tịnh có bốn thứ:

Một, Thuần thanh tịnh. Do lột sạch hết nhờn và quả, bất tịnh trong hai mươi lăm cõi, còn lại cái thể sáng trong thuần tịnh, gọi đó là Niết bàn. Vì vậy, Niết bàn cũng được gọi là có, nhưng thực ra Niết bàn chẳng phải là có. Như Lai thuận theo thế tục mà nói Niết bàn có. Ví như người đời chẳng phải chồng mà gọi là chồng; chẳng phải vợ mà gọi là vợ; chẳng phải chồng vợ mà gọi là chồng vợ... Cũng vậy, tùy thuận thế tục để mà nói Như Lai có Đại Niết bàn.

Hai, Nghiệp thanh tịnh. Phạm phu vì nghiệp không thanh tịnh nên không có Niết bàn. Như Lai nghiệp thanh tịnh nên có Niết bàn. Như Lai nghiệp thanh tịnh gọi là đại tịnh. Đại tịnh nên gọi Đại Niết bàn.

Ba, Thân thanh tịnh. Thân vô thường gọi là bất tịnh. Thân Như Lai thường trụ nên gọi là đại tịnh. Đại tịnh tức là Đại Niết bàn.

Bốn, Tâm thanh tịnh. Tâm có ác lậu gọi là bất tịnh. Tâm Phật vô lậu gọi là đại tịnh. Đại tịnh là tên gọi khác của Đại Niết bàn.

Bồ tát tu hành kinh Đại Niết bàn như vậy gọi là Bồ tát thành tựu phần công đức thứ nhất.

Này Cao Quý Đức Vương ! Đại Bồ tát tu hành kinh Đại Niết bàn được điều xưa không được mà nay được. Thấy điều xưa chẳng thấy mà nay thấy. Nghe điều xưa chẳng nghe mà nay được nghe. Đến chỗ xưa chẳng đến mà nay được đến.

Thế nào là xưa chẳng được mà nay được ?

Nay Như Lai sẽ nói về thần thông cho đại chúng tu học. Thần thông có hai thứ: Một, ngoài. Hai, trong.

Thần thông ngoài, thì cùng với ngoại đạo giống nhau.

Thần thông trong lại có hai thứ: Một, của Nhị thừa. Hai, của Bồ tát. Thần thông của Bồ tát, hàng Thanh văn, Bích Chi Phật không có được. Hàng Nhị

thừa một tâm biến hóa tự tại với một thân, không biến hóa tự tại được nhiều. Bồ tát một tâm có thể biến hóa hiện đủ thân hình trong lục đạo mà vẫn tự tại. Thần thông tự tại lớn của Bồ tát là do thế lực của kinh Đại Niết bàn. Đó là điều mà kinh gọi là: "Xưa chẳng được mà nay được".

Phàm phu thân cũng như tâm đều không thể tự tại, hoặc thân theo tâm, hoặc tâm theo thân. Ví như người say rượu, thân động tâm cũng động theo, như trẻ nhỏ thân nhỏ, tâm cũng nhỏ theo.

Bồ tát thân cùng tâm đều tự tại. Bồ tát hiện thân tướng như vi trần, khắp đến vô lượng vô biên hằng sa thế giới không bị chướng ngại mà tâm Bồ tát thường định, không động. Đây gọi là "tâm chẳng theo thân" và đây cũng gọi là chỗ: "Xưa chẳng đến mà nay được đến".

Hàng Thanh văn, Bích Chi Phật đều có thể sử dụng thần thông nhưng không thể biến thân nhỏ như vi trần khắp đầy vô lượng hằng hà sa thế giới. Thanh văn, Bích Chi Phật lúc thân động tâm cũng động theo. Bồ tát không như vậy. Tâm dầu chẳng động mà thân đến khắp tất cả chỗ. Đây gọi là: "Tâm chẳng theo thân". Bồ tát lại còn hóa thân to lớn bằng thế giới đại thiên rồi đem thân to lớn này chui vào thân nhỏ như vi trần mà tâm của Bồ tát cũng chẳng nhỏ theo. Thanh văn, Bích Chi Phật có thể hóa thân to lớn như thế giới đại thiên, nhưng chẳng thể đem thân này chui vào thân nhỏ như vi trần. Việc này hàng Nhị thừa còn chẳng làm được. Thế nên, hàng Nhị thừa thân động thì tâm động theo; còn hàng Đại Bồ tát thì chẳng theo thân. Thân tâm tự tại.

Đại Bồ tát tu hành theo kinh Đại Niết bàn được nghe những điều từ xưa tới nay chưa được nghe là thế nào ?

Đại Bồ tát dựa vào tất cả các thứ tiếng và tổng hợp tất cả âm thanh làm đối tượng để tư duy quán chiếu...: sơ ư văn trung, nhập lưu vong sở. Sơ nhập ký tịch, động tĩnh nhị tướng, liễu nhiên bất sanh, như thị tiệm tăng, văn sở vận tận, tận văn bất trụ, giác sở giác không, không giác tịch viên, không sở không diệt. Sanh diệt ký diệt, tịch diệt hiện tiền.

Do sức định tĩnh, quán chiếu tư duy như vậy, Bồ tát nghe tất cả tiếng trong vô lượng vô biên hằng hà sa thế giới mà không trở ngại. Bởi vì Bồ tát dù

nghe mà không có tướng năng văn sở văn, cho nên tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng giả; không có tướng nhơn quyết định, tướng quả quyết định, hẳn đến không có tướng thường, lạc, ngã, tịnh; tướng Niết bàn và Đại Niết bàn. Do nghĩa đó, gọi là Bồ tát được nghe những điều từ xưa chưa được nghe.

Cao Quý Đức Vương Bồ tát thưa: Trước kia Như Lai nói: Nếu có người nghe một câu kinh Đại Niết bàn quyết định thành Vô thượng Bồ đề. Giờ đây Như Lai nói không có nhơn quyết định, không có quả quyết định; lời này của Như Lai có nghĩa thế nào ? Nghe lời lành được quả giải thoát, nghe lời ác đọa tam đồ là chơn lý đương nhiên. Cớ sao ở kinh này Như Lai dạy không có nhơn quả quyết định ?

Phật khen: Lời hỏi rất hay, nhưng đúng chân lý thì không phải vậy. Vì có nhơn duyên Như Lai nói có quyết định nhơn, quyết định quả. Vì có nhơn duyên, Như Lai nói không nhơn quyết định, không quả quyết định.

Niết bàn của chư Phật: Thường, lạc, ngã, tịnh là quả quyết định. Nhất xiển đề tạo tội tứ trọng, ngũ nghịch, phi báng đại thừa là hạng người rời bỏ bốn tâm, sống kiếp tam đồ là quả quyết định. Nói rằng: “Nghe lời lành có Niết bàn, nghe lời ác rơi vào tam đồ. Lời này không đúng. Tùy cách nghe mà nhơn quả quyết định có hay quyết định không. Nghe một câu kinh, tỏ ngộ thật tướng vô tướng của các pháp thì quả Vô thượng Bồ đề là quyết định có. Nghe lời ác mà tâm không khởi niệm ác, thân không làm điều ác thì quả tam đồ quyết định không.

Do nghĩa đó tu học kinh Đại Niết bàn nghe được những điều xưa chẳng được nghe.

Đại Bồ tát tu học kinh Đại Niết bàn, thấy những điều xưa chưa thấy như thế nào ?

Bồ tát tiếp nhận tất cả ánh sáng vốn có của vũ trụ thiên nhiên làm đối tượng sở quán. Do sức tu tập tư duy, quán chiếu hoán chuyển những năng lượng thiên nhiên ấy thành tánh thấy của nhãn căn. Do vậy nhãn căn của Bồ tát không những thấy từ sơ thiên, nhị thiên...như Thanh văn, Duyên Giác, Bồ tát còn thấy chất phi tướng của các tướng, thấy rõ tánh nhơn duyên sanh của

vạn pháp, thấy rõ thế giới trong mười phương của chư Phật. Đối với chúng sanh, Bồ tát thấy và biết có căn lành hay không có căn lành; biết chủng tánh Đại thừa, Tiểu thừa hay ngoại đạo, phàm phu. Thấy toàn thân chúng sanh là một tổ hợp ba mươi sáu vật bất tịnh hình thành. Đó là kết quả Bồ tát tu học kinh Đại Niết bàn: "Những điều xưa chẳng thấy mà nay được thấy".

Còn nữa ! Cao Quý Đức Vương ! Bồ tát tu học kinh Đại Niết bàn biết tâm và tâm sở bất thiện của chúng sanh là nguyên nhân của phiền não khổ lụy, nhưng Bồ tát không có tướng tâm và tâm sở, cũng không có tướng chúng sanh, mà Bồ tát luôn luôn tư duy quán chiếu: "Tất cả sự vật thường an trú trong đệ nhất nghĩa không. Do tu tập "không quán", Bồ tát biết không có tướng ngã và ngã sở. Biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì có Phật tánh nên hàng nhất xiển đề dầu đã rời bỏ bỏ tâm mà vẫn còn có cơ hội được quả Vô thượng Bồ đề. Những điều như vậy, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết.

Bồ tát tu học kinh Đại thừa Đại Niết bàn khi được "tha tâm trí" rồi, những hiểu biết của Bồ tát, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết.

Bồ tát biết những nhơn duyên hạnh nghiệp của chúng sanh, của tự thân về dòng họ, giai cấp cuộc sống...trong quá khứ nhiều đời kiếp...cho đến hiện tại.

Bồ tát dù biết suốt thân nhân quyến thuộc trong quá khứ mà không có tướng thân nhân. Bồ tát biết tất cả tâm chúng sanh trong lục đạo mà không có tướng biết. Bồ tát vận lòng từ vô duyên đối với chúng sanh mà thường an trú trong "đệ nhất nghĩa không". Cho nên không thấy có từ tâm do ta thi thố. Những thấy biết như thế, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết. Đó là sự thành tựu công đức của Bồ tát tu học kinh Đại thừa Đại Niết bàn.

Bồ tát tu học kinh Đại thừa Đại Niết bàn sẽ được Kim cang tam muội. An trú trong chánh định ấy, Bồ tát đập vỡ, quét sạch tất cả pháp, thấy tất cả pháp đều là tướng vô thường, vô ngã duyên sanh huyễn hóa. Thực chất của các pháp hữu vi là không có gì, đó chỉ là hiện tượng ảo vọng dối gạt phàm phu, người trí không ham thấy, vì không đáng thấy.

Bồ tát an trú trong Kim cang tam muội, không thấy có tướng chúng sanh, cho nên Bồ tát dù tu Bồ thí ba la mật nhẫn đến Bát nhã Ba la mật mà không thấy bồ thí cho đến không có thành tựu Bát nhã ba la mật. Nếu thấy có tướng chúng sanh thì Bồ tát đã không viên mãn cứu cánh Đản ba la mật...nhẫn đến Bát nhã ba la mật.

Này Cao Quý Đức Vương ! Kim cang tam muội là vua của các tam muội. Nó là vua của các vua, là thép cứng hơn các thép cứng, nó là đá quý trên các đá quý. Bồ tát an trú Kim cang tam muội nhìn thấy tất cả pháp không chướng ngại như xem một trái nho để trong lòng bàn tay, như ngồi ngã tư đường thấy rõ mọi người đi đứng qua lại, như lên núi cao trông thấy cảnh vật dưới đồng bằng; Bồ tát tu Kim cang tam muội có thể đập vỡ tan tất cả vật sắc, nhưng không có quan niệm tiêu vong, như đại địa dung chứa giữ gìn muôn vật, nhưng trọn chẳng có quan niệm ta đã chở đặng hết thảy mọi vật...

Này Thiện nam tử ! Bồ tát thường quán niệm tư duy, có bốn pháp gần gũi với Đại Niết bàn: Một, thân cận bạn lành. Hai, chuyên tâm nghe chánh pháp. Ba, nhiếp niệm tư duy. Bốn, ứng dụng tu hành đúng pháp. Và, Bồ tát nhận định rõ ràng rằng: Siêng năng, cần khổ chịu đựng tất cả khổ hạnh trên đời để mong đổi lấy Niết bàn là điều không thể có. Ví như người bệnh gặp thầy giỏi, trị đúng bệnh, thuốc tốt, uống đúng liều lượng chắc chắn bệnh lành. Nhịn đói chịu khát, ăn đắng, uống cay theo thói quen lạc hậu, mê tín dị đoan, té thần cúng quý, khẩn lạy cầu xin, rốt cuộc không đem lại kết quả gì, bệnh nhân này chỉ có chết, vì lối trị bệnh sai lầm, ngược chân lý trái nhân quả.

Này Thiện nam tử ! Gần thiện tri thức mỗi ngày tăng trưởng sự thanh thoát an vui, như người được sinh hoạt ở vào nửa tháng có trăng. Mồng một rồi mồng hai, mồng ba...mỗi ngày thêm lên thì trăng càng tỏ rạng...cho đến ngày viên mãn: trăng rằm. Người gần gũi thiện tri thức lần lần xa lìa pháp ác, thêm lớn pháp lành cũng như vậy.

Gần gũi thiện tri thức sẽ có điều kiện tham vấn học hỏi nghĩa lý sâu mầu của mười hai bộ kinh. Người nghe thông hiểu nghĩa lý mười hai bộ kinh gọi là người thính pháp; nghe hiểu nhận thức rõ kinh Đại thừa gọi là người chơn thật thính pháp. Người chơn thật thính pháp là người nghe hiểu kinh Đại Niết bàn rằng: "Tất cả mọi người đều có Phật tánh". Rằng: "Như Lai chẳng

nhập Niết bàn theo quan niệm vĩnh diệt". Nghe pháp như vậy gọi là người chuyên tâm thính pháp.

Bồ tát chuyên tu thính pháp rồi, cần nhiếp niệm tư duy ba món tam muội: KHÔNG, VÔ TƯỚNG, VÔ NGUYỆN. Bồ tát thấy rõ rằng hai mươi lăm cõi không có thật, thể của nó là KHÔNG. Mười tướng: sắc, thanh, hương, vị, xúc; sanh, trụ, dị, diệt, nam, nữ... chỉ là tướng giả hợp, giả ly cho nên tướng đối tượng mà chúng sanh nhận biết, thực thể của nó là VÔ, nó chỉ là vật trống rỗng chẳng có gì. Vì nhận biết rõ tánh KHÔNG, VÔ TƯỚNG của hiện tượng vạn pháp, Bồ tát không một niệm mong cầu. Bồ tát biết rằng không có gì để cầu. Tu tập ba môn tam muội như vậy gọi là Bồ tát nhiếp niệm tư duy.

Này Thiện nam tử ! Là Bồ tát thường ở trong tam muội nhiếp niệm tư duy rồi còn phải tu hành đúng pháp. Bồ tát tu tập bố thí ba la mật, trì giới ba la mật nhẫn đến bát nhã ba la mật một cách viên mãn rõ ràng, còn phải tư duy tánh hư huyền của âm, nhập, xứ, giới, biết rõ tánh chơn thật của Niết bàn. Phật là thường, lạc, ngã, tịnh. Người hiểu sâu, hiểu kỹ kinh Đại Niết bàn thì cũng hiểu rõ rằng chư Phật chẳng nhập Niết bàn theo nghĩa vĩnh diệt như quan niệm phàm phu.

Này Thiện nam tử ! Phật, Bồ tát là chơn thiện tri thức đối với chúng sanh vì khéo dùng ba pháp điều ngự cho những chúng sanh chưa được điều ngự: Một, lời nói dịu hòa. Hai, lời nói quở trách. Ba, lời nói vừa dịu hòa vừa quở trách đúng việc đúng thời. Ví như lương y thông thạo chín cách trị bệnh, giỏi về chẩn đoán lâm sàng. Phù trầm trì sát, bắt mạch đúng; hàn nhiệt hư thật, định bệnh không sai, lập phương cắt thuốc bệnh nhân uống thuốc được lành, vì vậy được gọi là lương y.

Cũng vậy, Phật, Bồ tát biết chúng sanh có ba bệnh nặng: Tham dục, sân nhuế và ngu si. Người nhiều tham dục dạy quán tướng "bạch cốt vi trần". Người nhiều sân nhuế dạy quán niệm từ bi. Người nhiều ngu si dạy quán như duyên giả hợp. Chúng sanh tu tập đều được an lành. Do vậy, Phật, Bồ tát gọi là thiện tri thức của chúng sanh, như lương y hề thấy người bệnh thì lo chữa trị không tìm biết giòng họ, giai cấp, sang hèn nghèo giàu, do vậy được người xưng tụng là đại lương y. Chư Phật, Bồ tát cũng vậy, thấy chúng sanh có bệnh phiền não liền sanh lòng từ mẫn thuyết pháp tế độ, không tìm

hiểu chúng tộc, giai cấp giàu nghèo quý tiện. Chúng sanh nghe pháp, phiền não liền tiêu trừ. Do vậy, chư Phật, Bồ tát gọi là thiện tri thức. Do gần gũi thiện tri thức nên gần gũi Đại Niết bàn. Chúng sanh do gần gũi thiện tri thức mà được nghe pháp, do nghe pháp mà được tin căn, do tin căn mà thực hành: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Rồi từ đó mà được quả Tu đà hoàn, Tư đà hàm...nhấn đến quả Bồ đề Vô thượng. Nên biết, có được pháp lành đều do thế lực của sự nghe pháp ! Ví như voi say hung dữ có người điều phục, dùng móc sắt móc rách da đầu, voi say liền điều thuận. Tất cả chúng sanh do tham thân si thường khởi tâm gây tạo tội ác, Bồ tát vì họ thuyết pháp làm cho họ chừa bỏ tội ác, do vậy, họ gần gũi Đại Niết bàn. Vì thế, Như Lai ở trong các kinh bảo hàng đệ tử phải nhiếp tâm nghe học, lãnh thọ mười hai bộ kinh, thực hành "bảy giác chi", "tám thánh đạo", lìa bỏ "ngũ cái", ngăn dứt "thập sử, thập triền". Làm được như vậy thì gần gũi Đại Niết bàn thậm chí có cơ hội sống trong Đại Niết bàn đều do công đức thính pháp.

Trưởng giả Tu Đa Đa (được người đời tôn vinh Cấp Cô Độc trưởng giả) trước kia mang bệnh nặng, ông rất lo rầu sợ sệt, được nghe Xá Lợi Phất dùng "pháp thập dụ" thuyết minh, sau khi nghe, ông liền hết sợ sệt được chứng quả Tu đà hoàn. Đó cũng là do thính pháp mà gần gũi Đại Niết bàn, vì được mở thông pháp nhãn.

Trong đời có ba hạng người phước báo khác nhau mà thọ dụng hạnh phúc an lạc khác nhau: Người mù không có mắt thì hoàn toàn chẳng thấy được gì. Người có một mắt nhìn cảnh vật chỉ thấy từng phần hẹp hòi phiến diện, chỉ có người hai mắt sáng mới nhìn trọn vẹn vạn tượng sum la trước mắt. Chúng sanh cũng vậy, không nghe pháp, không biết chơn lý là mù mịt tối tăm. Có nghe pháp mà tâm không an định, không quán niệm tư duy, thì nhận thức chân lý mờ mờ không đem lại sự an vui thỏa thích. Chỉ có người thính pháp, tư duy ứng dụng trong cuộc sống thì thật sự gần gũi Đại Niết bàn và có thể sống với những giờ phút, những tháng ngày Niết bàn...trên cõi đời "huyền sanh huyền diệt". Thế lực của sự thính pháp có hiệu quả rõ ràng, người có trí sẽ tự chứng biết.

Này Thiện nam tử ! Ngày trước lúc ta ở thành Câu Thi Na, Xá Lợi Phất đang bị bệnh khổ. Ta sai A Nan đến thuyết pháp cho Xá Lợi Phất nghe. Sau đó, Xá Lợi Phất bảo bốn người đệ tử khiêng giường bệnh đến chỗ Phật để

nghe thuyết pháp. Do phước lộc nghe thuyết pháp mà Xá Lợi Phát tâm thân an ổn nhẹ nhàng rồi hết bệnh. Đó là do nghe chánh pháp mà được gần Đại Niết bàn.

Tất cả chúng sanh như tư duy mà được giải thoát. Bởi vì chúng sanh thường bị ngũ dục buộc ràng, không có trí tuệ nên không thấy Đại Niết bàn. Chúng sanh bị "thường", "lạc", "ngã", "tịnh" làm điên đảo. Nhờ tư duy mà thấy được "vô thường", "vô lạc", "vô ngã", "vô tịnh". Do sự nhận thấy đúng lẽ thật mà được giải thoát, gần với Đại Niết bàn.

(19/9/04 Băng 162)

Hữu tình chúng sanh có bốn tướng: sanh, lão, bệnh, tử.

Vô tình chúng sanh có bốn tướng: sanh, trụ, dị, diệt.

Pháp giới chúng sanh có bốn tướng: thành, trụ, hoại, không.

Do bốn tướng vô thường bại hoại ấy khiến cho phàm phu và hàng sơ quả Tu đà hoàn bị nhiều khổ não ưu sầu. Nếu khéo nhiếp niệm tư duy dù gặp phải bốn tướng tác động hoành hành cũng khỏi bị khổ não...Đấy là do tư duy mà được gần Đại Niết bàn.

Này Thiện nam tử ! Tất cả pháp lành đều do tư duy mà được. Giả sử có người dù trải qua vô lượng vô số kiếp chuyên tâm thính pháp mà không tư duy thì không có lý do, không có cơ hội thành tựu quả Vô thượng Bồ đề. Vì đã bỏ mất chánh như trí tuệ, cho nên tư duy là điều kiện, là chánh như để gần Đại Niết bàn.

Này Thiện nam tử ! Trên đường tu hành Bồ tát phải tu đúng chánh pháp. Phải biết dứt bỏ pháp ác, phải thực hiện các pháp thiện, phải thấy biết rõ các pháp trống rỗng không có tự tánh. Vì không có tự tánh, vì trống rỗng cho nên các pháp vô ngã, vô thường, vô lạc, vô tịnh. Do thấy biết rõ ràng chân lý cho nên Bồ tát thà bỏ thân mạng chứ không lay chuyển tín tâm đối với Tam Bảo.

Tu lại có hai thứ: chơn chánh và không chơn chánh. Biết rõ Niết bàn, Phật tánh, Như Lai pháp thân, thật tướng vô tướng của vạn pháp là tu chơn chánh.

Không rõ biết những điều cốt lõi ấy của nền giáo lý phương quảng Đại thừa ấy là tu không chơn chánh.

Thế nào gọi là biết tướng Niết bàn ?

Biết rằng Niết bàn có các đức: thường, lạc, ngã, tịnh, thanh lương, giải thoát...hiểu như thế gọi là hiểu biết tướng Niết bàn. Biết rằng sanh nhơn và tác nhơn không làm ra cảnh giới Niết bàn được.

(26/9/04 Băng 163)

Phàm phu chúng sanh chưa viễn ly thế tục đế, tu tập dứt trừ phiền não cũng có Niết bàn, nhưng không gọi là chơn thật, vì có lúc hiển lúc ẩn không thường xuyên liên tục.

Hàng Thanh văn, Duyên giác dứt hết hoặc kiến tư được gọi là giải thoát, có được Niết bàn, nhưng Niết bàn này chưa được gọi là chơn, thường, vì đời vị lai hàng Thanh văn, Duyên giác còn sẽ được Vô thượng Bồ đề. Thế cho nên Bồ tát biết Niết bàn như vậy chưa được gọi là Bồ tát biết Phật tánh, Pháp tánh, Tăng tánh, Như lai tánh, Thực tướng tánh và Không tánh.

Bồ tát tu học kinh Đại Niết bàn, biết rõ hết tướng sai khác của Niết bàn, của Phật tánh...của Thực tướng cho đến tánh Không.

Này Thiện nam tử ! Bồ tát tu học kinh Đại Niết bàn chẳng thấy có "hư không". Bồ tát sử dụng tuệ nhãn mới thấy được "tánh không" của chơn đế. Tánh hư không dẹp bỏ hết vật có, là tánh "không" của thế tục đế. Tánh "không" ấy do làm ra, nó tạm có, tạm không, vô thường. Đã là vô thường thì đích thị "sanh diệt pháp". "Không" thông qua tuệ nhãn của Bồ tát là "không bất dị sắc". "Sắc bất dị không"... Đó là cái thấy của Bồ tát thấy "tánh không" qua chơn đế.

Này Thiện nam tử ! Niết bàn không có chỗ trụ. Do chư Phật dứt sạch phiền não gọi là Niết bàn. Niết bàn là thường, lạc, ngã, tịnh, nhưng lạc của Niết bàn không phải cái lạc của "thọ lạc". Lạc của Niết bàn là lạc tịch diệt nhiệm màu, lạc vượt ngoài đối đãi. Chư Phật có hai thứ lạc: Một, tịch diệt lạc, lạc vắng lặng thanh tịnh không khởi niệm lự. Hai, giác tri lạc, lạc trong lúc chánh niệm, chánh tư duy.

Lại nữa, Thiện nam tử ! Người dứt phiền não là có được Niết bàn, nhưng không gọi là Đại Niết bàn. Vì hạng người này dù được Niết bàn, nhưng chưa thấy Phật tánh. Niết bàn này chỉ có lạc và tịnh, không có ngã và thường. Người dứt sạch phiền não vừa thấy rõ Phật tánh, đây được gọi Đại Niết bàn. Đại Niết bàn đầy đủ bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Này Thiện nam tử ! Chữ NIẾT có nghĩa là không. Chữ BÀN có rất nhiều nghĩa:

Niết là không, bàn là dật: Không dật thêm dài đường sanh tử là Niết bàn.

Niết là không, bàn là vô minh che chướng: Không vô minh che chướng là Niết bàn.

Niết là không, bàn là đi, đến: Không đi, không đến gọi là Niết bàn.

Niết là không, bàn là thay đổi: Không thay đổi là Niết bàn.

Niết là không, bàn là mới, cũ: Không mới, cũ là Niết bàn.

Niết là không, bàn là chướng ngại: Không chướng ngại là Niết bàn.

Niết là không, bàn là danh tướng: Không danh, không tướng là Niết bàn.

Niết là không, bàn là tạo tác: Không tạo tác là Niết bàn.

Niết là không, bàn là lục dục, thất tình: Không lục dục, thất tình là Niết bàn.

Này Cao Quý Đức Vương ! Người đang diệt phiền não chưa gọi là Niết bàn. Chẳng sanh phiền não là người có được Niết bàn. Chư Phật Như Lai đối với tất cả pháp không bị chướng ngại cho nên gọi là Phật, là Như Lai. Thân, tâm, trí tuệ của Như Lai đầy khắp vô lượng vô biên vô số cõi nước không bị chướng ngại, ví như hư không. Như Lai thường trụ không biến diệt đổi thay, vì vậy Như Lai là thật tướng.

Do những nghĩa như vậy mà biết Như Lai không vĩnh diệt nhập Niết bàn, Như Lai thường trú Đại Niết bàn.

TRỰC CHỈ

* Người đệ tử Phật khi nhận thức chân lý đúng, bấy giờ biết rõ rằng: Các pháp không tự tánh cho nên không có tánh cố định. Tội lỗi không tự tánh kể cả tứ trọng ngũ nghịch. Nhất xiển đề cũng không tự tánh. Từ những nghĩa như vậy, suy biết Như Lai nhập Niết bàn cũng không tự tánh vĩnh diệt.

* NIẾT BÀN là gì ? Chữ NIẾT có nghĩa là KHÔNG. Chữ BÀN vô số nghĩa. Tất cả những gì hữu lậu, vô minh đen tối, phiền não khổ đau, bất bình, bất mãn, trói buộc thân tâm đều nhiếp thuộc vào nghĩa chữ BÀN. Ví dụ: NIẾT là không, BÀN là tham dục, sân nhuế, ngu si. KHÔNG tham dục, sân nhuế, ngu si là NIẾT BÀN.

* Niết bàn và Đại Niết bàn khác ở điểm nào ? Thực ra Niết bàn không phải "cảnh giới" nào hay là "cái gì" cao xa hay hùng vĩ ở đâu đâu như quan niệm của những người giàu tưởng tượng, tưởng tượng sai lầm. Cứ theo định nghĩa của chữ Niết bàn thì Niết bàn ở khắp thế gian, hiện hữu tận cùng vũ trụ. Tất cả mọi người, ai cũng có thể kiến tạo cho mình một cảnh Niết bàn cho nên Niết bàn chỉ có một thứ y nhau. Không có thứ Niết bàn dành để ưu đãi cho bất cứ hạng người nào. Do nghĩa đó mà có Niết bàn và Đại Niết bàn.

Phàm phu cũng có Niết bàn. Thanh văn, Duyên giác, những người này đều có được Niết bàn nhưng không gọi là ĐẠI, vì Niết bàn của những bậc này chưa cứu cánh viên mãn, vì chất lượng an vui của Niết bàn này có hơn kém khác nhau, tệ hại hơn nữa, lúc có, lúc không, khi sanh, khi diệt như Niết bàn của phàm phu chẳng hạn. Niết bàn Phật mới gọi là Đại. Niết bàn Phật là tự tánh thanh tịnh bản nhiên, hiện hữu, tồn tại vô thị vô chung, là Niết bàn vô thượng, gọi là ĐẠI NIẾT BÀN. Niết bàn Phật có những đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Đại Ngã, Đại Tự Tại, cho nên gọi là ĐẠI. Niết bàn của phàm phu, Thanh văn, Duyên giác và thập trụ Bồ tát không được những đức tánh ấy cho nên không được gọi là Đại Niết Bàn.

Núi có núi nhỏ, núi lớn, sông có sông nhỏ, sông lớn...Niết bàn cũng có nhiều bậc như vậy.

* Đại Niết bàn vô thượng của Như Lai, có tám đức nhiệm mầu bất khả tư nghì, trí của hàng Thanh văn Duyên giác không thể suy lường biết được. Những Bồ tát trông sâu chủng tánh Đại thừa, có khả năng tư duy, quán chiếu nhận thức "lý pháp giới", "vô vi pháp", "chơn như thể", "nhất chơn pháp

giới”, “pháp thân Như Lai”, “nhất thiết tức nhất”, “chư pháp tương tức”, “nhất đa tương dung”, “trùng trùng duyên khởi”...có khả năng tư duy dường ấy mới nhận thấy rõ ý nghĩa thậm thâm vi diệu, bất khả tư nghì ĐẠI NIẾT BÀN của Thế tôn là vô thượng.

* Tất cả các pháp chỉ là danh ngôn giả đặt. Sự giả đặt, dựa trên hai trường hợp mà có ra danh ngôn ấy: Một, do có nhân duyên dựa trên sự thể mà đặt tên, như "Xá Lợi Tử" con của bà Xá Lợi. Đây là nhơn tên mẹ mà đặt tên con. Như Mục Kiền Liên, tên của dòng họ mà đặt tên. Như Lai cũng vậy, vì sanh trong họ Cù Đàm, nhơn dòng họ Cù Đàm mà gọi tên là Cù Đàm. Hai, tự phát. Ai muốn đặt gì cũng được, lần hồi quen gọi, rồi mọi người nhất trí với nhau trong một xã hội cùng chung chủng tộc. Các nhà thiên văn, khoa học, vi trùng học...đặt tên các hành tinh, thiên thể...dựa trên yếu tố tự phát "biến kế" này!

* THẦN THÔNG là thuật ngữ trong Phật giáo. Bất tư nghì danh THẦN. Vô ngại tự tại danh THÔNG. Gọi là người được thần thông là người "vô ngại tự tại bất tư nghì". Vô ngại tự tại một cách mâu nhiệm khó hành, khó hiểu, hạng phàm phu, người tiêu quả khó tin. Bởi vì thần thông không phải bay cao, đi nhanh, chiếu sáng le lói, thoát có thoát không...như ảo thuật gia diễn xuất, như sự "hóa phép" của thần tiên tưởng tượng trong dân gian. Mà "thần thông" của đạo Phật nói lên sức "TỰ TẠI VÔ NGẠI" trong đời sống của con người đắc đạo. Sự đắc đạo của người này đạt đến trình độ "pháp giới bất nhị", "chư pháp tương tức", "nhất đa tương dung", "nhất tức nhất thiết"...

* Tu học kinh Đại Niết bàn đến được chỗ xưa chẳng đến, thấy được điều xưa chưa từng thấy, và biết được những việc từ trước chưa từng biết, đây là một sự thật hiển nhiên mâu nhiệm. Bởi vì nếu người ta sử dụng nhục nhãn mà thấy nghe...thì sự thấy nghe phổ biến, mọi người ai cũng thấy cũng nghe. (10/10/04 Bãng 165)Nếu người nhìn sự vật hiện tượng qua thiên nhãn, hoặc pháp nhãn thì sự thấy nghe này người phàm phu chưa hề được thấy nghe. Bồ tát sử dụng tuệ nhãn quán sát thế gian, cái nhận thức "tánh không" của Bồ tát, hàng Thanh văn, Duyên giác không hề biết được. Tu học theo tiêu chuẩn thấy nghe của Phật nhãn, tức nhiên là thấy những gì từ xưa chưa được thấy, nghe những gì từ trước chưa từng nghe...Cho đến biết những

điều từ trước tới nay chưa từng biết, bởi vì tu học kinh Đại Niết bàn là tu học tinh thần giáo lý liễu nghĩa Đại thừa trong Đại thừa.

* Nhơn quả là chơn lý, lời Phật dạy, chớ không phải lời của thiên ma ngoại đạo sàm sỡ vu vơ. Thế mà, ở kinh Đại Niết Bàn này, Cao Quý Đức Vương Bồ tát hỏi Phật: Vì có chi ở kinh này Như Lai nói: "không có nhơn quyết định cũng không có quả quyết định ? Đức Phật khen, lời thưa hỏi của Cao Quý Đức Vương lợi ích lớn cho chúng sanh. Rồi đức Phật dạy: Vì có nhơn duyên nên Như Lai nói có nhơn quả, vì có nhơn duyên Như Lai nói không nhơn quả. Nói rõ ra: "Hữu vi có nhơn quả, vô vi không có nhơn quả. Tục đế có nhơn quả, chơn đế không có nhơn quả", Hiện tượng môn có nhơn quả. Bản thể bình đẳng môn không có nhơn quả. Chơn lý thì phải tu học như vậy mới hiểu ý Như Lai. Như Lai vô số phương tiện trên đường hóa đạo chúng sanh.

* Kim Cang tam muội, nói đủ là Kim Cang Bát Nhã tam muội. Từ bồ thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật gọi tắt là "Kim cang tam muội", một thứ đại định "Trí tuệ" bền, chắc, cứng như Kim Cang.

* Có bốn pháp giúp cho người đệ tử Phật gần gũi Đại Niết Bàn:

Thân cận bạn lành.

Ham thích nghe pháp.

Thường nhiếp niệm tư duy chánh pháp.

Ứng dụng chánh pháp thực hành trong đời sống.

Bồ tát thường quán sát tư duy: Khổ hạnh, hoang tưởng, ý lại tha nhơn, khiếp sợ siêu hình, trông chờ cứu rỗi, quy lụy cầu xin là hành động trái chân lý, phát xuất từ những tâm tư yếu đuối, mê mờ. Dù có siêng năng, cần khổ cũng không đem lại kết quả an lành giải thoát. Như bệnh nhơn không gặp đúng thầy, đúng thuốc, tất phải chết oan uổng mà thôi.

(17/10/04 Băng 166)

* Không, vô tướng, vô nguyện là ba môn tam muội, ba đối tượng "sở tư duy" của một thiền giả. Thiền giả tham quán, tư duy ba đề tài ấy, sẽ đập vỡ

tan tam giới, nhị thập ngũ hữu mà không lưu lại một tí ti tro bụi. Vì thế, Bồ tát chẳng thấy có gì nữa để ước nguyện mong cầu.

* Muốn gần gũi Đại Niết bàn, rất cần được gần gũi thiện tri thức. Thiện tri thức đúng nghĩa phải là quảng kiến đa văn Phật pháp, là người thực hành, thực chứng đạo pháp. Thiện tri thức hiền và lành là lẽ đương nhiên, nhưng có lúc thiện tri thức ấy phải không hiền không lành thì mới có lợi cho mình. Rồi người thiện tri thức lại vừa hiền vừa lành, vừa không hiền không lành. Gặp được thiện tri thức đúng nghĩa đúng vai như người đau bệnh gặp lương y giỏi hộ vệ chăm sóc đỡ đần, người bệnh chắc chắn không lâm vào nguy kịch, được lành. "Ứng bệnh dữ dược" vai trò một thiện tri thức đúng nghĩa là vậy. Cho nên gặp thiện tri thức tốt gần đồng nghĩa với gặp Bồ tát, gặp được Phật rồi vậy.

(24/10/04 Băng 167)

* Ông trưởng giả Tu Đạt Đa (Cấp Cô Độc) khi có bệnh, tâm thần bán loạn, sợ hãi lo âu, Phật bảo Xá Lợi Phất thuyết pháp, nói về sự hư ảo, tạm bợ mong manh của kiếp con người, của tiền tài, danh vọng sự nghiệp qua "thập dụ": Mộng, huyễn, bào, cảnh trung tượng, thủy trung nguyệt, càn thát bà thành, ba tiêu, dương diệm, như lộ, như điện. Ông Tu Đạt Đa tâm thần định tĩnh tỏ ngộ Phật pháp, chứng quả Tu đà hoàn. Người thiện tri thức đóng một vai trò rất quan trọng đối với chúng sanh, với một bệnh nhân cần pháp dược, nhờ có thính pháp mà gần gũi Đại Niết bàn.

* Mù, một mắt, hai mắt nhìn cảnh vật khác nhau rõ rệt. Không nghe pháp, nghe pháp mà không tư duy, không ứng dụng, không đem lại lợi ích. Chỉ có hạng nghe pháp rồi tư duy, rồi ứng dụng thấy được chơn lý mới gần gũi Đại Niết bàn.

* Tu Xa ma tha, Tam ma bát đề, thiền na, tức là chỉ, quán và tư duy. Đây là ba pháp môn phương tiện then chốt trong rừng giáo lý Phật.

Chỉ có nghĩa là chặn đứng tạp niệm, gạt bỏ những niệm lự quá khứ, cắt đứt niệm lự sẽ phát triển nghĩ ngợi tương lai. Đó là công dụng của "CHỈ"

Quán là nêu ra một đối tượng nào đó, chú tâm vào đối tượng đó để tư duy.

(31/10/04 Bảng 168)

Thiền na có nghĩa là tư duy. Tư duy thế nào ? Tư duy để làm gì ? Để biết gì ? Đây là vấn đề người tu hành cần học. Học với ai ? Trường phái nào ? Lấy lý trí nào ? Dựa vào tiêu chuẩn nào soi rọi để nhận biết đúng sai ?

Dứt bỏ pháp ác

Phát huy pháp thiện.

Chiếu kiến "ngũ uẩn giai không".

Tu học như vậy là tu học đúng chánh pháp

Trái lại là tu học mà không đem lại lợi ích gì !

(7/11/04 Bảng 169)

* Niết bàn có bốn đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Sanh non không làm ra Niết bàn.

Tác non càng không thể kiến tạo Niết bàn.

Niết bàn từ "liễu non" mà hiện hữu...

* Niết bàn không dành riêng, không ưu đãi cho ai hết. Mọi người có thể "kiến lập" cho mình một Niết bàn theo khả năng của mình. Ví dụ:

Niết bàn của người phàm.

Niết bàn của A La Hán.

Niết bàn của Bích Chi Phật.

Niết bàn của Bồ tát.

* Niết bàn không có ở đâu hết mà không ở đâu chẳng có.

Chữ NIẾT có nghĩa là "không", chỉ cần một nghĩa thôi. Niết là KHÔNG.

Chữ BÀN có tám vạn bốn ngàn nghĩa. Như là tham, sân, si, mạn, nghi, như là thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới cấm chủ kiến v.v..như là...như là...và...như là.../.

---o0o---

PHẨM THỨ HAI MƯƠI HAI - QUANG MINH BIỂN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG BỒ TÁT

(TIẾP THEO C)

Bạch Thế tôn ! Như lời Phật dạy: Do gìn giữ tâm Bồ đề, gàn gũi tứ vô lượng tâm; do tin thuận "nhất thật tướng" của Đại thừa, dứt hết tham, sân, si, mà Bồ tát được "tâm giải thoát".

Bạch Thế tôn ! Lời Phật dạy, con không dám nghi, nhưng theo chỗ con hiểu, nghĩa này dường như chưa trọn nghĩa !

Bạch Thế tôn ! Nếu tánh vốn có của tâm không tham, không hệ phược, vậy do nhân duyên gì mà có thể hệ phược và do nhân duyên gì mà có thể hệ phược được tâm ? Ví như vắt sừng, sừng vốn không có sữa, cho nên dù có công, dụng sức bao nhiêu vắt cũng không có sữa. Tâm vốn không tham...sao nay lại có ? Nếu trước vốn không mà sau mới có thì chư Phật và Bồ tát vốn đã không tham, vậy chừng nào sanh tham ...trở lại ?

Bạch Thế tôn ? Thạch nữ vốn không con, dù phải bao nhiêu nhọn duyên, thế lực cũng không sao có con được. Tâm vốn không tham, không hệ phược, dù gây tạo nhọn duyên gì cũng không sao sanh tham...được !

Bạch Thế tôn ! Tâm vốn không tham mà lại gọi là "giải thoát" thì chư Phật và Bồ tát có thể nhổ gai trong hư không để ngừa họa cho chúng sanh ư ?

Thế tôn ! Tâm quá khứ đã không thể có, tâm hiện tại cũng không thể có, tâm vị lai lại càng không thể có, vậy "tâm giải thoát" là cái tâm nào ?

Thế tôn ! Ví như ngọn đèn quá khứ không diệt tối, ngọn đèn hiện tại không diệt tối, ngọn đèn vị lai càng không diệt tối vì hai thứ ấy không đồng thời. Tâm cũng vậy, thế sao lại nói là "Tâm giải thoát" ?

Bạch Thế tôn ! Thì ra ! Tham cũng là có ! Nếu tham là không thì người nam lúc thấy người nữ lẽ ra chẳng sanh tham ái. Nếu do người nữ mà sanh tham ái thì tham là có thật. Vì có tham thật mới có tội đọa ba đường...

Thế tôn ! Như có kẻ thấy tượng vẽ người nữ cũng sanh tham ái, vì sanh tham ái thì tham là có thật. Vì có tham thật nên mới có tội đọa ba đường...

Thế tôn ! Như có kẻ thấy tượng vẽ cũng sanh tham ái, vì sanh tham ái nên có nhiều tội lỗi. Nếu vốn không tham, tại sao thấy tượng vẽ lại sanh tham. Nếu tâm không tham tại sao Như Lai nói, Bồ tát "tâm được giải thoát" ? Nếu tâm có tham tại sao phải chờ thấy người nữ rồi sau mới sanh ? Không thấy thì không sanh ? Hiện tại tôi thấy có quả báo ác là do tham gây ra, nên biết tham là có. Sân và si cũng như vậy !

Thế tôn ! Trong sắc không có tham, trong thanh, hương, vị, xúc, pháp lại sanh ra tham ? Nếu trong các duyên đều không có tham, tại sao riêng chúng sanh có tham mà chư Phật và Bồ tát không sanh tham ?

Thế tôn ! Tâm cũng là bất định ? Nếu tâm là bất định thì không có tham, sân, si...Nếu tâm đã là bất định sao lại nói rằng "tâm được giải thoát" ? Tham cũng là bất định, nếu đã là bất định tại sao lại hơn nơi tham mà sanh ra ba đường ác ? Người tham và cảnh đối tượng cả hai đều bất định, tại sao cùng duyên một cảnh đối tượng, có người sanh tham, người sanh sân hoặc người khác sanh si ? Nếu cả hai đều bất định, tại sao Như Lai nói rằng Bồ tát tu Đại Niết bàn thì "tâm được giải thoát" ?

Phật bảo Cao Quý Đức Vương Bồ tát: Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Tâm chẳng bị tham...kiết hệ phược, cũng chẳng phải chẳng bị tham...kiết hệ phược. Chẳng phải giải thoát cũng chẳng phải chẳng giải thoát. Chẳng phải có, chẳng phải không. Chẳng phải hiện tại, chẳng phải quá khứ cũng chẳng phải vị lai. Bởi vì, **TẤT CẢ PHÁP ĐỀU KHÔNG CÓ TỰ TÁNH.**

Này Thiện nam tử ! Có các nhà ngoại đạo cho rằng nhơn duyên hòa hợp thì có quả sanh ra, điều đó không đúng. Nếu trong các duyên vốn không tánh sanh mà có thể sanh ra thì hư không vốn chẳng sanh, lẽ ra cũng sanh được

quả; nhưng hư không vẫn chẳng sanh, vì chẳng phải là nhơn. Do vì trong các duyên vốn có tánh của quả, nên hòa hợp thì sanh ra quả ?

Này Thiện nam tử ! Chư Phật và Bồ tát không bao giờ nói quyết định rằng: Trong nhơn có quả hay trong nhơn không quả ? Trong nhơn cũng có cũng không quả. Trong nhơn chẳng phải có, chẳng phải không quả. Nếu kẻ nào khẳng định ngược lại ba cú nghĩa trên thì đó là ma, bè lũ của ma, là người tham ái, chẳng dứt được sự hệ phược của sanh tử. Người này không rõ biết "tâm tướng" và "tham tướng".

Này Thiện nam tử ! Chư Phật và Bồ tát hiển bày lý trung đạo, dù nói các pháp chẳng phải có chẳng phải không, nhưng chẳng quyết định. Vì nhơn nơi nhãn, sắc, minh, tâm, niệm mà có thức ra. thức này quyết định chẳng ở trong nhãn, chẳng ở trong sắc, chẳng ở trong minh, chẳng ở trong tâm, chẳng ở trong niệm, cũng chẳng ở chặng giữa, chẳng phải có, chẳng phải không. Do từ các duyên sanh ra nên gọi là có. Vì không tự tánh nên gọi là không. Do vậy, Như Lai nói: "Các pháp chẳng phải có, chẳng phải không".

Này Thiện nam tử ! Chư Phật và Bồ tát không nói quyết định rằng: Tâm có tánh thanh tịnh hay tâm chẳng có tánh thanh tịnh. Không thể nói tâm tịnh hay bất tịnh, vì tâm vốn vô trụ. Do từ nơi duyên sanh ra tham, nên nói chẳng phải không; vì vốn không có tánh tham nên nói chẳng phải có.

Này Thiện nam tử ! Từ nhơn duyên mà tâm sanh tham. Từ nhơn duyên mà tâm được giải thoát. Nên biết, nhơn duyên có hai thứ: Một, theo sanh tử, gây tạo nhơn sanh tử. Hai, theo Đại Niết bàn, xây dựng bồi dưỡng nhơn giải thoát Đại Niết bàn.

Thiện nam tử ! Tâm không hòa hợp tham, cũng chẳng hòa hợp với sân si. Ví như mặt nhật, mặt nguyệt dù bị khói bụi mây mù che chướng làm cho chúng sanh không thấy, nhưng tánh của nhật nguyệt chẳng hòa hợp với khói bụi mây mù. Dù do nhơn duyên mà tâm sanh tham nhưng tánh của tâm chẳng cùng tham hòa hợp.

Nếu tâm tham thì tánh tham, nếu tâm không tham thì tánh không tham. Tâm không tham không thể làm tham, tâm tham không thể làm không tham. Do nghĩa đó, nên kiết sử hệ phược, tham dục không thể làm nhiễm ô được tâm.

Chư Phật, Bồ tát đã loại trừ hết kiết sử, tham ái, hệ phược nên gọi là hạng người "tâm giải thoát". Tất cả chúng sanh do nhơn duyên mà sanh hệ phược và cũng do nhơn duyên mà được giải thoát.

Này Thiện nam tử ! Ví như núi tuyết, đỉnh cao vót khi vượn và người không lên đến được. Cảnh tịnh giải thoát của Phật, Bồ tát, Ma vương ba tuần và người tuyết phần không thể suy lường. Lung chừng núi, người cùng khi vượn đi đến được, người thợ săn dùng keo nhựa ván gỗ làm bẫy mà bắt khi vượn đem về. Khi vượn vì dính phải keo nhựa mà bị bắt làm thịt. Phàm phu vì tham ái, ngũ dục, hệ phược, ma ba tuần có được cơ hội tung hoành, giam hãm trong ngục tù tam giới không có ngày ra !

Này Thiện nam tử ! Ví như quốc vương ngự tại cung đình thì thân tâm an lạc, nếu xuất cung dã ngoại thì bất trắc nguy hiểm có thể xảy đến chẳng biết lúc nào ! Tất cả chúng sanh tự trụ nơi chánh quán niệm (tứ niệm xứ quán) thì được an lạc; nếu thất niệm, buông lung thì bọn ác ma xua đẩy theo con đường khổ đau sanh tử, luân hồi không dứt.

Thế nào là ma vương và bè lũ của ma vương ? Có hạng người đối với vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, cho là thường, lạc, ngã, tịnh. Với pháp thường, lạc, ngã, tịnh, họ hiểu ngược lại, họ là người điên đảo, quyền thuộc của ma !

Lại có hạng người cho rằng các pháp thực có tướng nhất định, thì người này khi thấy sắc cũng chấp sắc có tướng nhất định; thọ, tưởng, hành, thức cũng có tướng cố định. Rồi tướng nhật nguyệt, sơn hà, nam nữ, thập nhị xứ, thập bát giới cũng đều có tướng cố định. Những kẻ có kiến chấp như vậy là sai lầm chơn lý, họ là quyền thuộc của ma, tâm của những người này không thể có giải thoát thanh tịnh.

Lại có hạng người chấp ngũ uẩn là ngã: Rằng ngã ở trong sắc uẩn, sắc uẩn là ngã...cho đến trong thức uẩn, thức uẩn là ngã. Kiến chấp như vậy là quyền thuộc của ma. Người như vậy không phải đệ tử Phật.

Này Thiện nam tử ! Có những hàng đệ tử của ta danh nghĩa sa môn, hình thức đạo sĩ, nhưng tâm trí không cầu Niết bàn mà ham học sách vở ngoại đạo. Chẳng tu học mười hai bộ kinh mà ham hồ kinh doanh sự nghiệp, chẳng siêng tu hạnh tịch tịnh xuất gia mà ham thân cận Quốc vương, Thái

tử...Nên biết, những người như thế là quyến thuộc của ma, không phải đệ tử Phật. Do nhơn duyên đó mà tâm cùng với tham đồng sanh, đồng diệt. Sân và si cũng vậy. Do vậy, biết rằng tâm tánh chẳng phải tịnh, cũng chẳng phải bất tịnh. Vì vậy, Như Lai nói: Tu theo Đại Niết bàn được "Tâm giải thoát".

Cao Quý Đức Vương Bồ tát thưa: Bạch Thế tôn ! Như lời Phật dạy: Nhất xiển đề có nghĩa là người dứt mất thiện căn. Theo con nghĩ nghĩa ấy có lẽ chưa đúng ? Vì hạng người này hãy còn Phật tánh. Đúng chơn lý thì Phật tánh không thể dứt ! Có sao Như Lai nói "dứt mất thiện căn" ? Trước đây trong các kinh Phật từng nói: Thiện căn có hai thứ: Thường và vô thường. Thường thì không dứt, vô thường thì có thể dứt. Thiện căn vô thường có thể dứt nên liên lụy đọa tam đồ. Thường chẳng thể dứt, có sao Như Lai không khẳng định ý này ? Không dứt Phật tánh, không phải nhất xiển đề. Vậy, Nhất xiển đề mà Như Lai gọi, từ đâu có ?

Bạch Thế tôn ! Nếu nhơn Phật tánh mà phát tâm Vô Thượng Bồ đề, có chi Như Lai vì chúng sanh nói những mười hai bộ kinh lắm công khó nhọc ?

Bạch Thế tôn ! Ví như bốn con sông lớn phát nguyên từ ao A na ba da trên cao nguyên của thế giới chảy ra, giả sử có trời người cùng chur Phật cũng không thể nói rằng nước sông lớn này không chảy vào biển mà nó sẽ trở lại nguồn. Cũng vậy, Bạch Thế tôn ! Người có Phật tánh, không luận nghe pháp hay không nghe, có giới hay không giới, có bố thí hay không bố thí, có tu hay không tu, tất cả lẽ ra đều được Vô thượng Bồ đề!

Bạch Thế tôn ! Như quần thể núi Thất sơn, mặt trời mọc lên ngang hai phần ba núi, không có lý do gì mặt trời trở lại phương đông mà không qua đến hướng tây ! Chúng sanh đã có Phật tánh, không có lý gì chẳng được Vô thượng Bồ đề !

Bạch Thế tôn ! Kinh Đại Niết bàn này, Như Lai nói: "Nhơn quả chẳng phải có chẳng phải không" ? Nghĩa này có đúng thật như vậy chăng ? Từ trước Như Lai chưa từng dạy như vậy ? Trong sữa nếu không có tánh "pho-mai" tất không làm ra "pho-mai" từ sữa. Trong hạt dương xỉ nếu không có tánh cây cao ba mươi thước, tất không mọc lên cây dương cao ba mươi thước. Nếu trong Phật tánh không có quả Vô thượng Bồ đề sao lại có quả Bồ đề Vô

thượng ? Dựa trên lý đó mà suy, thì làm sao hợp với lý "nhơn quả chẳng phải có, chẳng phải không" theo lời Phật nói ?

Phật bảo: Lành thay ! Rất lành thay ! Này Thiện nam tử ! Trong đời có hai hạng người rất là hi hữu:

_ Một, người không phạm tội ác. Hai, người có tội biết cải hối.

_ Lại có hai hạng: Một, làm ơn. Hai, nhớ ơn.

_ Lại có hai hạng: Một, học hỏi điều mới. Hai, ôn nhuần điều học cũ không quên.

_ Lại có hai hạng: Một, sáng tạo cái mới. Hai, tu sửa chỗ cũ.

_ Lại có hai hạng: Một, thích nghe pháp. Hai, thích thuyết pháp.

_ Lại có hai hạng: Một, khéo gạn hỏi. Hai, khéo giải đáp. Đó là những hạng người rất hi hữu trên cõi đời, mà người khéo gạn hỏi là Cao Quý Đức Vương, lời ông vừa gạn hỏi.

Này Thiện nam tử ! Trước kia Phật từng nói, do phước báo của con người có thượng, có trung, có hạ. Thọ mạng của con người đại loại cũng có thượng, trung và hạ như vậy. Người bậc thượng, có thọ mạng một trăm hai mươi tuổi, nếu mắc phải bệnh trong khoảng trung niên gặp thầy giỏi thuốc tốt, chữa trị đúng cách bệnh ắt mau lành, giả sử không có thầy giỏi, thuốc tốt, thang thuốc qua loa mà bệnh cũng lành. Vì phước báo, thọ mạng của người này quyết định.

Có hạng bệnh nhơn, nếu gặp thầy giỏi, thuốc hay, chăm sóc khéo léo thì được lành, bằng không thì không lành. Đây là những người thọ mạng không quyết định. Hạng người này dù thọ mạng chưa hết, song có thể chết yểu, nếu phạm phải chín điều "cấm kỵ" của thuật dưỡng sinh: Một, biết ăn sẽ không ỏn mà cứ ăn. Hai, ăn quá nhiều. Ba, ăn chưa tiêu mà ăn thêm nữa. Bốn, đại tiểu bé tắc mà không điều hòa. Năm, lúc bệnh không nghe lời chỉ dẫn của y sĩ. Sáu, chẳng nghe lời dặn bảo của người khám bệnh. Bảy, cần ỏi, cố nín chịu không ỏi. Tám, ham thích đi đêm. Chín, phòng the quá độ. Hạng bệnh nhơn như thế Phật nói: nếu họ gặp thầy giỏi thuốc tốt thì được lành, không gặp thì không lành.

Lại có hạng bệnh nhờn gặp thầy giỏi thuốc tốt hay không đều cũng không lành vì thọ mạng đã hết !

Các hàng chúng sanh cũng vậy. Người phát Bồ đề tâm, gặp bạn lành hay không, gặp Phật, Bồ tát hay không; có được nghe chánh pháp Đại thừa hay không, có được học chánh pháp hay không, họ đều có thể tiệm tiệm nhi tiến trên con đường Vô thượng Bồ đề. Họ sẽ đến đích, ví như người có thọ mạng quyết định.

Hàng Nhị thừa từ quả vị Tu đà hoàn...đến Bích Chi Phật, cần được nghe Phật, Bồ tát, thiện tri thức giảng nói pháp Đại thừa, thì có thể phát tâm Bồ đề, bằng không gặp, không được nghe thì không thể phát tâm. Ví như người bệnh thọ mạng không quyết định, do chín duyên làm cho họ yếu vong. Gặp thầy gặp thuốc thì bệnh lành, không gặp thầy gặp thuốc thì không thọ thêm được nữa !

Hàng Nhất xiển đề là những người dứt mắt thiện căn nên dù gặp Phật, Bồ tát, thiện hữu hay không, họ không thể thành tựu quả Vô thượng Bồ đề. Ví như người tuổi thọ đã hết, dù gặp thầy, gặp thuốc tốt bệnh cũng không lành !

Bạch Thế tôn ! Do duyên có gì trước đây có lần Phật dạy: Nhất xiển đề vẫn có Phật tánh. Đã có Phật tánh thì Nhất xiển đề ắt sẽ được quả Vô thượng Bồ đề ? Tại sao nói Nhất xiển đề như người tuổi thọ đã hết, dù gặp thầy gặp thuốc cũng không lành ?

Phật bảo: Lành thay ! Thiện nam tử ! Nhất xiển đề nếu phát Bồ đề tâm thì Nhất xiển đề không còn gọi là Nhất xiển đề nữa. Do vậy, hạng Nhất xiển đề vẫn có tiêu chuẩn thành Vô thượng Bồ đề.

Này Thiện nam tử ! "Nhất xiển" gọi là "bất cụ". "Đề" gọi là "tín". Bất cụ tín hay Tín bất cụ nghĩa là không đủ đức tin hay đức tin hời hợt, gọi là nhất xiển đề, vậy thôi ! Học hiểu sâu sắc hơn, Nhất xiển đề còn có các mặt "bất cụ" như:

_ Thiện phương tiện bất cụ. (Tu thiện phương tiện thiếu).

_ Tinh tấn bất cụ (Tu tinh tấn thiếu).

_ Niệm bất cụ (Tu chánh niệm thiếu).

_ Định bất cụ (Tu định ít).

_ Tuệ bất cụ (Tu tuệ ít).

Do những nghĩa như vậy, Như Lai nói Nhất xiển đề không thành Phật và có thể đọa địa ngục triền miên. Tuy vậy, Phật tánh của hạng Nhất xiển đề không có lúc tạm không thì làm sao có dứt mất ? Giờ phút nào họ chợt tỉnh ngộ, tin hiểu mình có Phật tánh, bấy giờ họ không còn là nhất xiển đề, họ có thể phát Bồ đề tâm, tu hành kinh Đại Niết bàn, họ thăng tiến Bồ đề Niết bàn Vô thượng. Vì vậy, Như Lai nói: Nhất xiển đề vẫn được thành Vô thượng Chánh Biến Tri Giác. Do nghĩa đó, nên biết rằng các pháp không có tự tánh của riêng nó. Như lời gạn hỏi của ông, rằng trong sữa có tánh "phó mát" cho nên chế biến thành "phó mát". Trong hạt cây phi lao có tánh cao hai mươi thước cho nên sanh ra cây phi lao cao hai mươi thước. Người trí không nói như vậy. Sữa chế biến "phó mát" hay "bơ" ..nhờ có các duyên. Hạt phi lao cũng vậy. Tại vì không tự tánh, cho nên sữa có thể thành "yaua", "phó mát", "bơ". Tại vì không tự tánh, hạt phi lao có thể cao năm thước, mười thước, hai mươi thước, hoặc không có thước nào, nếu không có "duyên" phò trợ.

Phật tánh của chúng sanh cũng vậy, nhờ các nhơn duyên được thấy, nhờ các nhơn duyên mà được đạo Bồ đề. Nhờ các nhơn duyên rồi sau mới thành đạo Bồ đề, điều đó chỉ rõ Phật tánh cũng là vô tánh vậy. Do vô tánh nên có thể thành Vô thượng Bồ đề. Do duyên có đó Đại Bồ tát thường tán thán điều lành của người, không rao nói xấu ác của kẻ khác. Đây gọi là Bồ tát tu hành chất trực tâm.

Cao Quý Đức Vương Bồ tát thưa: Bạch Thế tôn ! Tất cả các pháp, tánh nó tự không hay là nó chẳng không do tu "không tam muội" rồi sau mới thấy không ? Nếu tánh nó tự không thì chẳng phải tu "không" rồi sau mới thấy không, có sao Như Lai nói do tu "không" mà được thấy "không"?

Nếu tánh nó tự chẳng không thì dù có tu "không" cũng chẳng thể làm cho nó thành "không" được !

Phật bảo: Tất cả các pháp, tánh của nó tự không vì tánh của tất cả pháp vốn là "bất khả đắc", vì nó chẳng là gì, chẳng có gì để "được" cho ai và cho ai được ! Như sắc tánh chẳng hạn. Sắc chẳng phải địa, chẳng phải thủy, chẳng

phải hỏa, chẳng phải phong cũng chẳng rời ngoài địa, thủy, hỏa, phong. Chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng...cũng chẳng rời ngoài xanh, vàng, đỏ, trắng. Chẳng phải có, chẳng phải không dù có thể nói là "sắc". Vì tánh "bất khả đắc" như vậy. Bởi tương tự và tương tục mà phàm phu kiến thủ theo nhận thức của mình mà cho là các pháp tánh chẳng "không tịch".

Này Thiện nam tử ! Nếu có Sa môn hay Bà la môn nào thấy tất cả pháp tánh chẳng không, phải biết rằng người đó không biết Sa môn, Bà la môn, người đó không phải tu Bát nhã ba la mật, họ không được vào Đại Niết bàn, không được hiện tiền thấy Phật, Bồ tát; họ là thành phần quyến thuộc của ma !

Này Thiện nam tử ! Tất cả pháp tánh nó vốn tự không mà cũng do Bồ tát biết tu tập Bát nhã ba la mật đa mà thấy rõ các pháp là không.

Này Thiện nam tử ! Tất cả các pháp vì tánh nó vô thường nên diệt có thể diệt được, nếu tánh nó là thường thì diệt làm sao diệt được nó ?

Pháp hữu vi vì có tướng sanh nên sanh có thể sanh nó, vì nó có tướng diệt nên diệt có thể diệt nó. Các pháp vì có tướng khổ cho nên khổ có thể làm cho nó khổ ! Như tánh mặn là mặn nên có thể ướp mặn vật khác...Tánh mật là ngọt nên có thể ướp ngọt vật khác...Tánh giấm là chua nên có thể ngâm chua vật khác...Tánh cam lồ làm cho người không chết, nếu đem hợp với vật khác cũng có thể thành "vị cứu tử". Bồ tát tu "không tam muội" cũng như vậy. Vì tu "không" cho nên thấy tất cả các pháp, tánh của nó đều "không tịch".

Cao Quý Đức Vương Bồ tát hỏi: Bạch Thế tôn ! Như muối có thể làm cho vật không mặn thành ra mặn. Tu không tam muội thấy tất cả pháp là không. Theo con thấy tam muội này không trọn lành, chưa tuyệt hảo, vì còn chất mâu thuẫn điên đảo ở trong. Bởi vì tất cả pháp là không. Vậy mà còn gọi "thấy" là thấy những gì ?

Này Thiện nam tử ! Tu không tam muội nhìn thấy tất cả pháp chẳng phải không mà thấy thành "không tịch", điều đó đem lại sự giải thoát cho chúng sanh mà không tổn thất gì, hiện tượng vạn hữu sum la trước mắt. Cũng như muối làm cho vật chẳng mặn thành mặn. Tu không tam muội nhìn pháp "chẳng phải không" thành không, để đối trị tham ái của phàm phu.

Này Thiện nam tử ! Tham tâm sở, tánh của nó chẳng phải không, dù không nói nó hẳn có. Nếu tánh tham là không thì chúng sanh không vì tham ái mà phải thọ lãnh cảnh khổ địa ngục, nếu bị khổ địa ngục thì tánh của tâm sở tham hẳn không phải là không có ?

Này Thiện nam tử ! Tánh của sắc là có. Gì là tánh của sắc ? Tánh của sắc chính là điên đảo. Do điên đảo nên chúng sanh tham đắm. Nếu tánh của sắc chẳng phải điên đảo thì không thể làm cho chúng sanh tham đắm ! Vì nó sanh tham cho chúng sanh, nên biết rằng tánh của sắc không phải là không. Do nghĩa đó, nên tu "không tam muội" chẳng phải là điên đảo vậy.

Này Thiện nam tử ! Bồ tát trụ bậc cứu địa thấy pháp có tánh, do vậy, không thấy Phật tánh. Nếu đã thấy Phật tánh thì chẳng còn thấy "tánh" của tất cả pháp. Do tu tập "không tam muội" nên chẳng thấy pháp tánh, vì chẳng thấy pháp tánh cho nên thấy Phật tánh.

Chư Phật và Bồ tát đối với hiện tượng vạn pháp có hai cách nói: Một, nói vạn pháp có tánh. Hai, nói vạn pháp không có tánh. Vì chúng sanh nói vạn pháp có tánh, với hiền thánh nói vạn pháp không có tánh. Vì người chưa thấy được "pháp không" "dạy tu" "không tam muội" để được thấy. Người chưa thấy Phật tánh cũng do tu "không tam muội" mà thấy được "pháp không". Do thấy được tánh của các pháp là "vô" nên thấy được Phật tánh. Do nghĩa đó, nên biết rằng tu "không" thì thấy được "không" !

Này Thiện nam tử ! Ông gạn hỏi rằng: Người thấy "không" thì không còn gì để thấy. Vậy cái gọi là "thấy" còn thấy những gì ?

Phật bảo: Đúng vậy, Thiện nam tử ! Đại Bồ tát không có thấy. Không có thấy nghĩa là không có phân biệt đối tượng.

Không phân biệt đối tượng, vị Đại Bồ tát thấy biết rằng vạn pháp đối tượng là những thứ "không có gì". Không có gì, vì chúng là pháp "huyễn sanh, huyễn diệt". Do vậy, Đại Bồ tát thấy Phật tánh. Nếu không thấy được tánh "không có gì" của vạn pháp, đồng nghĩa với không thể tu "Bát Nhã Ba La Mật". Không tu Bát Nhã Ba La Mật Đa thì không thể đi vào Niết bàn, không bao giờ có Đại Niết bàn, dù ngày đêm lễ bái, tụng niệm cầu xin, quì lạy, gồi chai trán mốp ! Vì chân lý đó, Bồ tát tu tập hướng tới trí tuệ đáo bỉ ngạn:

thấy tất cả tánh của vạn pháp "vô sở đắc", nghĩa là chẳng có gì để được cho ai và cũng chẳng có ai làm cách gì để được !

Này Thiện nam tử ! Bồ tát không những do tu "không tam muội" "mà thấy không"; lúc tu bố thí ba la mật, trì giới ba la mật...rồi bát nhã ba la mật cho đến ngũ uẩn, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới..tứ đế pháp cũng không. Như Lai cũng không, Đại Niết bàn cũng không. Vì vậy, Bồ tát thấy tất cả pháp đều không. Do tu "không tam muội" mà lúc dòng họ Thích Ca bị thăm sát nhiều người, ông A Nan thì sầu khổ đau thương khóc lóc, còn Như Lai sắc diện chẳng chút lộ vẻ buồn thương ! Bởi vì Như Lai thường trụ trong "không định", trong "như huyễn tam ma đề", còn A Nan chỉ sử dụng nhục nhãn cho nên nhìn vạn pháp hữu vi là thật !

Này Thiện nam tử ! Bồ tát tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đi vào Đại Niết bàn: thường, lạc, ngã, tịnh, rồi vì các chúng sanh phân biệt diễn thuyết kinh Đại Niết bàn, hiển thị Phật tánh. Nếu Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích Chi Phật, Bồ tát tín thọ kinh này thì đều được vào Đại Niết bàn. Nếu người không tin thì trôi nổi lặn lội trong biển sanh tử ưu bi !

Cao Quý Đức Vương Bồ tát hỏi Phật: Bạch Thế tôn ! Có thể có chúng sanh nào đối với kinh này chẳng sanh lòng tôn trọng cung kính ?

Đức Phật bảo: Này Thiện nam tử ! Sau Như Lai nhập Niết bàn có hàng ngu si mệnh danh là đệ tử Phật, làm chuyện phạm giới, thích việc đấu tranh, bỏ bê mười hai bộ kinh, đi học văn hóa ngoại lai, kinh sách tà đạo để nhận lấy hư danh, nhận chứa tám thứ vật bất tịnh, tự dối với mọi người nói rằng: Phật cho phép. Những người ngu si này đem chiên đàn đổi lấy gỗ tạp, đem vàng đổi lấy thau, đem bạc đổi lấy kẽm, lấy chì...và đem cam lồ đổi lấy độc dược ! Như Lai gọi đó là những người đáng thương xót !

Đời sau, kinh Đại Bát Niết bàn này lưu hành trong đời có các đệ tử Phật thọ trì chơn chánh, diễn nói cạn tỏ ý kinh, có thể bị ác Tỳ kheo công kích giết hại. Những ác Tỳ kheo hiệp ước với nhau cùng nhận định với hiểu biết ngu si rằng: Kinh Đại Niết bàn không phải Phật nói. Vì tất cả chư Phật đều nói các pháp vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh mà kinh này nói có thường, lạc, ngã, tịnh. Chư Phật không cấm Tỳ kheo chứa các vật bất tịnh, kinh này lại cấm. Các kinh khác, Phật nói có ba thừa, kinh này lại nói chỉ có nhất Phật

thừa và Đại Niết bàn...Nghe những ý tứ trái tai ấy, chúng ta biết rằng kinh Đại Niết bàn này không phải của Phật nói. Còn nữa, chư Phật thì nhập Niết bàn vĩnh diệt đâu còn gì khác, kinh này nói Phật thường trụ, Pháp thường trụ, Tăng thường trụ. Phật là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Phật không Niết bàn với nghĩa vĩnh diệt. Đây là ý tứ lạ tai chắc chắn không phải kinh Phật nói. Lại nữa, kinh này tư tưởng vượt hẳn phương quảng Đại thừa cho nên biết kinh này không phải của Phật....

Này Thiện nam tử ! Những người có tư tưởng, có nhận thức theo kiến giải như trên dù mang danh đệ tử Phật, hình thức đệ tử Phật qua dáng mặc, tướng đi, nhưng họ chẳng tin thuận kinh Đại Niết bàn này. Ở trong thời kỳ như vậy, nếu có chúng sanh tin thuận kinh điển này, phải biết đây là chơn chánh đệ tử Phật là những người tục diễm truyền đăng, xiển dương chánh pháp. Do tín tâm thâm hậu mà những người này thấy Phật tánh, nhập Đại Niết bàn.

Cao Quý Đức Vương Bồ tát thưa: Tuyệt diệu thay ! Đức Thế Tôn ! Nay Như Lai khéo khai thị kinh Đại Niết bàn. Nhờ cơ hội này, con đã thấy rõ thêm từng phần Phật tánh và con tự tin khả năng đi vào Đại Niết bàn là do ở chính nơi con.

TRỰC CHỈ

* Cao Quý Đức Vương nêu ba nghi vấn:

Một, tham...có tự tánh, vì có tự tánh cho nên tham làm ô trọc tâm, ràng buộc được tâm ?

Hai, tâm có tự tâm chơn thật, vì vậy sau khi tu hành tâm được giải thoát ?

Ba, tham có tự thể, tâm có tự thể và giải thoát cũng có tự thể ?

Ba nghi vấn này, Bồ tát Cao Quý Đức Vương nhằm mục đích đánh thức tâm nghi của chúng sanh, muốn cho chúng sanh ứng dụng thành ngữ: "Đại nghi, Đại ngộ" trong chơn thiên môn đây !

Như Lai Thế tôn thì không bao giờ là người nắm tay lại mà bao giờ cũng là người sẵn sàng tung vĩ để lợi lạc chúng sanh.

Đức Như Lai ôn tồn bảo: Cao Quý Đức Vương ! Điều căn bản nhận thức để nhận thức chánh pháp Đại thừa trong đạo Phật là: "CÁC PHÁP KHÔNG TỰ TÁNH".

Tâm không tự tánh cho nên trong ba đời: Quá, hiện, vị lai tìm tâm không có. Tham, sân, si, đối tượng buộc ràng hệ phược tâm, tìm thực tánh của nó, không hề có tánh.

Cái gọi là "giải thoát" hệ phược, khiến cho tâm được giải thoát. Sự thật, tâm nào có giải thoát gì đâu, vì nó vốn không hệ phược.

CÁC PHÁP KHÔNG TỰ TÁNH vì không tự tánh cho nên không thể nói quyết định. PHẬT PHÁP BẤT ĐỊNH PHÁP, vì bất định pháp cho nên các pháp chuyển biến hình thành theo nhơn duyên, mà nhơn duyên thì trùng trùng vô tận sanh diệt đổi thay cho nên nhơn và quả của vạn pháp cũng chuyển biến không ngừng.

* Từ nhơn duyên mà tâm trở thành tham kết và bị hệ phược. Cũng từ nhơn duyên mà tâm trở thành thanh tịnh được Đại Niết bàn. Vì vậy, tâm không thể nói quyết định và nhơn duyên cũng không thể nói quyết định, cho đến Pháp tánh, Phật tánh cũng không thể nói quyết định.

* Bốn bộ A hàm thuộc hệ tư tưởng Tiểu thừa. Các bộ Phương quảng thuộc hệ tư tưởng Đại thừa, sinh thời Đức Phật đĩnh ninh, chỉ căn kẻ, dạy bảo cho các Tỷ kheo đệ tử mình phải thường tư duy quán chiếu "ngũ thủ uẩn" chính bản thân mình. Nếu chấp mắc sai lầm ngũ thủ uẩn là đệ tử của ma không còn là đệ tử Phật. Người đệ tử Phật phải thấy rõ tánh vô ngã, vô thường, khổ, bất tịnh ở ngũ thủ uẩn thân. Đó là nền móng để xây dựng những tầng lầu đài giải thoát, giác ngộ cao và cao mãi.

* Là đệ tử Phật, học kinh Đại Niết bàn phải thận trọng lưu ý vấn đề: "Nhất xiển đề" và "Phật tánh". Phật tánh thì tất cả chúng sanh đều có, mà người nhất xiển đề là một chúng sanh cho nên nhất xiển đề vẫn có Phật tánh. Vì vậy, người nhất xiển đề vẫn có tiêu chuẩn được thành Phật như tất cả mọi con người.

* "Nhất xiển đề" cái từ ấy không có tánh cố định, cũng như Phật từng dạy: "Tất cả pháp không một pháp nào có tánh cố định" vậy. Nhất xiển đề là "bất

cụ tín" đối với ác nhân, ác báo, ác đức, ác tâm... Trong đời sống của kiếp con người, thời điểm nào, bao nhiêu năm, sống bằng tâm hồn "TÍN BẤT CỤ" ấy, thì thời điểm đó, khoảng năm tháng đó, TA là "NHẤT XIÊN ĐỀ" chánh hiệu. Một tâm hồn không có lương tâm, lương tri, không biết nhơn quả, không sợ tội báo, con người ấy xa rời hiền thánh, không thân thích bạn lành thì quả Niết bàn, Bồ đề, Phật không từ đâu mà có ! Rồi bỗng nhiên ! Trong một duyên lành nào đó, lòng trắc ẩn nảy mầm, tâm từ bi xuất hiện, thiện hữu tri thức hộ trì, hướng dẫn nẻo phước, đường lành, biết tà, biết chánh, biết nguy, biết chon... Bấy giờ TA là người hiền thiện, thậm chí ta quy y tam bảo, rồi ta trở thành phật tử. Thế thì, giờ này TA KHÔNG LÀ NHẤT XIÊN ĐỀ nữa, đương nhiên ta có quyền, ta có đủ tiêu chuẩn để mà thành Phật, để thọ dụng quả Bồ đề, Niết bàn vô thượng !

* Các pháp, tánh của nó "tự không". Chữ "không" phải được hiểu là "không tịch", nghĩa là tự nó chẳng làm gì khổ đau phiền phức cho ai. "Không" cũng có nghĩa là trống rỗng, vì nó "vô ngã", không tự có bản chất chon thật. Vì vậy, dùng tuệ nhãn mà nhìn xem sẽ nhận rõ tánh "bất khả đắc" của vạn pháp không có khó khăn gì ! "Bất khả đắc" có nghĩa là chẳng có gì để được, vì tánh như huyễn của nó.

Huyền Giác Thiền sư:

"Thủ bất đắc, xả bất đắc"

"Bất khả đẳng trung, chi ma đắc...?"

* Tánh của vạn pháp thì "không". Tướng của vạn pháp "chẳng phải không".

Tuệ nhãn và Phật nhãn của Phật và Bồ tát nhìn vạn pháp không.

Nhục nhãn của phàm phu muốn xa lìa tâm luyến ái nhiễm ô trước vạn pháp phải tu "không tam muội" mới được thấy không. Còn chư Phật, Bồ tát thì chẳng cần tu "không" mà vĩnh viễn thấy biết "vạn pháp giai không". Do vậy, phàm phu tu "không tam muội" là rất cần !

* Không phải chỉ có kinh Đại Niết bàn mới có người không sanh lòng tôn trọng và cung kính, mà mười hai bộ kinh đều có người không sanh lòng tôn trọng và cung kính. Bởi vì chúng tử ngoại đạo họ tin theo tà giáo, họ mê tín

dị đoan, huyễn hoặc, hoang đường thì làm sao tôn trọng, cung kính chánh pháp cho được ! Những người mệnh danh đệ tử Phật, hình tướng đáng vẻ đạo sĩ mà tâm còn tham ái "hữu vi", còn tích lũy tám thứ bất tịnh thì không bao giờ họ sanh lòng tôn trọng cung kính kinh này

---o0o---

PHẨM THỨ HAI MƯƠI BA - SỰ TỬ HỒNG BỒ TÁT

Bấy giờ đức Phật bảo toàn thể đại chúng : Này ! Các Thiện nam tử ! NGHI, là pháp chương đạo, một tâm sở hữu có công năng đóng bít nẻo Bồ đề Niết bàn của những người cần tu học đạo giải thoát giác ngộ.

Trên bước đường học đạo, tu đạo, hành đạo các vấn đề : Có Phật hay không Phật ? Có pháp hay không pháp ? Có Tăng hay không Tăng ? Có khổ hay không khổ ? Có tập hay không tập ? Có diệt hay không diệt ? Có đạo hay không đạo ? Có ngã hay không ngã ? Có thường hay không thường ? Có lạc hay không lạc ? Có tịnh hay không tịnh ? Có thừa hay không thừa ? Có tánh hay không tánh ? Có chúng sanh hay không chúng sanh ? Có hữu vi hay không hữu vi ? Có vô vi hay không vô vi ? Có chơn hay không chơn ? Có vọng hay không vọng ? Có nhơn hay không nhơn ? Có quả hay không quả ? Có tác giả hay không tác giả ? Có nghiệp hay không nghiệp ? Có báo hay không báo ?...Và còn nhiều hơn thế nữa. Giờ đây đại chúng có thể tùy ý hỏi ra, Như Lai sẽ giải quyết rõ ràng cho chư liệt vị !

Như Lai không bao giờ có một niệm tự cao, tự đại, nhưng Như Lai thành thật mà quả quyết rằng: Nếu có hoặc trời hoặc người, hoặc Sa môn, Bà la môn, hoặc Ma vương, Phạm thế đến hỏi mà Như Lai không giải đáp được. Bởi vì Như Lai đã thành tựu NHẤT THIẾT CHỦNG TRÍ rồi.

Bấy giờ trong pháp hội có Bồ tát hiệu Sư Tử Hồng đứng dậy nghiêm chỉnh y phục đánh lễ Phật chấp tay thưa: Bạch Thế Tôn ! Con vừa muốn hỏi, đức Thế tôn đại từ mẫn lại đã hứa cho.

Phật bảo đại chúng rằng: Các vị có mặt trong chúng hội này đều tôn trọng, tán thán, cúng dường những thứ cần dùng thượng diệu cho Bồ tát này! Vì Bồ tát này trong quá khứ trông sâu thiện căn phước đức nên nay ở trước Phật và đại chúng đứng ra thưa hỏi. Như sư tử chúa tự biết sức lực , răng nanh nhọn

bén, bốn chân trụ đứng trong hang động vẫy đuôi gầm ra tiếng vang vọng núi rừng, rồi bước ra khỏi hang vươn vai, nhìn ngó bốn phương. Lại cất tiếng rống...một tiếng dài...Su tử vương làm như vậy nhằm phát huy và bảo vệ những lợi ích:

Một, vì muốn răn đe cảnh cáo những loài chẳng phải thiết sư tử mà đối diện sư tử.

Hai, vì muốn thử nghiệm sức lực mình.

Ba, vì muốn bảo vệ chỗ ở tịch tịnh.

Bốn, vì muốn bày sư tử con biết chỗ nơi.

Năm, vì muốn đàn sư tử không bị kinh sợ.

Sáu, vì muốn những kẻ ngu say sẽ được tỉnh thức.

Bảy, vì muốn những loài thú "phóng dật" ngáp gió, chuyển vận toàn thân, rồi bắt buộc phải siêng năng.

Tám, vì muốn những loài thú khác phải khiếp sợ châu hầu.

Chín, vì muốn điều phục đại hương tượng.

Mười, vì muốn dạy bảo cho con cái.

Mười một, vì muốn tôn vinh chủng loại của mình.

Tất cả cầm thú: Loài bay, loài chạy, loài bơi lội khi nghe tiếng rống của sư tử đều sợ hãi rụng rời cơ thể, kể cả hương tượng cũng khiếp đảm bôn ba mất hết uy phong bệ vệ của mình; còn nói chi loài chó chóc, cáo chồn dù có lóc thóc theo đuôi sư tử trăm năm cũng không rống lên tiếng oai hùng như sư tử được. Nếu là sư tử con, ba năm tuổi đã có khả năng rống tiếng vang cả núi rừng như sư tử chúa.

Này Thiện nam tử ! Như Lai chánh biến tri giác, trí tuệ là nanh vuốt. Tứ như ý túc là chơn. Lục ba la mật là thân. Thập trí lực là sức mạnh. Đại từ bi là đuôi. An trú tứ thiên là hàng thanh tịnh; vì chúng sanh mà gầm rống pháp âm như sư tử, nhằm dẹp phá ma quân, hiển bày trí lực Phật, mở mang đường lối, làm chỗ nương về cho bọn tà kiến; vỗ về những hạng người sợ sệt tử

sanh; giác ngộ cho những chúng sanh đang bằng lòng với giấc ngủ vô minh mộng mị; khiến cho người ác sanh tâm hối hận ăn năn; khai thị cho chúng sanh biết thế nào là ngoại đạo, thế nào là tà kiến, đập vỡ ngục thuyết của hàng ngoại đạo Phú Lô Na. Cuối cùng khiến cho người Nhị thừa hối hận nhận biết kiến thức nông cạn hẹp nhỏ mà phát đại tâm. Chỉ rõ cho hàng Bồ tát "trụ", "địa" hướng lên vô thượng Phật đạo. Những công năng và thành tựu như vậy, từ Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh vươn vai mà ra. Vì muốn khiến cho chúng sanh dẹp bỏ lòng kiêu mạn, sự tử ngáp dài, vì muốn chúng sanh được từ vô ngại biện, sự tử trụ vững bốn chân trên đất chắc, vì muốn chúng sanh gìn lòng kiên cố đối với "tứ ba la di" (giới) nên sự tử rộng to.

Sự tử rộng biểu trưng "quyết định thuyết": RẰNG TẤT CẢ CHÚNG SANH ĐỀU CÓ PHẬT TÁNH. NHƯ LAI THƯỜNG TRỤ BẤT BIẾN NHƯ NHƯ.

Này Thiện nam tử ! Hàng Thanh văn, Duyên giác dù gần gũi Như Lai vô lượng kiếp nhưng không thể là sự tử rộng. Thập trụ Bồ tát nếu tu hành Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, nên biết rằng đó là sự tử rộng !

Đức Phật dạy tiếp: Toàn thể đại chúng nên biết Bồ tát Sự Tử Hồng, nay muốn làm Đại Sự Tử Hồng. Đại chúng nên cúng dường cung kính tôn trọng tán thán.

Bấy giờ Thế tôn bảo Sự Tử Hồng Bồ tát: Này Thiện nam tử ! Ông muốn hỏi điều gì, giờ đây ông có thể tùy ý nêu ra ?

Bạch Thế tôn ! Bồ tát Sự Tử Hồng thưa: Thế nào là Phật tánh ? Do nghĩa gì mà gọi là Phật tánh ? Nếu chúng sanh có Phật tánh tại sao lại chẳng thấy được Phật tánh của tất cả chúng sanh ? Thập trụ Bồ tát trụ những pháp gì mà chẳng thấy Phật tánh rõ ràng ? Phật thì trụ những pháp gì mà thấy Phật tánh rõ ràng ? Thập trụ Bồ tát sử dụng con mắt gì mà thấy Phật tánh chẳng rõ ràng ? Phật Thế tôn dùng con mắt gì mà thấy Phật tánh được rõ ràng ?

Phật bảo: Này Thiện nam tử ! Lành thay ! Quý hóa thay ! Nếu có ai vì pháp mà thưa hỏi là người đầy đủ hai thứ trang nghiêm: Một là trí tuệ. Hai là phước đức. Nếu có Bồ tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm như vậy thì biết Phật

tánh, lại cũng có thể biết Thập trụ Bồ tát dùng con mắt gì, Phật Thế tôn dùng con mắt gì !

Sư Tử Hồng Bồ tát thưa: Bạch Thế tôn ! Thế nào là trí tuệ trang nghiêm ? Thế nào là phước đức trang nghiêm ?

Này Thiện nam tử ! _Phước đức trang nghiêm là trên non tu: Bồ thí ba la mật. Trì giới ba la mật nhẫn đến Bát nhã ba la mật. _ Trí tuệ trang nghiêm là nói về quả chứng: Từ sơ địa đến thập địa.

Lại nữa, phước đức trang nghiêm còn là hữu vi, hữu lậu, có non quả, chẳng phải là pháp THƯỜNG. Trí tuệ trang nghiêm là vô vi, vô lậu, vượt ngoài non, quả vì là pháp THƯỜNG trụ.

Này Sư Tử Hồng ! Nay ông đầy đủ hai thứ trang nghiêm ấy nên ông có thể hỏi diệu nghĩa thâm sâu. Phật cũng đầy đủ hai thứ trang nghiêm như vậy cho nên Như Lai sẽ giải đáp cho ông những diệu lý sâu xa như vậy !

Này Sư Tử Hồng ! Pháp giới nhất chân là pháp mà ông phải học. Rồi tất cả không một, không hai cũng lại là điều ông và tất cả chúng sanh phải học. Bởi vì thực tánh các pháp không hai, nhưng không thể nói một. Tại sao vậy ? Tại vì, "Một" dành chỉ Niết bàn, thường, lạc, ngã, tịnh. "Hai" để chỉ sanh tử phiền não vô minh.

Do vậy, Như Lai nói: Người hỏi phải có hai thứ trang nghiêm mới có thể hỏi. Người đáp cũng đầy đủ hai thứ trang nghiêm mới giải đáp tận tường.

Này Sư Tử Hồng ! Ông lại hỏi: "Thế nào là Phật tánh ?" Ông hãy lắng nghe. Như Lai sẽ phân biệt giải thuyết: Phật tánh cũng gọi là: "ĐỆ NHẤT NGHĨA KHÔNG", cũng gọi là "TRÍ TUỆ".

Đệ nhất nghĩa không có nghĩa là "không" mà "chẳng phải không". Vô ngã mà ngã, ngã mà vô ngã. Vô thường mà thường, thường mà vô thường. Vô lạc mà lạc, lạc mà vô lạc. Tịnh mà bất tịnh, bất tịnh mà tịnh. Thấy được chân lý đó, là người thấy ĐỆ NHẤT NGHĨA KHÔNG, thấy lý trung đạo, thấy Niết bàn và là người thấy Phật tánh, đích thực là người đạt đến tột đỉnh cao Vô thượng Bồ đề Phật.

Này Thiện nam tử ! Gốc rễ sanh tử có hai thứ: Một, vô minh. Hai, ái thủ. Giữa hai thứ đó có quả khổ, sanh, già, bệnh, chết. Đây cũng gọi là trung đạo.

Kiến chấp của chúng sanh cũng có hai: Một, thường kiến. Hai, đoạn kiến. Hai thứ kiến chấp như vậy không gọi là trung đạo. Không thường, không đoạn mới gọi là trung đạo. Muốn thấy lý trung đạo phải sử dụng quán trí, quán mười hai nhơn duyên để nhận thức sự vận hành liên tục của hoặc, nghiệp, khổ... Nhận thức đúng đắn chơn lý, gọi đó là Phật tánh. Do vậy, Phật tánh và trung đạo không một cũng không hai.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh có nhơn, có nhơn của nhơn. Có quả, có quả của quả. Nhơn chính là mười hai nhơn duyên. Nhơn của nhơn là trí tuệ. Quả chính là Vô thượng Bồ đề. Quả của quả là Vô thượng Đại Niết bàn. Ví như vô minh là nhơn, hành là quả. Hành là nhơn, thức là quả. Do nghĩa đó, vô minh cũng là nhơn, cũng là nhơn của nhơn. Thức cũng là quả, cũng là quả của quả. Phật tánh cũng như vậy. Do nghĩa đó, vô minh chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng một, chẳng hai, chẳng đến chẳng đi, chẳng nhơn, chẳng quả.

Là nhơn mà chẳng phải quả, như Phật tánh.

Là quả mà chẳng phải nhơn, như Đại Niết bàn.

Là nhơn cũng là quả, như những pháp do mười hai nhơn duyên sanh.

Chẳng phải nhơn, chẳng phải quả ấy chính là Phật tánh. Phật tánh chẳng nhơn chẳng quả cho nên thường hằng không biến đổi. Do nghĩa đó, trong kinh Phật nói mười hai nhơn duyên ý nghĩa rất sâu, không thể thấy biết, không thể nghĩ bàn là cảnh giới của chư Phật, Bồ tát. Hàng Thanh văn, Duyên giác không đến được.

Sư Tử Hồng Bồ tát: Bạch Thế tôn ! Nếu Phật cùng Phật tánh không sai khác thì tất cả chúng sanh cần gì phải tu hành ? Vì biết rằng quả vị Phật mình đã nắm chắc trong tay.

Phật bảo: Này Thiện nam tử ! Lời ông hỏi không đúng với sự lý. Phật và Phật tánh dù không sai khác, nhưng chúng sanh đâu dễ trọn lành. Ví như có người ác tâm muốn hại mẹ, hại rồi sanh lòng ăn năn. Trước mắt, ba nghiệp

dù lành, nhưng nội tâm người này vẫn là người địa ngục, vì người này chắc chắn sống trong địa ngục, nên gọi là người địa ngục.

Do lẽ đó, trong các kinh Phật nói: Nếu thấy người tu hạnh lành thì gọi là người trời. Thấy người tạo nghiệp ác thì gọi là thấy địa ngục. Vì chắc chắn họ sẽ thọ quả báo khổ.

Này Thiện nam tử ! Vì tất cả chúng sanh quyết định được Vô thượng Bồ đề nên Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nhưng thật ra, chúng sanh chưa có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Do nghĩa đó, mà Như Lai nói kệ rằng:

Trước có nay không

Trước không nay có

Ba đời có pháp

Nghĩa này không đúng.

Này Thiện nam tử ! Có ba thứ có: Một, vị lai có. Hai, hiện tại có. Ba, quá khứ có. Tất cả chúng sanh đang có phiền não, cho nên không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tất cả chúng sanh đã có dứt trừ phiền não nên hiện tại được thấy Phật tánh. Do nghĩa đó, Phật thường tuyên nói: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh nhĩ đến nhất xiển đề cũng có Phật tánh".

Nhất xiển đề không có pháp lành. Phật tánh là pháp lành, vị lai họ sẽ có. Nhất xiển đề đều có Phật tánh, vì họ quyết định thành Vô thượng Bồ đề. Ví như có người trong nhà có sữa, có người hỏi: Anh có "bơ" không ? Đáp rằng: Tôi có. Sữa hiện tại không phải "bơ", do phương tiện khéo léo chế biến thành "bơ". Chúng sanh cũng vậy, tất cả đều có tâm. Phàm người có tâm sẽ được thành Vô thượng Bồ đề. Do nghĩa đó, Phật thường tuyên nói: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh".

Này Sư Tử Hống Bồ tát ! Phật tánh cũng gọi là Thủ Lăng Nghiêm tam muội, tối tôn, tối thượng, như đề hồ đối với sữa, tô, lạc vậy. Do sức của Thủ Lăng Nghiêm tam muội mà chư Phật được thường, lạc, ngã, tịnh. Tất cả chúng sanh đều có tam muội ấy, vì không biết tu hành mà chẳng được thấy, vì không được thấy cho nên không được thành Vô thượng Bồ đề.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh cũng là sắc, cũng là phi sắc; cũng là tướng, cũng là phi tướng; cũng là một, cũng là chẳng phải một; cũng là thường, cũng chẳng phải thường; cũng là đoạn, cũng chẳng phải đoạn; cũng là có, cũng là không; cũng chẳng phải có, cũng chẳng phải không; cũng là nhọn, cũng là chẳng phải nhọn; cũng là quả, cũng là chẳng phải quả; cũng là nghĩa lý, cũng là chẳng phải nghĩa lý; cũng là danh tự, cũng là chẳng phải danh tự; cũng là lạc, cũng là khổ, cũng là chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; cũng là ngã, cũng là chẳng phải ngã; cũng là không, cũng là chẳng phải không.

Này Sư Tử Hông ! Phật tánh "rời" tất cả tướng "là" tất cả pháp. Phật tánh không ở trong, không ở ngoài cũng không ở trung gian; vô sở tại, vô sở bất tại !

Này Thiện nam tử ! Phật tánh chẳng phải ngũ âm, thập nhị nhập, thập bát giới; chẳng phải trước không nay có; chẳng phải có rồi trở lại không, từ nhọn lành mà chúng sanh được thấy. Ví như khối sắt đen, đưa vào lửa đốt thì đỏ, lấy ra ngoài thì trở lại đen. Màu đen của khối sắt không ở trong, không ở ngoài, không tìm đâu cho có. Tuy nhiên, do nhọn duyên mà có. Phật tánh cũng như vậy, lửa phiền não tắt dứt thì chúng sanh được thấy, được nghe như hạt giống biến diệt thì mầm mống mọc lên, nhưng tánh mầm mống này chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài cho đến như bông trái cũng vậy, đều theo duyên mà có.

Đại Niết bàn là kết quả của vô lượng công đức duyên lành; Phật tánh cũng vậy, do gieo trồng vun quén vô lượng vô biên công đức duyên lành mà được thấy.

Sư Tử Hông Bồ tát thưa: Bạch Thế tôn ! Bồ tát tu hành tốt, bao nhiêu pháp được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng ? Chư Phật Thế tôn thành tựu bao nhiêu pháp mà được thấy Phật tánh rõ ràng ?

Phật bảo: Này Thiện nam tử ! Bồ tát tu hành tốt mười pháp, dù được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng. Một, thiếu dục. Hai, tri túc. Ba, tịch tịnh. Bốn, tinh tấn. Năm, chánh niệm. Sáu, chánh định. Bảy, chánh tuệ. Tám, giải thoát. Chín, tán thán giải thoát. Mười, dùng Đại Niết bàn giáo hoá chúng sanh.

Sư Tử Hồng Bồ tát thưa: Bạch Thế tôn ! Thiếu dục là chẳng tham cầu, chẳng cất chứa. Tri túc là lúc được ít lòng không tiếc hận. Thiếu dục là ít mong muốn. Tri túc là chỉ vì pháp sự, lòng không sâu hận ưu phiền.

Này Thiện nam tử ! Dục có ba thứ: Một, ác dục. Hai, đại dục. Ba, dục dục.

Ác dục là tham muốn địa vị danh vọng hơn người. Muốn làm thượng thủ trong tăng đoàn để quốc vương đại thần, nhân dân trăm họ tôn trọng cung kính ta, để cho ta được nhiều sự nghiệp, lợi dưỡng. Sự đa dục này chỉ là sự mong muốn nối dòng sanh tử luân hồi cho nên gọi là ác dục.

Đại dục là mong muốn làm sao cho đại chúng biết rằng ta là người chứng đắc đạo quả: Sơ trụ...Thập trụ hẳn đến Vô thượng Bồ đề. Sự mong muốn này, chỉ vì hư danh và lợi dưỡng mà không mong cầu thực nghĩa, một sự mong muốn không bờ mé cho nên gọi là đại dục.

Dục dục là ước muốn cho mình được sanh làm Phạm thiên, Ma thiên, Tự tại thiên, Chuyển luân thánh vương, Sát đế lợi, Bà la môn...Sự ước muốn này, cũng chỉ vì lợi dưỡng, không có lý tưởng cao đẹp gì khác, đây gọi là dục dục.

Người không bị ba thứ ác dục này làm hại, gọi là người thiếu dục. Lại nữa, dục còn gọi là hai mươi lăm cõi. Hai mươi lăm cõi chính là hai mươi lăm đối tượng "ái" của con người. Vượt khỏi hai mươi lăm cảnh "sở ái" thì gọi là thiếu dục. Được an vui, được giải thoát mà không tham đắm gọi là tri túc. Chẳng cầu sự cung kính của người khác gọi là thiếu dục. Được cúng dường mà không tích trữ gọi là tri túc.

Bạch Thế tôn ! Sư Tử Hồng thưa: Tịch tịnh là thế nào ?

Phật bảo: Tịch tịnh có hai: Một, tâm tịnh. Hai, thân tịnh. Thân tịch tịnh là không tạo ba điều ác do thân. Tâm tịch tịnh là không tạo ba điều ác do ý. Đây gọi là thân tâm tịch tịnh.

Thân tịch tịnh thì không gán gũi với bốn chúng, không dự việc của bốn chúng. Tâm tịch tịnh thì không buông thả để khởi niệm tham dục, sân nhuế và ngu si. Đây gọi là thân tâm tịch tịnh.

Lại có trường hợp: Thân tịch tịnh, tâm không tịch tịnh; Tâm tịch tịnh, thân không tịch tịnh; có trường hợp thân tâm không tịch tịnh, cũng có trường hợp thân tâm tịch tịnh.

Thân tâm đều chẳng tịch tịnh đó là hàng bạc địa phàm phu và hạng người nhất xiển đề.

Thế nào gọi là tinh tấn ? Nếu có người tu muốn cho thân, khẩu, ý nghiệp thanh tịnh, xa lìa tất cả hạnh nghiệp bất thiện mà tu tập tất cả thiện nghiệp. Đây gọi là tinh tấn. Người tu hạnh tinh tấn thường giữ chánh niệm, niệm sáu đối tượng: Phật, Pháp, Tăng, Giới, Thí và Đệ nhất nghĩa thiên.

Người có chánh niệm thì cũng có chánh định. Có chánh định thì quán sát thấy các pháp dường như hư không, cho nên đồng thời có chánh tuệ. Người có chánh tuệ thì có khả năng xa lìa tất cả kiết sử phiền não. Do vậy mà có giải thoát. Người có giải thoát, rồi vì chúng sanh mà tán thán giải thoát: Rằng giải thoát là thường hằng và không diệt hoại, không biến đổi, giải thoát chính là Vô thượng Đại Niết bàn. Niết bàn còn có nghĩa là lữa phiền não đã tắt hết. Do vậy, Niết bàn cũng gọi là nhà cửa, vì có thể ngăn bít mưa gió phiền não. Niết bàn còn có nghĩa là còn bãi, vì bốn con sông lớn hung bạo chẳng thể chảy trôi: đó là dục bạo, hữu bạo, kiến bạo và vô minh bạo không xâm lược sỏi mòn được. Lại nữa, Niết bàn còn gọi là về đến chốn, vì được tất cả sự an lạc hoàn toàn trọn vẹn.

Nếu Bồ tát tu tốt mười pháp như vậy thì được thấy Phật tánh. Tuy nhiên, cái thấy Phật tánh của Bồ tát ấy chưa rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Do tuệ nhãn mà thấy Phật tánh thì chẳng được rõ ràng. Dùng Phật nhãn mà thấy thì thấy được rõ ràng. Vì Bồ đề hành như Bồ đề thì chẳng rõ ràng, nếu vô hành, vô tác, vô nguyện thì thấy được rõ ràng. Trụ nơi hạnh thập trụ thì dù thấy mà chẳng rõ ràng, nếu chẳng trụ, chẳng đi thì thấy Phật tánh được rõ ràng. Đại Bồ tát vì như trí tuệ mà thấy, nên chẳng thấy rõ ràng; chừ Phật vượt qua như quả, dứt hết như quả cho nên thấy Phật tánh rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Thấy có hai thứ: Một, mắt thấy. Hai, nghe thấy. Chừ Phật mắt thấy Phật tánh như thấy trái quít để trên bàn tay. Bồ tát nghe thấy:

Rằng "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh" rồi Bồ tát tin biết chắc thật bằng tư duy nhận thức của mình, gọi đó là Bồ tát nghe thấy.

Nếu có Thiện nam tử, thiện nữ nơn muốn thấy Như Lai phải tu học mười hai bộ kinh, nên thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng thuyết.

Sư Tử Hống Bồ tát thưa: Bạch Thế tôn ! Tất cả chúng sanh muốn biết tâm tướng Như Lai, phải tư duy, quán tưởng như thế nào, để được biết?

Phật bảo: Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh chẳng có thể biết được tâm tướng của Như Lai, nhưng nếu muốn quán sát để được biết thì cần có hai nơn duyên: Một, mắt thấy. Hai, tai nghe thấy. Nếu thấy thân nghiệp của Như Lai, đây gọi là mắt thấy. Nếu thấy khẩu nghiệp của Như Lai, đây gọi là nghe thấy. Nếu thấy sắc mạo tướng hảo trang nghiêm của Như Lai, tất cả chúng sanh không ai sánh bằng được, đây là mắt thấy. Nếu nghe pháp âm vi diệu của Như Lai, không đồng với những âm thanh triền phược của chúng sanh, đây là nghe thấy.

Giả sử có người tự hỏi: Tại sao Như Lai thọ thân ? Như Lai thọ thân vì ai hay vô cớ ? Đây gọi là con mắt thấy. Nếu quán niệm Như Lai thuyết pháp thế nào ? Vì ai mà thuyết ? Thuyết nhằm mục đích gì ? Đây gọi là nghe thấy ? Có người sử dụng những nghiệp ác gia hại Như Lai mà Như Lai không sân hận. Đây là mắt thấy. Dùng nghiệp ác của miệng thóa mạ, phỉ báng Như Lai, thế mà Như Lai bất động. Đây gọi là nghe thấy.

Sư Tử Hống Bồ tát thưa: Bạch Thế tôn ! Vì lẽ gì mà một thầy Tỳ kheo, một người phát tâm tu hành cần phải thọ trì cấm giới ?

Phật bảo: Này Thiện nam tử ! Người tu hành, một Tỳ kheo trì giới là: Vì tâm không hối hận; vì tâm không hận mà thọ dụng sự an vui; do thọ dụng sự an vui mà xa lìa bức não; vì xa lìa bức não mà tâm an ổn; do tâm an ổn mà có thiền định; vì có thiền định mà có tri kiến chơn chánh. Do có tri kiến chơn chánh mà thấy lỗi quấy, họa hại của sanh tử. Do thấy lỗi họa sanh tử mà tâm chẳng đắm nhiễm; vì tâm chẳng đắm nhiễm mà được giải thoát. Do vì giải thoát mà có Đại Niết bàn vô thượng; vì được Đại Niết bàn vô thượng mà thể nhập bốn đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Do thọ dụng đức Thường, đức Lạc, đức Ngã, đức Tịnh mà vĩnh ly sanh diệt, được bất sanh bất diệt; thể

nhập bất sanh bất diệt là người thấy PHẬT TÁNH. Vì duyên có ấy, mà Bồ tát tu hành tự hay trì giới chín chắn viên mãn mà không tìm hỏi lý do.

Này Thiện nam tử ! Thầy Tỳ kheo trì giới dù chẳng phát nguyện cầu tâm không hối hận...cho đến không mong cầu thấy Phật tánh, nhưng tự nhiên được tất cả. Tại vì Pháp tánh vốn như vậy.

TRỰC CHỈ

NGHI là một tâm sở hữu pháp, là một trong sáu món phiền não căn bản, cũng là một trong năm món tư hoặc. Ở kinh Đại Niết bàn này, Phật dạy: Nghi là pháp chương đạo. Sự thật, nếu phản quan tự kỷ ta sẽ thấy trong cuộc sống ta còn có vô số điều nghi.

Nghi chương đạo đó là sự thật. Đại nghi đại ngộ lại cũng là sự thật. Lợi hại tùy cách ứng dụng

Như Lai viên mãn "nhất thiết chủng trí" cho nên Như lai giải đáp tất cả nghi vấn bất cứ từ ai. Tuy nhiên, người hỏi cũng cần biết căn cơ trình độ của mình.

Phước đức là nhân tu. Trí tuệ là quả sở chứng. Phước đức trang nghiêm là hữu vi. Trí tuệ trang nghiêm là vô vi. Phước đức trang nghiêm còn nói nhân quả. Trí tuệ trang nghiêm vượt ra ngoài nhân quả.

Thực tánh của các pháp không hai, nhưng không được nói một. Bởi vì không có cái tuyệt đối cực đoan. "Tương đối" là thực nghĩa của hiện tượng vạn pháp. Cái từ "trung đạo" của Phật giáo dạy cho những người có trí: Rằng phải nhận thức hiện tượng vạn pháp qua tánh cách "tương đối" của chính chúng nó.

Hãy tư duy, nhận thức vạn pháp qua trí "bình đẳng tánh", qua tánh "trung đạo" phi hữu, phi vô, phi thiện, phi ác, phi nhất, phi dị... Tư duy quán chiếu như vậy, theo Hoa Nghiêm tôn gọi là "châu biến hàm dung quán".

Phật tánh chỉ là ngôn từ chỉ tánh trong sáng, tánh thanh tịnh, tánh an lạc không có lẫn lộn tánh hắc ám, vô minh đau khổ. Cho nên Phật tánh gọi là "đệ nhất nghĩa không". Đệ nhất nghĩa không cũng chỉ là một cái tên gọi khác vậy thôi. Đừng hỏi nữa !

Là đệ tử Phật, để tâm học kỹ ba pháp quán niệm tư duy: "Giả quán". "Không quán" rồi "TRUNG ĐẠO QUÁN". Đó là quá trình diễn biến theo qui luật "phủ định của phủ định" của hiện tượng hữu vi vật chất.

Dù có Phật tánh, nhưng nếu không tu hành thiện pháp không thành Phật được. Ví như vàng trong quặng phải nấu lọc mới thành vàng ròng.

Nhìn mặt vô vi thực tướng, các pháp ba đời đều không.

Nhìn mặt hữu vi duyên sanh các pháp ba đời đều có. Biết có là có thế nào ? Biết không là không thế nào ? Đó là cái biết TRUNG ĐẠO.

Phật tánh rời ngoài tất cả tướng. Phật tánh chính là tất cả pháp. Phật tánh với hiện tượng vạn pháp không phải "là" mà không phải "ngoài". Hiểu như thế là hiểu TRUNG ĐẠO ĐỆ NHẤT NGHĨA trong giáo lý Phật.

Lục dục là dục mà tất cả phàm phu muốn dứt khổ cần phải xa tránh. Kinh Đại Bát Niết bàn Phật chỉ nói ba dục: Ác dục, Đại dục và Dục dục. Ba dục này, người cầu đạo Bồ đề Niết bàn Vô thượng phải xa tránh.

Động cơ sản sanh ba thứ tham dục ấy là: danh vọng, địa vị, tiền tài, sản nghiệp của thế gian và ngay cả thời gian gọi là hành đạo, chứng đạo của người tu hành chưa gặp được "ông chủ" của mình.

Tịch tịnh có: Thân tịch tịnh. Tâm tịch tịnh. Thân tâm đều tịch tịnh. Thân tâm đều không tịch tịnh. Đó là những thứ tịch tịnh người hành đạo chú ý quan tâm. Cảnh tịch tịnh chỉ là một trợ duyên nhỏ, thậm chí rất nhỏ trên đường tu tịch tịnh. Thấy hoặc nghe những vị "tu hành" thông cáo với bàn dân thiên hạ rằng: "nhập thất" vĩnh viễn hoặc kỳ hạn...tháng...năm..., người trí nghe là biết, biết rõ những gì trong bụng nhà tu ấy rồi!

Tinh tấn có nghĩa là luôn giữ gìn thân, khẩu, ý trong sáng, xa lìa nhiễm ô ba nghiệp. Tư duy chánh niệm: Niệm Phật, pháp, tăng, giới, thí và đệ nhất nghĩa thiên...

Giới cấm trong đạo Phật không phải là giáo điều chế ra để bắt buộc ai đó phải tuân theo. Giới ví như nước. Nước để rửa sạch bụi nhơ. Giới để rửa sạch vô minh phiền não. Giữ được nhiều giới như người có nhiều nước sạch. Tắm trong bể nước sạch ắt hẳn bụi nhơ không nhuốm được.

Có giới là có tất cả pháp lành; cho đến tự có cả Niết bàn, Phật tánh, Bồ đề
vô thượng, không cần truy cứu nguyên nhân . /.

---o0o---

HẾT